

**ABHIDHAMMA PITAKA  
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA  
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

Tập III - Chương thứ V

**VITHÌMUTTA SAṄGAHA – II**  
**TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH – QUYỀN II**  
**(Kammacatukka - Maraṇuppatticatukka)**  
(Nghiệp Lực Tứ Phần - Tử Vong Khởi Sanh Tứ Phần)

Tác Giả: **SADDHAMMA JOTIKA DHAMMACÀRIYA**  
Dịch Giả: **Bhikkhu PASÀDO**

P.L. 2560

D.L. 2016

## LỜI MỞ ĐẦU

(của Ngài Đại Trưởng Lão *Saddhamma Jotika*)

Lẽ thường thì khó mà bảo quản được vật báu có giá trị cao quý, nó cần phải nương vào người có sự hiểu biết trong việc bảo quản, có sự quan tâm để ý đến và phải là người có Phước Báo Ba La Mật. Khi hội đủ cả ba đặc tính này rồi, thì mới có khả năng bảo quản được vật có giá trị quý báu ấy, cho được bền vững lâu dài mà không bị hư hoại. Nếu thiếu đi người mà có phẩm hạnh như đã được đề cập đến ở đây, thì tài sản có giá trị cao quý ấy có thể hăng là bị hư hoại đi. Chẳng hạn như người mà được tiếp nhận tài sản của thừa kế từ nơi người Mẹ người Cha hoặc Quyển Thuộc, thì một vài người có khả năng quản lý tài sản của cải ấy cho được thành tựu một cách tốt đẹp xuyên suốt cho đến hàng con cháu. Tất cả sự việc này là cũng do bởi người ấy đã hội túc duyên với đủ cả ba thể loại ân đức ấy. Một vài người khi đã tiếp nhận của di sản mà đã được truyền thụ thì lại không có khả năng để quản lý trông nom tài sản của cải ấy cho được bền vững lâu dài; hoặc với tâm không có sự hiểu biết trong việc bảo quản; hoặc không có sự quan tâm để ý đến trong việc bảo quản khiến cho bị tổn thất hư hoại đi; hoặc là người vô phúc thiếu âm đức để bảo quản tài sản ấy, để cho phải bị nạn hỏa tai, hoặc bị nạn đao tặc, hoặc bị nạn thủy tai, hay là bị nạn Vua Quan tịch thu. Điều này như thế nào thì trong lãnh vực tri kiến hiểu biết ở điều trọng yếu, truyền thống đạo đức tốt đẹp thì cũng giống như vậy. Nếu thiếu đi người có sự hiểu biết trong việc bảo quản, thì tri kiến hiểu biết ở điều trọng yếu, hay là truyền thống đạo đức hăng là thường luôn bị hư hoại đi. ***Trái lại thay vào đó, tri kiến hiểu biết và truyền thống đạo đức lại có liên quan đến việc dưỡng nuôi Ái Dục (Tanhà), Ngã Mạn (Màna), và Tà Kiến (Ditthi).*** Do bởi lý do này mới cần phải có người có sự hiểu biết và có sự quan tâm để ý đến trong việc bảo quản điều tốt đẹp này; đến để trông nom, gìn giữ và bảo hộ điều tốt đẹp này cho được tồn tại bền vững lâu dài.

Trong thời buổi hiện tại này, thì truyền thống đạo đức và tri kiến hiểu biết ở trong lãnh vực Phật Giáo hăng là đã bị tiêu hoại đi chẳng phải là không ít. Tất cả sự việc này là cũng do bởi người dân trong những quốc độ ấy ***không có sự thâm thấu hiểu biết, hoặc không có sự quan tâm để ý đến việc bảo quản, hoặc chính thực bản thân mình là vô phước vô phần để sẽ được trông nom gìn giữ.*** Chẳng hạn như ở trong đất nước Ấn Độ, thoạt đầu thì tri kiến hiểu biết trong lãnh vực Phật Giáo quả là tốt đẹp, việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát thật là tốt đẹp, hoặc truyền thống đạo đức ở phần trau giồi tu tập một cách thường nhiên thật là tốt đẹp, và đã có sự tiến hóa cực thịnh ở trong thời kỳ ấy. Tuy nhiên trong thời buổi hiện tại này thì những sự tiến hóa về các sự việc ấy đã bị tiêu hoại đi đến nỗi gần như đã bị hoại diệt. Khi đã được nhìn thấy sự hiện hành của tất cả người dân hiện hữu ở nơi quốc độ ấy trong thời điểm này rồi, thì chắc có lẽ hoàn toàn không thể tin được rằng đã từng là đất nước có nền Phật Giáo cực thịnh trước kia, là bởi

do có được tiếp xúc từ tri kiến hiểu biết và truyền thống đạo đức thông qua việc thực hành theo Giáo Pháp của cái cũ và cái mới, mà liên quan với việc dưỡng nuôi làm thỏa mãn phần lớn về *Ái Dục*, *Ngã Mạn*, và *Tà Kiến*. Sự hiện hành như vậy, chẳng phải chỉ có riêng biệt là ở trong đất nước Ấn Độ không thôi, thậm chí ở trong đất nước khác mà đã từng có sự phát triển với tri kiến hiểu biết (*Pháp Học*) và việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát (*Pháp Hành*), truyền thống đạo đức và xuyên suốt cho đến lẽ nghĩa của người dân ở trong đất nước ấy, cũng có sự việc này sự việc nọ và cũng bị tiêu hoại đi tương tự như nhau. Thêm vào đó hết tất cả lại thay thế với phần đức tin sai khác, phần tri kiến hiểu biết sai khác, phần truyền thống đạo đức sai khác, thì những thế hệ trẻ sau này không có ai có thể hiểu biết được một cách thấu đáo với sự việc xảy ra, đua nhau hiểu biết đi theo tri kiến của người có quyền lực đang hiện bày trong thời lúc hiện tại này.

Tri kiến hiểu biết (*Pháp Học*) và việc trau dồi tu tập (*Pháp Hành*) trong lãnh vực Phật Giáo có ân đức cao quý đó, chính là tri kiến hiểu biết trong Tạng Vô Tỷ Pháp và việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát. Sự việc Bản Đạo đề cập đến như vậy, chẳng phải vì Bản Đạo là vị Giáo Thọ giảng dạy Tạng Vô Tỷ Pháp mới có đề cập đến như vậy. Việc Bản Đạo đề cập tại đây là thể theo sự thật, là theo nền tảng của Phật Ngôn và thành quả Chú Giải Phụ Chú Giải mà đã được gặt hái từ sự nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp và tu tập Thiền Minh Sát đã đang hiện bày ở trong hàng Phật Tử, đó là nền tảng xác chứng hiện thực, do đó không cần phải đề cập dông dài cho thêm nhiều chi tiết nữa. Còn thành quả của việc gặt hái từ sự nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp và tu tập Thiền Minh Sát sẽ bị hư hoại đi là của người không chính chắn tu tập, luôn cả không có tâm thức thanh tịnh, cũng thường hằng có là lẽ thường nhiên, tuy nhiên không phải là số lượng nhiều. Chỉ đến trong thời kỳ của Đức Phật, khi mà bậc Chánh Đẳng Giác vẫn đang còn hiện hữu, thì thành quả này bị hư hoại đi, cũng vẫn có ở trong cả hạng người xuất gia và tại gia.

Chính việc nhận thấy của Bản Đạo như đã đề cập đến tại đây, làm thành nguyên nhân khiến cho Bản Đạo gắng sức nỗ lực giảng dạy và soạn tác những kinh điển mà có liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp và phương hướng tu tập Thiền Minh Sát trong thời gian mười hai năm qua, với hy vọng sẽ làm cho người có tâm vui thích học hỏi Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác được thấu hiểu đến phần Giáo Pháp thậm thâm vi tế, tức là Tạng Vô Tỷ Pháp này vậy.

Quyển kinh sách này đã được hoàn thành cũng do nhờ vào sự hợp tác của các học viên trong lãnh vực biên soạn; *Guṇavaṇṇi*, *Komesa* là những người giúp đỡ về phương diện tài chánh và cũng có rất nhiều học viên đã hợp cùng nhau trong việc đóng góp. Bản Đạo xin được tùy hỷ công đức (*Anumodanà*) và xin có lời chúc phúc như tiếp theo đây:

*Te attha laddhà sukhità  
Arogà sukhità hontu*

*Viruḷhà Buddhasàsane  
Saha sabbehi ñàtibhi.*

Cầu xin tất cả Quý Ngài cho được thành người am tường việc tiến hóa lợi ích, và cho có được Thân Tâm an lạc; cho được thành người tăng tiến phát triển sung thiện và cho có được chứng đạt Đạo Quả trong Phật Giáo; và cho được thành người không có ốm đau bệnh tật, sầu khổ ưu não bất luận trong trường hợp nào, và chỉ có Tâm an lạc cùng luôn tất cả thân bằng quyến thuộc của Quý Ngài ở cả bên Nội và bên Ngoại đồng cùng nhau hết cả thấy.

*Saddhamma Jotika Dhammàcariya*  
Ngài Giáo Thọ Chánh Pháp Quang Minh  
Ngày 15 Tháng Bảy Phật Lịch 2503

-----00000-----

### **PHI LỘ**

(của Ngài Đại Trưởng Lão *Tịnh Sự*)

Chúng tôi phiên dịch Tạng Vô Tỷ Pháp (Tạng Diệu Pháp) cũng không ngoài ra Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

Chỉ về Hữu Vi cho chúng ta thấy rõ Vô Thường, Khổ Não và Vô Ngã để làm bàn đạp, qua rồi mới hoàn toàn rớt ráo rất thật tự nhiên, nêu danh là Níp Bàn (*Nibbàna*) không Luân Hồi Sanh Tử chi cả.

Nhưng chúng ta muốn hiểu thấu, Đắc Chứng chắc phải nhờ Học Hành đầy đủ, hầu tránh khỏi sai lầm và mê tín.

Vì thế nên chúng tôi cố gắng đem lời kinh nghiệm uyển chuyển rất nhiều lần đa cách.

Nay in ra để giúp Quý Bạn đồng tìm.

Mong lợi ích kiến thức cùng nhau tiến hóa.

*Santakicco Mahà Thera*  
(Ngài Đại Trưởng Lão *Tịnh Sự*)

-----00000-----

### **KINH VÔ NGÃ TƯỚNG (ANATTALAKKHAṆA SUTTA)**

Tôi đã đặng nghe như thế này:  
Một thưở kia Phật Ngài đang ngự

Rừng Đạo Sĩ gần thành Ba Na Si  
Lúc Thế Tôn, Ngài thuyết Pháp  
Đề độ bọn năm Thầy  
Này Tỳ Khuru tất cả,  
Sắc thân Vô Ngã.  
Này các Thầy Tỳ Khuru,  
Nếu Sắc thân mà Hữu Ngã,  
Thời chẳng có sự Khổ Đau,  
Lại phải tùy theo ý muốn,  
Mới cho là Sắc Uẩn của Ta.  
Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khuru,  
Sắc thân Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.  
Lại cũng không theo ý muốn,  
Chớ cho là Sắc Uẩn của Ta.  
Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
Thọ Uẩn Vô Ngã,  
Này các Thầy Tỳ Khuru,  
Nếu Thọ Uẩn mà Hữu Ngã,  
Thời chẳng có sự Khổ Đau.  
Lại phải tùy theo ý muốn,  
Mới cho là Thọ Uẩn của Ta.  
Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khuru,  
Thọ Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.  
Lại cũng không theo ý muốn,  
Chớ cho là Thọ Uẩn của Ta.  
Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
Tưởng Uẩn Vô Ngã,  
Này các Thầy Tỳ Khuru,  
Nếu Tưởng Uẩn mà Hữu Ngã,  
Thời chẳng có sự Khổ Đau.  
Lại phải tùy theo ý muốn,  
Mới cho là Tưởng Uẩn của Ta.  
Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khuru,  
Tưởng Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.  
Lại cũng không theo ý muốn,  
Chớ cho là Tưởng Uẩn của Ta.  
Bảo như thế này đừng như thế nọ.

Hành Uẩn Vô Ngã,  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Nếu Hành Uẩn mà Hữu Ngã,  
 Thời chẳng có sự Khổ Đau.  
 Lại phải tùy theo ý muốn.  
 Mới cho Hành Uẩn của Ta,  
 Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
 Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khuru,  
 Hành Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.  
 Lại cũng không theo ý muốn.  
 Chớ cho là Hành Uẩn của Ta.  
 Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
 Thức Uẩn Vô Ngã,  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Nếu Thức Uẩn mà Hữu Ngã,  
 Thời chẳng có sự Khổ Đau.  
 Lại phải tùy theo ý muốn.  
 Mới cho là Thức Uẩn của Ta,  
 Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
 Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khuru,  
 Thức Uẩn Vô Ngã, mới có sự Khổ Đau.  
 Lại cũng không theo ý muốn.  
 Chớ cho là Thức uẩn của Ta,  
 Bảo như thế này đừng như thế nọ.  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Suy xét như thế nào,  
 Sắc Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, Sắc Uẩn không bền !  
 Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?  
 Bạch Đức Thế Tôn,  
 Những chi không bền là khổ não !  
 Hằng có sự đổi thay.  
 Vậy chớ chấp theo thường thức,  
 Ta như vậy như vậy,  
 Hay là nhân vật của Ta chẳng ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Suy xét như thế nào,  
 Thọ Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, Thọ Uẩn không bền !

Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?  
 Bạch Đức Thế Tôn,  
 Những chi không bền là khổ não !  
 Hằng có sự đổi thay,  
 Vậy chớ chấp theo thường thức,  
 Ta như vậy như vậy,  
 Hay là nhân vật của Ta chăng ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Suy xét như thế nào,  
 Tướng Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, Tướng Uẩn không bền !  
 Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?  
 Bạch Đức Thế Tôn,  
 Những chi không bền là khổ não !  
 Hằng có sự đổi thay,  
 Vậy chớ chấp theo thường thức,  
 Ta như vậy như vậy,  
 Hay là nhân vật của Ta chăng ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Suy xét như thế nào,  
 Hành Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, Hành Uẩn không bền !  
 Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?  
 Bạch Đức Thế Tôn,  
 Những chi không bền là khổ não !  
 Hằng có sự đổi thay,  
 Vậy chớ chấp theo thường thức,  
 Ta như vậy như vậy,  
 Hay là nhân vật của Ta chăng ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !  
 Nay các Thầy Tỳ Khuru,  
 Suy xét như thế nào,  
 Thức Uẩn vững bền, hay là không bền vững ?  
 Bạch Đức Thế Tôn, Thức Uẩn không bền !  
 Những chi không bền, thời khổ não hay yên vui ?  
 Bạch Đức Thế Tôn,  
 Những chi không bền là khổ não !  
 Hằng có sự đổi thay,

Vậy chớ chấp theo thường thức,  
Ta như vậy như vậy,  
Hay là nhân vật của Ta chăng ?  
Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nên theo như thế !  
Bởi vậy này các Thầy Tỳ Khuru,  
Mỗi những điều vật chất,  
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,  
Hoặc bên trong bên ngoài,  
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,  
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Sắc Uẩn.  
Đều chẳng phải của Ta !  
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.  
Tất cả nên hiểu biết,  
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.  
Mỗi những điều húng chịu,  
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,  
Hoặc bên trong bên ngoài,  
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,  
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Thọ Uẩn.  
Đều chẳng phải của Ta !  
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.  
Tất cả nên hiểu biết,  
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.  
Mỗi những điều nhớ tưởng,  
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,  
Hoặc bên trong bên ngoài,  
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,  
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Tưởng Uẩn.  
Đều chẳng phải của Ta !  
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.  
Tất cả nên hiểu biết,  
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.  
Mỗi những điều tạo tác,  
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,  
Hoặc bên trong bên ngoài,  
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,  
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Hành Uẩn.  
Đều chẳng phải của Ta !  
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.  
Tất cả nên hiểu biết,



Nương theo Trí thật thấy cao siêu.  
Mỗi những điều tạo tác,  
Nào quá khứ, hiện tại, vị lai,  
Hoặc bên trong bên ngoài,  
Hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu,  
Hoặc gần hoặc xa, thế chỉ là Thức Uẩn.  
Đều chẳng phải của Ta !  
Cách nào cũng chẳng phải là Ta.  
Tất cả nên hiểu biết,  
Nương theo Trí thật thấy cao siêu.  
Này các Thầy Tỳ Khuru,  
Bậc Thịnh Văn Thánh Quả,  
Đã đặng nghe Pháp này, nên chán tất cả Uẩn.  
Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức,  
Khi chán nản đặng rồi,  
Thì lòng nhiễm như phai lảng,  
Do phai lảng đó, Tâm mới đặng rảnh rang.  
Liên phát sanh giải thoát tri kiến,  
Đến Bậc Thịnh Văn Tứ Quả,  
Vẫn biết rõ rệt như thế này,  
Đây là kiếp chót của Ta,  
Phạm Hạnh Ta nay đều hoàn bị,  
Việc đáng làm Ta đã xong xuôi,  
Nào việc khác chẳng còn chi nữa,  
Đức Thế Tôn, Ngài thuyết pháp rồi,  
Năm Thầy Tỳ Khuru tất cả,  
Lòng rất hớn hở vui mừng,  
Vói lời vàng của Đức Phật.  
Đây là quy phạm của Phật nói ra,  
Cả năm Thầy đều giải thoát,  
Xa lìa Tứ Lậu, Pháp Thủ cũng phai.

*Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự** (Thế Danh: **Võ Văn Đang**)*

*Thứ Năm ngày 17 tháng 08 – 1962 / 2505 P.L.*

*Ngày 16 tháng 7 Năm Nhâm Dần (Âm Lịch)*

*Viên Giác Tự - Xã Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long*

-----00000-----

**PARAMATTHAJOTIKA - SIÊU LÝ QUANG MINH**  
**MAHÀABHIDHAMMATTHASANGAHATÌKÀ**  
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP ĐẠI PHỤ CHÚ GIẢI

**CHƯƠNG THỨ NĂM - VITHÌMUTTASANGAHA**  
TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH (QUYỂN II)

-----

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMÀSAMBUDHASSA**  
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP PHẦN PÀLI NGŨ VÀ  
LỜI DỊCH ĐỂ HỌC THUỘC LÒNG

**Trình Bày Mẫu Đề Tam Về Bộ Tứ Phần (*Catukka*)**

*Catasso bhūmiyo catubbidhā paṭisandhi cattāri kammāni catudhā  
Marāṇuppatti ceti vithimuttasaṅgahe cattāri catukkāni veditabbāni.*

*Trong sự tổng hợp của Tâm Thoát Ly Lộ Trình, có bốn thể loại, bốn thứ cần  
được biết, tức là bốn Địa Giới, bốn sự Tái Tục, bốn loại Nghiệp Lực, và bốn  
Nguyên Nhân của sự Tử Vong.*

*Trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình nên hiểu biết về bốn thể loại, đó là:*

- 1. Địa Giới Tứ Phần (*Bhūmicatukka*),*
- 2. Tái Tục Tứ Phần (*Paṭisandhicatukka*),*
- 3. Nghiệp Lực Tứ Phần (*Kammacatukka*) và*
- 4. Tử Vong Khởi Sanh Tứ Phần (*Marāṇuppatticatukka*).*

**KAMMACATUKKA – NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN**  
**TRÌNH BÀY 16 LOẠI NGHIỆP LỰC ĐƯỢC PHÂN THÀNH BỐN NHÓM**

*1. Janakam upatthambhakaṃ upaṭṭilakaṃ upaghātakañceti kiccavasena -*  
Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo *Sự Vụ (Kicca)* có được bốn thể loại, đó là:

- 1. Xuất Sinh Nghiệp Lực (*Janakakamma*):* Nghiệp Lực thường hay tác  
hành cho sanh khởi *Quả Dị Thục (Vipāka)*.
- 2. Bảo Hộ Nghiệp Lực (*Upathambhakakamma*):* Nghiệp Lực thường  
hay giúp đỡ ủng hộ các Nghiệp Lực khác.

3. *Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīlakakamma)*: Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, cản trở các Nghiệp Lực khác.
4. *Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma)*: Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả (*Phala*) của các Nghiệp Lực khác.

**2. *Garukam āsannaṃ aciññaṃ kaṭattākammañceti pākadānapariyāyena*** - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo tuần tự của việc trở sanh quả báo có được bốn thể loại, đó là:

1. *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)*: Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được.
2. *Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)*: Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung.
3. *Tập Quán Nghiệp Lực (Āciñnakamma)*: Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành.
4. *Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)*: Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba Nghiệp ấy, hoặc Nghiệp Lực từng tác hành tích trữ ở trong kiếp vị lai.

**3. *Diṭṭhadhammavedanīyaṃ upapajjavedanīyaṃ aparāpariyavedanīyaṃ ahoṣikammañceti pākakālavasena cattāri kammāni nāma*** - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo thời gian trở sanh Quả Báo có được bốn thể loại, đó là:

1. *Hiện Báo Nghiệp Lực (Diṭṭhadhammavedanīyakamma)*: Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống hiện tại này.
2. *Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma)*: Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ hai.
3. *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma – Sanh Báo Nghiệp)*: Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, cho đến khi sẽ viên tịch Níp Bàn.
4. *Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahoṣikakamma)*: Nghiệp Lực không trở sanh Quả Báo.

**4. *Tathā akusalaṃ kāmāvacarakusalaṃ rūpāvacarakusalaṃ arūpāvacara kusalañceti pākāṭṭhānavasena*** - Gọi là Nghiệp Lực, rằng theo *Trú Xứ (ṭhāna)* cho trở sanh Quả Báo cũng có bốn thể loại tương tự như nhau, đó là:

1. *Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)*.
2. *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kāmāvacarakusalakamma)*.

3. *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rùpàvacarakusalakamma).*
4. *Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arùpàvacarakusalakamma).*

**Trình Bày Việc Phân Tích Bất Thiện Nghiệp Lực  
(Akusalakamma) Theo Cả Tam Môn (Dvāra)**

5. *Tattha akusalam kàyakammaṃ vacikammaṃ manokammañceti kammadvāravasena tividham hoti* - Trong cả bốn nhóm Nghiệp Lực ấy, rằng theo mãnh lực của lãnh địa làm thành chỗ nơi cho trở sanh quả báo, thì có được ba thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực nương theo mãnh lực từ nơi tác nhân cho thành tựu việc tạo tác, đó là: 1. *Thân Hành Nghiệp Lực (Kàyakamma)*, 2. *Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacikamma)*, 3. *Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma)*.

**Tam Thân Hành Nghiệp Lực (Kàyakamma 3)**

6. *Katham ? Pāṇātipāto adinnādānaṃ kamesumicchācāro ceti kāviviññati - tisāṅkhāte kāvadvāre bhāhullavuttito kàyakammaṃ nāma* - Thế nào ? Có ba thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực, rằng theo mãnh lực từ nơi tác nhân cho thành tựu việc tạo tác, là những thể loại nào ? Việc sát mạng, việc trộm cắp, việc tà hạnh ở trong tính dục; cả ba thể loại này gọi là *Thân Hành Nghiệp Lực* là vì duyên sanh theo *Thân Môn (Kāvadvāra)*, tức là *Thân Biểu Tri (Kāviviññatti)* là phần đa số.

**Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacikamma 4)**

7. *Musāvādo piṣuṇavācā pharusavācā samphappalāpo ceti vaciviviññati saṅkhāte vacivāre bhāhullavuttito vacikammaṃ nāma* - Việc nói lời vọng ngôn, nói lời xúi xiểm ly gián, nói lời thô ác ngữ, nói lời không có lợi ích. Cả bốn thể loại này gọi là *Ngữ Hành Nghiệp Lực* là vì duyên sanh theo *Ngữ Môn (Vacivāra)*, tức là *Ngữ Biểu Tri (Vaciviviññatti)* là phần đa số.

**Tam Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma 3)**

8. *Abhijjhā byāpādo micchādīṭṭhi ceti aññatrāpi viññattiyā manasmī yeva bhāhullavuttito manokammaṃ nāma*. Việc Tham Ác về tài sản của người khác một cách bất hợp pháp (*Tham Ác*), việc cừu hận oán kết người khác (*Cừu Hận*), việc thấy sai chấp lầm (*Tà Kiến*). Cả ba thể loại này gọi là *Ý Hành Nghiệp Lực*, là vì một khi loại trừ khỏi *Thân Biểu Tri* và *Ngữ Biểu Tri* ra, thì chỉ còn có duyên sanh theo *Ý Môn (Manodvāra)* là phần đa số.

**Trình Bày Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna) Làm Thành Tác Nhân**

## Của Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo (Akusalakammāpatha 10)

**9. Tesu paṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti** - Trong Thập Bất Thiện Nghiệp Lục ấy, thì việc sát mạng, việc nói lời thô ác ngữ, việc cừu hận oán kết (Ý Cừu Hận); cả ba thể loại này thường khởi sanh là do bởi Tâm căn Sân.

**10. Kāmesumicchācāro abhijjhā micchādīṭṭhi ca lobhamūlena** - Tính dục tà hạnh, ý tham ác, ý tà kiến; cả ba thể loại này thường khởi sanh là do bởi Tâm căn Tham.

**11. Sesāni cattāripi dvīhi mūlehi sambhavanti** – Bốn Bất Thiện Nghiệp Lục còn lại, đó là việc thù đạo, nói lời vọng ngôn, nói lời xúi xiểm ly gián, nói lời không có lợi ích, thì thường sanh khởi là do bởi Tâm căn Tham hoặc Tâm căn Sân.

**12. Cittuppādasena panetaṃ akusalaṃ sabbathāpi dvādasavidhaṃ hoti** - Rằng khi theo mãnh lực từ nơi việc sanh khởi tùy theo của bất luận một Tâm nào, thì Bất Thiện Nghiệp Lục này thì thường có 12.

## Ba Thể Loại Của Dục Giới Thiện Nghiệp Lục

**13. Kāmāvacarakusalampi kāyadvāre pavattaṃ kāyakammaṃ, vacīdvāre pavattaṃ vacī kammaṃ, manodvāre pavattaṃ manokammañceti kammadvāra vasena tividdhaṃ hoti** – Dục Giới Thiện, rằng theo Nghiệp Môn (Kammadvāra) thì cũng có được ba thể loại tương tự như vậy, tức là Thân Hành Nghiệp Lục nương sanh theo Thân Môn, Ngữ Hành Nghiệp Lục thì nương sanh theo Ngữ Môn, và Ý Hành Nghiệp Lục thì nương sanh theo Ý Môn.

**14. Tathā dānasīlabhāvanāvasena** – Dục Giới Thiện, rằng khi theo phân loại của Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā) thì cũng có được ba thể loại tương tự như nhau.

**15. Cittuppādasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti** – Rằng khi theo mãnh lực từ nơi việc sanh khởi của Tâm thì Dục Giới Thiện Nghiệp Lục đây, thường là có 8.

## Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyavatthu 10)

**16. Dāna sīla bhāvanā apacāyena veyyāvacca pattidāna pattānumodana dhammassavana dhammadesanā diṭṭhujukammavasena dasavidhaṃ hoti** – Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, Cung Kính, Phụng Hành, Ân Thí (Hồi Hướng Công Đức),

Tùy Hỷ Công Đức, Thính Pháp, Thuyết Pháp, Chân Tri Chước Kiến; đó đã là Thập Phúc Hành Tông.

1. *Xả Thí (Dàna)*: việc xả thí cho ra.
2. *Trì Giới (Sila)*: việc thọ trì giới luật.
3. *Tu Tập (Bhàvanà)*: việc tiến hóa *An Chỉ (Samatha)* – *Minh Sát (Vipassanà)*.
4. *Cung Kính (Apacàyana)*: việc cư xử có lễ độ với Thân hành động, hoặc có sự lễ phép với Lời nói, đối với bậc có Đức Hạnh và với bậc cao niên trưởng lão.
5. *Phụng Hành (Veyyàvacca)*: việc thực hiện công việc giúp đỡ hỗ trợ đối với người hoặc chỗ ở nơi thích hợp.
6. *Hồi Hương Công Đức (Pattidàna – Ân Thí)*: việc chia cho hoặc hồi hương Phước Báo.
7. *Tùy Hỷ Công Đức (Pattànumodana)*: việc tùy hỷ công đức ở trong phần Phước Báo.
8. *Thính Pháp (Dhammasavana)*: việc lắng nghe Giáo Pháp.
9. *Thuyết Pháp (Dhammadesanà)*: việc thuyết giảng Giáo Pháp.
10. *Chân Tri Chước Kiến (Ditthujukamma)*: việc làm cho có được sự nhìn thấy đúng đắn (*biết thật thấy đúng*).

**17. Tam panetaṃ viśatividhampi kāmāvacarakammicceva saṅkhaṃ gacchati** - Với mười hai Bất Thiện Nghiệp Lực, tám Thiện Nghiệp Lực, kết hợp cả 20 thể loại Nghiệp Lực này lại thì thường được gọi là *Dục Giới Nghiệp Lực (Kāmāvacarakamma)*.

### Năm Thể Loại Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rùpakusalakamma 5)

**18. Rùpāvacarakusalam pana manokammameva tañca bhāvanāmayam appanāpettaṃ jhānaṅgabhedenā pañcavidham hoti** - Còn Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực thì chỉ duy nhất là thuộc thể loại *Ý Hành Nghiệp Lực*. Và *Ý Hành Nghiệp Lực* này thường được thành tựu viên mãn với phần *Tu Tập (Bhāvanāmayā)* và *chứng đắc Thiền Định (Appanājhāna – Nhập Định)*. Rằng khi phân loại từ nơi An Chi Thiền thì có được năm thể loại.

### Bốn Thể Loại Của Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arùpakusalakamma 4)

**19. Tathà arùpàvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhàvanàmayam appanàpattam àrammaṇabhedena catubbidham hoti** - Còn Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực thì cũng tương tự như vậy, là chỉ có mỗi một Ý Hành Nghiệp Lực duy nhất. Và Ý Hành Nghiệp Lực này cũng thường được thành tựu viên mãn với phần Tu Tập giống như nhau, và cho đến chứng đắc Thiền Định. Rằng khi phân loại từ nơi Cảnh thì có được bốn thể loại.

**Phân Tích 20 Dục Giới Nghiệp Lực Tác Hành Trở Sinh Quả Báo  
Ở Trong 11 Dục Địa Giới Trong Thời Tái Tục Và Thời Chuyển Khởi**

**20. Etthàkusalammamuddhaccarahitam apàyabhùmiyam paṭisandhim janeti, pavattiyam pana sabbampi dvàdasavidham sattàkusalapàkàni sabbatthàpi kàmeloke rùpaloke ca yathàraham vipaccati** - Trong bốn thể loại Nghiệp Lực ấy, 11 Bất Thiện Nghiệp Lực, loại trừ Bất Thiện Nghiệp Lực câu hành Trạo Cử (*Uddhaccasahagataakusalakamma*) ra, thì tác hành cho sanh khởi Tâm Tái Tục và Tâm Sở cùng với Sắc Nghiệp ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới. Tuy nhiên, ở trong Thời Chuyển Khởi (*Thời Bình Nhật*) thì hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực ấy tác hành cho trở sanh 7 Quả Dị Thục Bất Thiện (*Akusalavipàka*) làm thành quả báo ở trong hết tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới), vừa theo thích hợp.

**21. Kàmàvacarakusalampi kàmasugatiyameva paṭisandhim janeti, tathà pavattiyāñca mahàvipàkàni ahetukavipàkàni pana aṭṭhapi sabbatthàpi kàmeloke rùpaloke ca yathàraham vipaccati** - Đối với 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lực thì tác hành cho Tâm Tái Tục, Tâm Sở và Sắc Nghiệp sanh khởi ở trong Thời Tái Tục và chỉ ở trong Thất Dục Giới Thiện Thú (*Kàmasugatibhùmi*) mà thôi. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi thì 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lực tác hành cho sanh khởi 8 Tâm Đại Quả làm thành quả báo duy nhất chỉ ở trong Thất Dục Giới Thiện Thú mà thôi. Nhưng lại tác hành cho sanh khởi 8 Tâm Quả Dị Thục Vô Nhân làm thành quả báo ở trong hết tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới), vừa theo thích hợp.

**Trình Bày Việc Phân Tích Quả Báo Của Đại Thiện Nghiệp Lực  
Có Tam Nhân v.v. Trong Thời Tái Tục Và Thời Chuyển Khởi**

**22. Tatthàpi tihetukamukkaṭṭham kusalam tihetukam paṭisandhim datvā pavatte soḷasa vipàkàni vipaccati** - Trong cả 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lực ấy, chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là Tam Nhân (*Tihetuka*) và Thượng Phẩm (*Ukkaṭṭha*) ấy, thì thường tác hành trở sanh Quả Báo Tái Tục (*Phalapaṭisandhi*)



làm thành Tam Nhân, rồi tác hành cho sanh khởi 16 Tâm Quả Dị Thục làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

**23. *Tihetukamomakaṃ dvihetukamukkaṭṭhañca kusalaṃ dvihetukaṃ paṭisandhiṃ datvā pavatte tihetukarahitāni dvādasā vipākāni vipaccati*** – Thiện Nghiệp Lực mà là *Tam Nhân Hạ Phẩm (Omaka)* và là *Nhị Nhân Hạ Phẩm*, với cả hai thể loại này, thì thường tác hành trở sanh *Quả Báo Tái Tục* làm thành chủng loại *Nhị Nhân*, rồi tác hành cho sanh khởi 12 Tâm Quả Dị Thục, trừ 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

**24. *Dvihetukamomakaṃ pana kusalaṃ ahetukameva paṭisandhiṃ deti pavatte ca ahetukavipākāneva vipaccati*** - Còn Thiện Nghiệp Lực đã là *Nhị Nhân Hạ Phẩm*, thì thường trở sanh *Quả Báo Tái Tục* làm thành chủng loại đích thị chính là Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, rồi tác hành cho sanh khởi chỉ có 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ngàn chùng ấy, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

**Kệ Tổng Hợp Trình Bày Ý Kiến Của Nhất Ban Giáo Sư  
(Trưởng Lão **Mahādatta (Mahādatta Thera)** Trú Ngụ  
Tại Tịnh Thất Ao Khổng Tước (**Moravàpi**))**

**25. *Asaṅkhāraṃ asaṅkhāra  
Sasaṅkhāramasaṅkhāra***

***Vipākāni na paccati  
Vipākāniti kevaṇa***

Nhất Ban Giáo Sư là Ngài Trưởng Lão *Mahādatta* đã nói rằng chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là *Vô Dẫn Dụ (Asaṅkhārika)* thì không cho sanh khởi Quả Dị Thục *Hữu Dẫn Dụ (Sasaṅkhārika)* làm thành quả báo; và ngược lại thì chủng loại Thiện Nghiệp Lực mà là *Hữu Dẫn* thì không cho sanh khởi Quả Dị Thục *Vô Dẫn*, làm thành quả báo.

**26. *Tesaṃ dvādasā pākāni  
Yathāvuttānusārena***

***Dasàṭṭha ca yathākkamaṃ  
Yathāsambhavamuddise***

Trình bày số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện Nghiệp Lực ở trong ý kiến của tất cả các Ngài Nhất Ban Giáo Sư theo như phần đã có được đề cập nói đến rồi đó, thì sẽ là 12 – 10 – 8 Tâm Quả Dị Thục.

**Trình Bày Năm Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực Tác Hành  
Trở Sanh Quả Báo Ở Trong 16 Cõi Hữu Sắc Giới**



**27. Rùpàvacarakusalam pana paṭhamajjhànaṃ parittaṃ bhàvetvā brahmapàrisajjesu uppajjati** – Còn Hữu Sắc Giới Thiên Nghiệp Lực, một khi đã được tiến hóa Sơ Thiên ở mức độ bậc thấp (*Hạ Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Chúng Thiên Giới.

**28. Tadeva majjhimaṃ bhàvetvā brahmapurohitesu** - Chính là một khi đã được tiến hóa Sơ Thiên ở mức độ trung bình (*Trung Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Phụ Thiên Giới.

**29. Paṇitaṃ bhàvetvā mahābrahmesu** – Khi đã được tiến hóa Sơ Thiên ấy ở mức độ thanh lương (*Thượng Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Đại Phạm Thiên Giới.

**30. Tathā dutiyajjhànaṃ tatiyajjhānañca parittaṃ bhavavetvā parittābhesu** - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiên hoặc Tam Thiên ở mức độ bậc thấp (*Hạ Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Thiếu Quang Phạm Thiên Giới.

**31. Majjhimaṃ bhàvetvā appamāṇābhesu** - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiên hoặc Tam Thiên ở mức độ trung bình (*Trung Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới.

**32. Paṇitaṃ bhàvetvā ābhassaresu** - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiên hoặc Tam Thiên ở mức độ bậc thanh lương (*Thượng Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Biến Quang Phạm Thiên Giới.

**33. Catutthajjhànaṃ parittaṃ bhàvetvā parittasubhesu** - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiên ở mức độ bậc thấp, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Thiếu Tịnh Phạm Thiên Giới.

**34. Majjhimaṃ bhàvetvā appamāṇasubhesu** - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiên ở mức độ bậc trung rồi, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới.

**35. Paṇitaṃ bhàvetvā subhakiṇhesu** - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiên ở mức độ bậc thanh lương r, khi trở sanh quả báo thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Biến Tịnh Phạm Thiên Giới.

**36. Pañcamajjhànaṃ bhàvetvā vepphalesu** – Khi đã được tiến hóa Ngũ Thiên, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới.

**37. Tadeva saññāvirāgaṃ bhàvetvā asaññasattesu** – Chính là khi đã được tiến hóa Ngũ Thiên ấy, bằng cách xa lìa sự dục ý ở trong Tướng (*Trường Ly Ái Tu Tập*) tức là Danh Pháp rồi, một khi trở sanh quả báo thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới.

**38. Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti** – Chỉ có bậc Bất Lai, một khi đã chứng đắc được Ngũ Thiên rồi, thì thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

**Phân Tích Tứ Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lục Tác Hành  
Trở Sinh Quả Báo Ở Trong Tứ Cõi Vô Sắc Giới**

**39. Arūpāvacarakusalañca yathākkamaṃ bhàvetvā àruppesu uppajjanti** – Khi đã được tiến hóa Tứ Vô Sắc Giới Thiện, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh theo tuần tự ở trong bốn Cõi Vô Sắc Giới.

**KỆ TÓM TẮT (NIGAMANAGĀTHA)**

|  |   |
|--|---|
| <b>40. Itthaṃ mahaggataṃ puññaṃ<br/>Janeti sadisaṃ pākamaṃ<br/>Idamettha Kammacatukkaṃ</b> | <b>Yathābhūmivavatthitaṃ<br/>Paṭisandhipavattiyaṃ</b> |
|--|---|

Như đã có đề cập đến với tất cả các trường hợp này, thì chín Đáo Đại Thiện Nghiệp Lục (*Mahaggatakusalakamma*) thường trở sanh quả báo cũng tương ứng với Thiện Sự của mình, tùy theo Cõi Địa Giới đã quy định ở trong Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi.

Tại đây đã trình bày xong phần Nghiệp Lục Tứ Phần (*Kammacatukka*) trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình (*Vithimuttasaṅgaha*).

**Kết thúc Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Phần Pàli Ngữ  
Và Lời Dịch Để Học Thuộc Lòng**

-----0000-----

(*Chú thích: “Kamma”* bao gồm Nghiệp Lục, Nghiệp Báo và Nghiệp Quả, theo đúng căn nguyên là hành động, tạo tác, tác hành, hoặc việc làm.

Một cách chính xác, **Kamma** là tất cả “*y muốn làm*” với Tâm Sở **Cetanà** (*Tư Tác Ý*) Thiện hoặc Bất Thiện. Nghiệp Lực bao gồm tất cả những chi biểu hiện bằng Thân, Ngữ, hoặc Ý. Nghiệp Lực là định luật Nhân – Quả trong lãnh vực đạo đức. Nói một cách khác, Nghiệp Lực là hành động và phản ứng của hành động trong phạm vi luân lý hoặc “*ảnh hưởng của hành động*”. Nghiệp Lực không phải là số mạng, hoặc tiền định. Nghiệp Lực là phản ứng của chính hành động của mình trở lại chính mình.

Mọi hành động cố ý, ngoại trừ hành động của một vị Phật hoặc của một vị Vô Sinh Alahán, tất cả đều được gọi là Nghiệp Lực. Chư Phật và chư vị Vô Sinh Alahán không còn tích trữ Nghiệp Lực mới, là cũng do bởi các Ngài đã tận diệt **Vô Minh** (**Avijjà**) và **Ái Dục** (**Tañhà**), hai nguồn gốc của Nghiệp Lực.

**Kamma** là hành động, và **Vipàkà** (*Quả Dị Thục*) là phản ứng. Đây là nguyên nhân và hậu quả. **Kamma** như là hạt giống. **Vipàka** như là trái quả. Một khi đã gieo hạt giống, thì người sẽ gặt hái trái quả ở một nơi nào, vào một lúc nào, trong kiếp sống hiện tại hoặc là trong một kiếp sống vị lai. Những chi mà chúng ta gặt hái ngày hôm nay là hậu quả của những chi mà chúng ta đã gieo trồng, hoặc trong kiếp sống hiện tại này, hoặc là ở trong kiếp sống quá khứ. **Kamma** tự nó đã là một định luật, định luật Nghiệp Báo, và tự động tác hành trong phạm vi lãnh vực của chính nó, không có sự can thiệp nào từ ở bên ngoài. Đây là định luật tác động một cách độc lập.

Khả năng tạo tác trở sanh quả báo tương ứng, cố hữu dính liền và tiềm tàng ở trong Nghiệp Lực. Nhân tạo ra Quả. Quả giải thích Nhân. Hạt giống sanh ra trái quả. Nhìn thấy trái quả biết được hạt giống nào đã được gieo trồng. Đó là mối tương quan giữa Nhân và Quả. Mối tương quan giữa Nghiệp Lực và Quả Dị Thục cũng dường như thế ấy. Quả Dị Thục đã bắt đầu trở sanh ngay ở trong Nhân.

Theo **Abhidhamma** (*Vô Tỷ Pháp*), Nghiệp Báo bao gồm mười hai loại Tâm Bất Thiện, tám loại Tâm Thiện, năm loại Tâm Thiện thuộc Hữu Sắc Giới, và bốn loại Tâm Thiện Vô Sắc Giới.

Tám loại Tâm Siêu Thế không được xem như là **Kamma** và **Vipàka**, là cũng do bởi các loại Tâm này có khuynh hướng tận diệt căn cội của Nghiệp Lực, và chính căn cội này mới tạo tác duyên hệ (*điều kiện*) để đi tục sinh. Trong tám loại Tâm Siêu Thế thì **Pañña** (*Trí Tuệ*) chiếm lấy phần lớn quan trọng. Trong những loại Tâm Hiệp Thế thì **Cetanà** (*Tư Tác Ý*) là yếu tố chánh yếu.

Hai mươi chín loại Tâm này được gọi là Nghiệp Lực, là cũng do bởi trong đó cố hữu tiềm tàng khả năng tái tạo, tác hành. Ví như mỗi vật đều có cái bóng của nó, cùng thế ấy, mỗi hành động cố ý đồng phát sanh cùng với hậu quả tất yếu phải có của chính nó.

Các loại Tâm mà người ta chứng nghiệm như một hậu quả không thể tránh của những tư tưởng Thiện hoặc là Bất Thiện, đã được gọi là Tâm Quả Dị Thục. Hai mươi ba (7 + 8 + 8) Tâm Dị Thục Quả thuộc Cõi Dục Giới, năm loại Tâm Quả

Dị Thục thuộc Cõi Hữu Sắc Giới, và bốn loại Tâm Dị Thục Quả thuộc Cõi Vô Sắc Giới, đã được gọi là **Vipàka**, hoặc hậu quả của Nghiệp Lực.)

-----00000-----

### Giải Thích Làm Rõ Thêm Ở Trong Phần Nghiệp Lực Tứ Phần

Từ ngữ nói rằng “**Kamma**” có ý nghĩa rằng việc tác hành liên quan với Thân, Ngũ, Ý, ở cả lộ trình Thiện và lộ trình Bất Thiện, gọi là *Nghiệp Lực*. Hoặc Pháp Chủng làm cho thành tựu của các việc tác hành ấy, gọi là *Nghiệp Lực*.

Như có câu Chú Giải nói rằng: “**Karaṇam = Kamman**” hoặc “**Karonti etenàti = Kamman**”- “Việc tác hành, gọi là *Nghiệp Lực*; hoặc, tất cả các loài Hữu Tình thường tác hành do bởi nương vào Pháp Chủng ấy, vì thế Pháp Chủng ấy thành tác nhân làm cho thành tựu các việc tác hành ấy, gọi là *Nghiệp Lực*.”

Tức là *Tư Tác Ý (Cetanà)* hiện hữu ở trong Tâm Bất Thiện (**Akusalacitta**) và Tâm Thiện Hiệp Thế (**Lokiyakusalacitta**).

Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã có trình bày *Nghiệp Lực Tứ Phần* này, phân tích ra làm thành bộ *Tứ Phần (Catukka)*, đó là:

1. *Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka)*: rằng theo *Sự Vụ* thì có bốn thể loại.
2. *Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pàkadànapariyàyacatukka)*: rằng theo tuần tự của việc trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.
3. *Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pàkakàlacatukka)*: rằng theo thời gian trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.
4. *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pàkaṭṭhànacatukka)*: rằng theo trú xứ trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.

Trong cả bộ *Tứ Phần* này, thì chỉ có duy nhất *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần* là được trình bày theo phần *Vô Tỷ Pháp Tạng*, đó là phần được đề cập đến một cách xác định. Còn cả ba phần còn lại của bộ *Tứ Phần* thì được trình bày theo phần *Kinh Tạng*, đó là phần được đề cập đến một cách bất định, chỉ là hiện hành theo phần đại đa số mà thôi.

### I. SỰ VỤ TỨ PHẦN (KICCACATUKKA)

[**Chú thích:** *Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka)*: rằng theo *Sự Vụ*, thì có bốn thể loại.]

1. *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)*: có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “**Vipàkakkhandha kammajarupàni jànatiti = Janakam**”- “**Bất luận Nghiệp**

*Lực nào đã tác hành cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp sanh khởi, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Xuất Sinh Nghiệp Lực.”*

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 17 Hiệp Thế Thiện Nghiệp Lực.

*Xuất Sinh Nghiệp Lực* này, là loại Nghiệp Lực tác hành cho *Quả Dị Thục* và *Sắc Nghiệp*, luôn cả bọn *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp* được sanh khởi ở trong cả Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Có ý nghĩa là một khi tất cả các loài Hữu Tình mệnh chung rồi đi tục sinh làm thành Hữu Tình Bằng Sanh, thành Nhân Loại, Chư Thiên, thành Phạm Thiên; với những hạng loại này thì thường được hiện hành với mãnh lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* đã tác hành làm cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp sanh khởi ở trong *Thời Tái Tục*. Khi tất cả loài Hữu Tình đã sanh khởi rồi, thì cũng cần phải có các Căn (*Vatthu - Thân Kinh*) lớn nhỏ sanh khởi tùy theo thích hợp đối với các loài Hữu Tình ấy, luôn cả có việc nhìn thấy, việc được nghe, việc được ngửi, việc biết các vị, việc xúc chạm, việc duy trì mạng sống (*Hữu Phần - Bhavaṅga*) sanh khởi; với những hạng loại này thì thường được hiện hành với mãnh lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* đã tác hành làm cho Quả Dị Thục, Sắc Nghiệp, và bọn *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp* sanh khởi ở trong *Thời Chuyển Khởi*.

*Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà có năng lực tác hành làm cho Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp sanh khởi ở trong Thời Tái Tục, được đề cập đến là đã làm cho tục sinh thành Hữu Tình Bằng Sanh, Nhân Loại, v.v. ấy, thì phải là loại Nghiệp Chung mà phần nhiều đã đầy đủ trọn vẹn Nghiệp Lực. Đối với *Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà tác hành làm cho Quả Dị Thục, Sắc Nghiệp, và bọn *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp* sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi, được đề cập đến là làm cho có các Căn lớn nhỏ, luôn cả có việc nhìn thấy, việc được nghe, v.v. (trừ Tâm Hữu Phần) ấy, là loại Nghiệp Chung có thể là trọn đủ Nghiệp Lực hoặc là không trọn đủ; và Thiện Nghiệp Lực, và Bất Thiện Nghiệp Lực mà có thể là sanh khởi ở trong Lộ Trình Ngũ Môn hoặc là sanh khởi ở trong Thời Chiêm Bao, thì thường có mãnh lực làm cho Quả Dị Thục, Sắc Nghiệp và bọn *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp* sanh khởi lên hết cả thấy.

Thiên Cung làm thành chỗ nương trú của nhóm Chư Thiên, Phạm Thiên; hoặc ngọn lửa và các dụng cụ giam cầm xiềng xích, trừng trị hành hạ nhóm Hữu Tình Địa Ngục; và với những hạng loại này thì cũng được sắp vào bọn *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp* và tương tự như vậy, là cũng được sanh khởi từ ở nơi *Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

**(Chú thích: “Janakakamma” -** *Xuất Sinh Nghiệp Lực* (Nghiệp Lực Tái Tạo) được tạo duyên (điều kiện) cũng do bởi Nghiệp Thiện hoặc Nghiệp Bất Thiện, ở trong thời quá khứ mà nổi bật, vượt trội hơn, và mãnh liệt hơn hết là vào phút giây cận tử lâm chung. Nghiệp Lực tạo duyên cho việc tục sinh ấy, được gọi là *Xuất Sinh Nghiệp Lực*, hoặc là *Nghiệp Lực Tái Tạo*.

Sự chết của một Hữu Tình chỉ là “*sự chấm dứt tạm thời của một hiện tượng tạm thời*”. Mặc dầu hình thể hiện tại hư hoại đi, một hình thể khác được hình

thành – không hẳn là hoàn toàn giống hệt, mà cũng không tuyệt đối khác hẳn hình thể trước kia – phát sanh, trùng hợp theo năng lực của những rung động tâm linh diễn tiến vào những phút giây cận tử lâm chung, như một Nghiệp Lực chuyển động, thúc đẩy dòng đời trong kiếp sống mới. Chính tư tưởng cuối cùng ấy – chỉ một sát na cuối cùng ấy – được gọi là *Xuất Sinh Nghiệp Lực*, xác định trạng thái của một Hữu Tình trong kiếp sống kế tiếp đó. Nghiệp Lực này có thể là tốt, hoặc là xấu, Thiện hay là Bất Thiện.

Theo bản Chú Giải, *Xuất Sinh Nghiệp Lực* là điều mà tạo nên Sắc Uẩn và Danh Uẩn, hoặc là những yếu tố tâm linh và vật chất, ngay vào lúc được Mẹ hoài thai. Chập tư tưởng sơ khởi, sát na tâm thức ban đầu, được gọi là “*Paṭisandhi Viññāṇa – Thức Tái Tục*” (*Thức Tục Sinh, Thức Nói Liên, hoặc là Thức Tái Sinh*), được tạo duyên do bởi *Xuất Sinh Nghiệp Lực* này.

Cùng một lúc với Thức Tái Tục, thì cũng cùng phát sanh với các Bọn Sắc Nghiệp gồm có: “*Bọn Tổng Hợp Thân Thập*”, “*Bọn Tổng Hợp Tính Thập*” là Nam hoặc Nữ, “*Bọn Tổng Hợp Vật Thập*” (*Kāya – Bhava – Vatthu dassaka*).

+ Với “*Bọn Tổng Hợp Thân Thập*” bao gồm bốn Tổ Chất chánh yếu (*Tứ Sắc Đại Hiện: Địa Đại Hiện, Thủy Đại Hiện, Hỏa Đại Hiện, Phong Đại Hiện*) với Tổ Chất có đặc tính cứng và mềm của Địa Đại Hiện; với Tổ Chất có đặc tính quén tụ và loang ra của Thủy Đại Hiện; với Tổ Chất có đặc tính nóng và lạnh của Hỏa Đại Hiện; với Tổ Chất có đặc tính căng phồng và di động của Phong Đại Hiện. Cùng với bốn Tổ Chất Y Sinh nương nhờ, đó là Sắc, Khí, Vị, Vật Thực Nội; và Sắc Mạng Quyền với Thân Thanh Triệt.

+ Với “*Bọn Tổng Hợp Tính Thập*” bao gồm bốn Tổ Chất Đại Hiện, bốn Tổ Chất Y Sinh (còn gọi là *Bọn Tám Sắc Bất Ly*), Sắc Nam Tính hoặc Sắc Nữ Tính, và Sắc Mạng Quyền.

+ Với “*Bọn Tổng Hợp Vật Thập*” bao gồm Bọn Tám Sắc Bất Ly, Sắc Mạng Quyền và Sắc Ý Vật là căn trú của Tâm Thức tương ứng.

Như thế, hiển nhiên là Nam Tính hoặc là Nữ Tính của một Hữu Tình đã được xác định ngay vào lúc Hữu Tình ấy được thọ sinh, và Sắc Tính này là do Nghiệp Lực tạo điều kiện, chứ không phải là sự kết hợp ngẫu nhiên của Tinh Cha và Huyết Mẹ. Đau khổ và hạnh phúc mà Hữu Tình phải cảm thụ ở trong kiếp sống là hệ quả dĩ nhiên của *Xuất Sinh Nghiệp Lực*, hoặc là *Nghiệp Lực Tái Tạo*.)

**2. Bảo Hộ Nghiệp Lực (*Upatthambhakakamma*):** có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “*Kammantaram và kammanibbattakhandhasantānam và upattham – bhettī = Upatthambhakam*”- “*Bất luận Nghiệp Lực nào thường giúp đỡ bảo hộ các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sanh khởi của các Uẩn từ ở nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Bảo Hộ Nghiệp Lực.*”

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

(**Chú thích:** Mãnh lực đến sát cận và nâng đỡ hỗ trợ cho *Xuất Sinh Nghiệp Lực* hay là *Nghiệp Lực Tái Tạo*. Sự trợ duyên này không mang tính cách Thiện hoặc là Bất Thiện, mà duy nhất chỉ hỗ trợ và bảo hộ hành động của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* chính ngay trong đời sống.

Tức khắc sau khi được thọ thai cho đến lúc mệnh chung, thì *Bảo Hộ Nghiệp Lực* lướt tới trước để hỗ trợ cho *Xuất Sinh Nghiệp Lực*. Một *Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp cho có được sức khỏe tốt, tài sản của cải, an vui hạnh phúc, v.v. Một *Bất Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực*, thì trái lại, đưa đến sầu bi ưu não, v.v. đối với Hữu Tình đã được sanh ra với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*, ví dụ như các loài Bàng Sanh, hoặc phải làm những công việc nặng nhọc, v.v.)

*Bảo Hộ Nghiệp Lực* này, là loại *Nghiệp Lực*:

- + **2a/**. giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội để trở sanh quả báo,
- + **2b/**. giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* đang có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn, và
- + **2c/**. giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và tồn tại lâu dài.

**2a/**. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo ấy, tức là Thiện – Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử, hoặc là Thiện – Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật; chính với những loại Thiện – Bất Thiện này làm thành *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ đối với *Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo.

*Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo ấy, có được hai thể loại, đó là:

- 1/. một thể loại *Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ, và
- 2/. một thể loại *Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.

Do đó, việc giúp đỡ ủng hộ của *Bảo Hộ Nghiệp Lực* đối với *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo ấy, đem phân tích ra thì có được tám thể loại, đó là:

1. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
2. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.



3. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
4. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.
5. Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
6. Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.
7. Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
8. Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.

**1. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **K** là một Phật Tử, tuy nhiên ở trong kiếp sống hiện tại thì nam nhân **K** phần nhiều lại tạo tác Bất Thiện. Với tác nhân này, khi nam nhân **K** có trạng thái đau ốm dẫn đến sẽ cận tử lâm chung, ngạt một nỗi là không có sự truy niệm tốt đẹp, và ở trong *điềm tướng (Nimitta – Trầm Triệu)* bất tường đang hiện khởi đến với nam nhân **K** đã làm cho có dáng vẻ trạng thái khác thường. Khi người ở cạnh bên nhìn thấy như thế, thì cũng biết được rằng nam nhân **K** này có đã có *điềm tướng* bất tường khởi sanh lên rồi; vì thế mới có tâm thức bất an tịnh, và nếu như mệnh chung ngay ở trong thời *điềm* này thì nhất định là sẽ phải đọa vào ở trong Cõi Khổ Thú (*Duggati*). *Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực* của nam nhân **K** không có thể sẽ giúp cho nam nhân **K** thoát khỏi Khổ Thú ấy được, cũng chính là do bởi tâm thức bất an tịnh của nam nhân **K** vậy. Với tác nhân này, người ở cạnh bên ấy, mới nỗ lực tìm cách để sẽ cứu vãn Cảnh Nghiệp Tướng bất tường của nam nhân **K** đang hiện hữu cho chuyển đổi thành Cảnh Nghiệp Tướng an tịnh bằng cách thỉnh mời nhà sư đến tụng kinh an lành và thuyết giảng Giáo Pháp cho được lắng nghe, nắm lấy hình ảnh tôn thờ Đức Phật cho để sát cận bên nam nhân **K**, để cho nam nhân **K** có được tâm thức cung kính lễ bái đến hình ảnh Đức Phật ấy, và nỗ lực tìm kiếm kinh sách Pháp Cú đem đến đọc cho được lắng nghe. Khi đã giải quyết được việc cứu vãn Cảnh Nghiệp Tướng đối với nam nhân **K** như đã vừa nói đến ở tại đây xong, thì tâm thức của nam nhân **K** cũng đã



chuyển đổi trở nên an tịnh. Điềm tướng hiện bày điều bất tường ấy cũng đã biến mất đi, và thay vào đó là điềm tướng kiết tường hiện khởi lên. Và thế là, khi nam nhân **K** thọ mạng diệt thì đã có được cơ hội đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Thú (*Sugati*) làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ, phù hợp với ý nghĩa đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng Pàli *Như Thị Ngữ Kinh (Itivuttaka)* nói rằng:

*Imasmim càyaṃ samaye  
Saggamhi upapajjeyya  
Imasmim càyaṃ samaye  
Niraye upapajjeyya*

*Kàlaṅkiriyaṭha puggalo  
Cittaṅhisa pasàditam.  
Kàlaṅkiriyaṭha puggalo  
Cittaṅhisa padùsitam.*

*Chính trong thời gian này,  
Người ấy bị mạng chung,  
Người ấy sẽ được sanh,  
Lên Thiên Giới Thiện Thú,  
Vì Tâm có thiện ý,  
Tùy theo lấy những gì,  
Tương xứng được lãnh thọ,  
Như vậy được tương xứng,  
Do nhân Tâm thiện ý,  
Chúng sanh đi Thiện Thú.*

*Người ấy nếu thọ mạng diệt trong thời điểm ấy, thì nhất định là sẽ phải đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Giới, là vì tâm thức của người ấy có sự an tịnh.*

*Chính trong thời gian này,  
Người ấy bị mạng chung,  
Sẽ bị sanh Địa Ngục,  
Lên Thiên Giới Thiện Thú,  
Vì Tâm nó ác độc,  
Tùy theo lấy những gì,  
Tương xứng bị rớt xuống,  
Như vậy được tương xứng,  
Do nhân Tâm ác ý,  
Chúng sanh đi Ác Thú.*

*Người ấy nếu thọ mạng diệt trong thời điểm ấy, thì nhất định là sẽ phải đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục, là vì tâm thức của người ấy có sự sầu bi ưu não.*

**2. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có cơ hội trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Kh** là một Phật Tử, là người có Tâm tịnh tín, thường luôn tác hành Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tạo tác Phước Báo; ngặt một nỗi là không từng có sự huân tập tâm thức ở trong việc tu tập *An Chi (Samatha)* hoặc là *Minh Sát (Vipassanà)*, và cũng không từng nghiên cứu tu học Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, khi nam nhân **Kh** đau ốm dần đến sẽ cận tử lâm chung, thì có sự sợ hãi và có sự bồn chồn lo lắng ở trong của cải tài sản và con cháu. Khi là như vậy thì tâm thức của nam nhân **Kh** cũng có sự sầu bi ưu não. Điềm tướng bất tường hiện khởi lên, và đã làm cho đáng vẻ trạng thái của nam nhân **Kh** có sự khác thường đi. Người ở cạnh bên có sự hiểu biết ở trong Pháp tác ý khôn khéo. Khi thăm sát thấy như thế thì biết được rằng nam nhân **Kh** đã có điềm tướng bất tường hiện khởi lên rồi, và nếu như nam nhân **Kh** mệnh chung ở ngay trong thời điểm này thì nhất định là sẽ phải đọa vào ở trong Cõi Khổ Thú (*Duggati*). Các Thiện Sự mà nam nhân **Kh** đã có tạo tác ở trong kiếp sống này đó, sẽ không có khả năng để cứu giúp nam nhân **Kh** ấy được. Vì thế, người ở cạnh bên ấy, mới nỗ lực tìm cách để sẽ cứu vãn nam nhân **Kh** cho có được tâm thức tịnh hảo khởi sanh lên bằng cách thực hiện cũng cùng một phương cách tương tự với nam nhân **K**. Khi đã thực hiện như vậy rồi, thì tâm thức của nam nhân **Kh** cũng khởi lên sự an tịnh. Điềm tướng bất tường cũng đã biến mất đi, và thay vào đó, điềm tướng kiết tường lại hiện khởi lên. Và thế là, khi nam nhân **Kh** thọ mạng diệt thì đã có được cơ hội đi tục sinh ở trong Cõi Thiện Thú (*Sugati*) làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.

**3. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ, khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **G** là người có tâm lòng phúc hậu, là người thường luôn thực hiện việc Xả Thí, thọ trì Giới Luật ở trong kiếp sống hiện tại này, ngặt một nỗi không từng có sự huân tập tâm thức ở trong việc tu tập *An Chi (Samatha)* hoặc là *Minh Sát (Vipassanà)*, và cũng không từng nghiên cứu tu học Tạng Vô Tỷ Pháp. Tiếp đến, khi nam nhân **G** cận tử lâm chung, thì khởi sanh lên sự sợ chết, và có sự bồn chồn lo lắng ở trong của cải tài sản và con cháu, và đã làm cho tâm thức của nam nhân **G** khởi sanh lên Bất Thiện Pháp ở phần sâu bi ưu não trong lòng. Ngay trong thời điểm ấy thì điềm tướng bất tường đã hiện bày đến với nam nhân **G** và đã làm cho nam nhân **G** có diện mạo,

dáng vẻ trạng thái khác thường. Tuy nhiên người ở cạnh bên ấy lại không có sự hiểu biết ở trong Phật Pháp, do vậy mà không có bất luận một việc cứu vãn nào cả. Và khi nam nhân **G** thọ mạng diệt thì phải đi tục sinh ở một trong các Cõi Khổ Thú. Thiện Sự mà nam nhân **G** đã có tạo tác ở trong kiếp sống này lại không có khả năng cứu giúp cho trở sanh quả báo để nam nhân **G** được đi tục sinh ở trong Cõi Thiện Thú.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* của nam nhân **G** đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước cho có được cơ hội để trở sanh quả báo.

**4. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Ng** khi vẫn còn ở trong chạn tuổi thanh xuân, đa phần đã có tạo tác các điều Bất Thiện xấu ác, có việc sát mạng, thâu đạo, âm mưu, v.v. Đến chạn tuổi cao niên khi đã nhìn thấy tội lỗi ở trong các việc làm xấu ác ấy, thì khởi sanh tâm xót xa phiền não, thành thử đã từ bỏ đời sống người thế tục và đã gia nhập vào đời sống người xuất gia ở trong Phật Giáo. Tiếp đến, Tỳ Khuru **Ng** này lâm trọng bệnh và trở lại nghĩ tưởng đến khoảng thời gian khi còn ở chạn tuổi trẻ ấy, đa phần đã từng có tạo ra tác nghiệp, thì khởi sanh lên sự bất an tịnh và có sự sợ hãi ở trong lòng, tất sẽ phải bị đọa vào ở trong Cõi Thống Khổ. Khi là như vậy, thì tâm thức của vị Tỳ Khuru **Ng** này cũng có sự sầu bi ưu não ở trong lòng, nóng nảy khổ sở, và đến nỗi phải thọ mạng diệt. Vị Tỳ Khuru **Ng** này liền đi tục sinh ngay tức khắc ở trong Cõi Địa Ngục.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* của vị Tỳ Khuru **Ng** đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống này cho có được cơ hội để trở sanh quả báo.

**5. Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ, khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **C** là một người Tà Kiến, bất tín Tội - Phúc, có sự nhìn thấy rằng việc sát mạng loài Hữu Tình là không có tội nên người sẽ làm điều xấu ác; và việc bỏ bát cúng dường cho vị Tỳ Khuru, tụng đọc kinh, v.v. với những thể loại này thì không có phước báu, và sự hiện hữu của tất cả loài Hữu Tình ở trong thế gian này, chỉ đến cả Đức Phật là bậc kiến tạo lên hết tất cả, cũng không có phước báu chi cả. Tiếp đến, nam nhân **C** đã đi làm thành kẻ nô dịch ở trong nhà của người có tâm lòng phúc hậu, đã thường luôn tạo tác ra

Phước Báu trong việc Xả Thí cho ra, chẳng hạn như thường luôn mỗi ngày có việc bỏ bát cúng dường, và đi Thính Pháp nghe thuyết giảng trong những ngày Bồ Tát Trai Giới, v.v. Và rồi nam nhân **C** sẽ phải có bồn phận trong việc nấu cơm, sắp bày các lễ vật cho việc bỏ bát cúng dường của vị gia chủ làm thành mỗi ngày luôn đến cả ngày Bồ Tát Trai Giới, và lại phải thường luôn tháp tùng đi theo vị gia chủ của mình đến Tự Viện. Việc thực hiện như vậy đã làm cho tâm thức của nam nhân **C** từ bỏ được việc nhìn thấy sai lầm tà kiến ấy, và đã khởi sinh lên sự sùng tín ở trong Phật Giáo. Đến khi nam nhân **C** thọ bệnh dẫn đến việc cận tử lâm chung, tâm thức của nam nhân **C** này không có sự sầu bi ưu não ở trong bất luận một trường hợp nào cả, là vì nam nhân **C** chỉ có mỗi một thân một mình, không có tài sản của cải chi cả. Vì thế mới không có cái chi để sẽ phải bị bồn chồn lo lắng. Với tác nhân này, chủng loại thô thiển Tham, Sân, Si có năng lực dững mãnh cũng không có thể khởi sinh đến với nam nhân **C** được. Khi nam nhân **C** thọ mạng diệt thì đã được đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng. Tuy nhiên Thiện Sự có việc nấu cơm bỏ bát, Thính Pháp nghe thuyết giảng, v.v. mà nam nhân **C** đã có được thường luôn thực hiện đó, cho dù sẽ không có đủ năng lực cho trở sanh quả báo đến với nam nhân **C** để được đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng.

Sự việc này, là cũng do bởi Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.

**6.** *Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** ở trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:*

Nam nhân **Ch** đã từng được thọ giới xuất gia, đã từng được nghiên cứu học hỏi ở trong các câu chuyện về Phật Pháp, và đã từng được tu tập An Chỉ và Minh Sát. Tiếp đến, nam nhân **Ch** đã hoàn tục ra đời, rồi lại phải kết hợp với việc mưu sinh, mà việc mưu sinh của nam nhân **Ch** thuộc thể loại mưu sinh có liên quan với điều bất thiện, tức là loại Ngư Nghiệp, làm nghề đánh bắt cá. Tuy nhiên nam nhân **Ch** vẫn thường luôn tạo tác ra Phước Báu qua việc bỏ bát cúng dường mỗi ngày đến vị Tỷ Khưu và thường luôn quan tâm để ý tác hành một cách không gián đoạn, còn các Thiện Sự khác thì nam nhân **Ch** lại không có cơ hội để thực hiện. Khi nam nhân **Ch** quán sát đến

sự tác hành của bản thân mình, thì cũng nhận thức được rằng việc mưu sinh mà mình đang thực hiện đây, là thuộc thể loại bất thiện, sẽ không thể nào chuyển đổi việc mưu sinh mới được, là vì bản thân không có được kiến thức ở các thể loại khác được. Vì thế tự bản thân sẽ phải thiết yếu tìm kiếm Thiện Sự để làm thành chỗ nương nhờ cho chính mình. Nam nhân **Ch** khi đã nghĩ suy như vậy rồi, thì quan tâm để ý đến việc bỏ bát cúng dường mỗi ngày đến vị Tỳ Khưu mà không gián đoạn, kết hợp với cả sự hân hoan duyệt ý ở trong việc thực hiện của mình. Đến khi nam nhân **Ch** sẽ phải cận tử lâm chung thì tâm thức của nam nhân **Ch** cũng thường không có khởi sanh lên sự sầu bi ưu não ở trong bất luận một trường hợp nào cả. Và thế là khi nam nhân **Ch** thọ mạng diệt thì nam nhân **Ch** đã đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng, với mãnh lực từ nơi *Trì Giới Thiện Hạnh (Silakusala)* hoặc *Tu Tập Thiện Hạnh (Bhàvanà Kusala)* mà nam nhân **Ch** đã từng có kiến tạo ở ngay trong kiếp sống này.

*Trì Giới Thiện Hạnh* hoặc *Tu Tập Thiện Hạnh* của nam nhân **Ch** đây, khi truy niệm nghĩ tưởng đến việc mưu sinh đã là bất thiện, thì cũng có sự hiểu biết được rằng sẽ không có cơ hội để trở sanh quả báo. Mà trái lại trở sanh quả báo cho nam nhân **Ch** được đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên ở tầng bậc thượng đây, đích thị chính là do bởi nương vào việc *Thí Thiện* mà nam nhân **Ch** đã thường luôn thực hiện mỗi ngày đến vị Tỳ Khưu, làm thành *Thiện Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ cho *Trì Giới Thiện Hạnh* và *Tu Tập Thiện Hạnh* ngay trong kiếp sống hiện tại cho có được cơ hội để trở sanh quả báo.

**7. Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** ở trong kiếp sống quá khứ, khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **J** kể từ khi còn trẻ thơ cho đến lớn lên thành thanh niên, là người có Thiện Tâm, mỗi ngày phụ giúp Mẹ Cha bỏ bát cúng dường đến vị Tỳ Khưu, và mỗi ngày cũng cùng với Mẹ Cha đi Thính Pháp nghe thuyết giảng, và lại thường luôn có việc phóng khí Xả Thí, với sở nguyện kỳ vọng là nếu như nam nhân **J** mệnh chung thì nhất định sẽ không phải bị đọa vào trong Cõi Địa Ngục. Tiếp đến, nam nhân **J** đã có gia đình, thế rồi việc thực hiện các Thiện Sự lại phải từ từ giảm xuống dần, không còn có cơ hội để thực hiện giống như trước kia nữa, là vì phải hành nghề để dưỡng nuôi gia đình. Tâm thức chỉ có mãi mê miệt mài ở trong việc tìm kiếm bạc vàng, và lại cứ mãi đắm đuối mê say ở trong các lạc thú vui chơi. Chỉ toàn là bất thiện có liên quan với tất cả các điều *Ác Hạnh (Duccarita)*, nam nhân **J** này cứ mãi mê tạo tác như vậy cho đến khi nam nhân **J** mệnh chung. Và với tác nhân

này, khi nam nhân **J** thọ mạng diệt, thì liền đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục, là do bởi nương vào Bất Thiện Tâm đã thường luôn sanh khởi ở trong giai đoạn sau của cuộc đời này, giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện mà nam nhân **J** đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước đó nữa, và nay đã có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.

**8. Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** ở trong kiếp sống hiện tại, khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Jh** kể từ khi còn trẻ thơ cho đến lớn lên thành thanh niên, không từng có tạo tác Thiện Sự nào cả, và chỉ lo kết bạn mà rủ nhau rong chơi. Đôi khi rủ nhau đi uống rượu cũng có, đôi khi thì rủ nhau đi ăn trộm ăn cắp cũng có. Thực hiện như vậy mãi cho đến có đủ tuổi thọ để xuất gia, người quản lý mới cưỡng bức nam nhân **Jh** xuất gia để sẽ từ bỏ thói quen tập khí cũ bất thiện ấy đi. Nam nhân **Jh** này cũng đồng ý xuất gia, và ở trong khoảng thời gian xuất gia ấy, thì vị Tỳ Khuru **Jh** cũng chấp tác bổn phận của vị Sa Môn một cách tốt đẹp, và rồi chú tâm dò mài kinh sử về Pháp Học không gián đoạn. Khi trải qua một thời gian dài với ước lượng tuổi đạo được ba Hạ Lạp (**Vassa**) thì niềm tịnh tín cũng đã thối giảm, việc chấp tác bổn phận của vị Sa Môn cũng giảm sút xuống dần, không còn chú tâm dò mài kinh sử giống như thuở trước kia, ưa thích ra khỏi Tự Viện đi rong chơi, chuyện trò với người này người nọ trong các câu chuyện vô ích, ưa thích nghe máy thu thanh cũng có, đọc báo chí và sách vở theo con đường thế tục cũng có, và tìm kiếm thời gian để đi học hỏi kiến thức hiệp thế. Khi chuẩn bị hoàn tục về lại nhà thì tâm thức trạo cử phóng dật, hời hợt không yên, không giống như thuở trước kia. Vị Tỳ Khuru **Jh** có tâm thức cứ mãi miệt mài đi theo con đường thế tục như vậy, suốt trọn thời gian ước lượng là 2 – 3 năm, rồi đột nhiên dẫn đến việc mạng vong khi mà vẫn chưa kịp được hoàn tục. Khi vị Tỳ Khuru **Jh** đã mạng vong rồi, thì liền đi tục sinh ở trong Cõi Bằng Sanh Địa Giới, đích thị chính là với mãnh lực từ ở nơi Bất Thiện đã sanh khởi ở trong những giai đoạn sau này, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện mà vị Tỳ Khuru **Jh** đã từng có tạo tác trước thời gian xuất gia.

**2b/. Bảo Hộ Nghiệp Lực** giúp đỡ ủng hộ **Xuất Sinh Nghiệp Lực** đang có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn ấy, thì có được mười thể loại, đó là:

1. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
2. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
3. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
4. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
5. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
6. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
7. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
8. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
9. Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
10. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.

**1.** *Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn ấy, chẳng hạn như là:*

Nam nhân **K** là người có tánh khí tĩnh tịnh, có tâm thức điềm tĩnh, có Tâm Quý đối với tội ác, không tạo điều Ác Hạnh, tác hành Thiện Sự chỉ là chút ít nhỏ nhoi, không thực hiện điều chi quy mô thạc đại cả, chỉ vì có trú xứ không được tốt lắm. Việc huấn tập tâm thức ở trong các câu chuyện về Phật Pháp thì cũng không có được cơ hội, là vì chỉ lo miệt mài mãi trong việc

mưu sinh. Thế rồi, nam nhân **K** đã đến lúc phải cận tử lâm chung, thì khởi sinh lên tâm thức an tịnh và phần Thiện Nghiệp lại khởi sinh. Vì thế, khi nam nhân **K** mệnh chung rồi, thì đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên có trú xứ xinh đẹp.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà nam nhân **K** đã từng có tác hành tích lũy ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn.

**2. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn ấy, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Kh** là một người có tấm lòng phúc hậu, thường luôn tác hành Thiện Sự, không có tạo tác bất luận một điều Ác Hạnh nào, là vì sợ hãi đối với Tội Ác. Đến khi nam nhân **Kh** cận tử lâm chung, thì khởi sinh lên tâm thức an tịnh và phần Thiện Nghiệp đã khởi sinh. Thế rồi, khi nam nhân **Kh** đã mệnh chung, thì đi tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên có trú xứ cao thượng.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà nam nhân **Kh** đã có tác hành tích lũy trước khi mệnh chung mà đã có được cơ hội để cho trở sanh quả báo rồi, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn.

**3. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **G** có tánh khí bủn xỉn keo kiệt, không ưa thích trong các câu chuyện về Thiện Sự, chỉ lo nỗ lực tìm kiếm bạc vàng mà thôi, tuy nhiên không có tạo tác bất luận điều Ác Hạnh nào cả. Đến khi cận tử lâm chung thì tâm thức đã bất an tịnh và phần Bất Thiện Nghiệp khởi sinh. Vì thế, khi nam nhân **G** mệnh chung mới phải đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ Địa Giới và thụ lãnh nhiều sự khốn khổ.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà nam nhân **G** đã từng có tạo tác tích lũy ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có cơ hội cho trở sanh quả báo, cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn.



**4. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Ng** phần nhiều là có Tâm Bất Thiện; bất tín Tội – Phức, Công Đức – Tội Lỗi; chẳng tin rằng sau khi mạng vong sẽ còn phải đi tục sinh nữa; bất tín Địa Ngục – Thiên Đường. Với tác nhân này, nam nhân **Ng** mới tạo tác điều chi, đều tùy tiện theo sở thích của mình, và chẳng tin một ai. Đến khi cận tử lâm chung, thì đã sanh khởi lên tâm thức sâu bi ưu não. Thế là, khi nam nhân **Ng** mệnh chung rồi, mới phải đi tục sinh ở trong Cõi Giới Địa Ngục và ở tại nơi đó đã phải thụ lãnh thống khổ hết thời gian lâu dài.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà nam nhân **Ng** đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn.

**5. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

**D, J, C** là những người con của một người có tâm lòng phúc hậu. Mẹ Cha đã thường luôn dạy bảo cho họ biết được việc bỏ bát cúng dường, tụng đọc kinh, và lễ bái Chư Tăng. Tuy nhiên **D, J, C** đây, có tuổi thọ chỉ vừa tròn đủ lên năm tuổi thì đã mạng vong, rồi đã đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Giới.

Sự việc này là cũng do bởi Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà những người con **D, J, C** đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn.

**6. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Ch** là con trẻ của một người có tâm lòng phúc hậu. Mẹ Cha có sự hiểu biết ở trong Phật Pháp, vì thế mới dạy bảo nam nhân **Ch** cho có sự hiểu biết ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, hiểu biết về Tội – Phức. Nam nhân **Ch** cũng có niềm tin, và đã thực hành theo lời chỉ dạy của Mẹ Cha một cách tốt đẹp, đã thường luôn tinh tấn thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và chỉ có chút ít Tâm Bất Thiện khởi sanh ở trong đời. Với tác nhân

này, khi nam nhân **Ch** mệnh chung, thì liền đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Giới, làm vị Thiên Tử ở tầng bậc cao.

Sự việc này, đích thị chính là do bởi Thiện mà nam nhân **Ch** đã thường luôn tạo tác, đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* của nam nhân **Ch** mà sanh khởi ở trong kiếp sống hiện tại, cho có được năng lực trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn. Đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* đã có được cơ hội trở sanh quả báo, đó là Thiện mà sanh trước trước cũng được, hoặc là Thiện mà sanh sau sau cũng được. Nếu như Thiện Nghiệp Lực mà sanh trước trước có được cơ hội trở sanh quả báo rồi, thì Thiện Nghiệp Lực mà sanh sau sau sẽ giúp đỡ ủng hộ cho có được khởi sinh năng lực; và nếu như Thiện Nghiệp Lực mà sanh sau sau có được cơ hội trở sanh quả báo rồi, thì Thiện Nghiệp Lực mà sanh trước trước cũng giúp đỡ ủng hộ cho có được khởi sinh năng lực.

**7. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **J** là con trẻ của một người không có được tôn kính Phật Giáo. Và kể từ khi còn trẻ thơ cho đến lớn lên thành thanh niên, cũng không từng được đón nhận việc huấn tập trong câu chuyện Tội – Phúc, không có việc tôn kính lễ phép đối với bậc cao niên trưởng thượng, và chỉ ưa thích vui chơi các lạc thú; tuy nhiên sự thực hành của nam nhân **J** này không dẫn đến Ác Hạnh. Khi nam nhân **J** đã mệnh chung rồi, thì phải đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà nam nhân **J** đã từng tạo tác ở trong kiếp sống quá khứ đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo cho được thành tựu viên mãn.

**8. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **Jh** là một người Tà Kiến, bất tín Tội – Phúc, thấy rằng việc tạo ra Phước Báo thì chẳng có chi là hữu ích cả, có tạo ra rồi thì cũng hoàn không, cúng vái Thần Linh thì thà tốt hơn là đi ăn, thọ trì bát giới thì cũng chẳng có lợi ích chi, nhịn ăn cơm nước là việc nhịn vô ích, việc thực hành huấn tập tâm thức thì cũng chẳng hữu ích gì, mất hết thời gian và lại khôn khổ thêm vô ích, chẳng cần phải làm chi cả cũng được thôi. Người đã chết mất rồi thì

tất cũng phải tục sinh thành người khác nữa, chớ đã chết mất rồi thì tất cũng tái tục thành kiếp chớ khác nữa, như vậy v.v. Thế là, nam nhân **Jh** này mới phần nhiều là chỉ tạo tác ra bao tác nghiệp. Đến khi nam nhân **Jh** đã mệnh chung rồi, thì liền đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục, và phải thụ lãnh cảm thọ thống khổ cực kỳ nghiêm trọng.

Sự việc này là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi đã giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà nam nhân **Jh** đã thường luôn tạo tác ngay ở trong kiếp sống này đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn.

**9. Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:**

Nam nhân **N** có lòng tin sắt đá ngán ngẫm ở trong giới người thế tục, là vì chỉ có được cơ hội kiến tạo chút ít Thiện Sự hiện hành ở trong lộ trình lại quá nhiều Bất Thiện, không có bạc tiền thì cũng khôn khổ vì chẳng có chi để mà ăn mà sống, mà đã có rồi cũng lại khôn khổ, là vì phải bận lo âu sợ hãi. Nam nhân **N** khi đã nhìn thấy điều tội lỗi khôn khổ như vậy rồi, mới xa lánh giới người thế tục và đi vào con đường xuất gia ở trong Phật Giáo. Khi đã xuất gia xong, thì đã lắng lòng chú tâm trau dồi tu tập ở trong các *điều học (Ganthadhura)*, và thọ trì Giới Luật một cách nghiêm mật. Khi đã kết thúc việc học hỏi nghiên cứu xong, thì tiếp theo là lắng lòng chú tâm chỉ dạy đến Chư Tỷ Khưu, Sa Di, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ. Khi đã có tuổi thọ cao niên thì lại trau dồi hành trì *Thiền Minh Sát (Vipassanadhura)* và thực hiện việc hướng dẫn giảng dạy cho tất cả cùng biết với, hành trì như vậy mãi cho đến thọ mạng diệt. Khi đã mệnh chung rồi, thì liền đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Giới thành vị Thiên Tử ở tầng bậc cao thượng. Các *Thiện Nghiệp Lực* cũ mà nam nhân **N** đã có kiến tạo ở trong kiếp sống quá khứ làm thành *Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực* cũng có được hiện hữu, tuy nhiên *Thiện Nghiệp Lực* mà nam nhân **N** khởi lên kiến tạo mới ở trong kiếp sống hiện tại này, thì lại có năng lực mãnh liệt hơn; vì thế các *Thiện Nghiệp Lực* cũ ấy mới không có đủ năng lực để sẽ trở sanh quả báo tái tục được, mới tác hành nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo được thành tựu viên mãn.

Tất cả các bậc Giác Hữu Tình (*Bồ Tát*) cũng tương tự như vậy, là khi thọ mạng diệt trong kiếp sống cũ và đi tục sinh trong kiếp sống mới, với các Pháp Toàn Thiện (*Pàrami – Ba La Mật*) mà đã có kiến tạo ở trong các kiếp sống cũ ấy,

thì cũng thường giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trở sinh quả báo, thì càng cho có được thêm nhiều năng lực; tức là cho được đi tục sinh ở trong dòng tộc cao quý, cho có được vị trí cao quý, tương tự như nhau.

**10.** *Bất Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** ở trong kiếp sống hiện tại đang có được cơ hội để cho trở sinh quả báo, thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sinh quả báo được thành tựu viên mãn, chẳng hạn như là:*

Nam nhân **Nh** là người có tâm nham hiểm độc ác một cách thô bỉ, không từng làm bất luận một việc Thiện nào cả, chỉ có làm việc Bất Thiện suốt mà thôi, tức là sát mạng loài Hữu Tình cũng có, trộm cắp tài sản cũng có, gian lận lừa đảo của người cũng có, v.v. Vì thế, khi nam nhân **Nh** mệnh chung, Bất Thiện Nghiệp mà mình đã có tạo tác trong kiếp sống này có được cơ hội trở sinh quả báo, đã làm cho nam nhân **Nh** phải đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục. Các Bất Thiện Nghiệp cũ mà nam nhân **Nh** đã từng có tạo tác tích lũy để ở trong kiếp sống quá khứ cũng đã giúp đỡ ủng hộ cho Bất Thiện Nghiệp đang trở sinh quả báo cho có được năng lực thành tựu viên mãn. Cũng ví như người mà đã từng có hành vi phạm pháp rất nhiều lần rồi, nhưng khi đến lần về sau thì đã bị bắt. Khi tòa án xét xử tội lỗi của kẻ ấy thì đã kết hợp lấy hết tất cả các vụ kiện cũ đem nhập vào chung mà xét xử cùng, rồi phán quyết tội lỗi của kẻ ấy cho gia bội nặng thêm lên. Điều này trình bày cho thấy rằng việc tạo tác các tội lỗi sai lầm tích lũy để ở các thời khắc trước, cho dù quả thật là sẽ thoát khỏi việc bị bắt đi nữa, nhưng đến khi bất luận thời khắc nào mà người ấy đã bị chụp bắt rồi, thì đích thị chính là sự lỗi lầm cũ ấy cũng thường giúp đỡ ủng hộ đối với sự lỗi lầm ở thời khắc về sau, cho phải đón nhận tội lỗi gia bội nặng thêm lên, như vậy.

**2c/.** ***Bảo Hộ Nghiệp Lực** giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Di Thực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và tồn tại lâu dài, thì có được bầy thể loại, đó là:*

1. *Thiện mà đã từng tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.*
2. *Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.*
3. *Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.*

4. Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
5. Thiện mà đã từng tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
6. Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
7. Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

Kể từ điều thứ nhất cho đến điều thứ bốn trình bày theo phần *Chú Giải* và *Căn Nguyên Phụ Chú Giải (Mùlaṭṭhā)*. Điều thứ năm cho đến điều thứ bảy trình bày theo phần *Siêu Lý Giải Minh Phụ Chú Giải (Paramatthadīpanīṭṭhā)* và *Ngôn Ngữ Phụ Chú Giải (Bhāsāṭṭhā)*.

1. *Thiện mà đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại*, chẳng hạn như là kim thân Đức Phật, sắc da phu sắc, âm thanh, v.v. cả nội phần ngoại phần, và việc nhìn thấy, việc được nghe, v.v., của bậc Chánh Đẳng Giác thường có sự thanh lương xinh đẹp đặc thù hơn tất cả Nhân Loại, và các loại Cảnh mà đã được tiếp thu mà phần nhiều đều là Cảnh tịnh hảo. Sự việc này, đích thị chính là cũng do bởi các Pháp Toàn Thiện (*Paṇamī – Ba La Mật*) mà Đức Phật Ngài đã từng kiến tạo ở trong các kiếp sống trước, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được tiến hóa và cho được tồn tại.

2. *Thiện mà đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được tiến hóa và cho được tồn tại*, chẳng hạn như là người có Tâm Thiện, đề cập đến người thường hay giúp đỡ đến người lâm cảnh khốn khổ, là người thường luôn giúp đỡ xây dựng các công việc ở trong Phật Giáo cho được tiến hóa phồn thịnh lâu dài, và là người tự tuân thủ thọ trì thường luôn sống ở trong *Đức Hạnh (Sīladhamma - Giới Pháp)*. Với mãnh lực từ ở nơi những thể loại Thiện Sự này, đã làm cho người ấy thường luôn có được sự an lạc về thân an lạc về tâm, da dẻ phu sắc thanh tịnh, có được danh thơm tiếng tốt, và thường luôn tiếp thu các Cảnh thiện hảo, tức là được thấy Cảnh Sắc tốt, được nghe âm thanh tốt, v.v. luôn cả xa lìa những tật bệnh điều nạn tai, có được sức lực khỏe mạnh, và tuổi thọ lâu dài. Khi khởi sanh ốm đau bệnh hoạn thì cũng thường gặp thầy lang giỏi, thường có được thuốc thang tốt chữa trị cho mau chóng khỏi, thường có người giúp đỡ chăm sóc nuôi dưỡng cho được đón nhận sự an vui lạc thiện với đủ mọi thể loại. Tất cả những sự việc này, đích thị chính là cũng do bởi Thiện Nghiệp đã có được tạo tác ở trong kiếp sống quá khứ,

đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được tiến hóa và cho được tồn tại lâu dài.

3. *Bất Thiện mà đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại*, chẳng hạn như sự sống của tất cả loài Hữu Tình Địa Ngục và Ngạ Quỷ quá đối thống khổ một cách cùng cực. Tuy nhiên những hạng Hữu Tình ấy cũng vẫn mãi tồn tại mạng sống miên trường một cách khác thường; và có một vài con chó phải chịu đói chịu khát một cách khôn khổ, khắp cả toàn thân lại bị ghẻ lở, đến gần với một ai thì bọn chúng bị đánh đập xua đuổi, và phải chịu thụ lãnh cảm thọ thống khổ vô cùng, cho dù đến đối như thế đi nữa, tuy nhiên bọn chó ấy cũng vẫn có khả năng để duy trì mạng sống của mình kéo dài được rất nhiều tháng, rất nhiều năm. Có một vài nhóm người cũng tương tự như vậy, có xác thân phải mang căn bệnh mãn tính, ốm đau bệnh hoạn hành hạ vô cùng khôn khổ; tuy nhiên vẫn không thể nào chết một cách dễ dàng được, phải chịu thụ lãnh sự thống khổ cùng cực rất là lâu dài. Những thể loại này cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi *Bất Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực* ở trong các kiếp sống trước, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

4. *Bất Thiện mà đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại*, chẳng hạn như người mắc chứng bệnh ở thân mãn tính, tức là bệnh ngoài da, bệnh dây thần kinh, v.v. và có trạng thái đau nhức thường xuyên. Những thể loại bệnh này phát sanh từ ở mãnh lực của *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*, tuy nhiên người này lại không có việc chú tâm trong vấn đề chữa trị xác thân, mà cứ mãi thường xuyên uống rượu và các chất say, vì thế căn bệnh đang hiện hữu ấy mới trở nên trầm trọng hơn, đã làm cho phát sanh lên cảm thọ thống khổ về thân một cách trầm kha.

Một trường hợp khác nữa, loài Hữu Tình Bàn Sanh chẳng hạn như cạp, mèo, thằn lằn, v.v. Những thể loại này thường phát sanh lên từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*, và những thể loại Hữu Tình này cũng có việc hành hạ sát hại các loài Hữu Tình khác, làm thành vật thực để ăn, làm cho xác thân của những loài Hữu Tình này được phát triển to lớn lên và tồn tại cho đến trọn đời.

Sự việc này, đích thị chính là cũng do bởi Bất Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống này, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

5. *Thiện mà đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được*

*phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như có một vài con chó được chủ nhân nuôi nấng hết mực thương yêu, đã được đón nhận sự an vui ở trong chỗ ở việc ăn một cách tốt đẹp. Trong sự việc mà con chó đã được đón nhận sự an vui ở những thể loại như vậy, đích thị chính là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Thiện Nghiệp Lực mà con chó ấy đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp, tức là xác thân của con chó ấy, và Danh Pháp, tức là Tâm Hữu Phần (**Bhavaṅgacitta**) khởi sinh lên từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.*

**6.** *Thiện mà đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như có một vài con chó có sự tinh khôn dạy bảo dễ dàng, đã biết bày tỏ việc lễ kính đối với chủ nhân và người khác, có việc ngồi xuống và đưa tay lên vái lạy, v.v. đã làm cho chủ nhân và người khác được nhìn thấy đã phát sanh lên lòng xót thương và đem lòng thương yêu, và nuôi dưỡng cho được đón nhận sự an vui thích thú, được cho ăn các loại vật thực tốt đẹp, và đã được đón nhận sự nâng niu, âu yếm một cách đặc biệt. Hoặc là chim vẹt, chim khướu đã được chủ nhân dạy cho biết nói, cho biết tụng kinh, cho biết nói lời chào hỏi vắn an, đã làm cho người được nghe phát sanh lên sự thương yêu lân ái, và đã đem vật thực đến cho được ăn no nê, cùng với việc được đón nhận sự an vui thích thú. Những thể loại này cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Thiện Nghiệp Lực mà chó và chim ấy, đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống này, đích thị chính là việc bày tỏ sự lễ kính, v.v., đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** của chó và chim ấy, cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.*

Tất cả các nhóm Ngạ Quỷ mà đã có được đón nhận phần Phước Báo từ ở nơi thân bằng quyến thuộc, và tự ở bản thân mình cũng đã có được *Tùy Hỷ Công Đức* (**Anumodanà**) ở trong phần Thiện Công Đức ấy. Với mãnh lực từ ở nơi việc *Hồi Hương Thiện Phước Báo* hoặc là *Hoan Hỷ Thọ Lãn Thiện Phước Báo* (**Pattànumodanà**) mà tất cả các nhóm Ngạ Quỷ đã có thực hiện theo đó, thì thường làm cho có được đón nhận sự an vui, và đã cho được thoát khỏi các sự hành hạ thống khổ. Có được như vậy, đích thị chính là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo tác ra, đã giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** của tất cả các nhóm Ngạ Quỷ ấy, cho được phát triển và cho được tồn tại lâu dài.

**7.** *Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi **Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực** cho được phát triển và cho được tồn tại, chẳng hạn như người có việc mưu sinh bằng nghề đánh cá, bán buôn vũ khí, bán rượu và chất say, rồi phát sanh lên sự giàu có, có sự an vui*

thoải mái trong việc ăn uống, việc tiêu xài, việc dưỡng nuôi duyệt ý lạc thú, bởi do nương vào những thể loại mưu sinh này. Hoặc là đất nước có sự phát triển phồn thịnh và có quyền lực, do bởi nương vào các quân bị. Việc làm nghề đánh cá, việc bán buôn vũ khí, việc buôn bán chất say, việc tạo ra các loại vũ khí đây, tất cả đều là Bất Thiện hết cả thấy, tuy nhiên những thể loại Bất Thiện này làm thành phương dụng giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và cho được tồn tại.

Phân loại của *Bảo Hộ Nghiệp Lực* ở trong điều thứ bảy này, thì hiện hành không xác định, chỉ có ở trong giai đoạn của *thời kỳ biến động bất thường (Kàlavipatti)*, và không có ở trong *thời kỳ thành tựu an lạc (Kàlasampatti)* được.

**3. Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīlakakamma):** Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, và cản trở bức hại các Nghiệp Lực khác.

Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “**Kammantaram và kammanibbatta khandhasantānam và upapīletiti = Upapīlakam**”- “*Bất luận Nghiệp nào thường bức hại các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sanh khởi của Ngũ Uẩn từ nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Chướng Ngại Nghiệp Lực.*”

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực. Có ý nghĩa là *Chướng Ngại Nghiệp Lực* này, là loại Nghiệp Lực bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, kết hợp lại thì có hai thể loại, đó là:

- (1) có thực tính đối nghịch lại với mình (**Kammantara upapīlaka**),
- (2) bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* ấy (**Kammanibbattakhandhasantāna upapīlaka**).

(*Chú thích: “Upapīlakakamma” – Chướng Ngại Nghiệp Lực còn được gọi là Ngăn Trở Nghiệp Lực, Nghịch Chiều Nghiệp Lực. Thường được gọi là Bồ Đông Nghiệp Lực, có chiều hướng làm giảm suy năng lực, ngăn chặn, và làm chậm trễ cho việc trở sanh quả báo của Xuất Sinh Nghiệp Lực. Ví dụ như một người đã được sanh ra với Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, nhưng lại ốm đau bệnh hoạn, v.v. không thể nào trọn hưởng những quả báo an lạc của việc tác hành Thiện Nghiệp ở trong kiếp sống quá khứ. Trái lại, trường hợp một loài Hữu Tình Bàng Sanh đã được sanh ra với Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực, nhưng lại có thể thụ hưởng một kiếp sống an lạc thoải mái, tiện nghi như được chủ nhân tâm tui, thương yêu, cho các vật thực ngon tốt thích hợp, v.v. là cũng do bởi hệ quả của Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực đã cản ngăn, và không để cho Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực trở sanh quả báo.*)

*Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, và có thực tính đối nghịch lại với mình, thì có hai thể loại đường hướng bức hại, đó là:



(1) Bức hại cho có được cơ hội để trở sanh quả báo,  
(2) Bức hại *Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo xong rồi, thì cho có năng lực làm suy giảm xuống, không cho quả trở sanh đạt mức tối đa.

Vì thế, việc bức hại của *Chương Ngại Nghiệp Lực* này có ba thể loại, đó là:

(1) *Chương Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo,

(2) *Chương Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống,

(3) *Chương Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

**(1) *Chương Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo, thì có được hai phân loại, đó là:**

**a/.** Thiên tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo,

**b/.** Bất Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo.

*Chương Ngại Nghiệp Lực* này, đích thị chính là *Bảo Hộ Nghiệp Lực* đó vậy, tức là trong sát na đang tác hành nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ các *Nghiệp Lực* khác, và trong cùng một thời điểm với lúc ấy thì cũng đã tác hành nhiệm vụ bức hại luôn cùng. Vì thế, việc nêu lên thí dụ dẫn chứng của *Thiện Chương Ngại Nghiệp Lực* trong điều thứ nhất rằng “*Thiên tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo*” đó, thì cũng được hiện hành trong cùng một phương thức với việc nêu lên thí dụ dẫn chứng của *Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực* ở trong điều thứ nhất rằng “*Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực ở trong kiếp sống quá khứ mà vẫn chưa có được cơ hội để cho trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo*” đó vậy.

Trong điều thứ hai nói rằng “*Bất Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo*” đó, thì đã có được nêu lên thí dụ dẫn chứng cũng hiện hành trong cùng một phương thức với *Bất Thiện Bảo Hộ Nghiệp Lực* ở trong điều thứ ba rằng “*Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực ở trong kiếp sống quá khứ mà vẫn chưa có được cơ hội để cho trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo*” đó vậy.

(2) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác mà đã có được cơ hội để cho trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống, thì có được hai phân loại, đó là:

a/. Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

b/. Bất Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ nhất, thì chẳng hạn như Đức Vua *Ajàtasattu* là người đã tạo tác ra *Vô Gian Nghiệp Lực (Anantarikakamma)* tức là *Sát Phụ Nghiệp Lực (Pitughàtakamma)* một cách nghiêm trọng. Với Nghiệp Lực này sẽ phải thụ lãnh quả báo đọa vào *Vô Gian Đại Địa Ngục (Avìcimahànaraka)*. Tuy nhiên Đức Vua *Ajàtasattu* đã có kiến tạo rất nhiều *Thiện Nghiệp Lực*, đó là người đã bảo trợ hộ trì Phật Giáo, chẳng hạn như trong việc *trùng thuyết Tam Tạng kinh điển (Saṅgàyàya)*, thì Đức Vua *Ajàtasattu* là một vị bảo trợ tích cực; và trong tất cả các hạng Phạm Phu, thì Đức Vua *Ajàtasattu* là người sùng tín tôn kính cùng tột đến với Đức Chánh Đẳng Giác. Bởi do thế, chính do mãnh lực của các *Thiện Nghiệp Lực* mới giúp đỡ cho Đức Vua *Ajàtasattu* không phải bị đọa vào ở trong *Vô Gian Đại Địa Ngục*, đó là một hầm Địa Ngục to lớn, mà chỉ phải bị đọa vào ở trong *Hỏa Khanh Du Tăng Địa Ngục (Lohakumbhì Ussadanaraka)*, đó là một hầm Địa Ngục nhỏ, thuộc thành phần phụ gia của *Vô Gian Đại Địa Ngục*.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, thì chẳng hạn như việc tạo tác *Thiện Nghiệp Lực* mà xen kẽ với *Bất Thiện Nghiệp Lực*, tức là trong sát na đang có sự hân hoan phấn khởi vui mừng và nhìn thấy sự hữu ích ở trong việc tạo tác *Thiện Nghiệp Lực*, tuy nhiên khi đã tạo xong rồi thì khởi sanh lên *Bất Thiện* có liên quan với sự bất toại nguyện cũng có, hối tiếc tiền bạc cũng có. Những thể loại này đã làm cho quả báo của *Thiện Nghiệp Lực* ấy có năng lực bị suy giảm xuống. Chính vì thế, một khi người này mệnh chung đi, thì thay vì sẽ được đi tục sinh làm thành *Người Tam Nhân (Tihetukapuggala)*, trái lại chỉ thành *Người Nhị Nhân (Dvihetukapuggala)*. Sự việc này đích thị chính là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi *Bất Thiện Nghiệp Lực* sanh khởi đã xâm nhiễu và bức hại *Thiện Nghiệp Lực* làm cho có năng lực bị suy giảm xuống.

Lại nữa, có một vài hạng người khi đã sanh thành Nhân Loại, tuy nhiên đến khi được ra khỏi từ ở nơi bụng người Mẹ rồi, thì lại hiện bày là người mù mắt, tai điếc, mũi hồng, v.v. Tuy nhiên sự ra đời của những hạng người này cũng do bởi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà đã làm cho người ấy đã được sanh làm thành

Nhân Loại, lại bị *Bất Thiện Chương Ngại Nghiệp Lực* bức hại đã làm cho có năng lực bị suy giảm xuống. Chính vì thế, gặp đến thời lúc thích hợp thì mắt, tai, mũi v.v. đáng lý sẽ được hiện bày thì trái lại không thể hiện bày lên được, lại trở thành người mù mắt, tai điếc, v.v. ngay khi vừa mới ra đời.

(3) *Chương Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực*, thì có được hai phân loại, đó là:

a/. *Bất Thiện Chương Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

b/. *Thiện Chương Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ nhất, thì chẳng hạn như người mà được sanh ra có một cơ thể khỏe mạnh, thành người rắn chắc mạnh mẽ, không có ốm đau bệnh tật. Tuy nhiên khi trở về sau thì phát sanh thành ốm đau bệnh tật, chẳng hạn như bệnh ngoài da, bệnh bại liệt, làm cho việc đi lại không được; hoặc tâm trí rối loạn bất an, tính khí thất thường, trở thành người có tâm thần bất định; hoặc nếu như không có ốm đau bệnh tật đến bức hại thì cũng phát sanh lên sự diễn tiến ở trong vấn đề tài sản của cải, danh vị, người ăn kẻ ở tùy tùng, phải bị đón nhận các sự mất mát tổn hại. Việc mưu sinh cũng không được phát triển, chỉ có lỗ vốn khánh tận, làm cho phát sanh sự khó khăn khổ sở, tâm trí đều toàn là Quả Dị Thục Bất Thiện hết cả thấy. Những thể loại này cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi *Bất Thiện Chương Ngại Nghiệp Lực* mà mình đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước đó, hoặc kiếp sống này xâm nhiễu bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, thì chẳng hạn như người mà sanh ra thành người nghèo khổ, hoặc người ốm đau bệnh hoạn, có sự khổ sở vất vả, đã là thành quả trở sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*. Tuy nhiên người ấy lại thường luôn nỗ lực tinh cần tác hành Thiện Sự, thọ trì Giới Luật, vừa theo thích hợp đối với khả năng của mình. Tiếp đến về sau các sự khổ sở vất vả, với những thể loại như thế cũng tan biến đi, việc tìm kiếm miếng ăn nước uống cũng khởi sinh lên dễ dàng. Việc ốm đau bệnh hoạn đã từng có thì cũng gặp được thuốc tốt để chữa trị, và đã dẫn đến sự an vui thoải mái. Sự việc này cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi *Thiện Chương Ngại Nghiệp Lực* mà đã từng có được kiến tạo khởi sinh lên, xâm nhiễu bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*, đề cập đến sự vất vả về Thân, vất vả về Tâm cho được diệt mất đi.

4. *Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghàtakakamma)*: Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả báo (*Phala*) của các

Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Kammantaram và kamma nibbattakhandhasantānam và upaghātetitī = Upaghātakam*”- “*Bất luận Nghiệp Lực nào thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sanh khởi của Ngũ Uẩn từ ở nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Đoạn Diệt Nghiệp Lực.*”

Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 21 Thiện Nghiệp Lực. Có ý nghĩa là *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* này là loại Nghiệp Lực cắt đứt, tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, và tiêu diệt một cách tuyệt đối Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực ấy. Và có thực tính khác biệt với *Chướng Ngại Nghiệp Lực*, tức là *Chướng Ngại Nghiệp Lực* ấy, là loại Nghiệp Lực chỉ có bức hại các Nghiệp Lực khác, và Quả Dị Thục mà bao gồm các bộ phận cơ thể (*Vatthu - Thân Kinh*) làm cho không được sanh khởi, hoặc là không cho phát triển lên, và chẳng phải là Nghiệp Chung mà làm cho sát tiệt, hoặc tiêu diệt. Còn *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* này là Nghiệp Chung tiêu diệt một cách tuyệt đối, tức là nếu như tuyệt giao với Nghiệp Lực ấy rồi, thì Nghiệp Lực ấy hoàn toàn không có khả năng để làm cho trở sanh quả báo lên được. Nếu như cắt đứt Quả Dị Thục của Nghiệp Lực ấy rồi, thì có nghĩa là cơ thể hoặc bất luận một bộ phận nào của người ấy thường phải bị hư hoại cho đến suốt cả cuộc đời, hoặc không là như thế, thì Nghiệp Lực ấy cũng phải hủy diệt lấy mạng sống của người ấy đi.

(*Chú thích: “Upaghātakakamma”- Tiêu Diệt Nghiệp Lực hoặc Nghịch Duyên Nghiệp Lực.* Theo định luật Nghiệp Báo, thì tiềm năng của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* có thể bị tiêu diệt do bởi một năng lực nghịch chiều dũng mãnh hơn, đã được tạo tác ở trong các kiếp sống quá khứ, tìm lấy cơ hội để phát sanh lên và có thể bộc phát một cách bất ngờ. Có thể ví Nghiệp Lực này như một năng lực đối nghịch cản ngăn một mũi tên đang bay, đã làm cho mũi tên ấy phải bị dừng lại và phải bị rơi xuống đất. Nghiệp Lực này được gọi là *Đoạn Diệt Nghiệp Lực*, hoặc là *Tiêu Diệt Nghiệp Lực*, có hiệu lực dũng mãnh hơn loại Nghiệp Lực trước, *Chướng Ngại Nghiệp Lực*, vì không những cản trở, bức hại mà còn tiêu diệt toàn thể năng lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

Nghiệp Lực này cũng không có tánh cách Thiện hay là Bất Thiện.

Trường hợp của Tỳ Khuru *Devadatta* là người âm mưu sát hại Đức Phật và chia rẽ Hội Chúng Tăng Đoàn, là một ví dụ dẫn chứng bao gồm cả bốn thể loại Nghiệp Lực kể trên. *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong các kiếp sống quá khứ của Tỳ Khuru *Devadatta* đã đưa ông ta được tục sinh vào dòng Hoàng Tộc. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* đã giúp đỡ ủng hộ cho ông ta được tiếp tục sống cuộc đời Vương giả trong đền đài cung điện. *Chướng Ngại Nghiệp Lực* đã trở sanh quả báo khi ông ta phải chịu nhục nhã vì đã bị trục xuất ra khỏi Giáo Hội Tăng Đoàn. Và cuối cùng là *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã chấm dứt kiếp sống của vị Tỳ Khuru *Devadatta* một cách vô cùng bi đát thảm hại.)

Việc tiêu diệt của *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* có hai thể loại, đó là:

1. Tiêu diệt các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo (*Kammantara upaghàtaka*).
2. Tiêu diệt Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho hoại diệt đi (*Kammanibbattakhandhasantàna upaghàtaka*).

**1. *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo, thì có được ba phân loại, đó là:**

- a/. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
- b/. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
- c/. *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

**a/.** *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo đó, thì chẳng hạn như Ngài Trưởng Lão *Aṅgulimàla*, trước khi Ngài chứng đắc Quả vị Vô Sinh Alahán ấy, thì đã từng là kẻ cướp sát nhân và đã sát hại biết bao nhiêu người. Việc tạo tác của Ngài Trưởng Lão *Aṅgulimàla* nhất định hằng là phải bị thụ lãnh quả báo đọa vào Cõi Giới Địa Ngục, tuy nhiên tiếp đến Ngài Trưởng Lão *Aṅgulimàla* đã được diện kiến với Đức Chánh Đẳng Giác, đã bị Đức Chánh Đẳng Giác thi dĩ khóc hình cho đến nỗi đã được nhận thức và đã tự mình thay đổi chính kiến, và đã xuất gia thành vị Tỳ Khưu ở trong Phật Giáo, đã được tiến hóa *Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanàkammaṭṭhàna)* và đã chứng đắc Quả vị Vô Sinh. Đích thị cũng do mãnh lực từ ở nơi *Thiện Đạo Thát Lai* mà Ngài Trưởng Lão *Aṅgulimàla* đã có được ở trong giai đoạn đầu, làm thành *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* để cắt đứt được mối quan hệ *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* của Ngài Trưởng Lão *Aṅgulimàla* đã có tạo tác ở trong kiếp sống này, luôn cả đã từng có tạo tác để ở trong các kiếp sống trước, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo.

**b/.** *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo đó, thì chẳng hạn như người đã từng có được kiến tạo *Thiện Dục Giới (Kàṃavacakusala)* và *Thiện Đáo Đại (Mahaggatakusala)* xong rồi, tiếp đến đã được tiến hóa *Thiền Minh Sát* cho đến được chứng đắc Quả vị Vô Sinh. Như thế, *Thiện Dục Giới* đã không có khả năng để mà trở sanh quả báo đến người ấy để cho đi tục sinh làm thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên được. *Thiện Đáo Đại* cũng không khả năng để mà trở sanh quả báo đến người ấy để cho đi tục sinh làm thành Phạm Thiên được. Tất cả sự việc này đích thị cũng do mãnh lực từ ở nơi *Đạo Vô Sinh* làm thành *Thiện Đoạn*

*Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt các *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo.

Hoặc người đã tu tập Thiền Định và đã đạt đến tầng Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới. Khi người ấy đã mệnh chung, thì đã được đi tục sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Tứ Thiên Sắc Giới. Đối với Thiện Sơ Thiên thì không có khả năng cho trở sanh quả báo để cho đi tục sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Sơ Thiên Hữu Sắc Giới được. Thiện Nhị Thiên và Thiện Tam Thiên cũng không có khả năng cho trở sanh quả báo để cho đi tục sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Nhị Thiên Hữu Sắc Giới được. Thiện Tứ Thiên cũng không có khả năng cho trở sanh quả báo để cho đi tục sinh làm thành vị Phạm Thiên ở tầng Trời Tam Thiên Hữu Sắc Giới được. Tất cả sự việc này đích thị cũng do mãnh lực từ ở nơi Thiện Ngũ Thiên, làm thành *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực ở các tầng bậc thấp hơn, không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo.

Hoặc là người nào đã tiến tu *An Chỉ Tu Tập (Samathabhàvanà)* và đã đạt đến tầng Thiền Vô Sắc Giới. Khi đã mệnh chung, thì đã được đi tục sinh làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới. Đối với tất cả Thiện Hữu Sắc Giới không có khả năng cho trở sanh quả báo để cho đi tục sinh làm thành vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới được. Tất cả sự việc này cũng do từ ở nơi Thiện Vô Sắc Giới làm thành *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Hữu Sắc Giới Nghiệp Lực không cho có cơ hội để mà trở sanh quả báo. Cũng tương tự như vậy, ở trong các tầng Thiền Vô Sắc Giới với nhau cũng tuần tự đi theo thứ tự, tức là Thiền Vô Sắc Giới ở tầng cao hơn thường là tiêu diệt Thiền Vô Sắc Giới ở tầng thấp hơn, chẳng hạn như Thiền Thức Vô Biên Xứ thường tiêu diệt Thiền Không Vô Biên Xứ không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo, v.v. Ở trong điều này, lập ý lấy người mà đã đạt ở tầng Thiền bậc cao ấy, khi đến sát na cận tử thì đã không còn *Tham Ái (Nikkanti Tanhà)* đối với tầng Thiền ở bậc thấp hơn hoặc Cõi Địa Giới ở bậc thấp hơn, vì lẽ thường ở người khi đến sát na cận tử ấy, cho dù đã chứng đạt được Thiền Định ở tầng bậc cao đi nữa, tuy nhiên nếu như vẫn còn *Tham Ái (Nikkanti Tanhà)* tức là có sự dục ý ở trong Cõi Địa Giới hoặc ở tầng Thiền bậc thấp hơn như vậy, thì tầng Thiền Định ở bậc cao mà mình đã có được thì thường bị hư hoại đi.

*c/.* *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo đó, thì chẳng hạn như bất luận một người nào mà đã thường luôn tiến tu *An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhàna)* mãi cho đến chứng đắc được Thiền Định. Tiếp đến, người ấy đã tạo tác *Bất Thiện Nghiệp Lực* ở phần *Ngũ Nghịch Vô Giáns Nghiệp Lực (Pañcànantariyakamma)* và *Bất Thiện Ngũ Nghịch Vô Giáns Nghiệp Lực* này thường làm thành *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Đáo Đại *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo, và để cho người ấy được đi tục sinh ở trong Cõi Trời Phạm Thiên Giới, chẳng hạn như Tỳ



Khuru *Devadatta* là người đã được chứng đắc *Thắng Trí Thiên (Jhànaabhiñña)*. Tiếp đến, Tỳ Khuru *Devadatta* đã làm chích huyết thân Phật (*Lohituppàdaka*) và đã Chia Rẽ Tăng Đoàn (*Saṅghabhedaka*), đó là điều đã được liệt kê vào thành Vô Gian Nghiệp Lực. Và như thế, chính Vô Gian Nghiệp Lực này mới làm thành *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt *Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực* của Tỳ Khuru *Devadatta* không cho có được cơ hội để đi tục sinh ở trong Cõi Trời Phạm Thiên Giới, mà trái lại phải bị tục sinh vào ở trong Cõi Giới Địa Ngục.

**2. *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các Xuất Sinh Nghiệp Lực khác để cho hoại diệt đi, thì có được bốn phân loại, đó là:**

2.1. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

2.2. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.

2.3. *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.

2.4. *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

**2.1. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện,** thì chẳng hạn như người đã mệnh chung rồi, mà phải đi tục sinh làm thành Hữu Tình Địa Ngục ở trong Cõi Địa Ngục. Xác thân và sự hiện hành như có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v. của những loại Hữu Tình này đều toàn Quả Dị Thục Bất Thiện hết cả thấy. Tuy nhiên ở trong khoảng thời gian nối tiếp thì Hữu Tình Địa Ngục ấy đã có truy niệm đến *Thiện Nghiệp Lực* mà mình đã từng có được tạo tác do bởi việc nhìn thấy ngọn lửa rồi truy niệm được rằng: “*Mình đã từng có được xuất gia Tỳ Khuru, đã từng có được cúng dường y áo đến Hội Chúng Tăng, hoặc đã từng có được bịt vàng đến tượng Đức Phật, v.v.*” hoặc do bởi nương vào Ngài Diêm Vương nhắc nhở trợ niệm cho, rồi khởi sanh lên việc truy niệm đến các *Thiện Nghiệp Lực* mà mình đã từng có được tạo tác. Trong sát na mà truy niệm đến các *Thiện Nghiệp Lực* ấy, thì Tâm Đại Thiện thường sanh khởi ở ngay trong sát na ấy và rồi Hữu Tình Địa Ngục ấy liền mạng vong, và đã đi tục sinh làm thành Nhân Loại, hoặc thành Chư Thiên ngay tức thì. Tất cả sự việc này đích thị là cũng do Tâm Thiện khởi sanh lên ở ngay trong sát na truy niệm đến các *Thiện Nghiệp Lực* cũ ấy, làm thành *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Danh Sắc ở thành phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

Hoặc người đã được tục sinh làm thành Nhân Loại, nhưng lại là người nghèo khổ, thường luôn có việc ốm đau bệnh hoạn bức hại ưu não, không thể chữa trị hết được, chỉ phải đón nhận sự khổ sở về Thân luôn cả sự ưu não về Tâm, không từng

được nhìn thấy, được nghe, được ngửi mùi hơi, được nếm các vị, được dùng các vật dụng và được có chỗ ở nương trú tốt đẹp, với tất cả sự việc này đều toàn Quả Dị Thục Bất Thiện hết cả thấy. Tiếp đến có được người có tấm lòng phúc hậu và có sự hiểu biết ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, đã đi đến giúp đỡ qua việc nhắc nhở và đã cho lời khuyên bảo rằng: “*Việc phải sinh làm thành người nghèo khổ, rồi không được gặp, không được thấy trong các sự vật tốt đẹp ấy, là cũng do bản thân mình đã không từng có được kiến tạo Xả Thí Thiện giữ lấy để ở trong đời trước. Và việc phải làm thành người thường luôn ốm đau bệnh hoạn ấy, là cũng do không từng có được thọ trì Giới Luật. Chính vì thế, hãy nên nỗ lực tinh cần kiến tạo Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, cho có được khởi sinh lên vừa theo thích hợp mà bản thân mình sẽ thực hiện được.*” Khi người ấy đã được nghe những lời khuyên bảo như vậy, thế rồi cũng đã nỗ lực tinh cần kiến tạo Thiện Nghiệp Lực cho được khởi sinh lên, bằng cách đi vào nương ngụ ở trong Tự Viện, giúp đỡ thực hiện công việc ở phần *Phụng Hành Thiện Phúc Hành Tông (Veyyavacca kusala)* đến với Chư Tỳ Khuru, Sa Di và khuôn viên trú xứ ở trong Tự Viện ấy, luôn cả việc phát nguyện thọ trì Bát Giới suốt cả cuộc đời. Kiến tạo Xả Thí Thiện cho được khởi sinh lên qua việc châm đổ nước, đã làm thành việc Xả Thí đối với người vắng lai qua lại trên lộ đường của Tự Viện ấy, v.v. Khi đã thường xuyên kiến tạo những sự việc này một cách thường luôn, đã làm thành chỗ thương yêu lân mẫn đến với tất cả mọi người mà đã đi đến trú ngụ ở trong Tự Viện ấy. Và cũng đã được đón nhận sự giúp đỡ tương trợ từ ở những hạng người ấy với đủ mọi trường hợp, có được thực phẩm trong việc thọ thực, có được y phục trong việc vấn mặc, có được bạc tiền và thuốc chữa trị bệnh tật tốt đẹp. Sự việc đã làm cho người ấy được đón nhận sự an lạc về Thân luôn cả an vui về Tâm được hiện khởi lên, và ốm đau bệnh tật mà đang có đó cũng được dứt khởi đi; với tất cả sự việc này đích thị là cũng do Xả Thí Thiện và Trì Giới Thiện mà người ấy đã có được tạo tác chính ở ngay trong kiếp sống này, làm thành *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Danh Sắc ở thành phần Quả Dị Thục Bất Thiện ở trong Cõi Thiện Thú cho được biến mất đi.

**2.2. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện,** thì chẳng hạn như người tại gia thế tục và đã được chứng đắc Quả vị Vô Sinh, nhưng vẫn chưa có được xuất gia nội ngay ở trong ngày hôm đó; thì với mãnh lực của *Đạo Vô Sinh (Arahattamagga)* sẽ thành *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện, tức là làm cho người ấy phải thọ mạng diệt nội ngay ở trong ngày hôm ấy. Tất cả sự việc này là cũng do ân đức của *Đạo Vô Sinh* và *Quả Vô Sinh (Arahattaphala)* ấy là quả vị cực kỳ tinh lương, mà giới người tại gia thế tục quả thật bất khả tương xứng, khi mà chỉ có thể an trú ở trong nền tảng của Ngũ Giới mà thôi. Được sánh ví tựa như mỡ của loài Sư Tử Vương chỉ có thể chứa đựng duy nhất với bình được làm bằng vàng, thế thì sẽ có



khả năng được duy trì tồn tại. Còn nếu như chứa đựng với các thể loại bình khác thì mỡ của loài Sư Tử Vương ấy sẽ phải bị khô cạn mất đi, dường như thế nào thì ân đức đặc thù của *Đạo Vô Sinh* và *Quả Vô Sinh* cũng tương tự cùng một phương thức như nhau. Người đã thành tựu viên mãn *Đạo Vô Sinh* và *Quả Vô Sinh* khi vẫn còn ở trong giới của tại gia thế tục ấy, thì không có khả năng để sẽ hứng đón được *Đạo Vô Sinh* và *Quả Vô Sinh* ấy được, và sẽ phải thọ mạng diệt nội ngay ở trong ngày hôm đó. Đến khi người ấy xuất gia làm thành Sa Di hoặc Tỳ Khưu xong rồi, thì mới sẽ duy trì thọ mạng được tiếp nối lâu dài, dường như thế ấy.

**2.3. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện,** thì chẳng hạn như lẽ thường thì các bộ phận hiện hữu ở trong cơ thể của người ấy được tính là Quả Dị Thục Thiện hết cả thấy, và theo chính tự ở các thể loại bộ phận đó vậy. Đến khi có được việc nhìn thấy, việc được nghe, việc được ngửi, việc biết các vị, việc tiếp xúc đụng chạm ở trong các vật tốt đẹp, thì cũng được tính là Quả Dị Thục Thiện tương tự như nhau. Tuy nhiên ở trong thời gian nối tiếp thì người ấy khởi sanh việc phải đón nhận *tác nhân bất hạnh (Upaddavahetu – Tác nhân bất tường)* chẳng hạn như bị đụng xe, bị phục kích, té từ ở trên cao, v.v. làm cho gãy tay, đứt chân, mất mù, tai điếc cho suốt cả cuộc đời. Tất cả sự việc này là cũng do *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện. Nếu như người ấy thọ mạng diệt bởi do nương vào *tác nhân bất hạnh*, như đã có được đề cập đến rồi đó, thì cũng được tính là *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện cũng tương tự như nhau; tức là tiêu diệt phần Sắc ấy bao gồm cơ thể, phần Danh ấy thì bao gồm là *Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)* và *Tâm Nhãn Thức (Cakkhu viññāṇa)* ở phần Quả Dị Thục Thiện, v.v.

**2.4. Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện,** thì chẳng hạn như lẽ thường thì loài Hữu Tình Bàng Sanh có loài chó v.v. với xác thân và đời sống sự hiện hành của loài chó v.v. này thì được sắp là Quả Dị Thục Bất Thiện, chỉ trừ ra sự xinh đẹp của thân thể, và Tâm Nhãn Thức Quả Dị Thục Thiện v.v. mà sanh khởi ở trong sát na được nhìn thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được tiếp xúc đụng chạm ở trong các vật tốt đẹp. Tiếp đến, con chó này khởi sanh việc phải đón nhận *tác nhân bất hạnh* như bị xe đụng chết, hoặc bị giết chết, bị rớt xuống nước chết, v.v. Việc chết của con chó như vậy là cũng do mãnh lực của *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã từng khởi sanh ở trong kiếp sống trước, hoặc trong kiếp sống này làm thành người tiêu diệt sự sống và xác thân ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

Lại nữa, *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* mà tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, thì có được ba thể loại, đó là:

1. Tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cũng không trở sanh quả báo và cũng không cho có được cơ hội đối với các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác cho trở sanh quả báo.
2. Tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cho trở sanh quả báo.
3. Tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác xong rồi, cho có được cơ hội đối với các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho trở sanh quả báo.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ nhất, thì chẳng hạn như là Ngài Trưởng Lão **Cakkhupàla** (*Hộ Nhân*). Ở trong kiếp quá khứ, Ngài đã từng là thầy thuốc chữa mắt, và đã làm hủy hoại mắt của người đến xin được chữa trị đã phải bị mù. Chính vì thế, Bất Thiện Nghiệp Lực mà Ngài Trưởng Lão **Cakkhupàla** đã thực hiện đây, mới lần theo báo ứng và đã làm cho đôi mắt của Ngài Trưởng Lão **Cakkhupàla** phải bị hư hoại đi cho đến suốt cả cuộc đời. Sự việc này là cũng do *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt Quả Dị Thục của *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*, đích thị đã làm cho đôi mắt phải bị hư hoại đi. Tuy nhiên *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* này đã không cho tiếp tục trở sanh quả báo nữa, là cũng do Ngài Trưởng Lão **Cakkhupàla** đã thành tựu viên mãn Quả vị của bậc Vô Sinh và đã không còn việc tiếp nối tục sinh lại nữa. Chính vì thế, *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* này mới tự bản thân chỉ là Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác ngàn ấy mà thôi.

Ngài Trưởng Lão **Moggalàna** đã bị nhóm 500 kẻ cướp đánh đập cho đến viên tịch Níp Bàn, là cũng do mãnh lực Bất Thiện Nghiệp Lực đã từng đánh người Cha, đánh người Mẹ trong việc mưu hại sát thương sẽ cho mạng vong ấy cũng tương tự như nhau. Tức là Bất Thiện Nghiệp Lực này làm thành *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã tiêu diệt duy nhất chỉ là Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, và tự bản thân thì không cho trở sanh quả báo.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, thì chẳng hạn như một vị Thiên Tử Ác Ma tên gọi **Dussì**, là tùy tùng của Thiên Chủ **Yàmàra** đã cầm hòn đá đánh trên đầu của Ngài Chí Thượng Thịnh Văn ở bên tay phải. Trong thời kỳ của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa**, Đức Vua **Kalàbu** đã thi dĩ khóc hình đến vị Đạo Sĩ Ngài là bậc *Giác Hữu Tình (Bồ Tát)* tên gọi **Khantivàđi** cho đến mệnh chung. Dạ Xoa **Nanda** đã lấy thanh gươm đánh vào đầu Ngài Trưởng Lão **Sàriputta** đang lúc Nhập Thiền Diệt (*Diệt Thọ Tướng Định*). Và **Devadatta** đã gây tổn thương đến Đức Chánh Đẳng Giác. Tất cả bốn hạng người này đã phải thụ lãnh quả báo trở sanh cấp thời của hành động đã tạo tác ngay trong hiện tại qua việc đất rút hết cả thấy. Và khi đã mạng vong rồi, thì phải đi tục sinh ở trong Vô Gián Đại Địa Ngục và phải bị thụ lãnh thống khổ ở nơi ấy. Sự việc này là cũng do mãnh lực từ ở nơi *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác,

tức là đã làm cho bị đất rút, và rồi tự bản thân trở sanh quả báo để cho phải đi tục sinh ở trong Vô Gian Đại Địa Ngục.

+ Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ ba, thì chẳng hạn như Đức Vua **Bimbisàra**. Ở trong kiếp quá khứ đã từng đi giày vào trong khu vực của bảo tháp Đức Phật, mới phải bị thụ lãnh quả báo là bị rạch lòng bàn chân cho đến mạng vong. Tuy nhiên khi đã mạng vong rồi, các *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, và đã làm cho Đức Vua **Bimbisàra** được đi tục sinh làm thành Thiên Tử ở trong tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương. Sự việc này là cũng do *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, và rồi lại cho có được cơ hội đối với các *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho trở sanh quả báo.

## **II. TUẦN TỰ KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PÀKADĀNAPARIYĀYACATUKKA)**

[**Chú thích:** *Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pàkadānapariyāyatukka):* rằng theo tuần tự của việc trở sanh quả báo, thì có bốn thể loại.]

**1. Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma):** Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được.

Có câu Chú Giải đã có trình bày nói rằng: “**Garu ! Karotīti = Karukam**”- “*Nghiệp Lực nào thường trở sanh quả báo một cách cực kỳ nghiêm trọng, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi tên là Cực Trọng Nghiệp Lực.*”

Hoặc một trường hợp khác nữa “**Kammantarehi paṭibāhitum asakkuneyyuttā garukam kammanti = Garukakamma**”- “*Nghiệp Lực mà cực kỳ nghiêm trọng là cũng do các Nghiệp Lực khác không có khả năng cấm chỉ việc trở sanh quả báo, chính vì thế mới gọi tên là Cực Trọng Nghiệp Lực.*”

Tức là bốn Tâm Tương Ứng Kiến (**Diṭṭhisampayutta**) mà có liên quan với *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādiṭṭhikamma)* và hai Tâm căn Sân (**Dosamūla**) mà có liên quan với Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực (**Pañcānantariyakamma**), và 9 Tâm Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực (**Mahaggata kusalakamma**), kết hợp lại thì có 15.

[**Chú thích:** Đối với *Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực (Lokuttarakusalakamma)* ấy, thì quả thật cũng chính là *Cực Trọng Nghiệp Lực*, tuy nhiên tại nơi đây là chỉ muốn hướng dẫn Nghiệp Lực mà sẽ trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai. Còn *Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực* ấy lại không có nhiệm vụ để trở sanh quả báo, mà chỉ có nhiệm vụ duy nhất là sẽ phá hủy việc tục sinh vừa theo thích hợp tương xứng với năng lực của mình mà thôi.

Lại nữa, *Cực Trọng Nghiệp Lực* là loại Nghiệp Lực nặng nề, cực kỳ nghiêm trọng, và có thể là *Thiện Nghiệp Lực* hoặc là *Bất Thiện Nghiệp Lực*. *Nghiệp Lực*

này chắc chắn trở sanh quả báo ngay trong kiếp sống hiện tiền, hoặc ở trong kiếp sống kế liền kiếp sống hiện tại. Nếu là Thiện, thì đây là loại Nghiệp Lực có tánh cách thuần túy tinh thân như trường hợp ở các tầng Thiên Định (*Jhàna*), ngoài ra là *Ngũ Hành Nghiệp Lực* và *Thân Hành Nghiệp Lực*. Theo thứ tự nặng nhẹ, thì năm thể loại *Cực Trọng Nghiệp Lực*, đó là:

- (1) Chia rẽ Tăng Đoàn, (2) Chích huyết thân Phật,
- (3) Sát Mạng bậc Vô Sinh, (4) Sát Phụ, (5) Sát Mẫu.

Nghiệp Lực cũng được gọi là *Vô Gian Nghiệp Lực* (*Anantarikakamma*) là cũng do bởi nhất định phải trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, kế liền kiếp sống hiện tại. *Chuẩn Xác Tà Kiến* (*Niyatamicchàdiṭṭhi*) cũng được xem là *Cực Trọng Nghiệp Lực*. Ví dụ như một người đã chứng đắc Thiên Định và sau đó lại phạm vào một trong các Ngũ Nghịch Trọng Tội, thì Thiện Nghiệp Lực đã từng tạo tác trước đó, sẽ bị *Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* có năng lực mãnh liệt cầm chỉ đi. Và kiếp sống thứ hai sẽ là do bởi Bất Thiện Nghiệp Lực tạo duyên.

Mặc dầu đã có được phát triển các tầng Thiên Định, Tỳ Khưu *Devadatta* phải bị hoại diệt hết cả Thắng Trí, và phải tục sinh vào Cõi Thống Khổ Địa Giới, vì lẽ đã tác hành *Chích Huyết Thân Phật* và *Chia Rẽ Tăng Đoàn*. Chí đến Đức Vua *Ajātasattu* có thể đã chứng đắc được Quả vị Thất Lai nếu như đã không phạm vào *Sát Phụ Cực Trọng Nghiệp Lực*. Trong trường hợp này, với Nghiệp Lực ác xấu, đã không để cho Đức Vua *Ajātasattu* thành tựu Đạo Quả.]

Nghiệp Lực mà gọi tên *Cực Trọng Nghiệp Lực* đây, lập ý đến Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng mà nhất định có khả năng để trở sanh quả báo ngay ở trong kiếp sống thứ hai nối tiếp kế liền với nhau. Các Nghiệp Lực khác không có khả năng để mà cầm hãm được. Tuy nhiên không có lập ý nói rằng trong hết tất cả các *Cực Trọng Nghiệp Lực* với nhau ấy sẽ không có khả năng để cầm chỉ cho việc trở sanh quả báo được, mà lập ý nói rằng bất luận *Cực Trọng Nghiệp Lực* nào có năng lực mãnh liệt hơn các *Cực Trọng Nghiệp Lực* khác, thì chính ngay *Cực Trọng Nghiệp Lực* ấy sẽ là người cho trở sanh quả báo. Còn *Cực Trọng Nghiệp Lực* mà có năng lực yếu kém hơn thì tự bản thân không có thể cho trở sanh quả báo được, mà chỉ có duy nhất là giúp đỡ ủng hộ ngàn ấy mà thôi. Tuy nhiên cho dù sẽ không có được cơ hội để cho trở sanh quả báo một cách đặc thù đi nữa, chính tự nơi Nghiệp Lực ấy cũng vẫn được gọi tên *Cực Trọng Nghiệp Lực*. Là cũng do nếu như không có *Cực Trọng Nghiệp Lực* nào nặng nề hơn chính tự mình, thì chính ngay *Cực Trọng Nghiệp Lực* ấy nhất định sẽ phải là người cho trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai. Chẳng hạn như người đã có bất luận một trong các thể loại *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực* rồi, tiếp đến lại tạo tác thêm bất luận một trong các *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực* nữa. Đến khi người ấy mạng vong, thì đích

thị chính *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực* sẽ là người cho trở sanh quả báo ngay tức thì để cho người ấy phải đi tục sinh vào bất luận một trong các hầm Đại Địa Ngục liên tục nối tiếp với nhau. Là cũng do *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực* này mãnh liệt hơn cả *Ngũ Nghịch Vô Giá Nghiệp Lực*. Riêng đối với *Ngũ Nghịch Vô Giá Nghiệp Lực* ấy thì duy nhất chỉ là giúp đỡ hỗ trợ ở trong việc tác hành để cho trở sanh quả báo của *Chuẩn Xác Tà Kiến* ngàn ấy mà thôi.

Còn như năm thể loại ở trong *Ngũ Nghịch Vô Giá Nghiệp Lực* ấy, thì *Chia Rễ Tăng Đoàn Nghiệp Lực* là nghiêm trọng cùng tột. Nếu giả thiết như người nào đã tạo tác đủ cả năm thể loại về *Ngũ Nghịch Vô Giá Nghiệp Lực* rồi, thì *Chia Rễ Tăng Đoàn Nghiệp Lực* sẽ là người cho trở sanh quả báo đến với người ấy. Còn các *Cực Trọng Nghiệp Lực* còn lại ấy, thì chỉ làm thành loại Nghiệp Lực giúp đỡ hỗ trợ ở trong việc làm cho trở sanh quả báo của *Chia Rễ Tăng Đoàn Nghiệp Lực* ngàn ấy.

Nghiệp Lực nghiêm trọng tiếp sau từ ở nơi *Chia Rễ Tăng Đoàn Nghiệp Lực* đó chính là *Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực*. Tiếp nối từ ở nơi *Chích Huyết Thân Phật* thì đó là *Sát Mạng Vô Sinh Nghiệp Lực*. Với hai *Cực Trọng Nghiệp Lực* này thường nghiêm trọng hơn cả các Nghiệp Lực còn lại. Còn *Sát Mẫu Nghiệp Lực* với *Sát Phụ Nghiệp Lực*, cả hai Nghiệp Lực này phải tùy hợp theo *Ân Đức Phẩm Vị (Gūnasampatti)*. Tức là, nếu như người Cha là người có đức hạnh, sống trong *Giới Pháp*, và người Mẹ thì không có đức hạnh, thế là *Sát Phụ Nghiệp Lực* thường nghiêm trọng hơn. Nếu như người Mẹ có đức hạnh, sống trong *Giới Pháp*, còn người Cha thì không có đức hạnh, thế là *Sát Mẫu Nghiệp Lực* thường nghiêm trọng hơn. Nếu như cả hai, người Mẹ và người Cha, đều có đức hạnh với nhau, hoặc cùng với nhau không có đức hạnh, thì *Sát Mẫu Nghiệp Lực* thường là nghiêm trọng hơn. Với lý do này, ở trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* mới có trình bày để rằng: ***“Dvīsupi sīlena và dussīlena và samānesu mātughātakova paṭisandhivasena vipaccati, màtā hi dukkarakāriṇi bahupakārā ca puttānantī”***- Dịch nghĩa rằng: *“Tuy cả hai, người Mẹ và người Cha, khi có thực tính tương đồng với nhau về việc làm thành người có Giới Đức hoặc không có Giới Đức, thì đích thị chính Sát Mẫu Nghiệp Lực thường trở sanh quả báo Tái Tục, vì lẽ rằng người Mẹ ấy là người đáng được đón nhận truy trọng vật qua những hành động gian khổ, và là người có rất nhiều Ân Đức Hiệp Trợ (Upakāraṅga) đối với tất cả con cái.”*

Chín Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực cũng tương tự giống như vậy. Người đã đạt được chín tầng Thiên Định, mà gọi là *Bát Định* hoặc *Cửu Định (Samāpatti 8 - 9)*, và trong tất cả 8 hoặc 9 thể loại Thiên Định này, thì tầng Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên Định nghiêm trọng hơn các tầng Thiên Định khác. Chính vì thế, người Phúc Lộc Thiên khi đã mệnh chung rồi, thì đích thị chính Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ ấy là người cho trở sanh quả báo để cho người ấy đi tục sinh ở trong tầng Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới. Với các Thiên Định

còn lại thì trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma)*, và sẽ không thể nào giúp đỡ bảo hộ ở trong việc trở sinh quả báo của Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên Định ấy được.

Còn hết tất cả Ngũ Hữu Sắc Giới Thiên Định ấy, thì đích thị chính Ngũ Thiên Định Hữu Sắc Giới là người cho trở sinh quả báo, để cho đi tục sinh ở trong tầng Tứ Thiên Phạm Thiên Giới; còn các Thiên Định Hữu Sắc Giới ngoài ra đó thì cũng tương tự như vậy, trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

### Sự Khác Biệt Giữa Việc Trở Sinh Quả Báo Của Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực Và Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực

*Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* ấy, cho dù tự bản thân không có cơ hội làm thành người cho trở sinh quả báo, tuy nhiên cũng có khả năng làm thành *Bảo Hộ Nghiệp Lực* được. Còn *Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* ấy, một khi tự bản thân không có được cơ hội để cho trở sinh quả báo, thì trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, và không có khả năng để sẽ làm thành *Bảo Hộ Nghiệp Lực* được. Chính với lý do như đã vừa đề cập đến tại đây, *Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* mới có tên gọi một cách đặc biệt là *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực (Pañcànantariyakamma)* và *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchàdiṭṭhikamma)*. Đối với *Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* ấy, thì không có tên gọi một cách đặc biệt.

Khi phân tích theo phần chiết tự của *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực* thì có được như vậy: **“Pañca + Anantara + Iya + Kamma”** - Với *Pañca* = 5, *Anantara* = kiếp sống không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự từ ở nơi Tử (*Vô Gian, kế liền*), *Iya* = cho trở sinh quả báo, *Kamma* = tác hành, hành động.

Khi kết hợp từ ngữ lại, thì thành *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực*, và được dịch nghĩa là *“Năm thể loại tác hành mà trở sinh quả báo một cách không có khoảng cách xen kẽ trong tuần tự từ ở nơi việc tử vong”*. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Anantara niyuttaṃ kammaṃ = Anantarariya kammaṃ”**- *“Nghiệp Lực có liên quan đến việc cho trở sinh quả báo trong kiếp sống mà không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự kể từ ở nơi việc tử vong, gọi là Vô Gian Nghiệp Lực, Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực.”*

Khi chiết tự ra thì có được như vậy: **“Niyata + Micchà + Diṭṭhi + Kamma”**- Với *Niyata* = nhất định, chuẩn xác, *Micchà* = sai trật với chân lý, *Diṭṭhi* = việc nhìn thấy, *Kamma* = tác hành, hành động. Khi kết hợp từ ngữ ấy lại, thì thành *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực*, và được dịch nghĩa là *“Sự nhìn thấy sai trật với chân lý mà nhất định trở sinh quả báo ở trong tuần tự kể từ ở nơi việc tử vong”*.

Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng:

**“Micchà dassanaṃ = Micchàdiṭṭhi”**- *“Việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, gọi là Tà Kiến.”*



*“Anantara bhava vipàkadà nato niyatà ca te micchadiṭṭhi cāti = Niyatamicchadiṭṭhi”*- “Pháp chủng nào nhất định ở trong việc làm cho trở sanh quả báo đi theo tuần tự kể từ ở nơi việc tử vong trong kiếp sống tiếp nối kể liền nhau mà không có khoảng cách xen kẽ, và có việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, như thế Pháp Chủng ấy gọi là Chuẩn Xác Tà Kiến.”

### Giải Thích Đặc Biệt Ở Trong Năm Thể Loại Vô Gian Nghiệp Lực

Người đã bị gọi là kẻ sát mạng Cha Mẹ ấy, cho dù sẽ không có được hiểu biết rằng người mà mình đã sát mạng đó là Cha Mẹ, và nghĩ rằng là người khác đi nữa; nếu như việc sát mạng ấy đã thành tựu xong rồi, thì người đó cũng vẫn được gọi là “Thâm Nhập Sát Mâu Nghiệp Lực, Sát Phụ Nghiệp Lực”. Ở trong phần Chú Giải điều Bất Cộng Trụ thứ ba (*Tatīyapàràjikaatthakathà*) đã có trình bày nói rằng: “Người nào có sự chú tâm sẽ sát mạng người khác, hoặc là sát mạng loài Hữu Tình Bàng Sanh qua việc dùng súng hoặc là dao đi nữa; tuy nhiên ở trong việc sát mạng ấy bất ngờ sơ suất lại trúng vào người Cha hoặc người Mẹ mà phải bị mạng vong, và người mà mình muốn sát mạng thì lại không tử vong. Là như vậy thì cũng vẫn phải tính là người ấy đã “Thâm Nhập Sát Mâu Nghiệp Lực, Sát Phụ Nghiệp Lực” tương tự như nhau.”

Cha Mẹ là loài Hữu Tình Bàng Sanh, con trẻ là Nhân Loại; hoặc là con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sanh, và Cha Mẹ là Nhân Loại. Con trẻ mà sát mạng Cha Mẹ ở trong hai thể loại này, cho dù sẽ không được gọi là tác hành Vô Gian Nghiệp Lực đi nữa, nhưng Nghiệp Chủng này cũng vẫn sắp thành Nghiệp Lực nghiêm trọng để cho trở sanh quả báo mãnh liệt, cũng tương tự như nhau. Người mà đã bị gọi là kẻ sát mạng bậc Vô Sinh đó, cho dù là người mà bị sát mạng ở ngay trong sát na đó vẫn chưa thành bậc Vô Sinh, và cũng vẫn chưa mạng vong vào ngay lúc đó đi nữa; nhưng chính ngay ở trong thời gian ấy, người bị sát mạng đã tiến hóa Nghiệp Xứ (*Kammaṭṭhàna*) và đã thành tựu viên mãn thành bậc Vô Sinh, và rồi liền Vô Dư Y Níp Bàn do nương vào việc sát mạng đó; và như vậy thì kẻ sát mạng đó cũng vẫn bị gọi là “Thâm nhập Sát Mạng Bậc Vô Sinh Nghiệp Lực.”

Người chú tâm sẽ sát mạng bậc Chánh Đẳng Giác với sự nỗ lực bất luận ở thể loại nào đi nữa, tuy nhiên bậc Chánh Đẳng Giác vẫn không có thể đi đến mạng vong, mà chỉ làm chảy máu thân của Ngài ngàn ấy mà thôi. Tất cả sự việc này là cũng do bởi lẽ thường thì tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác ấy, sẽ không có điều nguy hại dẫn đến mạng vong do bởi nương vào việc tác hành của người khác. Tương xứng như Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết rằng: “*Buddhànaṃ jīvitassa nasakkà kenaci antarāyo kàtuṃ*”- Bất luận một người nào, cho dù sẽ là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên đi nữa, sẽ tạo tác điều nguy hại đến mạng sống của tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác ấy, thì thường không thể nào sẽ thành tựu được, tuy nhiên ở trong sự việc ấy thì bậc Chánh Đẳng Giác phải chịu thụ lãnh điều nguy hại

ấy chỉ là việc chảy máu thân của Ngài, chẳng hạn như Tỳ Khuru *Devadatta* đã tạo tác đến Đức Phật Ngài, thì kẻ ấy cũng đã được gọi là “*Thâm Nhập Chích Huyết Thân Phật*”. Và *Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực* này, cho dù sẽ không có thành tựu lộ trình *Sát Mạng Nghiệp Đạo (Pàṇātipātakammaṭṭhā)* đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn được thành tựu ở trong điều học *Cừu Hận Nghiệp Đạo (Byāpāda kammaṭṭhā)* ở phần *Ý Ác Hạnh (Manoduccarita)*, là vì người ấy có *Tư Tác Ý (Cetanā)* chủ tâm sẽ sát mạng cho phải tử vong.

Người đã bị gọi là kẻ xúi giục Tăng Đoàn cho gây chia rẽ với nhau ấy,  
(1) kẻ xúi xiêm phải là Tỳ Khuru với nhau,  
(2) và người bị xúi xiêm cũng phải là Tăng Đoàn Tỳ Khuru với nhau.

Tăng Đoàn Tỳ Khuru ấy phát sanh lên sự chia rẽ với nhau, có nghĩa là trong mỗi một kỳ *Bố Tát Phát Lộ Trai Giới (Uposatha)* ở trong mỗi một thời điểm với nhau, thì không có thể hội họp lại với nhau để hành *Tăng Sự* được (*Saṅgha kamma*), đã chia rẽ với nhau thành từng nhóm. Khi đã hiện bày hệ quả như vậy rồi, vị Tỳ Khuru là kẻ xúi xiêm ở trong sát na ấy sẽ ở với nhóm nào đi nữa, hoặc sẽ không có ở trong hội chúng với nhau đi nữa, thường là như vậy vẫn bị gọi là kẻ “*Thâm Nhập Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực*”.

Điều này trình bày cho được thấy rằng Sa Di và Cư Sĩ tại gia, với cả hai hạng người này thì không có thể hành *Tăng Sự* được. Tuy nhiên nếu như Sa Di hoặc Cư Sĩ tại gia, bất luận là người nào mà là kẻ tác hành việc xúi xiêm cho Tăng Đoàn phải bị chia rẽ với nhau ở trong công việc mà có liên quan với việc *Tăng Sự*, hoặc ở trong các công việc khác nữa, và nương theo phần *Siêu Lý (Paramattha)* cho dù sẽ không thể nào gọi là *Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực* đi nữa, quả thật là vậy, tuy nhiên cũng vẫn sắp vào loại *Nghiệp Lực* nghiêm trọng và trở sanh quả báo mãnh liệt. Và nếu như theo phần *Thành Ngữ dân gian (Vohāra)* thì cũng vẫn được gọi là *Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực*. Đối với *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực* ấy, thì sẽ được giải thích một cách vi tế ở trong phần có liên quan với *Tà Kiến* hiện hữu ở trong đoạn *Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực (Akusalamanokamma)* vậy.

**2. Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma):** Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung.

Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “*Āsanne anussaritaṃ = Āsannaṃ*” (và) “*Āsanne kataṃ = Āsannaṃ*”- “*Nghiệp Lực truy niệm đến các sự vật tốt đẹp hoặc không tốt đẹp ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực (hoặc) Việc tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực.*” Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực (trừ Chuẩn Xác Tà Kiến và Ngũ Nghịch Vô Giáns Nghiệp Lực), 8 Đại Thiện Nghiệp Lực (đối với Đáo Đại



Thiện Nghiệp Lực ấy thì không sắp vào trong chỗ này, vì lẽ chỉ ở mỗi một phía Cực Trọng Nghiệp Lực ngàn ấy.)

[**Chú thích:** Nghiệp Lực mà người có được tạo tác hoặc là có được truy niệm đến các sự vật ngay trong thời cận tử lâm chung. *Theo Phật Giáo, Nghiệp Lực được tác hành vào phút giây lâm chung thì được xem là cực kỳ quan trọng, vì lẽ chính Nghiệp Lực này tạo mầm duyên khởi cho sự tái tục đang cận kề. Vì lẽ ấy, theo Phật Giáo thì thường là có việc nhắc nhở, trợ niệm cho người cận tử lâm chung với những hành động thiện lành mà người ấy đã từng có tạo tác trong hiện tiền, và tạo cơ hội cho người cận tử ấy tác hành Thiện Nghiệp Lực trước khi nhắm mắt lìa đời.*

Đôi khi với kẻ xấu ác lại có thể mệnh chung an lành và đã được đi tục sinh một cách tốt đẹp, bởi do túc hạnh qua việc truy niệm nhớ tưởng lại; hoặc đã từng có được tạo tác, một tác hành Thiện Nghiệp Lực ngay vào phút giây lâm chung. Dẫn chứng tích truyện về một vị đạo phủ thủ thỉnh thoảng có được cơ hội cúng dường bỏ bát vật thực đến Ngài Trưởng Lão *Sàriputta*. Vào phút giây cận tử, vị ấy có được túc hạnh truy niệm đến hành động Thiện Nghiệp Lực ấy, và nhờ vào đó, vị ấy túc hạnh viên mãn và đã được đi tục sinh vào Cõi Thiên Giới. Điều này không mang ý nghĩa là khi được thụ hưởng việc tục sinh tốt đẹp ấy, là vị ấy sẽ thoát khỏi những Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong các kiếp sống quá khứ và không phải trả quả báo. Quả thật vậy, những Bất Thiện Nghiệp Lực nào đã từng có tạo tác tích lũy ở trong kiếp sống quá khứ thì sẽ phải trở sanh quả báo một tương xứng khi đã có được cơ hội. Với người thiện lương đôi khi phải mệnh chung một cách đau khổ bất hạnh vì bất ngờ lại truy niệm đến một hành động bất thiện mà mình đã từng có tạo tác, hoặc trong một hoàn cảnh bất thuận lợi đột nhiên lại có những ý tưởng không lành chột nảy sinh lên. Hoàng Hậu *Mallikà* là vương phi của Đức Vua *Pasenadikosala* đã có một kiếp sống thiện hảo, tuy nhiên vào phút giây lâm chung, Hoàng Hậu *Mallikà* lại chột nhớ đến một lời nói dối bông đùa với Đức Vua, khiến tâm trí khởi sanh lên sự bứt rứt khôn nguôi mãi cho đến mạng vong. Khi đã mạng vong rồi, thì bị hóa sanh ở trong *Vô Gian Đại Địa Ngục (Avìcimahànaraka)* phải bị thụ lãnh thống khổ với thời gian là bấy ngày của Nhân Loại. Đó là những trường hợp vô cùng đặc biệt và ngoại lệ.

Những biến đổi bất thường như thế ấy đã giải thích vì sao có những trẻ con hư hỏng ở trong một gia đình đạo đức, và những con trẻ hiền lành đạo đức lại ở trong một gia đình vô đạo đức, hư hỏng buông lung. Lẽ thường tiến trình tư tưởng cuối cùng được tạo mầm duyên khởi do bởi phẩm hạnh thường có của một người.]

**Giải thích rằng:** Có một vài thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực hoặc Thiện Nghiệp Lực mà Ta đã từng có tạo tác thành một thời gian lâu dài và Ta đã không có quan tâm để ý để sẽ nghĩ tưởng đến, cho đến nỗi đã quên lãng cũng có; tuy nhiên khi đến thời khắc cận tử lâm chung ấy, lại đột nhiên sức nhớ lại. Nếu như đã

nhớ lại câu chuyện Bất Thiện mà Ta đã từng có tạo tác, thì ngay trong thời gian ấy Tâm Bất Thiện liền sanh khởi. Chính ngay khi Tâm Bất Thiện sanh khởi bởi do nương vào việc nhớ tưởng đến câu chuyện Bất Thiện này, thì gọi là *Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*. Nếu như nhớ tưởng đến câu chuyện Thiện mà Ta đã từng có tạo tác thì ngay trong thời gian ấy Tâm Thiện liền sanh khởi. Chính ngay khi Tâm Thiện sanh khởi bởi do nương vào việc nhớ tưởng đến câu chuyện Thiện này, thì gọi là *Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*. Tại đây đã giải thích theo câu Chú Giải nói rằng: “*Āsanne anussaritam = Āsannam*”.

Hoặc có một vài người đã không từng có tạo tác bất luận việc Phước Báo nào với tâm vóc quy mô thạc đại, chỉ có khởi sinh lòng tịnh tín muốn kiến tạo một vài thể loại Thiện Phúc cho thành nên tảng, để sẽ trở thành chỗ nương nhờ tiếp nối cho ngày vị lai. Thế rồi đã tác hành các Thiện Nghiệp Lực ấy, là có việc xuất gia Tỳ Khưu, làm lễ dâng y *Kāṭhina*, xây dựng giảng đường, kiến tạo giếng nước, xây dựng trường học, kiến tạo Phật Pháp, thọ trì *Bát Quan Trai Giới (Uposatha)*, tiến tu *An Chi - Minh Sát*, v.v. Trong sát na vẫn đang còn tạo tác các Thiện Nghiệp Lực ấy cho được khởi sanh, thì ngay khi ấy đã làm cho người ấy phải thọ mạng diệt đi, hoặc là khi đã tạo tác bất luận một trong những thể loại Thiện Nghiệp Lực ấy đi đến thành tựu viên mãn, tiếp đến không bao lâu sau thì phải thọ mạng diệt đi. Thiện Nghiệp Chủng này đã được gọi là *Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*. Hoặc một vài người khi vẫn còn khỏe mạnh thì không từng nghĩ tưởng đến sẽ kiến tạo Thiện Nghiệp Lực cho được khởi sinh lên, tiếp đến khi phát sanh lên việc ốm đau bệnh hoạn, đã làm cho cảm thấy úy cụ tử vong và đã tầm cầu chỗ nương tựa. Khi nhìn thấy rằng mình vẫn chưa có được bất luận một chỗ nương tựa nào cả, thì sợ hãi rằng khi mạng vong rồi thì sẽ phải bị đọa vào nơi thống khổ. Chính vì thế, người ấy mới tác hành những thể loại Thiện Nghiệp Lực cho khởi sinh lên, như có việc Xả Thí Thiện cũng có, đã thỉnh mời nhà sư đến và rồi thọ trì Giới Luật cùng Thính Pháp cũng có, hoặc là tiến tu *An Chi* cũng có, *Minh Sát* cũng có, v.v. Trong sát na vẫn đang còn tác hành các Thiện Nghiệp Lực ấy, mà đã dẫn đến việc thọ mạng diệt hoặc là khi đã tác hành đưa đến thành tựu viên mãn rồi, tiếp đến không bao lâu sau thì phải thọ mạng diệt đi, thì Thiện Nghiệp Chủng này đã được gọi là *Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*.

Còn *Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực* ấy, chẳng hạn như người đang tranh luận kinh cãi rồi phát sinh việc ẩu đả lẫn nhau, khởi sanh sát phạt lẫn nhau. Người bị đánh hoặc bị bắn, bị chém ấy, khởi sinh lên việc tử vong ngay trong sát na ấy, hoặc tiếp đến không bao lâu sau thì phải mạng vong. Hoặc người đang khi tạo tác việc nuôi mạng bất chính (*Micchājīva – Tà Mạng*) có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. Trong sát na vẫn đang còn tạo tác thì đột nhiên bị bắn chết, hoặc bị tử vong bởi bất luận một nguyên nhân nào đi nữa, những thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực này đã được gọi là *Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*.

Hoặc có một vài người đang khi có sự vui chơi duyệt ý qua việc uống rượu và các chất say, nô đùa trên cợt lẫn nhau cũng có, đang khi xem phim ảnh xem kịch nói cũng có, chẳng hạn như vậy v.v. Và việc tạo tác những thể loại này thì được sắp thành Bất Thiện Nghiệp Lực hết cả thảy. Trong sát na vẫn đang còn tạo tác ấy, thì lại có *Nhân Duyên (Hetupaccaya)* khởi sinh lên, đã làm cho người ấy phải bị mạng vong đi, chẳng hạn như vậy, thì những thể loại ấy đã được gọi là *Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*. Hoặc có một vài nhóm Tà Kiến một khi nhận thấy rằng Ta đây sẽ phải mạng vong, và đã có thực hiện việc sát mạng các loài Hữu Tình và lấy đem cúng Lễ Tế Thần Linh, để cho Ta đây khi mệnh chung rồi thì sẽ được đi đến Cõi thiên đàng. Khi đã thực hiện xong, và rồi người ấy cũng liền mạng vong đi với việc tạo tác như vậy, thì cũng đã được gọi là *Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực*. Tại đây đã giải thích theo câu Chú Giải nói rằng: “*Àsanne katam = Àsannam*”.

3. *Tập Quán Nghiệp Lực (Àciṇṇakamma)*: Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành.

Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “*Àciyati punappunam kariyatiti = Àcinnam*”- “*Nghiệp Lực nào mà người cần phải tích lũy chất chứa hằng thường luôn, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi là Tập Quán Nghiệp Lực.*” Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

Có ý nghĩa là người tạo tác những *Ác Hạnh (Duccarita)* mà có liên quan về Thân cũng có, về Ngũ cũng có, về Ý cũng có một cách hằng thường luôn; sẽ thực hiện cho việc mưu sinh đi nữa, hoặc không phải cho việc mưu sinh đi nữa. Những việc tạo tác những thể loại này, được gọi là *Bất Thiện Tập Quán Nghiệp Lực*. Người hằng thường luôn tác hành Phước Báo, có việc bỏ bát cúng dường hằng mỗi ngày; thường xuyên thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới, 227 Giới; có việc giảng dạy, việc nghiên cứu học hỏi hằng thường luôn ở trong *Pháp Luật (Dhamma vinaya)*, và thường xuyên tiến tu *An Chỉ - Minh Sát*. Việc thực hiện những thể loại này gọi là *Thiện Tập Quán Nghiệp Lực*.

Lại nữa, người đã tạo tác xong bất luận một thể loại Ác Hạnh nào và duy nhất chỉ có mỗi một lần một mà thôi, tuy nhiên người ấy hằng thường luôn hồi tưởng nhớ lại ở trong việc tạo tác của mình, rồi lại phát sinh sự sầu bi ưu não và cắn rứt ăn năn (*Vippatisàra*), tức là sự bất an khổ muộn và trạo hối ở trong lòng, sự ưu sầu phiền não khởi sinh lên. Hoặc khi đã nghĩ tưởng đến rồi thì hằng thường luôn làm cho phát sinh lên sự hân hoan duyệt ý ở trong việc tạo tác của mình. Sự bất an ở nơi tâm hoặc sự hân hoan duyệt ý mà hằng thường luôn khởi sinh lên bởi do nương vào việc truy niệm hồi tưởng nhớ lại về việc mình đã có tạo tác ở phần Ác Hạnh đó, thì cũng được gọi là *Bất Thiện Tập Quán Nghiệp Lực*, cũng tương tự như nhau.

Trong việc tác hành ở phía Thiện Nghiệp Lực thì cũng tương tự như nhau. Cho dù đã tác hành duy nhất chỉ có mỗi một lần một, rồi lại thường luôn hồi tưởng

nhớ lại. Và khi hồi tưởng nhớ lại bất luận thời lúc nào thì cũng thường luôn làm cho phát sanh sự phỉ lạc hỷ thọ ở trong việc tác hành Phước Báo của mình. Sự phỉ lạc no nề ở trong Tâm sanh khởi lên một cách thường luôn bởi do nương vào việc truy niệm hồi tưởng nhớ lại đến Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tác hành, thì cũng được gọi là *Thiện Tập Quán Nghiệp Lực*, một cách tương tự như nhau.

[**Chú thích:** *Tập Quán Nghiệp Lực* còn được gọi là *Thường Sự Nghiệp Lực*, là loại Nghiệp Lực mà Ta đã từng có thường xuyên tác hành và thường luôn nghĩ tưởng đến, và những điều mà Ta đã thường luôn hân hoan duyệt ý nhiều.

Những thói quen, dầu tốt hoặc xấu, lâu ngày trở thành bản chất thứ hai, và có khuynh hướng tạo tác nên tâm tánh của một người. Trong những lúc nhàn rỗi, thì Ta hằng thường luôn nghĩ tưởng đến những đặc điểm quen thuộc của mình. Cùng thế ấy, vào lúc cận tử lâm chung, ngoại trừ khi bị hoàn cảnh xen kẽ vào, thông thường thì Ta truy niệm hồi tưởng nhớ lại những tác hành quen thuộc mà Ta đã có từng tạo tác ở trong thời quá khứ.

Người đồ tể **Cunda** sinh sống ở một nơi cuối làng gần hương thất của Đức Phật, và trước khi lâm chung đã kêu la thảm khóc như loài thú bị giết chết vậy, là do bởi **Cunda** đã từng tạo ra tác nghiệp qua việc sát mạng loài heo đê mà mưu sinh.

Đức Vua **Duṭṭhagàmani** ở Đảo Quốc **Lanka** (*Tích Lan*) thì thường hay có thói quen bỏ bát cúng dường đến Chư Tăng trước khi dùng bữa thọ thực của mình. Chính ngay *Tập Quán Nghiệp Lực* này đã trở sanh quả báo ngay khi Đức Vua sắp băng hà, đã làm cho Đức Vua hân hoan duyệt ý và đã đi tục sinh vào Cõi Đâu Suất Đà Thiên Giới (*Tusitā*).]

**4. Tích Lũy Nghiệp Lực (*Kaṭattakamma*):** Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba thể loại Nghiệp Lực ấy, hoặc Nghiệp Lực đã từng tác hành và tích trữ để ở trong kiếp vị lai.

Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “***Kaṭattà eva kammanti = Kaṭattakammaṃ***”- “Việc tạo tác mà đã được gọi là Nghiệp Lực, là chỉ vì việc tác hành đã vừa chấm dứt xong, và chính vì thế mới được gọi là Tích Lũy Nghiệp Lực.” Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

Có nghĩa là các Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực đã từng có tạo tác ở trong các kiếp sống trước đó, tức là một thể loại *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* (*Aparāpariyavedaniyakamma – Sanh Báo Nghiệp*). Và Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mà đã có tạo tác tại nơi đây, là không được tính đến sự làm thành *Cực Trọng Nghiệp Lực*, *Cận Tử Nghiệp Lực* và *Tập Quán Nghiệp Lực*, mà đó chỉ là một thể loại Nghiệp Lực thông thường. Người tác hành lại không có sự quyết tâm cố ý làm, y như thể không có sự hoan hỷ muốn làm. Việc đề cập đến như vậy cũng do bởi “***Eva***” ở trong câu nói rằng “***Kaṭattà eva kammanti = Kaṭattakammaṃ***” ấy vậy, thì đích thị chính là câu nói phủ định với Nghiệp Lực

mà đã hình thành ra *Cực Trọng Nghiệp Lực*, *Cận Tử Nghiệp Lực* và *Tập Quán Nghiệp Lực*.

Lại nữa, cả ba thể loại *Cực Trọng Nghiệp Lực*, *Cận Tử Nghiệp Lực* và *Tập Quán Nghiệp Lực* này, cũng được liệt vào thể loại *Tích Lũy Nghiệp Lực* một cách tương tự như nhau, là vì hành động đã vừa hoàn thành xong. Tuy nhiên sự việc sẽ không được gọi là *Tích Lũy Nghiệp Lực*, là như vậy cũng do bởi những thể loại Nghiệp Lực này đã có tên gọi một cách riêng biệt. Và từ ngữ nói rằng “*Eva*” được thêm vào ở tại câu nói đó, đã làm thành vật cản ngăn, ngăn chặn không cho cả ba thể loại Nghiệp Lực này để có được tên gọi là *Tích Lũy Nghiệp Lực*.

Cả bốn thể loại Nghiệp Lực như đã vừa đề cập đến ở tại đây, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày đến việc trở sanh quả báo tái tục, tức là cho tục sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Hữu Tình Bàng Sanh, v.v. ở trong kiếp sống thứ hai đi theo một cách tuần tự, do vậy mới được gọi là *Tuần Tự Khai Quả Tử Phần (Pàkadànapariyàyacatukka)*. Từ ngữ nói rằng *Pàka = Paṭisandhiphala* (Quả Tái Tục); *Dàna* = Xả thí, cho ra; *Pariyàya = Vāra* hoặc theo tuần tự; *Catukka* = có bốn thể loại. Khi kết hợp nội dung lại = *Có bốn thể loại Nghiệp Lực làm cho trở sanh quả báo tái tục theo một cách tuần tự*.

Với lý do này, nếu như người nào đã có cả bốn thể loại Nghiệp Lực thì; *Cực Trọng Nghiệp Lực* sẽ là người cho trở sanh quả báo tái tục, tức là nếu như đã chứng đắc được Thiền Định thì sẽ đi tục sinh làm thành bậc Phạm Thiên. Nếu như đã tạo tác *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực* hoặc *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực* thì sẽ phải đi tục sinh làm thành Hữu Tình Địa Ngục. Còn các Nghiệp Lực còn lại thì không có trở sanh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai, mà chỉ làm cho trở sanh quả báo trong *Thời Bình Nhật (Pavattikāla)*. Nếu như người nào không có bất luận một thể loại *Cực Trọng Nghiệp Lực* nào, có nghĩa là người ấy đã không có tạo tác *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực*, hoặc không có sự nhìn thấy sai trật ở phần *Chuẩn Xác Tà Kiến*, và chẳng phải là bậc *Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhī puggala)* tức là hạng Phạm Phu thông thường; và chẳng phải là bậc Thất Lai (*Tu Đà Hườn*), bậc Nhất Lai (*Tu Đà Hàm*), mà chỉ có ba thể loại Nghiệp Lực còn lại thì *Cận Tử Nghiệp Lực* sẽ là người cho trở sanh quả báo tái tục, cho sanh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, *Thống Khổ Hữu Tình (Apāyasatta)* tùy theo thích hợp tương ứng đối với Nghiệp Báo và Hạng Người ở trong kiếp sống thứ hai. Còn cả hai thể loại, đó là *Tập Quán Nghiệp Lực* và *Tích Lũy Nghiệp Lực* ấy, thì sẽ là người cho trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Nếu như người nào không có *Cực Trọng Nghiệp Lực* và *Cận Tử Nghiệp Lực*, mà chỉ có hai thể loại Nghiệp Lực còn lại thì, *Tập Quán Nghiệp Lực* sẽ là người cho trở sanh quả báo tái tục, cho sanh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, *Thống Khổ Hữu Tình* tùy theo thích hợp tương ứng đối với Nghiệp Báo và Hạng Người ở trong kiếp sống thứ hai, cũng tương tự như nhau. Còn *Tích Lũy Nghiệp Lực* sẽ là người cho trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Và nếu như người nào không có cả ba thể loại, đó là *Cực Trọng*

*Nghiệp Lực, Cận Tử Nghiệp Lực, Tập Quán Nghiệp Lực*, có nghĩa là hạng người này khi kiếp sống vẫn còn xuân xanh và đã có tạo tác bất luận một thể loại *Ác Hạnh (Duccarita)*, *Thiện Hạnh (Sucarita)* nào rồi thọ mạng diệt đi; khi là như vậy thì đích thị chính là *Tích Lũy Nghiệp Lực* ấy sẽ là người cho trở sinh quả báo tái tục, cho sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Thống Khổ Hữu Tình tùy theo thích hợp tương ứng, là vì tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu ở trong thế gian này thường không thể nào là không có *Tích Lũy Nghiệp Lực* được.

Lại nữa, ở trong khoảng thời gian mà cả hai *Cận Tử Nghiệp Lực* và *Tập Quán Nghiệp Lực* này, mà không phải đề cập đến ở trong khía cạnh việc trở sinh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai, là một khi quán sát ở trong khía cạnh hiện hành theo một cách thường nhiên rồi thì, *Tập Quán Nghiệp Lực* thường có năng lực nhiều hơn cả *Cận Tử Nghiệp Lực*, là bởi vì làm thành loại Nghiệp Lực thường luôn hiện hữu. Vì thế, ở trong các bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi magga Atthakathà)* và *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* mới trình bày đến loại Nghiệp Lực mà cho trở sinh quả báo theo một cách tuần tự đó là: ***“Aparampi catubbidham kamman yam garukam yam bahulam yadàsannaṃ kaṭattà và pana kammanti”*** - Dịch nghĩa là *“Một trường hợp khác nữa, rằng tính theo tuần tự của việc trở sinh quả báo thì có bốn thể loại Nghiệp Lực, đó là: Cực Trọng Nghiệp Lực là một thể loại Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng; Đa Hành Nghiệp Lực (Bàhullakamma) là một thể loại Nghiệp Lực tạo tác rất nhiều lần; Cận Tử Nghiệp Lực là một thể loại Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung; Tích Lũy Nghiệp Lực là một thể loại Nghiệp Lực đã từng có tạo tác ở trong kiếp sống trước.”*

Cho dù quả thật là *Tập Quán Nghiệp Lực* sẽ có nhiều năng lực hơn cả *Cận Tử Nghiệp Lực* đi nữa, tuy nhiên trong việc sẽ cho trở sinh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai, thì *Cận Tử Nghiệp Lực* là loại Nghiệp Lực sẽ sinh khởi khi cận tử lâm chung lại thường có nhiều mãnh lực quan trọng hơn cả. Có nghĩa là theo lẽ thường nhiên, với người cận tử lâm chung ấy thì bất luận một trong những thể loại nào thuộc về *Nghiệp (Kamma)*, *Nghiệp Tướng (Kammanimitta)*, *Thủ Tướng (Gatinimitta)* sẽ phải hiện bày ở trong *Động Lực Cận Tử (Maranàsannajavana)* với mãnh lực của Nghiệp Lực để sẽ phải cho trở sinh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai và Nghiệp Lực mà có mãnh lực dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho được khởi sinh lên hiện bày ở trong *Động Lực Cận Tử* đây, thì đó đích thị chính là *Cận Tử Nghiệp Lực* sinh khởi tiếp cận với *Động Lực Cận Tử* ấy vậy, và thường thì lại có nhiều cơ hội hơn với *Tập Quán Nghiệp Lực* mà đã từng thường luôn tác hành. Tất cả sự việc này được ví như chàng mục牛郎 lừa một đàn bò, có cả bò già và bò trẻ cho vào hết ở trong chuồng, tình cờ bò già ấy lại ở đằng phía sau; vì thế đến khi tất cả bò đã vào ở trong chuồng xong xuôi rồi, thì bò già ấy mới phải ở sát cận bên với cánh cửa, mãi cho đến ban sáng khi chàng mục牛郎 đi đến mở cửa để cho đàn bò ấy ra ngoài, thì bò già đứng ở ngay đầu cửa

đã có cơ hội được ra trước hết tất cả đàn bò. Cho dù quả thật lão mai có năng lực yếu đuối đi nữa, điều này như thế nào thì một khi *Cận Tử Nghiệp Lực* rằng tính theo năng lực rồi, thì quả thật có năng lực yếu hơn *Tập Quán Nghiệp Lực*, tuy nhiên lại là Nghiệp Lực sanh khởi ngay sát cận bên với *Đổng Lực Cận Tử* vậy, và lại có khả năng dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho được hiện khởi lên như vậy rồi, thì sẽ quyết định được rằng đích thị chính là loại Nghiệp Lực này là người dắt dẫn Hữu Tình ấy cho đi tục sinh ở trong kiếp sống thứ hai. Với lý do này, ở trong *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* mới rút lấy *Cận Tử Nghiệp Lực* lên đề ở trước *Tập Quán Nghiệp Lực*, đề mà trình bày đến *Nghiệp Lực làm cho trở sanh quả báo theo một cách tuần tự*.

Điều tỷ dụ nêu lên rằng bò già ở sát bên cửa chuồng thì thường được ra khỏi cửa trước cả đàn bò trẻ khi còn ở lại phía sau. Tuy nhiên nếu như bò già ấy lại không có năng lực vừa đủ để sẽ đi ra khỏi cửa chuồng, thì các bò khác khi còn ở lại phía sau cũng sẽ có được cơ hội ra trước cả bò già. Điều này trình bày cho thấy rằng cũng có khi *Cận Tử Nghiệp Lực* có năng lực yếu, và không có khả năng dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho được hiện bày ở trong *Đổng Lực Cận Tử*, thế thì *Cận Tử Nghiệp Lực* mà có năng lực yếu đây, mới không có cơ hội trở sanh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai được, thì thay vào đó phải là chức năng của *Tập Quán Nghiệp Lực* dắt dẫn bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng cho hiện bày ở trong *Đổng Lực Cận Tử* cùng luôn cả việc trở sanh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai. Khi là như vậy, *Tập Quán Nghiệp Lực* phải là ở trong vị trí tuần tự thứ hai, còn *Cận Tử Nghiệp Lực* rớt xuống ở trong vị trí tuần tự thứ ba, đúng với bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* và bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* mà đã có được trình bày đến vậy.

Lại nữa, theo bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* trình bày tuần tự của việc cho trở sanh quả báo của Nghiệp Lực, bằng cách rút lấy *Tập Quán Nghiệp Lực* lên đề ở trước *Cận Tử Nghiệp Lực* ấy, cũng nên hiểu biết thêm rằng khi *Cận Tử Nghiệp Lực* của người ấy có năng lực yếu; do đó *Tích Lũy Nghiệp Lực* và *Tập Quán Nghiệp Lực* mới không có khả năng giúp đỡ ủng hộ cho *Cận Tử Nghiệp Lực* ấy cho trở sanh quả báo tái tục được. Với lý do này, mới trở thành chức năng của *Tập Quán Nghiệp Lực* là sẽ cho trở sanh quả báo tái tục, bởi do đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ nơi *Tích Lũy Nghiệp Lực*, mà đó đích thị chính là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparàpariyavedaniyakamma – Sanh Báo Nghiệp)* ấy vậy.

### III. THỜI GIAN KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PÀKAKÀLACATUKKA)

[*Chú thích: Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pàkakàlacatukka):* rằng theo thời gian trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.]



1. *Hiện Báo Nghiệp Lực (Ditthakammavedaniyakamma)*: có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Dittho dhammo = Ditthadhammo*” - Thực Tính Pháp hiện hành cần phải được hiển hiện rõ ràng ngay ở trong kiếp sống này, được gọi là *Kim Thế Pháp (Ditthadhamma)*, tức là bản ngã hiện bày trong kiếp sống này. “*Vediyati anubhūyatīti = Vedaniyam*”- Quả báo nào phải được thụ lãnh, như thế quả báo này được gọi là “*Thụ Lãnh Quả Báo*”, tức là quả báo mà sanh khởi từ ở nơi *Dục Giới Nghiệp Lực (Kàṃvacarakamma)*.

“*Ditthadhamme vedaniyanti = Ditthadhammavedaniyam*”- Nghiệp Lực tác hành cho phải thụ lãnh quả báo ở trong bản ngã hiện bày ngay ở trong kiếp sống này, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là *Kim Thế Thụ Lãnh Quả Báo (Hiện Báo)*, tức là *Tư Tác Ý Bất Thiện Nghiệp Lực* và *Tư Tác Ý Đại Thiện Nghiệp Lực (Mahākusalakammacetanā)* ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất [câu Chú Giải của điều này là việc trình bày theo *Phần Phạm Vi Quả Báo (Phalūpacāranaya)*]

Hoặc một nghĩa khác nữa “*Ditthadhamme vedaniyam phalaṃ etassāti = Ditthadhammavedaniyam*”- Quả báo phải được thụ lãnh ở trong bản ngã hiện bày ở ngay trong kiếp sống này do bởi Nghiệp Lực ấy, do vậy Nghiệp Lực mà có quả báo phải được thụ lãnh ở trong bản ngã hiện bày ngay ở trong kiếp sống này, mới được gọi là *Kim Thế Thụ Lãnh Quả Báo (Hiện Báo)*, tức là *Tư Tác Ý Bất Thiện Nghiệp Lực* và *Tư Tác Ý Đại Thiện Nghiệp Lực* ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất [câu Chú Giải của điều này là việc trình bày theo *Phần Vi Thủ (Mukhayanaya)*]

## GIẢI THÍCH

Những hành động tạo tác của người ta, dù cho sẽ từ ở nơi Thân, Lời và Ý đi nữa, dù cho sẽ ở phần Thiện hoặc Bất Thiện đi nữa, thì ngay khi hành động tạo tác ấy, đa phần là phải thường luôn có bấy sát na Đồng Lực sanh khởi. Và mỗi Lộ Trình Tâm có bấy sát na Đồng Lực sanh khởi đây, thì quả là có rất nhiều vô số và tính đếm không xuể trong từng mỗi một hành động tạo tác. Trong tất cả những bấy sát na Đồng Lực này, với *Tư Tác Ý (Cetanā)* phối hợp ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất, thì được gọi là *Hiện Báo Nghiệp Lực*. Có nghĩa là loại Nghiệp Lực này chỉ cho được đón nhận quả báo hiện bày ngay ở trong kiếp sống hiện tại, tức là cho được thấy, được nghe, được ngửi mùi hơi, được ăn, được xúc chạm ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp. Và cho *Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp*, mà đích thị chính là *Quả Dị Thục Vô Nhân* ngàn ấy vậy, tức là có các bộ phận (*các Căn*) ở trong cơ thể và sắc da phu sắc ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp; và không có khả năng làm cho trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục và ở trong Thời Bình Nhật, tính kể từ kiếp sống thứ hai trở đi được. Đề cập đến là *Tư Tác Ý Thiện, Tư Tác Ý Bất Thiện* phối hợp ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất này, không có khả năng sắp bày cho người ấy được sanh làm Nhân Loại, Chư Thiên, hoặc các nhóm Hữu



Tình Thống Khổ được, vì đây thuộc về lãnh vực *Quả Báo Tái Tục (Paṭisandhiphala)*. Và cũng không có khả năng trở sanh quả báo cho người ấy được đón nhận các sự vật tốt đẹp hoặc không tốt đẹp, vì đây thuộc về lãnh vực *Quả Báo Bình Nhật (Pavattiphala)* tính kể từ kiếp sống thứ hai trở đi mới có được. Tất cả sự việc này là cũng bởi vì *Tư Tác Ý* ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đây, thì có năng lực không có được nhiều so với cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái thứ bảy. Là vì sanh khởi lần đầu tiên, không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya)*, tức là Đồng Lực với nhau, do đó mới không có cho trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai được, luôn cả ở trong Thời Tái Tục và Thời Bình Nhật như đã có đề cập đến rồi vậy. Còn việc ở trong vị trí cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đây, là có được đón nhận việc ủng hộ từ ở nơi *Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjanacitta)* là thuộc về lãnh vực *Vô Gián Duyên (Anatarapaccaya)*, *Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya)* thì cũng không phải là việc ủng hộ ở trong lãnh vực năng lực, mà chỉ là việc ủng hộ ở trong lãnh vực làm cho sanh khởi ngân ấy vậy. Như Ngài Chú Giải Sư trình bày để ở trong bộ *Sớ Giải (Aṭṭhasàlini)*, *Chú Giải (Atthakathā)* và bộ *Chú Giải Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpariccheda Atthakathā)* rằng:

*Diṭṭhadhammavedāṇiyam      Paṭhamam javanam bhave*  
*Aladdhā sevanattā và      Asamattam bhavantare*

Dịch nghĩa là: *Hiện Báo Nghiệp Lực* ấy, tức là *Tư Tác Ý* ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất, *Tư Tác Ý* này không có khả năng trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai được, là vì không có được đón nhận việc ủng hộ từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên*.

**Hiện Báo Nghiệp Lực Này Hiện Hữu Hai Thể Loại, đó là:**

1. *Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Paripakkadiṭṭhadhammavedāṇiya kamma)*: Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi đã vào đến sự già dặn chín muồi.

2. *Phi Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Aparipakkadiṭṭhadhammavedāṇiya kamma)*: Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi vẫn chưa đến sự già dặn chín muồi.

+ Điều thứ nhất nói rằng “*Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi đã vào đến sự già dặn chín muồi*”, có nghĩa là sẽ cho được đón nhận quả báo nhất định hiện bày trong khoảng thời gian bấy ngày. Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong bài Kinh *Devadaha* (bài Kinh 101) từ nơi bộ *Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phân* thuộc *Trung Bộ Kinh*

(*Uparapaṇṇāsaka Atthakathā*) nói rằng: “*Yaṃ pana sattadivasabbhantare vipākam deti ta paripakkadevanīyaṃ nāma*”- “*Nghiệp Lực nào cho trở sanh quả báo nội ở trong bảy ngày, Nghiệp Lực ấy gọi là Nùng Hậu Thọ Lãnh Quả Báo Nghiệp Lực (Paripakkadevanīyakamma).*”

Chẳng hạn như có tích truyện về một chàng thanh niên nghèo khổ có tên gọi là *Mahāduggata* (Đại Thống Khổ) đã cúng dường phần thực phẩm đến Ngài Chánh Đăng Giác *Kassapa*. Khi việc cúng dường đã được thành tựu viên mãn thì chính ngay ở trong bảy ngày ấy đã phát sanh lên giàu có và trở thành một vị bá hộ. Với tích truyện nam nhân *Punṇa* cùng với người vợ là người nghèo khổ, và đã cúng dường phần thực phẩm đến Ngài *Sàriputta*, sau đó đã trở nên giàu có nội trong bảy ngày. Và tích truyện nam nhân *Kākavaliya* cùng với người vợ là người nghèo khổ, và đã có được cơ hội cúng dường phần thực phẩm đến Ngài Trưởng Lão *Mahākassapa* và rồi đã trở nên giàu có chỉ nội trong bảy ngày, cũng tương tự như nhau. Cả ba người này, một khi đã trở nên giàu có thì thường được đón nhận các thể loại Cảnh đều toàn là tốt đẹp, có việc nhìn thấy tốt đẹp, được nghe tốt đẹp, được ngửi mùi hơi tốt đẹp, được ăn những vật thực tốt đẹp, được xúc chạm đến vật cảm thọ tốt đẹp. Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v. đều toàn là Quả Dị Thực Thiện ở phần thuộc về Danh Pháp. Còn lộ đạo thuộc về Sắc Pháp thì có diện mạo và sắc da phu sắc thanh tịnh, thân thể hoàn hảo được khởi sanh lên, đích thị chính là ở phần Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp xuất sinh xứ từ ở nơi Thiện Nghiệp Lực. Nhãn Thức Quả Dị Thực Thiện v.v. cũng tốt đẹp, sắc thân và sắc da phu sắc hoàn hảo thanh tịnh tốt đẹp. Những thể loại này hết cả đều là *Vô Nhân Pháp (Ahetukadhamma)*. Do đó, *Hiện Báo Nghiệp Lực* này mới là loại Nghiệp Lực làm cho trở sanh quả báo chỉ hiện bày ở trong lãnh vực thuộc về Vô Nhân Pháp.

[Dẫn chứng thêm một tích truyện về quả báo an lành trở sanh ngay trong kiếp hiện tại: *Có hai vợ chồng nghèo khổ và chỉ có mỗi một chiếc áo khoác choàng ở bên ngoài mỗi khi đi ra đường (theo cổ lệ của người Ấn lúc bấy giờ). Khi người chồng có việc đi đâu, thì mặc lấy chiếc áo ấy, và người vợ phải ở nhà. Ngược lại, nếu người vợ muốn ra đi, và đã mặc lấy chiếc áo ấy, thì người chồng phải ở lại nhà.*

*Một ngày kia, người chồng đi đến Chùa để được nghe Đức Phật thuyết giảng Giáo Pháp. Đang khi nghe, thì người chồng lấy làm hân hoan duyệt ý, khởi sanh tác ý muốn cúng dường đến Đức Phật chiếc áo khoác duy nhất hiện đang có ấy, tuy nhiên với lòng ái luyến cố hữu của con người trôi dạt; và rồi một cuộc tranh đấu diễn ra ở trong lòng của người chồng. Sau cùng, Tâm xả thí đã chế ngự được lòng luyến ái. Người chồng đã hết sức vui mừng, và đã reo to lên: “Ta đã chiến thắng, Ta đã chiến thắng” và đã thực hiện việc làm đúng theo sở nguyện, thể là đã dâng chiếc áo khoác đến Đức Thế Tôn.*

*Câu chuyện trên đã đến tai của một nhà vua. Đức Vua Pasenadi đã lấy làm hân hoan duyệt ý, đã ban truyền lệnh cấp phát cho người chồng đến 32 chiếc áo*

*khoác. Người chồng mến mộ đạo ấy, đã chọn lựa ra hai chiếc áo, một chiếc để dành cho bản thân và một chiếc là để dành cho người vợ. Tất cả số còn lại đã cúng dường hết đến Đức Phật.*

*Hãy gấp tạo tác việc lành,  
Mau mau diệt tắt Ác Hạnh khởi sanh.  
Việc ác khởi phát rất nhanh,  
Chậm làm việc Thiện, Khổ sanh luân hồi.]*

+ *Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực* trong phần Bất Thiện ấy, chẳng hạn như tích truyện nam nhân **Nanda** đã bị đất rút, bởi do việc xâm hại Trưởng Lão Ni **Uppalavanna** là một bậc Vô Sinh. Và một nam nhân có việc mưu sinh qua việc sát mạng loài bò, tên gọi là **Nanda**, một hôm ở trong nhà phát sanh lên việc thiếu thốn vật thực, mới cầm dao đi đến chuồng bò, rồi cắt lấy lưỡi của bò ra đem cho người vợ lấy đi nướng. Khi người vợ nướng lưỡi bò xong xuôi rồi mới cầm lấy ăn. Trong sát na nam nhân **Nanda** đang ăn lưỡi của con bò ấy, thì lưỡi của nam nhân **Nanda** đã tự đứt rớt xuống và phải đón nhận sự thống khổ cùng cực, khóc rống lên với âm thanh khủng khiếp, và rồi tức thời đi đến thọ mạng diệt ngay tại nơi ấy. Trong sát na nam nhân **Nanda** đã đón nhận sự thống khổ ấy, thì Tâm Thân Thức câu hành Khổ và Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v. thuộc về Bất Thiện Quả Dị Thục thường sanh khởi cùng luôn cả Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp, tức là vết thương nảy sinh ra từ nơi lưỡi đã bị đứt lìa.

Tỳ Khuru **Devadatta** đã bị đất rút bởi do việc Chích Huyết Thân Phật và kể luôn cả việc Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực. Đức Vua **Thiện Giác (Suppabuddha)** là Phụ Vương của Tỳ Khuru **Devadatta** và của Nàng **Bimbà (Yasodhara)** đã bị đất rút bởi do biểu lộ việc vô lễ bất kính (**Agaravo**) xua đuổi Bậc Chánh Đẳng Giác. Bà La Môn **Kokàlika** đã bị đất rút bởi do mắng chửi cả hai Bậc Chí Thượng Thịnh Vãn. Những sự việc này đều toàn là *Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực* hết cả thảy.

[Dẫn chứng thêm một tích truyện về quả báo xấu ác trở sanh ngay trong kiếp hiện tại: *Có một người thợ săn đã dẫn một đàn chó đi vào rừng già để săn mồi, cùng lúc ấy có một vị Tỳ Khuru đang đi trì bình khát thực. Đi cả buổi trời và không săn được chi cả, người thợ săn lấy làm sân hận bực tức, đã nghĩ rằng vì gặp lấy vị Tỳ Khuru giữa đàn nên phải bị xúi quẩy. Lúc trở về lại cũng gặp vị Tỳ Khuru ấy nữa. Người thợ săn đã nổi giận và đã xua đàn chó đến cắn, mặc cho vị Tỳ Khuru vô tội kia đã hết lời năn nỉ van lơn. Không còn cách gì khác hơn, vị Tỳ Khuru liền trèo lên cây gần đó để tránh đàn chó hung dữ. Người thợ săn chưa hết nguôi giận, đã chạy đến nơi gốc cây, đã giương cung bắn lên, và đã trúng nhằm vào bàn chân của vị Tỳ Khuru ấy. Trong lúc sợ hãi đã mất đi sự bình tĩnh, và vô cùng đau đớn, vị Tỳ Khuru đã đánh rơi mảnh y áo của mình rớt xuống, đã chụp lên đầu và bao trùm*

*lấy người của vị thợ săn. Đàn chó hung dữ ấy trông thấy một người đang lúng túng trong mảnh y áo ấy, thì đã nghĩ là vị Tỳ Khuru đã té xuống, nên đã vội nhào đến liền cắn xé lấy người chủ của mình.*

*Kẻ ngu hãm hại Hiền Lương,  
Tội ác trở lại hại người Ác Tâm.  
Ví như gió ngược bụi trần,  
Khổ đau dội lại muôn phần đắng cay.]*

+ Điều thứ hai nói rằng “*Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi vẫn chưa đến sự già dặn chín muồi*”, có nghĩa là việc tạo tác về Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ấy, thì đích thị sẽ trở sanh quả báo cho được hiện bày là sau khỏi bấy ngày.

Tóm lại, *Hiện Báo Nghiệp Lực* là loại Nghiệp Lực chỉ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại, không vượt qua kiếp sống hiện tại, và không đến kiếp sống sau. Tức là người nào đã tạo tác Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời thiếu niên, thì Nghiệp Lực này cho được đón nhận quả báo ở trong thời thiếu niên, hoặc là thời trung niên, hoặc là thời lão niên. Người nào đã tạo tác Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời trung niên thì Nghiệp Lực này cho được đón nhận quả báo ở trong thời trung niên, hoặc là thời lão niên. Người nào đã tạo tác Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong thời lão niên thì Nghiệp Lực này cho được đón nhận quả báo ở trong thời lão niên. Những thể loại này đều toàn là *Hiện Báo Nghiệp Lực* hết cả thầy. Như Ngài Chú Giải Sư trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần* thuộc *Trung Bộ Kinh (Uparapaññāsaka Atthakathā)* nói rằng: “*Yam paṭhamavaye kataṃ paṭhamavaye và majjhimavaye và, majjhimavaye kataṃ majjhimavaye và pacchimavaye và, pacchimavaye kataṃ tatthevavipàkandeti tam ditṭhadhamma vedaniyam nàma*” - “*Nghiệp Lực nào đã có được tạo tác ở trong thời thiếu niên thì thường cho trở sanh quả báo ở trong thời thiếu niên, thời trung niên hoặc là thời lão niên. Nghiệp Lực nào đã có được tạo tác ở trong thời trung niên thì thường cho trở sanh quả báo ở trong thời trung niên hoặc là thời lão niên. Nghiệp Lực nào đã có được tạo tác ở trong thời lão niên, thì đích thị chính là thường cho trở sanh quả báo ở trong thời lão niên ấy vậy. Nghiệp Lực ấy được gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực.*”

### **Trình Bày Việc So Sánh Quả Báo Cho Được Đón Nhận Từ Ở Nơi Hiện Báo Nghiệp Lực Với Hậu Báo Nghiệp Lực**

Theo đa phần thì chúng ta có sự hiểu biết với nhau rằng quả báo mà đã được đón nhận từ ở nơi *Hiện Báo Nghiệp Lực*, thì đó là quả báo có rất nhiều năng lực.

Là vì việc được phát sanh lên giàu có là chỉ có nội trong bảy ngày, hoặc việc bị đất rút xuống thì hiện bảy liền ngay tức khắc. Các sự việc này chẳng phải là những điều mà sẽ được đón nhận một cách dễ dàng, và cũng chẳng phải sẽ được đón nhận với tất cả ở mọi người. Người mà sẽ được đón nhận quả báo thể loại này, là sẽ được đón nhận quả báo từ ở nơi phía *Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực*, tức là có sự mong mỏi thành vị bá hộ giàu có được trông thấy hiện bày tức thì liền ngay trước mắt. Và có sự sợ hãi trước sự việc sẽ phải đón nhận quả báo từ ở nơi phía *Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực*, nghĩa là có sự sợ hãi khi bị đất rút xuống, v.v. Tuy nhiên nếu sẽ so sánh với việc sẽ cho trở sanh quả báo của *Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedaniya kamma)*, thì quả báo được đón nhận từ ở nơi *Hậu Báo Nghiệp Lực* thường là có rất nhiều trọng lượng hơn cả. Là vì quả báo sẽ được đón nhận từ ở nơi *Hiện Báo Nghiệp Lực* ấy, đó là quả báo có liên hệ đặc biệt chỉ trọn ở trong kiếp sống của người ấy mà thôi. Và một khi đã chấm dứt mạng sống thì quả báo ấy cũng cùng diệt mất, và với luôn cả mãnh lực của *Hiện Báo Nghiệp Lực* cũng cùng diệt mất theo. Còn quả báo mà được đón nhận từ ở nơi *Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy, tức là người đó khi đã chấm dứt mạng sống rồi, thì mãnh lực từ ở nơi thể loại Nghiệp Lực này thường là làm thay đổi cuộc đời, thay đổi tình trạng của người ấy cho được đón nhận quả báo hiện khởi lên cùng cực, cả ở trong Thời Tái Tục và luôn cả ở Thời Bình Nhật. Đề cập đến rằng, nếu như là ở phần Bất Thiện, thì người ấy phải đi tục sinh thành loài Hữu Tình Địa Ngục, rồi phải bị đón nhận sự thống khổ diễn tiến trọn suốt thời gian rất lâu dài. Nếu như là ở phần Thiện, thì được đi tục sinh thành Chư Thiên hoặc là Nhân Loại ở đẳng cấp bậc thượng, rồi lại được đón nhận sự an lạc cả về Thân lẫn về Tâm một cách viên mãn suốt trọn cả tuổi thọ mạng của bản thân tùy thuận theo các Cõi Địa Giới ấy. Nếu sẽ nêu lên điều ví dụ để so sánh giữa cả hai thể loại Nghiệp Lực này, thì cũng tỷ như hai loại cây, với một loại là chỉ có bông hoa mà không có trái quả, và một loại kia thì có cả bông hoa và có cả trái quả. Với loại cây mà chỉ có bông hoa thôi, một khi đã cùng nhau trở hoa rồi thì không có cái chi để sẽ thành hạt giống cho cây ấy tiếp tục truyền thừa ra được thêm nhiều nữa. Còn với loại cây mà có cả bông hoa và có cả trái quả ấy, một khi đã trở hoa rồi thì chính tự hoa ấy chuyển đổi thành trái quả, và trái quả ấy lại có khả năng sinh sản ra hạt giống để tiếp nối truyền thừa ra được thêm nhiều nữa. Điều này như thế nào, thì *Hiện Báo Nghiệp Lực* cũng được sánh tương tự với loại cây mà chỉ có bông hoa, là vì chỉ có trở sanh quả báo ngay trong kiếp sống này, và không có khả năng tạo lập lên được kiếp sống cho hiện khởi lên được. Còn *Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy, thì được ví như loại cây có cả bông hoa và có cả trái quả, là vì có khả năng tạo lập lên được kiếp sống cho hiện khởi lên được.

**Hiện Báo Nghiệp Lực Thành Vô Hiệu Nghiệp Lực Có Được Hay Không ?**

Đã có được đề cập đến ở trong phần trên nói rằng *Hiện Báo Nghiệp Lực* này là loại Nghiệp Lực có năng lực yếu kém, là do bởi không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên*. Vì thế mới cho trở sanh quả báo chỉ ở ngay trong kiếp sống này ngần ấy vậy. Tuy nhiên việc cho trở sanh quả báo cũng là bất định, có thể là không có trở sanh quả báo, và trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* cũng được. Tất cả sự việc này là do bởi *Hiện Báo Nghiệp Lực* mà sẽ trở sanh quả báo cho hiện khởi lên được đó, thì sẽ cần phải hiện hữu ở một trong bốn thể loại trạng thái như sau:

1. *Đối Kháng Bất Xâm Nhiễm (Paṭipakkhehi anabhibhūtātāya)*: là không có bị xâm nhiễm từ ở nơi Nghiệp Lực ở thành phần đối lập. Có ý nghĩa là, chẳng hạn nếu như đã là *Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực* thì không có bị xâm nhiễm tác hại từ ở nơi *Bất Thiện Nghiệp Lực*. Và nếu như đã là *Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực* thì cũng không có bị xâm nhiễm tác hại từ ở nơi *Thiện Nghiệp Lực*. Và như vậy thì Nghiệp Lực ấy mới sẽ cho quả báo hiện bày. Còn nếu như đã bị xâm nhiễm tác hại do bởi Nghiệp Lực ở phần đối lập, thế thì Nghiệp Lực ấy không có cho trở sanh quả báo, thì trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* vậy.

2. *Tối Hảo Duyên Đặc Biệt Thù Thắng (Paccayavisesena paṭiladdha vīsesātāya)*: là có năng lực đặc biệt, là vì có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi Duyên Lực ở phần đặc biệt. Có ý nghĩa là, nếu như là *Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực* thì cần phải phối hợp với bốn thể loại *An Hạnh (Sampatti)*, đó là *Trú Xứ An Hạnh (Gatisampatti)*, *Thời Gian An Hạnh (Kālasampatti)*, *Kết Liên An Hạnh (Upadhisampatti)*, *Cần Ích An Hạnh (Payogasampatti)*. Và nếu như là *Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực* thì cần phải phối hợp với bốn thể loại *Bất Hạnh (Vipatti)*, đó là *Trú Xứ Bất Hạnh (Gativipatti)*, *Thời Gian Bất Hạnh (Kālavipatti)*, *Kết Liên Bất Hạnh (Upadhivipatti)*, *Cần Ích Bất Hạnh (Payogavipatti)*. Và nếu là như vậy, thì Nghiệp Lực ấy mới sẽ cho quả báo hiện bày. Nếu như phối hợp với tác nhân đối nghịch, là ý nói đến Nghiệp Lực ở phần Thiện lại đi phối hợp với bốn thể loại *Bất Hạnh (Vipatti)* hoặc là Nghiệp Lực ở phần Bất Thiện lại đi phối hợp với bốn thể loại *An Hạnh (Sampatti)*. Và nếu là như vậy, thì Nghiệp Lực ấy sẽ không cho quả báo, và trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

**Ý nghĩa về Tứ An Hạnh (Sampatti) và Tứ Bất Hạnh (Vipatti) có như sau:**

a. *Trú Xứ An Hạnh (Gatisampatti)*: lập ý nói đến người đã được sinh ra hiện hữu ở trong *Cõi Thiện Thú (Sugatibhūmi)* có Nhân Loại, Chư Thiên và Phạm Thiên. *Trú Xứ Bất Hạnh (Gativipatti)* lập ý nói đến người mà đi thọ sanh ở trong *Cõi Khổ Thú (Duggatibhūmi)* có Hữu Tình Bàng Sanh, v.v.



Thí dụ như một nam nhân đã được sanh trưởng trong một gia đình giàu có hay ở trong một Cõi Địa Giới an vui. Sự tục sinh an hạnh ấy đôi khi đã là một năng lực kiềm chế không các Quả Dị Thục xấu ác trở sanh.

Trái lại, có một nam nhân khác đã phải sanh trưởng trong một gia đình nghèo khổ hoặc ở trong một Cõi Địa Giới khốn khổ. Việc tục sinh bất hạnh của vị nam nhân này đã tạo điều kiện thích hợp cho các Quả Dị Thục xấu ác có cơ hội được trở sanh.

Trường hợp của Đức Vua *Ajatasattu* là một thí dụ dẫn chứng khác nữa. Tuy đã phạm vào *Sát Phụ Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực*, nhưng về sau Đức Vua đã tiếp cận với Đức Phật và đã trở nên một vị Minh Quân có Tâm Đạo tín thành quy ngưỡng với Tam Bảo. Bởi do phạm *Cực Trọng Nghiệp Lực*, Đức Vua đã phải bị tục sinh vào trong Cõi Địa Ngục Thống Khổ, và chính do việc tục sinh bất hạnh ấy, đã làm cho bao nhiêu điều Thiện Sự với nhân lành mà Đức Vua đã gieo trồng, đã không có được hội túc duyên hỗ trợ để cho việc trở sanh quả báo.

*b. Thời Gian An Hạnh (Kālasampatti):* lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có bậc Đại Vương là người có Chánh Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo vẫn còn đang duy trì hiện hữu, vẫn chưa có hoại diệt đi. *Thời Gian Bất Hạnh (Kālavipatti)* lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có vị Vua là người có Tà Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo đã suy giảm mất đi rồi.

Thí dụ như trong một thiên tai, tất cả đều phải cùng chung chịu một số phận bất hạnh. Đó là điều kiện bất hạnh đã hỗ trợ cho các Bất Thiện Nghiệp Lực có được cơ hội trở sanh quả báo. Tuy nhiên cũng có những điều kiện thuận lợi an hạnh, đã kiềm hãm và ngăn chặn không các Bất Thiện Nghiệp Lực có được cơ hội trở sanh quả báo.

*c. Kết Liên An Hạnh (Upadhisampatti):* lập ý nói đến người mà đã được sinh ra có đã các bộ phận (*các Căn*) lớn nhỏ, tức là mắt, tai, v.v. ấy được tròn đủ hoàn hảo, không bị khiếm khuyết thiếu sót. *Kết Liên Bất Hạnh (Upadhivipatti)* lập ý nói đến con người đã được sinh ra nhưng lại khiếm khuyết thiếu sót các bộ phận (*các Căn*) lớn nhỏ.

Thí dụ như, do bởi tác hành Thiện Nghiệp Lực mà một nam nhân được tục sinh an hạnh, nhưng bất hạnh thay phải bị tật nguyên khiếm khuyết các Căn, hoặc có một thân hình xấu xí, không được hoàn toàn trọn hưởng Phước Báo của mình. Một vị Thái Tử thích hợp cho việc nối ngôi kế thừa từ ở nơi Vua Cha để trị vì thiên hạ, tuy nhiên bất hạnh thay, vị Thái Tử đã bị tật nguyên cũng có thể không được lên ngôi báu.

d. *Cần Ích An Hạnh (Payogasampatti)*: lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần đúng đắn (*Chánh Tinh Tấn*), và sự nghĩ suy đúng đắn (*Chánh Tư Duy*), rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần *Thiện Hạnh (Sucarita)*, không vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và cũng không vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo. *Cần Ích Bất Hạnh (Payogavipatti)* lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần tà vạy (*Tà Tinh Tấn*) và sự nghĩ suy tà vạy (*Tà Tư Duy*), rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần *Ác Hạnh (Duccarita)*, vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo.

Trong các năng lực trợ duyên và nghịch duyên, sự *Cần Ích*, là sự nỗ lực tinh cần hữu ích là quan trọng hơn tất cả. Trong niêm luật của Nghiệp Báo, thì sự nỗ lực và sự thiếu nỗ lực đã giữ một vị trí rất trọng yếu. Do sự nỗ lực hiện tại, người ta có thể tái tạo một Nghiệp Lực mới, một hoàn cảnh mới, một môi trường mới, và cả một thế gian mới. Dù cho có hội đủ điều kiện an hạnh và đã hội túc duyên, nhưng lại không có sự nỗ lực tinh cần thì chẳng những người ta đã đánh mất đi một cơ hội quý báu, mà có khi phung phí cả một sự nghiệp, vật chất hoặc là tinh thần.

3. *Tiền Tối Thắng Hành Tập Trung Ý Nguyên (Tàdisassa pubbàbhisañ khàrassa vasena sàtisayà)*: có năng lực kiên cường với mãnh lực từ ở nơi *Tiền Tối Thắng Hành (Pubbàbhisañkhàra)* mà có Thực Tính thích đáng đối với cái Tâm Đồng Lực thứ nhất. Có ý nghĩa là, người nào trước khi bắt đầu làm công việc chi, cho dù là thuộc về phần Thiện hay là Bất Thiện đi nữa, thì thường có được việc cải hóa tâm thức của mình cho khởi sanh lên sự kiên cường dũng cảm, và kham nhẫn với các việc làm ấy, bởi do có việc nghĩ suy rằng “*người mà có sự hân hoan duyệt ý để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được;*” hoặc là “*người mà có sự nỗ lực tinh cần để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được;*” hoặc là “*người mà có sự chú tâm để sẽ làm bất luận công việc nào rồi, thì các công việc ấy sẽ không thể nào không thành tựu viên mãn được.*” Với người đã có sự nghĩ suy như vậy rồi, thì cho dù làm bất luận công việc nào đi nữa, Tâm khởi sanh lên ngay trong sát na đang làm công việc ấy thường là có rất nhiều năng lực. Vì thế, cái Tâm Đồng Lực thứ nhất mà làm thành *Hiệu Nghiệp Lực* mới cho trở sanh quả báo hiện bày ngay trong kiếp sống này được. Nếu không phối hợp với bất luận một trong cả bốn thể loại *Tiền Tối Thắng Hành* thì Nghiệp Lực ấy sẽ không có đủ năng lực để sẽ trở sanh quả báo cho hiện bày ngay trong kiếp sống này được, thì trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* vậy.



4. *Ân Đức Thù Thắng Hổ Trợ Đặc Biệt (Guṇavisesayuttesu upakàrapa kàravasappavattiyà)*: Tâm Đồng Lực khởi sanh lên hiện hành với mãnh lực từ ở nơi hành động tạo tác ở phần Ân Đức Tịnh Hảo hoặc là ở việc tạo tác điều xâm hại, và đã thực hiện đối với bậc đã được kết hợp với Ân Đức đặc biệt, gồm có bậc Chánh Đăng Giác, bậc Alahán Vô Sinh, bậc Bất Lai, v.v. Có ý nghĩa là, nếu là ở phần Thiện thì cũng tương tự với chàng thanh niên nghèo khổ có tên gọi là *Đại Thống Khổ (Mahāduggata)* đã xả thí cúng dường đến Ngài Chánh Đăng Giác *Kassapa*. Còn nếu là ở phần Bất Thiện thì cũng tương tự với nam nhân *Nanda* đã xâm hại đến bậc Trưởng Lão Ni *Uppalavaṇṇā*, chẳng hạn như vậy rồi, thì Nghiệp Lực ấy trở sanh quả báo cho hiện bày ngay trong lúc hiện tại và tức thì ở ngay trước mắt vậy. Nếu như những thể loại Nghiệp Lực ấy không có được tác hành đối với các bậc đã được kết hợp với Ân Đức đặc biệt như đã vừa đề cập đến, thì loại Nghiệp Lực ấy sẽ không trở sanh quả báo cho hiện bày ngay trong kiếp sống này, thì phần nhiều là trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Là bởi vì việc tạo tác ở phần Bất Thiện, cho dù sẽ không có tạo tác đối với bậc đã được kết hợp với Ân Đức đặc biệt đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn cho trở sanh quả báo hiện bày ngay trong thời lúc hiện tại, chẳng hạn như tích truyện nam nhân *Nanda* đã có việc mưu sinh qua việc sát mạng loài bò, đã cắt lấy lưỡi của bò đem đi nướng làm thành vật thực để ăn. Với việc *Sát Mạng Bất Thiện (Akusalapànàtipàta)* của mình đã có tạo tác làm thành thường nhiên, đã vào giúp đỡ hỗ trợ đối với *Hiện Báo Nghiệp Lực*, và đã làm cho cái lưỡi của nam nhân *Nanda* đã phải tự đứt rớt xuống một cách đặc biệt ngay trong sát na đang ăn lấy vật thực ấy vậy.

### **Trình Bày Tác Nhân Làm Cho Trở Sinh Quả Báo Của Xả Thí Thiện Hiện Bày Ngay Ở Trong Kiếp Sống Này**

Đối với việc Xả Thí Thiện sẽ trở sanh quả báo cho được làm thành *Hiện Báo Nghiệp Lực* ấy, là sẽ phải được kết hợp với bốn phần Chi Pháp, đó là:

1. *Sự Vật Thành Tựu (Vatthusampadà)*: bậc *Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggàhaka)* là bậc đón nhận xả thí ấy, phải là bậc Bất Lai hoặc là bậc Alahán Vô Sinh.
2. *Duyên Sự Thành Tựu (Paccayasampadà)*: vật phẩm mà đem đi cúng dường ấy, phải là vật phẩm có được với *sự thanh khiết (Parisuddhi)*.
3. *Tư Tác Ý Thành Tựu (Cetanàsampadà)*: người xả thí cúng dường phải được kết hợp với Tư Tác Ý dũng mãnh kiên cường.
4. *Ân Đức Thắng Thừa Thành Tựu (Guṇàtīrekasampadà)*: bậc Bất Lai hoặc bậc Alahán Vô Sinh là bậc Thụ Thí Xả Nhân phải được kết hợp với Ân Đức một cách đặc biệt, ý nói đến là vừa mới xuất khỏi *Thiền Diệt (Nirodhasamàpatti)*.

Khi hội đủ cả bốn trường hợp Chi Pháp như đã vừa đề cập đến, thì việc xả thí của người ấy được thành tựu viên mãn, làm thành *Hiện Báo Nghiệp Lực*, và cho được đón nhận quả báo trở sanh liền tức thì ngay trong hiện tại. Như đã có lời trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Kinh Pháp Cú* nói rằng: “*Catassopi sampadànàma vatthusampadà paccayasampadà cetanàsampadà guṇàtīreka sampadāti, tattha nirodhasamāpattito vuṭṭhito arahà và anāgàmi và dakkhiṇeyyo vatthusampadà nàma, paccayanam dhammena samena uppatti paccaya sampadà nàma, dànato pubbe dànakàle paccayabhāgeti tī sukālesu cetanāya somanassasahagata nānasampayuttabhāvo cetanàsampadà nàma, dakkhiṇey - yassa samāpattito vuṭṭhitabhāvo guṇàtīrekasampadà nāmāti, etesaṃ ànubhāvena diṭṭhadhamme mahāsampattiṃ pāpunāti.*”-

Dịch nghĩa là: “Tên gọi là “Thành Tựu – *Sampadāna*” có được bốn thể loại, đó là:

- 1/ Sự Vật Thành Tựu, 2/ Duyên Sự Thành Tựu,  
3/ Tư Tác Ý Thành Tựu, 4/ Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu.

Trong cả bốn thể loại Thành Tựu ấy, thì bậc Alahán Vô Sinh hoặc bậc Bất Lai có sự thích ứng đối với Thiên Diệt, là bậc Ứng Thọ Bồ Thí Chi Nhân (*Dakkhiṇeyyapuggala*) được gọi là “Sự Vật Thành Tựu”. Việc phát sanh lên từ ở nơi tất cả duyên sự Vật Dụng bởi theo Pháp kiên định thường xuyên, được gọi là “Duyên Sự Thành Tựu”. Sự việc có Tư Tác Ý ở trong cả ba Thời, tức là trong lúc trước khi cho (Tư Tiền), ngay trong lúc đang cho (Tư Hiện), sau khi đã cho (Tư Hậu) được tương ứng với Trí Tuệ và cùng cấu sanh với Hỷ Thọ, được gọi là “Tư Tác Ý Thành Tựu”. Còn bậc Ứng Thọ Bồ Thí Chi Nhân ngoài ra khỏi Pháp Thành Tựu, được gọi là “Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu”. Với quyền lực của cả Tư Pháp Thành Tựu này thì thường đạt được đại an hạnh (*Mahāsampatti* – Đại Hồng Phúc) được trông thấy liền trước mắt.”

Theo như đã có đề cập đến rằng *Hiện Báo Nghiệp Lực* mà không có khả năng trở sanh quả báo cho hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực ấy, chẳng phải là Vô Hiệu Nghiệp Lực khi đã làm xong rồi, mà thường đích thị chính là loại Vô Hiệu Nghiệp Lực ở ngay trong sát na đang hiện hữu đó vậy. Chính vì thế mới có ba thể loại về danh xưng của Vô Hiệu Nghiệp Lực này, đó là:

1. Vô Hiệu Nghiệp Quả (*Nahosi kammavipāko*): gọi là Nghiệp Lực vẫn chưa cho quả báo.
2. Vô Tựu Nghiệp Quả (*Nabhavissati kammavipāko*): gọi là Nghiệp Lực sẽ không cho quả báo.

3. *Vô Hữu Nghiệp Quả (Natthi kammavipàko)*: gọi là Nghiệp Lực không có quả báo.

Như Ngài Chú Giải Sư trình bày ở trong bài Kinh *Angulimàla* từ ở nơi bộ *Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập (Majjhimaṇṇāsaka Atthakathā)* thuộc Trung Bộ Kinh (bài Kinh 86) nói rằng: “*Tathà asakkonto ahosikammaṃ nahosikammavipàko nabhavissatikammavipàko natthikammavipàko ti imassa tikassavasena ahoṣi*”- *Hiện Báo Nghiệp Lực* mà không có khả năng trở sanh quả báo theo như trạng thái đã có đề cập đến ấy, thì thường trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Rằng khi phân tích theo tên gọi thì có được ba thể loại như vậy: đó là:

- 1/ một thể loại Nghiệp Lực vẫn chưa cho quả báo,
- 2/ một thể loại Nghiệp Lực sẽ không cho quả báo, và
- 3/ một thể loại Nghiệp Lực không có quả báo.

*“Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,  
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.  
Ai làm Ác Nghiệp, nhờ Thiện chặn lại,  
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.”*

Quả báo mà đã được đón nhận từ ở nơi *Hiện Báo Nghiệp Lực* ngay trong kiếp sống hiện tại này có hiện bày rõ ràng hay không ? Trả lời rằng “*Có*”, tức là người đã có tạo tác Thiện Nghiệp Lực rồi, thì được đón nhận danh thơm tiếng tốt, được đón nhận lời ca ngợi tán thán, được đón nhận danh vị tước hiệu, buôn may bán đắt, có người thương yêu mến mộ, v.v. Và người đã có tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực rồi, thì phải đón nhận điều tác hại tội lỗi, bị đánh đập, bán buôn lỗ vốn, có người thù ghét, v.v. Tuy nhiên dù sao đi nữa, quả báo mà đón nhận từ ở nơi *Hiện Báo Nghiệp Lực* đây, thường được đón nhận đặc biệt chỉ ngặt ở trong khoảng thời gian vẫn còn hiện hữu mạng sống mà thôi, và không có khả năng sẽ cho quả báo ở trong kiếp sống tiếp nối được.

2. *Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedaniyakamma)*: có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Diṭṭhadhammassa samìpe anantare pajjitabbo gantabboti = Upapajjo*” - Đi vào kiếp sống tiếp nối kế liền với nhau mà không có khoảng cách xen kẽ của kiếp sống hiện tại, như thế kiếp sống ấy được gọi là *Kế Hậu Phát Sinh*, tức là kiếp sống thứ hai. “*Upapajjavedaniyaṃ phalaṃ etassāti = Upapajjavedaniyaṃ*”- Quả báo đã được đón nhận ở trong kiếp sống thứ hai hiện hữu đôi với Nghiệp Lực ấy, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực*. Hoặc “*Upapajja vedaniyaṃ = Upapajjavedaniyaṃ*”- Nghiệp Lực tác hành cho phải đón nhận quả báo ngay khi vào đến kiếp sống thứ hai kế liền với kiếp sống

hiện tại, như thế được gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực*. Tức là *Tư Tác Ý (Cetanà)* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực Bất Thiện và Tâm Đồng Lực Đại Thiện thứ bảy.

Trong câu Chú Giải đã vừa trình bày đến tại đây, từ ngữ nói rằng **“Upa”** ở trong **“Upapajja”** trình bày đến ý nghĩa là **“kế cận”**. Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng **“Upapajja”** đây, là **“Nipàtapada – Bất Phân Từ”**- một trợ từ bất biến cách, trình bày đến ý nghĩa là **“kiếp sống thứ hai”**. Tương tự với từ ngữ nói rằng **“Pacca”** có ở trong phần Chánh Tạng Pàli đã có trình bày rằng **“Idha modati pacca modati”** được dịch nghĩa rằng là **“trong kiếp sống này cũng thường có sự hoan hỷ, trong kiếp sống tới cũng thường có sự hoan hỷ”** là đã có trình bày ý nghĩa đến kiếp sống thứ hai (*không gián đoạn kiếp sống – Anantarabhava*). Vì thế ở trong câu Chú Giải mà đã có trình bày đến nói rằng **“Upapajja vedaniyam = Upapajjavedaniyam”**- sẽ phải được dịch nghĩa ra là **“Nghiệp Lực mà phải được đón nhận ngay trong kiếp sống thứ hai thì gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực.”**

Giải thích rằng, những công việc tạo tác mà có liên quan với Thân, Lời, Ý của tất cả loài Hữu Tình đang tác hành đó, sẽ được thành tựu đích thị chính là bởi do nương vào *Tư Tác Ý (Cetanà)* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy vậy. Cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đến cái Tâm Đồng Lực thứ sáu đó, thì không có khả năng làm cho được thành tựu. Vì thế *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy này, Ngài mới đề cập nói đến đó là ***Nghĩa Thừa Tư Tác Ý (Atthasàdhikàcetanà)*** hoặc là ***Suy Đoán Tư Tác Ý (Sanniṭṭhàpakacetanà)***.

Như ở trong bộ *Siêu Lý Giải Minh Đại Phụ Chú Giải (Paramatthadìpani mahàṭikà)* trình bày nói rằng: **“Atthasàdhikà pana sanniṭṭhàpakabhùtā sattamajavana cetanā upapajja vedaniyam nāma”**- Dịch nghĩa nội dung chính là **“Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy có khả năng làm cho thành tựu sự việc và làm thành tác nhân ở trong việc quyết định dứt khoát ấy, gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực”**. Điều này đã làm cho hiểu biết được rằng *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy, thì thường làm chủ vị ở trong tất cả mọi công việc để cho được thành tựu các sự việc, và thường trở sanh quả báo cho tục sinh ở trong kiếp sống kế liền với nhau, luôn cả ở trong Thời Tái Tục và Thời Bình Nhật. Vì thế mới được gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực*.

Nghiệp Lực mà gọi là *Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực* và *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực*, với những thể loại này đích thị chính là *Tư Tác Ý* đã hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy ấy vậy.

[Dẫn chứng tích truyện về việc trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai kế liền tiếp nối từ kiếp sống hiện tại: *Có một người làm công cho nhà một vị bá hộ nọ. Vào một ngày Rằm trăng tròn, sau khi đã làm xong các việc cực nhọc ở ngoài đồng, và chiều hôm đó đi về thấy cả nhà đều thọ trì Bát Quan Trai Giới vào trong ngày ấy. Mặc dù chỉ còn có nửa ngày, vị nam nhân này cũng liền xin thọ trì Bát Quan Trai Giới và đã nhịn đói trọn cả buổi chiều. Bất hạnh thay, ngay sáng hôm*

sau vị nam nhân này đã qua đời. Nhờ vào Tâm thanh tịnh và nghiêm trì các điều học về Bát Quan Trai Giới, vị nam nhân này đã được tục sinh về Cõi Thiên Giới.

Đức Vua **Ajatasattu** là con của Đức Vua **Bimbisàra**, ngay sau khi đã thọ mạng diệt thì phải tục sinh vào ở trong Cõi Địa Ngục Thống Khổ do bởi đã phạm vào Sát Phụ Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lục.]

### Trình Bày Tư Tác Ý Mà Coi Như Làm Thành Hậu Báo Nghiệp Lục Ở Trong Dòng Tâm Đồng Lục Chỉ Sanh Khởi Có Sáu Lần

Dựa theo niêm luật ở trong phần Tâm Đồng Lục thuộc *Tổng Hợp Lộ Trình (Vithisaṅgaha)* đã có trình bày nói rằng: “**Kamàvacarajanàni sattakkhattum chakkhattumeva và javanti**”- Dịch nghĩa là: “*Tâm Đồng Lục Dục Giới đây sanh khởi thụ hưởng lấy Cảnh ở trong từng mỗi Lộ Trình có được bảy lần hoặc là sáu lần cũng có.*” Vì thế nếu ở trong bất luận Lộ Trình nào mà có Tâm Đồng Lục sanh khởi chỉ có sáu lần, thì coi như thế là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lục thứ sáu, đích thị chính là *Hậu Báo Nghiệp Lục* vậy.

### Trình Bày Ý Kiến Của Bậc Phụ Chú Giải Minh Hiền (Vibhàviniṭṭhàcàrya)

“**Sà ca paṭisandhim datvava pavattivipàkanam deti, paṭisandhiya pana adinnaya pavatti vipàkam detiti natthi, cutianantaram hi upapajjedaniyassa okàso**”- Dịch nghĩa nội dung chính là “*Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lục thứ bảy, nếu như đã có được trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục vào trong kiếp sống thứ hai rồi, thì cũng thường trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Nếu như không có được cơ hội để trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục tiếp nối với Thời Tử Vong ở trong kiếp sống hiện tại, thì đấy là thời gian mà có được cơ hội trở sanh quả báo của Hậu Báo Nghiệp Lục.*”

Theo như bậc *Phụ Chú Giải Minh Hiền* đã có đề cập đến như vậy, thì đó quả là việc không xác thực, bởi vì có tích truyện liên quan với *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lục thứ bảy đã có trở sanh quả báo đặc biệt ở trong Thời Bình Nhật của kiếp sống thứ hai, như đã có được hiện bày ở trong câu chuyện của *Túc Sanh Truyện Bhuridatta*. Bậc Giác Hữu Tình (*Bồ Tát*) của chúng ta ở trong tiền kiếp sẽ đi tục sinh làm bậc Long Vương, và đã có được dịp nhìn thấy tài sản của bậc Long Vương thì liền phát sanh lên Tâm hoan hỷ duyệt ý, thời cũng muốn được đi tục sinh để sẽ được làm thành bậc Long Vương. Thế rồi, Ngài đã nỗ lực tác hành mọi Thiện Sự, và thiết lập sở cầu sở nguyện để được sanh làm bậc Long Vương cùng với áp khảm tài sản của loài Chúa Rồng. Một khi đã mạng vong từ ở nơi kiếp sống ấy, thì cũng được đi tục sinh làm thành bậc Long Vương tương ứng đúng với sở nguyện cầu. Tuy nhiên việc đã được đi tục sinh làm bậc Long Vương

đây, đã được hiện hành với mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực dắt dẫn đi tái tục, mà chẳng phải là đã được hiện hành với mãnh lực từ ở nơi *Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực* mà bậc Giác Hữu Tình đã từng thường luôn tác hành. Tuy nhiên tiếp nối theo sau đó ở trong Thời Bình Nhật, tức là sau khi đã được thành tựu việc sinh thành bậc Long Vương rồi đó, thì cũng được thụ hưởng sự an lạc ở trong các tài sản ấy, ở dạng cực kỳ to lớn hoành tráng, với mãnh lực đích thị chính là từ ở nơi *Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy vậy. Với lý do này mới xác tín được rằng là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy mà được gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy, thì quả là cũng vẫn có được trở sinh quả báo đặc biệt ở ngay trong Thời Bình Nhật. Vì thế, theo ý kiến của bậc *Phụ Chú Giải Minh Hiển* thì quả thật là không xác thực như đã có được đề cập đến rồi vậy.

Lại nữa, ở trong bộ *Phụ Chú Giải Minh Hiển (Vibhàviniṭṭhà)* vẫn còn trình bày quan kiến của nhà Chú Giải (*Ý kiến của bậc Chú Giải - Àcariyavàda*) nói rằng: **“Paṭisandhiyà pana dinnàya jàtisate pi pavattivipàkanam deti”**- Dịch nghĩa rằng: *“Tư Tác Ý mà dùng ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy, một khi trở sinh quả báo ở trong Thời Tái Tục trong sự tuần tự từ ở nơi Tâm Tử, thì cũng có khả năng trở sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật tiếp nối với nhau cho đến cả trăm kiếp sống.”* Ý kiến của nhà Chú Giải như vậy cũng không xác thực, là bởi vì khi đi đến kiếp sống thứ ba thì chẳng còn phải là nhiệm vụ của *Hậu Báo Nghiệp Lực* sẽ trở sinh quả báo, mà đó chính là nhiệm vụ của *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Khi là như vậy, thì chớ bảo rằng *“sẽ trở sinh quả báo tiếp nối với nhau cho đến cả trăm kiếp sống”*, chỉ vừa đến kiếp sống thứ ba thì đã không còn hiện hành được nữa rồi.

Trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Atthakathà)* đã có trình bày để rằng những cả ba thể loại Nghiệp Lực này, đó là *Hiện Báo Nghiệp Lực*, *Hậu Báo Nghiệp Lực* và *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* thường có nhiệm vụ trong việc trở sinh quả báo một cách đặc biệt là chỉ ở trong cương vị của mình ngàn ấy mà thôi, chẳng có việc biến đổi thành thể loại khác được. Có ý nghĩa là *Hiện Báo Nghiệp Lực* sẽ phải thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, và chẳng có việc chuyển đổi nhiệm vụ để mà trở sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai được nữa. *Hậu Báo Nghiệp Lực* có nhiệm vụ trở sinh quả báo là chỉ ở trong kiếp sống thứ hai ngàn ấy mà thôi. Một khi không có được cơ hội trở sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai rồi, thì cũng phải trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, và chẳng có việc chuyển đổi nhiệm vụ để mà trở sinh quả báo kể từ kiếp sống thứ ba trở đi được nữa. Và *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* thì có nhiệm vụ trở sinh quả báo kể từ kiếp sống thứ ba trở đi suốt trọn mãi cho đến Viên Tịch Níp Bàn. Tuy nhiên nếu như người ấy đã đạt đến Níp Bàn trước khi *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* sẽ có được cơ hội để mà trở sinh quả báo, thì loại Nghiệp Lực này sẽ phải thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* cũng tương tự như nhau. Như đã có trình bày nói rằng: **“Diṭṭhadhammavedaniyaṃ upapajjavedaniyaṃ aparàpariyavedaniyanti tesam saṅkammaṃ natthi yathàṭhàneyeva tiṭṭhanti”**- Dịch nghĩa là: *“Việc chuyển đổi cương vị từ ở nơi việc trở sinh quả báo của cả ba*



*Nghiệp Lực, đó là Hiện Báo Nghiệp Lực, Hậu Báo Nghiệp Lực và Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thường là không có, thường là chỉ trú túc ở ngay trong cương vị của mình ngần ấy mà thôi.”*

3. *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparàpariyavedaniyakamma)*: từ ngữ nói rằng “*Aparapariyavedaniya*” ở tại đây, khi chiết tự ra rồi thì có được ba từ ngữ, đó là: *Apara + Apara + Vedaniya*, *Apara* lập ý đến kiếp sống khác, *Apara* lập ý đến kiếp sống khác, *Vedaniya* lập ý đến quả báo mà phải được đón nhận. Tuy nhiên ở tại nơi đây, lập ý lấy Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo là việc trình bày theo phần *Phạm Vi Quả Báo (Phalùpacàranaya)*.

Khi kết hợp lại vào nhau thì thành *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Lập ý đến Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác. Như đã có được trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Apara ca apara ca = Aparàparo, Aparàparo yeva = Aparàpariyaṃ, Aparàpariya vedaniyaṃ = Aparàpariyavedaniyaṃ*”- Những kiếp sống khác khác, được gọi là *Hậu Hậu*, đích thị chính là những kiếp sống khác khác thì được gọi là *Hậu Hậu*. (Trong chỗ này “*Iyapaccaya*” không có trình bày nội dung một cách riêng biệt). Nghiệp Lực tác hành cho phải đón nhận quả báo ở trong các kiếp sống khác khác, gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*.

Việc trình bày câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến ở tại đây, là việc trình bày theo phần Pàli ở trong *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* đã sử dụng từ ngữ nói rằng “*Aparàpariyavedaniyaṃ*”. Tuy nhiên ở trong phần Chánh Tạng Pàli *Vô Tỷ Pháp*, bộ *Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* và bộ *Phụ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* đã sử dụng từ ngữ để gọi Nghiệp Lực này, rằng là *Aparàpariyàvedaniya (Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực)*.

“*Apara*” lập ý đến kiếp sống khác mà ngoài ra kiếp sống *Hiện Báo*, tức là kiếp sống này. Và kiếp sống *Hậu Báo* là kiếp sống tới, tức là kiếp sống thứ ba trở đi, *Pariyàya* lập ý đến các kiếp sống tiếp nối đi quanh quẩn, *Vedaniya* lập ý đến quả báo mà phải được đón nhận. Tuy nhiên ở trong chỗ này, lập ý lấy Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo. Khi kết hợp lại vào nhau thì thành là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*, lập ý đến Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi.

Như đã có được trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Pariyàyati punappunam àgacchatiti = Pariyàyo*”- Kiếp sống nào thường có thực tính luân phiên quanh quẩn, tức là tử vong rồi liền tục sinh trở lại, như thế kiếp sống ấy gọi là “*Luân Phiên Quanh Quẩn*”.

“*Aparo ca so pariyàyo cāti = Aparapariyàyo*”- Kiếp sống mà ngoài ra *Hiện Báo* kiếp sống và *Hậu Báo* kiếp sống, có thực tính luân phiên quanh quẩn, tức là tử vong rồi liền tục sinh trở lại, như thế kiếp sống ấy mới gọi là *Hậu Hậu Báo*, tức là các kiếp sống tiếp nối tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi.

**“Aparapariyàya vedaniyaṃ phalaṃ etassāti = Aparapariyàyavedaniyaṃ”-**  
Với Nghiệp Lực nào mà có quả báo mà phải được đón nhận ở trong các kiếp sống tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Việc trình bày câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến tại đây, là việc trình bày cho hiểu biết được rằng khi phân tích kiếp sống theo sự việc được đón nhận quả báo của các Nghiệp Lực ấy thì có được ba thể loại, đó là:

- 1/ *Hiện Báo* kiếp sống tức là kiếp sống này,
- 2/ *Hậu Báo* kiếp sống tức là kiếp sống tới,
- 3/ *Hậu Hậu Báo* kiếp sống tức là kiếp sống thứ ba trở đi suốt trọn mãi cho đến kiếp sống cuối cùng là đạt đến việc *Viên Tịch Níp Bàn*.

Khi đề cập đến Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo ở trong *Hậu Hậu Báo* kiếp sống đó, thì Nghiệp Lực ấy cũng được gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* (*Aparapariyavedaniyakamma*) hoặc là *Đẳng Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* (*Aparāpariyavedaniyakamma*), tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong năm cái Tâm Đồng Lực ngay khoảng giữa, đó là kể từ cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái Tâm Đồng Lực thứ sáu. Và *Đẳng Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* đây, là khi có được cơ hội trở sanh quả báo thì thường là trở sanh quả báo hoài hoài, không có việc làm thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* mãi cho đến khi người ấy sẽ đạt đến *Viên Tịch Níp Bàn* thì lúc ấy mới sẽ thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Thích hợp với Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* và bộ *Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập* thuộc *Trung Bộ Kinh* nói rằng: **“Abhiññam antare pañcājavanacetanā aparāpariyāvedaniya kammaṃ nāma tam anāgate yadā sokāsam labhati tadā vipākam deti, sati saṃsāra pavattiyā ahoṣikammaṃ nāma nahoti”-** Dịch nghĩa là: “*Năm Tư Tác Ý Đồng Lực* trú túc ở trong khoảng giữa từ ở nơi cái *Tâm Đồng Lực* thứ nhất và thứ bảy, gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Với thể loại *Nghiệp Lực* này, bất luận vào trong thời gian nào thuộc ở thời vị lai mà có được cơ hội rồi, thì vào thời gian ấy thường là trở sanh quả báo. Khi kiếp sống luân hồi của người ấy vẫn còn luân chuyển hồi quy thì *Nghiệp Lực* này sẽ hiện hành và không thể nào gọi là *Vô Hiệu Nghiệp Lực* được.”

Việc trở sanh quả báo của *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* đây, thường là trở sanh quả báo ở cả Thời Tái Tục và luôn cả Thời Bình Nhật. Tuy nhiên có khởi lên câu vấn hỏi rằng: “*Tư Tác Ý* mà gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* đây, trong từng mỗi *Lộ Trình Tâm* hiện hữu được năm. Khi là như vậy, việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục thì sẽ trở sanh quả báo cho người ấy đến cả năm lần có được hay không ?” Điều này trả lời là “*Không thể được.*” Giải thích rằng *Tư Tác Ý* ở trong những năm cái Tâm Đồng Lực này, nếu như đã có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục thì thường là trở sanh chỉ có một lần một, tức là khởi sanh chỉ có một lần một ngàn ấy thôi. Đối với việc trở sanh quả báo ở trong Thời Bình



Nhật thì vô hạn, tức là có khả năng trở sanh quả báo cho được rất nhiều kiếp sống, vô số kiếp sống, nếu như có được cơ hội thích hợp.

Lại nữa, việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục của *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* đã có được đề cập đến rằng nếu như có được cơ hội rồi, thì thường trở sanh quả báo chỉ có một lần một. Trong việc sử dụng từ ngữ nói rằng “*Nếu như có được cơ hội*” ấy, giải thích được rằng việc tạo tác sắp bày cho đặng thành tựu quả phước là sẽ phải hội đủ viên mãn với bảy lần Tâm Đồng Lực. Khi đã hội đủ với bảy lần Tâm Đồng Lực thì được gọi là một Nghiệp Lực hoặc là một Tư Tác Ý. Và năng lực sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục là chỉ có một lần. Nếu Lộ Trình Tâm sanh khởi được hai Lộ Trình thì quả báo cũng trở sanh được hai lần. Và nếu như Lộ Trình Tâm sanh khởi từ ba lần trở đi thì quả báo cũng trở sanh được ba lần trở đi, cũng tương tự như nhau. Và trong tất cả bảy lần Tâm Đồng Lực mà ở trong từng mỗi một Lộ Trình Tâm, thì *Tư Tác Ý* có được quyền năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục là chỉ có sáu lần. Tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy thì gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực*. Và *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong năm cái Tâm Đồng Lực ở khoảng giữa thì gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Còn *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất ấy, thì không có được quyền năng cho trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục. Vì thế, nếu như *Hậu Báo Nghiệp Lực* ở trong một Lộ Trình Tâm có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục rồi, thì *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* hiện hữu ở trong cùng một Lộ Trình Tâm ấy, cũng không có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được nữa, và chỉ có trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật ngàn ấy mà thôi. Và nếu như *Hậu Báo Nghiệp Lực* ở trong các Lộ Trình Tâm ấy không có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục trong kiếp sống thứ hai rồi, thì thay vào đó là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* ở trong các tiền kiếp trước trước đó cũng có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục. Khi là như vậy, thì *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* ở ngay trong kiếp sống hiện tại trong cùng một Lộ Trình Tâm với *Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy, cũng sẽ có được cơ hội trở sanh quả báo Thời Tái Tục ở trong kiếp sống tới, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Là bởi vì quyền năng ở trong việc trở sanh quả báo ấy vẫn còn hiện hữu. Với lý do này, mới sử dụng từ ngữ để nói rằng “*Nếu như có được cơ hội*”. Thích hợp với Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để ở trong bộ *Aṭṭhasàlinī* đã có Chú Giải nói rằng “*Ekàya cetanàya kamme àyùhite ekà paṭisandhi hoti*”- Dịch nghĩa là “*Khi đã tạo tác Nghiệp Lực với một Tư Tác Ý thì Tư Tác Ý có được bảy lần Tâm Đồng Lực, và một lần Tái Tục thường được sanh khởi.*”

Điều này trình bày cho được hiểu biết rằng người mà tục sinh ở trong *Vô Gián Đại Địa Ngục (Avìcimahànaraka)* là do bởi mãnh lực *Hậu Báo Nghiệp Lực* mà có liên hệ với *Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực* hoặc *Chuẩn Xác Tà Kiến*. Khi đã thoát khỏi nơi *Vô Gián Đại Nghiệp Lực* rồi, thì hạng người này sẽ phải đi tục sinh ở trong *Vô Gián Đại Địa Ngục* lần nữa, do bởi mãnh lực *Hậu Hậu Báo*

*Nghiệp Lực* đang trú túc ở trong cùng một Lộ Trình Tâm với *Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy thường là không có hiện hành được như vậy. Tuy nhiên dù sao đi nữa việc tạo tác từng mỗi *Nghiệp Lực* ấy thì có được ba hoặc bốn thể loại *Tư Tác Ý* với nhau. Đó là:

- 1/ *Tư Tiên (Pubbacetanà)* là *Tư Tác Ý* sanh khởi trước khi tạo tác,
- 2/ *Tư Hiện (Muñcacetanà)* là *Tư Tác Ý* sanh khởi trong sát na đang tạo tác,
- 3/ *Tư Hậu (Aparacetanà)* là *Tư Tác Ý* sanh khởi sau khi đã tạo tác. Hoặc là
- 4/ *Tư Hậu Hậu (Aparàparacetanà)* là *Tư Tác Ý* sanh khởi sau khi đã tạo tác với thời gian lâu dài.

Trong tất cả những bốn thể loại *Tư Tác Ý* này, thì từng mỗi thể loại có quyền năng sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục là có được hai thể loại, đó là *Hậu Báo Nghiệp Lực* và *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Khi kết hợp lại thì trong từng mỗi hành động tạo tác ấy thì có được tám thể loại *Nghiệp Lực* có quyền năng ở trong Thời Tái Tục, đó là:

1. Trong *Tư Tiên* có được hai thể loại.
2. Trong *Tư Hiện* có được hai thể loại.
3. Trong *Tư Hậu* có được hai thể loại. Và
4. Trong *Tư Hậu Hậu* có được hai thể loại.

Đây là việc tính đếm theo *Thường Hữu Phổ Thông (Sàmañña)*, không có đề cập đến Lộ Trình Tâm.

Trong những cả tám thể loại *Nghiệp Lực* này, thì có bốn là *Hậu Báo Nghiệp Lực*, và có bốn là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Đối với việc trở sanh quả báo ấy, nếu như *Hậu Báo Nghiệp Lực* ở trong bất luận một trong các thể loại nào của *Tư Tác Ý* mà có được cơ hội trở sanh quả báo Tái Tục rồi, thì ba thể loại *Hậu Báo Nghiệp Lực* ở trong các thể loại *Tư Tác Ý* khác đó cũng không có quyền năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được, và chỉ có trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật ngàn ấy mà thôi. Và sau khi *Hậu Báo Nghiệp Lực* mà đã trở sanh quả báo Tái Tục rồi đó, cũng vừa chấm dứt quyền năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục, thì *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* trú túc ở trong cùng một thể loại *Tư Tác Ý* với *Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy, liền trở sanh quả báo chỉ ở trong Thời Bình Nhật khi có được cơ hội, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Đối với ba thể loại *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* trú túc ở trong các thể loại *Tư Tác Ý* khác đó, thì thường có quyền năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục, được tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn. Bởi chính lý do ấy, một khi người đã tạo tác xong xuôi một thể loại *Nghiệp Lực* nào rồi, nếu là *Nghiệp Lực* ở phần xấu ác thì *Nghiệp Lực* ấy cũng có khả năng trở sanh quả báo cho người ấy phải đi tục

sinh ở trong Cõi Thống Khổ Địa Giới, có Địa Ngục, v.v. trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp. Và nếu là Nghiệp Lực ở phần tịnh hảo tốt đẹp thì Nghiệp Lực ấy cũng có khả năng trở sanh quả báo cho người ấy đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Thú Địa Giới, làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, v.v. trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp, cũng tương tự như nhau. Tất cả là như vậy, là cũng bởi do mãnh lực từ ở nơi *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* trú túc ở trong các thể loại của *Tư Tác Ý*, và đó chính là *Tư Tiên*, *Tư Hiện*, *Tư Hậu*, v.v. Thích hợp với Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ *Atthasàlini* đã có Chú Giải nói rằng “*Nàna cetanà hi kamme àyuhite nàna hoti paṭisandhi*”- Dịch nghĩa là “*Người đã tạo tác Nghiệp Lực với các thể loại Tư Tác Ý, gồm có Tư Tiên, v.v. thì việc tục sinh của người ấy cũng thường được tục sinh rất nhiều lần.*”

Việc trình bày như đã vừa đề cập đến tại đây, là việc trình bày đi theo phân phân tích đã có hiện bày ở trong Chánh Tạng Pàli *Trạng Thái Tương Ứng Bộ Kinh (Lakkhaṇasaṅyutta)* và bộ Chú Giải, Chánh Tạng Pàli *Tứ Phần Bất Cộng Trụ (Catutthapàràjika)* và bộ Chú Giải. Dựa theo bộ *Phụ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi (Vimativinodanīṭikā)* đã có trình bày tích truyện nói rằng: “*Có một nam nhân kết hợp với việc mưu sinh qua việc sát mạng loài bò. Khi người nam nhân ấy đã mạng vong, khi đã lìa khỏi thế gian này thì liền đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục và phải bị thụ lãnh sự thống khổ cùng cực trải qua một thời gian rất lâu dài. Khi đã được thoát ra khỏi Cõi Địa Ngục ấy thì đã đi tục sinh làm thành hạng Cốt Tử Ngạ Quỷ (Atthisaṅkharikapeta) là hạng Ngạ Quỷ chỉ có xương dính vào nhau, ở trên đỉnh Linh Thứu Sơn (Gijjhakūṭa).*”

Tích truyện này đã có việc phân tích rằng là:

“*Việc nam nhân ấy phải đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục là do bởi mãnh lực từ ở nơi Hậu Báo Nghiệp Lực hiện hữu ở trong phần Tư Hiện (Muñcacetanā). Còn việc đi tục sinh làm thành Ngạ Quỷ, là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực hiện hữu ở trong phần Tư Tiên (Pubbacetanā) hoặc Tư Hậu (Aparacetanā).*”

Như có phần dẫn chứng Pàli đã có trình bày ở trong bộ *Phụ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi* nói rằng: “*Tena goghātaka kammakkaṇe pubba cetanā aparacetanā sannitthāpaka cetanāti ekasmiṃpi paṇātipāte bahū cetanā honti, nana paṇātipātesu vattabbameva natthi. Tattha ekāya cetanāya narake pacivā tadanñācetanāsu ekāya aparāpariya cetanāya imasmiṃ pettatabhave nibbattoti dasseti.*”- Dịch nghĩa là: “*Dựa theo tích truyện này đã trình bày cho thấy rằng: Trong sát na mà sát mạng loài bò thì thường có khởi sanh lên ba thể loại Tư Tác Ý, đó là Tư Tiên, Tư Hiện, Tư Hậu. Cho dù việc sát mạng loài Hữu Tình là chỉ có một lần duy nhất, tuy nhiên đã có rất nhiều thể loại Tư Tác Ý cùng sanh khởi. Đối với việc sát mạng loài Hữu Tình với rất nhiều lần, thì không thể nào nhớ hết được để mà nói đến được. Và ở trong tất cả ba thể loại Tư Tác Ý ấy, thì nam nhân mà đã sát mạng loài bò, đã phải bị thụ lãnh quả báo ở trong Cõi Địa Ngục, là cũng do*

*bởi nương vào Hậu Báo Nghiệp Lực hiện hữu ở trong phần Tư Hiện. Và rồi việc phải đi thọ sinh làm thành hạng Ngạ Quỷ, là cũng do bởi nương vào Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực ở trong các Tư Tác Ý khác khác mà ngoài ra khỏi của phần Tư Hiện.”*

### **Trình Bày Thời Gian Mà Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực Chấm Dứt Mãnh Lực**

Theo phần nhiều thường hay hiểu biết với nhau rằng *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* này bất luận là thể loại nào đi nữa, ắt hẳn là thường hay có khả năng trở sanh quả báo trùng lặp với nhau rất nhiều lần. Việc hiểu biết như vậy là cũng do bởi nương vào việc đã có đề cập nói đến rằng *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* thường luôn trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, mãi cho đến kiếp sống mà đạt đến được Viên Tịch Níp Bàn. Sự thật đó, thì quả không là như vậy ! Là bởi vì bất luận *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* nào đã trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi rồi, thì *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy cũng phải là chấm dứt mãnh lực đi, không có việc tiếp tục đuổi theo để trở sanh quả báo được nữa, cho dù người ấy sẽ vẫn chưa có đạt đến được Viên Tịch Níp Bàn. Còn *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* nào mà vẫn chưa có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật, thì *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy cũng có được cơ hội tiếp nối theo để trở sanh quả báo xuyên suốt cho đến người ấy đạt đến được Viên Tịch Níp Bàn.

Trong Tiểu Tập Túc Sanh Truyện đã có trình bày rất nhiều tích truyện mà có liên quan với việc sát mạng loài Hữu Tình rằng: “*Một người đã cố quyết sát mạng loài Hữu Tình, một khi đã mạng vong lìa khỏi thế gian này thì phải đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục. Rồi khi đã thoát khỏi Nghiệp Lực từ ở nơi Cõi Địa Ngục và phải đi tục sinh cho dù bất luận ở trong một Cõi Địa Giới nào thì cũng phải luôn bị giết chết trong từng mỗi kiếp sống, bằng với số lông của loài Hữu Tình mà mình đã sát mạng đó, với mãnh lực từ ở nơi Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực trong từng mỗi Lộ Trình Tâm mà có liên quan với Tư Tiền và Tư Hậu. Khi kiếp sống cuối cùng mà sẽ chấm dứt khỏi Nghiệp Lực này, thì người ấy được sanh thành Nhân Loại và có được sự truy niệm lại kiếp sống. Vì thế vào thời khắc bị sát mạng ở trong lần cuối cùng, người ấy mới có sự hoan hỷ để sẽ đón nhận Nghiệp Lực ấy bằng cách thốt lên lời nói rằng: “Tôi đây đã bị người ta giết chết rất nhiều lần, rất nhiều đời nhiều kiếp, quả thật là đếm không xuê. Đến lần này, Tôi đây đã được thoát khỏi Nghiệp Lực ấy rồi, và Tôi đây đã không còn phải bị sát mạng lại nữa.”* Tại đây đã trình bày cho thấy được rằng mãnh lực từ ở nơi *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy đã được chấm dứt, mới chấm dứt được việc tiếp tục đuổi theo để trở sanh quả báo, dù cho người ấy vẫn chưa có được đạt đến Viên Tịch Níp Bàn đi nữa. Tuy nhiên nếu như mãnh lực của Nghiệp Lực ấy vẫn chưa có được chấm dứt, thì vẫn còn phải chực chờ rượt đuổi theo mãi để trở sanh quả báo hoài hoài, mỗi khi có được cơ hội vào thời gian nào thì quả báo trở sanh ngay thời gian đó. Do vậy, ở trong bộ *Chú Giải Túc Sanh Truyện Vua Nemi (Nemirājajataka)* mới trình bày để rằng:

**“Aparàparavedaniyam pana vipàkam adatvā na nassati”**- Dịch nghĩa là: “*Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* thường không diệt mất được, nếu như vẫn chưa có được trở sanh quả báo.” (Đây là việc trình bày một cách trực tiếp) Việc trình bày dựa theo phần Pàli ở điều này đã làm cho biết được rằng “*một khi đã trở sanh quả báo rồi, thì ắt hẳn là phải diệt mất*”. (Đây là việc trình bày một cách gián tiếp)

[Dẫn chứng tích truyện về việc trở sanh quả báo từ ở nơi *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*: Ngài Trưởng Lão Alahán **Moggallāna** ở trong một tiền kiếp quá khứ đã nghe lời người vợ xấu ác xúi giục, và đã âm mưu hãm hại người Mẹ người Cha của mình. Do hành động sai lầm ấy, Ngài đã phải trải qua một thời gian rất lâu dài ở trong Cõi Thống Khổ, và ngay ở trong kiếp sống cuối cùng, Ngài đã bị một bọn cướp đến sát hại, dẫn đến phải thọ mạng diệt.

Đức Phật đã bị vu oan là đã sát hại một vị Nữ Tu Sĩ theo Đạo Bà La Môn thuộc phái lõa thể. Kinh sách đã có ghi chép rằng sở dĩ Đức Phật phải chịu tiếng hàm oan như vậy, là bởi do ở trong một tiền kiếp quá khứ Ngài đã thiếu lễ độ đối với một vị Độc Giác Phật.

Tỳ Kheuru **Devadatta** mưu toan sát hại Đức Phật, đã lăn một tảng đá lớn từ ở trên núi cao rơi xuống và đã làm chảy máu chân của Đức Phật. Kinh sách đã có ghi chép rằng ở trong một tiền kiếp quá khứ xa xưa, Ngài đã lỡ tay sát mạng một người em khác Mẹ của mình, để đoạt lấy tài sản của cải trong một vụ tranh chấp.]

**4. Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma):** gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực đây, là cách nói đã được dựa theo phần Chánh Tạng Pàli của bộ Kinh Vô Ngại Giải Đạo (**Paṭisambhidāmagga**) đã có trình bày để rằng: **“Ahoṣi kammaṃ nāhoṣi kammaṃ vipākaṃ, ahoṣi kammaṃ natthi kammaṃ vipākaṃ, ahoṣi kammaṃ nabhavissati kammaṃ vipākaṃ”**- Dịch nghĩa là: “*Đối với Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sanh khởi rồi đâu (Vô Hiệu Nghiệp Quả). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy thì chẳng phải là đang sanh khởi (Vô Tựu Nghiệp Quả). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy sẽ không sanh khởi (Vô Hữu Nghiệp Quả).*

Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Ahoṣi ca taṃ kammañcāti = Ahosikammaṃ”**- Dịch nghĩa là: “*Nghiệp Lực mà gọi là Vô Hiệu cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.*” Dịch nghĩa theo một cách khác nữa là: “*Nghiệp Lực nào đã tác hành hoàn mãn rồi cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.*”

Giải thích rằng *Vô Hiệu Nghiệp Lực* này không có Chi Pháp một cách riêng biệt. Tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất thì gọi là *Hiệu Hậu Báo Nghiệp Lực*, *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy thì gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực* và *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong năm Tâm Đồng Lực ngay

chính giữa thì gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*; đích thị chính những thể loại này khi đến thời gian của mình đã hạn định mà vẫn chưa có được trở sinh quả báo thì được gọi là *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Như đã có được trình bày để ở trong phần *Tuệ Phân Tích (ñāṇavibhaṅga)* thuộc bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammoha vinodanī Atthakathā)* nói rằng: “*Ditṭhadhammavedanīyàdisu pana bahūsu pi àyu hitesu ekaṃ ditṭhadhammavedanīyaṃ vipàkaṃ deti, sesàni avipàkàni, ekaṃ upapajjavedanīyaṃ paṭisandhiṃ àkaddhati sesàni avipàkàni, ekena anantariyena niraye uppaccati, sesàni avipàkàni. Atṭhasu samāpattisu ekāya brahmaloke nibbatti, sesà avipàkà, idaṃ saddhāya nāhosi kammavipàkoti vuttam.*”- Dịch nghĩa nội dung chính là: “Trong tất cả các Nghiệp Lực đã kiến tạo ứng hợp với nhiều thể loại, gồm có Hiện Báo Nghiệp Lực v.v. và bất luận một thể loại Hiện Báo Nghiệp Lực nào thường trở sinh quả báo thì Hiện Báo Nghiệp Lực khác ngoài ra đó sẽ không có thể trở sinh quả báo được, mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Bất luận một thể loại Hậu Báo Nghiệp Lực nào khởi sinh lên và dắt dẫn cho đi tục sinh thì Hậu Báo Nghiệp Lực khác ngoài ra đó sẽ không có thể trở sinh quả báo được, mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Bởi do dựa vào bất luận một thể loại Vô Gian Nghiệp Lực nào mà đã trở sinh quả báo, làm cho phải đi tục sinh vào trong Cõi Giới Địa Ngục, thì Vô Gian Nghiệp Lực khác ngoài ra đó cũng không có thể trở sinh quả báo được, mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Bởi do nương vào bất luận một thể loại tầng Nhập Thiên Định (*Jhānasamāpatti*) nào ở trong những Bát Định ấy trở sinh quả báo, làm cho được tục sinh vào trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi, thì các tầng Nhập Thiên Định khác ngoài ra đó, cũng sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.” Ngài Trưởng Lão *Sàriputta* đã lập ý lấy thể loại Nghiệp Lực này mới nói rằng: “*Nāhosi kammavipàko*”- Quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sanh khởi rồi đâu (*Vô Hiệu Nghiệp Quả*).

### **Giải thích rằng:**

+ Bất luận một người nào trong khoảng thời gian khi vẫn còn hiện hữu sanh mạng đã có được kiến tạo các thể loại Nghiệp Lực, và có được khả năng trở sinh quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại. Trong tất cả những thể loại Nghiệp Lực ấy, nếu như bất luận một thể loại Nghiệp Lực nào trở sinh quả báo để cho có được hiện bày rồi, các *Hiện Báo Nghiệp Lực* còn lại cũng không có được cơ hội để mà trở sinh quả báo, thì lúc bấy giờ mới trở thành một thể loại *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

+ Đã có được kiến tạo các thể loại *Hậu Báo Nghiệp Lực* ứng hợp, nếu như bất luận một thể loại Nghiệp Lực nào trở sinh quả báo Tái Tục ở trong kiếp sống thứ hai, thì *Hậu Báo Nghiệp Lực* còn lại cũng không có cơ hội để trở sinh quả báo Tái Tục ở trong kiếp sống thứ hai được, và chỉ trở sinh quả báo vào trong Thời Bình Nhật ở ngay trong kiếp sống thứ hai ngàn ấy mà thôi. Và nếu như cũng không có được cơ hội để mà trở sinh quả báo vào trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống thứ hai, thì lúc bấy giờ mới trở thành một thể loại *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

+ Người nào đã có tạo tác hết tất cả Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực, một khi đã mạng vong lìa khỏi thế gian này rồi, thì đối với Chia Rẽ Tầng Đoàn Nghiệp Lực là một loại Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng, ắt hẳn là trở sanh quả báo Tái Tục ở ngay trong kiếp sống thứ hai. Còn các Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực còn lại thì cũng trở thành một thể loại Vô Gian Nghiệp Lực.

+ Người đã chứng đắc cả Bát Thiên Định, tức là hết cả bảy Tứ Thiên Sắc Giới (*Rùpajhàna*) và Tứ Thiên Vô Sắc Giới (*Arùpajhàna*). Một khi người ấy thọ mạng diệt, lìa khỏi thế gian này thì bất luận một tầng Thiên Định nào ngật là thể loại dính mắc ái luyến (*Nikantitanhà – Tham Ái*) của bậc Phúc Lộc Thiên Giả (*Jhànalàbhìpuggala*) ấy mà đã trở sanh quả báo Tái Tục ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi, thì các tầng Thiên Định còn lại cũng trở thành một thể loại Vô Hiệu Nghiệp Lực.

+ Các Tư Tác Ý, cho dù sẽ là Thiện hoặc là Bất Thiện, mà không có cơ hội trở sanh quả báo thì trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực cũng có rất nhiều thể loại, hiện hành cũng trong cùng một phương thức với điều mà đã vừa đề cập đến ở phần trên.

Ngoài ra cũng vẫn có Tư Tác Ý Thiện, Bất Thiện thông thường, nghĩa là bất thành Nghiệp Đạo (*Kammapatha – Con đường của Nghiệp Lực*) tức là Thiện hoặc Bất Thiện ở nơi người hành động tạo tác mà không có thực sự chú tâm một cách đặc biệt để thực hiện, chẳng qua là thực hiện một cách hời hợt, chẳng hạn như là nhìn thấy người ta làm thì cũng làm theo, hoặc là bị người khác rủ rê rồi cũng làm theo mà chẳng có sự chú tâm để ý đến thực hiện. Những thể loại này cũng vẫn hiện hữu rất nhiều ở trong từng mỗi một con người. Những thể loại Tư Tác Ý Thiện và Bất Thiện này, cho dù đã có nói rằng có mãnh lực trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật là sự thật đi nữa, tuy nhiên những thể loại mãnh lực này cũng không thể nào tiếp nối hiện hữu rõ ràng ở trong bản tánh Uẩn Pháp; vì thế ở phần đa số, mới trở thành một thể loại Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Lại nữa, từ ngữ Pàli nói rằng: “*Sesàni avipàkàni*”- được dịch nghĩa là các Hậu Báo Nghiệp Lực còn lại, các Vô Gian Nghiệp Lực còn lại, các tầng Nhập Thiên Định còn lại, không có cơ hội trở sanh quả báo thì mới trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực đó. Ý nghĩa của sự việc này chỉ lập ý đến việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục ngàn ấy mà thôi. Đối với việc trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật và việc hỗ trợ giúp đỡ đối với các Nghiệp Lực khác, để có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục là không có điều chi trở ngại. Chẳng hạn như là người đã tác hành Xả Thí (*Dàna*), Trì Giới (*Sila*), Tu Tập (*Bhàvanà*), một khi người ấy mạng vong lìa khỏi kiếp sống này, nếu như Hậu Báo Nghiệp Lực mà có liên quan với Tu Tập Thiện (*Bhàvanàkusala*) đã có được cơ hội trở sanh quả báo Tái Tục rồi, thì các Hậu Báo Nghiệp Lực mà có liên quan với Xả Thí, Trì Giới không có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục, thì liền trở thành việc giúp đỡ bảo hộ đối với Tu Tập Thiện mà đã có được trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục ấy cho có được thêm nhiều năng lực. Và nếu như không có cơ hội bảo hộ



đối với *Tu Tập Thiện* ấy thì ắt hẳn cũng có được cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật. Trong các Nghiệp Lực khác, *Sát Mạng (Pàṇā)*, *Thâu Đạo (Adinnā)*, *Tà Hạnh (Kāme)* v.v. hoặc luôn cả *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực* cũng hiện hành một cách tương tự như nhau. Đối với các tầng Thiên Định chứng đắc ấy, nếu như bất luận một tầng Thiên Định nào trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục rồi, thì các tầng Thiên Định khác ngoài ra đó cũng trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Câu chuyện này đã được tất cả những bậc Phụ Chú Giải Sư trình bày đề ở trong bộ *Phụ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* và *Phụ Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần* nói rằng: **“Itaresuṃ pavattivipākadàyitā anuññatā viya dīssati”**- “Tất cả bậc Trí Giả nên hiểu biết đến việc trở sanh quả báo ở trong Thời Bình Nhật của các Nghiệp Lực còn lại ngoài ra đó, là cũng tương tự với Ngài Đại Chú Giải Sư *Buddhaghosa* đã đồng ý cho phép được hiện hành như vậy.”

**“Itarāni pana tassa anubala dāyikāni honti” na paṭisandhi dāyikāni**”- (trích ở trong bộ *Phụ Chú Giải Ngũ Thập Trung Phần*) nói rằng: “Các Hậu Báo Nghiệp Lực còn lại ắt hẳn hỗ trợ giúp đỡ đối với Hậu Báo Nghiệp Lực đã có cơ hội trở sanh quả báo ấy vậy.”

**“Ekassa pana anunnāni pi upatthambhakāni honti”**- (trích ở trong bộ *Căn Phụ Chú Giải (Mūlaṭṭkā)*) nói rằng: “Cho dù các loại Nghiệp Lực còn lại ấy (trừ ra Nhập Thiên Định) không có cơ hội trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục là sự thật đi nữa, tuy nhiên ắt hẳn có được cơ hội giúp đỡ hỗ trợ đối với các Vô Gian Nghiệp Lực khác, và các Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực khác cho có được thêm nhiều năng lực hơn cả tự bản thân mình.”

### **Việc Tạo Thiện Sự Của Nhóm Người Nào Phần Nhiều Trở Thành Vô Hiệu Nghiệp Lực Và Phương Thức Lý Giải**

Người đã tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực mà không có thực sự đặc biệt chú tâm để thực hiện, đó chỉ là việc tạo tác một cách tình cờ ngẫu nhiên, hoặc chẳng hạn như là nhìn thấy người ta làm thì cũng làm theo, v.v. Như thế, thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực này, mới không có đủ năng lực để sẽ nối tiếp hiện hữu rõ ràng ở trong bản tánh Uẩn Pháp được, và cuối cùng rồi, nếu như không có được cơ hội để sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thì mới trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, quả thật đó cũng là điều không đáng quan tâm. Tuy nhiên với người tạo tác Thiện Nghiệp Lực mà cũng không có thực sự đặc biệt chú tâm để ý đến, mà chỉ là việc thực hiện một cách hời hợt. Việc tạo tác thể loại Thiện Nghiệp Lực này cũng không có năng lực tương tự với việc tạo tác loại Bất Thiện Nghiệp Lực thông thường như đã có đề cập đến. Như thế, một khi không có cơ hội để sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thì quay trở lại trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, điều đó coi như quả là đáng tiếc, và đáng phải quán sát xem coi nhân quả là do bởi tác nhân nào ! Điều này khi đã có được thẩm sát thì cũng sẽ thấu hiểu được rằng:

*“Việc hiện hành như vậy là hiện hữu ở nơi người tạo tác thực hiện. Với tác nhân là người ấy có cả Ngũ Quyền hãy còn non kém, chỉ có Ái Dục (Tanhà), Ngã Mạn (Màna), Tà Kiến (Diṭṭhi), công khai hiện bày câu sanh với Si Mê (Moha) làm thành tác nhân. Vì thế Thiện Nghiệp Lực ấy mới trở thành loại Thiện Nghiệp Lực thông thường và sẽ đi đến sự việc trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực.”*

Giải thích rằng “người có cả Ngũ Quyền hãy còn non kém” tức là người không có sự hiểu biết, sự liễu tri ở trong các câu chuyện của Phật Giáo, và đời sống sự sinh hoạt của tất cả loài Hữu Tình. Vì thế nhóm người này mới không có sự sùng tín quy ngưỡng ở trong Tam Bảo, và không có niềm tin ở trong các câu chuyện về việc sinh, việc tử, Tội – Phước, v.v. Khi đã mất đức tin, sự sùng tín như vậy rồi, người ấy cũng không có sự hoan hỷ để sẽ kham nhẫn đối trị với sự khó khăn mà có liên quan với công việc ở trong Phật Giáo. Khi đã mất sự kham nhẫn và sự kiên nhẫn rồi, người ấy ắt hẳn an trú ở trong sự dễ duôi khinh suất. Khi đã có sự dễ duôi khinh suất rồi, tâm thức của người ấy cũng không còn kiên định ở trong các công việc mà có liên quan đối với việc *Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập*, và duy chỉ có sự si mê làm lạc thắm nhập chi phối. Vì thế, *Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến* mới có cơ hội công khai hiện bày, đã làm cho người ấy mất đi sự chú tâm và sự tôn kính đối với tác hành Thiện Nghiệp Lực của mình. Cho dù là, ở ngay trong sát na đang tạo tác ấy thì quả thật là không có sự chủ tâm đi nữa, việc tạo tác là chỉ để cho không bị hư hoại cổ tục truyền thống, hoặc là chỉ vì việc giao tế, hoặc là có việc nhu cầu thiết yếu để sẽ phải thực hiện chỉ ngần ấy mà thôi. Như thế, việc tác hành Thiện của hạng người này là sẽ đi đến sự việc trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, do vậy mới không có điều chi là đáng phải ngạc nhiên cả. Chính với điều này, để được gọi là “người ấy có cả Ngũ Quyền hãy còn non kém, chỉ có Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến công khai hiện bày câu sanh với Si Mê làm thành tác nhân.” Và nếu sẽ cứu vãn để không cho Thiện Nghiệp Lực của mình trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, thì cần phải cải thiện ở nơi *Tuệ Quyền (Paññindriya)* cho khởi sanh lên năng lực dũng mãnh kiên cường. Tức là cần phải nỗ lực tinh cần trong việc trau giồi tập huân cho khởi sinh lên sự hiểu biết, sự liễu tri ở trong các câu chuyện của Phật Giáo xuyên suốt cho đến các vấn đề hiện hành của tất cả loài Hữu Tình cho được trọn vẹn hoàn hảo. Một khi đã cải thiện để làm cho *Tuệ Quyền* có được kiên cường thành tựu viên mãn, thì Tứ Quyền còn lại gồm có Tín, v.v. ấy thì cũng tuần tự đi theo đó mà khởi sinh lên sự kiên cường dũng mãnh. Khi có được cả Ngũ Quyền kiên cường hoàn hảo rồi, thì Si Mê không có khả năng bung bít, để nổi tiếp theo làm cho khởi sinh lên sự mê mờ làm lạc được. Một khi đã là như vậy rồi, thì *Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến* là chủ phạm quan trọng cũng không có cơ hội để mà lộ diện ra được. Và một khi không có *Ái Dục, Ngã Mạn, Tà Kiến* lộ diện ở trong việc tác hành Thiện Nghiệp Lực, thì các Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có thực hiện sẽ được thoát khỏi việc trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

## Phương Thức Cứu Vãn Bất Thiện Nghiệp Lực Không Cho Có Cơ Hội Trở Sinh Quả Báo, Tức Là Cho Trở Thành Vô Hiệu Nghiệp Lực

Người đã có đức tin ở trong các Nghiệp Lực và những quả báo của các Nghiệp Lực đây, đề cập đến với hạng người này thì quả thật là không dám tạo ra các việc xấu ác. Tuy nhiên trong một đôi lúc cũng có tác hành tạo ra, như có việc sát mạng loài Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. do bởi đã dựa vào các Phiền Não gồm có *Tham (Lobha)*, *Sân (Dosa)*, *Si (Moha)* v.v. Và một khi đã tạo tác xong rồi, thì cũng có cảm giác thấy sợ hãi ở trong việc sẽ phải bị đón nhận quả báo từ ở nơi hành động Bất Thiện của mình đã có tạo ra, đã làm cho phát sanh lên sự khổ tâm buồn lòng, khởi sinh lòng dạ xốn xang. Khi đã là như vậy thì càng làm cho Bất Thiện tăng trưởng thêm lên, và lại càng gia bội năng lực lên nữa, và có khả năng nhất định trở sanh quả báo, ngay cả ở trong kiếp sống này và vị lai, xuyên suốt trải qua đến rất nhiều kiếp sống. Việc tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực của hạng người này quả là không có cơ hội để sẽ trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* được.

Phương thức cứu vãn Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã có tạo ra, làm cho trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* được đó, là sau khi mình đã có tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực ấy rồi, và khởi sinh lên sự cảm thấy điều sai trật, thì cần phải phát nguyện (*Adhiṭṭhāna*) tự ở trong tâm của mình rằng: ***“Tôi nguyện sẽ không còn tạo ra điều Ác Hạnh hoặc Tà Mạng như thế này nữa.”*** và ***cũng không cần phải hồi tưởng nhớ đến câu chuyện ấy nữa.*** Thế rồi nỗ lực tinh cần kiến tạo *Thiện Tập Quán Nghiệp Lực (Kusala Āciṇṇakamma)* cho thường luôn sanh khởi, tức là có việc học hỏi về Pháp Học (*Pariyattidhamma*), hoặc là thường luôn đọc kinh điển sách vở, hoặc là tụng đọc kinh Lễ Phật, bỏ bát cúng dường, hồi hướng phần Phước Báo, và thường luôn truyền rãi Tâm Từ Ái; hoặc là thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới; xuất gia làm thành Tu Nữ, làm thành Sa Di, làm thành Tỳ Khưu; hoặc thường luôn có việc trau dồi tiến tu về *An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)*, *Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)*. Nếu như việc hành trì như đã vừa đề cập đến ở tại đây cho đến suốt cả cuộc đời, thì *Bất Thiện Hiện Báo Nghiệp Lực* và *Hậu Báo Nghiệp Lực*, trừ ra phần *Cực Trọng Nghiệp Lực*, ắt hẳn là không có cơ hội trở sanh quả báo, và thế là sẽ trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Đối với *Bất Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy, cho dù sẽ không trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, đó quả là sự thực đi nữa, tuy nhiên sẽ làm cho việc trở sanh quả báo của loại Bất Thiện Nghiệp Lực này thiểu giảm đi với mãnh lực đích thị chính từ ở nơi *Thiện Tập Quán Nghiệp Lực* ấy vậy.

*Bất Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực* mà sẽ trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực* được đó, thì cần phải liên hệ với người là chủ nhân của hành động tạo tác ấy, phải được kết hợp với *Ngũ Ân Đức Phẩm Vị (Gūṇasamāpatti)* trong từng mỗi kiếp sống, tính kể từ kiếp sống thứ nhất trở đi. Đề cập đến rằng:

1. *Tiền Phúc Thiện Hạnh (Pubbe ca katapuññatà)*: việc làm thành người đã từng có kiến tạo việc Thiện tích lũy để ở trong đời quá khứ.
2. *Trú Xứ Thích Hợp (Paṭirūpadesaṅgā)*: việc có được chỗ ở trong trú xứ kết hợp với điều *Giới Pháp (Sīladhamma)*.
3. *Thân Cận Hiền Triết (Sappurisūpanissaya)*: việc có được hội ngộ kết giao với các bậc hiền triết.
4. *Thính Linh Chánh Pháp (Saddhammasavana)*: việc có được lắng nghe về Chánh Pháp.
5. *Tự Lập Trường Chân Chánh (Attasammāpanidhi)*: việc tự đặt đề mình ở trong đường lối chân chánh (*Bát Chánh Đạo*).

Nếu được hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì cũng có khả năng sẽ làm cho *Bát Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

Việc sẽ tự làm cho mình thành người hội đủ cả *Ngũ Ấn Đức Phẩm Vị* trong từng mỗi kiếp sống, có sự chủ yếu là ở các hành động tạo tác ngay ở trong kiếp sống này. Đề cập đến là sẽ phải tự tu tập để làm cho thành người có đức hạnh ở trong *Giới Pháp (Sīladhamma)*, có việc thực hiện một cách thường luôn về Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và rồi tự thiết lập lên sở nguyện rằng: *“Xin cho việc thực hiện các Thiện Pháp của Tôi đây cho được làm thành Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya) đi suốt trong mỗi kiếp sống tương tự với trường hợp này.”* Có sự duyệt ý ở trong trú xứ được kết hợp ở trong nền tảng *Giới Pháp*, và rồi tự thiết lập lên sở nguyện rằng: *“Xin cho suốt trong mỗi kiếp sống có được sinh vào ở trong trú xứ mà được kết hợp với Giới Pháp tương tự với trường hợp này.”* Trong sự giao tế thì cần phải bắt giao với bọn người xấu ác, nỗ lực tìm kiếm kết giao với bậc Trí Giả và có đức hạnh, và rồi tự thiết lập lên sở nguyện rằng: *“Xin cho suốt trong mỗi kiếp sống có được hội kiến với các bậc Hiền Triết tương tự với trường hợp này.”* Phải chú tâm lắng nghe và học hỏi ở trong Chánh Pháp hữu ích, kết hợp với cả việc tự thiết lập lên sở nguyện rằng: *“Với mãnh lực từ ở nơi việc lắng nghe, và việc học hỏi vào Chánh Pháp của Tôi đây, xin được làm thành mãnh lực duyên đặng cho Tôi có được cơ hội lắng nghe và học hỏi Chánh Pháp đi suốt trong mỗi kiếp sống tương tự với trường hợp này.”*

Có việc gìn giữ Thân, Ngữ, Ý của mình cho được thường luôn hiện hành đi ở trong con đường *Thiện Hạnh (Sucarita)*, và tự thiết lập lên sở nguyện rằng: *“Với mãnh lực từ ở nơi mà Tôi đã có tu tập về Thân, Ngữ, Ý đi ở trong con đường Thiện Hạnh này, xin được làm thành Cận Y Duyên đặng cho Tôi có được tâm thức kiên định ở trong Giới Pháp và luôn được trau dồi tiến tu ở trong con đường Thiện Hạnh đi suốt trong mỗi kiếp sống tương tự với trường hợp này.”*

Việc tu tập cho làm thành người hội đủ cả *Ngũ Ấn Đức Phẩm Vị* như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi vị nào đã tu tập có được hiện hành tròn đủ do bởi



nương vào *Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ* một cách kiên cường thì cũng có thể có khả năng sẽ làm cho người ấy được làm thành người hội đủ cả *Ngũ Ân Đức Phẩm Vị* ở trong từng mỗi kiếp sống, trong từng mỗi đời sống mãi cho đến khi đạt đến Viên Tịch Níp Bàn. Và một khi đã là như vậy, thì *Bát Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* ấy ắt cũng không có được cơ hội để trở sanh quả báo, và như thế trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Tuy nhiên đường lối vừa mới đề cập ở tại đây, thì không khẳng định là sẽ được hiện hành như vậy, và người sẽ phải tu tập cho được hiện hành một cách thành tựu viên mãn như đã vừa đề cập đến, thì cũng quả là hy hữu ! Chỉ trừ khi sẽ phải là bậc có Pháp Toàn Thiện (*Ba La Mật*) kiên định, và lúc bấy giờ thì mới sẽ làm cho được thành tựu cát tường.

Nói tóm lại, rằng theo thời gian trở sanh quả báo thì có được bốn thể loại Nghiệp Lực, gồm có *Hiện Báo Nghiệp Lực*, v.v. đó, ắt hẳn là hiện bày ở trong cùng một Lộ Trình Tâm với nhau. Tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất, gọi là *Hiện Báo Nghiệp Lực*. *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy, gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực*. *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái Tâm thứ sáu, gọi là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Còn đối với *Vô Hiệu Nghiệp Lực* ấy, tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong hết cả bảy cái Tâm Đồng Lực, mà đã vượt qua hạn định thời gian của thời gian mà chính tự ở nơi bản thân cho trở sanh quả báo.

### Trình Bày Nhân Quả Của Cả Tam Nghiệp Lực Cho Trở Sinh Quả Báo Dị Biệt Thời Gian

Ngài Chú Giải Sư *Ledi Sayadaw* đã có trình bày đề ở trong bộ *Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (Paramatthadīpanī Mahāṭīkā)* nói rằng: Trong số lượng cả bảy cái Tâm Đồng Lực ấy, thì cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đến cái Tâm thứ ba, gọi là *Đồng Lực Khởi Lập*. Tâm Đồng Lực thứ năm đến cái Tâm thứ bảy, thì gọi là *Đồng Lực Hạ Lạc*. Còn cái Tâm Đồng Lực thứ tư, gọi là *Đồng Lực Tối Hạng (Sikhāpatta)*; tức là cái Tâm Đồng Lực cao nhất. Khi đề cập đến năng lực của cả bảy Tâm Đồng Lực này, thì cái Tâm Đồng Lực thứ nhất có năng lực yếu kém, là vì sanh khởi trước tiên, khi mà vẫn chưa có được đón nhận sự hỗ trợ từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya)*. Tâm Đồng Lực thứ bảy, dù cho quả thật là đã được đón nhận sự hỗ trợ từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên* đi nữa, tuy nhiên năng lực ấy đã thôi giảm xuống rồi, vì lẽ ở trong trình tự cuối cùng từ ở nơi phạm vi của năng lực, và năng lực của *Trùng Dụng Duyên* ở cái Tâm Đồng Lực thứ sáu cũng đã thôi giảm xuống tương tự như nhau. Còn cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái Tâm thứ sáu ấy, thì có rất nhiều năng lực, là vì đã có được đón nhận sự hỗ trợ của *Trùng Dụng Duyên*, luôn cả chẳng phải khởi sinh ở vị trí đầu tiên và luôn cả ở vị trí cuối cùng. Với lý do này, việc trở sanh quả báo của cả ba Nghiệp Lực này mới không có được giống nhau. Tỷ dụ như có rất nhiều thể loại cây sai khác, có một vài loại

cây chẳng có tuổi thọ lâu dài, vừa trồng xuống rồi thì chỉ nội ở trong vòng một năm thôi thì đã có trở hoa ra quả rồi, và một khi có hoa có quả thì cũng liền chết đi, chẳng hạn như là cây chuối, cây bắp, cây đậu, v.v. Là vì nhóm loại cây này không có được sự bền vững, vì thế mới không có đủ năng lực để được tồn tại lâu dài. Có một vài loại cây thì có tuổi thọ dài lâu hơn một năm nhưng lại cũng không quá năm năm. Khi đã được trồng xuống trong năm đầu tiên thì vẫn chưa có ra hoa chưa trở sinh trái quả, tiếp đến vào năm thứ hai thì mới trở hoa và sinh quả; tuy nhiên một khi trở hoa ra quả rồi thì cũng không được tồn tại lâu dài, chẳng hạn như là cây đu đủ, cây dứa, v.v. Là vì nhóm loại cây này, cho dù sẽ có tuổi thọ được lâu dài hơn ở nhóm đầu tiên đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn sắp nhóm loại cây này vào thể loại không có được sự bền vững tương tự như nhau. Có một vài loại cây lại có tuổi thọ rất là lâu dài, một khi đã trồng xuống được nhiều năm rồi, thì mới sẽ trở ra hoa và sinh trái quả, và một khi đã đến thời kỳ trở sinh ra hoa quả thì vẫn còn được tồn tại lâu dài, khi mà khí hậu đã được hiện hành một cách thường nhiên, chẳng hạn như là cây me, cây xoài, v.v. Là vì nhóm loại cây này là thể loại có được sự bền vững, vì thế việc phát triển cũng tuần tự lớn dần lên, hiện hành việc phát triển một cách tuần tự. Việc trở ra hoa và sinh trái quả cũng chậm chậm, phải đến 5 – 6 năm rồi mới sẽ có được. Tuy nhiên một khi đã có hoa có quả rồi, thì cũng vẫn có thể được tồn tại lâu dài, và nếu như khí hậu đã có được hoàn hảo, thì vẫn cứ hằng năm những hoa quả ấy lại cứ thường luôn trở sinh ra. Điều này như thế nào thì *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất cũng được ví với nhóm loại cây thứ nhất vậy, có năng lực yếu kém và không có khả năng sẽ trở sinh quả báo ở trong Thời Tái Tục, nghĩa là việc kiến tạo lên một kiếp sống mới; và chỉ có được trở sinh quả báo ở trong Thời Bình Nhật, tức là chỉ ở trong khoảng thời gian vẫn còn hiện hữu thọ mạng ngàn ấy mà thôi. Vì thế, *Tư Tác Ý* này mới gọi là *Hiện Báo Nghiệp Lực*. *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy cũng được ví với nhóm loại cây thứ hai. Cho dù quả thật là có được năng lực nhiều hơn với *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất, tuy nhiên cũng không có được năng lực tròn đủ, do vậy chỉ có khả năng trở sinh quả báo ở trong Thời Tái Tục, tức là có được việc kiến tạo lên một kiếp sống mới, và lại trở sinh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi, tức là làm cho có được các bộ phận (*các Căn*) và việc nhìn thấy, việc được lắng nghe đặc biệt khởi sinh lên trong kiếp sống thứ hai chỉ ngàn ấy mà thôi, một khi đã có được cơ hội. Nếu như không có được cơ hội để trở sinh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, thì cũng phải bị mất đi mãnh lực trong việc trở sinh quả báo và thế là trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*. Do vậy, nhóm loại *Tư Tác Ý* này mới được gọi là *Hậu Báo Nghiệp Lực*.

Vì thế, Ngài Trưởng Lão *Dhammapàla* (*Hộ Pháp*) mới trình bày đề ở trong bộ *Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo* nói rằng: “*Dubbalàpi antimajavana cetanà sannitthàkiccavisesayuttatàya phalavipaccanesattivisesayuttà hotiti upapajja vedaniyà antarikà ca sà hoti*”- Dịch nghĩa là: “*Tư Tác Ý* hiện hữu ở

trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy, cho dù quả thật là có năng lực yếu kém, nhưng phối hợp với mãnh lực đặc biệt trong việc trở sanh quả báo, vì lẽ làm thành Tư Tác Ý phối hợp với sự vụ đặc biệt để làm cho công việc được thành tựu. Do đó, Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy mới thành Hậu Báo Nghiệp Lực, và cũng làm thành Vô Gian Nghiệp Lực. Còn Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái Tâm thứ sáu đó, thì được ví như nhóm loại cây thứ ba, và có rất nhiều năng lực hơn cả hai nhóm loại Tư Tác Ý phía trên. Vì thế, mới có khả năng trở sanh quả báo kể từ kiếp sống thứ ba trở đi nối tiếp mãi cho đến khi Tâm Đạo Vô Sinh đã được sanh khởi, thì mới có khả năng sẽ cắt đứt việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được. Còn đối với việc trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi, thì cho dù người ấy đã thành bậc Vô Sinh đi nữa, Nghiệp Lực này cũng vẫn trở sanh quả báo mãi cho đến khi đạt đến Viên Tịch Níp Bàn, và lúc bấy giờ, việc trở sanh quả báo của nhóm Nghiệp Lực này mới tuyệt diệt. Do vậy, nhóm loại Nghiệp Lực này mới được gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực.”

### Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực Được Sắp Vào Trong Thẻ Loại Nghiệp Lực Nào Và Khác Biệt Với Loại Dục Giới Nghiệp Lực Nào ?

Bậc đã chứng đạt được Thiên Định, và nếu như tầng Thiên Định ấy không bị hư hoại, khi mạng vong lìa khỏi kiếp sống này thì ắt hẳn là sẽ đi tục sinh một cách nhất định ở trong Cõi Phạm Thiên Giới tùy theo tầng Thiên Định mà mình đã chứng đạt được vào ngay trong kiếp sống thứ hai, và chẳng có việc chờ đợi để trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, tương tự với Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực Dục Giới thứ bảy vậy. Do đó, Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực (*Mahaggatakusalakamma*) này mới được sắp vào ở trong Hậu Báo Nghiệp Lực. Đối với Thiện Thắng Trí (*Kusala Abhiñña*) ấy, thì được sắp vào trong Hiện Báo Nghiệp Lực, là bởi vì có được việc trình bày các thẻ loại Thần Tác Thắng Trí, v.v. thì cũng phải liên quan đến Thắng Trí (*Abhiñña*) làm thành tác nhân, tuy nhiên việc sắp bày cho hiện hành một cách gián tiếp, là bởi vì đặc biệt không có Quả Dị Thục (*Vipàka*) và Sắc Nghiệp (*Kammajarùpa*) mà sanh từ ở nơi Thiện Thắng Trí vậy. Còn Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực phân dư sót thì không được sắp vào ở trong Hiện Báo Nghiệp Lực. Đối với Duy Tác Thắng Trí (*Kiriyà Abhiñña*) ấy, cho dù đã làm cho quả báo được hiện bày đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không được sắp thành Hiện Báo Nghiệp Lực, mà chỉ có được làm thành Duy Tác Hiện Báo Nghiệp Lực ngàn ấy mà thôi. Tại đây trình bày cho được thấy rằng Tâm Đồng Lực Duy Tác cũng vẫn có trở sanh quả báo, đích thị chính là Duy Tác Thắng Trí.

Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực khác biệt với Dục Giới Nghiệp Lực, đó là: Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực thì thường luôn trở sanh quả báo một cách đặc biệt là chỉ ở trong kiếp sống thứ hai mà thôi. Nếu không có cơ hội trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai thì tất phải trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, cũng ví như cơm chín



không được cất giữ lâu ngày, và nếu không có được ăn thì cơm chín ấy ắt sẽ bị thiu đi. Còn *Dục Giới Nghiệp Lực (Kàṃavacarakamma)* ấy, loại trừ *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất và cái Tâm thứ bảy ra ngoài, thì nếu như có được cơ hội ắt hẳn sẽ trở sanh quả báo rất lâu dài, và không có việc trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn, cũng ví như lúa thóc thì được cất giữ lâu dài, và không có bị hư thúi.

Còn *Siêu Thế Thiện Nghiệp Lực (Lokuttarakusalakamma)* ấy, thì thường luôn có thực tính là *Hiện Báo Nghiệp Lực*, là bởi vì một khi Tâm Đạo đã sanh khởi lên và diệt đi, thì Tâm Quả ngay lập tức sanh khởi nối tiếp kế liền với nhau. Tuy nhiên *Hiện Báo Nghiệp Lực* mà trình bày ở trong *Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pàkakaḷacatuḅba)* đây, là không có được lập ý lấy ở phần *Siêu Thế Thiện Nghiệp Lực* được, là bởi vì Nghiệp Lực đã được trình bày ở trong *Nghiệp Lực Tứ Phần (Kammacatuḅba)* đây, là nhóm Nghiệp Lực trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi, tức là cho tục sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, v.v.

### **Trình Bày Nhân Quả Ở Trong Sự Việc Vô Hiệu Nghiệp Lực Được Liệt Vào Ở Trong “Thời Gian Khai Quả Tứ Phần”**

Trong số lượng bốn thể loại Nghiệp Lực, rằng theo mãnh lực từ ở nơi thời gian mà trở sanh quả báo, đối với *Hiện Báo Nghiệp Lực*, *Hậu Báo Nghiệp Lực* và *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*, thì cả ba thể loại Nghiệp Lực này đã có việc hạn định về thời gian một cách riêng biệt cho trở sanh quả báo của mình rồi. Còn *Vô Hiệu Nghiệp Lực* ấy, thì không có việc hạn định về thời gian để cho trở sanh quả báo. Tuy nhiên vì lý do nào lại cho liệt vào ở trong nhóm loại này được? Điều này được giải thích rằng: Trong việc trình bày phân chia về *Cõi Địa Giới (Bhùmi)* mà có liên quan đến *Tam Ái Dục (Taṇhà: Dục Ái, Sắc Ái, Vô Sắc Ái)* thì chẳng phải sẽ trình bày là chỉ có ba *Cõi Địa Giới* hiện hành với mãnh lực của *Tam Ái Dục* ngần ấy thôi, mà sẽ phải trình bày một cách tương tự đến *Cõi Địa Giới* không có hiện hành với mãnh lực từ ở nơi *Tam Ái Dục*, nghĩa là *Lãnh Địa Siêu Thế (Lokuttarabhùmi)*. Điều này như thế nào, một khi trình bày việc phân chia Nghiệp Lực, rằng theo thời gian từ ở nơi việc cho trở sanh quả báo, thì cũng hiện hành ở trong cùng một phương thức tương tự như nhau. Tức là khi trình bày đến Nghiệp Lực mà có sự hạn định trong việc trở sanh quả báo, thì cũng vẫn có một thể loại Nghiệp Lực khác nữa mà không có việc trở sanh quả báo, và đích thị chính là *Vô Hiệu Nghiệp Lực* ấy vậy. Vì thế, ắt hẳn phải được sắp vào ở trong “*Thời Gian Khai Quả Tứ Phần*.”

### **IV. TRÚ XỨ KHAI QUẢ TỨ PHẦN (PÀKAṬṬHÀNACATUKKA)**

[**Chú thích:** *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pàkaṭṭhànacatukka)*: rằng theo *Trú Xứ (thàna)* cho trở sanh Quả Báo, thì có bốn thể loại.]

Nghiệp Lực, khi tính theo *Cõi Địa Giới (Bhùmi)* mà làm thành trú xứ chỗ ở cho trở sanh quả báo, thì có được bốn thể loại, đó là:

1. *Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện.
2. *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kàmvacarakusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 8 Tâm Đại Thiện.
3. *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rùpàvacarakusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới.
4. *Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arùpàvacarakusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới.

+ Giải thích để làm rõ thêm ý nghĩa trong phần Pàli ở điều thứ năm nói rằng: **“Tattha akusalaṃ kàyakammaṃ”** v.v. thì ở trong *Nghiệp Lực Tứ Phần (Kammacatukka)* này, có ba thể loại *Tứ Phần (Catukka)* đó là *Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka)* gồm có *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)* v.v.; *Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pàkadànacatukka)* gồm có *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)* v.v.; *Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pàkakàlacatukka)* gồm có *Hiện Báo Nghiệp Lực (Ditṭhadhammavedaniyakamma)* v.v. Với những thể loại này thì Ngài Giáo Sư *Anuruddha* đã có được trình bày ý nghĩa để ở trong bộ *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)* với bất luận thể loại nào, vì lẽ việc trình bày ca ba *Tứ Phần* như đã vừa đề cập đến ở tại đây, là việc trình bày theo phần *Kinh Tạng (Suttantāya)*. Đối với *Tứ Phần* thứ tư, đó là *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pàkaṭṭhànacatukka)* có *Bất Thiện Nghiệp Lực*, v.v. là việc trình bày theo phần *Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammanāya)*. Vì thế mới có việc trình bày làm cho rõ thêm ý nghĩa được tính kể từ **“Tattha akusalaṃ kàyakammaṃ”** v.v. cho đến phần cuối cùng của *Nghiệp Lực Tứ Phần*, gồm có **“Itthaṃ mahaggataṃ puññaṃ”** v.v.

*Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)*, khi tính theo phần *Nghiệp Môn (Kammadvāra)* thì đó là tác nhân từ ở nơi việc thành tựu trong những hành động tạo tác. Có ba thể loại, đó là:

1. *Bất Thiện Thân Hành Nghiệp Lực (Akusalakàyakamma)*
2. *Bất Thiện Ngữ Hành Nghiệp Lực (Akusalavacikamma)*
3. *Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực (Akusalamanokamma)*

Từ ngữ nói rằng “*Nghiệp Môn*” khi được chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là: “**Kamma + Dvāra**”. **Kamma** lập ý đến “*hành động tạo tác*”, **Dvāra** lập ý đến “*làm thành tác nhân cho khởi sinh*.” Kết hợp hai từ ngữ vào với nhau thì thành **Kammadvāra** (*Nghiệp Môn*) lập ý đến “*làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành*.”

*Nghiệp Môn (Kammadvāra)* có ba thể loại, đó là:

1. **Thân Môn (Kāyadvāra)**: Thân Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là **Sắc Thân Biểu Tri (Kāyaviññattirūpa)**.
2. **Ngữ Môn (Vacīdvāra)**: Ngữ Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là **Sắc Ngữ Biểu Tri (Vacīviññattirūpa)**.
3. **Ý Môn (Manodvāra)**: Ý Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là tất cả Tâm.

Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Atthasālinī* nói rằng: “**Sabbopi manodvāram**”- “*Cho dù hết tất cả Tâm làm thành Ý Môn đi nữa*”- tuy nhiên Ý Môn mà liên quan với Bất Thiện Nghiệp Lực ấy, tức là 10 cái Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Si).

Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh theo lộ Thân Môn, gọi là **Bất Thiện Thân Hành Nghiệp Lực**. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “**Kāyadvāre pavattam kammaṃ = Kāyakammaṃ**”- Việc tạo tác Bất Thiện mà khởi sinh theo lộ Thân Môn, thì gọi là **Bất Thiện Thân Hành Nghiệp Lực**.

Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh theo lộ Ngữ Môn, gọi là **Bất Thiện Ngữ Hành Nghiệp Lực**. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “**Vacīdvāre pavattam kammaṃ = Vacīkammaṃ**”- Việc tạo tác Bất Thiện mà khởi sinh theo lộ Ngữ Môn, thì gọi là **Bất Thiện Ngữ Hành Nghiệp Lực**.

Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh theo lộ Ý Môn, gọi là **Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực**. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “**Manodvāre pavattam kammaṃ = Manokammaṃ**”- Việc tạo tác Bất Thiện mà khởi sinh theo lộ Ý Môn, thì gọi là **Bất Thiện Ý Hành Nghiệp Lực**.

### Trình Bày Sự Khác Biệt Giữa Tư Tác Ý Với Nghiệp Lực

Đức Thế Tôn Ngài đã có lập ý khái thuyết ở trong Chánh Tạng Pāli Tăng Chi Bộ Kinh – *Lục Pháp (Chakkanipāta)* nói rằng: “**Cetanāham bhikkhave kammaṃ vadāmi cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā**”- “*Này Chư Tỳ Khưu, tác nhân ở người có sự chủ tâm tác ý làm thành vật dụng thúc đẩy thực hiện các hành động tạo tác ấy, được thành tựu do bởi Thân Hành, hoặc do bởi Ngữ Hành, hoặc do bởi Ý Hành. Với tác nhân này, Như Lai mới tuyên bố rằng chính Tư Tác Ý đây hình thành thành Nghiệp Lực*.”

**Giải thích rằng:** *Tư Tác Ý* làm thành Nghiệp Lực đây, thì thường làm cho có kết quả *khả hỷ duyệt ý (Itthaphala)* tức là quả báo tịnh hảo; và kết quả *bất khả hỷ duyệt ý (Anitthaphala)* tức là khởi sinh quả báo vô tịnh hảo. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới có trình bày để ở trong bộ *Phụ Chú Giải Abhidhammavataṛaṛikà* nói rằng: “**Karoti abhinibbattati itthànitthaphalànì etenàti = Kamman**”- “Người thường luôn tác hành làm cho trở sanh quả báo khả hỷ duyệt ý, quả báo bất khả hỷ duyệt ý với *Tư Tác Ý*, như thế, *Tư Tác Ý* đó mới gọi là Nghiệp Lực.”

Theo lẽ thường nhiên, tất cả chúng ta một khi sẽ tạo tác bất luận một sự việc nào đi nữa, thì cần phải tiên khởi sinh sự chủ tâm tác ý; tức là chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ làm bất luận điều này điều nọ xong rồi mới sẽ làm, hoặc chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ nói câu chuyện này câu chuyện nọ xong rồi mới sẽ nói, hoặc chủ tâm tác ý sẽ nghĩ tưởng đến câu chuyện này câu chuyện nọ rồi mới sẽ nghĩ tưởng đến. Khi là như vậy, những việc tạo tác của tất cả con người ta mới có sự chủ tâm tác ý, mà điều đó chính là *Tư Tác Ý* thường luôn làm thành người dắt dẫn. Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý tuyên bố rằng: “*Chính Tư Tác Ý* này gọi là Nghiệp Lực.” Tuy nhiên cả hai, *Tư Tác Ý* và *Nghiệp Lực* đây, ắt hẳn là có sự khác biệt với nhau, đó là *Tư Tác Ý* thuộc loại **Tiền Đề Pháp (Pubbabhàgadhamma)**, tức là Pháp sanh trước Nghiệp Lực. Còn *Nghiệp Lực* là loại **Hậu Đề Pháp (Pacchabhàgadhamma)**, tức là Pháp sanh đằng sau *Tư Tác Ý*. Tuy nhiên, ở tại đây, là việc trình bày theo phần **Bát Phân Loại (Abhedanaya)**, tức là không có được trình bày việc Phân Loại. Như thế, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bài *Kinh Upàli* (bài Kinh 56) thuộc Ngũ Thập Trung Phần (của Trung Bộ Kinh) nói rằng: “**Kasmà cetanà kammanti vuttà ? Cetanà mùlakattà kamma**”- “Do bởi nguyên nhân nào Đức Thế Tôn lập ý tuyên bố rằng *Tư Tác Ý* gọi là *Nghiệp Lực* vậy ? Là cũng do bởi hành động tạo tác đã được hoàn thành có *Tư Tác Ý* làm căn gốc.”

### **Trình Bày 276 Thể Loại Tư Tác Ý Hình Thành Việc Trở Sinh Quả Báo Trong Kiếp Sống Thứ Hai**

12 *Tư Tác Ý Bất Thiện*, 8 *Tư Tác Ý Đại Thiện*, kết hợp lại thành 20 *Tư Tác Ý* đây, sanh khởi do bởi nương vào Lộ Thân Môn, có được 80 đó là:

- a. *Thân Hành Cơ Bản Tư Tác Ý (Sayamkatamùlikacetanà)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi tự bản thân mình thực hiện, có được 20.
- b. *Mệnh Lệnh Cơ Bản Tư Tác Ý (Ànattikamùlikacetanà)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi việc sai bảo người khác thực hiện, có được 20.
- c. *Lương Tri Cơ Bản Tư Tác Ý (Sampajànamùlalikacetanà)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi việc tác hành do bởi liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động ấy, có được 20.

- d. *Bất Lương Tri Cơ Bản Tư Tác Ý (Asampajànamùlikacetanà)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi việc tác hành do bởi bất liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động tạo tác ấy, có được 20.

Kết hợp ở phần *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* mà sanh khởi theo Lộ Thân Môn thì có được 80 *Bất Thiện* và 80 *Thiện*, đồng tương tự như nhau. Còn *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* mà sanh khởi theo Lộ Ý Môn thì có được 116, tức là 12 *Bất Thiện Tư Tác Ý*, 8 *Đại Thiện Tư Tác Ý*, 9 *Thiện Đáo Đại Tư Tác Ý*, kết hợp lại thành 29. Và làm thành *Thân Hành Căn Bản Tư Tác Ý* có 29, làm thành *Mệnh Lệnh Căn Bản Tư Tác Ý* có 29, làm thành *Lương Tri Căn Bản Tư Tác Ý* có 29, làm thành *Bất Lương Tri Căn Bản Tư Tác Ý* có 29. Kết hợp lại thành 116.

- *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* sanh khởi theo Lộ Thân Môn có 80
- *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* sanh khởi theo Lộ Ngữ Môn có 80
- *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* sanh khởi theo Lộ Ý Môn có 80

Kết hợp lại thành 276 thể loại *Tư Tác Ý* (đó là  $116 + 80 + 80 + 80 = 276$ ). Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* nói rằng: “*Iti sabbàpi tìsu dvàresu dvesatàni chasattati ca cetanà*”- “*Như vậy, Tư Tác Ý trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, tính cho hết tất cả trong cả Tam Môn thì có số lượng là 276.*”

+ Giải thích để làm rõ thêm ý nghĩa trong phần Pàli ở *điều thứ sáu, bảy, tám* là chỗ nơi trình bày đến *Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo (Akusalakammamāṭha)* có việc *Sát Mạng (Pāṇātipāṭa)* v.v.

Khi sẽ trình bày ý nghĩa nội dung ở trong phần *Bất Thiện Nghiệp Lực*, rằng theo cả Tam Môn thì có những thể loại *Bất Thiện Nghiệp Lực* nào ? và có số lượng là bao nhiêu ? Do vậy, Ngài Giáo Sư *Anuruddha* mới trình bày tiếp theo là *Katham ? Pāṇātipāṭa* v.v. như sẽ được đề cập đến tiếp theo đây.

Phần nhiều thì việc tạo tác *Bất Thiện* mà sanh khởi theo lộ Thân Môn, gọi là *Thân Hành Nghiệp Lực*. *Kāya (Thân Thể) = Kāyakamma (Thân Nghiệp) =* hành động tạo tác, có được ba thể loại *Thân Hành Bất Thiện Nghiệp Lực*, đó là:

- 1/ *Sát Mạng (Pāṇātipāṭa)*,
- 2/ *Thâu Đạo (Adinnādāna)*, và
- 3/ *Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchāra)*.

Phần nhiều thì việc tạo tác *Bất Thiện* mà sanh khởi theo lộ Ngữ Môn, gọi là *Ngữ Hành Nghiệp Lực*. *Vācī (Ngôn Từ) = Vācākamma (Ngữ Nghiệp) =* hành động tạo tác, có được bốn thể loại *Ngữ Hành Bất Thiện Nghiệp Lực*, đó là:



- 1/ *Vọng Ngữ (Musavàda)*,
- 2/ *Ly Giác Ngữ (Pisunavàcà)*,
- 3/ *Thô Ác Ngữ (Pharusavàcà)*, và
- 4/ *Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalàpa)*.

Phần nhiều thì việc tạo tác Bất Thiện mà sanh khởi theo lộ Ý Môn gọi là Ý Hành Nghiệp Lực. **Mano** (Ý) = **Tâm**, **Kamma** (Nghiệp Lực) = hành động tạo tác, có được ba thể loại Ý Hành Bất Thiện Nghiệp Lực, đó là:

- 1/ *Tham Ác (Abhijjhà)*,
- 2/ *Cừu Hận (Byàpàda)*, và
- 3/ *Tà Kiến (Micchaditthi)*.

Bất Thiện Nghiệp Lực như đã vừa đến ở tại đây được gọi là *Thập Ác Hạnh (Duccarita)*.

-----00000-----

## **GIẢI THÍCH TRONG TAM THÂN HÀNH NGHIỆP LỰC**

### **1. SÁT MẠNG (Pàṇàtipàta – Sát Sinh)**

Từ ngữ nói rằng *Sát Mạng (Pàṇàtipàta)*, khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là **Pàṇa** + **Atipàta**. **Pàṇa** khi được nói theo *Thành Ngữ dân gian (Vohàranaya)* thì đó là “tất cả loài Hữu Tình”. Khi nói theo *Thực Tính Siêu Lý (Paramattha sabhàvanaya)* thì đó là “Sắc Mạng Quyền” (**Jìvitarùpa**) và “Tâm Sở Mạng Quyền” (**Jìvitindriya cetasika**). Từ ngữ nói rằng **Ati** ở trong câu **Atipàta** đó, khi dịch nghĩa thì có được hai thể loại ý chính, đó là **Sighatatta** được dịch nghĩa là “một cách mau lẹ”, **Atikkammattha** dịch nghĩa là “việc xâm phạm bức hại”. Từ ngữ nói rằng **Pàta** dịch nghĩa “cho đổ ngã, đọa lạc đi, mất đi”. Khi kết hợp vào nhau thành **Pàṇàtipàta** thì được dịch là “cho loài Hữu Tình hoặc mạng sống ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ”. Hoặc một phần khác được dịch là “việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho phải bị mất đi”.

Việc dịch rằng “cho loài Hữu Tình phải bị mất đi một cách mau lẹ” có ý nghĩa là “làm cho loài Hữu Tình ấy phải bị mạng vong trước khi đến thời hạn định tuổi thọ của mình”. Việc dịch rằng “việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho mất đi” có ý nghĩa là “sử dụng bất luận loại vũ khí nào để sát hại cho loài Hữu Tình ấy phải mạng vong”.

Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “**Pàṇam atipàtenti etenàti = Pàṇàtipàto**”- “Tất cả loài người thường sát hại loài Hữu Tình với Pháp ấy, như

thể Pháp làm thành tác nhân của việc sát hại ấy, gọi là “Sát Mạng”, tức là “Quái Tử Thủ Tư Tác Ý” (*Vadhakacetanà – Sát Nhân Giả Tư Tác Ý*). Hoặc một phần khác “*Pàṇassa atipàto = Pàṇatipàto*”- “Hành động tạo tác làm cho loài Hữu Tình ấy hoặc mạng sống ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ, gọi là “Sát Mạng”. Hoặc “bằng với vũ khí, Tư Tác Ý tạo tác làm cho việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho phải bị mất đi, gọi là “Sát Mạng”. Tức là “Tư Tác Ý Quái Tử Thủ” có nghĩa là Tư Tác Ý làm thành tác nhân trong việc sát hại loài Hữu Tình. Tư Tác Ý Quái Tử Thủ có được hai thể loại *Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)*, có được cả Thân Hành (*Kāyapayoga*) với việc sát hại do bởi chính tự mình và Ngữ Hành (*Vācìpayoga*) là việc sai bảo người khác cho việc sát hại.

### Phân Tích Trong Việc Sát Hại Loài Hữu Tình

Trong việc tác hành sát mạng đây, thì Tư Tác Ý Quái Tử Thủ là điều trọng yếu trong việc chủ tâm sát hại. Với người bị sát hại ấy, rằng theo *Dĩ Pháp Bản Nguyên (Dhammādhiṭṭhàna – Trích Dân Pháp)*, thì đích thị chính là Mạng Quyền (*Jìvitindriya*) hình thành người bị sát hại. Và có hai thể loại Mạng Quyền, đó là:

1. *Sắc Mạng Quyền (Rùpajìvitindriya)*
2. *Danh Mạng Quyền (Nàmajìvitindriya)*

Trong cả hai thể loại Mạng Quyền này, thì người sẽ bị hãm hại là chỉ riêng ở phần *Sắc Mạng Quyền* mà thôi. Còn *Danh Mạng Quyền* ấy, thì đặc biệt không thể bị hủy diệt được, là vì *Danh Pháp (Nàma)*. Khi là như vậy, thì với điều chi để rồi người sát hại loài Hữu Tình sẽ được gọi là thành tựu việc Sát Mạng ? Vì lẽ *Danh Mạng Quyền* đã không có thể bị hủy diệt được ? Điều này giải thích được rằng: “Cho dù *Danh Mạng Quyền* sẽ không thể bị hủy diệt đi nữa, và chỉ có *Sắc Mạng Quyền* là sẽ bị hủy diệt mà thôi, tuy nhiên *Danh Mạng Quyền* ắt hẳn cũng sẽ bị hủy diệt theo cùng ! Tất cả sự việc này, là cũng do việc sanh khởi nối tiếp với nhau của *Danh Mạng Quyền* thường luôn có sự liên quan với *Sắc Mạng Quyền*. Và thế là, người sát hại loài Hữu Tình ấy, mới sẽ được gọi là thành tựu việc Sát Mạng.”

Ứng hợp với Ngài Phụ Chú Giải đã có trình bày để ở trong bộ *Phụ Chú Giải Trinh Khiết Nữ Sĩ (Sàdhuvisàliniṭṭikà)* và bộ *Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh (Sàratthadìpaniṭṭikà)* nói rằng:

“*Rùpajìvitindriyehi vikopite itarampi taṃ sambandhatàya vinassati*”- Dịch nghĩa là: “Một khi *Sắc Mạng Quyền* đã bị hủy diệt rồi, thì *Danh Mạng Quyền* ngoài ra đây, cũng được gọi là “cũng bị hủy diệt theo cùng”, vì có sự liên hệ hữu quan với nhau.”

Lại nữa, *Sắc Mạng Quyền* này thì có được ba thể loại, đó là:



1. *Quá Khứ Sắc Mạng Quyền (Atitarùpajìvitindriya),*
2. *Hiện Tại Sắc Mạng Quyền (Paccuppannarùpajìtindriya),* và
3. *Vị Lai Sắc Mạng Quyền (Anàgatarùpajìvitindriya).*

Như thế, trong việc hủy diệt *Sắc Mạng Quyền* này, tức là chỉ ở phần *Hiện Tại Sắc Mạng Quyền* mà thôi. Và *Hiện Tại Sắc Mạng Quyền* này cũng có ba thể loại, đó là:

1. *Sát Na Hiện Tại Sắc Mạng Quyền (Khaṇapaccuppannarùpajìvitindriya),*
2. *Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền (Santatipaccuppannarùpajìvitindriya),* và
3. *Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền (Addhàpaccuppannajìvitindriya).*

*Sát Na Hiện Tại Sắc Mạng Quyền* thì không thể hủy diệt được, khi kết hợp hết cả ba sát na, đó là *Sanh (Uppàda)*, *Trụ (Thìti)* và *Diệt (Bhaṅga)*, và rồi cũng sẽ tự diệt mất đi.

Đối với *Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền* và *Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền*, với cả hai thể loại này thì lại hủy diệt được. Là vì *Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền* ấy, tức là *Sắc Mạng Quyền* sanh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian Lộ Trình Tâm Đồng Lực có được ít ra là 7 – 8 Lộ Trình. Hoặc *Sắc Mạng Quyền* sanh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian mà cơ thể đang có được việc tiếp xúc với sự nóng, và sự nóng ấy vẫn chưa có diệt mất đi. Chẳng hạn như có một người đang bước đi dang nắng trên đường lộ, rồi lại bước vào ở trong một bóng mát, và ngay trong sát na ấy, thì sự hanh nóng ấy vẫn còn hiện hữu ở trong cơ thể. Hoặc là *Sắc Mạng Quyền* sanh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian cơ thể đang có được việc tiếp xúc với sự lạnh, và sự lạnh ấy cũng vẫn chưa có diệt mất đi. Chẳng hạn như có một người mới vừa tắm xong, ngay trong sát na ấy cơ thể vẫn còn có sự mát lạnh thì *Sắc Mạng Quyền* sanh khởi nối tiếp với nhau trong khoảng thời gian có sự nóng đến. Hoặc là, chính ngay sự mát lạnh vẫn còn hiện hữu ấy, gọi là *Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền*.

Còn *Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền* ấy, tức là *Sắc Mạng Quyền* sanh khởi nối tiếp với nhau kể từ Tâm Tái Tục trở đi cho đến Tâm Tử. Như Ngài Đại Giáo Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ (Pàràjikakaṇḍa Atthakathà)* nói rằng: *“Tadubhayam pi voropetum sakkà”*-  
*“Việc hủy diệt những cả hai Sắc Mạng Quyền này, là Thừa Kế Hiện Tại Sắc Mạng Quyền và Viễn Trình Hiện Tại Sắc Mạng Quyền là điều có thể thực hiện được.”*

### Trình Bày Chi Pháp Hình Thành Của Việc Sát Mạng

Việc tạo tác Bất Thiện ấy, cũng có khi dẫn đến *Nghiệp Đạo (Kammapatha – con đường của Nghiệp Lực)*, hoặc cũng có khi không dẫn đến *Nghiệp Đạo*. Nếu như đã dẫn đến thành *Nghiệp Đạo* thì việc tạo tác Bất Thiện ấy đã thành tựu *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)*, thì nhất định có khả năng dắt dẫn cho đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ. Nếu như có một vài thể loại tạo tác, cho dù không dẫn đến thành *Nghiệp Đạo* đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn có khả năng dắt dẫn cho đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ, hoặc cũng có một vài thể loại tạo tác mà không có khả năng dắt dẫn cho đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ, mà chỉ có duy nhất trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi, có nghĩa là làm cho đời sống và sự sinh hoạt của người ấy phải đón nhận biết bao lầm than vất vả.

Từ ngữ nói rằng *Nghiệp Đạo* đây, đã được trích dẫn từ ở nơi từ ngữ Pàli là “*Kammapatha*”. Khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là “*Kamma + Patha*”- *Kamma* = hành động tạo tác, *Patha* = lộ đạo, con đường. Khi kết hợp vào nhau thành *Kammapatha* (*Nghiệp Đạo*) thì được dịch là “*hành động tạo tác làm thành con đường cho đi đến Cõi Thống Khổ*”. Hành động tạo tác Bất Thiện mà sẽ thành *Xâm Phạm* hoặc *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, thì cần phải tùy thuộc vào Chi Pháp Hình Thành, tức là Chi Pháp phối hợp ở trong hành động tạo tác ấy. Vì thế với hành động tạo tác Bất Thiện ở thể loại Sát Mạng, đó đã là việc *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* thì cần phải phối hợp với năm yếu tố, đó là:

1. *Pàṇo*: Loài Hữu Tình có sinh mạng,
2. *Pàṇasaññitā*: Biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng,
3. *Sát Nhân Giả Tâm (Vadhakacittam)*: Có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy,
4. *Nỗ Lực (Payogo)*: Thực hiện sự cố quyết để cho mạng vong,
5. *Tenamaraṇam*: Loài Hữu Tình ấy phải mạng vong do bởi sự cố quyết ấy.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm yếu tố như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm yếu tố, thì cũng bất thành tựu một *Nghiệp Đạo*. Như có câu kệ trình bày rằng:

*Pàṇo ca pàṇasaññitā  
Teneva maraṇañcāti*

*Ghàtacittañcupakkamo  
Pañcime vadhahetuyo*

Chi Pháp thành tác nhân trong việc sát mạng loài Hữu Tình ấy, thì phải hội đủ cả năm yếu tố như sau, đó là:

1. Loài Hữu Tình có sinh mạng.
2. Biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng,
3. Có sự chú tâm sẽ sát hại mạng sống ấy,
4. Thực hiện sự cố quyết để cho tử vong,
5. Loài Hữu Tình ấy phải tử vong do bởi sự cố quyết ấy.

Nếu như hành động tạo tác của người ấy trước tiên là phải hội đủ cả năm yếu tố, tuy nhiên thiếu mất đi yếu tố thứ năm, đó là “*Loài Hữu Tình ấy vẫn chưa tử vong*”, và như vậy, hành động tạo tác của người ấy cũng vẫn chưa thành tựu một Nghiệp Đạo.

### **Trình Bày Việc Phân Chia Sát Mạng Nghiệp Lực Theo Phần Cực Đại Tội (*Mahàsàvajja*) Và Hy Thiểu Tội (*Appasàvajja*)**

Đối với tội lỗi mà phải bị đón nhận từ ở nơi việc sát mạng loài Hữu Tình ấy, thì cũng tùy thuộc vào loài Hữu Tình ấy có sắc thân to lớn hoặc nhỏ bé, và có Giới Pháp hay là không có Giới Pháp. Nếu như loài Hữu Tình mà bị sát mạng ấy, là loài Hữu Tình to lớn, chẳng hạn như là voi, ngựa, bò, trâu, v.v. thì có rất nhiều tội lỗi, gọi là *Cực Đại Tội (Mahàsàvajja)*, là vì *Bọn Tổng Hợp Mạng Cứu (Jivita navakakalàpa)* của loài Hữu Tình này phải bị hủy diệt với số lượng là vô số. Đối với loài Hữu Tình mà bị sát mạng ấy, lại là loài Hữu Tình nhỏ bé, chẳng hạn như là kiến, muỗi, v.v. thì có chút ít tội lỗi, gọi là *Hy Thiểu Tội (Appasàvajja)*. Và giữa loài Hữu Tình Bàng Sanh với Nhân Loại, thì sát mạng Nhân Loại thì có nhiều tội lỗi hơn sát mạng loài Bàng Sanh, là vì Nhân Loại là loài Hữu Tình cao quý hơn loài Hữu Tình Bàng Sanh. Còn đối với giữa các hàng Nhân Loại lẫn nhau, nếu như sát mạng người có đức hạnh ở trong Giới Pháp, chẳng hạn như là vị Tỳ Khưu, Sa Di, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, v.v. thì có rất nhiều tội lỗi. Nếu như người bị sát mạng là người không có đức hạnh, chẳng hạn như là bọn đạo tặc, kẻ ác nhân, v.v. thì có chút ít tội lỗi. Đối với người sát hại Cha, Mẹ, bậc Alahán Vô Sinh ấy, thì tội lỗi thuộc cùng hung cực ác, đặc biệt nặng nề, và đó là thành *Vô Gián Nghiệp Lực*. Nếu như người bị sát mạng ấy, rằng theo sắc tướng hình dạng lại bằng nhau, rằng theo Ân Đức Pháp cũng bằng nhau, thì cần phải phán xét theo *Sự Nỗ Lực (Payoga – Phán Đấu)*, tức là ngay trong sát na sát mạng ấy, là phải dùng rất nhiều sự nỗ lực hoặc chỉ có chút ít sự nỗ lực. Nếu như phải dùng rất nhiều sự nỗ lực thì có rất nhiều tội lỗi, và nếu như chỉ dùng chút ít sự nỗ lực thì có chút ít tội lỗi.

Lại nữa, người tạo tác việc Sát Mạng ấy, là một người có sự hiểu biết rằng “*việc tạo tác như vậy là bất thiện, có tội lỗi, và không nên làm*”, tuy nhiên vẫn cứ phải thực hiện do bởi bất luận một lý do nào đi nữa. Và lại có một người khác, không có sự hiểu biết rằng “*việc tạo tác như vậy là bất thiện, có tội lỗi, và không nên làm*”. Giữa cả hai hạng người này, thì người tạo tác việc sát mạng mà không

có hiểu biết rằng là bất thiện ấy, thì thường phải bị tội lỗi nặng nề hơn là người có sự hiểu biết ấy là điều bất thiện. Tất cả sự việc này là cũng vì người không có được liễu tri điều bất thiện, thường là người kết hợp với Tà Kiên, vì thế mới phải bị đón nhận rất nhiều tội lỗi, và làm thành *Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)*. Ví như người thợ rèn đã đun thỏi sắt cho đến nóng đỏ rồi tự lấy đem để lên trên người của mình, thì nhận biết được rằng thỏi sắt ấy rất nóng. Như thế, một khi cần phải dùng bàn tay mà cầm lấy thỏi sắt ấy thì ắt hẳn là phải nhận thức và biết lượng tính ở trong sức nóng cực độ của nó mà không thể nào dùng lấy bàn tay mà chạm vào và chỉ phải đón nhận một chút ít sức nóng ấy được. Có một nam nhân khác đi đến ở đằng sau, được trông thấy thỏi sắt đang để ở nơi đó, và không được biết rằng thỏi sắt đang là rất nóng. Nam nhân này khởi lên sự hiếu kỳ, và rồi đã dùng bàn tay cầm lấy thỏi sắt ấy lên. Với độ nóng cực điểm của thỏi sắt ấy ắt hẳn đã làm cho bàn tay của nam nhân này phải bị cháy bỏng đi, khác biệt hẳn với người thợ rèn. Điều này như thế nào thì “*người nhận biết được rằng hành động tạo tác như vậy là bất thiện*” với “*người không được nhận biết rằng hành động tạo tác như vậy là bất thiện*” thì ắt hẳn phải bị đón nhận sự tội lỗi rất là khác biệt cũng tương tự như thế ấy.

**Có Sáu Thể Loại Nỗ Lực (*Payoga – Phấn Đấu*), đó là:**

*Sàhatthiko àṇattiko      Nissaggiyo ca thàvaro*  
*Vijjāmāyo iddhimāyo      Payogā chayime matā*

Nên hiểu biết về *Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)* tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại, đó là:

1. *Tự Chế Thủ Công (Sàhatthika)*: Sự nỗ lực do tự nơi bản thân mình thực hiện.
2. *Mệnh Lệnh (Àṇattika)*: Sự nỗ lực bằng cách sai bảo để cho người khác thực hiện.
3. *Phóng Khí (Nissaggiya)*: Sự nỗ lực với việc quăng ném vũ khí, liệng vũ khí, v.v.
4. *Kiên Cố (Thàvara)*: Sự nỗ lực với việc tạo dựng các vật dụng sát hại một cách kiên cố, có việc đào hầm hố nguy trang, làm ra con dao, làm sợi dây treo, v.v.
5. *Ma Thuật (Vijjāmāya)*: Sự nỗ lực với việc sử dụng các loại thần chú và ma thuật.
6. *Thần Lực (Iddhimāya)*: Sự nỗ lực với việc sử dụng thần thông ở phần *Quyền Thuật Nghiệp Lực (Kammajiddhi)* của mình, chẳng hạn như trừng mắt nhìn chăm bẵm, và gõ vào răng nanh của mình, v.v.

1. *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sàhatthikapayoga)*: có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Sassa hattho = Sahattho*”- “*Sahatthena nibbatto = Sahatthiko*”- Bàn tay của mình, gọi là *Tự Chế Thủ Công (Sahattha)*. Khởi sinh sự nỗ lực bằng với chính bàn tay của mình, gọi là *Tự Chế Thủ Công*, lập ý đến việc đâm chém với con dao, đánh đập với gậy gộc, v.v.

2. *Mệnh Lệnh Nỗ Lực (Àṇattikapayoga)*: có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Àṇapanam = Àṇatti*”- “*Àṇattiyà nibbatto = Àṇattiko*”- Việc sai bảo người khác, gọi là *Mệnh Lệnh*, tức là (*Àṇatti*). Khởi sinh sự nỗ lực qua việc sai bảo người khác, gọi là *Mệnh Lệnh (Àṇattika)* ấy, lập ý đến việc sai bảo qua lời nói, sai bảo qua văn tự, sai bảo bằng với việc ra các hiệu lệnh, như gật đầu, nháy mắt, chỉ tay, v.v.

3. *Phóng Khí Nỗ Lực (Nissaggiyapayoga)*: có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Nissajjanam = Nissaggo*”- “*Nissaggena nibbatto = Nissaggiyo*”- Việc thả hoặc ném quăng, gọi là *Phóng Khí (Nissagga)*. Khởi sinh sự nỗ lực qua việc thả hoặc ném quăng vũ khí, gọi là *Phóng Khí (Nissaggiya)*, lập ý đến việc ném con dao, phóng cây lao, liệng ngọn giáo, bắn cung, ném bom, quăng hòn đá, v.v.

4. *Kiên Cố Nỗ Lực (Thàvarapayoga)*: lập ý đến việc tạo dựng các vật dụng sát hại, chẳng hạn như việc đào hầm hố để cho người hoặc loài Hữu Tình phải bị rớt vào, chôn những chông gai; tạo ra những vũ khí như có dao, súng, cung tên, bom, v.v. để dùng vào trong việc tàn sát. Điều này trình bày cho được biết rằng người tạo ra các loại vũ khí, như đã vừa đề cập đến tại đây, là do bởi có “*Quái Tử Thủ Tư Tác Ý (Vadhakacetanà – Sát Nhân Giả Tư Tác Ý)*”. Và nếu như bất luận có một người nào đã cầm lấy các loại vũ khí ấy để sử dụng cho được thành tựu trong việc sát hại, thì người tạo ra các loại vũ khí ấy, cho dù thật sự chẳng phải chính tự nơi mình cầm lấy để sát hại đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn phải bị rơi vào Nghiệp Sát Mạng tội lỗi ấy tương tự như nhau, là vì có liên quan đến việc *Kiên Cố Nỗ Lực*.

5. *Ma Thuật Nỗ Lực (Vijjāmayapayoga)*: có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Vijjāya nibbatto = Vijjāmāyo*”- Khởi sinh sự nỗ lực qua việc sử dụng các loại thần chú và ma thuật, gọi là *Ma Thuật (Vijjāmāya)*.

Có rất nhiều thể loại tạo tác dẫn đến thành tựu trong việc Sát Mạng qua việc sử dụng ma thuật thần chú, chẳng hạn như tạo ra lá bùa, ghi tên ngày, tháng của kẻ thù, rồi đem đi đốt, đem đi chôn, đánh đập vào lá bùa, để làm cho kẻ thù ấy phát sanh lên trạng thái ngã lã ra ốm bệnh và phải dẫn đến mạng vong. Hoặc sử dụng việc đọc kệ chú ma thuật để làm cho kẻ thù ấy phải bị mạng vong. Hoặc việc tạo nặn ra hình tượng của kẻ thù, rồi đem đi chôn, đem đi đốt, đánh đập vào tượng hình ấy, làm cho kẻ thù ấy phải bị mạng vong. Hoặc lấy quần áo y phục của kẻ thù đến tụng đọc kệ chú ma thuật, rồi thiêu đốt đi, để làm cho kẻ thù ấy phải bị mạng

vong. Hoặc sai bảo xui khiến bọn Ác Ma Quỷ dữ, Chư Thiên đi đến quấy rối để làm cho kẻ thù ấy phải dẫn đến sự mạng vong, v.v.

6. *Thần Thông Nỗ Lực (Iddhimayapayoga)*: có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Iddhiya nibbatta = Iddhimayo*”- Khởi sinh sự nỗ lực qua việc sử dụng thần thông, gọi là *Thần Lực (Iddhimaya)*.

Tại nơi đây, lập ý lấy *Thần Thông* được sinh khởi do bởi nương vào *Nghiệp Lực*, gọi là *Quyền Thuật Nghiệp Lực (Kammajiddhi)*. Chẳng hạn như tích truyện Đức Vua *Pitu* sinh sống ở trong Đảo Quốc *Lankà (Tích Lan)* có được thần thông ở răng nanh. Đến một ngày nọ, có sự oán hận với bá hộ *Cùlasumana*, thế rồi nhà vua đã gõ vào chiếc răng nanh của mình, và đã khiến cho bá hộ *Cùlasumana* ấy phải dẫn đến sự tử vong ngay tức thì. Và tích truyện nhà vua *Vessuvanṇa (Đa Văn Thiên Vương – còn gọi là Vua Kuvera)* trú ngụ ở hướng Bắc của Tu Di Sơn, Ngài là vị cai quản tất cả Quỷ Thần Dạ Xoa (*Yakkha devatà*). (Xin xem lại quyển I – Chương V – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Phần Tứ Đại Thiên Vương). Trong khoảng thời gian vẫn chưa thành tựu Quả vị bậc Thánh, đã từng sát hại bọn Dạ Xoa tùy tùng của mình qua việc tròng mắt nhìn chăm bẵm, và đã làm cho bọn Dạ Xoa với số lượng vô số ấy phải bị tử vong, chẳng hạn như vậy.

### **Trình Bày Trong Điều Nói Rằng “Làm Cho Mạng Sống Của Loài Hữu Tình Ấy Phải Bị Mất Đi Một Cách Mau Lẹ”**

Theo lẽ thường thì từng mỗi Sắc Mạng Quyền có được tuổi thọ bằng với 17 cái Tâm. Trong khoảng thời gian khi vẫn chưa tròn đủ 17 sát na của Tâm, thì không có bất luận một điều nào có khả năng hủy diệt Sắc Pháp này cho phải bị diệt mất đi. Tiếp đến khi đã tròn đủ 17 sát na Tâm, thì cũng thường tự diệt mất. Khi đã là như vậy, thì việc nói rằng “*làm cho mạng sống của loài Hữu Tình ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ*” sẽ nên là như thế nào ? Điều này được giải đáp rằng chẳng phải lập ý chỉ lấy *Tư Tác Ý* trong việc sát mạng loài Hữu Tình này, thế nhưng việc làm cho từng mỗi Sắc Mạng Quyền phải bị hủy diệt đi một cách mau lẹ, đích thị chính là lập ý đến sự việc làm cho Sắc Mạng Quyền sanh khởi nối tiếp với nhau suốt trọn tuổi thọ của người ấy cho phải bị cắt đứt đi một cách mau lẹ, không còn tiếp tục sanh khởi nối tiếp với nhau được nữa.

Giải thích rằng thông thường từng mỗi *Bọn Tổng Hợp Mạng Cứu (Jivitanavakalàpa)* ấy, là không có việc tự tiện diệt mất đi được, thường là có mãnh lực ở trong việc giúp đỡ bảo hộ cho *Bọn Tổng Hợp Mạng Cứu* khởi sanh mới lại, y như thế với từng mỗi cái Tâm, một khi đã diệt mất rồi lại thường làm thành năng duyên giúp đỡ bảo hộ cho cái Tâm mới sanh khởi nối tiếp với mãnh lực *Vô Gian Duyên* và *Đẳng Vô Gian Duyên*. Vì thế, một khi xác thân mà phải bị hủy diệt do bởi các loại vũ khí, như có súng, dao, gậy gộc, v.v. thì *Bọn Tổng Hợp Mạng*



*Cửu* và *Sắc Đại Hiện Nghiệp* (**Kammajamahabhùtarùpa**) đang sanh cùng khắp ở trong cơ thể ấy, ắt hẳn là phải bị hủy diệt, thì đã làm cho suy giảm năng lực đi. Mặc dù sẽ nói được rằng *Sắc Pháp* một khi vẫn chưa tròn đủ tuổi thọ của 17 sát na Tâm, thì thường không có việc tự diệt mất trước đi nữa, tuy nhiên *Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu* và *Sắc Đại Hiện Nghiệp* mà bị hủy diệt ở đây, thì đang có năng lực suy giảm. Và một khi tự bản thân đã có năng lực suy kém rồi, thì đến sát na diệt mới sẽ không có khả năng ở trong việc giúp đỡ bảo hộ cho *Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu* và *Sắc Đại Hiện Nghiệp* sanh khởi ở đằng sau cho được tròn đủ được. Như thế, việc sanh khởi nối tiếp với nhau của *Bọn Tổng Hợp Mạng Cửu* và *Sắc Đại Hiện Nghiệp* cũng ắt hẳn có năng lực suy giảm đi theo một cách tuần tự cho đến khi không còn có khả năng sẽ khởi sanh mới lại được nữa, thì chính ngay trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, loài Hữu Tình ấy đã phải tử vong.

Như thế mới nói được rằng việc *Sát Mạng* (**Pàṇàtipàta**) là “*làm cho mạng sống của loài Hữu Tình ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ.*”

### **Sự Phân Tích Trong Việc Sát Mạng Ở Thê Loại Chuyên Nhất (Uddissa) Và Bất Chuyên Nhất (Anuddissa)**

Trong cả hai thê loại *Nỗ Lực* (**Payoga**), đó là: *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực* (**Sàhatthikapayoga**) và *Phóng Khí Nỗ Lực* (**Nissaggiyapayoga**) đây, từng mỗi điều đã được chia ra làm hai thê loại, là:

1. *Chuyên Nhất (Uddissa)*: Việc sát mạng với sự chủ tâm.
2. *Bất Chuyên Nhất (Anuddissa)*: Việc sát mạng không có sự chủ tâm.

**1. Việc sát mạng với sự chủ tâm:** chẳng hạn như có một con cò trắng đang đậu ở trên lưng trâu. Kẻ sát nhân có sự chủ tâm sẽ bắn con cò trắng ấy, thế rồi đã nã đạn và trúng cò trắng ấy dẫn đến tử vong. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* (**Kammapatha**), và đã hoàn thành việc sát mạng một cách trọn vẹn. Tuy nhiên, nếu như không bắn trúng cò trắng mà trái lại trúng phải trâu chết, như vậy kẻ sát nhân đã không thành tựu việc sát mạng, bởi vì đã không hội đủ *yếu tố Nỗ Lực* (**Payoga**), đã thiếu mất ở trong điều **Vadhakacitta** (là có *Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy, Sát Nhân Giả Tâm*). Và sự *Nỗ Lực* tức là Tâm của người ấy đã không có chủ tâm sẽ sát mạng trâu kia, và sự nỗ lực ở trong việc sát mạng ấy cũng chẳng phải là sự nỗ lực để sẽ giết chết trâu. Ứng hợp như Ngài Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ* (**Pàràjikakaṇḍa Atthakathà**) và bộ *Chú Giải Tiểu Bộ Kinh* (**Khuddakapàṭha Atthakathà**) nói rằng: “**Uddissake yaṃ uddissa paharati tasseva maraṇena kammabaddho**”- Dịch nghĩa là: “*Trong việc sát mạng loài Hữu Tình một cách có sự chủ tâm ấy, đó là kẻ sát nhân có sự chú tâm để sát hại đối với bất luận một loài*



Hữu Tình nào, và nếu như chính ngay loài Hữu Tình ấy đã phải tử vong, thì mới sẽ phán quyết được rằng “đã thành tựu việc sát mạng”.

**2. Việc sát mạng không có sự chủ tâm:** chẳng hạn như kẻ sát nhân đã có được trông thấy có rất nhiều loài Hữu Tình với số lượng nhiều hơn một, và như thế đã có việc định bụng để sát hại không có sự chủ tâm bất kể là một con nào, trúng vào bất luận con nào cũng được. Thế rồi đã bắn hoặc đánh, hoặc chém vào loài Hữu Tình ấy sẽ phải tử vong với bao nhiêu con cũng được. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo (Kammapatha)*, và đã hoàn thành việc sát mạng một cách trọn vẹn. Nam nhân **K** đã có sự tức giận vào một con chó, và đã có sự chú tâm sẽ sát hại cho chết đi. Thế rồi đã đánh mạnh vào con chó ấy một cách dữ dội, ngẫu nhiên con chó ấy lại không phải chết mà chỉ có bị thương tích, và đã phải đón nhận sự đau đớn vô cùng. Tiếp đến, nam nhân **K** lại khởi sinh lên sự tức giận vào con chó ấy một lần nữa, tuy nhiên lần này không có sự chú tâm để sẽ sát hại, mà chỉ có việc đánh đập mà thôi. Thế rồi đã đánh mạnh vào, và con chó ấy đã phải đón nhận thêm nhiều thương tích. Vết thương mới đã bồi thêm vết thương cũ, đã làm thành tác nhân cho vết thương cũ trở nên trầm trọng thêm lên, và đã khiến cho con chó ấy phải tử vong. Như vậy tính được rằng nam nhân **K** đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo (Kammapatha)*, đó là *Sát Mạng Nghiệp Lực (Pàṇātipāta kamma)*. Nếu như con chó ấy đã chết do bởi việc bị đánh đập ở lần thứ hai, chỉ với việc bị đánh đập là chủ yếu, như vậy không tính được rằng nam nhân **K** đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, bởi vì không có *Tư Tác Ý* sẽ sát hại cho phải chết đi.

Như Ngài Giáo Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ (Pàràjikakaṇḍa Atthakathā)* nói rằng: “*Kiñcā pi paṭhama pahāro na sayameva sakkoti maretum, dutiyam pana labhitvā sakkonto jīvitavināsaṇa hetu ahoṣi, paṭhamapahāreneva kammabaddho yutto, na dutiyena tassa aññacittena dinnattā*”- Dịch nghĩa là: “Cho dù quả thật là việc đánh đập lần đầu sẽ không có khả năng cho dẫn đến phải tử vong với mãnh lực từ ở nơi việc đánh đập ấy đi nữa. Tuy nhiên khi đã phải đón nhận việc bị đánh đập ở lần thứ hai, thì vết thương bị đánh đập ở lần thứ nhất ấy sẽ làm thành tác nhân cho phải bị tử vong. Vì thế mới phải quyết định rằng *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* với việc bị đánh đập ở lần thứ nhất chỉ là ngần ấy, và không nên phán quyết lấy việc đánh đập ở lần thứ hai, bởi vì việc đánh đập ở lần thứ hai đã không có *Tư Tác Ý* là sẽ sát hại.”

Chiến sĩ ở trong bãi chiến trường đã trông thấy kẻ địch chạy ngược chiều lại, thì một chiến sĩ đã cầm lấy thanh kiếm chém đứt đầu, tuy nhiên xác thân của người chiến sĩ đã bị chém ấy vẫn còn tiếp tục chạy được nữa, chính là do bởi mãnh lực của năng lực chạy ở ban đầu. Một chiến sĩ khác trông thấy như vậy, lại cầm lấy thanh kiếm chém bồi thêm lần nữa; đến đoạn này thì xác thân của người chiến sĩ ấy mới ngã lặn xuống tắt thở. Hỏi rằng người chiến sĩ nào là kẻ đã chém người ta thành người *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Sát Mạng*? Có rất nhiều vị Giáo Sư đã thẩm sát và đã cho nhận xét rằng người chiến sĩ thứ hai là người *Xâm Phạm Sát Mạng*

*Nghiệp Lực*. Tuy nhiên Ngài Giáo Sư Trưởng Lão tổ phụ (**Gottathera**) có sự hiểu biết ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã phán quyết rằng đích thị chính là người chiến sĩ chém người ta lúc ban đầu là người *Xâm Phạm Sát Mạng Nghiệp Lực*, chính là bởi do việc cắt đứt cả hai *Mạng Quyền* của người chiến sĩ ấy đã có liên quan đến từ ở nơi việc bị sát hại ở phút giây ban đầu đó vậy. Việc phán quyết của Ngài Giáo Sư Trưởng Lão tổ phụ này, thì Giáo Hội Tăng Đoàn đang kiết tập ở tại nơi đó đã cùng nhận xét *nhất trí (Ekachanda)* và đã đồng cùng với nhau thốt lên lời *Sàdhu “Lành Thay”*. Tiếp đến trong khoảng thời gian Ngài Đại Giáo Sư **Buddhaghosa** đã có được thâm sát đến câu chuyện này, và rồi đã có sự đồng quan điểm duyệt ý ở trong lời phán quyết của Ngài Giáo Sư Trưởng Lão tổ phụ, mới dẫn đến việc trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ (Pàràjikakaṇḍa Atthakathà)* nói rằng: **“Eko saṅghāme vegena dhāvato purissasa sīlaṃ asinā chindati asisakaṃ kàyabandhaṃ dhāvati tamaṅṅo paharivà pàteti, kassa kamma-patho hoti vutte upaḍḍhatthera gamanupacchedakassati mahaṃsu, àbhidhammika gottattathero sīlacchedakassati”**- Dịch nghĩa là: “*Kẻ chặt đứt đầu của người chiến sĩ đang chạy đến một cách mau lẹ ở trong bãi chiến trường với thanh kiếm, khi mà xác thân đã mất đầu vẫn còn đang chạy; và với một kẻ khác đã chém vào xác thân đang chạy đến cho ngã lăn xuống. Hỏi rằng việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo sẽ đến với ai ? Khi đã đặt câu hỏi như vậy rồi, thì một nửa số lượng của các Ngài Trưởng Lão đã có sự hiểu biết sai trật khi nói rằng người làm cho xác thân ngã lăn xuống đích thị chính là người Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Ngài Trưởng Lão tổ phụ thông suốt Tạng Vô Tỷ Pháp đã phán quyết dứt khoát rằng chính ngay kẻ chặt đứt đầu là người Xâm Phạm Nghiệp Đạo, hoàn thành Sát Mạng Nghiệp Lực một cách trọn vẹn.*”

### **Thẩm Đoán Trong Vấn Đề Tự Vỡ Nghiệp Lực (Attavinipàtakamma – Tự Sát Hại Mình)**

Người tự sát hại mạng sống của mình với bất luận trường hợp nào đi nữa, thì người ấy sẽ phải bị *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Sát Mạng* hay không ? Vấn đề này thì có một vài Ngài Giáo Sư đã nói rằng “*người mà tự sát hại cho phải mạng vong thì ắt hẳn là đã Xâm Phạm Sát Mạng Nghiệp Lực*” đã viện dẫn phần Pàli nói rằng: **“Kodhaṃ nissāya sattà satthaṃ àdāya attanāva attānaṃ paharanti, viṣaṃ khāḍanti, rajjuyā upabandhanti, papātaṃ patanti, evaṃ kodhavasena kālaṅkatā nirayādisu upapajanti”** (Trích ở trong bộ *Chú Giải Chương Thứ Nhất - Túc Sanh Truyện - Ekanipàtajataka*) - Dịch nghĩa là: “*Tất cả loài Hữu Tình đã tự sát hại mình bằng với vũ khí, uống thuốc tự vẫn, lấy dây thắt cổ, nhảy xuống vực thẳm do đã dựa vào sự cừu hận. Một khi người ấy đã chết đi với mãnh lực của sự cừu hận như đã vừa đề cập đến, thì ắt hẳn sẽ phải đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ như có Địa Ngục, v.v.*”

Tuy nhiên việc thẩm đoán của một vài nhóm vị Giáo Sư ấy đã là không trúng, tức là đã không có việc thẩm sát một cách cẩn trọng, bởi vì điều Pàli đã được viện dẫn để đề cập đến ấy, là Đức Phật Ngài đã lập ý đến “*chính là do bởi dựa vào sự cừu hận mà đã sát hại người khác trước rồi sau đó mới tự sát hại mình, và vì thế mới phải bị đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục.*” Như thế, Đức Thế Tôn mới lập ý khái thuyết đề ở trong *Chương Thứ Nhất - Túc Sanh Truyện* cũng trong cùng một tích truyện như vậy: “***Vihadakajàtikà pi diṭṭheva dhamme garahaṃ patvā kāyassa bhedaṃ nirayadisu upapajjanti***”- Dịch nghĩa là: “*Với hạng người mà có tính khí để hành hạ và sát hại người khác thì ắt hẳn phải bị đốn nhận sự chỉ trích từ ở nơi người khác trong khoảng thời gian khi vẫn còn sinh mạng. Và một khi đã tử vong rồi, thì ắt hẳn phải đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ, có Địa Ngục, v.v.*” Vì lý do như vậy mới trình bày cho thấy rằng “*chỉ mỗi một việc tự sát hại mình mới không coi đó là việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo - Sát Mạng Nghiệp Lực.*”

Lại nữa, trong cả năm loại Chi Pháp của Sát Mạng Nghiệp Lực, thì người tự sát hại mình ắt hẳn đã không hội đủ năm Chi Pháp, bởi do đã thiếu đi yếu tố ***Pāṇasaññitā*** (biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng) có nghĩa là ở trong điều nói rằng “*loài Hữu Tình có sinh mạng*” tại đây không có lập ý “*lấy chính bản thân mình*” mà chỉ lập ý lấy “*các loài Hữu Tình khác*” ngoài ra tự bản thân mình vậy. Thế là việc tự sát hại mình mới không hoàn thành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, thành tựu *Sát Mạng Nghiệp Lực* được. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày đề ở trong bộ *Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh (Sāratthadīpanīṭikā)* và bộ *Phụ Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi (Vimativinodanīṭikā)* nói rằng: “***Attānaṃ muñcivā parapāṇimhi pāṇasaññitā lakkhaṇassa aṅgassa abhāvato nevatthi pāṇatipāto***”- Dịch nghĩa là: “*Nhất định là Sát Mạng Nghiệp Lực thường không có đối với người tự sát hại mình đến mạng vong, do bởi thiếu mất đi Chi Pháp Pāṇasaññitā đó là “biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng” ngoài ra tự bản thân mình.*”

### **Thẩm Đoán Sát Mạng Nghiệp Lực Đối Với Người Sẽ Phải Mạng Vong Với Diệt Nghiệp Thọ Tử Vong**

Người phải mạng vong với *Diệt Nghiệp Thọ Tử Vong (Sarasamaṇa)* là lìa khỏi cuộc đời với *Nghiệp* đã dứt (***Kammakkhaya***) và *Thọ* đã diệt (***Āyukkhaya***). Giả sử như có người sẽ phải từ trần trong ngày hôm nay vào khoảng thời gian độ 17: 00 do bởi *Nghiệp* đã dứt và *Thọ* đã diệt. Ngẫu nhiên trong thời gian 17: 00 ấy, có kẻ cựa thù lên đến sát hại và đã làm cho người ấy phải lìa đời. Như vậy kẻ sát hại ấy sẽ *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Sát Mạng* hay không? Giải đáp rằng “*kẻ sát hại không Xâm Phạm Nghiệp Đạo bởi vì không hội đủ năm Chi Pháp, bởi do đã thiếu mất điều Tenamaṇaṃ là loài Hữu Tình ấy phải tử vong do bởi sự cố quyết ấy.*”

Như thế Ngài Trưởng Lão ***Ānanda*** mới trình bày đề ở trong bộ *Phụ Chú Giải Căn Gốc Ngữ Tông (Kathāvatthumūlaṭṭikā)* nói rằng: “***Attano dhammatāya***

*marantaṃ koṭṭentassa và sissama và chindantassa natthi paṇātipātoti ācariya vadanti*”- Dịch nghĩa là: “Tất cả Ngài Giáo Sư nói rằng Sát Mạng Nghiệp Lực ắt hẳn là không có đối với kẻ sát hại qua việc hành hạ, hoặc qua việc chặt đứt đầu của người sẽ tự tử một cách thường nhiên”. Câu chuyện về người sẽ mạng vong với Diệt Nghiệp Thọ Tử Vong đây, thuộc thể loại thật là khó hiểu biết, và với người không có được Vị Lai Thắng Trí (*Anāgataṃsa abhiññā*) thì nhất định không thể nào hiểu biết được. Và chỉ có việc suy đoán hoặc sử dụng phương pháp tiên đoán theo chiêm tinh học ngần ấy mà thôi. Vì thế, trong việc nêu lên câu chuyện này để trình bày và để thẩm đoán là cũng để cho hiểu biết rằng “nếu như có khởi sinh lên dạng thức câu chuyện ở thể loại này thì cũng cần phải quyết đoán cho hiện hành như đã vừa nói ở tại đây.”

### Thẩm Đoán Liên Quan Với Việc Sát Mũ Nghiệp Lực (*Mātughātakamma*) Và Sát Phụ Nghiệp Lực (*Pitughātakamma*)

Con trẻ là hàng Nhân Loại mà sát hại người Cha cũng cùng là hàng Nhân Loại với nhau, tuy nhiên người Cha ấy đã được biến đổi giới tính trở thành hạng nữ nhân. Hoặc con trẻ là hàng Nhân Loại mà sát hại người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sanh. Hoặc con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sanh mà sát hại người Cha là hàng Nhân Loại. Hoặc con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sanh mà sát hại người Cha cũng cùng là loài Hữu Tình Bàng Sanh với nhau. Cả bốn trường hợp hành động tạo tác của con trẻ đây, thì với hành động tạo tác của trường hợp nào là *Sát Phụ Nghiệp Lực* ?

Giải đáp rằng:

+ Trường hợp con trẻ thứ nhất mà sát hại người Cha cũng cùng là hàng Nhân Loại với nhau. Cho dù người Cha ấy đã chuyển đổi giới tính trở thành nữ nhân đi nữa, thì hành động tạo tác ấy cũng vẫn sắp thành *Sát Phụ Nghiệp Lực*.

+ Còn hành động tạo tác của trường hợp con trẻ thứ 2 – 3 – 4 với người Cha, qua việc không cùng là hàng Nhân Loại với nhau ấy, thì sắp là bất thành *Sát Phụ Nghiệp Lực*, tuy nhiên cái Nghiệp Lực này cũng được tính là loại Nghiệp Lực nghiêm trọng xấp xỉ với *Sát Phụ Nghiệp Lực*.

Đối với việc sát hại người Mẹ cũng hiện hành trong cùng một phương thức như vậy. Như thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodanī Atthakathā)*, bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Atthakathā)*, và bộ *Chú Giải Ngũ Thập Thượng Phần (Uparipāṇāsaka Atthakathā)* nói rằng: “*Manussabhūtasevamanussabhūtaṃ mātaraṃ pitaraṃ và api parivattaliṅgaṃ jīvita voropentassa kammaṃ ānantariyaṃ hoti, yo pana sayama manussabhūto tiracchānabhūtaṃ mātaraṃ pitaraṃ và, sayama và tiracchānabhūto manussabhūtaṃ, tiracchānoyeva và tiracchānabhūtaṃ jīvita voropeti, tassa kammaṃ ānantariyaṃ nahoti, bhāriyaṃ pana hoti, anantariyaṃ*

**àhacceva tiṭṭhati**”- Dịch nghĩa là: “Chỉ có con trẻ là hàng Nhân Loại mà sát hại người Mẹ, người Cha, cho dù đã chuyển đổi giới tính đi nữa, thì hành động tạo tác của con trẻ này sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực, tức là Sát Mẫu Nghiệp Lực, Sát Phụ Nghiệp Lực. Tự bản thân người nào là hàng Nhân Loại mà sát hại người Mẹ, người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sanh; hoặc tự bản thân là loài Hữu Tình Bàng Sanh mà sát hại người Mẹ, người Cha là hàng Nhân Loại; hoặc tự bản thân là loài Hữu Tình Bàng Sanh mà sát hại người Mẹ, người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sanh, thì hành động tạo tác của cả ba nhóm người này bất thành Vô Gián Nghiệp Lực, tức là bất thành Sát Mẫu Nghiệp Lực, Sát Phụ Nghiệp Lực. Tuy nhiên cũng sắp được thành loại Nghiệp Lực nghiêm trọng, và hẳn nhiên là hiện hữu sát cận với Vô Gián Nghiệp Lực.”

Trình bày câu **Kệ Hãn Hạ Giải (Sedamocanagàthà)** (câu kệ này rất là khó nghĩ suy đến nỗi phải vã ra mồ hôi) liên quan với Vô Gián Nghiệp Lực:

**Atthim hane na màtaram purisañca na pitaram hane  
Haneyya anariyam mando tena cànantaram phuse  
Pañhà mesà kusalehi cinditā.**

Dịch nghĩa là: “Kẻ thiếu trí sát hại người nữ, người nam mà chẳng phải là người Mẹ, người Cha và chẳng phải là bậc Thánh; tuy nhiên kẻ ấy ắt hẳn dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực do bởi căn cứ vào việc sát hại đó. Bậc hiền trí nên thâm sát vấn đề này.”

Lời giải đáp ở trong câu Kệ này, lập ý nhằm là “con trẻ sát hại người Mẹ, người Cha mà đã chuyển đổi giới tính”, vì thế mới thành Vô Gián Nghiệp Lực; tức là người Mẹ đã chuyển đổi giới tính thành nam nhân, người Cha đã chuyển đổi giới tính thành nữ nhân. Và như thế, nam nhân ấy cũng chẳng phải là người Cha, nữ nhân ấy cũng chẳng phải là người Mẹ. Vì thế cho nên Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ **Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapàsàdika Atthakathà)** nói rằng: “**Ayam pañhà liṅgaparivattena itthibhūtaṃ pitaram purisabhūtañca màtaram sandhaya vuttā**”- Dịch nghĩa là: “Vấn đề này thì Đức Phật đã lập ý đến người Cha đã chuyển đổi giới tính thành nữ nhân, người Mẹ đã chuyển đổi giới tính thành nam nhân.”

**Atthim hane ca màtaram purisañca pitaram hane  
Màtaram pitaram hantavā na tenānantaram phuse  
Pañhà mesà kusalehi cinditā.**

Dịch nghĩa là: “Con trẻ sát hại nữ nhân mà đích thực là người Mẹ, và sát hại nam nhân mà đích thực là người Cha; thì cho dù đã sát hại hạng người Mẹ,



người Cha rồi, con trẻ ấy cũng sắp là bất thành Vô Gian Nghiệp Lực. Bậc hiền trí nên thẩm sát vấn đề này.”

Lời giải đáp ở trong câu Kệ này, lập ý nhằm là “sát hại người Mẹ, người Cha mà đó là loài Hữu Tình Bàng Sanh, và con trẻ là hàng Nhân Loại. Vì thế mới bất thành Vô Gian Nghiệp Lực.” Chẳng hạn như *Migasiṅgātāpasa* có người Mẹ là một loài nai, và sư tử con *Sihabāhukumāra* có người Cha là hạng Sư Tử Vương *Rājasīha*, và sư tử con *Sihabāhukumāra* này đã sát hại Sư Tử Vương đã là người Cha của mình mất đi.

Như thế Ngài Chú Giải Sư mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapāsādikā Atthakathā)* nói rằng: “*Ayaṃ pañhā miga siṅgātāpasa sihakumārādīnaṃ viya tiracchāna mātāpitaro sandhāya vuttā*”- Dịch nghĩa là: “Vấn đề này, Ngài lập ý nhằm lấy người Mẹ, người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sanh tương tự với người Mẹ, người Cha của *Migasiṅgātāpasa* và sư tử con *Sihakumārādīnaṃ* v.v.”

### Thẩm Đoán Kẻ Sát Hại Người Cha Mà Không Nhận Thức Đó Là Người Cha

Con trẻ sát hại người Cha mà không nhận thức đó là người Cha của mình, và người Cha đã bị sát hại đó cũng không nhận thức đó là con trẻ của mình, như vậy sẽ sắp thành Vô Gian Nghiệp Lực hay không ?

Điều này giải đáp rằng: “Cho dù sẽ không nhận thức được rằng cùng là người Cha và con trẻ với nhau, tuy nhiên dựa theo thực tính thì quả thực là kẻ sát nhân và người bị sát hại cùng là người Cha và con trẻ với nhau, do vậy mới vẫn phải sắp thành Vô Gian Nghiệp Lực.”

Vì thế cho nên Bậc Đại Giáo Thọ Sư mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Luật Đại Phẩm (Vinayamahāvagga Atthakathā)* nói rằng: “*Sace pi hi vesiyā putto hoti, ayaṃ ye pitāti najānāti, yassa sambhavana nibbatto pita so ce anena ghātito pitughātakotevva saṅkhayaṃ gacchati anantariyañca phusati*”- Dịch nghĩa rằng: “Cho dù sẽ là con trai của một nàng kỹ nữ mà không nhận thức được rằng nam nhân ấy là người Cha của mình đi nữa, tuy nhiên do căn cứ vào chất tình dịch của người nam nào đã cho mình sự sản sinh thì chính vị nam nhân ấy đã là người Cha của mình. Nếu như người con trai ấy sát hại nam nhân mà đã cho mình sự sản sinh thì cũng bị liệt vào kẻ sát hại người Cha, và ắt hẳn dẫn đến thành Vô Gian Nghiệp Lực.”

Con trẻ sát hại người Cha, người Mẹ bởi do đã có sự hiểu biết sai lầm, do đã nghĩ rằng đó chỉ là loài Hữu Tình hoặc là kẻ đạo tặc, như vậy vẫn sắp thành Vô Gian Nghiệp Lực.

+ Chẳng hạn như tích truyện một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại một con dê thường ưa thích lên đến ăn cây trồng của ông ta vào lúc giữa đêm khuya. Như thế trong một ngày, vào lúc nửa đêm đúng thời gian dê lại đến ăn, thì nam nhân ấy đã

cầm súng ra để bắn dê, ấy mà bất chợt trong thời điểm ấy, người Mẹ hoặc người Cha của anh ta đang ngồi đúng ngay chỗ dê đã từng đi đến. Nam nhân ấy đã hiểu biết sai lầm để nghĩ rằng đó chỉ là dê đã đến, và vì lẽ lúc ấy đã là thời gian giữa đêm khuya việc nhìn thấy lại không được rõ ràng, nên đã bắn trúng vào người Cha hoặc người Mẹ phải tử vong.

+ Hoặc có một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại kẻ đạo tặc lên vào trong khu vực nhà ở của mình giữa đêm khuya. Ngay khi vừa trông thấy cái bóng của người bước vào trong khu vực nhà ở, thì liền hiểu biết đó là kẻ đạo tặc, nên đã vội cầm lấy súng bắn đi, nhưng ngẫu nhiên người đã bị bắn ấy chẳng phải là kẻ đạo tặc, mà trái lại là người Cha hoặc người Mẹ của mình đã bị trúng đạn và phải tử vong, bởi do sự hiểu biết sai lầm của con trẻ.

Vì thế, hành động tạo tác của cả hai nam nhân đã vừa đề cập ở tại đây, mới phải tính là đã dẫn đến thành *Vô Gián Nghiệp Lực*.

+ Người chiến sĩ ra ở ngoài bãi chiến trường trông thấy người Cha của mình đi đến cùng với người lính phía bên thù địch, thì cũng chủ tâm sẽ bắn các binh lính ấy cùng với nghĩ suy rằng “*nếu như các binh lính ấy đã bị bắn rồi, thì người Cha cũng sẽ được trốn thoát*”. Thế rồi đã thực hiện việc xạ thủ, nhưng bất chợt viên đạn lại trúng vào người Cha của mình và đã dẫn đến sự tử vong. Như vậy, hành động tạo tác của người chiến sĩ ấy có được sắp thành *Vô Gián Nghiệp Lực* hay không? Ngài Chú Giải Sư nói rằng “*không sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực, nhưng vẫn được gọi là kẻ sát phụ.*”

Cả ba tích truyện đã được nêu lên để trình bày ở tại đây, là đã được trích ở trong bộ *Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapàsàdika Atthakathà)*. Bậc Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Luật Đại Phẩm (Vinayamahāvagga Atthakathà)* nói rằng: “*Kẻ sát hại bậc Alahán Vô Sinh và nếu như bậc Alahán Vô Sinh ấy là bậc đã bị sát hại lại chẳng phải là thuộc hàng Nhân Loại, thì kẻ sát nhân cũng không dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực.*”

Trong bộ *Chú Giải* và *Phụ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodanī Atthakathā ca Tikā)* đã trình bày rằng: Bậc đang tiến tu *Thiền Minh Sát* khi vẫn chưa được thành tựu, và có một người nghĩ tưởng gây tổn thương đến vị hành giả ấy, bằng cách gây tổn thương đến cơ thể hoặc lén bỏ thuốc độc vào trong thực phẩm cho thọ thực. Vị hành giả ấy một khi đã bị gây tổn thương rồi, thì đã phải đón nhận sự khổ đau *thi dĩ khốc hình (phải bị thụ lãnh sự khổ đau vô cùng khốc liệt)*, tuy nhiên vẫn cứ nỗ lực tiến tu *Thiền Minh Sát* mãi cho đến đã chứng được Quả vị Alahán Vô Sinh, và rồi liền viên tịch do bởi tác hại của thương tích hoặc là do bởi mãnh lực độc tố đã thấm vào. Và như thế, kẻ gây ra tổn thương ấy ắt hẳn đã dẫn đến thành *Vô Gián Nghiệp Lực*, là vì cho dù *Tư Tác Ý Sát Mạng (Pāṇātipāta cetanā)* ở ngay trong sát na cái Tâm Động Lực thứ bảy ấy quả thật là sẽ có Cảnh Hiện Tại (*Paccuppanārammaṇa*) đi nữa, tuy nhiên đã có *Tư Tác Ý* để sẽ làm cho



việc diễn tiến tiếp nối với nhau của cả hai *Mạng Quyền* của bậc bị sát hại ấy phải bị cắt đứt đi, tức là cho phải bị tử vong.

### Thẩm Đoán Trong Việc Khẩn Cầu Cho Cắt Tay Chặt Chân

Tội nhân phải thụ lãnh đến án tội tử hình. Trong sát na nhà chức trách dẫn tội nhân đến để thi hành án tử, thì đã có một người có tấm lòng bi mẫn đến khẩn cầu xin với nhà chức trách ấy, xin cho được giảm bớt tội tử hình cho xuống đến tội chỉ là việc tòng xẻo cắt tay chặt chân. Nhà chức trách đã thực hiện theo lời khẩn cầu ấy, và như vậy, kẻ khẩn cầu cho cắt tay chặt chân của tội nhân ấy sẽ phải là Bất Thiện hay không? Giải đáp rằng “*chẳng phải là Bất Thiện, mà trái lại là Thiện Thí Sinh Mạng (Jīvitadānakusala)*.” Vì thế cho nên Ngài Trưởng Lão *Nāgasena* mới đề cập đề ở trong bộ *Vua Milinda Sở Vấn Kinh (Milindapañhā)* nói rằng: “*Na kiñci apuññaṃ àpajjeyya*”- Dịch nghĩa là: “*Người ấy chẳng phải bị dẫn đến Bất Thiện Nghiệp chút nào cả.*”

### Thẩm Đoán Đuôi Thạch Sùng Đã Bị Đứt Nhưng Vẫn Còn Được Nhúc Nhích

Người đã đập thạch sùng đứt đuôi, tuy nhiên khúc đuôi đã bị đứt ấy thì vẫn còn được nhúc nhích. Như vậy, sẽ nói rằng khúc đuôi đã bị đứt ấy vẫn còn có Tâm và Tâm Sở hay không? Giải đáp rằng: “*khúc đuôi đã bị đứt ấy thì đã không còn có Tâm và Tâm Sở, tuy nhiên vẫn còn được nhúc nhích ấy, là cũng bởi do việc diễn tiến sinh khởi nối tiếp với nhau từ ở nơi Sắc Quý Tiết Duyên Tâm (Cittapaccayautujarūpa)*. Tức là Sắc Pháp sanh khởi từ ở nơi Hỏa Đại Hiện (*Tejodhātu*) hiện hữu ở trong Tổng Hợp Sắc Tâm (*Cittajakalāpa*) và ở trong Sắc Quý Tiết Duyên Tâm này có Phong Khí Đại Hiện (*Samīraṇavāyodhātu*). Tức là Phong Đại Hiện (*Vāyodhātu*) đã tạo tác làm cho khởi sinh việc nhúc nhích, và chính ngay Phong Khí Đại Hiện này lại có liên quan từ ở nơi Tổng Hợp Sắc Tâm hiện đang sinh ở trong khúc đuôi ấy. Vì thế cho nên, một khi mãnh lực của Phong Khí Đại Hiện vẫn đang hiện hữu, thì khúc đuôi đã bị đứt ra ấy vẫn còn có sự nhúc nhích. Đến khi mãnh lực ấy đã chấm dứt thì khúc đuôi ấy cũng dừng nhúc nhích.”

### Thẩm Đoán Trong Vấn Đề Hữu Quan Với Đường Lối Y Học Và Đường Lối Khoa Học

1. Việc sử dụng thuốc hủy diệt mầm giống Tục Sinh của người nam chỗ được gọi là *Tinh Trùng (Spermatozoa)* để không cho có được cơ hội tương phối với mầm giống Tục Sinh của người nữ chỗ được gọi là *Noãn Châu (Ova* –

*Noãn Tử*) và như thế sẽ được liệt vào *Sát Mạng Nghiệp Lục (Pàṇātipāta – Sát Sinh)* hay không ?

2. Theo đường lối Y Khoa thì nói rằng: “*Các mầm giống bệnh tật (Roga), như có mầm giống bệnh dịch tả (Cholera), v.v. thường có việc di dịch tương tự loài Hữu Tình ở bên ngoài. Và có sự khởi phát hệ phân liệt tổ chất một cách mau lẹ, và bất tự hoại tử. Chỉ trừ khi sẽ bị hủy diệt với sự đốt nóng hoặc là với mãnh lực của thuốc tiêm mà thôi.*” Như thế, theo Y Học thì việc tiêm thuốc để hủy diệt những loại mầm giống bệnh này, sẽ là *Sát Mạng Nghiệp Lục (Pàṇātipāta)* hay không ?
3. Người ăn trứng vịt hoặc trứng gà mà không có con giống mầm tương phối, thì sẽ không được nói rằng đó đã là việc tự ngăn ngừa trong việc thọ thực loài Hữu Tình hữu sinh mạng, và như thế sẽ được liệt vào *Sát Mạng Nghiệp Lục* hay không ?

Tiếp theo đây, sẽ thẩm đoán các điều này như sau:

1. Việc hủy diệt mầm giống Tục Sinh của người nam, là nhằm để phòng bị không cho khởi sinh việc Tục Sinh, thì quả là không có *Xâm Phạm Sát Mạng Nghiệp Lục*. Là bởi vì mầm giống Tục Sinh của người nam chỗ được gọi là *Tinh Trùng (Spermatozoa)* đây, thì quả thật là cho dù có dựa theo đường lối Y Khoa sẽ nói rằng là “*di dịch*” đi nữa, tuy nhiên những mầm giống này là không có *Tâm Thức (Viññāṇa)* và ở trong Cõi Dục Giới ấy, các loài Hữu Tình thường là không thể nào sinh khởi mà không có *Tâm Thức* được. Vì thế, theo đường lối Phật Giáo mới không kể là loài Hữu Tình. Cho dù mầm giống Tục Sinh của người nam hoặc người nữ đi nữa, thì cũng chỉ là *Bọn Tổng Hợp Sắc Quý Tiết (Utujarūpakalāpa)* mà khởi sinh từ ở nơi *Tâm Khởi Sinh Tham (Lobhacittuppāda)* của người nam và nữ ấy, và lại có liên quan với *Nghiệp Lục* của loài Hữu Tình sẽ sinh ra. Và trong việc “*di dịch*” ấy, là cũng bởi vì trong những *Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)* ấy, thì đã có *Phong Đại Hiện (Vāyodhātu)* hiện hữu với trạng thái “*lay chuyển*” (*Samiraṇavāyo – Phóng Khí*) mới làm cho chuyển động được, và cũng tương tự như khúc đuôi đã bị đứt lìa khỏi thân rồi mà vẫn còn được nhúc nhích. Nên như việc hủy diệt này là việc hủy diệt ở trong giai đoạn mầm giống Tục Sinh của người nam và người nữ đã có được tương phối với nhau, cho đến sinh thành chủng nhi và đã có được *Thức Tái Tục (Paṭisandhiviññāṇa)* sanh khởi, thì như thế, hành động tạo tác ấy nhất định sẽ được liệt vào *Sát Mạng Nghiệp Lục*.

2. Theo đường lối Y Khoa, việc chích thuốc mà hủy diệt các mầm giống bệnh ấy, thì không có liệt vào *Sát Mạng Nghiệp Lục* được, là bởi vì những mầm giống bệnh ấy không có *Tâm Thức (Viññāṇa)*, và đó chỉ là *Bọn Tổng Hợp Sắc Quý Tiết (Utujarūpakalāpa)* mà có liên quan với, hoặc là *Bất Thiện Nghiệp Lục*, hoặc là sanh từ ở nơi *Quý Tiết Ngoại* và *Quý Tiết Nội*, hoặc là có liên quan với thực phẩm. Và trong sự việc các mầm giống bệnh ấy có “*việc di dịch tương tự loài*

Hữu Tình ở bên ngoài” là cũng do mãnh lực từ ở nơi Phong Đại Hiến (*Vayo dhātu*) hiện hữu ở trong các *Bộn Tổng Hợp Sắc Pháp* ấy, như đã có được giải thích ở trong điều thứ nhất. Và mầm giống bệnh khởi phát lên mau lẹ và vô số là cũng do mãnh lực từ ở nơi Phong Đại Hiến hiện hữu ở trong các *Bộn Tổng Hợp Sắc Pháp* ấy, và đã làm cho *Bộn Tổng Hợp Sắc Pháp* khởi sinh lên nối tiếp với nhau nhiều vô số lượng. Tương tự như cây mà đã được đón nhận sự nóng và lạnh rồi, thì sẽ phát triển xanh tươi tốt đẹp, đâm chồi cành nhánh mọc ra. Hoặc giống như cỏ chỉ cần đem trồng lấy một lần, tiếp đến xanh tươi tốt đẹp và mọc ra hàng trăm hàng ngàn ngọn cỏ cho đến không thể nào đếm xuể như thế vậy. Và trong sự việc các loại mầm giống bệnh này không có tự hoại diệt (*bất tự hoại tử*), là trình bày cho nhận thức được rằng các loại mầm giống bệnh này chẳng phải là loài Hữu Tình (*chẳng phải là chúng sinh*), vì lẽ nếu đã là loài Hữu Tình (*chúng sinh*) thì phải có việc tử vong theo hạn định thời gian. Do đó, các mầm giống bệnh ấy, cũng có thể thực tính tương tự với rỉ sét bám lấy sắt, hoặc giống như là rêu (*địa y*) bám theo vách tường vậy. Nếu như việc chích thuốc hoặc uống thuốc để làm cho hủy diệt con giun sán ở trong ruột, v.v. thì cũng liệt vào *Sát Mạng Nghiệp Lực*, là bởi vì các loại giun sán ấy có *Tâm Thức (Viññāṇa)* và có được hiện bày cho được thấy về sự sống và sự chết. Tuy nhiên, hành động tạo tác ở thể loại *Sát Mạng Nghiệp Lực* này, thì chỉ có một chút ít tội lỗi ngàn ấy mà thôi, là vì loài Hữu Tình bị sát hại ấy, là loài Hữu Tình chẳng có chút ít lợi ích nào cả, và lại chỉ cho điều tác hại khổ đau. Và nếu như người hủy diệt ấy, lại có *Tư Tác Ý* để sẽ giúp cho người ta được đón nhận sự an lạc và cho mạng sống được tiếp nối lâu dài, thì trái lại điều ấy lại là thể loại *Thiện Nghiệp Lực*, và lại đã làm cho *Thiện Thí Sinh Mạng (Jīvitadānakusala)* được khởi sinh.”

3. Người ăn trứng vịt hoặc trứng gà mà không có con giống mầm tương phối, thì sẽ không được nói rằng đó đã là việc tự ngăn ngừa trong việc thọ thực loài Hữu Tình hữu sinh mạng, là bởi vì cho dù quả trứng ấy sẽ không có con giống mầm tương phối đi nữa, tuy nhiên ắt hẳn đã có loài Hữu Tình đi tục sinh rồi, và do vậy mới có việc hiện bày thành quả trứng.

Là bởi vì có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

*Methunaṃ colagahaṇaṃ                      Samsagga nābhyāmasanaṃ*  
*Pānaṃ dassanaṃ savanaṃ                      Ghāyanaṃ gabbhahetavo*

Dịch nghĩa là: “Có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

- Qua việc tính giao.
- Bằng cách lấy vải thấm tinh dịch của người nam bỏ vào trong cửa sản môn.
- Bằng cách người nam xúc chạm cơ thể.
- Bằng cách người nam xoa vuốt cái rốn.

- Bằng cách uống tinh dịch của người nam.
- Bằng cách ngắm nhìn vào cơ thể của người nam.
- Bằng cách lắng nghe âm thanh của người nam.
- Bằng cách được ngửi mùi hơi của người nam.

(Trích ở trong bộ *Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapàsàdika Atthakathà)*)

Việc đề cập ở tại đây, là trình bày cho được biết rằng: “Việc sản sinh của loài Hữu Tình ở trong thai phụ mãi cho đến thai bào đã được hiện bày, thì ngoài việc tương phối mầm giống của người nam ra, thì vẫn còn có thêm nhiều tác nhân khác nữa, để mà có khả năng làm cho loài Hữu Tình được sản sinh.” Với lý do này mà trứng gà hoặc trứng vịt, cho dù đã không có được tương phối với con trống đi nữa, thì ắt hẳn cũng đã có loài Hữu Tình sản sinh rồi.

### Trình Bày Tuần Tự Về Việc Thụ Thai Do Dựa Vào Tám Tác Nhân

1. **Tính Giao (Methunam):** qua việc tính giao. Điều này đã được hiện bày một cách rõ ràng, do đó không cần phải giải thích thêm nữa.

2. **Thô Bố Y (Colagahanam):** bằng cách lấy vải thấm tinh dịch của người nam bỏ vào trong cửa sản môn. Điều này đã có tích truyện trình bày như sau: “người nữ đã từng là vợ của Ngài **Udayi**, và đã lấy vải thấm tinh dịch của Ngài **Udayi** bỏ vào trong cửa sản môn của mình, tiếp đến thì nàng ta đã được thụ thai.”

3. **Tiếp Xúc (Samsaggo):** bằng cách người nam xúc chạm cơ thể. Điều này Ngài nói rằng: “người nữ đang khi có kinh nguyệt, và đã khởi sinh ái hà lai láng. Ngay trong thời gian ấy, nếu như có người nam đi đến và đụng chạm vào các bộ phận trên cơ thể của người nữ ấy, thì có thể đã làm cho người nữ ấy phải thụ thai.”

4. **Đỗ Tê Xúc Cảm (Nàbhiamasanam):** bằng cách người nam xoa vuốt cái rốn. “Chẳng hạn như nàng **Pàrikà** là người Mẹ của Ngài **Suvaññasàma**. Vào thời kỳ có kinh nguyệt thì đạo sĩ mặc áo vỏ cây (**Dukùla**) đã là Đấng Vương Phu, đã lấy tay xoa vuốt vào cái rốn của nàng. Tiếp đến thì nàng ta đã thụ thai và đã hạ sanh ra Ngài **Suvaññasàma**”.

5. **Ấm Liệu (Pànam):** bằng cách uống tinh dịch của người nam. “Chẳng hạn như tích truyện đạo sĩ **Migasiṅga** là con trẻ của nàng hươu xạ hương. Vào thời kỳ có kinh nguyệt thì đã uống nước tiểu (**Passàva**) có tinh dịch trộn lẫn ở bên trong của một vị đạo sĩ. Tiếp đến thì nàng hươu xạ hương ấy đã thụ thai, và đã cho ra đời một đứa con trai thuộc hàng Nhân Loạ, đích thị chính là đạo sĩ **Migasiṅga** ấy vậy.”

6. **Quan Sắc (Dassanam):** bằng cách ngắm nhìn vào cơ thể của người nam. “Chẳng hạn như tích truyện nàng cung phi của một vị Vua trị vì đảo quốc

Lankà, đã đứng ở cửa sổ và đã trông thấy một nam nhân là thị vệ thân cận của Đức Vua. Nàng ta đã nhìn chăm bẵm vào nam nhân ấy với mãnh lực của ái luyến. Thế rồi thời gian tiếp đến nàng ấy đã có được thụ thai.”

7. **Thính Âm (Savanam):** bằng cách lắng nghe âm thanh của người nam. “Chẳng hạn như loài cò trắng. Theo lẽ thường thì loài cò trắng ấy là chỉ có chim mái và không có chim trống. Đến khoảng thời gian loài cò trắng sẽ sản sinh ra được chim con, là bằng cách lắng nghe được tiếng sấm vào bất luận thời gian nào thì chính ngay thời gian ấy loài cò trắng sẽ được thụ thai.”

Như ở trong Chánh Tạng Pàli đã có trình bày đề ở trong bộ Kinh **Gotamì Apàdàna** nói rằng:

**Yathà balakayonimhi  
Meghesu gajjamànesu**

**Navijjati pumosadà  
Gabbham gaṇhanti tà sadà**

Dịch nghĩa là: “Trong việc sinh sản của những loài cò trắng ấy là không có hiện bày đến con chim trống. Một khi được nghe tiếng sấm vào thời lúc nào thì chính ngay thời gian ấy những loài cò trắng ấy sẽ được thụ thai.”

Gà mái hoặc bò cái, một đôi khi khi được nghe âm thanh của gà trống hoặc bò đực thì cũng có được thụ thai.

8. **Khứ Khí (Ghàyanam):** bằng cách ngửi được mùi hơi của người nam. Chẳng hạn như có một vài con bò cái một khi đã ngửi được mùi hơi của con bò chúa (**Go usabha**) thì cũng đã được thụ thai. Hoặc có một vài con ngựa cái, có một vài con voi cái; một khi đã ngửi được mùi hơi con ngựa đực, con voi đực thì cũng đã có được thụ thai.

[Các tích truyện này đã có được trích dẫn từ ở trong bộ **Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapàsàdika Atthakathà)** – **Chương Hoàn Hảo (Sudinnakaṇḍa)**, và ở trong bộ **Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh (Sàratthadìpanitìkà)**]

### **Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Sát Mạng Nghiệp Lực**

-----00000-----

## **2. THẬU ĐẠO (Adinnadàna – Trộm Cắp)**

Từ ngữ nói rằng “**Adinnadàna**” này, khi chiết tự thì có được ba từ ngữ, đó là: “**A + Dinna + Àdàna**”. **A** là từ ngữ phủ định, **Dinna** = vật chất của cái mà chủ nhân cho phép, **Àdàna** = nắm giữ lấy. Khi kết hợp vào nhau thành **Adinnadàna** thì được dịch là “*cướp đoạt lấy vật chất của cái mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng.*” Từ ngữ “**Adinna**” là vật chất của cái mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc chủ nhân thương yêu quý trọng, có ý nghĩa là “*không có được cho phép qua việc viết ra bằng giấy tờ cho phép, hoặc*



được trao cho bằng tay, hoặc dùng hành động để biểu lộ cử chỉ cho được biết là đã cho phép, chẳng hạn như là unction đến cho, dùng chân đẩy đến cho, gạt gù cho phép, v.v. hoặc nói ra lời cho phép.” Từ ngữ “*Àdàna*” là việc nắm giữ lấy, tức là ăn cắp, trộm lột, trộm cướp, chụp giựt, hăm dọa, lừa đảo, tráo đổi, v.v. Trình bày câu Chú Giải ở trong từ ngữ nói rằng *Adinnadàna* “*Na dinnam = Adinnam*”- “*Vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng, gọi là Bất Khả Thí (Adinna).*”

“*Adinnassa àdànam = Adinnadànam*”- Việc cướp đoạt lấy vật chất của cải mà không có được chủ nhân cho phép, gọi là *Thâu Đạo (Adinnadàna – Trộm Cắp)* Hoặc một phần khác nữa:

“*Adinnam àdiyanti etenāti = Adinnadànam*”- Tất cả Nhân Loại thường cướp đoạt lấy vật chất của cải mà chủ nhân thương yêu quý trọng với *Pháp Chủng* ấy, do đó *Pháp Chủng* làm thành tác nhân ở trong việc cướp đoạt lấy vật chất của cải mà chủ nhân thương yêu quý trọng ấy, gọi là *Thâu Đạo (Adinnadàna – Trộm Cắp)*. Tức là *Đạo Tặc Tư Tác Ý (Theyyacetanà – Cố Tặc Đạo Giả)*, nghĩa là *Tư Tác Ý* làm thành tác nhân ở trong việc trộm cắp tài sản. *Đạo Tặc Tư Tác Ý* này có được hai thể loại *Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)*, có được cả *Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)* là việc trộm cắp với tự thân tác hành và *Ngữ Nỗ Lực (Vācipayoga)* là dùng lời nói để lừa đảo.

### Trình Bày Chi Pháp Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu) Của Thâu Đạo

Việc tạo tác thể loại *Bất Thiện Thâu Đạo* hình thành việc *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ấy, thì cần phải phối hợp với năm Chi Pháp, đó là:

1. *Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahitam)*: Vật chất của cải mà có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
2. *Tưởng Tri Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahita saññitā)*: Biết rằng vật chất của cải ấy có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
3. *Đạo Tặc Tâm (Theyyacittam)*: Có Tâm nghĩ tưởng sẽ trộm cắp,
4. *Nỗ Lực (Payogo)*: Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp,
5. *Đạo Chích (Avahāro)*: Có được của cải ấy do bởi sự cố quyết.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm Chi Pháp như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm Chi Pháp, thì cũng bất thành tựu một *Nghiệp Đạo*. Như có câu kệ trình bày rằng:

*Parassa sam tathasaññitā  
Tena hāroti pañcaṅgā*

*Theyyacittañcupakkamo  
Theyyassa yatanā samā*



Có năm Chi Pháp của việc trộm cắp tài sản của cải, đó là:

1. Vật chất của cải mà có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
2. Biết rằng vật chất của cải ấy có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
3. Có Tâm nghĩ tưởng sẽ trộm cắp.
4. Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp.
5. Có được của cải ấy do bởi sự cố quyết.

Nên hiểu biết về *Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)* tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại (tương tự *Sự Nỗ Lực* ở trong *Sát Mạng Nghiệp Lực*), đó là:

1. *Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika)*: Trộm cắp do tự bản thân mình thực hiện.
2. *Mệnh Lệnh (Āṇattika)*: Sai bảo để cho người khác trộm cắp, qua việc dùng lời nói hay là viết ra bằng giấy tờ.
3. *Phóng Khí (Nissaggiya)*: Lén liêng bỏ vật chất của cải, chẳng hạn như lén lấy vật chất của cải mà phải bị nộp thuế đem liêng ra khỏi khu vực của mình.
4. *Kiên Cố (Thàvara)*: Chỉ thị với đồng bọn nói rằng “*nếu như bất luận thời gian nào mà có được cơ hội thì hãy nên cố gắng trộm lấy những của cải vật chất ấy cho sớm mau được thành công.*” Việc chỉ thị như vậy cũng được kể là đã thành tựu một thể loại *Thâu Đạo Nghiệp Lực*, cho dù sẽ mất thời gian dài bao nhiêu lâu đi nữa. Và được gọi là *Cử Liệt Thành Quả (Attha sādḥaka)*, tức là thường làm cho hoàn tất trong việc trộm lấy tài sản. Hoặc có *Tư Tác Ý* sẽ làm hư hại tài sản của cải của người khác cho phải bị tổn thất đi, chẳng hạn như lấy vải bỏ vào trong thùng sắt có chứa dầu thô để cho vải ấy hút lấy dầu thô mà phải bị khô cứng đi.
5. *Ma Thuật (Vijjāmaya)*: Sử dụng các loại thần chú và ma thuật làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị say đắm, mê mẩn, và chết lịm đi, để rồi cầm lấy những của cải tài sản ấy đem đến trao cho mình. Hoặc sử dụng câu thần chú thôi miên làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị ngủ thiếp đi và đi vào trộm lấy những tài sản ấy đi, v.v.
6. *Thần Lực (Iddhimaya)*: Sử dụng các loại thần thông ở phần không có liên quan với *Ma Thuật*. Tuy nhiên người đã có thần thông đây, hẳn nhiên là không có thực hiện việc *Thâu Đạo*, là phần thuộc về *Thị Phi Thế Gian (Lokavajja)*, nghĩa là tạo tác các điều xấu xa tội lỗi trong con đường thế tục. Chỉ thực hiện ở trong điều mà sử dụng hằng đem lại giá trị hữu ích, và vị chủ nhân ấy ắt hẳn cũng không có bất luận một sự thiệt hại nào. Chẳng hạn như tích truyện một vị *Sa Di (Sāmaṇera)* đã chứng đắc được *Thắng Trí (Abhiññā)*, nhân có việc cần phải có nước uống cho việc thọ dụng, và đã đi đến xin với Vị Long Vương hữu trách trong việc trông nom gìn giữ cái đầm

sen ấy. Vị Long Vương này lại không đồng ý cho. Vị Sa Di ấy mới bay lên trên hư không, và thế rồi cũng đã múc lấy được nước uống đi. Và tích truyện Bà La Môn **Doṇa** đã thực hiện việc đong đếm và phân chia Ngọc Xá Lợi của Đức Phật cho đến tám vị *Quốc Vương Sát Đế Ly*. Trong khoảng thời gian đang thực hiện việc đong đếm ấy, thì vị này đã biến thủ lấy chiếc răng nhọn ở phía trên bên phải của Đức Phật và đã bỏ vào ở trong búi tóc của mình. Vị Thần **Indra** (*Thiên Chủ Đế Thích*) đã trông thấy chiếc răng nhọn ấy, và đã đoạt lấy từ ở nơi búi tóc của vị Bà La Môn tiếp thêm một lần nữa. Và thế rồi đã cầm lấy, đem về tôn trí ở trong bảo tháp tầng Trời Đạo Lợi, được gọi là *Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp (Cūḷamanīcetiya)*, như vậy chẳng hạn.

Việc tạo tác *Thâu Đạo* này đây, nếu như loại vật chất của cái mà đã lén trộm lấy đi, lại rất là quý báu thì ắt hẳn là *Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)*, tức là có rất nhiều tội lỗi. Nếu như loại vật chất của cái ấy chỉ có chút ít giá trị, thì hẳn nhiên là *Hy Thiểu Tội (Appasāvajja)*, tức là chỉ có chút ít tội lỗi. Và ở trong loại vật chất của cái lại có giá trị tương đương với nhau, thì cần phải thẩm đoán ở nơi vị chủ nhân. Nếu như vị chủ nhân lại là người có đức hạnh, sống ở trong *Giới Pháp (Sīla dhamma)* và người đã lén trộm lấy vật ấy đi, thì ắt hẳn là có tội nặng. Nếu như vị chủ nhân ấy lại là người không có đức hạnh, sống không có ở trong Giới Pháp, và người đã lén trộm lấy vật ấy đi, thì chỉ có chút ít tội lỗi.

### **Khi Phân Tích Vật Chất Có Chủ Thì Thường Hiện Hữu Ở Bốn Thể Loại, đó là:**

1. *Cư Sĩ Hữu Sản (Gihisantaka)*: Tài sản ấy là của người cư sĩ tại gia.
2. *Nhân Sĩ Hữu Sản (Puggalasantaka)*: Tài sản ấy là của bất luận một vị Tỷ Khuru hoặc của một vị Sa Di nào đó.
3. *Quần Tập Hữu Sản (Gaṇasantaka)*: Tài sản ấy là của 2 – 3 vị Tỷ Khuru hoặc là của 2 – 3 vị Sa Di.
4. *Tăng Đoàn Hữu Sản (Saṅghasantaka)*: Tài sản ấy là của Chư Tỷ Khuru kể từ 4 vị trở lên hoặc là của Chư Sa Di kể từ 4 vị trở lên.

Trong tất cả những bốn thể loại của cái này, theo một cách trình tự có với nhau như sau:

- + Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại *Nhân Sĩ Hữu Sản* thì thường là có tội nặng hơn thể loại *Cư Sĩ Hữu Sản*.
- + Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại *Quần Tập Hữu Sản* thì thường là có tội nặng hơn thể loại *Nhân Sĩ Hữu Sản*.

+ Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại *Tăng Đoàn Hữu Sản* thì thường là có tội nặng hơn thể loại *Quần Tập Hữu Sản*.

Một phần khác nữa,  
vật chất mà đã có chủ thì thường hiện hữu ở năm thể loại, đó là:

1. *Phàm Phu Hữu Sản (Puthujjanasantaka)*: Tài sản ấy là của hạng Phàm Phu.
2. *Thất Lai Hữu Sản (Sotàpannasantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Thất Lai.
3. *Nhất Lai Hữu Sản (Sakadàgàmisantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Nhất Lai.
4. *Bất Lai Hữu Sản (Anàgàmisantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Bất Lai.
5. *Vô Sinh Hữu Sản (Arahantasantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Vô Sinh.

Phải bị thụ lãnh tội lỗi từ ở nơi việc trộm lấy tài sản thì thường có nhiều ít là tùy theo trình tự ở thứ bậc. Đối với việc trộm lấy tài sản của bậc Vô Sinh ấy, thì ắt hẳn có nhiều tội lỗi hơn hết. Như Ngài Đại Trưởng Lão **Buddhaghosa** đã có trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ* nói rằng: “**Khinàsavassa santake atimahàsavajjamyeva**”- “Việc trộm lấy tài sản của bậc *Lậu Tận (Vô Sinh)* thì thường có tội lỗi một cách cực đại.”

### Thẩm Đoán Trong Việc Trộm Lấy Của Cải Tài Sản Của Loài Bàng Sanh (**Tiracchànapariggahàdàna Vinicchaya – Bàng Sanh Thủ Hộ Sự Thẩm Đoán**)

Một người nào đó đã trông thấy chim diều hâu chộp lấy con hươu hoặc con cá đã chết và đang bay ngang qua, thì tức thời bằng một phương thức nào đó đã thực hiện việc cản ngăn, và đã làm cho chim diều hâu ấy phải giạt mình để rồi đã thả rơi con vật ấy xuống, và thế là đã giành lấy con vật ấy đi. Như vậy coi như là người ấy đã thực hiện hoàn tất *Thâu Đạo Nghiệp Lực*. Thế nhưng, nếu như chim diều hâu ấy chộp lấy con vật khi vẫn đang còn sinh mạng, và một khi người ấy đã trông thấy để rồi bằng một phương thức nào đó, đã thực hiện việc cản ngăn và đã làm cho chim diều hâu phải buông thả con vật ấy rơi xuống. Hành động tạo tác ở thể loại này hẳn nhiên chẳng phải đã thực hiện hoàn tất *Thâu Đạo Nghiệp Lực*, mà trái lại hành động tạo tác ấy thuộc vào thể loại *Vô Úy Thí Thiện Nghiệp Lực (Abhayadànakusalakamma)*.

Cũng tương tự như vậy ở các loài Hữu Tình Bàng Sanh khác, tức là nếu như loài Hữu Tình ấy đang ngậm lấy một con vật đã chết, đó sẽ là heo, cá, chim, vịt, gà, v.v. đi nữa; và nếu như có một người đã thực hiện việc cản ngăn để rồi giành lấy con vật ấy đi, thì hành động tạo tác của người ấy coi như là đã thực hiện hoàn tất *Thâu Đạo Nghiệp Lực*.

Nếu như loài Hữu Tình ấy đang ngậm lấy một con vật mà vẫn còn sự sống, chẳng hạn như các loại heo, cá, chim, vịt, gà, thạch sùng, bọ có cánh, v.v. Người đã được trông thấy và đã đến thực hiện việc cản ngăn để giành lấy con vật ấy đi. Hành động tạo tác như vậy thì không được tính là *Thâu Đạo Nghiệp Lực*, mà đó chính là *Vô Úy Thí Thiện Nghiệp Lực*.

Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Hoài Nghi (Vimativinodani Atthakathà)* nói rằng: “***Tiracchànànaṃ àmisadàne kusalaṃ viya tesam àmisacchindanepi akusalameva sappàdini gahitapàna kànaṃ mocanattàya vaṭṭati***”- “Việc thí thực đến loài Hữu Tình Bằng Sanh thì hẳn nhiên là thành tựu Thiện Nghiệp Lực như thế nào; thế còn việc giành lấy vật thực của những loài Hữu Tình Bằng Sanh ấy ắt hẳn là hoàn thành Bất Thiện Nghiệp Lực như thế ấy. Việc nỗ lực giúp đỡ cho chim, heo, ếch, một khi vẫn còn sinh mạng mà đã bị rấn cắn lấy để cho được vượt thoát đi, thì với hành động ấy hẳn nhiên không thành một sự phạm tội (***Àpatti***).”

Còn đối với trong Tạng Luật, thì việc giành lấy của cải của loài Hữu Tình Bằng Sanh ấy, thường là không thành sự phạm tội (***Àpatti***). Như có phần Chánh Tạng Pàli đã có trình bày đề ở trong *Chương Bất Cộng Trụ (Pàràjikakaṇḍa)* ở điều học thứ hai (***Dutiyasikkhapàda***) nói rằng:

“***Anàpatti bhikkhave tiracchànagata pariggahe***”- “Này Chư Tỳ Khuru, việc giành lấy của cải của loài Hữu Tình Bằng Sanh ấy, thì không phải phạm tội.”

Và Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày quan điểm trùng hợp với Phật Ngôn (***Buddhabhāsita***) nói rằng: “***Senàdayo pi àmisam gahetvā gacchante pàtettvā gahetum vaṭṭati***”- “Với vị Tỳ Khuru thực hiện xả thí các vật chất, như có cục thịt v.v., và chim diều hâu v.v. bay đến chộp lấy rồi lại thả rơi rớt trở xuống, và giật lấy lại vật thí ấy.” Hành động tạo tác ấy thường không phạm tội. Thế nhưng, cho dù hành động tạo tác như vậy, sự thật là dựa theo Tạng Luật thì không kể là sự phạm tội, tuy nhiên khi dựa theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì hẳn nhiên đã hoàn tất *Thâu Đạo Nghiệp Lực* rồi.

### **Thẩm Đoán Trong Việc Trộm Lấy Các Vật Linh Thiêng (Cetiya Avahàraṇa Vinicchaya – Bảo Tháp Thâu Đạo Sự Thẩm Đoán)**

Vật linh thiêng gồm có pho tượng Đức Phật, Ngọc Xá Lợi của Đức Phật, cội cây Đại Bồ Đề, v.v. Các vật linh thiêng này hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1. Vật linh thiêng có người trông nom gìn giữ (***Gopitarakkhita*** – ***Bảo Cố Nhân***).
2. Vật linh thiêng không có người trông nom gìn giữ (***Agopitarakkhita*** – ***Bất Bảo Cố Nhân***).

Các vật linh thiêng như có pho tượng Đức Phật, v.v. một cách thẳng thắn thì những bảo vật này không có ai làm chủ cả. Chỉ đến pho tượng Đức Phật mà đã được người tự kiến tạo lên để tôn thờ ở trong nhà của mình đi nữa, người kiến tạo ấy cũng không được gọi là chủ nhân của pho tượng Đức Phật, mà chỉ được gọi là *Bảo Cố Nhân (Gopitarakkhita)* tức là người trông nom gìn giữ mà thôi. Tất cả sự việc này là cũng bởi người đã được gọi là chủ nhân bất luận của món vật phẩm nào rồi, thì ắt hẳn có quyền lợi để làm bất luận điều chi cũng được tùy ý cả. Đề cập đến là, một khi đã không có sự duyệt ý ở trong các vật phẩm ấy, thì sẽ tự động phá hủy đi cũng được, hoặc sẽ biến đổi qua một hình thể tướng trạng khác cũng được, hoặc đem bán đi cũng được, và hẳn nhiên chẳng có tội tình chi cả. Còn đối với vật linh thiêng mà thực hiện như đã vừa đề cập đến, thì không thể được. Nếu như người nào thực hiện như vậy, thì ắt hẳn đã tạo thành Bất Thiện Nghiệp Lực, nhưng sẽ thành Bất Thiện loại nặng hay nhẹ, là cũng tùy theo mãnh lực của *Tu Tác Ý* vậy.

Đối với người trộm lấy vật linh thiêng mà đã có người trông nom gìn giữ ấy, thì hẳn nhiên thành *Thâu Đạo Nghiệp Lực (Àdinnàdàna)*. Còn việc chiếm đoạt lấy vật linh thiêng mà không có người trông nom gìn giữ, thì thường bắt thành *Thâu Đạo Nghiệp Lực*, tương tự như Ngài Phụ Chú Giải đã có trình bày thẩm đoán để ở trong bộ *Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh (Sàratthadìpanīṭikā)* và bộ *Phụ Chú Giải Thoát Ly Nghi Lực (Kaṅkhàvitaranīṭikā)* nói rằng: ***“Devatàya pana uddissa balikammaṃ karontehi rukkhàdisu lambitasàtake vattabbameva natthi tañcakho àrakkhakehi apariggahiteyeva, pariggahitaṃ pana gahetum na vaṭṭati”***- “Trong việc giành giật lấy tám vải treo ở trên cây v.v. chỗ mà tất cả mọi người đã thực hiện cuộc Lễ Tế Tự (*Balikamma*) để hồi hướng công đức đến Chư Thiên, thì thường chẳng có vấn đề chi đặc biệt cả.” [Tức là không thành sự phạm tội (*Àpatti*)] Tuy nhiên điều này lập ý nói đến tám vải ấy đã không nằm trong sự bảo quản của tất cả người trông nom gìn giữ, mới thích ứng cho việc giành giật lấy được. Thế nhưng, nếu như tám vải ấy đã có sự bảo quản từ ở nơi người trông nom gìn giữ, thì việc cướp đoạt ấy là không thể nào có được.”

### **Thẩm Đoán Trong Việc Trộm Lấy Vật Linh Thiêng Mà Có Người Trông Nom Gìn Giữ**

Vật linh thiêng gồm có pho tượng Đức Phật, Ngọc Xá Lợi của Đức Phật, v.v. và có người trông nom gìn giữ, tuy nhiên trú xứ chỗ an vị những vật linh thiêng ấy lại không thích hợp. Một khi có người với niềm tin tịnh tín, đã sắp bày kiến tạo lên một trú xứ mới thích hợp hơn cho việc an vị, và với *Tu Tác Ý* bất vụ lợi đã cung thỉnh pho tượng Đức Phật hoặc Ngọc Xá Lợi của Đức Phật v.v. ấy, để an vị vào ở trong trú xứ mới mà mình đã có được kiến tạo lên, chẳng có lấy chút vụ lợi riêng tư cho bản thân, nghĩa là không có *Đạo Tặc Tâm (Theyyacitta)*, và chỉ cốt để dắt dẫn cho thành một nơi thờ phụng *tôn nghiêm trang trọng (Sakkàrapùjā)*.



Hành động tạo tác như thế, cho dù đã không có xin phép đến người trông nom gìn giữ đi nữa, tuy nhiên cũng không cho là *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* và cũng không có tội chi cả. Thế nhưng, nếu như người tác hành sự việc ấy lại là một vị Tỳ Khưu thì ắt hẳn đã là một sự phạm tội (*Àpatti*).

Chẳng hạn như vị Thần *Indra* (*Thiên Chủ Đế Thích*) đã đoạt lấy chiếc răng nhọn của Ngài Chánh Đẳng Giác mà vị Bà La Môn *Doṇa* đã lén biển thủ bỏ vào trong búi tóc, để lấy đem lên ở Cõi Đạo Lợi Thiên Giới. Vị Thần *Indra* đã đoạt lấy chiếc răng nhọn của Đức Phật từ ở nơi Bà La Môn *Doṇa* đây, đó là vị Thần *Indra* chính ngay hiện thể ở trong thời kỳ Đức Phật này đã thành tựu Quả vị Thất Lai. Vì thế, trong hành động tạo tác của Ngài chẳng phải đã được thực hiện với cái Tâm sẽ lấy trộm đi, mà là thực hiện bởi do Ngài đã thẩm sát thấy rằng Bà La Môn *Doṇa* này quả thực không có khả năng để sẽ tác hành trí kính lễ đến chiếc răng nhọn của Đức Phật một cách thích hợp. Do vậy, Ngài đã lấy đem đi từ ở nơi Bà La Môn *Doṇa*, thế rồi đã kiến tạo lên một bảo tháp để tôn trí chiếc răng nhọn của Đức Phật, và đã định danh bảo tháp ấy là *Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp*. Hành động tạo tác của Thần *Indra* như đã vừa đề cập đến ở tại đây, mới bắt thành việc *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Thâu Đạo*, và cũng không có tội chi cả, mà trái lại hữu ích công đức.

Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Đại Phẩm Kinh Tập* (*Suttantamahāvagga Atthakathā*) nói rằng: “*Brāhmaṇopi dāthāya anucchikaṃ sakkāraṃ kātuṃ nasakkhissati, gaṇhāmi nanti veṭṭhantarato gahetvā suvaṇṇacaṅkoṭke thapetvā devalokaṃ netvā cūlamanīcetiye patitṭha pesi*”- Dịch nghĩa là: “*Đấng Thiên Vương Đế Thích có sự nhận thấy rằng: “Bà La Môn Doṇa này không có khả năng tác hành trí kính lễ đến chiếc răng nhọn của Đức Phật một cách thích hợp. Do vậy Ta đành phải lấy chiếc răng nhọn của Đức Phật vậy.” Thế rồi Ngài đã đoạt lấy chiếc răng nhọn từ ở nơi búi tóc của vị Bà La Môn. Ngài đã đặt chiếc răng nhọn ấy vào trong một hộp bảo tháp bằng vàng, và đã đem về Cõi Đạo Lợi Thiên, cùng với việc tiến hành thiết lập Lễ Tôn Trí ở trong Tiểu Ngọc Như Ý Bảo Tháp.”*

### Trình Bày Hai Mươi Lăm Thể Loại Của Việc Trộm Cắp Có 25 Thể Loại Trộm Cắp Hình Thành Thâu Đạo Nghiệp Lục, đó là:

1. *Các Cá Vật Phẩm* có 5 phần (*Nānabhāḍa Pañcaka*): Có năm thể loại trong việc trộm lấy đủ các loại của cải tài sản, có cả sinh mạng và không có sinh mạng.
2. *Nhất Cá Vật Phẩm* có 5 phần (*Ekabhāḍa Pañcaka*): Có năm thể loại trong việc trộm lấy chỉ đặc biệt với vật thể hữu sinh mạng.
3. *Tự Chế Thủ Công* có 5 phần (*Sāhatthika Pañcaka*): Có năm thể loại trong việc trộm lấy với tự bản thân mình.



4. *Tiền Lự Nỗ Lực* có 5 phần (***Pubbepayoga Pañcaka***): Có năm thể loại hành động tạo tác hoàn thành *Thâu Đạo Nghiệp Lực* trước khi sẽ hạ thủ trộm lấy.
5. *Đạo Tặc Cố Lực* có 5 phần (***Theyyàvahàra Pañcaka***): Việc lừa đảo, tráo trác của cải tài sản, tạo ra hàng giả mạo lừa gạt, âm thầm đục tường khoét vách trộm cắp mà không cho chủ nhân hay biết; với những sự việc này có được năm thể loại. Kết hợp lại, thì có được 25 thể loại của việc trộm cắp.

**Các Cá Vật Phẩm Ngũ Phần (*Nànbhaṇḍa Pañcaka*), đó là:**

1. ***Àdiyana adinnàdàna*** – *Chấp Chiếm Thâu Đạo*
2. ***Harāṇa adinnàdàna*** - *Chuyển Khử Thâu Đạo*
3. ***Avaharāṇa adinnàdàna*** – *Đạo Chích Thâu Đạo*
4. ***Iriyàpatha vikopana adinnàdàna*** – *Bạo Hành Thâu Đạo*
5. ***Thànàcāvana adinnàdàna*** – *Cận Diêm Thâu Đạo*

1. ***Chấp Chiếm Thâu Đạo (Àdiyana adinnàdàna)***: tức là hành động tạo tác làm cho của cải tài sản của người khác có liên quan đến nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, hoặc phó xá cho trở thành tài sản của riêng mình, bằng với phương cách thừa kiện đến tòa án. Hành động tạo tác như vậy gọi là *Chấp Chiếm Thâu Đạo*. Tuy nhiên ở trong điều này lập ý đến kẻ thừa kiện và người bị thừa kiện; với cả hai bên này, sẽ chẳng phải dính líu với nhau trong bất luận vấn đề tiền bạc nào cả, nghĩa là chẳng có liên quan với nhau đến vấn đề cầm cố nợ nần. Hành động tạo tác chỉ thuộc loại cậy quyền cậy thế hòng chiếm hữu ở trong các điền thổ đất đai ấy, v.v. Bằng với phương cách này đã tác hành để một khi vị chủ nhân của chỗ ở ấy hoặc là người chủ nhà ấy sanh tâm nản lòng nghĩ suy rằng “*đất đai hoặc nhà cửa của Ta đây, chắc sẽ phải trở thành tài sản của người khác quá!*” Chỉ có như vậy thôi, người chủ tâm nhằm chiếm đoạt tài sản ấy coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Chấp Chiếm Thâu Đạo* rồi vậy.

2. ***Chuyển Khử Thâu Đạo (Harāṇa adinnàdàna)***: tức là người đang thực thi nhiệm vụ để chuyển tải tài sản của cải của người khác, và trong sát na đang chuyển tải ấy, đã có tâm nghĩ suy sẽ trộm lấy các tài sản ấy cho làm thành của riêng mình. Một khi đã khởi sanh tâm nghĩ suy để sẽ trộm lấy như vậy, thì cho dù sẽ xê dịch của cải ấy phải dịch chuyển rời khỏi vị trí ban đầu chỉ có một chút ít, chẳng hạn như lúc ban đầu vác hàng hóa ấy để ở trên đầu. Khi đã nghĩ suy là sẽ trộm lấy, thế rồi đã dịch chuyển hàng hóa ấy từ ở trên đầu đã hạ xuống để ở trên vai, hay là lúc ban đầu đã cầm lấy vật ấy để ở trong bàn tay phải. Khi đã suy nghĩ là sẽ trộm lấy, thế rồi đã chuyển đổi vật ấy để ở trong bàn tay trái, chẳng hạn như vậy, thì cũng

coi như người ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Chuyển Khứ Thâu Đạo* rồi vậy.

3. *Đạo Chích Thâu Đạo (Avaharāṇa adinnādāna)*: tức là có người đã được người ta đem của cải hàng hóa hoặc vàng bạc đến gửi gắm cho mình trông nom quản lý. Đến khi chủ nhân đi đến xin nhận lại, thì người đó đã khước từ không đồng ý gửi trả lại các hàng hóa ấy. Chính là như vậy, đã được gọi là *Đạo Chích Thâu Đạo*. Và một khi chủ nhân không còn hy vọng sẽ có được hàng hóa gửi trả lại, thì đã khởi lên nghĩ suy ở trong lòng rằng “*hàng hóa của mình đã có gửi gắm coi như đã tiêu tan hết rồi*”, chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người đã nhận lấy hàng hóa gửi gắm ấy, đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Đạo Chích Thâu Đạo* rồi vậy.

4. *Bạo Hành Thâu Đạo (Iriyāpatha vikopana adinnādāna)*: tức là kẻ đạo tặc khi đã trông thấy chủ nhân tài sản ấy đang ngồi, hoặc là đang nằm, hoặc là đang đứng, hoặc là đang đi, và đã khởi lên nghĩ suy ở trong lòng rằng sẽ phải tự tìm cách làm cho chủ tài sản ấy phải bị tổn hại ở tại nơi đó, và rồi sẽ giật lấy tài sản của cải đang mang theo cho làm thành của riêng mình. Khi đã nghĩ xong, thế là đã ra tay hạ thủ, đã thực hiện lời hăm dọa và cưỡng ép, hoặc bằng một phương cách nào đó đã tạo ra động tác giả để đánh lừa (*duyong đong kích tây*), làm cho chủ tài sản phải làm theo lời của mình. Một khi chủ tài sản đã tuân theo lời ra lệnh ấy buộc phải chuyển động thân dời bước đi, và khi đã rảo bước với bước đi đầu tiên, thì cũng được gọi là kẻ đạo tặc ấy đã hoàn thành *Bạo Hành Thâu Đạo*. Và một khi chủ tài sản đã rảo bước đến bước thứ hai thì coi như kẻ đạo tặc ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Bất Hành Thâu Đạo* rồi vậy.

Nếu như kẻ đạo tặc ấy phải tự bồng bế xác thân chủ tài sản để hành xử, thì một khi kẻ đạo tặc ấy bồng bế chủ tài sản rảo bước thì với bước đi đầu tiên đã hoàn thành *Bạo Hành Thâu Đạo*. Và một khi kẻ đạo tặc đã rảo bước đến bước thứ hai thì coi như kẻ đạo tặc ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Bạo Hành Thâu Đạo* rồi vậy.

5. *Cận Điểm Thâu Đạo (Ṭhānācāvāna adinnādāna)*: tức là các tài sản của cải mà chủ nhân đã bố trí hoặc đã đặt để ở trong một chỗ nào đó (*trừ ra ở trong nước*). Kẻ đạo tặc đã trông thấy, và đã nghĩ suy ở trong lòng là sẽ trộm lấy các tài sản ấy, thế rồi đã ra tay cầm lấy và xê dịch các hàng hóa ấy đi. Một khi các tài sản của cải ấy đã dịch chuyển rời khỏi vị trí ban đầu cho dù chỉ là chút ít, thì cũng coi như kẻ đạo tặc ấy đã hoàn thành *Cận Điểm Thâu Đạo* cùng câu kết với *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* rồi vậy.

**Nhất Cá Vật Phẩm Ngũ Phần (*Ekabhāṇa Pañcaka*), đó là:**

1. *Àdiyana adinnādāna* – *Chấp Chiếm Thâu Đạo*
2. *Harāṇa adinnādāna* - *Chuyển Khứ Thâu Đạo*

3. *Avaharāṇa adinnādāna* – Đạo Chích Thâu Đạo
4. *Iriyāpatha vikopana adinnādāna* – Bạo Hành Thâu Đạo
5. *Thànàcāvana adinnādāna* – Cận Điểm Thâu Đạo

1. *Chấp Chiếm Thâu Đạo (Ādiyana adinnādāna)*: tức là việc chiếm đoạt quyền sở hữu tài sản hữu mạng căn (*Saviññānaka* – Hữu Tâm Thức) gồm có con người hoặc là thú nuôi của người khác cho trở thành tài sản của riêng mình, bằng với phương cách thừa kiện đến tòa án, thì được gọi là *Chấp Chiếm Thâu Đạo*. Và một khi vị chủ nhân khởi lên nghĩ suy rằng “con người hoặc thú nuôi của Ta đây, chắc sẽ phải trở thành tài sản của người khác quá!” Trong sát na ấy, thì người chiếm đoạt quyền sở hữu ấy, coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Chấp Chiếm Thâu Đạo* rồi vậy.

2. *Chuyển Khí Thâu Đạo (Harāṇa adinnādāna)*: tức là người đang thực thi nhiệm vụ để dắt dẫn con người hoặc là thú nuôi của người khác để đi đến chỗ này chỗ nọ. Trong sát na đang khi dắt dẫn, thì người ấy đã khởi sinh tâm nghĩ suy sẽ dắt đem đi bán, hoặc sẽ bắt cóc cho làm thành của riêng mình. Khi đã khởi sinh tâm nghĩ suy như vậy, thì cũng được gọi là *Chuyển Khí Thâu Đạo*. Và sau khi đã nghĩ suy xong, thì khởi sinh lên sự thay đổi về hành vi và cử chỉ, chẳng hạn như thay đổi lộ đường đi hay đổi tay cầm dắt dây, v.v. chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Chuyển Khí Thâu Đạo* rồi vậy.

3. *Đạo Chích Thâu Đạo (Avaharāṇa adinnādāna)*: tức là có người đã dắt dẫn con người hoặc thú nuôi đến để gửi gắm. Một khi người gửi gắm đến đón nhận trở lại thì đã nói dối lươn lẹo để lảng tránh, chẳng hạn như đã có người này người nọ đến đón nhận rồi, hoặc đã hoàn trả lại rồi mà. Tất cả sự việc này để hòng toan tính cho con người hoặc thú nuôi ấy trở thành quyền sở hữu của mình. Sự việc này cũng được gọi là *Đạo Chích Thâu Đạo*. Và một khi chủ nhân không còn hy vọng và đã khởi lên nghĩ suy ở trong lòng rằng “chắc sẽ không có được con người hoặc thú nuôi hoàn trả lại cho Ta rồi”, chẳng hạn như vậy, thì cũng coi như người đã đón nhận việc gửi gắm ấy, đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Đạo Chích Thâu Đạo* rồi vậy.

4. *Bạo Hành Thâu Đạo (Iriyāpatha vikopana adinnādāna)*: tức là người thực hiện việc lừa gạt, dụ dỗ, lôi kéo trẻ con hoặc thanh nữ, hay là thú nuôi; trong sát na con người hoặc thú nuôi ấy đang đi, đang đứng, đang ngồi hoặc là đang nằm; để dắt dẫn đi tìm cầu lợi ích hoặc dẫn đi cho trở thành quyền sở hữu của mình. Một khi con người hoặc thú nuôi ấy đã chuyển động thân rời khỏi vị trí ban đầu, rảo bước theo người ấy với bước đi đầu tiên, thì cũng được gọi là kẻ ấy đã hoàn thành *Bạo Hành Thâu Đạo*. Và một khi rảo bước đến bước thứ hai, thì cũng coi như kẻ ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ có liên quan đến *Bạo Hành Thâu Đạo* rồi vậy.

5. *Cận Điểm Thâu Đạo (Thànàcàvana adinnàdàna)*: tức là việc trộm lấy thú nuôi mà chủ nhân đã buộc dây để nhốt chúng, hoặc là thú nuôi ấy đang nằm, hoặc đang ngồi, hoặc đang đứng. Kẻ đạo tặc đã khởi tâm nghĩ suy sẽ trộm lấy, và thế là đã vào để ẵm hoặc đã dắt dẫn thú nuôi ấy đi. Khi thú nuôi ấy chuyển động thân rời khỏi vị trí ban đầu cho dù chỉ có một chút ít, thì cũng coi như kẻ ấy đã hoàn thành *Cận Điểm Thâu Đạo* cùng câu kết với *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* rồi vậy.

**Tự Chế Thủ Công Ngũ Phần (*Sàhatthika Pañcaka*), đó là:**

1. *Sàhatthika adinnàdàna* – *Tự Chế Thủ Công Thâu Đạo*
2. *Àṇattika adinnàdàna* – *Mệnh Lệnh Thâu Đạo*
3. *Nissaggiya adinnàdàna* – *Phóng Khí Thâu Đạo*
4. *Atthasàdhaka adinnàdàna* – *Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo*
5. *Dhuranikkhepa adinnàdàna* – *Phế Chức Thâu Đạo*

1. *Tự Chế Thủ Công Thâu Đạo (Sàhatthika adinnàdàna)*: tức là việc trộm lấy các loại tài sản, vàng bạc, của cải và các vật hữu sinh mạng bằng chính tự bản thân mình.

2. *Mệnh Lệnh Thâu Đạo (Àṇattika adinnàdàna)*: tức là việc sai bảo để cho người khác trộm cắp.

3. *Phóng Khí Thâu Đạo (Nissaggiya adinnàdàna)*: tức là lén lấy vật chất của cải mà phải bị nộp thuế đem liệng ra khỏi khu vực của mình.

4. *Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo (Atthasàdhaka adinnàdàna)*: tức là việc ra chỉ thị cho đồng bọn phải trộm lấy cho được những của cải vật chất ấy, nếu như sẽ phải tổn thất thời gian dài bao nhiêu lâu đi nữa để có được cơ hội, và cho dù người nhận lãnh chỉ thị ấy, khi mà vẫn chưa có được cơ hội để trộm lấy, đã phải trải qua thời gian rất nhiều năm dài để rồi mới có được cơ hội trộm cắp. Kẻ ra chỉ thị ấy cũng đã hoàn thành *Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo* tính kể từ thời gian đã ra chỉ thị đó vậy. Tuy nhiên, giả sử như người nhận lãnh chỉ thị ấy đã phải tử vong trước khi sẽ có được cơ hội trộm cắp, thế thì kẻ ra chỉ thị ấy sẽ bất thành *Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo*.

5. *Phế Chức Thâu Đạo (Dhuranikkhepa adinnàdàna)*: tức là trong thời gian có việc thưa kiện đến tòa án để chiếm đoạt quyền sở hữu ở trong các tài sản của cải hữu mạng căn (*Saviññànaka* – *Hữu Tâm Thức*) hoặc vô mạng căn (*Aviññànaka* – *Vô Tâm Thức*) của người khác; hoặc trong thời gian chủ nhân tài sản đến xin đón nhận lại tài sản của cải, vàng bạc mà mình đã có gửi gắm, hoặc mình đã có trao đưa; thế rồi đã phủ nhận và đã chối cãi lật lọng là không hay biết. Khi chủ nhân tài sản ấy đã đắn đo nghĩ suy đi đến quyết định rằng “*của cải tài sản của mình sẽ phải tiêu tan hết và chắc đã trở thành tài sản của người khác quá!*”

Trong thời gian ấy, kẻ gây ra câu chuyện như đã vừa nói đến, coi như đã hoàn thành ở trong việc trộm cắp mà được gọi là *Phế Chức Thâu Đạo*.

### Sự Khác Biệt Giữa Mệnh Lệnh Thâu Đạo Và Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo

+ Việc sai bảo cho người khác trộm lấy thuộc thể loại *Mệnh Lệnh Thâu Đạo* (*Ānattika adinnādāna*) là việc sai bảo để cho trộm cắp ngay trong thời hiện tại.

+ Việc sai bảo cho người khác trộm lấy thuộc thể loại *Cử Liệt Thành Quả Thâu Đạo* (*Atthasādhaka adinnādāna*) là việc sai bảo để cho trộm cắp khi có được cơ hội mãi về sau.

#### Tiền Lự Nỗ Lực Ngũ Phần (*Pubbapayoga Pañcaka*), đó là:

1. *Pubbapayoga adinnādāna* – Tiền Lự Nỗ Lực Thâu Đạo
2. *Sahapayoga adinnādāna* – Câu Kết Nỗ Lực Thâu Đạo
3. *Samvidāvahāra adinnādāna* – Đạo Tặc Câu Liên Thâu Đạo
4. *Saṅketakamma adinnādāna* – Hứa Chuẩn Hành Sự Thâu Đạo
5. *Nimittakamma adinnādāna* – Hiệu Lệnh Hành Sự Thâu Đạo

1. *Tiền Lự Nỗ Lực Thâu Đạo (Pubbapayoga adinnādāna)*: Việc sai bảo cho người khác trộm cắp, và chính ngay trong khi dùng lời nói để sai bảo thì cũng coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ được gọi là *Tiền Lự Nỗ Lực Thâu Đạo*.

2. *Câu Kết Nỗ Lực Thâu Đạo (Sahapayoga adinnādāna)*: Người nào có tâm nghĩ tưởng sẽ trộm lấy của cải của người khác và đã thực hiện việc xê dịch tài sản của cải ấy cho rời khỏi vị trí ban đầu; hoặc người nào nghĩ tưởng việc gian lận liên quan đến điền thổ để cho trở thành nhà ở, trở thành ruộng đất, hoặc trở thành vườn tược, thế là đã thực hiện việc dời đổi cột mốc hàng rào, hoặc các dấu vết mà có liên quan với điền thổ cho dịch chuyển ra khỏi vị trí ban đầu. Chính ngay trong sát na đang nỗ lực thực hiện việc dời đổi hàng rào ấy, thì cũng coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ được gọi là *Liên Hiệp Nỗ Lực Thâu Đạo*.

3. *Đạo Tặc Câu Liên Thâu Đạo (Samvidāvahāra adinnādāna)*: Một nhóm người với số lượng từ hai người trở lên đã có sự nghĩ suy đồng thuận với nhau để sẽ thực hiện việc trộm lấy tài sản của cải của người khác. Thế rồi đã đồng hành chung lộ, và cho dù chỉ có duy nhất một kẻ nào đó ở trong nhóm người này đã ra tay trộm lấy, đã làm cho các tài sản của cải ấy phải bị xê dịch ra khỏi vị trí ban đầu đi nữa, thì cũng coi như tất cả những người đi chung với nhau đã cùng *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* chỗ được gọi là *Đạo Tặc Câu Liên Thâu Đạo* rồi vậy.

4. *Hứa Chuẩn Hành Sự Thâu Đạo (Saṅketakamma adinnādāna)*: Người đã sai bảo cho kẻ khác để thực hiện việc trộm cắp với thời gian quy định để cho bắt



đầu thực hiện, chẳng hạn cho bắt đầu thực hiện việc trộm cắp ấy là vào lúc nửa đêm, hoặc quy định thời gian một cách thẳng thừng để bắt đầu thực hiện là đúng 24:00 như vậy, v.v. Nếu như người đã nhận được lệnh ấy bắt đầu thực hiện việc trộm cắp đúng theo thời gian đã chỉ thị, thì coi như kẻ sai bảo đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ở phần *Hứa Chuẩn Hành Sự Thâu Đạo* rồi vậy. Nếu như kẻ đã nhận được lệnh lại thực hiện không đúng với thời gian đã chỉ thị, chẳng hạn như lệnh rằng trộm cắp vào lúc nửa đêm nhưng lại thực hiện vào lúc giữa trưa; hoặc lệnh cho trộm cắp với thời gian quy định là đúng 24:00 nhưng lại đi trộm vào lúc 22:00, hoặc quá 24:00. Như vậy, kẻ sai bảo đã không *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, mà chỉ có một phía của kẻ trộm cắp là đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* mà thôi.

5. *Hiệu Lệnh Hành Sự Thâu Đạo (Nimittakamma adinnàdàna)*: Việc sai bảo cho kẻ khác trộm cắp bằng cách dùng các hiệu lệnh để cho bắt đầu thực hiện, chẳng hạn như vẫy tay, gật đầu, huýt sáo, nheo mắt, v.v. Kẻ phục dịch một khi đã được trông thấy hiệu lệnh liền tức thì ra tay thực hiện, thì coi như kẻ sai bảo đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ở phần *Hiệu Lệnh Hành Sự Thâu Đạo*. Nếu như kẻ phục dịch ấy lại thực hiện việc trộm cắp trước khi được đón nhận hiệu lệnh, hoặc thực hiện sau khi hiệu lệnh đã trôi qua, thế thì kẻ sai bảo ấy đã không *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* mà chỉ có một phía của kẻ trộm cắp là đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

### **Đạo Tặc Cổ Lực Ngũ Phần (*Theyyàvahàra Pañcaka*), đó là:**

1. *Theyyàvahàra adinnàdàna* – *Đạo Tặc Cổ Lực Thâu Đạo*
2. *Pasayhàra adinnàdàna* – *Bạo Lực Thâu Đạo*
3. *Parikappàvahàra adinnàdàna* – *Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo*
4. *Pañcchannàvahàra adinnàdàna* – *Đạo Tặc Ẩn Lậu Thâu Đạo*
5. *Kusàvahàra adinnàdàna* – *Đạo Tặc Khôn Khéo Thâu Đạo*

1. *Đạo Tặc Cổ Lực Thâu Đạo (Theyyàvahàra adinnàdàna)*: tức là người làm việc bán buôn với việc cân đo hoặc đong đếm các vật dụng hàng hóa. Việc bán buôn ấy đã không đúng theo số lượng, tức là cân đo hoặc đong đếm không đủ số lượng; hoặc người mua tự mình thực hiện việc cân đong các vật dụng hàng hóa, cũng lại cân đong vượt hơn số lượng; hoặc kẻ trả tiền giả; hoặc người thực hiện việc đào tường khoét vách để trộm cắp mà không cho chủ nhân trông thấy. Tạo tác các điều này thì được gọi là *Đạo Tặc Cổ Lực Thâu Đạo*.

2. *Bạo Lực Thâu Đạo (Pasayhàra adinnàdàna)*: tức là người đoạt lấy tài sản vàng bạc của người khác bằng cách hăm dọa và cưỡng ép, hoặc hành hạ bức hiếp đến người chủ tài sản, đã có trạng thái hiện hành tương tự như bọn đạo tặc đi phá hại sự an vui của tất cả mọi người. Hành động tạo tác như vậy đã được gọi là *Bạo Lực Thâu Đạo*.



Lại nữa, với người có các quyền năng thế lực, đã dùng mãnh lực quyền hành của mình đi hăm dọa và cưỡng bức đối với người cô thế yếu kém hơn để cho họ phải cầm lấy những tài sản vàng bạc của cái ấy đem đến cho mình. Như vậy cũng được gọi là *Bạo Lực Thâu Đạo*.

3. *Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo (Parikappàvahàra adinnàdàna)* này có được hai thể loại, đó là:

- *Bhanda parikappàvahàra adinnàdàna* – Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo.
- *Okàsa parikappàvahàra adinnàdàna* – Cơ Hội Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo.

+ Người có sự chuyên nhất sẽ quyết tâm trộm lấy các của cái ấy, thế rồi đã thực hiện hoàn tất việc trộm lấy các của cái ấy đúng phóc với sự ước nguyện của mình. Như vậy đã được gọi là *Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo*. Điển hình như kẻ ấy có sự quyết tâm sẽ trộm lấy cái quần, một khi lên đi vào ở trong nhà của chủ tài sản, và đã túm lấy được cái bao bì đầu tiên của chủ tài sản ấy. Nếu như ở trong cái bao bì đầu tiên ấy, đã có cái quần ở trong đó, và một khi đã nhấc cái bao bì ấy xê dịch khỏi vị trí, thì cũng coi như kẻ ấy đã hoàn tất ở trong việc thực hiện *Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo* rồi vậy. Thế nhưng, nếu như ở trong cái bao bì đầu tiên ấy lại không có cái quần, mà chỉ có loại hàng hóa khác, thì ngay khi có việc nhấc lên ấy thì vẫn chưa gọi là *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Tuy nhiên, khi đã túm lấy cái bao bì ấy và đã mở ra xem thì chỉ thấy những hàng hóa khác, chẳng có cái quần mà mình đã quyết tâm sẽ trộm lấy ở trong đó, liền nghĩ suy rằng “*cho dù chẳng phải là cái quần mà hóa ra lại là hàng hóa khác thì cũng tốt cả thôi!*” Khi đã quyết định như vậy rồi, thế là cũng cầm lấy cái bao bì đầu tiên ấy mà mang đi, chính ngay sát na đó, thì cũng coi như tên trộm đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ở trong điều *Các Cá Đạo Tặc Quyết Tâm Thâu Đạo* rồi vậy.

+ Người thực hiện việc trộm cắp bằng sự quyết tâm chỉ ở trong các địa điểm quy định. Điển hình như kẻ trộm lên vào ở trong khu nhà ở hoặc ở trong nhà của người chủ tài sản, và một khi đã trông vào bất luận một của cái tài sản nào đó rồi khởi sanh lên lòng tham muốn, thế là lòng nghĩ suy trừ tính để đặt để ở trong các địa điểm quy định. Đề cập đến rằng một khi đã cầm lấy những của cái ấy thì có chủ tâm rằng “*Ta sẽ cầm lấy để ở ngay cửa nhà, hoặc để ở dưới cội cây, hoặc để ở ven hàng rào. Nếu như chủ tài sản đã trông thấy thì Ta sẽ bào chữa rằng Ta chỉ muốn nhìn xem các hàng hóa ấy, rồi sẽ đem trả lại y như chỗ cũ vậy. Giả như chủ tài sản đã không có trông thấy thì Ta sẽ lấy đem đi luôn!*” Như thế, một khi kẻ trộm đó đã đem các

của cái ấy đến đặt để ở những địa điểm quy định, thì ngay sát na ấy vẫn chưa thành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Đến khi đem ra khỏi địa điểm đã quy định thì lúc bấy giờ mới coi như đã thành tựu *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ở phần *Cơ Hội Đạo Tặc Thâu Đạo* rồi vậy.

4. *Đạo Tặc Ẩn Lưu Thâu Đạo (Pañicchannàvahàra adinnàdàna)*: tức là kẻ trộm đã lén vào ở trong nhà hoặc ở trong khu nhà ở, hoặc ở trong buồng tắm, hoặc ở trong nhà bếp, v.v. của người khác, thế rồi đã trông thấy các vật phẩm có giá trị, như là chiếc nhẫn, sợi dây chuyền, đồng hồ, dây thắt lưng mà chủ nhân đã cởi ra để ở nơi đó, hoặc đã làm rơi đi, thì đã tìm cách sẽ lấy các vật phẩm ấy cho làm thành của riêng mình, bằng cách lấy bất luận một vật nào đó đem che đậy vật phẩm ấy đi, hoặc nhặt lấy vật phẩm ấy và đem đi cất giấu, hoặc lấy chân đạp giẫm lấy món hàng ấy đi, hoặc bới đất lên và đem chôn lấp vật phẩm ấy, để chờ có được cơ hội một khi chủ nhân đã rời khỏi nơi đó rồi, thì sẽ trộm lấy đem đi. Trong sát na kẻ trộm ấy thực hiện việc đậy đậy che giấu vật phẩm ấy, thì vẫn chưa thành việc *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Đến khi chủ nhân của vật phẩm ấy tìm kiếm không thấy, rồi định bụng về sau sẽ tìm kiếm lại nữa và đã rời khỏi nơi ấy. Khi chủ nhân đã rời khỏi thì ngay khi đó đã coi như kẻ trộm ấy đã hoàn thành việc *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ở phần *Đạo Tặc Ẩn Lưu Thâu Đạo* rồi vậy.

5. *Đạo Tặc Mưu Khôn Thâu Đạo (Kusàvahàra adinnàdàna)*: tức là việc tráo đổi tên gọi chủ nhân vật phẩm không phải là của mình cho thành tên gọi của mình, hoặc tráo đổi vật phẩm chẳng phải là của mình cho làm thành của mình. Chẳng hạn như trong việc bắt lá thắm các món hàng vật phẩm, thì lá thắm mà mình đã bắt được với việc báo tên vật phẩm ấy là cây bút viết; nhưng lá thắm của một người khác lại được báo là chiếc đồng hồ. Khi tự lén mở ra xem thì biết được rằng vật phẩm mà mình đã bắt ấy không sánh bằng của người khác, và rồi đã lén tráo đổi lấy lá thắm của mình với của người đã bắt được chiếc đồng hồ. Thế là, đã tráo lấy lá thắm của người đã bắt được chiếc đồng hồ cho làm thành của mình. Hoặc người Mẹ, người Cha khi đã được biết sắp phải lìa đời thì đã bảo người con cả là người sẽ viết bản di chúc hay biết rằng “*Người con cả thì sẽ có được miếng ruộng và mảnh vườn. Còn người con út đang nghiên cứu học hỏi ở nước ngoài thì sẽ có được khu đất và dãy nhà phố.*” Khi đã viết xong bản di chúc ấy thì đã cho đọc và đã được nghe. Khi đã được nhìn thấy một cách minh bạch, thì đã đồng ký tên và đã đem bỏ vào phong bì niêm lại. Tiếp đến, khi có được cơ hội thì người con cả đã lén mở phong bì ấy ra, lại sửa đổi với cái tên mới rằng “*cho người con cả được có khu đất và dãy nhà phố, còn người con út thì có được miếng ruộng và mảnh vườn*” xong xuôi rồi, thì cũng niêm phong bì lại để y như cũ. Khi người Mẹ người Cha trở bệnh nặng, và đã cho đi gọi bậc Tôn Trưởng hoặc vị Luật Sư đến để cho hay biết về bản di chúc mà đã được người con cả viết thảo ra ấy, và cho ký tên vào để làm thành chứng từ. Tiếp đến, người Mẹ người Cha ấy đã qua đời, khi mở bản di

chúc trước sự hiện diện của con cháu, anh em bà con họ hàng, thì coi như người con cả có được khu đất và dãy nhà phố, còn người con út thì có được miếng ruộng và mảnh vườn, y theo người con cả đã sửa đổi mới rồi vậy. Hành động tạo tác như đã vừa đề cập ở tại đây đã được gọi là *Đạo Tặc Mưu Khôn Thâu Đạo*.

### **Giải Thích Đặc Biệt Trong Đạo Tặc Cổ Lực Thâu Đạo Của Nhóm Đạo Tặc Cổ Lực Ngũ Phần**

Trong nhóm *Đạo Tặc Cổ Lực Ngũ Phần (Theyyàvahàra Pañcaka)* đây, có liên quan dính líu với việc gian lận, và đã được chia ra bốn thể loại, đó là:

1. *Đầu Xứng Gian Lận (Mànakùta)*: sự gian lận liên quan với việc đong đếm vật phẩm hàng hóa qua việc sử dụng dụng cụ cân đo, như có bô thúng, rá rổ, thùng sắt, v.v.
2. *Thiên Bình Gian Lận (Tulakùta)*: sự gian lận liên quan qua việc sử dụng cái cân.
3. *Vật Phẩm Gian Lận (Kamsakùta)*: sự gian lận liên quan với việc trao đổi vật phẩm hàng hóa, như có thau, chậu, chén, bát, đĩa, v.v.
4. *Kim Tiền Gian Lận (Kahapanakùta)*: sự gian lận liên quan với việc làm tiền bạc giả, làm giấy bạc giả.

1. *Đầu Xứng Gian Lận* lại được phân chia ra làm ba thể loại, đó là:

- *Hadayabheda – Để Hạ Thể Cách*
- *Sikhàbheda - Thông Man Thể Cách*
- *Rajjubheda – Trắc Lượng Thể Cách*

+ *Để Hạ Thể Cách (Hadayabheda)*: tức là việc cân đong các loại dầu mỡ, hoặc mật ong qua việc tạo ra dụng cụ cân đong có những lỗ nhỏ. Chẳng hạn như một khi ta là phía người mua thì lấy dụng cụ cân đong ấy cho đục thủng thành những lỗ nhỏ ở phần dưới đáy, rồi đem bỏ vào trong vật chứa đựng dụng cụ cân đong ấy. Một khi đổ dầu mỡ hoặc mật ong vào trong dụng cụ cân đong, thì dầu mỡ hoặc mật ong sẽ chảy ra khỏi dụng cụ cân đong và ở trong vật chứa đựng đang hứng lấy, để làm cho số lượng dầu mỡ hoặc mật ong có được thêm nhiều lên. Thế nhưng, nếu như ta là bên người bán thì sẽ bít các lỗ thủng ấy đi, và khi cân đong thì cố gắng đong một cách mau lẹ và đong không cho tràn đầy. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Để Hạ Thể Cách Đầu Xứng Gian Lận*.

+ *Thông Man Thể Cách (Sikhàbheda)*: tức là việc cân đong lúa thóc, hạt đậu, mè vừng, v.v. qua việc dùng mảnh lưới mưu mẹo trong việc cân đong ấy.

Chẳng hạn như một khi ta là phía người mua thì đổ chậm chậm các hàng hóa ấy vào trong vật chứa đựng dụng cụ cân đong, vì lẽ việc đổ xuống từ từ ấy sẽ làm cho có được số lượng thêm nhiều lên. Và đến giai đoạn hót gạt mặt hàng thì phải cho bằng ngang với miệng của vật chứa đựng, trái lại việc cân đong ấy lấy tay gạt hót lên trên để cho ở ngay chính giữa được nổi vung lên chút ít. Thế nhưng, nếu như ta là bên người bán thì lại đổ vội vàng các hàng hóa ấy vào trong vật chứa đựng dụng cụ cân đong. Trong sự việc đổ một cách vội vã đây, sẽ làm cho số lượng hàng hóa ấy phải bị ít hơn là việc đổ từ từ. Và đến giai đoạn hót gạt mặt hàng ấy, thì lại lấy tay gạt ấn xuống cho ở ngay chính giữa lõm đi chút ít. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Thông Man Thể Cách Đấu Xứng Gian Lận*.

+ *Trắc Lượng Thể Cách (Rajjubheda)*: tức là việc dùng mảnh lới mưu mẹo trong việc đo đạc, chẳng hạn như đo vải, đo đất đai, v.v. Nếu như tự mình đo đạc cho mình thì đo lấy hơn, còn nếu như đo đạc cho người khác thì đo lấy thiếu hụt đi, bằng cách không cho một phía nào bắt được. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Trắc Lượng Thể Cách Đấu Xứng Gian Lận*.

2. *Thiên Bình Gian Lận* lại được phân chia ra làm bốn thể loại, đó là:

- *Rùpakùṭa* – *Tỷ Trọng Gian Lận*
- *Aṅgakùṭa* – *Cân Lượng Gian Lận*
- *Gahaṇakùṭa* – *Chiếm Lạm Gian Lận*
- *Paṭicchannakùṭa* - *Ấn Lậu Gian Lận*

+ *Tỷ Trọng Gian Lận (Rùpakùṭa)*: tức là việc tạo ra hai loại quả cân để đo trọng lượng trong việc cân đong hàng hóa, với một quả nặng và một quả nhẹ. Nếu như ta là phía người mua thì sẽ dùng quả cân nặng mà cân đong, để cho có được số lượng nhiều thêm lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ dùng quả cân nhẹ mà cân đong, để cho giảm bớt số lượng xuống. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Thiên Bình Tỷ Trọng Gian Lận (Tula rùpakùṭa)*.

+ *Cân Lượng Gian Lận (Aṅgakùṭa)*: tức là trong thời gian cân đong hàng hóa, một khi ta là phía người mua thì dùng bàn tay ấn trên cán cân để cân đong về bên phía quả cân lắc, để cho có được số lượng nhiều thêm lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ đè nhấn cái cân về bên phía bỏ hàng hóa vào, để cho số lượng bị giảm bớt đi. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Thiên Bình Cân Lượng Gian Lận (Tulaaṅgakùṭa)*.

+ *Chiếm Lạm Gian Lận (Gahaṇakùṭa)*: tức là trong thời gian cân đong hàng hóa, một khi ta là phía người mua thì sẽ dùng bàn tay nắm ở ngay gốc sợi dây và cho hạ xuống thấp, để cho có được số lượng thêm nhiều lên. Nếu

như ta là bên người bán thì sẽ nằm ở ngay đầu sợi dây, để cho số lượng hàng hóa ấy sẽ bị giảm thiểu đi. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Thiên Bình Chiếm Lạm Gian Lận (Tulagahanakūta)*.

+ *Ẩn Lậu Gian Lận (Paṭicchannakūta)*: tức là việc chế tạo dụng cụ cân đong bằng cách đục lỗ ở ngay cán cân, và rồi lấy các viên thủy ngân hoặc những viên chì nhỏ xíu bỏ vào trong. Một khi ta là phía người mua thì sẽ dốc nghiêng cán cân về bên phía quả cân lắc, để cho viên thủy ngân hoặc viên chì ấy trĩu nặng về phía quả cân, và làm cho có được số lượng nhiều thêm lên. Nếu như ta là bên người bán thì sẽ dốc nghiêng cán cân về bên phía bỏ hàng hóa vào, để cho viên thủy ngân hoặc viên chì ấy trĩu nặng về bên phía hàng hóa, và làm cho số lượng hàng hóa bị vơi ít đi. Việc gian lận theo thể cách này được gọi là *Thiên Bình Ẩn Lậu Gian Lận (Tulapaṭicchannakūta)*.

3. *Vật Phẩm Gian Lận*: tức là thợ bạc hoặc thợ kim hoàn đã tạo ra các vật dụng chứa đựng như có chén bát, đĩa, mâm khay, v.v. để bán. Hàng hóa để bán tại đây đã được tạo ra thành hai thể loại, đó là:

- 1/ đã được tạo ra bằng bạc hoặc vàng ròng nguyên chất,
- 2/ đã được tạo bằng với kim loại đồng pha thiếc, pha thau, rồi đem mạ vàng, mạ bạc vào.

Vả lại cả hai thể loại này có hình sắc tương tự như nhau. Một khi có người đến mua, thì đã lấy mặt hàng bằng vàng ra cho xem. Đến khi đã thỏa thuận xong xuôi giá cả bán buôn với nhau rồi, thì lại tráo đổi lấy mặt hàng chẳng phải vàng ròng ra để bán. Việc gian lận theo thể loại này được gọi là *Vật Phẩm Gian Lận*.

4. *Kim Tiền Gian Lận*: tức là việc tạo ra tiền bạc giả, giấy bạc giả, hoặc hợp kim, những khoáng chất, dựa theo cơ sở khoa học để làm cho các mặt hàng trông giống y như bạc và vàng thật vậy. Thế rồi thực hiện việc bán buôn lừa gạt, đã làm cho người mua hiểu biết sai lạc nghĩ rằng đây là mặt hàng thực. Việc gian lận theo thể loại này được gọi là *Kim Tiền Gian Lận*.

Lại nữa, ở trong *Đạo Tặc Cổ Lực Thâu Đạo (Theyyāvahāra adinnādāna)* này, có một thể loại trộm lấy với tên gọi là *Thủ Đoạn Thâu Đạo (Upāyakathā adinnādāna)*, tức là việc dùng mưu ma chước quỷ lừa đảo cho người khác lầm tin mình, như có tích truyện đã có trình bày để trong bộ *Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapāsādikā Atthakathā)* nói rằng:

“*Thuở ấy có một thợ săn đã săn được hai con nai, với một lớn và một kia nhỏ hơn. Trong sát na đang vác nai bước đi thì có một nam nhân say xỉn đi ngược chiều lại. Nam nhân say xỉn trông thấy nai, liền khởi lòng thích muốn, mới vấn hỏi*

thợ săn về giá cả của hai con nai này là bao nhiêu. Thợ săn đáp rằng giá con nhỏ là một đồng **Kahàpana** (tiền Ấn Độ = 5 shillings Anh Quốc) và con lớn là hai đồng. Kẻ say xin ấy cầm lấy một đồng đưa cho thợ săn và bảo cho lấy con nhỏ. Khi đã nhận được nai, rảo bước đi vừa khuất được một ít lâu, kẻ say xin ấy đã dừng lại và nghĩ suy rằng “Thật tình là Ta muốn được nai lớn hơn là con nhỏ. Do vậy, Ta sẽ phải giờ trò mưu ma chước quỷ để lấy cho bằng được con nai lớn ấy, mà Ta chẳng phải trả thêm đồng tiền nào cả.” Khi đã nghĩ suy như vậy, mới quay trở lại rảo bước đi tìm thợ săn, và bảo rằng “Quả thật là Tôi muốn con nai lớn kia kìa !” Thợ săn đáp “Một khi Ngài thích muốn con lớn thì phải đưa thêm một đồng **Kahàpana** nữa.” Kẻ say xin bảo “Chẳng là Tôi đã đưa cho Ngài cầm lấy một đồng tiền rồi sao ?” Thợ săn trả lời rằng “Phải rồi !” Kẻ say xin lại nói “Có phải giá con nai nhỏ là một đồng tiền phải chăng ?” Thợ săn đáp “Đúng vậy !” Kẻ say xin nói “Nếu là như thế thì Ngài hãy lấy con nhỏ này đi, và lấy con lớn ấy cho Tôi vậy !” Thế là, kẻ say xin ấy đã lấy con nai nhỏ trả lại cho thợ săn, và đã cầm lấy con lớn rảo bước đi, mà chẳng phải trả thêm một đồng tiền nào nữa đến cho người thợ săn.”

Như vậy, hành động tạo tác của kẻ say xin ấy đã được gọi là *Thủ Đoạn Thâu Đạo* rồi vậy.

### Thẩm Xét Việc Kẻ Trộm Thuyền Mà Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo

Có một nam nhân trông thấy chiếc thuyền đang đỗ ở bờ sông, tâm trí liền nghĩ suy sẽ trộm lấy chiếc thuyền ấy đi. Thế rồi, kẻ ấy đã lên vào trong thuyền, và đã trương một cái ô dù hoặc một tấm vải thật to ra, để làm thành chiếc buồm, và đã lái thuyền ấy ra đi, mà chẳng có dùng một cây sào hoặc cây chèo nào cả. Khi thuyền chạy đi được một đỗi đến một bến sông nọ, thế là đã ghé tạt vào và đã bảo bán chiếc thuyền ấy đến một người đang ở trên bến đỗ ấy. Khi đã thỏa thuận xong xuôi giá cả và đã bán được chiếc thuyền ấy. Như vậy, kẻ ấy sẽ được gọi là một tên đạo tặc hay không ? Giải đáp rằng: “Kẻ ấy vẫn chưa Xâm Phạm Nghiệp Đạo Thâu Đạo.” Tuy nhiên, nếu như chủ nhân được hay biết chiếc thuyền đã bị mất trộm, và kịp rượt đuổi theo thì sẽ đòi lại được chiếc thuyền ấy ngay. Nếu như kẻ trộm ấy đồng ý hoàn trả lại chiếc thuyền, hoặc lấy tiền để tính toán hoàn trả lại, thì cũng bắt thành *Thâu Đạo*. Nếu như không hoàn trả lại chiếc thuyền hoặc không hoàn trả tiền lại cho chủ nhân, thì coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Thâu Đạo*. Hoặc nếu như chủ nhân được hay biết là chiếc thuyền ấy bị đánh mất đã lâu rồi và cũng đã có đi tìm mà không tìm ra được tên đạo tặc. Thế là, cũng tương tự như vậy, kẻ trộm ấy sẽ là *Bất Xâm Phạm Thâu Đạo*. Tại đây, là nương theo Tạng Luật thì không hội đủ về *Chi Phần Nỗ Lực (Anṅapayoga)*, vì đã thiếu mất điều thứ tư, đó là “*Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp*”. Thế nhưng, nếu đã nói theo phần *Thành Ngữ dân gian (Vohàranaya)* thì kẻ ấy đã được gọi là tên đạo tặc. Câu



chuyện này đã được Ngài Giáo Sư *Buddhaghosa* trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapàsàdika Atthakathà)* nói rằng:

*“Yo pana tithe ÷hitanàvaṃ àrùhitva ÷heyyacitto arittena và phiyena và pàjeti pàràjikam, sace pana chattaṃ và paṇàmetva cìvaram và pàdehi akkamitva hatthehi ukkhipitva laṅkàrasadisam katva và taṃ gaṇhàpeti, balava và ca càto àgamma navaṃ harati, vàteneva àhaṭà hoti, puggalassa natthi avahàro, payogo atthi so pana ÷hànàcàvanapayogo na hoti, yadi pana taṃ navaṃ evaṃ gacchantiṃ pakatigamanam upacchitva aṅṅam disàbhàgam neti, pàràjikam, sayameva yaṃ kiñci gàmatitthaṃ sampattaṃ ÷hànà acàvento vikiṇitva gacchati, nevatthi avahàro, bhaṇḍàdeyyam pana hoti.”*

Dịch nghĩa là: “Kẻ có Tư Tác Ý sẽ lên lên trên chiếc thuyền để trộm lấy mà chủ nhân đã ở bờ sông, rồi đã chạy lấy chiếc thuyền bằng việc chống sào hoặc chèo đi, thì kẻ ấy ắt hẳn đã phạm đến “Tội Bất Cộng Trụ - *Àpattipàràjika*” rồi vậy. Nếu như chẳng có dùng sào hoặc dùng chèo, mà lại dùng chiếc ô dù hoặc căng vải ra làm thành chiếc buồm cho thuyền, và một khi có gió thổi đến rồi làm cho thuyền ấy đã chạy đi, là như vậy thì cũng vẫn chưa phát sanh việc Thâu Đạo (*Adinnàdàna*) đến với kẻ ấy, vì lẽ cho dù quả thật có sự nỗ lực đi nữa, tuy nhiên sự nỗ lực này vẫn chưa thành Cận Điểm Nỗ Lực (*÷hànàcàvanapayoga*) tức là “sự nỗ lực tác hành việc chuyển động” và thuyền đang chạy đi, là chính do bởi năng lực thường nhiên của gió thổi mà thôi. Nếu như kẻ ấy nỗ lực làm cho thuyền ấy chạy đi một cách dị thường, tức là nỗ lực làm cho thuyền chạy trở ra theo một hướng khác (nghịch chiều với gió thổi), thế là nắm chắc rằng kẻ ấy đã phạm đến “Tội Bất Cộng Trụ”. Nếu như thuyền ấy đã chạy đi theo lẽ thường (thuận chiều gió thổi) cho đến một bến đỗ nọ, ở tại bất luận một thôn làng nào đó, và kẻ ấy đã xuống khỏi thuyền, và chẳng phải tác hành làm cho thuyền chuyển hướng đi theo một hướng nào khác, thế rồi đã bán chiếc thuyền ấy đi. Là như vậy cũng vẫn chưa phát sanh việc Thâu Đạo (*Adinnàdàna*) đến với kẻ ấy, tuy nhiên đã được sắp thành “một kẻ các cá đạo tặc” (*Bhaṇḍatheyyapuggala*), tức là thành “người sẽ phải trả nợ cho người ta.” Nếu như chủ nhân đã hay biết chuyện, và đã đi đến để xin trả lại thì tất phải trả lại, hoặc phải dùng tiền để đền bù trả lại. Nếu như không hoàn trả lại theo bất luận một trường hợp nào cả, thì lúc bấy giờ đã hoàn thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo ở phần Thâu Đạo rồi vậy.”

### **Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Thâu Đạo Nghiệp Lực**

-----00000-----

### **3. TÍNH DỤC TÀ HẠNH (*Kàmesumicchàcàra* - Tà Dâm)**

Từ ngữ nói rằng “*Kàmesumicchàrà*” này, khi chiết tự thì có được ba từ ngữ, đó là: “*Kàmesu + Micchà + Cara*”. *Kàmesu* = Trong việc tính giao (*Kàmesuṭi*

*methunasamàcàresu* – Tính Giao Phạm Dâm Hạnh), *Micchà* = Hối Dâm, có nghĩa “chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách”, *Cara* = Tác Hành (*Ekanta nindito làmakàcàro* – Nhất Định Quở Trách Hối Dâm Hạnh).

Khi kết hợp lại với nhau thành “*Kàmesumicchàra*” dịch nghĩa là “*Sự tác hành hối dâm trong việc tính giao.*” Trình bày câu Chú Giải trong từ ngữ nói rằng “*Kàmesumicchàra*”: “*Micchà carañam = Micchàcàro*”- Sự tà hạnh, tức là sự tác hành hối dâm mà chắc hẳn bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách, gọi là *Tà Hạnh*.

“*Kàmesu micchàcàro = Kàmesumicchàcàro*” (*Aluttasamàsa*) – “*Sự tà hạnh tức là tác hành hối dâm trong việc tính giao mà chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách, được gọi là “Tính Dục Tà Hạnh”.*”

Hoặc một trường hợp khác nữa:

“*Kàmesu micchà caranti etenāti = Kàmesumicchàcàro*”- Những người thường luôn tà hạnh trong việc tính giao với Pháp ấy, như thế Pháp mà thành tác nhân của sự tà hạnh trong việc tính giao ấy, được gọi là *Tính Dục Tà Hạnh*, tức là *Tư Tác Ý Hối Dâm (Methunasavanacetanà)* phối hợp với Tâm Đồng Lực Tham (*Lobhajavana*).

*Giải thích rằng:* Vợ Chồng hành xử với nhau ở trong tính dục, thì đã được nói rằng “*không thành việc tác hành hối dâm*”, mà theo lệ thường của Thế Gian là sẽ không phải bị quở trách bởi các bậc Hiền Triết. Tuy nhiên, nếu như người Nữ hoặc Nam nào hành xử phạm hối dâm đối với người Nữ hoặc Nam mà chẳng phải là Chồng hoặc Vợ của mình, và người Nữ hoặc Nam ấy có Phụ Huynh hoặc người giám hộ gìn giữ, thì hành động tạo tác của người Nữ hoặc Nam ấy đã được nói rằng “*đó là tác hành hối dâm*” mà theo lệ thường của Thế Gian là sẽ phải bị các bậc Hiền Triết quở trách. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới giải thích ở trong từ ngữ nói rằng “*Micchàcàra*” là “*Ekanta nindito làmakàcàro* – *Nhất Định Quở Trách Hối Dâm Hạnh*” – *Quả thật việc hành xử hối dâm thì chắc hẳn là phải bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách.* Việc *Xâm Phạm Tà Dâm* đây, thì thường được thành tựu chỉ do bởi từ ở nơi *Thân Nỗ Lực (Kàyapayoga)*, nghĩa là *phải tác hành từ ở Xác Thân*, và *chẳng phải do bởi bằng Lời nói hoặc bằng Ý nghĩ suy.*

### Trình Bày Chi Pháp Nỗ Lực (**Payoga** – Phần Đầu) Của Tính Dục Tà Hạnh

Việc tạo tác thể loại *Bất Thiện Tính Dục Tà Hạnh* hình thành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ấy, thì cần phải phối hợp với bốn Chi Pháp, đó là:

1. *Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)*: Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến.
2. *Tâm Tư Kết Liên (Tasmim sevanacittam)*: Có tâm tư nghĩ tương sẽ tính giao ở trong vật thể ấy.
3. *Nỗ Lực (Payoga)*: Có sự cố quyết để tính giao.

4. *Đạo Hành Tạo Lập (Maggenamaggapaṭipatanti adhivàsam)*: Có sự duyệt ý ở trong việc kết hợp đạo hành lẫn nhau.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả bốn yếu tố như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thể là người ấy đã tác hành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Tính Dục Tà Hạnh* rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả bốn yếu tố, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo.

Như Ngài Phụ Chú Giải đã có trình bày câu kệ như sau:

|                            |                             |
|----------------------------|-----------------------------|
| <i>Vatthum agamanīyāna</i> | <i>Tasmim sevanacittatā</i> |
| <i>Payogo maggenamagga</i> | <i>Patipatyādhivāsanaṃ</i>  |
| <i>Iti kāmassa cattāro</i> | <i>Payogeko sàhatthiko.</i> |

Dịch nghĩa là:

- 1/ Vật thể không nên dính líu vào hoặc liên quan đến.
- 2/ Có tâm tư nghĩ tưởng sẽ tính giao ở trong vật thể ấy.
- 3/ Có sự cố quyết để tính giao.
- 4/ Có sự duyệt ý ở trong việc kết hợp đạo hành lẫn nhau.

Cả bốn Chi Pháp này là thuộc vào *Sự Nỗ Lực Tính Dục Tà Hạnh*, và lại chỉ có duy nhất một thể loại, đó là *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sàhatthikapayoga)* - do bởi chính tự mình tác hành.

### **Trình Bày Sự Nhận Xét Của Các Bậc Giáo Thọ Ở Trong Vấn Đề Của Cả Bốn Chi Pháp Này**

Tất cả các vị Giáo Thọ Dị Giáo (*Apareàcàriya*) nói rằng: “Người có sự duyệt ý ở trong việc Tính Dục Tà Hạnh ấy, tuy nhiên tự bản thân lại không có vận dụng *Sự Nỗ Lực* ở trong việc tính giao ấy cho dù bất luận trường hợp nào, như vậy các Ngài nói rằng: “Kẻ ấy Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì lẽ thiếu mất yếu tố thứ ba, là *Sự Nỗ Lực (Payogo)*”. Thế nhưng, tất cả các vị Nhất Ban Giáo Sư (*Keci àcàriya*) thì dứt khoát khẳng định rằng: “Cho dù kẻ ấy chẳng có vận dụng *Sự Nỗ Lực* ở trong việc tính giao đi nữa, mà nếu như kẻ ấy lại khởi sinh sự hoan hỷ vui theo, thì cũng coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi.” Vì lẽ các Ngài viện dẫn rằng: “Thông thường hàng Nữ Giới (*Màtugàma*) thì đa số là người chẳng có vận dụng *Sự Nỗ Lực*, tuy nhiên cũng thường làm thành tựu sự việc ấy vậy.”

Còn tất cả các vị Giáo Thọ khác nữa (*Aññeàcàriya*) nói rằng: “Nếu như người đã làm thành tựu sự việc ấy mà chẳng có *Sự Nỗ Lực*, thì cũng không thiết yếu là phải trình bày đến hết cả bốn Chi Pháp phối hợp vào nhau, mà chỉ cần trình

bày ba Chi Pháp ngàn ấy thôi, và lấy Chi Pháp Nỗ Lực ấy ra cũng được.” Thế nhưng, Ngài Chú Giải Sư (*Atthakathacàriya*) đã trình bày đủ cả bốn Chi Pháp ấy, với lý do này, Ngài mới trình bày điều thứ ba với chủ ý để cho nhận thấy rằng *Sự Nỗ Lực (Payoga)* “phần nhiều là thường luôn hiện hữu”. Và lại ở trong Chi Pháp Nỗ Lực này thì chỉ có duy nhất một thể loại, đó là *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sàhatthikapayoga)* - do bởi chính tự mình tác hành, và chẳng thể nào có được *Mệnh Lệnh Nỗ Lực (Ànattikapayoga)*.

### Trình Bày Tội Lỗi Của Tính Dục Tà Hạnh Theo Phân Cực Đại Tội (*Mahàsàvajja*) Và Hy Thiểu Tội (*Appasàvajja*)

Kẻ xúc phạm đối với bậc có Đức Hạnh (*Siladhamma* – sống ở trong Giới Pháp), và cho dù chẳng có sự đồng ý vui theo, thì kẻ xúc phạm ấy ắt hẳn là có *Trọng Tội*. Nếu như xúc phạm đối với người chẳng có đức hạnh, chẳng sống ở trong Giới Pháp, và cho dù chẳng có sự đồng ý vui theo, thì kẻ xúc phạm ấy ắt hẳn là chỉ có *Khinh Tội*. Nếu như xúc phạm với việc hành hạ bức hại xác thân của người, và cho dù kẻ bị hành hạ ấy sẽ chẳng phải là người có đức hạnh một cách đặc biệt đi nữa, thì kẻ xúc phạm ấy hẳn nhiên đã có *Trọng Tội* rồi. Nếu như cả hai phía đều có sự đồng ý với nhau thì ắt hẳn chỉ có *Khinh Tội* mà thôi.

Giữa hạng *Phàm Phu (Puthujjana)* với bậc *Thánh Nhân (Ariyapuggala)* ấy, và việc xúc phạm hạng *Phàm Phu* thì thường có *tội nhẹ* hơn là việc xúc phạm với bậc *Thánh Nhân*. Giữa các bậc *Thánh Nhân* với nhau, thì việc xúc phạm bậc *Thất Lai* thường có *tội nhẹ* hơn là việc xúc phạm với bậc *Nhất Lai*. Việc xúc phạm bậc *Nhất Lai* thì thường có *tội nhẹ* hơn là việc xúc phạm với bậc *Bất Lai*. Việc xúc phạm bậc *Bất Lai* thì thường có *tội nhẹ* hơn là việc xúc phạm với bậc *Vô Sinh*.

Đối với việc xúc phạm *Tính Dục Tà Hạnh* với bậc *Vô Sinh* ấy, thường là có *tội cực nghiêm trọng*, chẳng hạn như tích truyện thanh niên *Nanda* đã xúc phạm đến vị Tỳ Khuru Ni *Uppalavannàtheri* Ngài đã là bậc *Vô Sinh*, ắt hẳn là phải bị thụ lãnh *Trọng Tội*, đã phải bị đày rút với mãnh lực từ ở nơi *Hiện Báo Nghiệp Lực (Ditthadhammavedanīyakamma)*. Và rồi lại phải bị đi tục sinh ở trong *Vô Gian Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)*, phải bị thụ lãnh sự thống khổ muôn vạn đại kiếp do bởi mãnh lực từ ở nơi *Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma)*.

Lại nữa, trong cả bốn Chi Pháp ấy, với Chi thứ nhất “*Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamanīyavatthu)*” là “*vật thể không nên dính lúu vào hoặc liên quan đến*”, đó chính là người Nữ hoặc Nam không nên dính lúu hoặc liên quan đến.

Có 20 nhóm người Nữ hoặc Nam không nên dính lúu vào, đó là:

Mà – Pi – Màpi – Bha – Bhà – Nà – Go – Dhamma – Sa – Sà  
Dha – Chan – Bho – Pa – O – O – Dha – Kamma – Đà – Muhà

1. *Mẫu Thân Quán Hạt (Màturakkhità)*: Người Nữ có người Mẹ trông nom, vì lẽ người Cha đã mất hoặc không được sống với người Mẹ.
2. *Phụ Thân Quán Hạt (Piturakkhità)*: Người Nữ có người Cha trông nom.
3. *Phụ Mẫu Quán Hạt (Màtāpiturakkhità)*: Người Nữ có Mẹ Cha trông nom. (Nếu như người Nữ chỉ có người Mẹ trông nom, thì người Nữ ấy không được gọi là *Phụ Thân Quán Hạt*. Nếu như người Nữ chỉ có người Cha trông nom, thì người Nữ ấy không được gọi là *Mẫu Thân Quán Hạt*. Nếu như người Nữ ấy có cả Mẹ và Cha trông nom, thì người Nữ ấy cũng không được gọi là *Mẫu Thân Quán Hạt*, và *Phụ Thân Quán Hạt*, vì lẽ ở trong thuộc diện *Phụ Mẫu Quán Hạt*, tức là có được cả hai người Mẹ và Cha trông nom).
4. *Tỷ Muội Quán Hạt (Bhaginirakkhità)*: Người Nữ có người Chị gái trông nom, hoặc người Em gái thành người trông coi gìn giữ.
5. *Huynh Đệ Quán Hạt (Bhàturakkhità)*: Người Nữ có người Anh trai trông nom, hoặc người Em trai thành người trông coi gìn giữ.
6. *Gia Quyển Quán Hạt (Nàtirakkhità)*: Người Nữ có quyền thuộc thành người trông nom.
7. *Tông Môn Quán Hạt (Gottarakkhita)*: Người Nữ có cùng một gia tộc với nhau, hoặc cùng một dòng giống với nhau, thành người trông nom. (Chỗ nói rằng “*cùng một dòng giống với nhau làm thành người trông nom*” lập ý đến người Nữ đang sinh sống ở ngoại quốc và ở trong sự trông nom của người đồng hương với mình, như có tòa đại sứ, v.v.)
8. *Giới Pháp Quán Hạt (Dhammarakkhità)*: Người Nữ có người đồng Phạm Hạnh tiến tu Giới Pháp với nhau, làm thành người trông nom. Chẳng hạn như người Nữ xuất gia làm Nữ Tu thì có vị Trưởng Chúng (*Ni Trưởng*) làm thành người trông nom, v.v. Vì thế cho nên ở trong bộ *Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh (Sàratthadīpanīṭikā)* đã có nói rằng: “*Ekam satthàram uddissa pabbajitehiti iminā paṇḍaraṅga paribbàjikà dayo dasseti*”- Dịch nghĩa là: “*Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để được biết đến hạng Nữ Tu Sĩ Lang Thang (Paribbàjikà) v.v. đã vẫn mặc bạch y qua việc dùng từ ngữ nói rằng “Bậc đã xuất gia cống hiến bản thân mình đến Giáo Pháp của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.”*”
9. *Quản Thúc (Saparidaṇḍà)*: Người Nữ đang bị nhà Vua hoặc người có quyền lực giam giữ. (Chẳng hạn như nhà chánh quyền đang giam giữ, không cho hành động theo ý muốn của mình).
10. *Giám Hộ (Sàrakkhà)*: Người Nữ đã có người cả quyết từ khi còn ở trong hoài thai (*lệ tục tảo hôn*) hoặc người Nữ là đôi lứa đã đính hôn. Cả hai nhóm người Nữ - *Quản Thúc (Saparidaṇḍà)* và *Giám Hộ (Sàrakkhà)* đây, là hạng người Nữ đã không có được tự do, tức là đã có vị chủ nhân rồi. Nếu

như tự bản thân lại ưa thích đem trao tặng xác thân cho đến nam nhân khác, thì chẳng khác gì tự bản thân đã trộm lấy của mình mà đã có chủ nhân tâng tiu quý trọng để đem cho đến người khác vậy. Như thế, người Nữ ấy coi như đã *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ *Phụ Chú Giải Thập Tam Chương (Terasakaṇḍaṭṭhā)* nói rằng: **“*Pacchimānaṃ dvinnaṃ ti sàraṅkhā sapaṛidaṇḍānaṃ micchàcàro hoti tàsaṃ sassàmikabhàvato*”**- Dịch nghĩa là: *“Hai hạng người Nữ ở đằng cuối, tức là Quán Thúc và Giám Hộ đây, nếu như đã đồng ý trao thân mình cho đến nam nhân khác thì coi như đã phạm Tà Hạnh, vì lẽ những hạng người Nữ này là người đã có chủ nhân rồi.”* Đối với người Nữ đã bị nhà nước trừng phạt giam giữ, và không được gọi là nhóm người Nữ thuộc diện *Quán Thúc* hoặc *Giám Hộ*, thì cho dù sẽ có nhà chức trách trông coi quản thúc và sự hiện hành cũng y như thể với nhóm người Nữ thuộc diện *Mẫu Thân Quán Hạt, Phụ Thân Quán Hạt* đi nữa, nếu là như thế mà nhóm người Nữ này sẽ đem trao thân mình đến nam nhân nào, thì cũng không coi đó là *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*.

11. **Kim Tiền Mai Hôn (Dhanakkità):** Người Nữ mà có người Nam đến mua, chẳng hạn như người Nữ đã đến từ ở nước ngoài lại không có thủy cước phí. Khi đã đi đến quyết định rồi, thì chủ tàu đã sắp bày việc bán đấu giá người Nữ ấy, và đã có người Nam đến xuất tiền ra giải cứu người Nữ ấy đi. Hoặc người Nữ đã có nô lệ phí do bởi Mẹ Cha đem gả bán và có người Nam chủ nhân xuất tiền ra thanh toán để giải cứu người Nữ ấy đi, chẳng hạn như vậy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là *Kim Tiền Mai Hôn*.
12. **Đồng Thuận Trụ Hộ (Chandavāsini):** Người Nữ một cách tự nguyện đến ở với người Nam, chẳng hạn như người Nữ lân ái bất luận một người Nam nào đó mà Mẹ Cha đã bất duyệt ý gả cho. Người Nữ ấy đã bỏ trốn đi và ở với người Nam ấy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là *Đồng Thuận Trụ Hộ*. Đối với người Nam lân ái nhóm người Nữ này để cho làm thành người vợ, thì không được gọi là *Tính Dục Tà Hạnh*.
13. **Tài Sản Trụ Hộ (Bhogavāsini):** Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong tài sản của cải.
14. **Y Phục Trụ Hộ (Paṭavāsini):** Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong vấn đề vấn mặc y phục.
15. **Phong Tục Kết Hôn (Odapattagini):** Người Nữ làm vợ của người Nam với nghi thức của việc kết hôn bằng cách nắm lấy tay cô dâu và chú rể cho nhúng vào trong thau nước. Việc kết hôn theo nghi thức này, bậc Tôn Thượng phía cô dâu và chú rể đã cầm lấy tay của cô dâu và chú rể nhúng vào trong thau nước, và rồi ban lời chúc phúc đến cô dâu chú rể *“xin được sống với sự tương thân tương ái thương yêu hòa hợp với nhau, xin đừng cho có sự chia rẽ cùng nhau giống như một với nước ở trong thau, xin sống*



trương hòa không có sự bất hòa sứt mẻ lẫn nhau.” Đối với phụ nữ Thái Lan, ở trong việc kết hôn thì vị Trưởng Tộc đã thực hiện “*Lễ Tăng Hội (Saṅgha)* rót nước thành hôn lên trên tay của đôi tân hôn (sẽ bắt đầu vào lúc 4:00 PM)” ở trong nhóm người Nữ thuộc *Phong Tục Kết Hôn*.

16. *Thoát Ly Giang Đài (Obhataṣumbattā)*: Người Nữ làm vợ của người Nam bởi do người Nam ấy là vị cứu nhân cho thoát khỏi việc khuân vác hàng hóa đội ở trên đầu. Có ý nghĩa là nhóm người Nữ này là hạng người nghèo khổ đã vác đội hàng hóa đi bán buôn mỗi ngày. Một khi có người Nam phát sanh duyệt ý ở trong lòng với người Nữ ấy, đã tiếp đón và cấp dưỡng cho làm thành người vợ. Thế là người Nữ ấy coi như không còn phải vác đội hàng hóa đi bán nữa, và rồi, đã vứt bỏ đi hàng hóa đã chứa đựng ở trong các thùng chứa đựng.
17. *Tù Binh (Dhajāhatā)*: Người Nữ đã là tù binh, rồi bắt làm vợ của người Nam ấy.
18. *Nô Bộc Thê (Kammakàribhariyā)*: Người Nữ đã là kẻ làm thuê mướn công việc ở trong nhà, hoặc ở trong cửa hàng, hãng xưởng của người Nam ấy, và rồi người Nam ấy lấy làm vợ.
19. *Nô Lệ Thê (Dāsibhariyā)*: Người Nữ đã là kẻ tôi tớ ở bên trong nhà của người Nam ấy, rồi người Nam ấy đã lấy làm vợ.
20. *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikā)*: Người Nữ làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có lâu dài.

Người Nữ làm vợ của chín nhóm người Nam, gồm có *Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkittā)* v.v. cho đến *Nô Lệ Thê (Dāsibhariyā)* ấy, một khi vẫn còn ở với người Nam ấy thì vẫn được gọi là người vợ chính thức; tuy nhiên đối với *Tạm Bất Khả Cứu Thê (Muhuttikā)* ấy, là hạng người vợ thuê mướn chỉ với thời gian là ba ngày, bảy ngày hoặc là một tháng mà thôi.

Trong tất cả những 20 nhóm người Nữ ấy, thì 8 nhóm người Nữ kể từ *Mẫu Thân Quản Hạt (Màturakkhitā)* v.v. cho đến *Giới Pháp Quản Hạt (Dhamma rakkhitā)*, những nhóm này vẫn chưa có được người chồng làm chủ nhân ở trong xác thân của mình, và chính tự bản thân làm chủ quyền ở trong xác thân của mình. Một khi duyệt ý ở trong người Nam nào rồi, thì sẽ trao tặng xác thân cho đến người Nam ấy, và việc thực hiện như vậy không có sai phạm ở trong điều *Tính Dục Tà Hạnh*. Cho dù sẽ có Mẹ Cha, anh chị em quyến thuộc, v.v. là người trông nom gìn giữ đi nữa, thì cũng chẳng phải là chủ nhân xác thân, mà đó chỉ là người bảo hộ trông nom, và không cho người Nam được đến hành hạ bắt nạt ngàn ấy mà thôi. Tuy nhiên cho dù như thế nào, cho dù sẽ không có tội ở trong con đường Đạo Pháp đi nữa, nhưng ắt hẳn sẽ có tội ở trong con đường Thế Gian. Tức là ắt hẳn phải bị khinh miệt, và bị quở trách đối với tha nhân, sẽ dẫn đến sự xấu hổ, sự khổ tâm

buồn lòng ở trong bản thân, và sẽ làm phát sanh điều Bất Thiện cho thành tác nhân dẫn đến sa đọa vào trong *Thống Khổ Địa Giới (Apàyabhùmi)*.

Đối với phía người Nam mà đã có dính líu cùng với chín nhóm người Nữ đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì coi như đã là việc *Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh*. Còn những 12 nhóm người Nữ còn lại, gồm có *Quản Thúc (Saparidandà)* v.v. cho đến *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikà)*, những hạng người Nữ này thì đã có chồng rồi, cho dù người Nữ thuộc nhóm *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikà)* làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có được lâu dài đi nữa, thì cũng coi giống như là đã có chồng vậy; và như thế, nếu như những nhóm người Nữ này ngoại tình người Chồng, tự trao thân cho người Nam khác; thế là đã xúc phạm rồi, và coi như đã *Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh* rồi vậy.

Đối với người Nữ thuộc nhóm kỹ nữ, nếu như có bắt luận một người Nam nào đó đồng ý đi đến để đặt mua bằng cách đã trả tiền trước rồi, nhưng vẫn chưa được kết hợp cho hoàn thành chức nghiệp (*chưa ngã ngũ việc ký kết hợp đồng*), thì trong khoảng thời gian đó, nếu như người Nữ đó lại đồng ý đón nhận tiền thuê bao cùng với người Nam khác, thì coi như đã là việc *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh* rồi vậy. Cũng như Đức Phật Ngài đã có khái thuyết đề ở trong *Túc Sanh Truyện Giáo Pháp Tôn Sư (Garudhammajataka – Kurudhamma, số 276)* đã đề cập đến tích truyện về một nàng kỹ nữ ở trong thành phố *Indapatta* thuộc xứ *Kuru*.

Tích truyện được kể như sau: “*Có một nàng kỹ nữ chấp trì đức hạnh rất tinh chuyên. Một hôm, Thiên Chủ Đế Thích Sakka, vì muốn thử đức hạnh của cô ta, liền hóa ra một nam nhân đến trao cho cô ta với một số tiền là một ngàn đồng tiền và đã nói rằng: “Chốc nữa, Ta sẽ trở lại !” Thế rồi, Ngài đã quay trở về Đạo Lợi Thiên Giới, và suốt cả ba năm liền không xuống thăm viếng cô ta. Riêng nàng kỹ nữ ấy, vì giữ danh dự tiết hạnh, cũng suốt ba năm qua đã không nhận dù chỉ một miếng trầu từ bất cứ một nam nhân nào cả. Dần dần, cô ta trở nên nghèo khổ, rồi chính tự nơi nàng đã thâm nghĩ “Nam nhân đã cho Ta một ngàn đồng kia, đã ba năm qua rồi không hề trở lại, và giờ đây Ta đã trở nên nghèo khổ. Ta không thể giữ gìn cả xác thân và tâm hồn cùng một lúc được nữa, nay Ta phải đến kể cho Ngài Phán Quan và sẽ đi kiếm tiền như trước đây.” Thế là, cô ta đã đi đến Pháp Đường và nói rằng: “Cách đây ba năm, có một nam nhân đến cho Tôi một ngàn đồng rồi đã ra đi và chẳng hề trở lại. Tôi cũng không biết nam nhân ấy đã chết mất rồi hay chưa. Tôi không thể nào giữ trọn vừa xác thân lẫn tâm hồn của Tôi được nữa. Thưa Ngài, Tôi phải làm sao đây ?” Vị Phán Quan trả lời: “Nếu đã ba năm mà nam nhân ấy đã không trở lại thì người phải làm gì u ? Hãy đi kiếm tiền như trước kia đi !” Ngay sau khi cô ta rời Pháp Đường với lời phán quyết kia, thì có một nam nhân đi đến trao tặng cho cô ta một ngàn đồng. Trong khi nàng ta đang đưa tay ra nhận lấy thì Thiên Chủ Đế Thích lại hiện thành vị nam nhân nọ. Cô ta liền bảo rằng: “Đây chính là người đã cho Tôi một ngàn đồng vào ba năm trước đây, Tôi không nên lấy tiền của ông.” Thế rồi, cô ta đã rút tay lại. Bấy giờ,*

*Thiên Chủ Đế Thích lại hiện nguyên hình của Ngài, rồi lại thị hiện ở trên hư không, sáng rực như ánh mặt trời mọc ở ban mai, và đã triệu tập cả thành phố tụ tập lại. Đứng giữa đám đông ở trên hư không, Ngài Đế Thích nói rằng: “Để thử lòng tốt của cô ta, cách đây ba năm, Ta đã trao cho nàng một ngàn đồng. Nay hãy làm như cô ta, hãy biết gìn giữ lấy danh dự của các người như cô ta đã từng gìn giữ lấy danh dự của mình vậy.” Sau lời khuyên bảo ấy, Ngài Đế Thích đã ban cho nhà của nàng kỹ nữ ấy với đủ bảy thể loại ngọc ngà châu báu, và nói tiếp rằng: “Từ nay, hãy tỉnh giác hộ phòng !” Ngài đã khuyên bảo cô kỹ nữ như thế, và rồi đã quay trở về lại Thiên Giới. Riêng cô kỹ nữ đã nói với mọi người rằng: “Bởi vì trước kia, Tôi đã nhận số tiền của một nam nhân, thế mà sau đó lại đưa tay ra muốn nhận lấy tiền của một nam nhân khác nữa, thế là đức hạnh của Tôi đây đã không được toàn hảo ! Do đó, Tôi không thể nào truyền trao Giới Luật đến cho quý Ngài được.” Nghe thế, mọi người đã bảo rằng: “Mới chỉ có đưa tay ra thôi thì đã không xâm phạm chi đến đức hạnh cả, và đức hạnh kia của cô quả thật là toàn hảo đệ nhất vậy !” (Cô kỹ nữ là tiền thân của Tỳ Khuru Ni **Uppalavanna**. Nội dung tích truyện được Đức Phật khuyến giáo về các bậc Hiền Triết xưa kia trước thời kỳ Đức Phật hiện hữu, mặc dù phải sống đời trần tục bất tịnh, nhưng họ đã luôn sám hối phát lồ về những điều rất nhỏ nhặt vi tế, và đã là một vị Tỳ Khuru thì phải biết tiết chế trong mọi hành động tạo tác về Thân, Lời nói và Ý nghĩ suy.)*

*Từ Vua, Thái Hậu kẻ đi,  
Lại thêm Hoàng Hậu, kẻ vì Phó Vương,  
Thầy tế tự, kẻ coi lương,  
Người nài, cùng kẻ trên đường đánh xe.  
Người coi kho báu chuyên bề,  
Thêm người gác cổng, Á nghề phán son.  
Mười người lẻ một vừa tròn,  
Kuru Chánh Pháp cung tôn, giữ gìn.*

Trong những 12 nhóm người Nữ này, chẳng phải chỉ sẽ nói rằng *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh* với người Nam khác, mà ngay cả sẽ *Xâm Phạm* với Hữu Tình Bàng Sanh là cũng không thể có được tương tự như nhau. Chẳng hạn như tích truyện về Hoàng Hậu **Mallikadevi** của Đức Vua **Pasenadikosala** đã *xâm phạm tính dục* với con chó ở trong buồng tắm, và khi mạng vong thì đã phải tục sinh ở trong *Vô Gián Đại Địa Ngục (Avicimahanaraka)*.

Đối với phía người Nam, nếu như đã có người vợ thuộc bất luận một trong những 10 nhóm vợ, gồm có *Kim Tiền Mai Hôn (Dhanakkita)* v.v. cho đến *Tạm Bất Khả Cứu Thê (Muhuttika)* ấy, hoặc đôi lứa đã đính hôn thuộc nhóm *Giám Hộ (Sarakkha)*, thế rồi sẽ ngoại tình người vợ hoặc với người đã đính hôn của mình, lại đi *xâm phạm tính dục* với người Nữ đã là vợ của một tha nhân, hoặc là người đã

đính hôn của người khác; thế là không thể được, nếu đã hành động thì cũng coi như đã *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*.

Tóm lại, người Nam không thể hành xử *Xâm Phạm Tính Dục* ở trong hết cả 20 nhóm người Nữ ấy. Và 12 nhóm người Nữ, gồm có *Quản Thúc (Saparidaṇḍā)* v.v. cho đến *Tam Bất Khả Cữu (Muhuttikā)*, thì với những hạng người Nữ này sẽ không thể tự trao thân cho đến người Nam khác được. Và 8 nhóm người Nữ, gồm có *Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)* v.v. cho đến *Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā)*, với những hạng người Nữ này, nếu như một cách tự nguyện trao thân cho đến người Nam thì cũng không có sai phạm điều *Tính Dục Tà Hạnh*. Cũng như ở trong bộ *Chú Giải Đại Phẩm Tương Ứng (Mahāvagga sampayutta Atthakathā)* và bộ *Phụ Chú Giải Thập Tam Chương (Terasakaṇḍa ṭīkā)* nói rằng: “*Purisassa pana tàsu vīsatisu kāmesumicchàcāro hoti, māturakkhitādinam aṭṭhannaṃ micchàcāro natthi asāmikattā tàsu gatānaṃ purisānameva micchàcāro hoti mātādihi rakkhitattā, sesānaṃ pana purisantaragamane micchàcāro hoti, kasmā sassāmikabhāvato*”- Dịch nghĩa là: “*Đối với người Nam, nếu như xâm phạm tính dục ở trong 20 nhóm người Nữ ấy, thì ắt hẳn đã tạo thành Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực.*”

*Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực* thường không có đối với chín nhóm người Nữ, gồm có *Mẫu Thân Quản Hạt (Māturakkhitā)* v.v. cho đến *Giới Pháp Quản Hạt (Dhammarakkhitā)*, vì lẽ vẫn chưa có *Chồng*. Tuy nhiên, người Nam mà dính líu chỉ với 8 nhóm người Nữ này, thì sẽ thành *Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực*, vì lẽ những hạng người Nữ này đã là người có *Mẹ Cha* v.v. trông nom gìn giữ. Còn 12 nhóm người Nữ còn lại ấy, một khi hành xử xâm phạm tính dục với người Nam khác, chẳng phải là *Chồng* của mình, thì hẳn nhiên đã là *Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lực*, vì lẽ đã là người có *Chồng* trông nom gìn giữ.”

### Những Câu Vấn Hỏi Đặc Biệt Ở Trong Việc Tính Dục Tà Hạnh

1. Ở bên trong phòng tối đen, người Nam xâm phạm tính dục với Vợ của tha nhân vì hiểu rằng đó là Vợ của mình, và người Nữ cũng không có cưỡng lại vì hiểu rằng đó là *Chồng* của mình.
2. Người Cha xâm phạm tính dục với con gái của mình.
3. Người Nam xâm phạm tính dục với nàng kỹ nữ.
4. Người Nam xâm phạm tính dục với loài Hữu Tình Bàng Sanh thuộc giống cái.
5. Người Nam xâm phạm tính dục với người Nữ có tâm trí không tốt (mất trí).
6. Người Nam xâm phạm tính dục với người Nữ đã từ bỏ *Chồng*.
7. Người Nam xâm phạm tính dục theo lộ đại tiện (*Vaccamagga – Hậu Môn*) của người Nữ.

8. Người Nam xâm phạm tính dục cùng với người Nam.
9. Người Nữ xâm phạm tính dục cùng với người Nữ.
10. Người Nữ xâm phạm tính dục với loài Hữu Tình Bàng Sanh thuộc giống đực.

Hành động tạo tác của những 10 thể loại người Nam và Nữ đây, có sẽ làm thành việc *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh* hay không ?

### Tiếp Theo Đây Sẽ Tuần Tự Thẩm Xét Trong Những Điều Vấn Hỏi Nêu Trên

+ **Điều thứ nhất:** Cả hai người Nam và Nữ coi như đã *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*, bởi vì đã hội đủ cả bốn Chi Pháp, gồm có “*Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)* là *Vật thể không nên dính lúu vào hoặc liên quan đến*”, v.v. Tuy nhiên lại không thành *Cực Đại Tội (Mahàsàvajja)* là vì không có *Tư Tác Ý* để sẽ tác hành vụng trộm, và lại cũng do bởi sự hiểu lầm mà thôi. Quả thật hành động tạo tác có đôi điều Ác Hạnh, cho dù đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* đi nữa, nhưng tội lỗi ấy cũng chẳng phải là nghiêm trọng. Rằng một khi đã theo thực tính hiện hữu ở trong *Tư Tác Ý* thì thành trọng đại, nếu như có *Tư Tác Ý xấu ác* thì sẽ có *Trọng Tội*, và nếu như không có *Tư Tác Ý xấu ác* thì sẽ là *Khinh Tội*.

+ **Điều thứ hai:** Nếu như người con gái ấy vẫn đang còn có người Mẹ, thì người Cha đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như không có người Mẹ là người đang trông nom gìn giữ, do bởi người Mẹ đã quá vắng hoặc đã không được ở với nhau, thì người Cha sẽ là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Tuy nhiên *Tư Tác Ý* này quá xấu xa, do đó ắt hẳn phải có tội nghiêm trọng. Nếu như người con gái ấy không được ở với Mẹ Cha, mà lại ở với anh chị em quyến thuộc, hoặc ở trong trú xứ của Giáo Thọ hoặc của Nữ Tu, thì người Cha hành động như thế coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

+ **Điều thứ ba:** Nếu như người Nữ ấy có Chủ cơ sở là người trông nom gìn giữ, và Chủ cơ sở bất duyệt ý với người Nam ấy, thì coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như Chủ cơ sở ấy lại duyệt ý thì sẽ là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

+ **Điều thứ tư:** Nếu như loài Hữu Tình Bàng Sanh thuộc giống cái ấy có đôi cặp dính liền nhau không xen lẫn, hoặc có Mẹ Cha là người đang trông nom gìn giữ, thì người Nam ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như loài Hữu Tình ấy không có ai trông nom gìn giữ như đã vừa đề cập đến, thì sẽ là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

+ **Điều thứ năm:** Nếu như người Nữ có tâm trí không tốt (*mất trí*) ấy có người trông nom gìn giữ, thì người Nam ấy đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như người Nữ ấy lại không có người trông nom gìn giữ, thì sẽ là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

+ **Điều thứ sáu:** Với người Nữ đã từ bỏ Chồng, và nếu như người Chồng đã ruồng bỏ mà không có lý do thích đáng, thì cả hai phía Nam và Nữ ấy coi như

đã *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như người Chồng vẫn đang còn lui tới liên lạc với nhau, hoặc không có được lui tới với nhau nhưng vẫn đang còn trợ cấp nuôi dưỡng, thì cả hai phía Nam và Nữ ấy coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

+ **Điều thứ bảy:** Nếu như người Nữ ấy là vợ của mình thì sẽ là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như chẳng phải là vợ của mình, thì đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* rồi.

+ **Điều thứ tám:** Bất luận trường hợp nào thì cũng không coi là việc *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh Nghiệp Lục*, bởi vì chẳng phải là “*Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)* là *Vật thể không nên dính lúu vào hoặc liên quan đến*”, mà chỉ được gọi là “*hành xử sai trật thuộc Tà Hạnh Pháp*” (*Micchàdhammà*) ngàn ấy mà thôi.

+ **Điều thứ chín:** Không coi là việc *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*, tương tự với điều thứ tám.

+ **Điều thứ mười:** Nếu như người Nữ ấy có Chồng hoặc có đôi lứa đã đính hôn rồi, thì coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như người Nữ ấy độc lập, thì sẽ không coi là *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

### **Việc Âm Tửu Đã Được Liệt Kê Vào Trong Tính Dục Tà Hạnh Và Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo**

Việc uống rượu mà gọi là *Âm Tửu (Sùrapàna)*, tức là *Tư Tác Ý* làm thành tác nhân từ ở nơi việc uống rượu. *Âm Tửu* đây, Đức Phật đã lập ý chế định cho thành một điều giới luật ở trong số lượng của Ngũ Giới, và đã được trình bày tội lỗi một cách nghiêm trọng của việc uống rượu để ở trong Chánh Tạng Pàli Tăng Chi Bộ Kinh nói rằng: “*Suràmerayapànaṃ bhikkhave aseviṭaṃ bhàvitaṃ bahulikataṃ nirayaṣaṃvattanikaṃ tiracchānayaṣaṃvattanikaṃ pettivisaya ṣaṃvattanikaṃ. Yo ca sabbalahuko suràmerayapànassa vipàko so manussa bhùtassa ummattakaṣaṃvattanikaṃ hoti*”- Dịch nghĩa là: “*Này Chư Tỳ Khuru, việc uống rượu và các chất say đây, một khi đã uống một cách thường xuyên, uống với số lượng nhiều vào, và uống rất nhiều lần vào, thì ắt hẳn có khả năng dẫn dắt đi đến Cõi Địa Ngục, Cõi Bàn Sanh, Cõi Nga Quỷ. Tội lỗi của việc uống rượu thì vô cùng khinh thiếu. Một khi có được cơ hội được tục sinh làm Nhân Loại, thì với các Thiện Nghiệp khác, người ấy thường là kẻ điên cuồng.*”

Tuy nhiên tại làm sao việc uống rượu đây, mới không được sắp vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo ?

*Giải thích rằng:* Việc uống rượu đây, với bất luận trường hợp nào nếu như người uống đã không có tạo tác Ác Hạnh (*Duccarita*) về Thân, Lời và Ý, uống chỉ là để có sự hoan hỷ và vui thích ngàn ấy thôi, thì cũng tương đồng với sự hoan hỷ ở trong *Dục Trần (Kāmaguṇa)* có *Cảnh Vị (Rasārammaṇa)* vậy. Cũng tương tự



với người đã *phạm dâm hạnh*, bởi vì người đã *phạm dâm hạnh* thì thường có sự vui thích ở trong *Dục Trần*, đó là *Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbàrammaṇa)* và *Cảnh Vị (Rasàrammaṇa)* cùng với *Cảnh Xúc* mà có liên quan với việc uống rượu. Và việc *phạm dâm hạnh* này, hiện thực chính là *Cảnh Dục Trần (Kāmaguṇàrammaṇa)*. Vì thế, người uống rượu một khi vẫn chưa tạo tác *Ác Hạnh*, thì đã được liệt kê vào ở trong điều *Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchàcàra)* với ý nghĩa là “*Tà Hạnh ở trong Cảnh Dục Trần*” (*Kāmesu: Tính Dục + Micchàcàro: Tà Hạnh*). Và việc uống rượu đây, đã làm thành tác nhân đối với việc tạo tác từng mỗi điều *Ác Hạnh*. Cho dù người ấy sẽ là người rõ biết về *Sự Hồ Thẹn (Tàm)*, rõ biết về *Sự Ghê Sợ (Quý)* đối với hành động tạo tác các điều xấu ác đi nữa; tuy nhiên nếu như đã được uống rượu vào cho đến đôi phát sanh sự chệnh choáng ngà ngà say, thế là đã từng có *Tàm* cũng thành *Vô Tàm*, đã từng có *Quý* cũng thành *Vô Quý*, đã từng e ngại cũng không còn e ngại, và thường có khả năng thực hiện đủ các thể loại *Ác Hạnh* với mãnh lực của rượu ấy vào. Do thế, người uống rượu một khi đã tạo tác ở trong điều *Ác Hạnh* nào rồi, thì thường được liệt kê vào ở trong *Bất Thiện Nghiệp Đạo*, một khi điều ấy đã được hoàn thành ở trong tự bản thân. Chẳng hạn như đã uống rượu vào, rồi sát mạng loài Hữu Tình thì được liệt kê vào ở trong điều *Sát Mạng (Paṇātipāta)*. Nếu như việc nói dối thì cũng được liệt kê vào ở trong điều *Vọng Ngữ (Musāvāda)*. Nếu như việc nghĩ suy sẽ lấy của cải của người khác cho làm thành tài sản của mình một cách *Bất Chánh Pháp* thì cũng được liệt kê vào ở trong điều *Tham Ác (Abhijjhā)*, chẳng hạn như vậy. Với lý do này, Đức Phật mới không có lập ý trình bày một cách riêng biệt ở trong phần *Bất Thiện Nghiệp Đạo*.

Vì thế, Ngài Trưởng Lão *Ānanda* mới trình bày để ở trong bộ *Phụ Chú Giải Căn Gốc (Mūlaṭīkā)* nói rằng: “*Tassa sabhāgattena micchàcàre, upakāra-kattena dasasu pi kammāpathesu anuppaveso hoti*”- Dịch nghĩa là: “*Việc uống rượu đây thuận từng vào ở trong Tính Dục Tà Hạnh, là vì có thực tính tương tự với Tính Dục Tà Hạnh. Và lại thuận từng vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo, là vì giúp đỡ ủng hộ cho hoàn thành Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.*” Trong bộ *Phụ Chú Giải Minh Nghĩa (Vibhāvanīṭikā)* và ở trong bộ *Phụ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisambhidāmaggaṭīkā)* đã có được đề cập đến rằng: “*Surāpānaṃ pi ettheva saṅgayhatīti vadanti rasasaṅkhātesu kāmesumicchàcàrabhāvato*”- Dịch nghĩa là: “*Tất cả bậc Giáo Thọ Sư nói rằng việc uống rượu thì đã được liệt kê vào ở trong Tính Dục Tà Hạnh, là vì có tà hạnh ở trong tính dục, tức là Cảnh Vị.*”

“*Surāpānaṃ hi madassa paccayo, mado apuññapathassa hoti*”- “*Việc uống rượu làm thành tác nhân cho việc say sưa, và việc say sưa này làm thành tác nhân cho việc tạo tác Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo*”.

Lại nữa, việc uống rượu đây, đã làm cho thành tựu hai thể loại *Sự Vụ (Kicca)*, đó là:

1. *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ (Paṭisandhijananakicca)*: Sự Vụ làm cho tục sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới.
2. *Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ (Kammajananakicca)*: Sự Vụ làm cho thành tựu hành động tạo tác Ác Hạnh.

Trong cả hai thể loại Sự Vụ này, *Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ* có năng lực dũng mãnh hơn *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ*, và có việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác các *Tà Mạng Ác Hạnh (Duccaritadùrajīva)*. Như thế, ở trong Chánh Tạng Pàli đã có trình bày đề ở trong *Túc Sanh Truyện Bình Nước (Kumbhajataka, số 512)*, đã có đề cập đến tác nhân làm cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới bởi do hành động tạo tác ở phần *Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ* rằng:

*Yaṃ ve pivitvā duccaritaṃ caranti                      Kāyena vācāya ca cetasa ca*  
*Nirayaṃ vajanti duccaritaṃ caritvā      Tasmā puññaṃ kumbhamiṃaṃ kiṇātha*

Dịch nghĩa là: “*Này tất cả các Ngài, tất cả người dân đã uống rượu này vào rồi, thì đoán chắc hẳn là tạo tác Ác Hạnh với Thân, Lời và Ý. Một khi đã tạo tác Ác Hạnh rồi, thì những hạng người dân này, chẳng có nghi ngờ chi cả, ắt hẳn phải tục sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới. Xin tất cả Quý Ngài hãy mua bình chứa đầy chất rượu cay có rất nhiều công dụng như đã vừa nói đến đây.*”

(Câu kệ này là kệ ngâm của Ngài Thiên Chủ **Indra** (Đế Thích) đã tự biến hóa ra thành một vị lái buôn bán rượu, đã xuống đến Cõi Nhân Loại và đã miêu tả công năng của loại rượu mạnh.)

*“Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,  
 Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường !  
 Song chuyện xấu ác không kể xiết,  
 Chứa đầy trong bụng quả bầu lờng.*

*Ai uống, tội thay kẻ dại khờ,  
 Sẽ chìm trong hố thẳm đen dơ,  
 Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,  
 Ăn phải vật xua đã nguyện chừa.  
 Đại Đế, xin mua bình rượu nặng,  
 Đầy lên tận miệng, của nhà Ta.*

*Rượu vào, trí đảo lộn quay cuồng,  
 Như chú bò ăn cỏ lạc đường !  
 Tâm trí phiêu diêu, người lão đảo,  
 Múa men ca hát suốt ngày trường.*

*Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,  
Cực mạnh mua ngay, hồi Đại Vương !*

*Người uống rượu trơ trẽn chạy rong,  
Khấp thành, như Ân Sĩ trần truồng,  
Đến khuya nằm nghỉ, liền đâm hoảng,  
Quên cả thì giờ phải ngã lưng.  
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,  
Cực nồng, mua lấy, hồi Quân Vương !*

*Bơm rượu, như người hoảng múa men,  
Ngã nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên.  
Tay chân run rẩy, đầu co giật,  
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên,  
Đại Đế, mua đi bình rượu đó,  
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.*

*Bơm rượu bị thiêu đốt ruột gan,  
Hoặc làm môi lỗ chó rùng hoang,  
Dấn thân tù ngục hay Thần Chết,  
Còn phải chịu hao tổn bạc vàng !  
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,  
Cực nồng, mua lấy, hồi Vương Quân !*

*Túy Ông mất hết vẻ thanh tao,  
Trò chuyện những điều bản thiu sao !  
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn,  
Mọi đàng ô trọc, bệnh lao đao,  
Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,  
Cực mạnh, Quân Vương hãy lấy vào !*

*Kẻ uống thường hay thói tự cao,  
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào.  
“Thế gian của Ta”, lòng thâm nghĩ,  
Chẳng có Vua nào sánh kịp đâu !*

*Rượu nồng là thứ đại kiêu căng,  
Ác Quỷ nhất gan tựa nhộng trần,  
Kết hợp đánh nhau và phi báng,  
Áy nhà cho trộm, điểm dung thân !*

*Dù gia đình có thật giàu sang,  
Hưởng thọ kho vô số bạc vàng,  
Giữ cửa trời cho phong phú nhất,  
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang !*

*Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà,  
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vựa kho,  
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh,  
Là mầm suy sụp của toàn gia.*

*Túy Ông đầy nặng tính kiêu căng,  
Phỉ báng cả hai bậc Lão Thân,  
Thách đố bà con cùng máu huyết,  
Dám làm ô uế mối hôn nhân !*

*Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng,  
Phỉ báng Chông mình lẫn Phụ Thân.  
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc,  
Biến thành nô lệ tính điên khùng.*

*Bợm rượu, gan liều dám sát nhân,  
Sa Môn chân chính, Bà La Môn,  
Rồi trong mọi Cõi Đời đau khổ,  
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn !*

*Rượu vào, phạm Ác Nghiệp ba phần:  
Lời nói, việc làm, với ý tâm.  
Địa Ngục chìm sâu đầy khổ não,  
Vì hành động ác tạo sai lầm.*

*Có kẻ, người năn nỉ uống công,  
Dù đem dâng mấy đống vàng ròng,  
Khi say, chúng dụ theo đường chúng,  
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng.*

*Ví người say giữ việc thông tin,  
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên,  
Hãy ngắm ! Kẻ này thè thốt nặng:  
“Việc này tâm trí chợt quên liền !”*

*Ngay người thanh lịch nhất, khi say  
Cũng hóa ra phường tục tũ ngay.  
Đệ nhất túy nhân mà túy lúy,  
Cũng huyền thuyên nói xuân ngu đây !*

*Uống nhiều, nhịn đói, ngã chơi vơi,  
Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi,  
Lúc nhúc trên trơ như lũ lợn,  
Chịu bao nhục nhã nhất trên đời.*

*Như bò, bị đánh ngã trên sàn,  
La liệt nằm từng đống hỗn mang,  
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng,  
Sức người không thể sánh ngang bằng !*

*Mọi người kinh hoảng vội lùi ra,  
Tránh độc dược kia tựa độc xà !  
Dũng sĩ to gan nào giải khát,  
Cho mình bằng rượu giết người ta ?*

*Ta chắc sau khi uống rượu nồng,  
Anh Nha Tộc, với Vrish Ni cùng,  
Lang thang bờ biển, rồi nhào xuống,  
Vì chiếc chùy kia của họ hàng.*

*Tiên say bị đọa khỏi cung Trời,  
Thần lực mất liền, Đại Đế ơi !  
Ai muốn ném mùi ghê tởm ấy,  
Mua đi bình rượu của nhà tôi !*

*Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây,  
Song Ngài luôn nhớ mãi từ nay.  
Cái gì, chứa đựng trong bầu ấy,  
Đại Đế, xin mua lấy rượu này !”*

(Tích truyện này, Đức Phật lập ý khái thuyết nói đến việc uống rượu mạnh đã xâm phạm đến thanh danh và lương tâm của con người !)

*“Ở đây không phải chốn vui cười,*

*Lừa dục đốt tan mọi cảnh đời,  
Sao mãi chìm thân trong bóng tối,  
Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi ?”*

Đôi với *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ* của việc uống rượu ấy, lập ý lấy *Tu Tiên (Pubbacetanà)*, tức là *Tu Tác Ý* khởi sinh lên trước tác hành *Tà Mạng Ác Hạnh (Duccaritàdùrajiva)*, với ý nghĩa chính là việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác Ác Hạnh hữu quan đến việc uống rượu. Tuy nhiên điều này quả là bất định, là vì nếu như người đã có việc thúc đẩy lôi kéo khiến cho khởi sinh tạo tác Ác Hạnh, thế nhưng người ấy lại chẳng có tạo tác điều Ác Hạnh nào cả, thì coi như *Tu Tiên* ấy chẳng có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới được. Nếu như người đã uống rượu vào, và rồi đi theo mãnh lực của *Tu Tiên* qua việc thúc đẩy lôi kéo để tạo tác Ác Hạnh, thế là chính *Tu Tiên* ấy có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới, được tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Có nghĩa là việc uống rượu này, nếu như *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ* đã hoàn thành xong, thì coi như đã thành tựu *Bất Thiện Nghiệp Đạo*. Nếu như *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ* vẫn chưa hoàn thành xong, thì coi như vẫn chưa thành tựu *Bất Thiện Nghiệp Đạo*, và chính điều bất định là ở tại đây. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý lấy việc uống rượu sắp vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

Cũng như ở trong bộ *Chú Giải* và bộ *Phụ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisambhidāmagga Atthakathā ca Ṭikā)* đã có trình bày nói rằng:

*“Kusalākusalā pi ca paṭisandhikanakāyeva kammaṭṭhāti vuttā, vuttā vasesā paṭisandhijanane anekantikattā kammaṭṭhāti na vuttā”(Atthakathā).*

*“Vuttāvasesāti surāpānādayo tabbiraṃmaṇādayo ca” (Ṭikā).*

Dịch nghĩa là: “Chỉ có Thiện tức là Thân Thiện Hạnh v.v. và Bất Thiện có Thân Ác Hạnh v.v. mới làm cho khởi sinh *Tái Tục* ngàn ấy thôi. Nên khi nói rằng “làm thành Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo” với Thiện tức là việc thoát khỏi việc uống rượu, v.v. và Bất Thiện tức là việc uống rượu, v.v. Còn những phần còn lại đã không có đề cập đến là Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo, vì những thể loại Nghiệp Lực này là bất định ở trong việc trở sanh quả báo *Tái Tục*.”

Từ ngữ nói rằng “*Vuttāvasesā*” ấy, tức là việc uống rượu, hút thuốc phiện, đánh cờ bạc, xem hát tuồng biểu diễn, diễn tuồng hát, v.v. và việc thoát khỏi sự uống rượu, thoát khỏi hút thuốc phiện, thoát khỏi việc đánh cờ bạc, thoát khỏi việc diễn tuồng hát, thoát khỏi việc xem hát tuồng biểu diễn, v.v. Lại nữa, ở trong phần Chánh Tạng Luật Pàli và Chú Giải *Ứng Đối Trị (Pācittiya)* đã có trình bày nói rằng: “*Surāmerayapāne pācittiyaṃ*” – “Việc uống rượu và chất say là phạm vào Tội Ứng Đối Trị (điều 51/92)”.



**“Acittakaṃ lokavajjaṃ akusalacittaṃ, majjapànaṃ sàmaṇeraṇaṃ pàràjikavatthu”-** “Việc uống rượu của vị Tỳ Khuru, cho dù rõ biết hay không rõ biết đi nữa, hẳn nhiên đã là phạm vào Tội Ưng Đối Trị, và tội lỗi ở trong con đường Thế Tục thì liên quan với Tâm Bất Thiện. Việc uống rượu của vị Sa Di, nếu như rõ biết đó là rượu thì có tội lên đến mức Bất Cộng Trụ (**Pàràjika**), tức là bị tẩn xuất khỏi Đạo Hạnh Sa Di.”

### Việc Uống Rượu Của Tất Cả Nhân Loại Hiện Hữu Ở Bốn Thể Loại, đó là:

1. Uống rượu: hòa trộn ở trong thuốc hoặc ở trong vật thực.
2. Uống rượu: luôn luôn nghĩ rằng là thuốc.
3. Uống rượu: vì ưa thích.
4. Uống rượu: để cho Tâm táo tợn ở trong hành động tạo tác Ác Hạnh.

+ Việc uống rượu ở thể loại một và hai, thì thuộc *Khinh Tội*, vì có *Tư Tác Ý* để sẽ chữa bệnh, là ở thể loại thứ nhất. Tuy nhiên ở thể loại thứ hai, nếu là vị Tỳ Khuru thì sẽ phạm vào *Tội Ưng Đối Trị*. Nếu là người cư sĩ thì sẽ dứt mất ngũ giới thuộc Giới Bồn cá nhân của hàng cư sĩ tại gia. Nếu là Bát Giới thì sẽ mất đi Bát Giới. Nếu là Sa Di thì sẽ mất đi Thập Giới. Như thế, người đã có chủ tâm tự trau dồi ở trong Giới Luật thì không nên uống rượu.

+ Việc uống rượu ở thể loại thứ ba thì thuộc *Trọng Tội*, vì sẽ thành kẻ *Tà Hạnh (Micchàcàra)* ở trong *Cánh Vị (Rasàrammaṇa)* thuộc phần *Tính Dục*, với *Trọng Tội* là như thế, và người khác không thể nào biết được, chỉ có duy nhất là Bậc Chánh Đẳng Giác ngăn ấy mà thôi. Và người đã có sự ưa thích uống rượu rồi, một khi đã uống được một lần hoặc hai lần, thì quả là khó để mà ngưng không thể uống nữa được, và lòng chỉ khao khát muốn được uống mãi mãi, thật khó mà dứt bỏ được.

Cũng như Đức Phật Ngài đã có lập ý trình bày đề ở trong Chánh Tạng Pàli *Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara)* nói rằng: **“Tiṇṇaṃ bhikkhave paṭisevanàya natthi titti, katamesaṃ tiṇṇaṃ ? Soppassa bhikkhave paṭisevanàya natthi titti, suràmerayapànassa bhikkhave paṭisevanàya natthi titti, methunadhamma samàpattiyà bhikkhave paṭisevanàya natthi titti, imesaṃ bhikkhave tiṇṇaṃ paṭisevanàya natthi tittiti”-** “Này tất cả Chư Tỳ Khuru, nên biết “Tam Thường Bất Túc” trong việc thụ hưởng. Thế nào là “Tam Thường Bất Túc” ? Này tất cả Chư Tỳ Khuru, bất túc ở trong việc ngủ nghỉ, bất túc ở trong việc uống rượu, và bất túc trong việc thụ hưởng tính giao. Này tất cả Chư Tỳ Khuru, “Tam Thường Bất Túc” được có như đã được nói đến là như vậy.”

Việc uống rượu thường làm cho phát sanh rất nhiều tổn hại, nói chi đến hàng người bình thường mà chí đên ngay cả ở hạng người có phẩm hạnh cao quý. Một khi đã được uống rượu vào rồi, thì thường làm cho phát sanh sự tổn hại thanh

đanh, phải bị thất lễ, thật là đáng hổ thẹn luôn cả phẩm hạnh đang có cũng phải bị tan biến đi. Chẳng hạn như ở trong thời kỳ của Đức Phật vẫn còn đang hiện hữu, có ngài Trưởng Lão *Sàgata* là vị Phạm Tăng đã có được Thắng Trí (*Abhiñña*) rất tinh thông. Một ngày, dân chúng *Kosambi* đã được tin rằng ngài Trưởng Lão *Sàgata* đã chiến thắng đối với vị Long Vương trong việc thi triển thần thông với nhau. Thế là, tất cả những dân chúng ấy mới phát tâm sùng tín, đã cùng nhau lấy làm hân hạnh và vui mừng thỏa thích. Đến khi ngài Trưởng Lão *Sàgata* đi trì bình khát thực, mới rủ nhau đem lấy thực phẩm đến cúng dường, và đã có một vài người cũng đã lấy rượu cốt và chất say đến cúng dường luôn thể. Ngài Trưởng Lão *Sàgata* đã uống rượu ấy vào rồi, thì đã phát sanh chệnh choáng ngà ngà say. Khi quay trở lại sau khi đã trì bình khát thực, bước đến cổng thành thì không thể bước tiếp được nữa, đã té úp xuống ở ngay chính cổng thành ấy vậy, và *Tuệ Thắng Trí* mà đã có được kiến tạo cũng liền bị hoại hết cả. Ngay sát na ấy, bậc Chánh Đẳng Giác Ngài, đã quay trở về sau khi đã trì bình khát thực cùng với Chư Tỳ Khuru Tăng tháp tùng theo. Ngài đã phóng tầm mắt của Ngài nhìn thấy ngài Trưởng Lão *Sàgata* đang nằm ngủ say, thế là đã truyền lệnh cho những Chư Tỳ Khuru ấy đi đến phụ giúp nhau, dìu dắt ngài Trưởng Lão *Sàgata* về đến Tu Viện, và đã cho đặt thân hình ở ngay phía trước Đức Phật. Chư Tỳ Khuru ấy đã phụ giúp nhau, nắm lấy thân hình ngài Trưởng Lão *Sàgata* cho nằm quay đầu lại hướng của Đức Phật đang ngồi. Thế nhưng, ngài Trưởng Lão *Sàgata* đang khi chệnh choáng ngà ngà say, mất đi Chánh Niệm, đã không xoay người lại cùng với diện mạo hướng về Đức Phật, và đã thể hiện việc *vô lễ bất kính (Agàrava)* đến với bậc Chánh Đẳng Giác. Với lý do này, Đức Phật mới lập ý lại chế định (*Paññatti*) thêm một điều giới luật nữa, nghiêm cấm Chư Tỳ Khuru uống rượu cốt và chất say, nếu như đã uống thì phạm vào *Tội Ưng Đối Trị (Àpattipàcittiya)*.

+ Việc uống rượu ở thể loại thứ tư thì đã được sắp thành *Tư Tiền (Pubba cetanà)* có thực tính thúc đẩy lôi cuốn cho việc tạo tác bao Ác Hạnh thuộc phần *Tư Hiện (Muñcacetanà)* cho được khởi sinh lên, và như thế việc uống rượu ở thể loại thứ tư này, mới có khả năng dắt dẫn cho người ấy phải bị sa đọa vào ở trong *Thống Khổ Địa Giới*.

## Ý Nghĩa Và Phân Loại Của Việc Uống Rượu

“*Suram janetiti = Surà*”- Vật thể nào thường làm cho kẻ ấy táo bạo đến mức liều lĩnh, như thế vật thể ấy gọi là *Tửu Tinh (Surà – Rượu Cốt)*.

### Rượu Cốt Hiện Hữu Năm Thể Loại, đó là:

1. *Phấn Tửu Tinh (Pitthasurà)*: Rượu được làm với bột gạo tẻ.

2. *Điêm Phẩm Tửu Tinh (Pùpasurà)*: Rượu được làm với bánh, như bánh rượu nếp.
3. *Phạn Tửu Tinh (Odanasurà)*: Rượu được làm với cơm tẻ.
4. *Phát Diếu Tửu Tinh (Kiṇṇapakkhittasurà)*: Rượu được làm với bột men rượu, chất men rượu cũ.
5. *Quả Phẩm Tửu Tinh (Sambhàrasaṃyuttasurà)*: Rượu được làm với trái quả, như trái nho. Được làm nhiều thứ trái quả kết hợp lại, như ngâm một trái cây lâu ngày để làm thành rượu nồng cay.

**“Medam janetiti = Merayaṃ”-** Vật thể nào thường làm chệnh choáng ngã ngã say, như thế vật thể ấy gọi là *Trầm Túy (Meraya – Chất Say)*.

### **Trầm Túy Hiện Hữu Năm Thể Loại, đó là:**

1. *Hoa Mật Túy (Pupphàsava)*: Chất say được lấy từ những bông hoa để cho lên men.
2. *Quả Phẩm Túy (Phalàsava)*: Chất say được lấy từ những trái cây để cho lên men.
3. *Bồ Đào Túy (Madhavàsava)*: Chất say được lấy từ trái nho để cho lên men.
4. *Giá Tương Túy (Gulàsava)*: Chất say được lấy từ nước mía, nước đường để cho lên men.
5. *Toan Dịch Túy (Sambhàrasaṃyuttàsava)*: Chất say được lấy từ quả và bông me để cho lên men.

Cả hai thể loại rượu cốt và chất say này, cũng còn được gọi là **“Majja – Ma Túy Vật”** vì thành tác nhân làm cho người uống phải bị chệnh choáng ngã ngã say. Hoặc một phần khác nữa, thuốc phiện, cần sa v.v., ngoài ra rượu cốt và chất say, cũng được gọi là **“Majja – Ma Túy Vật”** vì những thể loại này làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thân. Như đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Tiểu Tụng Kinh (Khuddakapàṭha Atthakathà)* và bộ *Chú Giải Đại Phẩm Tương Ứng (Mahāvaggasampayutta Atthakathà)* nói rằng: **“Majjanti tadeva ubhayaṃ, yaṃ vàpanaññampi suràsavavinimuttam maddaniyaṃ”-** “Gọi là “Ma Túy Vật” đó chính là rượu cốt và chất say vậy. Hoặc một phần khác nữa là, vật thể nào - ngoài ra rượu cốt và chất say – mà có khả năng làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thân, vật thể ấy gọi là “Ma Túy Vật”.

### **Có Bốn Chi Pháp Của Việc Uống Rượu Cốt Và Chất Say, đó là:**

1. *Thực Tính Túy Tửu (Suràmerayabhàvo)*: Vật thể làm thành rượu cốt và chất say.
2. *Dục Cầu Âm Tửu (Pivitukàmatà)*: Có sự mong mỏi sẽ uống vào.
3. *Âm Tửu (Pivanam)*: Thực hiện việc uống vào.
4. *Tửu Ma (Maddavam)*: Có trạng thái chệnh choáng ngà ngà say.

Lại nữa, ở trong bộ *Chú Giải Kinh Tập (Suttanipàta Atthakathà)* đã có trình bày đền điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, nói rằng: “*Yasmà pana majjapayì attham na jànàti, dhammam na jànàti, màtupi antaràyaṃ karoti, pitupi buddhapaccekabuddhatathàgatasàvakànampi antaràyaṃ karoti, diṭṭhadhamme ca garahaṃ samparàye ca duggatiṃ aparàpariyàye ummàdam pàpunàti*”- Dịch nghĩa là: “Người thường luôn uống rượu thì hẳn nhiên bất liễu tri quả, bất liễu tri nhân, thường luôn tạo tác điều tổn hại đến với tài sản của cải, hoặc đến mạng sống xác thân của người Mẹ, người Cha, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Độc Giác, và Chư Thánh Văn Giác. Trong khoảng thời gian vẫn còn sinh mạng, với Hiện Báo Nghiệp Lực thì thường phải đón nhận những lời chê trách phê bình từ ở nơi các bậc Trí Giả và Chư Hiền Triết. Khi lìa khỏi cuộc đời này rồi, với Hậu Báo Nghiệp Lực thì thường phải bị sa đọa vào Khổ Thú Địa Giới. Đến kiếp sống thứ ba trở đi, với Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thì kẻ ấy thành người có tâm thần bất định, tính khí thất thường và cuồng tâm loạn trí.”

Với nguyên do như đã vừa đề cập ở tại đây, Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* mới phân tích điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, đã nói rằng:

“*Apicettha suràmerayamajjapamàdaṭṭhànameva mahàsàvajjam na tathà pàṇàtipàtàdayo kasmà manussabhùtassapi ummattakabhàvasaṃvattanena ariyadhammantaràya karaṇato*”- Dịch nghĩa là: “Thành thật mà nói, khi nói đến đủ cả Ngũ Giới với việc uống rượu là tác nhân của sự phóng dật, thì ắt hẳn có tội rất nhiều. Còn nói về Tứ Giới, từ điều Sát Mạng v.v. thì những thể loại này không có nhiều tội giống như là việc uống rượu vậy, vì việc uống rượu và chất say đây, thường làm cho kẻ ấy phải bị si mê, đó đã là mối nguy hại đối với Đạo – Quả.”

“Chuyên cần là lộ miên trường,  
Phóng dật là lộ đưa đờng tử vong.  
Chuyên cần quả bất tử vong,  
Phóng dật như đã tiêu vong hẳn hoi.”

“Nếu biết tự thương cho mình,  
Phòng lo kẻ trộm rập rình ngày đêm.  
Năm canh sáu khắc chẳng quên,  
Lòng luôn tỉnh thức kẻ bên trông chừng !”

Việc uống rượu quả là rất đáng sợ hãi, vì lẽ người đã tạo ra bao điều Ác Hạnh, có những hành vi phạm pháp hoặc bất phạm pháp, đã và đang hiện bày ở thế gian này trong từng mỗi ngày đa phần là cũng do bởi từ tác nhân của rượu ra cả, thế nhưng con người là chủ yếu cố nhiên ở trong việc uống rượu. Do đó, mới giả vờ không nhìn thấy điều tác hại tội lỗi ấy đi. Hoặc giả dụ như sẽ thấy được điều tác hại ấy đi nữa, thế nhưng cũng không có khả năng để dám nói lên điều tác hại của việc uống rượu ấy vậy, vì lẽ bản thân mình đã ưa thích uống rồi. Hoặc giả như bản thân thì không có uống, thân bằng quyến thuộc của mình lại ưa thích uống, mới làm cho phát sanh sự vì nể mà không thể nào dám nói ra được. Với lý do này mà tất cả bậc Hiền Triết đã sánh rượu cốt này ví tựa như thủ lãnh bọn cướp và đã sai bảo bọn thuộc hạ tạo ra bao điều Ác Hạnh. Còn bản thân mình là kẻ chỉ huy và nếu như bọn thuộc hạ có phải bị bắt đi nữa, thì quả báo sẽ hiện bày là, với bọn thuộc hạ mà đã có tạo tác thì sẽ thành kẻ bị can thứ nhất, và thủ lãnh bọn cướp sẽ thành tên bị can thứ hai. Điều này như thế nào thì người đã uống rượu vào rồi tạo ra bao điều Ác Hạnh, quả báo mà kẻ ấy sẽ phải đón nhận ắt hẳn bị tục sinh vào trong *Thống Khổ Địa Giới*. Trong sự việc phải đi tục sinh ở trong *Thống Khổ Địa Giới* đây, *Tư Tác Ý* liên quan với việc tạo ra bao điều Ác Hạnh của kẻ ấy thường là an túc ở trong vị trí của kẻ bị can thứ nhất, và *Tư Tác Ý* liên quan với việc uống rượu thường là an túc ở trong vị trí của tên bị can thứ hai đó vậy.

### ***Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Tính Dục Tà Hạnh***

-----00000-----

Giải thích ở trong điều Pàli thứ sáu nói rằng: ***“Kàyaviññattisaṅkhàte kàyadvàre bàhullavuttito kàyakammaṃ nàma”***- *“Việc Sát Mạng, Việc Thâu Đạo, Việc Tính Dục Tà Hạnh, cả ba thể loại này gọi là Thân Hành Nghiệp Lực, vì sanh ở trong Thân Môn, tức là đa phần ở Thân Biểu Tri.”*

Từ ngữ ***“Thân Môn – Kàyadvàra”***, ở tại đây lập ý lấy ***“Thân Biểu Tri – Kàyaviññatti”*** và chẳng phải là ***“Thân Thanh Triệt – Kàyapasàda”***. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày cho thành đặc biệt với *Phân Biệt Từ (Visesanapada)* nói rằng ***“Kàyaviññatti saṅkhàte”***.

***Giải thích rằng:*** Các việc hoạt động của chân tay, với những thể loại này là do Bọn Tổng Hợp Sắc Tâm (*Cittajarùpakalàpa*) có *Phong Tố Chất (Vàyodhātu – Phong Đại Hiện)* là chánh yếu, đã được khởi sanh lên nối tiếp nhau với một số lượng to lớn. Bởi chính do *Phong Tố Chất* ấy hiện hữu ở trong Bọn Tổng Hợp Sắc Tâm, đã làm cho Bọn Tổng Hợp Sắc Tâm cấu sanh với thân hình ấy được vững vàng và không có chao đảo, tương tự y như thể đang nằm ngủ yên, và đã làm cho mọi hoạt động được thuận theo sở thích của Tâm. Sự vững vàng của Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp này được gọi là ***“Santhambhana – Kiên Cường”***. Việc lắc lư, nhúc nhích lay động từ cái này đến cái khác được gọi là ***“Sandhàraṇa – Chuyển Động”***.

Việc chuyển động của cơ thể, như có việc giở tay, nhấc chân, cúi xuống, ngẩng lên, co vào, duỗi ra, v.v. những thể loại này được gọi là “*Sañcalana – Hoạt Động*”. Tuy nhiên từng mỗi việc hoạt động như đã vừa đề cập đến ở tại đây, chẳng phải hiện hành chỉ do bởi một mãnh lực duy nhất của *Phong Tố Chất*, mà cần phải có “*Vikàrarùpa – Sắc Kỳ Dị*” cùng vào phối hợp, thì mới sẽ làm thành tựu trọn vẹn trong từng mọi hoạt động cho được hiện hành thuận theo sở thích của Tâm. Nếu như đã không có *Sắc Kỳ Dị* cùng vào phối hợp rồi, thế là việc hoạt động xác thân chỉ được hiện hành thuận theo một mãnh lực duy nhất của *Phong Tố Chất*, thì chẳng khác chi với chiếc lá mà bị gió thổi vậy, và ắt hẳn sẽ không thành tựu việc hiện hành thuận theo sở thích của Tâm được. Vì thế, ở trong việc *sát mạng loài Hữu Tình, thấu đạo, tà dâm*, với những thể loại này cần phải có việc hoạt động cơ thể sanh khởi thuận theo sở thích của Tâm, thì mới sẽ làm hoàn thành những thể loại hành động tạo tác này. Chẳng hạn như ở trong việc *sát mạng loài Hữu Tình*, một khi gió sừng lên bắn, thì động tác gió sừng lên và động tác bắn, thường được hiện hành với mãnh lực của *Phong Tố Chất* cùng phối hợp với *Sắc Kỳ Dị*. Và như thế mới được gọi là “*Thân Hành Nghiệp Lực*” (*Kàyakamma*).

### Từ Ngữ “**Kàya – Xác Thân**” Hiện Hữu Ba Thể Loại, đó là:

1. *Thân Thể Chất (Sasambhàrakàya)*: tức là xác thân được phối hợp với 32 *Thể Chất (Kotthàsa)*.
2. *Thân Thanh Triệt (Pasàdakàya)*: tức là Thân Thanh Triệt (*Thần kinh Thân*) nương sanh vào *Tâm Thân Thức (Kàyaviññānacitta)*.
3. *Thân Hành Động (Copanakàya)*: tức là *Sắc Biểu Tri (Viññattirùpa)* cấu sanh với *Phong Tố Chất (Vāyodhātu – Phong Đại)* làm cho việc hoạt động được khởi sinh.

Việc *Biểu Tri (Viññatti)* là tác nhân cho hoàn thành cả *Tam Thân Hành Nghiệp Lực*, đó chính là *Thân Hành Động (Copanakàya)*. Như câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “*Copetiti = Copano, Copano ca so kàyo cāti = Copanakàyo*”- “*Sắc nào thường làm cho các bộ phận lớn nhỏ có sự chuyển động, như thế Sắc ấy gọi là Hành Động, tức là Sắc Biểu Tri.*” Sắc làm cho các bộ phận lớn nhỏ ở nơi xác thân có sự chuyển động, như thế Sắc ấy gọi là *Thân Hành Động*, tức là *Sắc Thân Biểu Tri*. Tại nơi đây, từ ngữ nói rằng “**Kàya – Xác Thân**” hiện hữu ở trong *Thân Môn (Kàyadvàre)* ấy, đó chính là *Thân Hành Động*.

*Sắc Thân Biểu Tri* này, là cửa ngõ (*Môn*) của việc khởi sanh cả ba *Nghiệp Lực*, hoặc là tác nhân cho hoàn thành cả ba hành động tạo tác, gồm có việc *sát mạng loài Hữu Tình*, v.v. Như thế, *Sắc Thân Biểu Tri* này mới được gọi là *Thân Môn*. Như câu Chú Giải đã trình bày nói rằng:



**“Kàyoyeva dvàram = Kàyadvàram”**- “Đích thị chính là Sắc Thân Biểu Tri ấy làm thành Môn, do đó mới được gọi là Thân Môn”.

Từ ngữ **“Kàya – Xác Thân”**, ở tại nơi đây, đó chỉ là Sắc Thân Biểu Tri ngàn ấy thôi, và chẳng ở trong Sắc nào khác. Thế nhưng vì sao lại được dùng từ ngữ **“Kàya – Xác Thân”**? Điều này được giải đáp rằng: “Sử dụng cách gọi theo phần **“Bộ Phận Xương Danh” (Ekadesayùpacàranaya)**, nghĩa là Sắc Thân Biểu Tri này là một phần Sắc Pháp của xác thân. Vì thế mới rút lấy từ ngữ **“Kàya – Xác Thân”** cho làm thành tên gọi của hết tất cả thân thể đặt đề ở trong Sắc Thân Biểu Tri là một phần của thân thể, gọi là **“Kàya – Xác Thân”**.”

Chỗ nói rằng **“Gọi là Thân Hành Nghiệp Lực vì phần đa số là sanh ở trong Thân Môn”**, đó là dùng theo từ ngữ **“Đa Phần Thông Dụng” (Bàhullavuttito)**. Điều này là việc trình bày cho được biết rằng Thân Hành Ác Nghiệp cũng có thể sanh theo ở lộ Môn khác cũng được, tuy nhiên cho dù sẽ sanh theo ở các lộ Môn khác đi nữa, nhưng vẫn cứ gọi đó chính là Thân Hành Nghiệp Lực vậy.

**Giải thích rằng:** Thân Ác Hạnh (**Kàyaduccarita**) gồm có ba thể loại, đó là sát mạng Hữu Tình, thâu đạo, và tà dâm. Còn ở các Môn khác, ngoài ra Thân Môn thì có được hai thể loại, đó là Ngữ Môn (**Vacìdvàra**) và Ý Môn (**Manodvàra**). Chỗ nói rằng **“Thân Ác Hạnh cũng có thể sanh theo ở lộ Môn khác cũng được”**, chỉ có thể có được hai, là việc sát mạng Hữu Tình với việc thâu đạo. Còn việc phạm dâm hạnh chỉ phải sanh ở trong lộ Thân Môn duy nhất mà thôi. Đối với lộ Môn khác thì chỉ có thể duy nhất có được là Ngữ Môn. Tuy nhiên, ở tại đây cần phải lập ý lấy việc tạo tác Ác Hạnh sanh khởi theo các lộ Môn khác cùng với việc thành tựu trọn vẹn **Xâm Phạm Nghiệp Đạo**, thì chẳng phải chỉ có gọi tên với bấy nhiêu điều Ác Hạnh ấy mà thôi, vì lẽ Ác Hạnh hiện hữu có đến 10 thể loại, và một cách gián tiếp thì thường có được khả năng sanh khởi ở trong cả ba Môn. Và khi làm rõ thêm ra số lượng một cách trọn đủ thì Ác Hạnh có đến 40 thể loại lận. Với lý do này, chỗ nói rằng **“Hai Thân Ác Hạnh là sát mạng Hữu Tình với thâu đạo”** thường đã được sanh khởi ở trong Ngữ Môn, mới cần phải lập ý lấy việc tạo tác ở phần **Xâm Phạm đến Nghiệp Đạo**. Chẳng hạn như kẻ sai bảo cho người khác sát mạng Hữu Tình, hoặc sai bảo cho người khác trộm lấy tài sản ấy, một khi kẻ bị sai bảo đã hoàn thành xong việc thực hiện sát mạng Hữu Tình hoặc trộm lấy tài sản, thì kẻ sai bảo ắt hẳn cũng đã làm xong việc **Xâm Phạm Nghiệp Đạo** rồi. Thế nhưng, **Sát Mạng Nghiệp Lực (Pàṇàtipàtakamma)** và **Thâu Đạo Nghiệp Lực (Adinnàdānakamma)** sanh khởi theo lộ Ngữ Môn của kẻ ấy, cũng có thể được gọi là **Thân Hành Nghiệp Lực (Kàyakamma)**, và chẳng phải được gọi là **Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacikamma)**, vì lẽ việc sanh khởi của cả hai Nghiệp Lực ở trong Ngữ Môn đây, đó chỉ là phần chút ít. Vì thế, chỗ được gọi **Thân Hành Nghiệp Lực** đây, là việc gọi tên theo phần **“Sung Mãn Túc” (Tabbàhullanaya)** nghĩa là theo phần nhiều đa số. Tương tự với người sống du ngoạn ở trong chốn rừng già thì được gọi là **“Du Sơn Lâm Giả” (Vanacalaka)**, tức là **“Sơn Lâm Giả” (người rừng rú**

hoặc người lính kiểm lâm). Cho dù người rừng này sẽ đi vào ở trong thôn làng hoặc ở trong thành thị, thì cũng không được gọi là “*Dân Giả*” (*Gāmacalaka* – người dân làng hoặc người dân thị thành) “*người rừng thôn làng*” hoặc “*người rừng thành thị*” bất luận trường hợp nào đi nữa, và kẻ ấy có thể chỉ được gọi là “*Son Lâm Giả*”. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới dùng từ ngữ “*Bāhullavuttito* – *Đa Phần Thông Dụng*” nghĩa là “*sanh khởi là phần đa số*”. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng *Thân Hành Nghiệp Lực*: “*Kāyadvāre yebhuyyena pavattaṃ kammanti = Kāya kammaṃ*”- “*Phần đa số Nghiệp Lực là sanh khởi ở trong Thân Môn, vì thế mới gọi là Thân Hành Nghiệp Lực.*”

Lại nữa, việc Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* trình bày cả ba Nghiệp Lực, gồm có *Sát Mạng (Pāṇātipāta)* v.v. gọi là *Thân Hành Nghiệp Lực*. Rằng theo Pāli nói rằng “*Kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma*” đó, lập ý sẽ trình bày phân chia *Thập Bát Thiện Nghiệp Đạo* theo cả ba Môn là để không cho lẫn lộn với nhau. Thế nhưng, nếu giả như ở trong câu Pāli này không có từ ngữ “*Bāhulla*” và chỉ có “*Kāyadvāre vuttito kāyakammaṃ nāma*” (gọi là *Thân Hành Nghiệp Lực* vì lẽ sanh ở trong Thân Môn). Và nếu đã là như vậy, thì sở nguyện của Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* để sẽ phân chia *Thập Bát Thiện Nghiệp Đạo* theo cả ba Nghiệp Lực ấy, ắt hẳn không được thành tựu. Vì lẽ trong sự việc sẽ trình bày nói rằng “*Gọi là Thân Hành Nghiệp Lực vì sanh ở trong Thân Môn*”, chẳng hạn như kẻ sai bảo cho người khác sát mạng Hữu Tình, trộm lấy tài sản, với những thể loại này thì cũng coi như đã là *Sát Mạng (Pāṇātipāta)* và *Thâu Đạo (Adinnādāna)* rồi, và cả hai sự việc này đã được sanh ở trong *Ngũ Môn*. Khi đã là như vậy, thì việc gọi tên *Nghiệp Lực* dựa theo phần Pāli sẽ không còn có từ ngữ “*Bāhulla*”, thế là phải gọi thành hai thể loại, đó là *Thân Hành Nghiệp Lực* cũng được, *Ngũ Hành Nghiệp Lực* cũng được, và coi như việc phân chia *Nghiệp Lực* theo lộ Môn cho thành từng mỗi phần như thế ấy, ắt hẳn đã không được thành tựu. Vì lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới lấy từ ngữ “*Bāhulla*” bỏ xen kẽ vào như đã được hiện bày “*Kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma*”, và có ý nghĩa “*Cả hai Sát Mạng và Thâu Đạo đây, theo phần đa số ắt hẳn là sanh ở trong Thân Môn*”. Nếu sẽ đem so sánh thì cũng bằng với số lượng là 90 / 100. Còn nếu sẽ đem so sánh ở lộ *Ngũ Môn* thì số lượng có được chỉ là 10 / 100. Như thế, cho dù sẽ cùng bỏ vào với nhau cho đổi thành tên gọi *Thân Hành Nghiệp Lực* thì cũng chẳng có điều chi mâu thuẫn cả. Thế là, việc phân chia *Thập Bát Thiện Nghiệp Đạo* theo cả ba Môn sẽ không cho bị lẫn lộn, và ắt hẳn sẽ được thành tựu.

(Tất cả bậc Học Giả nên hiểu biết về sở nguyện của Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* ở trong từ ngữ “*Bāhulla*” mà đã hiện bày ở trong câu:

“*Vacī viññattisaṅkhāte vacīdvāre bāhullavuttito vacikammaṃ nāma*” và  
“*Manasmīyeva bāhullavuttito manokammaṃ nāma*” là cùng có một nội dung như nhau, như đã vừa được giải thích ở tại đây.)

## **GIẢI THÍCH TRONG TỬ NGŨ HÀNH NGHIỆP LỤC**

### **1. VỌNG NGŨ (Musàvāda – Nói Dối)**

Tử ngữ nói rằng “*Vọng Ngữ*” (*Musàvāda – Nói dối*) đây, khi chiết tự thì có được hai tử ngữ, đó là: “*Musà + Vada*”. “*Musà – Vọng Ngữ*” là “*Không Biến Cách Trợ Từ*” (*Nipàtapada*) trình bày đến điều chẳng có chân thật. Chẳng hạn như có người đến hỏi chúng ta là “*có tiền không ?*” Chúng ta lại trả lời rằng “*không có*”. Hoặc ông ấy đến hỏi rằng “*có vàng không ?*” Chúng ta lại không có trả lời rằng “*có tiền hoặc có vàng*”. Chính điều này trở thành sự nói dối, tức là lập ý đến sự việc chẳng có chân thật. Hoặc ở trong các câu chuyện mà chúng ta đã có được rõ biết, thế mà khi có người đến vấn hỏi, chúng ta lại phủ nhận nói rằng không biết. Hoặc chúng ta không biết nhưng lại trả lời rằng rõ biết về câu chuyện ấy. Chính điều này trở thành nói dối, tức là chẳng có ngay thật với lời mình nói.

“*Vāda – Ngôn Ngữ*” lập ý đến lời nói. Khi đã kết hợp vào nhau thì thành “*Musàvāda – Vọng Ngữ*” lập ý đến “*lời nói chẳng đúng với sự thật*”. Như trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “*Musà vadanti etenāti = Musàvādo*”- “*Những người thường hay nói các sự việc của câu chuyện mà chẳng có thật, lại nói cho thành sự thật với Tư Tác Ý ấy, như thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc nói chẳng có chân thật ấy, gọi là Vọng Ngữ.*” Tức là “*Visaṃvādana cetanā – Tư Tác Ý Tát Hoang*”, là Tư Tác Ý làm cho người khác phải hiểu biết sai trật, đã được phối hợp với Tâm Đổng Lục Tham và Sân (*Lobha – Dosa Javana*) sanh ở trong Thân Môn và Ngữ Môn.

Việc nói vọng ngữ đây, theo phần nhiều là sử dụng đến lời nói, do đó mới được gọi là *Vọng Ngữ (Musàvāda)*. Tuy nhiên, sử dụng bất luận một bộ phận nào của thân thể mà chẳng dính líu với ngôn từ, thì cũng được gọi là *Vọng Ngữ* tương tự như nhau. Điều phán sự để sẽ làm cho rõ biết được người này đã nói xong lời vọng ngữ hay không, tất yếu là phải được xét đoán phối hợp với cả bốn Chi Pháp. Nếu như việc nói ấy hội đủ cả bốn Chi thì đã thành sự *Vọng Ngữ*, và nếu như chẳng hội đủ cả bốn Chi ấy thì vẫn chưa được tính thành sự *Vọng Ngữ*.

### **Bốn Chi Pháp Của Vọng Ngữ, đó là:**

1. *Sự Vật (Atthavatthu)*: Sự vật hoặc câu chuyện chẳng có thật.
2. *Tâm Tát Hoang (Visaṃvādanacittatā)*: Có Tâm sẽ nói dối.

3. *Nỗ Lực (Payogo – Phán Đấu)*: Với Thân hoặc với Lời nỗ lực nói dối đi theo ý định của mình.
4. *Liễu Tri Nội Dung (Tadattha vijānanam)*: Người khác có sự tin tưởng theo nội dung của việc nói dối ấy.

Trong điều Vọng Ngữ này, được phân ra làm hai thể loại, đó là:

- Thành Sự Vọng Ngữ nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo.
- Thành Sự Vọng Ngữ cùng với Xâm Phạm Nghiệp Đạo.

Việc vọng ngữ hội đủ cả bốn Chi Pháp, nhưng chẳng làm cho người đã phải bị lầm tin khởi sinh lên bất luận sự tổn hại nào, thì thể loại này chỉ là việc vọng ngữ nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo, tức là không dắt dẫn đến Cõi Thống Khổ.

Việc vọng ngữ hội đủ cả bốn Chi Pháp và tạo sự tổn hại đến cho người đã phải lầm tin, thể loại này thành tựu việc vọng ngữ cùng với sự Xâm Phạm Nghiệp Đạo, tức là có khả năng dắt dẫn đi đến Cõi Thống Khổ.

### **Có Bốn Thể Loại Nỗ Lực (Payoga) Là Sự Cố Gắng Ở Trong Việc Nói Dối, đó là:**

1. *Tự Chế Thủ Công (Sàhatthika)*: Chính tự mình cố gắng nói dối.
2. *Mệnh Lệnh (Àṇattika)*: Sai bảo để cho người khác nói dối.
3. *Phóng Khí (Nissaggiya)*: Viết ra câu chuyện không thật rồi đem bỏ lại cho người khác hiểu lầm sai trật, chẳng hạn như bỏ lại lá thư hoặc loan báo theo máy phát thanh (radio).
4. *Kiên Cố (Thàvara)*: Viết ra câu chuyện không thật rồi niêm yết tờ thông báo, hoặc khắc ghi lại, hoặc in lên thành sách, hoặc ghi âm lồng tiếng vào.

Trong cả bốn thể loại Nỗ Lực này, thì *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực* là trực tiếp nỗ lực, tức là hiện hành theo phần đa số. Còn ba *Nỗ Lực* còn lại ấy, thì hiện hành theo phần chút ít. Như có câu kệ trình bày nói rằng:

*Musàvādassa atthaṃ      Vasaṃvādanacittatā*  
*Tajjo vāyāmo parassa      Tadatthajānanam iti.*  
*Sambhàrà caturo honti      Payogeko sàhatthiko*  
*Àṇattika nissaggiya      Thàvarāpica yujjare.*

Dịch nghĩa là: “Có bốn thể loại Chi Pháp của Vọng Ngữ, đó là:

1/ Sự vật hoặc câu chuyện chẳng có thật,

- 2/ Có Tâm nghĩ suy sẽ làm cho người khác hiểu biết sai trật,
- 3/ Có sự nỗ lực bằng với Thân hoặc bằng với Lời ăn khớp với Tâm nghĩ suy sẽ nói dối,
- 4/ Người khác có sự tin tưởng theo nội dung của việc nói dối ấy.

*Sự Nỗ Lực* ấy, ở trong bộ *Đại Chú Giải (MahàAtthakathà)* chỉ có đề cập đến một thể loại duy nhất, đó là *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực*. Thế nhưng, ở trong bộ *Chú Giải Atthasàlini* lại có đề cập đến *Mệnh Lệnh, Phóng Khí* và *Kiên Cố*, cả ba thể loại này cũng thường có hiện bày.

+ *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực* là việc nói dối bởi chính tự mình, thường được thực hiện theo lộ Thân Môn hoặc với lộ Ngữ Môn. Nói dối theo lộ Thân Môn ấy, chẳng hạn như “*muốn phủ nhận thì với trạng thái lắc đầu*” hoặc “*muốn đón nhận thì với trạng thái gật đầu*”. Nói dối theo lộ Ngữ Môn ấy, đích thị chính là việc nói ra lời không có chân thật.

+ *Mệnh Lệnh Nỗ Lực* là sai bảo để cho người khác nói dối, thường cũng được thực hiện theo lộ Thân Môn hoặc lộ Ngữ Môn. Sai bảo cho người khác nói dối theo lộ Thân Môn, chẳng hạn như viết lên tờ giấy rồi trao cho người ấy thực hiện bằng Thân hành động hoặc bằng Lời nói dối. Sai bảo cho người khác nói dối theo lộ Ngữ Môn, đó chính là việc sử dụng ngôn từ cho sai với sự thật (*nói dối*) bằng với Thân hoặc bằng với Lời.

+ Đối với cả hai thể loại *Phóng Khí Nỗ Lực* và *Kiên Cố Nỗ Lực* đây, thường cũng được thực hiện theo lộ Thân Môn hoặc lộ Ngữ Môn tương tự như nhau, như đã có được trình bày rồi vậy.

### **Trình Bày Vọng Ngữ Là Vi Phạm Giới Luật (Silavipatti) Và Vọng Ngữ Thành Tựu Nghiệp Đạo (Kammapatha)**

Trong cả bốn Chi Pháp ấy, nếu như vốn vẹn chỉ có hai Chi, đó là *Tâm nghĩ suy sẽ nói dối* và *Nỗ lực nói dối*, bằng với Thân hành động hoặc với Ngôn từ nói ra, người cư sĩ tại gia hoặc bậc xuất gia, thường thì chỉ làm thành việc vi phạm Giới Luật ngàn ấy thôi, và không có *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu như việc nói dối ấy đã hội đủ cả bốn Chi Pháp ấy, thì coi như đã hoàn thành Nghiệp Đạo. Trong cả bốn Chi ấy, chỗ đề cập đến rằng “*Tadattha vijānanam*”- “*Người khác có sự làm tin theo nội dung của việc nói dối ấy*”, điều này trình bày cho được biết rằng việc nói dối đây, nếu như người đã được nghe và làm tin theo nội dung ấy, thì coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* rồi. Nếu như người đã được nghe và chẳng tin, thì *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

*Nghiệp Đạo Vọng Ngữ (Kammapathamusāvāda)* là *Vọng Ngữ Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, được chia ra làm hai thể loại, đó là:

- Thẻ loại dốt dẫn đi đọa vào Cõi Thống Khổ.
- Thẻ loại không dốt dẫn đi đọa vào Cõi Thống Khổ.

+ Thẻ loại dốt dẫn đi đọa vào Cõi Thống Khổ ấy, phải là *Vọng Ngữ* làm cho người đã lầm tin ấy phát sanh lên điều tổn hại. Nếu như người đã tin tưởng ấy, lại không bị phát sanh lên bất luận sự tổn hại nào, thế là thẻ loại *Vọng Ngữ* này sẽ không dốt dẫn đi đọa vào Cõi Thống Khổ.

Chẳng hạn như việc nói dối của một vị quan cận thần đến Nhà Vua, nhằm để bảo vệ niềm tịnh tín (*Saddhà*) của Nhà Vua và để gìn giữ mạng sống (*Jivita*) của một nam nhân, như có tích truyện được kể rằng:

“Có một đôi vợ chồng là hạng người nghèo khổ và đã đi đến nương trú tại một ngôi đình làng tọa lạc ở ngoài thị thành. Người vợ ấy đã có hoài thai, và có trạng thái thai nghén thèm khát được ăn các thức ăn vật thực, mới nài xin người chồng ra đi tìm kiếm cho; và nếu như cô ta không có được ăn các loại vật thực vừa theo sở thích, thì mạng sống của cô ta sẽ không thể nào kéo được lâu dài. Người chồng có lòng lân mẫn và xót thương người vợ, e ngại rằng cô ta sẽ phải chết mất, mới nghĩ kế lập mưu giả thành một vị Tỳ Khuru ôm bình bát bước đi khát thực vào ở trong Hoàng Cung để đón nhận vật thực bỏ bát với oai nghi đã được kiểm thức. Sát na ấy là vào thời lúc gần trưa Ngọ, Đức Vua đang cúng dường thức ăn vật thực, và ngự lãm nhìn thấy vị Tỳ Khuru bước đi kiểm thức, đang trì bình khát thực với oai nghi rất đáng tín phục, thì đã phát khởi lên niềm tịnh tín và nhủ thầm ở trong lòng rằng: “Vị Tỳ Khuru này có thể chẳng phải là một vị tầm thường, mà phải là một vị Tỳ Khuru có nhiều Ân Đức đặc thù.” Thế là đã lấy thực phẩm để cúng dường bỏ vào bát của nam nhân ấy, và đã truyền lệnh cho một vị quan chức thân cận bám gót theo để cho biết cụ thể rằng đã đến từ nơi nao, và sẽ đi về đâu? Vị quan chức ấy lẳng lặng bước theo nam nhân ấy, và không làm cho kẻ ấy được hay biết. Vừa bước đến ngôi đình làng nơi nghỉ trọ, cũng liền cởi đổi y áo ra, và trở lại người dân bình thường, thế rồi đã lấy thực phẩm ra cho người vợ ăn. Vị quan chức ấy trông thấy liền biết được rằng người ấy là kẻ đã giả dạng lừa gạt làm vị Tỳ Khuru, mới nghĩ suy rằng: “Nếu Ta đem câu chuyện này tấu trình đến Đức Vua theo như đã là sự thật, thì hậu quả xấu ác sẽ phát sanh đến người ở cả hai phía, là Đức Vua sẽ mất đi niềm tịnh tín đang hiện hữu một cách kiên định, và phía kẻ lừa đảo này sẽ phải đón nhận điều nguy hại đến mạng sống, vì thế thiết yếu là Ta sẽ phải nói một cách trung dung, nhằm để bảo vệ lợi ích cho ở cả hai phía.” Vị quan chức mới quay trở lại trình tấu Đức Vua rằng: “Đệ Tử Đức Phật bước theo vị Tỳ Khuru ấy cho đến ra ngoài thị thành, và khi đi ra ngoài thị thành thì mảnh y vàng ấy cũng liền biến mất khỏi tầm mắt của Đệ Tử Đức Phật.” Đức Vua đã vừa được nghe qua, liền phát sanh niềm hoan hỷ phi lạc (*Pītisomanassa*) và đã phán rằng: “Nhất định Ngài ấy phải là bậc Vô Sinh rồi, và Phẩm Thí của Trẫm phải là Thắng Thí”.



Tích truyện này trình bày cho thấy rằng lời nói ra chẳng đúng với sự thật, đã làm cho Đức Vua thâm nhập ở trong lòng điều nhằm lẫn, tuy nhiên đã không làm cho phát sanh điều tổn hại, mà trái lại làm cho phát sanh lên điều lợi ích. Như vậy, người nói ra cho dù sẽ được gọi là nói dối, thế nhưng thành điều nói dối mà không có tội lỗi tác hại, và không có khả năng dắt dẫn đi đọa vào Cõi Thống Khổ.

Trong *Túc Sanh Truyện Ngũ Vũ Khí (Pañcavudhajàtaka , # 55)*, thanh niên Bà La Môn Ngũ Vũ Khí (*Pañcavudha*) vào sát na đã bị *Dạ Xoa (Yakkha)* có tên gọi là “*Dính Lông*” (*Silesaloma*) chụp bắt lấy để ăn, đã thốt ra lời nói gạt rằng: “*Trong bụng của Ta đây có vũ khí. Nếu người ăn Ta, thì vũ khí của Ta sẽ cắt nội tạng của người cho đứt ra thành từng miếng lớn miếng nhỏ, thế rồi người sẽ bị mạng vong.*” *Dạ Xoa* đã vừa được nghe qua như thế, liền nghĩ rằng: “*Thanh niên này có thể nói thật*”. Và như thế, *Dạ Xoa* mới không dám ăn thanh niên Bà La Môn Ngũ Vũ Khí ấy. Chỗ thanh niên Ngũ Vũ Khí nói rằng “*bụng có vũ khí*”, lập ý lấy “*hươi gương trí tuệ*”, tức là Trí Tuệ hiện hữu ở trong con người mình. Tuy nhiên, *Dạ Xoa* lại hiểu biết rằng đó là các loại vũ khí thật ! Tích truyện này trình bày đến sự việc nói dối của thanh niên Bà La Môn Ngũ Vũ Khí đây, đã không làm cho phát sanh lên bất luận điều tổn hại nào đến người đã làm tin.

[*Túc Sanh Truyện Ngũ Vũ Khí (Pañcavudhajàtaka , bài Kinh thứ 55)* có nội dung như sau:

Tích truyện này, khi bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Kỳ Viên Tự, và đã đề cập đến một vị Tỳ Khuru lui sụt hạnh tinh tấn. Đức Thế Tôn đã cho gọi vị Tỳ Khuru ấy và đã vấn hỏi:

- Có thật chẳng, này vị Tỳ Khuru là người đã thối thất hạnh tinh tấn ?
- Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ có thật vậy.
- Thuở xưa kia, trong những trường hợp cần phải tinh tấn, thì bậc Hiền Triết đã có tinh tấn, và do vậy, đã đạt được Vương vị.

Nói vừa dứt, bậc Đạo Sư kể lại câu chuyện ở trong thời quá khứ.

“*Thuở xưa, khi Đức Vua Brahmadata trị vì đất nước Bārānasī (Ba La Nại), bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đã vào thai bào làm con Hoàng Hậu. Đến ngày đặt tên, sau khi đã mời đến tám trăm vị Bà La Môn, và đã cúng dường mọi dục lạc đến các vị này, Vua và Hoàng Hậu đã cùng vấn hỏi các vị ấy về các điềm tướng. Các vị Bà La Môn, vừa trông thấy được sự thành tựu của các điềm tướng ở nơi Hoàng Tử, liền trả lời rằng:*

- *Tâu Đại Vương, Hoàng Tử hội túc các Ân Đức, và sau khi Đức Ngài băng hà, thì sẽ lên kế vị ngôi Vua, sẽ được danh vọng lẫy lừng với biệt tài sử dụng năm thể loại vũ khí, sẽ trở thành một Đấng tối thượng ở toàn Cõi Nam Diêm Phù Đề (Jambūdīpa – Nam Thiệm Bộ Châu).*

*Nghe qua lời nói của các vị Bà La Môn, Vua và Hoàng Hậu đã đặt tên cho Hoàng Tử là “Ngũ Vũ Khí Nam Tử”(Pañcavudhakumàra). Khi đến lúc trưởng thành, vừa tròn mười sáu tuổi, Vua Cha cho gọi Hoàng Tử vào và bảo rằng:*

- *Này con thân yêu, con hãy đi học lấy nghề !*  
- *Thưa Thiên Tử, con sẽ học với ai ?*  
- *Hãy đi, con thân yêu, con sẽ học với bậc thầy có danh tiếng với mọi phương ở tại thành **Takkasìla**, ở trong nước **Gandhàra**. Và đây là tiền mà con sẽ trả cho Thầy.*

Vừa dứt lời, Vua Cha đã giao cho một ngàn đồng tiền vàng, và đã tiễn đưa Hoàng Tử ra đi. Bậc Giác Hữu Tình đã ra đi đến nơi đó, đã học xong lấy nghề, đã được Thầy truyền trao năm loại vũ khí. Sau đó đã đánh lễ Thầy, bậc Giác Hữu Tình đã rời khỏi kinh thành **Takkasìla**, đã đeo theo năm loại vũ khí và lên đường trở về lại đất nước **Bàrànasì**. Đang đi đến giữa đoạn đường, bậc Giác Hữu Tình đã vừa đến một khu rừng già, và tại nơi đây có một Dạ Xoa tên **Silesaloma** (Dính Lông) đang ngự trị. Từ đầu bìa rừng, người đi đường trông thấy bậc Giác Hữu Tình liền cản ngăn lại, và báo cho được biết trong khu rừng này có Dạ Xoa tên **Silesaloma** ngự trị, sẽ giết hại hết mọi người khi nó đã được trông thấy. Bậc Giác Hữu Tình đã tự tin lấy mình, không chút sợ hãi như sư tử có bờm lông cổ, và vẫn cứ đi mãi vào trong khu rừng.

Gặp nhau ở ngay giữa khu rừng già, Dạ Xoa đã hiện ra trước mặt Hoàng Tử với xác thân to cao như cây cọ dừa, với cái đầu to lớn như ngôi nhà có nóc nhọn, với cặp mắt to bự như hai cái bát, với hai răng nanh như hai búp cây củ cải, với cái miệng như mỏ diều hâu, với cái bụng có nhiều đốm đỏ tía, và với bàn tay bàn chân xanh thẫm. Dạ Xoa đã hét lên:

- *Ngươi đi đâu đây ? Hãy đứng lại, ngươi đã là miếng mồi của Ta.*

Bậc Giác Hữu Tình đã trả lời rằng:

- *Này Dạ Xoa, Ta đã tin ở nơi mình, nên đã vào đây. Ngươi quả thật là liều mạng. Nếu ngươi tiến đến gần Ta, thì Ta sẽ bắn ngươi với mũi tên có tẩm thuốc độc và sẽ hạ ngươi ngay tại chỗ đứng.*

Sau khi đã dọa nạt, bậc Giác Hữu Tình lấp mũi tên có tẩm thuốc độc và đã xạ tiễn, bắn liên tục cho đến năm mươi mũi tên. Tất cả đều dính vào lông của Dạ Xoa, nó đã gạt tất cả năm mươi mũi tên rơi xuống chân của nó, và liền xông tới bậc Giác Hữu Tình. Ngài lại dọa hăm rút gươm ra chém, cũng tương tự với mũi tên, với thanh gươm dài đến ba mươi ba đốt tay cũng dính vào lông của Dạ Xoa. Thế rồi, bậc Giác Hữu Tình lấy ngọn giáo và đã đâm vào nó, cũng tương tự như vậy, ngọn giáo cũng dính chặt vào lông của nó. Biết khả năng bắt dính của lông Dạ Xoa, bậc Giác Hữu Tình đã rút lấy quả chùy đập vào nó. Quả chùy cũng bị dính vào lông, bậc Giác Hữu Tình đã thốt lên rằng:

- *Này Dạ Xoa, ngươi chưa từng được nghe về Ta, là Hoàng Tử có năm loại vũ khí. Khi Ta đã mạo hiểm đi vào khu rừng này, Ta đã đặt lòng tin chẳng phải ở mũi cung tên và các vũ khí khác, mà hoàn toàn đã đặt lòng tin vào chính tự nơi mình. Nay Ta sẽ đánh vào ngươi, và chỉ một cú đánh thôi, khiến ngươi sẽ trở thành cát bụi !*

Sau khi đã nói xong, bậc Giác Hữu Tình đã dùng bàn tay phải đánh vào Dạ Xoa. Bàn tay phải ấy đã dính vào lông, thế rồi đã đánh với bàn tay trái của mình. Bàn tay trái ấy cũng dính vào lông. Lại dùng chân phải đá vào, chân phải cũng đã bị dính vào. Thế rồi, đã dùng chân trái đá vào, và chân trái cũng đã bị dính vào.

Ngài đã la to lên: “ Ta sẽ đập ngươi tan thành cát bụi !”

Thế là Ngài đã dùng lấy cái đầu đánh vào nó, và cái đầu cũng đã bị dính vào lông. Bây giờ, bậc Giác Hữu Tình đã bị mắc dính cả năm phần vào năm chỗ. Tuy vậy, bậc Giác Hữu Tình vẫn không kinh hãi, vẫn không chút run sợ. Dạ Xoa đã tự nghĩ suy “ Đây chẳng phải là một người bình thường, một đấng anh hùng mà không bạn đồng hành, đây chính thực một Sư Tử giữa loài người. Dầu bị một Dạ Xoa như Ta đây đã bắt lấy, ông ta cũng vẫn không run sợ. Trước đây, từ khi Ta đã bắt đầu giết những khách du ngoạn ở trên đường lộ này, chưa bao giờ Ta đã được thấy một người bằng với ông ta. Làm thế nào mà ông ta đã không bị sợ hãi ?” Nghĩ vậy, Dạ Xoa đã không dám nuốt sống bậc Giác Hữu Tình, và bảo rằng:

- Nay thanh niên Bà La Môn, vì sao người chẳng sợ tử vong ?

- Vì sao Ta không sợ hả ? Ta đã đặt lòng tin vào chính tự nơi mình. Mỗi sinh thể đoan chắc sẽ đi đến tử vong. Thế nhưng, ở trong cơ thể của Ta, có một thanh gươm rắn tợ kim cương, và người sẽ chẳng bao giờ tiêu hóa được, nếu người ăn Ta. Nó sẽ cắt nội tạng của người thành từng miếng nhỏ mịn, và sự tử vong của Ta cũng là sự chấm dứt mạng sống của người. Vì lý do này mà Ta chẳng có sợ hãi ! (Tại nơi đây, lời nói ấy, bậc Giác Hữu Tình đã lập ý đến lưỡi gươm trí tuệ đang ở trong nội tạng của Ngài.)

Nghe nói vậy, Dạ Xoa đã nghĩ suy: “ Thanh niên Bà La Môn này đang nói lời chân thật và chẳng có chi ngoài sự thật cả. Chỉ một miếng nhỏ mà to cỡ bằng một hạt đậu đây, Ta cũng chẳng tiêu hóa được của đấng anh hùng. Ta hãy để cho ông ta đi thôi !” Và thế là, vì nỗi sợ hãi ở trong đời sống của Dạ Xoa, nó đã để cho bậc Giác Hữu Tình ra đi tự do, và nói rằng:

- Nay thanh niên Bà La Môn, người đã là một sư tử ở giữa loài người, Ta sẽ chẳng ăn người đâu. Nay người đã được thoát khỏi bàn tay của Ta, ví tợ như mặt trăng đã thoát khỏi miệng của Thần **Ràhu**. Và hãy ra đi, và hãy mang lại niềm hoan hỷ tốt lành cho đến bà con thân quyến của người, bạn hữu của người, và đất nước của người.

- Chính tự nơi mình, này Dạ Xoa, bậc Giác Hữu Tình đã đáp lại, Ta sẽ ra đi. Cũng chính tự ở nơi người, trước đây do đã tạo ra bao điều tội lỗi, mà đã tạo ra cho người phải bị tục sinh làm Dạ Xoa độc ác, tay đã vấy máu, đã ăn thịt và uống máu người. Và nếu như người vẫn tiếp tục tạo điều tội lỗi ở ngay trong kiếp sống này, thì người sẽ đi từ cảnh tam tối này đến cảnh tối tăm khác. Thế nhưng, nay người đã gặp được Ta, người sẽ không thể nào còn tạo tác điều tội lỗi nữa. Hãy biết rằng ai sát sanh thì ắt sẽ bị tục sinh vào ở trong Địa Ngục, hoặc ngạ quỷ,

hoặc Dạ Xoa Quỷ dữ, hoặc loài bàng sanh. Hoặc, nếu sẽ được tục sinh lại ở trong Cõi Nhân Loại, thế thì tội ác ấy sẽ dẫn đến làm người đoản thọ yếu mạng.

Với phương cách này và nhiều phương cách khác nữa, bậc Giác Hữu Tình đã khái thuyết về sự nguy hiểm của Ngũ Ác Giới, và điều phúc lợi sẽ đến của Ngũ Thiện Giới; thế là bằng với nhiều hình thức như thuyết pháp, v.v. đã làm cho Dạ Xoa kinh hãi và khiến cho trở thành nhu thuận ở trong Ngũ Điều Giới Học. Thế rồi, đã biến Dạ Xoa trở thành vị Thần hộ mệnh ở trong khu rừng, với quyền được thu thuế (qua việc cúng tế), và đã trợ giúp Dạ Xoa duy trì sự an trú kiên định. Bậc Giác Hữu Tình đã lìa khỏi khu rừng, đã báo tin cho mọi người ở tại bìa rừng được rõ biết mọi sự việc. Ngài đã nai nịt với năm loại vũ khí, đã đi đến thành Ba La Nại, và đã hội ngộ lại với Mẹ Cha của Ngài.

Những ngày sau đó, khi đã thành vị Vua trị vì quốc độ theo Chánh Pháp, và Ngài đã công hiến trong những Thiện Công Đức và đã băng hà ra đi theo Nghiệp Lực của mình.”

Dứt thời Pháp Thoại, bậc Chánh Đăng Giác đã đọc lên bài kệ:

*Người với Tâm ly Tham,  
Với Ý cũng ly Tham,  
Tu tập theo Thiện Pháp,  
Đạt an ổn khổ ách.  
Và tiếp tục chứng đạt,  
Đoạn diệt mọi Kiết Sứ.*

Sau khi bậc Đạo Sư đã khái thuyết dắt dẫn đạt đến Quả vị Vô Sinh Alahán, với Pháp Thoại Tứ Đế. Kết thúc Pháp Thoại, vị Tỳ Khuru ấy đã chứng đắc được Quả vị Vô Sinh. Và Đức Phật đã nhận diện về Dạ Xoa trước kia là tiền thân của Tỳ Khuru **Āṅgulimāla**, và bậc Giác Hữu Tình chính là bậc Đạo Sư.]

Trong Túc Sanh Truyện **Samsumàrajātaka** đã có trình bày nói rằng: “Bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đã sinh làm con khỉ, và đã bị một con cá sấu lừa gạt cho ngồi phía sau lưng để sẽ đưa qua bờ phía bên kia. Ngay khi vừa đến giữa dòng sông, cá sấu đã lặn chìm xuống, khỉ mới vội hỏi rằng “Ngài cố tình nhận chìm Tôi xuống nước với ý định chi?” Cá sấu nói rằng “Ta nhận chìm Ngài xuống là để cần phải ăn thịt trái tim của Ngài”. Khỉ mới thốt ra lời nói gạt rằng “Trái tim của Tôi quả là không có ở trong con người Tôi, Tôi đã cởi ra và đã treo nó ở trên cây sung ấy”, và đã chỉ cho cá sấu nhìn thấy những trái quả sung, rồi nói tiếp “Nếu cần thì hãy đưa Tôi trở lại cây sung ấy”. Cá sấu đã làm tin và đưa khỉ đến nơi. Khỉ liền nhảy lên cây sung và đã bỏ đi.” Đây là lời nói dối nhưng chẳng làm cho phát sanh bất luận điều tổn hại nào.

[*Túc Sanh Truyện Con Khỉ (Vànarajàtaka* , bài Kinh thứ 342). Tích truyện này, khi bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Trúc Lâm Tự, và đã đề cập đến cách thức mà Tỳ Khuru **Devadatta** định sát hại Đức Phật, có nội dung như sau:

*Thuở xưa, khi Đức Vua **Brahmadatta** trị vì đất nước **Bàrànasì**, bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) đã sinh làm một con khỉ, khi còn nhỏ thì đã sống ở vùng Hy Mã Lạp Sơn, và đến khi lớn lên đã đến sống ở nơi sông Hằng. Bấy giờ có một cá sấu cái cũng sống ở trong sông Hằng, rất khao khát được ăn trái tim của bậc Giác Hữu Tình, và đã nói câu chuyện ấy với chồng. Cá sấu đực tự nghĩ “Ta sẽ giết bậc Giác Hữu Tình bằng cách nhận chìm nó ở trong dòng nước, rồi sẽ lấy trái tim và đem đến cho vợ Ta.” Vì thế, nó đã nói với bậc Giác Hữu Tình:*

*- Hãy lại đây, này bạn hữu, chúng ta sẽ đi và ăn những trái cây rừng trên một hòn đảo kia.*

*- Làm thế nào Tôi sẽ đến nơi đó được? Ngài đã nói.*

*- Tôi sẽ để Ngài ngồi ở phía sau lưng của Tôi, và đưa Ngài đến nơi đó, cá sấu đã trả lời.*

*Một cách vô tư không biết được ý định của cá sấu, Ngài đã nhẩy lên và đã ngồi ở phía sau lưng của nó. Cá sấu sau khi đã bơi được một đoạn ngắn, liền bắt đầu lặn chìm xuống. Thế là, khi đã bảo:*

*- Vì sao, thưa Ngài, lại muốn nhận chìm Tôi ở trong nước ?*

*- Ta đang sắp giết Ngài, cá sấu đã nói, và lấy trái tim của người đem đến cho vợ Ta.*

*- Này ông bạn khờ khạo ơi, bộ ông tưởng rằng trái tim của Tôi là đang ở bên trong con người của Tôi đấy à ?*

*- Thế thì Ngài đã để nó ở nơi nao ?*

*- Ông không thấy nó đang được treo ở trên cây sung ở đằng kia sao ?*

*- Ta thấy nó rồi, cá sấu đáp, thế nhưng Ngài sẽ cho nó đến Ta ?*

*- Vâng, Tôi sẽ làm điều đó, khi đã bảo.*

*Thế là cá sấu – quả thật nó quá ngu si – đã mang khỉ và đã bơi đến góc cây sung ở ngay bên bờ sông. Bậc Giác Hữu Tình đã phóng khỏi lưng của cá sấu và đã đứng ở trên cây sung, thế rồi đã thốt lên bốn câu kệ như sau:*

*Ta từ nước, sấu ơi, lên tới đất khô này !  
Há chi để sau rớt, rơi vào thế lực người ?*

*Mít, hồng đào đó kia, khi Ta đã chán ra,  
Sung đây Ta nên hái, hơn là xoài đằng xa !*

*Kẻ nào gặp dịp tốt, mà chẳng vươn lên được,  
Dưới chân kẻ nghịch thù, thảm thương này lạy lục !*

*Kẻ nào biết ngay liền, nổi nguy biến phân minh,  
Không hề bị uy hiếp, trước kẻ nghịch cường quyền !*

*Bậc Giác Hữu Tình đã đọc bốn câu kệ trên để nói về sự thành tựu ở trong các sự việc đời thường tình của thế gian, và rồi liền ngay đó đã vụt biến vào đám cây rậm của rừng già.*

Và Đức Phật đã nhận diện về cá sấu trước kia là tiền thân của Tỳ Khưu *Devadatta*, và bậc Giác Hữu Tình chính là bậc Đạo Sư.]

Lại nữa, ở trong việc thể hiện các cử chỉ hành động xua đuổi các loài Hữu Tình, như là chim, quạ, v.v. tương tự giống với hành động (*hù dọa*) là sẽ ném hoặc bắn, đã làm cho các loài Hữu Tình nghĩ rằng “*sẽ giết hoặc ném mình*” thế rồi cũng đã bỏ trốn bay đi. Những thể loại này cũng nói được rằng “*đó là việc nói dối theo lộ Thân Môn*”, tuy nhiên cũng tương tự như vậy, là chẳng làm cho phát sanh điều tổn hại nào cả.

### **Trình Bày Vọng Ngữ (*Musàvāda*) Theo Phần Cực Đại Tội (*Mahāsāvajja*) Và Hy Thiểu Tội (*Appasāvajja*)**

*Vọng Ngữ* mà làm cho phát sanh sự tổn hại, và nếu như người tin theo có sự tổn hại chút ít, thì *Vọng Ngữ* ấy sẽ là *Hy Thiểu Tội*, tức là có chút ít tội. Nếu như người tin theo có sự tổn hại to lớn, thì *Vọng Ngữ* ấy sẽ là *Cực Đại Tội*, tức là có nhiều tội lỗi.

Người làm nhân chứng giả, và đã làm cho phía bên kia phải bị đón nhận sự tổn thất ở trong tài sản của cái, hoặc phải bị đón nhận điều tác hại, với thể loại này thì được liệt vào loại *Vọng Ngữ* phần *Cực Đại Tội* (còn gọi là *Đại Vọng Ngữ*). Tỳ Khưu Sa Di nói giỡn chơi với nhau, chẳng hạn như có một vị trì bình khát thực đi đến và một vị kia liền vấn hỏi rằng: “*khát thực có được nhiều hay ít, được bao nhiêu ?*”, và vị ban đầu cũng trả lời rằng: “*có được rất nhiều, cho đến đầy bình bát*”, chứ sự thực thì chỉ có được chút ít ngần ấy thôi. Hoặc có một người nào đó đã vừa nhận tám ngàn phiêu, thì có người vấn hỏi rằng: “*có được bao nhiêu tiền vậy ?*” thì cũng trả lời rằng “*có được nhiều lắm, đến hàng trăm, hàng ngàn, v.v.*” chứ sự thực thì chỉ có được năm hoặc mười đồng ngàn ấy thôi. Với những thể loại này thì được liệt vào loại *Vọng Ngữ* phần *Hy Thiểu Tội* (còn gọi là *Tiểu Vọng Ngữ*). Người nói những ngôn từ thuộc “*Phi Thánh Ngôn Ngữ*” (*Anariyavohāra – Ngôn Ngữ Dân Gian*) tức là ngôn từ của kẻ chẳng phải là bậc Thánh Nhân, hoặc bất luận một trong tám thể loại ngôn từ của hạng người *ngông cuồng* (*Andhabāla – Ngu Xuân*). Với những thể loại này thì được liệt vào loại *Vọng Ngữ* phần *Cực Đại Tội*.



## **Bát Thể Loại Phi Thánh Ngôn Ngữ, đó là:**

1. Điều mình **không thấy**, nói rằng **THẤY**.
2. Điều mình **không được nghe**, nói rằng **ĐƯỢC NGHE**.
3. Điều mình **không gặp**, nói rằng **GẶP**.
4. Điều mình **không biết**, nói rằng **BIẾT**.
5. Điều mình **đã được thấy**, nói rằng **KHÔNG THẤY**.
6. Điều mình **đã được nghe**, nói rằng **KHÔNG ĐƯỢC NGHE**.
7. Điều mình **đã gặp**, nói rằng **KHÔNG GẶP**.
8. Điều mình **được biết**, nói rằng **KHÔNG BIẾT**.

(**GẶP** lập ý ở tại đây nói đến việc *được ngửi mùi, được biết vị, được xúc chạm*) Đối với việc nói dối đã làm cho Tăng Đoàn phải bị chia rẽ với nhau (*Saṅghabhedaka – Chia Rẽ Tăng Đoàn*), thì liệt vào loại *Vọng Ngữ* phần *Cực Đại Tội* của *Cực Trọng Nghiệp Lục* (*Garukakamma*).

## **Trình Bày Chư Giác Hữu Tình Không Nói Lời Vọng Ngữ**

Lời nói vọng ngữ đã làm cho người khác hiểu nhầm lầm tin theo, và đã làm cho phát sanh sự tổn hại, đối với Chư Giác Hữu Tình (*Bồ Tát*) thường là không nói đến thể loại vọng ngữ mà đã làm cho phát sanh sự tổn hại đến cho người nghe.

Y như Chư Giác Hữu Tình đã có nói đề ở trong *Phẩm thứ Chín – Chương Một – Túc Sanh Truyện Hồ Thẹn* (*Navanipāta Hirijātaka*) đã có trình bày nói rằng: *“Bodhisattassa hi ekaccesu thānesu paṇātipāto, adinnādanam, kāmesu micchācāro, surāmerayamajjapānampi hotiyeva atthabhedaka viśaṃvādanam purakkhitvā musāvādo nāma na hoti”*- Dịch nghĩa là: *“Ở trong một vài thể loại Bất Thiện Nghiệp Đạo, như là Sát Mạng, Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Uống Rượu và Chát Say; với những thể loại này ắt hẳn còn sanh khởi đến Chư Giác Hữu Tình. Còn việc nói lời vọng ngữ mà có Tư Tác Ý để sẽ làm cho người khác phải bị đón nhận sự tổn hại thì ắt hẳn là không bao giờ có.*

[*(Túc Sanh Truyện Hồ Thẹn, bài Kinh thứ 363.)* Với tích truyện này, khi bậc Đạo Sư đang trú ngụ ở tại Kỳ Viên Tự, và đã có đề cập đến một phú thương là bạn hữu của Bá Hộ Cấp Cô Độc, sinh sống ở tại một biên địa, có nội dung như sau:

*“Thuở xưa, có một vị thương gia ở thành Bārānasī được tin rằng những người hầu của một vị thương gia xa lạ bị cướp đoạt lấy hết tất cả tài sản, và sau khi đã vợ vét mọi thứ đã có, họ đã cùng rủ nhau bỏ trốn. Vị thương gia đã nói:*

*- Vì họ đã không làm điều mà họ phải làm cho những người xa lạ đã đến với họ, nên họ chẳng tìm thấy ai sẵn sàng đền đáp ân cho họ.*

*Nói như thế, ông đã đọc những câu kệ như sau:*

“Người nào dù được kính vì,  
Khi làm phận tớ, lòng thì ghét Ta,  
Chẳng làm việc tốt thiết tha,  
Còn riêng lời nói rườm rà nhiều khê.  
Nên Ta quyết phải một bề,  
Người nào như thế, chớ hề kết giao !

Một khi đã trót hứa vào,  
Thực hành lời hứa làm sao vẹn tròn.  
Việc nào chẳng thể làm xong,  
Thì Ta từ chối, quyết không hứa gì.

Người khôn quay mặt ngoảnh đi,  
Những khoa trương rỗng, đáng chi để lòng.  
Một khi bạn đã một lòng,  
Chẳng còn tranh chấp khi không có nào !

Chẳng hề kẻ vạch gắt gao,  
Những điều làm lỗi của nhau bao giờ.  
Tin bạn ví tựa trẻ thơ,  
Tin vào vú Mẹ chẳng ngờ chút chi!

Dù cho kẻ lạ nói chi,  
Cũng chẳng mong muốn chia ly bạn lòng.  
Tình bạn ai khéo vẹn tròn,  
Hẳn đời tăng ích, cao khôn phước phần !

Những người hưởng thú tịnh an,  
Uống vào hương vị Lý Chân ngọt ngào.  
Riêng người ấy rõ biết sao,  
Thoát dây buộc tội, thoát bao lụy phiền !

Và như thế, bậc Đại Sĩ đã chán ngán tiếp giao với loại bằng hữu xấu ác (phản bội và vong ân – *Akataññu*), và do năng lực của sự độc cư, Ngài đã đưa Giáo Lý của Ngài lên đến tột đỉnh và đã dìu dắt chúng sanh đi đến Níp Bàn.]

### ***Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Vọng Ngữ***

-----00000-----

## **2. LY GIÁN NGŨ (Pisunavacà – Nói Lời Chia Rẽ)**

“Ly Gián Ngữ” (*Pisunavàcà* – Nói lời chia rẽ), khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Pisuna* + *Vàcà*”. “*Pisuna*” dịch nghĩa là “việc nghiền nát nhuyễn” hoặc “việc thực hiện cho tan rã tản mạn”, “*Vàcà*” dịch nghĩa là “ngôn từ, lời nói”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Pisunavàcà*” dịch nghĩa là “lời nói nghiền nát sự đoàn kết, làm cho chia rẽ tản mạn”. Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng:

“*Pisati sàmaggim sañcunnetiti = Pisunà*”- “Ngôn từ nào thường nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi; như thế ngôn từ ấy gọi là Ly Gián Ngữ”. “*Vadanti etàyàti = Vàcà*”- “Những người thường nói với Tư Tác Ý ấy, như thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc nói ấy, gọi là Ngôn Từ”. “*Pisunà ca sà vàcà cāti = Pisunavàcà*”- “Lời nói mà nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi, cùng với Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc nói ấy, như thế gọi là Ly Gián Ngữ”.

Lấy thí dụ như nam nhân **K** với nam nhân **Kh** là bằng hữu với nhau, và có tình đoàn kết với nhau. Tiếp đến có người thứ ba xen vào nói lời xúi xiểm với nam nhân **K** với những lời đổ tội là nam nhân **Kh** đã nói xấu sau lưng, chỉ trách nam nhân **K** đủ mọi thứ, đã khiến cho nam nhân **K** phải bị hiểu lầm, và đã khởi sinh bất hòa với nam nhân **Kh**. Như thế, lời nói ở thể loại này mới gọi là Ly Gián Ngữ (*Pisunavàcà*). Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng “*Pisunà*” đây, một khi theo nguyên gốc của từ ngữ, thì đó chính là “*Piyasuññakaraṇà*” nhưng lại trở thành “*Pisunà*” là do hiện hành theo phần Ngữ Pháp (*Nirutiveyyākaraṇa*), tức là đã xóa đi những vần tự khác và chỉ còn lại vần vẹn là “*Pisunà*” ngần ấy thôi. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Piyam suññaṃ karotiti = Pisunà*”- “Lời nói nào thường làm cho phát sanh tự ái và làm cho người khác phải mất đi tình lân ái, như thế lời nói như vậy gọi là Ly Gián”.

Lấy thí dụ như nam nhân đen với nam nhân trắng có tình tương thân tương ái với nhau. Nam nhân đỏ không hoan hỷ, với kỳ vọng là phải làm cho nam nhân đen lân ái với mình, và phải làm cho ghét bỏ nam nhân trắng. Do thế, mới tìm kiếm câu chuyện đi đến nói lời xúi giục nam nhân đen với những lời nói rằng nam nhân trắng ấy không được tốt ở đủ mọi thứ, đã khiến cho nam nhân đen lầm tin và đã nghĩ rằng nam nhân đỏ có tác ý tốt với mình, mới ghét bỏ nam nhân trắng, và rồi trở lại lân ái với nam nhân đỏ. Như vậy, lời nói của nam nhân đỏ ở thể loại này mới gọi là Ly Gián Ngữ.

### Bốn Chi Pháp Của Ly Gián Ngữ, đó là:

1. *Phá Liệt (Bhinditabbo)*: Người bị làm cho chia rẽ với nhau.
2. *Hủy Liệt (Bhedapurakkhàro)*: Có Tư Tác Ý rắp tâm làm cho chia rẽ với nhau.

3. *Nỗ Lực (Payogo – Phán Đấu)*: Có sự cố quyết làm cho chia rẽ với nhau.
4. *Liễu Tri Nội Dung (Tadattha jànanam)*: Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

**“Pisunàya bhinditabbo  
Vàyàmo jànanam catu**

**Tappurapiyakamyatà  
Bhinne kamma patho bhavè”**

Dịch nghĩa là: “*Có bốn Chi Pháp của Ly Gián Ngữ, đó là:*

1. *Người bị làm cho chia rẽ với nhau.*
2. *Có Tư Tác Ý rắp tâm làm cho chia rẽ với nhau, và có ý định để cho lân ái mình.*
3. *Có sự cố quyết làm cho chia rẽ với nhau.*
4. *Người nghe hiểu biết nội dung ấy.*

Một khi người đã bị xúi xiểm rồi phát sanh chia rẽ với nhau, thì coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Trong câu kệ trình bày đến Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng “*Tappurapiyakamyatà*” là “*có Tư Tác Ý rắp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau, và có ý định để cho lân ái mình*”, với việc có Tư Tác Ý rắp tâm làm cho chia rẽ với nhau là điều chánh yếu. Còn việc có ý định làm cho lân ái mình, thì chẳng phải là điều chánh yếu, mà đó chỉ là trình bày cho biết rằng việc nói lời vọng ngữ của một vài người cũng có chủ tâm như vậy. Đối với *Sự Nỗ Lực (Payoga)* thì có được hai thể loại, đó là: *Thân Nỗ Lực (Kàyapayoga)* và *Ngữ Nỗ Lực (Vacìpayoga)*.

*Thân Nỗ Lực* là việc xúi xiểm theo lộ Thân Môn, có việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ làm cho ở phía bên kia biết được chủ ý của mình. Lấy thí dụ như có một đôi vợ chồng, với người chồng ra đi làm việc, và người vợ lại lên đi đánh bài ở nhà hàng xóm láng giềng. Khi người chồng về lại nhà, và đã không nhìn thấy người vợ thì đi hỏi thân quyến của mình đang chung sống ở trong nhà. Thân quyến ấy đã sẵn chẳng ưa thích gì người vợ này, sẵn lòng mong mỏi sẽ làm cho người chồng phát sanh bất hòa với người vợ, nhưng lại chẳng nói nên lời nào cả, mà chỉ dùng cử chỉ điệu bộ để cho biết rằng người vợ đã đi đánh bài ở nhà cạnh bên. Người chồng biết được và không hài lòng người vợ. Đến khi người vợ về đến thì phát sanh lên cãi cọ bất hòa với nhau. Việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ xúi xiểm như vậy, đã được gọi là xúi xiểm theo lộ Thân Môn.

*Ngữ Nỗ Lực* là việc xúi xiểm theo lộ Ngữ Môn, là việc nói năng làm cho người ở cả hai phía phát sanh chia rẽ với nhau. Chẳng hạn như có câu chuyện đã được kể với nhau rằng: “*Trong một thôn làng nọ có một đôi vợ chồng. Người*

chồng là dân ở Miền Đông Bắc, và người vợ là dân ở Phương Nam. Cả hai đều hết mực thương yêu nhau, và đã khiến cho bọn nữ nhân sinh sống ở hàng xóm láng giềng sinh tâm đố kỵ, bèn cùng rủ nhau nghĩ cách sẽ làm cho cả hai vợ chồng này phải bất hòa chia rẽ với nhau, bằng cách lén gặp được nam nhân là người chồng để nói rằng “Vợ của anh ấy là “Ma Trơi”. Vào thời gian tới nửa đêm, khi anh ta còn đang say ngủ, thì người vợ đã ngồi dậy ra và đã đi tìm kiếm thực phẩm để ăn. Tuy nhiên, đầu tiên là sẽ bước qua thân hình của anh ta trước, để không làm cho anh ta phải vụt thân dậy, và cứ tới nửa đêm là cô ấy đã làm như vậy mà anh ta không hề hay biết.” Khi bọn nữ nhân này gặp được người vợ của nam nhân ấy thì lại lén nói rằng “Chồng của cô ta chẳng phải là người bình thường. Nhóm người dân ở miền Đông Bắc đã đến nói cho được nghe rằng chồng của cô này là một “Thực Phẩm Tiêm Quỷ” và đã viện dẫn cho xem bằng chứng bằng cách lén rờ vào cuối đốt xương cụt thì có một cái đuôi đang mọc ra.” Khi cả hai bên ai cũng đã được đón nhận lời kể như vậy, thì ai nấy cũng chực chờ có được cơ hội để sẽ chứng kiến về sự thật ấy cho bằng được. Một nửa đêm nọ, khi cả hai vợ chồng này cùng vào ngủ, thì mỗi bên ai cũng giả vờ làm như đã ngủ. Người vợ thì nghĩ rằng chồng đã ngủ rồi, mới ngồi dậy với tay để sẽ rờ xem cái mông của chồng. Phía người chồng thì nghĩ rằng vợ mình đây là “Ma Trơi” và đang sắp bước qua thân hình của mình, thành thử đã giở chân lên đập vào cô ta văng đi. Người vợ nổi giận lên liền mắng chửi chồng là “Quý ăn phân người”! Người chồng lại nói cô ta là “Ma Trơi” thế là ai nấy cùng kinh cãi với nhau, và kết cuộc thì đôi vợ chồng này đã hoàn toàn chia rẽ với nhau, là bởi do việc xúi xiểm của bọn nữ nhân cư ngụ ở hàng xóm láng giềng. Với người đã nói ra thì chẳng có điều lợi ích để sẽ có được sự lân ái với mình, và câu chuyện đã nói ra đó, lại chẳng có thật; vì thế với bọn nữ nhân đã nói ấy, coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì người bị xúi xiểm đã khởi sinh việc chia rẽ với nhau.”

Việc nói lời Ly Giác Ngữ đây, cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, thế nhưng, nếu như người đã bị xúi xiểm ấy, lại không có sự chia rẽ với nhau, và vẫn tiếp tục duy trì về Thân hòa hợp, Tâm hòa hợp lẫn nhau, thì không thể liệt người đã nói lời ấy là đã xâm Phạm Nghiệp Đạo.

Như Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày đề ở trong bộ **Chú Giải Aṭṭhasàlinī** nói rằng: “**Pare pana abhinne kamma pathabheda natthi bhinneva**”- Dịch nghĩa là: “Cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, nhưng một khi người ấy vẫn không có sự chia rẽ với nhau, thì vẫn không có việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Tuy nhiên, nếu như đã có việc chia rẽ với nhau, thì lúc ấy mới coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi vậy.”

**Việc Phân Tích Ly Giác Ngữ (Pisunavàcà) Theo Phần  
Cực Đại Tội (Mahàsàvajja) Và Hy Thiểu Tội (Appasàvajja)**



Nếu như người bị xúi xiểm cho chia rẽ với nhau là người không có Đức Hạnh, không sống ở trong Giới Pháp (*Sīladhamma*) thì người đã nói lời nói ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc *Hy Thiểu Tội*, tức là có tội chút ít. Nếu như người đã bị xúi xiểm lại là người có Đức Hạnh, và đã sống ở trong Giới Pháp, thì người đã nói lời ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc *Cực Đại Tội*, tức là có tội nhiều.

### *Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Ly Gián Ngữ*

-----00000-----

### 3. THÔ ÁC NGŨ (*Pharusavàcà* – Nói Lời Xấu Ác)

Từ ngữ nói rằng *Thô Ác Ngữ* (*Pharusavàcà* – Nói lời xấu ác), khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Pharusa + Vàcà*”. “*Pharusa*” dịch nghĩa là “*một cách thô ác*”, “*Vàcà*” dịch nghĩa là “*ngôn từ, lời nói*”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Pharusavàcà*” dịch nghĩa là “*lời nói thô ác*” tức là việc chửi mắng, việc nguyên rủa. Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “*Pharusam karotiti = Pharusà*”- “*Lời nói nào thường làm cho thành thô ác, như thế lời nói ấy gọi là Thô Ác Ngữ*”, tức là những việc chửi mắng, và việc nguyên rủa. Rằng theo phần Chi Pháp, tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong Tâm căn Sân, làm thành tác nhân của các việc chửi mắng, việc nguyên rủa.

Từ ngữ nói rằng “*Pharusà*”, khi nói theo câu Chú Giải đã có trình bày, tức là “*Pharusam karotiti = Pharusakaraṇa*” tuy nhiên theo phần *Ngũ Pháp* (*Nirutti veyyakaraṇa*) thì đã xóa đi và đã lấy ra từ ngữ “*Karanam*”, như thế mới chỉ còn lại là “*Pharusà*”. Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng “*Pharusavàcà*” khi phân tích ra thì đã có được ba từ ngữ, đó là “*Phara + Usa + Vàcà*”, “*Phara*” dịch là “*lan tỏa*”, “*Usa*” dịch là “*nóng nảy, khốn khổ*”, “*Vàcà*” dịch là “*ngôn từ, lời nói*”.

Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Pharusavàcà*” dịch là “*lời nói làm cho sự nóng nảy khốn khổ lan tỏa đi*”. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Hadayaṃ pharamàṇa usati dahatiti = Pharusà*”- “*Lời nói nào thường làm cho sự nóng nảy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế lời nói ấy gọi là “Thô Ác Ngữ”*”. “*Pharusà ca sà vàcà cāti = Pharusavàcà*”- “*Làm thành thô ác, một cách thô ác với lời nói, như thế mới gọi là “Thô Ác Ngữ”*” (Hoặc câu Chú Giải thứ hai được dịch nghĩa theo một cách khác nữa là) “*Với lời nói mà thường hay tạo tác sự nóng nảy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế mới gọi là Thô Ác Ngữ*”.

Lời nói ở thể loại thô tục mà đã được gọi là “*Thô Ác Ngữ*” đây, người đã được nghe ấy không thể kiềm chế được việc làm thính, chủ ý làm cho tâm thức của người đã được nghe phải bị bất an, có vẻ như đã bị răng cưa cắt chém vậy; như thế những lời chửi mắng hoặc các lời nguyên rủa ấy mới được gọi là *Thô Ác Ngữ*. Ở tại đây là cách thức nói theo phần *Khởi Nguyên* (*Mukhanaya*), tức là việc nói một cách trực tiếp. Nếu nói theo *Chuyển Biến Lộ* (*Phalūpacàranaya*) là theo phần gián



tiếp, chính *Tư Tác Ý Sân (Dosacetanà)* được gọi là “*Thô Ác*” (*Pharusà*), vì *Tư Tác Ý Sân* này là *Nhân (Hetu)*, và việc chửi mắng, viện nguyên rửa ấy là *Quả (Phala)*. Và rút lấy từ ngữ “*Pharusà*” làm thành tên gọi của lời nói thô ác, và đặt để vào ở trong *Tư Tác Ý Sân*, mới gọi *Tư Tác Ý Sân* này là *Thô Ác (Pharusà)*.

### Có Ba Chi Pháp Của Thô Ác Ngữ, đó là:

1. *Sân Cấu (Kopo)*: Có sự nổi giận.
2. *Cấu Nạn (Upakuṭṭho)*: Có người bị chửi mắng.
3. *Lý Mạ (Akkosanà)*: Nói lời chửi mắng.

Như có câu Kệ trình bày nói rằng:

*Pharusàya tayo kopo                      Upakuṭṭho akkosanà*  
*Mammachedakarà taggha -      Pharusà pharusà matà*

Dịch nghĩa là: “*Có ba Chi Pháp của Thô Ác Ngữ, đó là 1/ Sự nổi giận, 2/ Có người bị chửi mắng, 3/ Nói lời chửi mắng. Bậc Trí Giả nên liễu tri loại Tư Tác Ý Thô Ác có khả năng làm cho người nghe phải phát cấu, giống như ung nhọt đang mưng mủ đã phải đung vào, bằng như thế ấy mới gọi là Thô Ác Ngữ*”.

Từ ngữ nói rằng “*Mammachedakarà*” đây, là từ ngữ trình bày ý nghĩa cho được biết rằng loại *Tư Tác Ý* này phải là loại *Tư Tác Ý Thô Ác*. Như vậy, cho dù lời đã nói ra sẽ là lời lẽ tế nhị đi nữa, tuy nhiên nếu như đã có *Tư Tác Ý Thô Ác* rồi, thì lời nói ra ấy cũng phải sắp tương tự như là loại *Thô Ác Ngữ* vậy. Lấy thí dụ như vị thẩm phán nói lời phán quyết xử tử hình với kẻ tử tội, thì cho dù ngay trong sát na nói ra ấy, là sẽ dùng ngôn từ lịch thiệp, có sắc diện tươi cười đi nữa, tuy nhiên với *Tư Tác Ý* lập ý cho việc xử tử hình ấy rồi, thì *Tư Tác Ý* cũng phải sắp vào loại thô ác. Thế là, lời nói đã nói ra ấy mới hoàn thành *Nghiệp Đạo Thô Ác Ngữ*.

Trong bộ *Chú Giải Aṭṭhasàlini* Ngài Giáo Thọ *Buddhaghosa* đã nói rằng “*Cha Mẹ chửi mắng nguyên rửa con trẻ*” hoặc “*Thầy Giáo Thọ chửi mắng môn đồ với tác ý tốt, và chẳng hề có bất luận một ý đồ xấu nào*”, và như thế, lời đã nói ra ấy cũng không sắp vào loại *Thô Ác Ngữ*. Ngài Giáo Thọ đã nêu lên thí dụ dẫn chứng như “*Người Mẹ ngăn cản đứa con trai không cho đi rong chơi ở trong chốn rừng già, tuy nhiên đứa con trai lại không vâng lời, đã chống lại và cứ đòi đi bằng được. Người Mẹ mới mắng chửi nguyên rửa rằng: “Ông mà chẳng có nghe lời tôi, và chống lại thì cầu xin cho trâu rừng húc toi mạng đi thôi !”*. Lời nguyên rửa của người Mẹ này chỉ là hiện hành với mãnh lực của sự bất duyệt ý ngăn ấy thôi, và như thế, mới không sắp vào loại *Thô Ác Ngữ*.

Ngài *Phụ Chú Giải Sư* đã nói lời phản bác rằng: “*Những lời chửi mắng, nguyên rửa của người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ đấy, thế nhưng nếu như*

lời đã nói ra mà quả thật đã được phối hợp với sự nổi giận, thì ắt hẳn phải sắp vào loại Thô Ác Ngữ, vì lẽ đã hội đủ cả ba Chi Pháp, tuy nhiên chỉ có chút ít tội ngàn ấy thôi.”

Một vài nhà Chú Giải Sư đã nói rằng: “Việc nói lời Thô Ác Ngữ đây, là phải nói trước mặt người bị chửi mắng thì mới thành tựu Nghiệp Đạo.” Tuy nhiên ở trong bộ Phụ Chú Giải Trường Bộ Kinh (*Dīghanikāyaṭṭkā*) và bộ Phụ Chú Giải Trung Bộ Kinh (*Majjhimanikāyaṭṭkā*) đã nói rằng: “Việc nói lời Thô Ác Ngữ, cho dù người bị chửi mắng ấy đã không có hiện diện hoặc giả đã chết mất đi rồi, thì việc nói ra lời ấy cũng vẫn thành tựu Nghiệp Đạo được. Viện dẫn rằng kẻ nhỏ nói lời xúc phạm đến với người lớn, như là người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ, v.v. và tiếp đến kẻ ấy đã có hiểu biết trong sự sai trật của mình, mới thực hiện việc xưng tội sám hối đến những bậc ấy. Thế nhưng, cho dù các bậc ấy sẽ không có hiện diện trước mặt hoặc đã chết mất đi rồi, thì việc xưng tội sám hối của người ấy cũng hẳn nhiên là thành tựu quả phúc hữu ích, tức là tội lỗi ấy sẽ tan biến đi và trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Một khi, việc nói lời xưng tội sám hối mà người bị chửi mắng đang hiện diện trước mặt lại thân nhiên bỏ qua, thì ắt hẳn đã được thành tựu quả phúc hữu ích. Việc nói lời Thô Ác Ngữ mà không có người bị chửi mắng hiện diện trước mặt, thì tương tự hẳn nhiên là thành tựu Nghiệp Đạo.”

### Trình Bày Thập Phương Cách Ly Mạ (**Akkosavatthu 10**)

Trong Chi Pháp thứ ba, chỗ nói rằng “*Akkosana – Ly Mạ*” tức là việc nói lời chửi mắng ấy, bậc Học Giả nên hiểu biết có đến mười thể loại yếu tố thiết lập ra việc chửi mắng, đó là:

*Jāti nāma gotta kammaṃ                      Sippaṃ àbādha līngikaṃ*  
*Kilesāpatti akkoso                              Dasamomasavādakā*

### Có Mười Thể Loại Sử Dụng Lời Chửi Mắng, đó là:

1. Chủng tộc thấp cao.
2. Tên gọi thấp cao.
3. Dòng giống thấp cao.
4. Việc làm thấp cao.
5. Kiến thức thấp cao.
6. Căn bệnh thấp cao.
7. Hình dạng tướng trạng thấp cao.
8. Phiền não.
9. Vi phạm tội thấp cao.
10. Lời chửi mắng thấp cao.

1. **Chủng Tộc (Jàti):** Lời chửi mắng có liên quan với chủng tộc ty liệt ấy, chẳng hạn như nói rằng “*chủng tộc tiện sanh, chủng tộc nô bộc, chủng tộc hành khát, chủng tộc côn đồ*”, v.v. Lời chửi mắng có liên quan với chủng tộc thanh cao ấy, chẳng hạn như nói lời khích bác rằng “*hạng Thiện sanh bấy đời tổ phụ, hạng đại trưởng giả*”, v.v.
2. **Danh Xưng (Nàma):** Lời chửi mắng có liên quan với tên gọi ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng “*thằng đần độn, thằng nói bừa, thằng kỳ đà cản mũi*”, v.v. Lời chửi mắng có liên quan với tên gọi thanh cao, chẳng hạn như giả vờ gọi là “*hạng bà lớn, hạng quan to, hạng Ngài vạn tuế*”, v.v.
3. **Huyết Tộc (Gotta):** Lời chửi mắng có liên quan với dòng giống ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng “*thằng ni là dòng giống đầu trộm đuôi cướp, dòng giống lừa gạt, dòng giống ẩu xị*”, v.v. Lời chửi mắng có liên quan với dòng giống thanh cao, chẳng hạn như chửi mắng nhạo báng rằng “*ông ta là dòng giống hoàng thân quốc thích, cậu ấy là dòng giống trưởng giả*”, v.v.
4. **Sự Vụ (Kamma):** Lời chửi mắng có liên quan với việc làm mưu sinh ty liệt, chẳng hạn như “*kẻ thợ rèn, kẻ đập đá, kẻ khuân rác*,” v.v. Lời chửi mắng có liên quan với việc làm mưu sinh thanh cao, chẳng hạn như “*thợ kim hoàn, thợ bạc, thương gia, nông dân, dân làm rẫy, dân làm vườn*,” v.v.
5. **Học Nghệ (Sippam):** Lời chửi mắng có liên quan với kiến thức ty liệt, chẳng hạn như “*có học thức lái xe, học thức cắt tóc, học thức tạo nặn lu chum*,” v.v. Lời chửi mắng có liên quan với kiến thức thanh cao, chẳng hạn như “*thầy bói, thầy thuốc, thầy giáo, giáo thọ*,” v.v.
6. **Bệnh Trạng (Àbàdha):** Lời chửi mắng có liên quan với bệnh trạng ty liệt, chẳng hạn như “*bệnh cùi hủi, bệnh phong cùi, bệnh hắc lao (nấm ben), bệnh lang ben*,” v.v. Lời chửi mắng có liên quan với bệnh trạng thanh cao, chẳng hạn như “*bệnh hệ thần kinh, bệnh tim mạch, bệnh dạ dày*,” v.v.
7. **Tính Biệt (Lingikam):** Lời chửi mắng có liên quan với hình dáng tướng trạng ty liệt, chẳng hạn như “*béo, gầy, thấp, cao, còi, còm*,” v.v. Lời chửi mắng có liên quan với hình dáng tướng trạng thanh cao, chẳng hạn như “*xinh đẹp, bảnh bao, oai vệ, oai hùng, gan dạ*,” v.v.
8. **Phiền Não (Kilesa):** Lời chửi mắng có liên quan với phiền não chỉ có duy nhất một phía ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng “*hắn ta nổi cơn thịnh nộ, người hay đổ kỵ, người có nhiều ái dục quá, có nhiều tà kiến ngã mạn quá*,” v.v.
9. **Phạm Tội (Àpatti):** Lời chửi mắng có liên quan với việc phạm tội ty liệt, chẳng hạn như chửi mắng rằng “*kẻ phạm Bất Cộng Trụ (Pàràjika), Tăng Tàn (Saṅghadisesa)*.” Lời chửi mắng có liên quan với việc phạm tội thanh cao, chẳng hạn như “*phạm tội Ưng Đối Trị (Àpatti Pàcittiya), Tác Ác (Dukkata)*,” v.v.

10. *Ly Mạ (Akkoso)*: Lời chửi mắng ty liệt, chẳng hạn như dùng các lời nói thô tục lỗ mắng, có “*chửi Cha, mắng Mẹ,*” v.v. Lời chửi mắng thanh cao, chẳng hạn như chửi rằng “*bản chất xấu xa, bản tánh bỉ ổi, đốn mạt tệ lậu, súc sinh,*” v.v.

### Có Hai Thê Loại Nỗ Lực (**Payoga**) Của Thô Ác Ngữ, đó là:

1. *Thân Nỗ Lực (Kàyapayoga)*: Việc nói ra lời thô ác theo lộ Thân Môn.
2. *Ngữ Nỗ Lực (Vàcipayoga)*: Việc nói ra lời thô ác theo lộ Ngữ Môn.

Việc nói lời thô ác theo lộ Ngữ Môn thì hẳn đã rõ ràng rồi. Còn việc nói lời thô ác theo lộ Thân Môn ấy, chẳng hạn như viết thư chửi mắng, hoặc trình bày các cử chỉ hành động thô tục, lỗ mắng; làm cho người nhìn thấy biết được sự sân cấu, sự xấu hổ, hoặc tâm bất an.

### Việc Phân Tích Thô Ác Ngữ (**Pharusavàcà**) Theo Phần Cự Đại Tội (**Mahàsàvajja**) Và Hy Thiểu Tội (**Appasàvajja**)

Việc chửi mắng đến bậc có *Án Đức Hiệp Trợ (Upakàraguṇa)* chẳng hạn như Mẹ, Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ, Thân Quyển, hoặc người có Đức Hạnh, và đã sống ở trong *Giới Pháp (Sīladhamma)*, ắt hẳn người chửi mắng ấy có tội lỗi rất nhiều (*Cự Đại Tội*). Nếu như người bị chửi mắng ấy, lại là người chẳng có Đức Hạnh, không sống ở trong *Giới pháp*, thì người chửi mắng ấy sẽ có tội chút ít (*Hy Thiểu Tội*).

### Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Thô Ác Ngữ

-----00000-----

### 4. HỒ NGÔN LOẠN NGỮ (**Samphappalāpa** – Nói Lời Vô Ích)

Từ ngữ nói rằng *Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ)*, khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “**Sampha + Palāpa**”. “**Sampha**” dịch nghĩa là “*việc phá hại sự lợi ích và sự an vui*”, “**Palāpa**” dịch nghĩa là “*ngôn từ, việc nói ra lời*”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “**Samphapalāpa**” dịch nghĩa là “*việc nói ra lời làm phá hại đi sự lợi ích và sự an vui*” tức là lời nói tầm quấy tầm quá.

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “**Samhitasukhaṃ phalati vinàsetīti = Samphaṃ**”- “*Lời nói nào thường làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui*”, như thế, lời nói ấy gọi là *Hồ Ngôn Loạn Ngữ*.

“**Sam pubba phala dhātu kvi paccaya lapa la ca kvi = Samphaṃ**”

**“*Samphaṃ panapanta etenāti = Samhappalāpo*”-** “Việc nói ra lời làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui với Tư Tác Ý đó, vì thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân ở trong việc nói ra lời làm phá hại các sự lợi ích và các sự an vui, như thế mới gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.”

Việc nói ra lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, lập ý đến việc nói với nội dung tình tiết tầm sàm nhảm nhí, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng. Chẳng hạn như kể chuyện phim ảnh, kể về các câu chuyện tuồng tích và truyện ký, ca kịch; hoặc nói những lời khôi hài đùa cợt; hoặc người đóng phim, diễn kịch, hát tuồng, và ca nhạc; hoặc nhà sáng tác viết ra các tích truyện tiểu thuyết. Với những thể loại này đã được liệt vào loại Hồ Ngôn Loạn Ngữ hết cả thảy, vì lẽ đã làm cho thính giả, độc giả chẳng được đón nhận bất luận sự lợi ích nào cả, nhất thời làm cho cứ mãi mê vui thích chỉ ngần ấy thôi, luôn cả đã làm mất đi biết bao điều lợi ích đáng lý là sẽ có được, nhưng rồi cũng đã làm mất đi hết cả. Chi Pháp (*Aṅgadhama*) của Hồ Ngôn Loạn Ngữ này, tức là Tư Tác Ý Bất Thiện (*Akusalacetana*) làm Nhân (*Hetu*) của việc nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ, còn lời lẽ đã nói ra ấy thì làm thành Quả (*Phala*). Tuy nhiên, rút lấy từ ngữ nói rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ là tên gọi của Tư Tác Ý dùng để gọi thành tên ấy, đó là việc gọi tên theo phần Tiếp Cận (*Nūpacāra naya*), tức là gọi tên theo chỗ sát cận với Tác Nhân (*Hetu*).

### Có Hai Chi Pháp Của Hồ Ngôn Loạn Ngữ, đó là:

1. Tác Hành Vô Ích (*Niratthakathāpurakkhāro*): Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích chi cả.
2. Vô Ích Sự (*Kathanam*): Lời nói vô ích.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

*Samphassa niratthakathā      Puratā kathana duve*  
*Parena gahiteyeva              Hoti kamma patho na no*

Dịch nghĩa là: “Cả hai Chi Pháp của Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, là: 1/ Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích, 2/ Lời nói ấy đã được thốt ra. Khi thính giả hoặc độc giả đã tin vào lời nói ấy, thì ắt hẳn đã làm thành tựu Nghiệp Đạo. Nếu như thính giả hoặc độc giả chẳng có tin theo lời đã nói ra ấy, thì hẳn nhiên không thành tựu Nghiệp Đạo, duy nhất chỉ làm thành Hồ Ngôn Loạn Ngữ ngần ấy thôi.”

Giải thích rằng, ở trong câu kệ chỗ nói rằng “*Niratthakathāpurakkhāro*” ấy, là lập ý nói đến nội dung tình tiết chẳng có xác thực. Tuy nhiên người đã nói hoặc nhà sáng tác ấy đã có chủ tâm để soạn tác với nội dung tình tiết ấy lên, để cho

thính giả hoặc độc giả phải bị mê mẩn làm lạc tin theo ở trong lời nói của mình, kết quả đã làm phát sanh lên sự hiểu biết sai trật và mất đi sự lợi ích đối với thính giả hoặc độc giả. Khi đã là như vậy, thì lời nói của người ấy đã được sắp thành *Hồ Ngôn Loạn Ngữ*. Tuy nhiên, cho dù câu chuyện ấy chẳng có xác thực đi nữa, người nói hoặc nhà sáng tác lập ý rút lên cho làm thành điều tỷ dụ phối hợp với việc giáo huấn, việc diễn giải, hoặc việc soạn tác để cho thính giả được hiểu biết dễ dàng; và khi đã là như vậy thì lời lẽ của người ấy sẽ không được sắp thành *Hồ Ngôn Loạn Ngữ*. Nếu như câu chuyện đã được nói ra đã là sự thật, tuy nhiên thính giả hoặc độc giả chẳng được đón nhận bất luận sự lợi ích nào cả, thì như vậy cũng chẳng khác gì người nói ấy đã kể hoặc viết về những thông tin để cho được nghe, và lời nói của người ấy cũng không được sắp thành *Hồ Ngôn Loạn Ngữ*.

Người nói hoạt bát vui vẻ cười đùa, và đã nói câu chuyện tâm sàm nhằm nhí, chẳng có thật ở phần *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây, thì sẽ có được sắp vào loại *Vọng Ngữ* hay không? Điều này giải đáp rằng “*không sắp vào loại Vọng Ngữ được!*” là vì người nói đã không có sự chủ tâm để sẽ nói láo, và đó chỉ là cách nói lông bông ngẫu nhiên mà thôi. Tuy nhiên, nếu như đã có phối hợp với sự chủ tâm để sẽ nói láo rồi, và thính giả lại lầm tin và tưởng là thật, thì mới sẽ sắp thành *Vọng Ngữ*.

Lời nói mà đã được sắp vào ở trong phần “*Niratthakathà*”, đó là lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được hiện hữu với 32 thể loại, và đích thị đã được gọi là “*32 Vô Ích Ngôn Ngữ*” (*Tiracchànakathà 32*) mà Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết để ở trong *Chánh Tạng Pàli* của bài *Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)* thuộc *Phẩm Giới Uẩn (Sìlakhandhavagga)*:

1. *Vương Giả Ngôn Ngữ (Ràjakatham)*: Nói những câu chuyện có liên quan về Bậc Đại Vương, cho suốt đến cả Hoàng Tộc của Ngài.
2. *Đạo Tặc Ngôn Ngữ (Corakatham)*: Nói những câu chuyện về thân đạo.
3. *Đại Thần Ngôn Ngữ (Mahà mattakatham)*: Nói câu chuyện về vị Quan Đại Thần thuộc Hoàng Triều Nội Các.
4. *Binh Sĩ Ngôn Ngữ (Senàkatham)*: Nói câu chuyện về binh lính và cảnh sát.
5. *Kinh Hãi Ngôn Ngữ (Bhayakatham)*: Nói những câu chuyện về sự kinh sợ và hãi hùng.
6. *Chiến Lược Ngôn Ngữ (Yuddhakatham)*: Nói câu chuyện về chiến lược.
7. *Thực Phẩm Ngôn Ngữ (Annakatham)*: Nói những câu chuyện về thực phẩm, có cơm gạo và các món ăn, v.v.
8. *Ấm Liệu Ngôn Ngữ (Pànakatham)*: Nói những câu chuyện về thức uống.
9. *Y Phục Ngôn Ngữ (Vatthakatham)*: Nói những câu chuyện về y phục và các đồ vải mặc.
10. *Thụy Miên Ngôn Ngữ (Sayanakatham)*: Nói câu chuyện về ngủ nghỉ.
11. *Hoa Đóa Ngôn Ngữ (Màlàkatham)*: Nói những câu chuyện về bông hoa.



12. *Hương Phẩm Ngôn Ngữ (Gandhakatham)*: Nói những câu chuyện về các mùi thơm.
13. *Thân Quyển Ngôn Ngữ (Ñatikatham)*: Nói chuyện về bà con họ hàng, quyến thuộc.
14. *Giao Thông Ngôn Ngữ (Yanakatham)*: Nói những câu chuyện về phương tiện giao thông, xe cộ, tàu bè, v.v.
15. *Thôn Xã Ngôn Ngữ (Gamakatham)*: Nói những câu chuyện về làng mạc, thôn xóm.
16. *Thị Trấn Ngôn Ngữ (Nigamakatham)*: Nói những câu chuyện về khu dân cư, thị tứ.
17. *Thành Thị Ngôn Ngữ (Nagarakatham)*: Nói những câu chuyện về thành phố, tỉnh thành.
18. *Xứ Sở Ngôn Ngữ (Janapadakatham)*: Nói những câu chuyện về đất nước, quốc độ, biên thùy.
19. *Nữ Giới Ngôn Ngữ (Itthikatham)*: Nói câu chuyện về đàn bà, con gái.
20. *Nam Giới Ngôn Ngữ (Purisakatham)*: Nói câu chuyện về đàn ông, con trai.
21. *Thanh Niên Ngôn Ngữ (Kumarakatham)*: Nói câu chuyện về trai trẻ.
22. *Thanh Nữ Ngôn Ngữ (Kumàrikatham - Thanh Tân Ngôn Ngữ)*: Nói câu chuyện về gái thanh xuân, con gái còn trẻ tuổi.
23. *Anh Dũng Ngôn Ngữ (Surakatham)*: Nói câu chuyện về sự gan dạ kiên cường, dũng cảm.
24. *Đạo Lộ Ngôn Ngữ (Visikhàkatham)*: Nói những câu chuyện về con đường, đường phố.
25. *Mã Đầu Ngôn Ngữ (Kumbhatthànakatham)*: Nói những câu chuyện về bờ sông, bến cảng.
26. *Vong Thân Ngôn Ngữ (Pubbapetakatham)*: Nói câu chuyện về thân quyến đã quá vãng.
27. *Tạp Thoại Ngôn Ngữ (Nanattakatham)*: Nói câu chuyện về trăm thứ khác nhau, linh tinh, lời thôi.
28. *Thế Gian Vụ Thuyết (Lokakkhàyikam)*: Nói câu chuyện về thế gian và bậc kiến tạo thế gian.
29. *Đại Dương Vụ Thuyết (Samuddakkhàyikam)*: Nói câu chuyện về đại dương và bậc kiến tạo đại dương.
30. *Thịnh Suy Ngôn Ngữ (Itivabhàbhavakatham)*: Nói những câu chuyện về sự thịnh vượng và sự suy bại.
31. *Lâm Mãng Ngôn Ngữ (Araññakatham)*: Nói những câu chuyện về rừng rậm, những cánh rừng già.
32. *Sơn Hệ Ngôn Ngữ (Pabbatakatham)*: Nói những câu chuyện về núi đồi, những dãy rặng núi.

Lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được gọi là loại *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây, thể theo phần đông là hiện bày đối với nhóm diễn viên tuồng đồ, như có phim ảnh, ca kịch, v.v. và nhà soạn tác ra những tiểu thuyết đọc cho vui chơi, chẳng có bất luận nền tảng đức hạnh (*Gatidhamma*) nào cả. Và nếu nói theo *Phật Ngôn (Buddhabhàrita)* ở trong *Chánh Tạng Pàli* bài Kinh *Lục Xứ (Saḷāyatanà)* thuộc *Tương Ưng Bộ Kinh* thì nhóm người này một khi đã mạng vong lìa khỏi cõi đời này rồi, thường phải đi tục sinh ở trong *Ngu Lạc Địa Ngục (Pahàsaniraya)* [Xin xem Quyển I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V – trang 63] là một phần của *Vô Gián Đại Địa Ngục (Avicimahanaraka)*. Như thế, Đức Thế Tôn mới lập ý thường luôn huấn giới đến các bậc *Hữu Học (Sāvaka)* dạy rằng: **“Dvinnam vo bhikkhave sannipatitānam dvayaṃ karaṇiyaṃ dhammī và kathā tuṇhībhāvo và”**- “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, tất cả các ông một khi đã có việc hội họp với nhau giữa hai người, thì có hai việc cần phải thực hành, là cùng luận đàm với nhau liên quan về Giáo Pháp, hoặc không là như thế, thì nên giữ sự im lặng của bậc Thánh.*” (Bài Kinh Thánh Cầu # 26 – “*Ariyapariyesanasutta*”- thuộc *Trung Bộ Kinh*).

Trong Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng **“Kathanam”** đã trình bày đến phần *Nỗ Lực (Payoga)* mà lập ý chỉ đề cập duy nhất đến phần *Ngữ Nỗ Lực (Vacipayoga)*, tuy nhiên nếu phải dùng chữ viết đặng viết ra lời lẽ thì cũng phải thành *Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)* vậy. Thế nhưng, việc nói lời *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây, thường thì đa phần phát sanh theo lộ *Ngữ Môn*. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày Chi Pháp thứ hai nói rằng **“Kathanam”** là “*nói ra lời*” và nếu sẽ nói tóm lại ở trong *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây thì cũng sẽ có được cả hai thể loại *Nỗ Lực*, đó là *Ngữ Nỗ Lực* và *Thân Nỗ Lực*.

### Việc Phân Tích Hồ Ngôn Loạn Ngữ (**Samphappalāpa**) Theo Phần Cực Đại Tội (**Mahāsāvajja**) Và Hy Thiểu Tội (**Appasāvajja**)

Với người thường luôn nói lời *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* thì ắt hẳn được liệt vào *Cực Đại Tội*. Còn với người thi thoảng nói lời *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* thì được liệt vào *Hy Thiểu Tội*.

Giải thích ở trong điều Pàli thứ bảy chỗ nói rằng **“Vacivīññattisaṅkhāte vacidvāre bhāhullavuttito vacikammaṃ nāma”**- “*Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, với cả bốn thể loại này gọi là Ngữ Hành Nghiệp Lực, vì phát sanh ở trong lộ Ngữ Môn, tức là đa số ở Ngữ Biểu Tri.*”

Từ ngữ nói rằng “*Ngữ Môn*” ở tại đây, là lập ý lấy *Ngữ Biểu Tri*. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày cho thành một cách đặc biệt, theo phần *Phân Biệt Từ (Visesanapada)* đó là **“Vacivīññatsaṅkhāte”**. Từ ngữ nói rằng “*Ngôn Ngữ*” ở trong câu nói là “*Ngữ Hành Nghiệp Lực*” đây, tức là cử chỉ hành

động hiện hành của cửa miệng, đích thị chính là việc nói ra lời, hoặc réo gọi với nhau do bởi ngôn ngữ ấy.

### Có Bốn Thê Loại Ngôn Ngữ (**Vàcà**), đó là:

1. *Âm Thinh Ngôn Ngữ (Saddavàcà)*: tức là âm thanh đã nói ra.
2. *Kiểm Thúc Ngôn Ngữ (Virativàcà)*: tức là việc ngăn trừ *Ngữ Ác Hạnh (Vaciduccarita)*.
3. *Tư Tác Ý Ngôn Ngữ (Cetanavàcà)*: tức là *Tư Tác Ý* làm cho khởi sanh *Sắc Ngữ Biểu Tri (Vaciviññattirùpa)*.
4. *Hành Động Ngôn Ngữ (Copanavàcà)*: tức là cử chỉ hành động đặc thù hiện hành ở trong lời nói mà có khả năng làm cho người nghe hiểu biết y theo sở nguyện của mình được.

Cả bốn thê loại Ngôn Ngữ này, thì đích thị *Hành Động Ngôn Ngữ* là *Ngữ Biểu Tri* và *Sắc Ngữ Biểu Tri* này là cửa ngõ cho việc khởi sanh của cả bốn Nghiệp Lực, hoặc là tác nhân cho hoàn thành cả *Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực*, gồm có *Vọng Ngữ*, v.v. Như thế, *Sắc Ngữ Biểu Tri* này mới được gọi là *Ngữ Môn*. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng “*Vàcàeva dvàraṃ = Vacidvāraṃ*”- “*Đích thị Sắc Ngữ Biểu Tri ấy là Môn, mới được gọi là Ngữ Môn*”. Và cũng đích thị chính hành động tạo tác đa phần phát sanh theo lộ *Ngữ Môn* này, mới gọi là *Ngữ Môn*. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng “*Vacidvāre yebhuyyena pavattaṃ kammanti = Vacikammaṃ*”- “*Nghiệp Lực đa phần khởi sanh ở trong lộ Ngữ Môn, vì thế mới gọi là “Ngữ Hành Nghiệp Lực”*”.

Trong cả *Tứ Ngữ Ác Hạnh* có *Vọng Ngữ* v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, thường cũng được khởi sanh theo lộ *Thân Môn*, chẳng hạn như dùng chữ viết để viết thành sách vở, giấy tờ; hoặc dùng biểu lộ cử chỉ điệu bộ cho thành những ý nghĩa. Thế nhưng, cho dù sẽ khởi sanh theo lộ *Thân Môn* đi nữa, nhưng chẳng gọi là *Thân Hành Nghiệp Lực* được, mà vẫn cứ gọi là *Ngữ Hành Nghiệp Lực*, bởi vì đa phần khởi sanh theo lộ *Ngữ Môn*, là việc gọi tên theo phần “*Sung Mãn Túc*” (*Tabbhullanaya*) có nghĩa theo phần nhiều đa số.

Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới sử dụng từ ngữ nói rằng “*Đa Phần Thông Dụng*” (*Bàhullavuttito*), có nghĩa chỗ được gọi “*Ngữ Hành Nghiệp Lực*” là cũng do phần nhiều được sanh khởi theo lộ *Ngữ Môn*.

### *Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Tứ Ngữ Ác Hạnh*

-----00000-----

## GIẢI THÍCH TRONG TAM Ý HÀNH NGHIỆP LỰC

## 1. Ý THAM ÁC (**Abhijjhà** – Ý Tham Tàn)

Từ ngữ nói rằng “**Abhijjhà**” đây, khi chiết tự thì có được bốn từ ngữ, đó là: “**Abhi + Pubba + Jhe + Dhātu**”. “**Abhi**” dịch nghĩa là “hiện diện trước mắt”, “**Jhe**” dịch nghĩa là “tư lượng, nghĩ suy đến”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “**Abhijjhà**” dịch nghĩa là “nghĩ suy đến trước mắt”, lập ý đến “tư lượng chú mục ở trong tài sản của cải của người khác đang hiện bày trước mắt”. Như trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “**Parasampatta abhimukham jhàyatīti = Abhijjhà**”- “**Pháp Chủng nào thường hay nghĩ đến tài sản của cải của người khác đang ở trước mắt, như thế Pháp Chủng ấy gọi là “Ý Tham Ác”(Abhijjhà)**. Chi Pháp tức là *Tham*.

### Có Hai Thể Loại Tham (**Lobha**), đó là:

1. *Tham Hợp Pháp (Dhammiyalobha)*: Sự mãn ý dục đắc một cách hợp pháp, chính đáng.
2. *Tham Bất Hợp Pháp (Adhammiyalobha)*: Sự mãn ý dục đắc một cách bất hợp pháp, bất chính đáng.

Đối với *Tham (Lobha)* mà thuộc Ý Tham Ác (**Abhijjhà**) đây, đã ở trong nhóm *Tham Bất Hợp Pháp*.

Theo lẽ thường nhiên con người một cách chung chung, một khi đã có được tiếp xúc, gặp gỡ, nhìn thấy ở trong những Cảnh vật xinh đẹp tốt tươi, như có Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, v.v. thì ắt hẳn có sự mãn ý dục đắc ở trong hết cả thấy những thể loại Cảnh ấy. Tuy nhiên sự mãn ý dục đắc của những hạng người ấy đã được phân chia với nhau ra làm hai hạng người:

1/ Một hạng người, một khi đã có sự mãn ý dục đắc ở trong các sự vật ấy rồi, thì chân thành nỗ lực tâm cầu cho có được với cả sự lương thiện, bằng với sự mua lại, bằng với sự thương lượng trao đổi với sự vật ở thể loại khác, hoặc với việc xin xỏ. Sự mãn ý dục đắc của hạng người này đã được liệt vào thể loại *Tham Hợp Pháp*.

2/ Chẳng phải như một hạng người *Tham Ác* khác nữa, một khi đã có sự mãn ý dục đắc ở trong bất luận sự vật nào rồi, thì có sự chú mục dục đắc các sự vật ấy, đặng làm thành của riêng mình một cách bất hợp pháp. Tức là chẳng muốn mua, cũng chẳng muốn xin, hoặc cũng chẳng muốn trao đổi với bất luận sự vật nào khác, mà chỉ mưu đồ tâm cầu phương cách để làm sao sẽ đoạt lấy hoặc là trộm lấy cho bằng được các sự vật ấy, cho làm thành của

riêng mình. Sự mãn ý dục đặc của hạng người này phải được liệt vào thể loại *Tham Bất Hợp Pháp*, tức là *Ý Tham Ác (Abhijjhà)* hình thành.

Khi thâm thị vào *Ý Tham Ác* một khi đã thâm nhiễm và chi phối người nào rồi, thì thường làm cho tâm thức của kẻ ấy sẽ phát sanh lòng tham đắm ở trong tài sản của người khác mà họ đã phải tìm kiếm để mà có được bằng với *Nghiệp Lực (Kamma)*, *Trí Tuệ (Ñāṇa)*, và *Tinh Tấn (Viriya)* của họ. Còn tự bản thân của kẻ ấy thì lại mong muốn có được một cách thoải mái, chẳng đoái hoài nghĩ đến người ấy sẽ phải đón nhận sự thiệt hại khổ sở như thế nào. Người đã có sự nghĩ suy như vậy, thì cho dù vẫn chưa thực sự ra tay để chụp lấy, để lừa đảo, hoặc hăm dọa và cưỡng bức chủ nhân của cái tài sản ấy đi nữa, cũng coi như việc đã nghĩ đến như vậy, đã là điều hết sức ghê tởm (*Quý*) và xấu hổ (*Tàm*) vô cùng. Tuy nhiên người đã bị thâm nhiễm và bị chi phối rồi, thì rất có khả năng để sẽ nghĩ như vậy mà chẳng hề nhận thấy bất luận sự hoảng sợ kinh hãi (*Vô Quý*) và sự xấu hổ (*Vô Tàm*) nào cả. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư Siêu Lý Giải Minh (*Paramatthadīpanī ñikācāriya*) mới trình bày câu Chú Giải của *Ý Tham Ác* đây, để nói rằng: “*Abhijjhāyanti assādamatte aṭṭhava para bhaṇḍassa attano pariṇāmanavasena etāyāti = Abhijjhā*”- “Tiếc là những ai chẳng biết dừng lại trong sự thỏa mãn ý, ắt hẳn chú mục với biểu thị sẽ làm cho tài sản của cái của tha nhân đặng làm thành của riêng mình với *Pháp Chủng* ấy, vì thế *Pháp Chủng* làm thành tác nhân của việc nghĩ suy như thế gọi là *Ý Tham Ác*”.

### Có Hai Chi Pháp Của *Ý Tham Ác*, đó là:

1. *Vật Phẩm Gia Tư (Parabhaṇḍa)*: Tư hữu của tha nhân.
2. *Tư Lượng Chấp Chiếm (Attanopariṇāmanam)*: Có Tâm nghĩ suy cho thành tài sản của riêng mình.

Trong Chi Pháp thứ nhất nói rằng *Vật Phẩm Gia Tư (Parabhaṇḍa)* tài sản của cái của người khác đó, tại nơi đây lập ý lấy tất cả những tài sản vô tri vô giác (*Aviññāṇakadhana*) và những tài sản hữu sinh (*Saviññāṇakadhana*) thuộc các loại nhóm Hữu Tình đã được nuôi dưỡng, bọn nô chủng với những *Nam Nữ Nô Lệ (Dāsa - Dāsī)*, nữ nhân đã có chồng, và một đôi đã đính hôn. Và như thế ngoài ra những sự vật này rồi, thì không được liệt vào loại *Vật Phẩm Gia Tư*; bởi thế tám nhóm nữ nhân kể từ *Mẫu Thân Quán Hạt (Māturakkhitā)* cho đến *Giới Pháp Quán Hạt (Dhammarakkhitā)*, với những hạng người này, nếu như nam nhân nào đã có nghĩ suy đến mãn ý dục đặc để cho làm thành vợ của mình, thì sự suy nghĩ như vậy chẳng được liệt vào *Tham Ác Hạnh (Abhijjhāduccarita)*. Nam nhân *Soreyya* đã khởi lên ý nghĩ bất thiện đối với Ngài Trưởng Lão *Mahākaccāyana*, đã có nghĩ suy rằng “*giá như Ngài Trưởng Lão này là người vợ của Ta, hoặc giá như*



người vợ của Ta có được thân sắc xinh đẹp giống với Ngài Trưởng Lão thì tốt biết mấy.” Khi nam nhân **Soreyya** đã có nghĩ suy bất thiện như vậy, thì nam giới của **Soreyya** liền biến mất, và tức thời đã biến thành nữ giới. Sự nghĩ suy bất thiện của **Soreyya** đây, đã liệt vào loại Ý Tham Ác, thế nhưng vẫn chưa đạt đến Xâm Phạm Nghiệp Đạo, vì lẽ người mà nam nhân **Soreyya** đã chú mục đây, đã không được liệt vào loại Vật Phảm Gia Tư (**Parabhaṇḍa**), thế mà bản thân đã đón nhận điều tội lỗi tác hại qua việc thân sắc phải bị biến đổi giới tính đầy, đích thị cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi sự nghĩ suy bất tôn kính và xúc phạm đối với bậc đã **Lậu Tận** ấy vậy.

[Tích truyện đã được nói đến như sau:

Thuở nọ, trong thành **Soreyya** gần kinh thành **Sàvatthi**, có một thanh niên con một vị bá hộ rất giàu có, đã có tên cùng tên với thành phố, là công tử **Soreyya**. Một hôm, **Soreyya** đã cùng với người bạn và rất đông người thuộc hạ, đã đi ra ngoài thành và đi đến một dòng sông để tắm vui chơi. Ngay lúc đó, Đại Đức **Mahākaccàyana** (Đại Ca Chiên Diên) đang đứng ngoài cổng thành, đã đắp y Tăng Già Lê lên mình, và chuẩn bị vào thành **Soreyya** để khát thực, với thân sắc của Đại Đức sáng rực ánh vàng. Nhìn thấy như vậy, nam nhân **Soreyya** bỗng nổi lên ý nghĩ trong đầu: “ Phải chi vị Đại Đức này là vợ của mình, hoặc người vợ của mình có được thân hình sáng đẹp như thân hình của vị Đại Đức này vậy!”. Lạ thay, khi Tâm của nam nhân **Soreyya** vừa khởi lên điều bất thiện như vậy, thì thân hình nam tướng của **Soreyya** đã liền biến mất, và hiện bày một thân sắc nữ tướng tức thời. Hết sức hổ thẹn, **Soreyya** rời khỏi xe và bỏ chạy trốn khỏi đoàn. Mọi người trên xe đều thấy một tiểu thơ, nhưng không nhận ra đó là nam nhân **Soreyya**. Người nam hóa nữ này chẳng từ già người bạn của mình và đã nhắm hướng đi thẳng một đường để đến kinh thành **Takkasilà** trú ngụ nơi đó.

Riêng về người bạn của nam nhân **Soreyya** và đoàn tùy tùng bỏ công đi tìm kiếm khắp vùng lân cận nhưng chẳng được gặp, đành phải quay trở về nhà, gặp ngay vị bá hộ, người Cha của **Soreyya**, đã liền hỏi thăm:

- Con trai của Ta đâu?

- Dạ thưa Ngài, chúng con tưởng rằng công tử đã tắm xong, và đã trở về nhà trước rồi!

Khi hay tin con mình mất tích, vị bá hộ cho người đi tìm công tử khắp nơi, nhưng cũng chẳng tìm ra, thì buồn rầu khóc than, rồi thiết lễ cúng tế vái van vì nghĩ rằng công tử đã bị chết chìm.

Tiểu thơ **Soreyya** đi đường, gặp một đoàn lái buôn, sau khi trao đổi chiếc nhẫn đeo ở ngón tay ra, đổi lấy một chỗ ngồi trên xe. Ngồi chung với đoàn xe, có nhiều người lái buôn suy nghĩ: “Trong kinh thành **Takkasilà** có công tử là con nhà bá hộ rất giàu có, vẫn chưa có đôi bạn, để chúng ta làm mối tơ duyên, chắc sẽ được trọng thưởng”.

Thế là duyên tình khởi sanh, công tử sanh lòng yếu mến khi nhìn dung sắc của tiểu thơ **Soreyya**, đã tiến hành thiết lập hôn lễ và chọn **Soreyya** làm chánh thất



trong gia đình. Không bao lâu sau, tiểu thơ **Soreyya** có mang và đã hạ sanh một nam nhi và tiếp sau đó, lại có thêm một nam nhi. Tính chung lại trước và sau, khi còn là nam nhân **Soreyya** đã có hai trai, và nay là tiểu thơ **Soreyya** lại có thêm hai trai nữa, thì có tất cả là bốn con trai.

Một hôm, người bạn cố tri của **Soreyya**, ngồi trên một cỗ xe, dẫn đầu một đoàn thương buôn với năm trăm cỗ xe bò, từ thành **Soreyya** sang kinh thành **Takkasilà**. Khi đoàn xe đi vào trong thành, lúc bảy giờ tiểu thơ **Soreyya** đang đứng trên lầu cao, nhìn xuống đường phố, trông thấy người bạn cố tri, liền sai thuộc hạ cho mời vào nhà, mở tiệc khoản đãi niềm nở trọng hậu.

Thắc mắc trong lòng, người bạn cố tri bày tỏ với câu hỏi:

- Thưa bà bá hộ, bà chưa từng tiếp xúc với chúng tôi lần nào, thế tại sao thết đãi hậu hỷ với chúng tôi như thế này, hay là có quen biết với chúng tôi trước kia phải chăng?

- Vâng, thưa công tử, tôi có quen biết người, có phải công tử đang ở thành **Soreyya** ?

- Dạ thưa bà, đúng thật vậy, tôi ở thành **Soreyya**.

Tiểu thơ **Soreyya** hỏi thăm đến song thân của mình, luôn cả gia đình, vợ và hai con của mình.

- Dạ thưa bà, tất cả đều bình an vô sự. Duy chỉ có công tử **Soreyya**, là bạn cố tri của tôi, cậu ấy đã mất tích, nhân một chuyến đi tắm ngoài thành với chúng tôi. Về tới nhà, báo tin cho hai ông bà bá hộ, thì song thân của công tử đã khóc than vô cùng thảm thiết, và đã tổ chức lễ cầu siêu cho công tử **Soreyya** rồi.

- Dạ thưa công tử, chính tôi là vị nam nhân **Soreyya** của ngày xưa đó.

Sau đó, **Soreyya** kể lại mọi chuyện xảy ra sau khi ngắm nhìn sắc thân của Đại Đức Thánh Alahán **Mahàkaccayana**, với Tâm suy nghĩ điều bất thiện, khiến bị đổi thay thành thân nữ tướng, và vẫn đang hiện bày cho đến ngày hôm nay. Lúc bảy giờ, người bạn đã biết rõ câu chuyện, ngõ lời khuyên bảo **Soreyya** nên đi đến gặp Đại Đức **Mahàkaccayana** và ngõ lời xin sám hối.

Tiểu thơ **Soreyya** nhận làm theo lời khuyên, và người bạn đã đi thỉnh Đại Đức về nhà cúng dường thực phẩm, nghe giảng Pháp xong, liền dẫn tiểu thơ **Soreyya** ra quỳ xuống dưới chân của Đại Đức và xin tác bạch:

- Kính bạch Đại Đức, kính xin Ngài tha thứ tội lỗi cho con đã làm ra.

- Có chuyện chi đã xảy ra?

- Kính bạch Ngài, tiểu thơ này trước kia là một người nam, bạn cố tri của con, có ngắm nhìn trộm Ngài và khởi Tâm bất chánh, suy nghĩ bất thiện, khiến mất đi thân nam tướng, hiện bày nữ tướng. Vậy kính xin Ngài từ bi xá tội lỗi cho bạn của con.

- Nay nữ thí chủ, hãy đứng dậy và bản đạo ghi nhận lời sám hối của người.

Đại Đức vừa dứt lời thì tiểu thơ **Soreyya** hoàn trở lại thân người nam như xưa, công tử **Soreyya**. Lúc bấy giờ, công tử **Takkasilà** nói với nam nhân **Soreyya** nên ở lại và tiếp tục nuôi dưỡng hai con.

- Dạ thưa công tử, trước kia tôi đã là một nam nhân, sau đó là nữ nhân, và bây giờ trở lại thân nam tướng như trước kia. Lần đầu, tôi đã là cha của hai con trai. Lần sau là mẹ của hai đứa con trai nữa. Bây giờ, thật Tâm của tôi đã chán ngán đời sống tại gia. Tôi sẽ xin được xuất gia với Ngài Đại Đức. Vậy xin công tử cố gắng nuôi nấng và dạy bảo hai con giùm tôi.

Từ già mọi người trong gia đình, và **Soreyya** đã đi đến xin xuất gia với Ngài Đại Đức. Được sự nhận lời, Đại Đức cho nam nhân **Soreyya** xuất gia thọ Sa Di giới, và chẳng bao lâu đã cho thọ Cụ Túc Giới, và đã dắt dẫn Tỳ Khuru **Soreyya** du hành về đến kinh thành **Sàvatthi**.

Hiện tượng biến nam thành nữ lúc chưa xuất gia, vào nơi Tu Viện, Tỳ Khuru **Soreyya** luôn bị nhiều người hỏi đến chỉ một câu hỏi: “Trong lòng thì đã thương con nào nhiều nhưt, con gọi mình bằng Cha, hay con gọi mình bằng Mẹ?” Tỳ Khuru **Soreyya** luôn phải lặp đi lặp lại chỉ một câu trả lời: “Con được sanh từ bụng của mình thì quả thật thương nhiều hơn!”.

Hồ thẹn và buồn chán, vị tân Tỳ Khuru này đi tìm lãng quên vào một nơi thanh vắng. Nhờ vào hạnh độc cư, Tỳ Khuru **Soreyya** đã quán sát sự sanh diệt của Danh Sắc trong tự ngã, và chẳng bao lâu đã chứng đắc Quả Vô Sinh cùng với Tuệ Phân Tích.

Tuy nhiên, câu chuyện của Tỳ Khuru **Soreyya** cũng vẫn chưa chấm dứt. Khi gặp lại chư Tỳ Khuru trong Tự Viện, câu hỏi cũ cũng vẫn được lặp lại, và lần này, Tỳ Khuru **Soreyya** đã trả lời:

- Trước kia, quả thật Tôi có sự thương yêu các con của Tôi. Tuy nhiên, hiện tại Tôi không còn luyến thương một con nào cả.

Chư Tăng nghe được câu trả lời này hoàn toàn khác hẳn những lần trước, nghĩ rằng Tỳ Khuru **Soreyya** đã phạm vào Vọng Ngữ, đã dám khoe Pháp Cao Nhân đến Chư Tỳ Khuru, do đó đem câu chuyện này đến trình với Đức Phật.

- Nay Chư Tỳ Khuru, **Soreyya** đã không phạm vào Vọng Ngữ và cũng không có khoe Pháp Cao Nhân. Chính nhờ vào Chánh Niệm thuần thực, Tỳ Khuru **Soreyya** đã được kiến Đạo, nên từ đó không còn tình thương vị kỷ cá nhân, không phân biệt, không kỳ thị, và trải rộng tình thương chan hòa đến tất cả chúng sanh. Quả thật như thế, sự nghiệp là Thánh Sản mà cả người Cha lẫn người Mẹ không thể nào tạo ra được cho những chúng sanh này, duy chỉ có Nội Tâm chân chánh của chính mình đã đem lại an lạc đến cho chính mình”.

Vừa dứt lời, Đức Phật thốt lên kệ Pháp Cú trên:

Điều mẹ cha bà con,  
Không có thể làm được,

*Tâm hướng chánh làm được,  
Làm được tốt đẹp hơn.  
(Dhp. 43)*

*Chẳng phải Cha Mẹ đã sanh,  
Hoặc thân thuộc đã tạo thành mà nên.  
Đưa người cao thượng hơn lên,  
Chính Tâm chủ niệm về bên Thiện lành.]*

### **Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Phần Ý Tham Ác**

-----00000-----

## **2. Ý CỪU HẬN (Byàpàda – Ý Hận Thù)**

Từ ngữ nói rằng “**Byàpàda**” đây, khi chiết tự thì có được bốn từ ngữ, đó là: “**À + Pubba + Pada + Dhàtu**”. Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “**Byàpajjati hitasukham etenàti = Byàpàdo**”- “*Sự lợi ích và sự an vui ắt hẳn phải bị mất đi bởi do sự sân hận, như thế sự sân hận ấy mới gọi là Cừu Hận.*”

**Giải thích rằng:** “*Sự sân hận, sự bất mãn ý hiện hành theo lẽ thông thường thì cũng vẫn chưa thể liệt vào Ý Ác Hạnh (Manoduccarita) được, đó chỉ là sự hận thù hệ tọa thuộc về Thân Môn (Byàpàdakàyagantha) mà thôi. Còn sân hận “Cừu Hận Ý Ác Hạnh” (Byàpàdamanoduccarita) đây, là loại sân hận rất thô ác có trạng thái rấp tâm mưu hại đến người khác, có sự chủ hướng sẽ phá hại sự lợi ích và sự an vui của người khác cho phải bị diệt mất đi. Chẳng hạn như, một khi đã có sự sân hận người nào rồi, thì ở trong tâm trí nghĩ suy sẽ làm cách nào tốt nhất để làm cho người ấy phải bị diệt liệt tan biến đi, hoặc tư thốn nguyên rủa cho người ấy phải đón nhận các điều nguy hại. Loại sân hận này đã được liệt vào “Cừu Hận Ý Ác Hạnh”.*

### **Có Hai Chi Pháp Của Ý Cừu Hận, đó là:**

1. **Tha Nhân (Parasatta):** Người khác.
2. **Tư Lượng Hãm Hại (Vinàsacintà):** Nghĩ suy làm cho sự nguy hại khởi sanh.

Nếu như đã hội đủ cả hai Chi Pháp, và sự sân hận khởi sanh lên thì coi như đã là **Xâm Phạm Nghiệp Đạo** ở phần **Ý Ác Hạnh**. Nếu đã là việc nghĩ suy tự làm hại mình, thì việc đó lại là **Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo**, vì lẽ không hội đủ Chi Pháp, tức là đã thiếu đi Chi Pháp thứ nhất, chỗ nói rằng “**Tha Nhân**” (**Parasatta**).

Như có câu kệ đã có trình bày đến Chi Pháp của Ý Tham Ác (*Abhijjhà*) và Ý Cừu Hận (*Byàpàda*), khi nói rằng:

*Dvebhijjhàya parabhaṇḍaṃ      Attano pariṇāmanaṃ*  
*Byàpàdassa parasatto          Tassa vināsacintanaṃ*

Dịch nghĩa là:

1/ “Có hai Chi Pháp của Ý Tham Ác, đó là tài sản của người khác, và có Tâm nghĩ suy dục đắc cho làm thành của riêng mình một cách bất hợp pháp.”

2/ “Có hai Chi Pháp của Ý Cừu Hận, đó là người khác, và nghĩ suy làm cho sự nguy hại khởi sanh.”

Có sự khác biệt với nhau giữa “*Quái Tử Thủ Tư Tác Ý*” (*Vadhakacetanà – Sát Nhân Giả Tư Tác Ý*) liên quan với *Sát Mạng (Pàṇàtipàta)* và liên quan với Ý Cừu Hận (*Byàpàda*), đó là:

1/ “*Quái Tử Thủ Tư Tác Ý*” (*Vadhakacetanà – Sát Nhân Giả Tư Tác Ý*) ở phần *Sát Mạng* ấy, là *Tư Tác Ý* liên quan với *lộ Thân Môn*, đã được liệt vào ở trong “*Việt Cấp Phiền Nã*” (*Vitikkamatikilesa – Sự vượt quá giới hạn của Phiền Nã*).

2/ Còn “*Quái Tử Thủ Tư Tác Ý*” (*Vadhakacetanà – Sát Nhân Giả Tư Tác Ý*) ở phần Ý Cừu Hận ấy, là *Tư Tác Ý* liên quan với *lộ Ý Môn*, đã được liệt vào ở trong “*Khởi Lập Phiền Nã*” (*Pariyutṭhànakilesa – Sự bộc phát, bùng nổ, dự kiến khởi sanh của Phiền Nã*).

### Trình Bày Tội Lỗi Tác Hại Của (*Byàpàda*) Theo Phần Cực Đại Tội (*Mahàsàvajja*) Và Hy Thiếu Tội (*Appasàvajja*)

Nếu như có Ý Cừu Hận với tác ý gây điều nguy hại đến bậc có *Án Đức Giới Hạnh (Sìlaguṇa)*, *Án Đức Định Hạnh (Samàdhiguṇa)*, và *Án Đức Tuệ Hạnh (Paññaguṇa)* thì ắt hẳn là có nhiều tội, và được liệt vào *Cực Đại Tội*. Nếu như có Ý Cừu Hận đối với người chẳng có *Án Đức Giới Hạnh (Sìlaguṇa)*, *Án Đức Định Hạnh (Samàdhiguṇa)*, và *Án Đức Tuệ Hạnh (Paññaguṇa)* thì ắt hẳn là có tội chút ít, và được liệt vào *Hy Thiếu Tội*.

### Kết Thúc Việc Giải Thích Ở Trong Phần Ý Cừu Hận

-----00000-----

### 3. Ý TÀ KIẾN (*Micchàditṭhi* – Bất Lương Chi Ý Kiến)

Từ ngữ nói rằng “*Micchàditṭhi*” đây, khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Micchà + Ditṭhi*”. “*Micchà*” dịch nghĩa là “*Huyền Biến*” (*Viparita*), “*Ditṭhi*”

dịch nghĩa là “*Kiến Thị, sự thấy*”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Micchàdiṭṭhi*” dịch nghĩa là “*Tà Kiến, Huyền Biến Kiến Thị*”, lập ý đến “*có quan điểm lầm lạc với sự thật*”.

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “*Micchàpassatīti = Micchàdiṭṭhi*”- “*Pháp Chủng nào thường có sự thấy mê loạn lầm lạc với sự thật, như thế Pháp Chủng ấy gọi là Tà Kiến, (Bất Liễu Tri Chân Như Thực Tính). Tức là Kiến Tâm Sở (Diṭṭhīcetasika).*

Theo lẽ thường, *Kiến Tâm Sở* đây, khi theo *Thực Tính (Sabhāva)* thì thường có cảnh trạng trong sự việc thấy lầm lạc với sự thật, và người đã có kiến thị này rồi, thì thường không có đức tin, sự sùng tín ở trong những huân từ của các bậc *Hiền Triết (Sappurisa)* và các bậc *Trí Giả (Paṇḍita)*, nghĩa là có việc ứng xử hiện hành đối nghịch với những huân từ ấy. Khi đề cập đến *Tà Kiến* một cách rộng rãi thì thường hiện hữu ở trong rất nhiều thể loại, chẳng hạn như 20 *Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)* có sự kiến chấp dính mắc bất luận vào một trong Ngũ Thủ Uẩn, nói rằng là “*Ta*”, là “*Của Ta*”; hoặc 62 *Tà Kiến* đã có trình bày đề ở trong bài *Kinh Phạm Võng (Brahmajālasutta)* thuộc *Phẩm Giới Uẩn (Silakhandhavagga)* của Trường Bộ Kinh; hoặc *Tam Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi)* đã có trình bày đề ở trong *Chánh Tạng Pāli* của bài *Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphala sutta)* thuộc *Phẩm Giới Uẩn (Silakhandhavagga)*. Tuy nhiên đối với *Tà Kiến* mà đã được đề cập đến tại đây ở trong phần *Ý Ác Hạnh*, lập ý lấy hết cả *Tam Chuẩn Xác Tà Kiến* mà đã hoàn thành Nghiệp Đạo. Còn các thể loại *Tà Kiến* khác, đó chỉ là những loại *Tà Kiến* thông thường mà thôi.

### **Có Hai Chi Pháp Của Ý Tà Kiến, đó là:**

1. *Nội Dung Huyền Biến (Atthaparitatā)*: Nội dung đã chấp thủ ấy lại lầm lạc với sự thật.
2. *Như Thực Liễu Tri (Tathābhāvupaṭṭhāna)*: Có quan điểm nhận thấy rằng đó là sự thật.

Nếu như đã hội đủ cả hai Chi Pháp rồi, thì quan điểm lầm lạc (*Tà Kiến*) ấy coi như đã là *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ở phần *Ý Ác Hạnh*. Như có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng:

*Diṭṭhiyā duve sambhārā  
Tathābhāvenupaṭṭhānaṃ*

*Vatthuto viparitatā  
Kammaṃpatho tiheva ca*

Dịch nghĩa là: “*Có hai Chi Pháp của Ý Tà Kiến, đó là: 1/ Nội dung đã chấp thủ ấy lại lầm lạc với sự thật, 2/ Có quan điểm nhận thấy rằng đó là sự thật.*”

Quan điểm nhận thấy làm lạc (Tà Kiến) ấy, đã là *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, đó chính là loại *Tà Kiến* ở cả *Tam Chuẩn Xác Tà Kiến* ấy vậy.

### **Tam Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchàdiṭṭhi 3), đó là:**

1. *Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi)*: Có quan điểm nhận thấy rằng “*bất luận làm điều chi đi nữa, cũng chẳng có đón nhận quả báo nào cả.*”
2. *Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi)*: Có quan điểm nhận thấy rằng “*tất cả loài Hữu Tình đang hiện hành hiện hữu ấy, cũng chẳng có nương nhờ bởi do một tác nhân nào cả.*”
3. *Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi)*: Có quan điểm nhận thấy rằng “*các hành động tạo tác của Chúng Hữu Tình ấy, cũng chẳng có thành tựu quả dị thực Phước – Tội nào cả.*”

**1. Vô Hữu Kiến:** Trong cả *Tam Chuẩn Xác Tà Kiến* đây, với người có quan điểm nhận thấy thuộc thể loại *Vô Hữu Kiến* ấy, ắt hẳn chỉ có loại *Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)*, tức là có sự nhận thấy rằng tất cả các loài Hữu Tình sau khi thân hoại mạnh chung thì sẽ đoạn diệt hết cả, tiêu mất hết, và không còn tồn tại sau khi chết (chẳng có tục sinh lại nữa). Có Chánh Tạng Pàli ở bài *Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)* thuộc *Phẩm Giới Uẩn (Silakhandhavagga)* đã có trình bày đến quan kiến làm lạc thuộc thể loại *Vô Hữu Kiến* nói rằng: “*Natthi mahàràja dinnam, natthi yittham, natthi hutam, natthi sukata dukkhatànam kammànam phalam vipàko, natthi ayam loko, natthi paro loko, natthi màtà, natthi pità, natthi sattà opapàtikà, natthi loke samañabrahmaṇà sammaggatà sammàpaṭi pannà, ye imaṇ ca lokam paraṇca lokam abhiñṇà sacchikatvā pavedenti.*”- Dịch nghĩa là: “*Này Đại Vương, không có xả thí, không có tế lễ hy sinh, không có tế tự, không có Quả Dị Thực của các Nghiệp Thiện – Ác, không có đời này, không có đời sau, không có Mẹ, không có Cha, không có loài Hữu Tình Hóa Sanh, ở trong đời không có các vị Sa Môn, các vị Bà La Môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại.*”

#### **Giải thích rằng:**

1. *Natthi dinnam*: Nhận thấy rằng việc đã tạo ra Thiện Phúc thì thường chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.
2. *Natthi yittham*: Nhận thấy rằng những việc cúng dường, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.
3. *Natthi hutam*: Nhận thấy rằng những việc đón chào mời mọc tế tự, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.



4. **Natthi sukata dukkaṭānaṃ kammanāṃ phalaṃ vipāko:** Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác Nghiệp cũng chẳng có được đón nhận quả dị thực nào cả, kể cả trực tiếp và gián tiếp.
5. **Natthi ayam loko:** Nhận thấy rằng không có đời này, tức là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại này mà lại gọi với nhau là không có đời này, vì lẽ chẳng có việc tục sinh nối tiếp thêm nữa.
6. **Natthi paro loko:** Nhận thấy rằng không có đời sau, tức là không có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì cũng chẳng có việc tục sinh lại nữa.
7. **Natthi mātā:** Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Mẹ, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.
8. **Natthi pitā:** Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.
9. **Natthi sattā opapātikā:** Nhận thấy rằng chẳng có loài Hữu Tình khởi sinh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (*Hóa Sanh*), tức là không có loài Hữu Tình Địa Ngục, Nga Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên.
10. **Natthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imaṅca lokam paraṅca lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti:** Nhận thấy rằng thường là không có được bất luận vị Sa Môn, vị Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời vị lai, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng chẳng có được vị Sa Môn, vị Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cũng chẳng có được cùng chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là chẳng có người nào tu tập *An Chi*, *Minh Sát*, *đắc chứng Thiền Định*, *Thắng Trí*, *Đạo* và *Quả*; mà sự thật những hành động tạo tác ấy, chỉ là để mưu sinh mà thôi.)

Người đã có *Vô Hữu Kiến*, là người đã có quan điểm phản bác về *Quả Báo* thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả những mãnh lực của *Tư Tác Ý Thiện* và *Tư Tác Ý Bất Thiện*, mà đó chính là những tác nhân của các quả báo. Vì thế, Ngài Đại Chú Giải Sư *Buddhaghosa* mới trình bày đề ở trong phần *Chú Giải* của bài *Kinh Sa Môn Quả* nói rằng **“Vipākaṃ paṭibāhantenāpi kammaṃ paṭibāhitam hotam”**- Dịch nghĩa là: *“Một khi đã có sự phản bác về quả báo thì cũng được gọi là phản bác luôn cả về Nghiệp Lực, mà đã coi như đó là tác nhân làm trở sinh ra quả báo vậy.”*

Các hàng Phật Tử, khi đã thăm sát đến sự kiến thị sai trật (*Tà Kiến*) như đã vừa được đề cập đến đây, thì sẽ có thể khởi sinh lên sự bi mẫn buồn lòng và chột nghĩ đến mà cảm thấy đáng lo sợ, đáng thương xót đến với hạng người đã có sự thấy sai chấp lầm như thế. Thế nhưng, người đã có loại kiến chấp này lại có số lượng rất nhiều, chẳng những chỉ có riêng biệt ở trong các đạo giáo khác, mà chính ngay cả ở trong đạo Phật Giáo cũng có số lượng là không ít. Vì thế, quả báo ắt hẳn

phải được thụ lãnh đã chẳng lựa chọn người, bất luận sẽ là người thuộc đạo giáo nào đi nữa, nếu đã có loại *Tà Kiến* này rồi, thì một khi đã tử vong ắt hẳn phải thụ lãnh quả tội cùng với việc đọa vào trong Cõi Địa Ngục vậy. Nương vào loại *Tà Kiến* này, hẳn nhiên đã là điều đáng tiếc vô cùng, quả là điều bất xứng để được gọi là người Phật Tử. Điều này đã chỉ vạch cho thấy nhóm người này rằng chỉ là loại “*danh xưng Phật Tử*”, còn ở trong bản tâm thì chẳng có sự sùng tín, niềm tin nào vào những huấn từ của bậc Chánh Đẳng Giác, chẳng hạn như bất tín rằng có Cõi Địa Ngục, Cõi Thiên Giới, v.v. Như thế mới nói đoán chắc được rằng hạng người ấy, cho dù sẽ là hạng cư sĩ tại gia hoặc sẽ là hạng xuất gia đi nữa, một khi đã mạng vong thì ắt hẳn phải bị tục sinh vào ở trong Cõi Địa Ngục. Khi đã là như vậy, đạo lộ sẽ hóa giải cho thoát khỏi sự nhận thấy ở phần *Tà Kiến* đang hiện hữu, là người ấy ắt hẳn phải tu tập cho phát sanh *Trí Tuệ (Pañña)* ở trong lãnh vực Phật Giáo, qua việc trau giồi *Thực Hành Minh Sát (Paṭipattivipassanā)* luôn cho đến thành tựu Quả vị bậc Thánh. Hoặc học hỏi nghiên cứu *Tạng Vô Tỷ Pháp* cho liễu tri ở trong *Thực Tính (Sabhāva)* hiện hành theo *Chân Như Thực Tính*, luôn cả ở trong hai lãnh vực, vật chất và tinh thần. Hoặc tự bản thân phải là người có *Tánh Đức Tin (Sāraddhācarita)*, phải có niềm tin vào huấn từ của Mẹ, Cha, Tôn Sư, hoặc Giáo Thọ. Có sự hiểu biết ở trong lãnh vực Phật Giáo mới sẽ làm cho thoát khỏi *Tà Kiến* này được. Nếu chẳng là như thế, thì cho dù người ấy sẽ có được sự hiểu biết ở trong học thuật của thế gian, cho chí đến đã thành bậc Giáo Sư đi nữa, cũng sẽ không thoát khỏi loại *Tà Kiến* ấy được, vì lẽ sự hiểu biết ở trong học thuật của thế gian ấy hiện hành là để cho việc mưu sinh và việc xã hội mà thôi.

**2. Vô Nhân Kiến:** Người có quan điểm thuộc thể loại *Vô Nhân Kiến* ấy, là có sự nhận thấy rằng tất cả các loài Hữu Tình đang được đón nhận sự khổ đau hoặc an lạc đi nữa, bởi chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân cho khởi sinh lên cả, và tất cả đều tự hiện hành hết cả. Có *Chánh Tạng Pàli* của bài *Kinh Sa Môn Quả (Samaññaphalasutta)* thuộc *Phẩm Giới Uẩn (Sīlakhandhavagga)* đã có trình bày đến quan điểm lầm lạc thuộc thể loại *Vô Nhân Kiến* nói rằng: “*Natthi mahārāja hetu natthi paccayo sattānaṃ saṃkilesāya, ahetu apaccayā sattā saṃkilissanti natthi hetu natthi paccayo sattānaṃ visuddhiyā, ahetu apaccayā sattā visujjhanti*”- Dịch nghĩa là: “*Này Đại Vương, vô hữu nhân, vô hữu duyên, các loài Hữu Tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài Hữu Tình bị nhiễm ô. Vô hữu nhân, vô hữu duyên, các loài Hữu Tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài Hữu Tình được thanh tịnh.*”

**Giải thích rằng:** “*Xuất Sinh Nhân (Janakahetu)* là tác nhân cho xuất sinh, và *Bảo Hộ Nhân (Upattham bhakahetu)* là tác nhân giúp đỡ bảo hộ cho tất cả loài Hữu Tình chẳng có sự buồn phiền ưu não, Khổ Thân - Khổ Tâm. Tất cả loài Hữu Tình đang sầu ưu não và khổ đau ấy, là bởi do chẳng có bất luận *Xuất Sinh Nhân* và *Bảo Hộ Nhân* nào cả. *Xuất Sinh Nhân* là tác nhân cho xuất sinh, và *Bảo Hộ*

*Nhân là tác nhân giúp đỡ bảo hộ cho tất cả loài Hữu Tình có được sự thanh tịnh, thoát khỏi sự Khổ về Thân và Tâm. Tất cả loài Hữu Tình đang có sự thanh tịnh, thoát khỏi sự Khổ Thân – Khổ Tâm ấy, là cũng do chẳng có liên quan với bất luận Xuất Sinh Nhân và Bảo Hộ Nhân nào cả.”*

Sự nhận thấy ở phần *Vô Nhân Kiến* đây, là có quan điểm phản bác về *Tác Nhân*, là chẳng có tin rằng hành động tạo tác Thiện – Ác của tất cả loài Hữu Tình mà đã có tạo ra với nhau trong từng mỗi ngày đây, chính là tác nhân đã kiến tạo cho khởi sinh *Quả Báo*. Vì thế, việc phản bác về *Tác Nhân* đây, thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả những *Quả Báo*, nghĩa là tất cả loài Hữu Tình đang phải thụ lãnh sự an vui, sự khổ đau trong từng mỗi ngày đây, cũng chẳng cho đó là *Quả Báo* bởi do hành động tạo tác Thiện hoặc Ác của mình làm *Tác Nhân*. Do vậy, Ngài Đại Chú Giải Sư *Buddhaghosa* mới trình bày đề ở trong phần *Chú Giải* của bài Kinh *Sa Môn Quả* nói rằng **“*Natthi hetutti vadanto ubhayam paṭibàhati*”**- Dịch nghĩa là: “*Người đã nói rằng hoặc đã nhận thấy rằng sự Khổ – Lạc của tất cả loài Hữu Tình ấy chẳng có dính líu liên hệ bởi do tác nhân. Điều này chẳng khác là việc phản bác cả về Tác Nhân và luôn cả Quả Báo.*”

**3. Vô Hành Kiến:** Người có quan điểm thuộc thể loại *Vô Hành Kiến* ấy, là có sự nhận thấy rằng tất cả các loài Hữu Tình có *Tác Thiện – Tác Ác* đi nữa, thì cũng chẳng có *Tội – và cũng chẳng có Phúc*. Làm cũng chỉ gọi là có làm ngàn ấy thôi. Có *Chánh Tạng Pàli* của bài Kinh *Sa Môn Quả (Samaññaphala sutta)* thuộc *Phẩm Giới Uẩn (Sīlakhandhavagga)* đã có trình bày đến quan điểm làm lạc thuộc thể loại *Vô Hành Kiến* nói rằng: **“*Karoto kho mahàràja kàrayato, chindato chedàpayato, pacato pàcàpayato, socayato socàpayato, kilamato kilamàpayato, phandato phandàpayato, pàṇamatipàtàpayato, adinnaṃ àdiyato, sandhiṃ chindato, nillopaṃ harato, ekàgàrikaṃ karoto, paripantho tiṭṭhato, paradàraṃ gacchato, musà bhaṇato, karoto na kariyati pàpaṃ*”**- Dịch nghĩa là: “*Nây Đại Vương, tự làm hay khiến người làm, tự chém giết hay khiến người chém giết, tự đốt nấu hay khiến người đốt nấu, tự gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, tự gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi; sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà người mà đi vào cướp bóc, tự thông vợ người, vọng ngữ, những hành động như vậy chẳng có tội ác chi cả.*”

**Giải thích rằng:** “*Người có quan điểm làm lạc thuộc thể loại Vô Hành Kiến, nhận thấy rằng hành động tạo tác Thiện – Ác của tất cả loài Hữu Tình, cho dù sẽ là “Tự Chế Thủ Công” hoặc “Mệnh Lệnh” sai bảo cho người khác thực hiện đi nữa, thì cũng chẳng được gọi là có Tội – Phúc. Việc hành hung bằng cách tòng xẻo các bộ phận của người khác, cho dù sẽ là “Tự Chế Thủ Công” hoặc “Mệnh Lệnh” sai bảo cho người khác cắt chặt đi nữa, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Việc trừng phạt người khác bằng cách phạt vạ bắt nộp tiền, hoặc bằng cách đánh đòn làm cho họ phải bị thụ lãnh sự thống khổ, cho dù sẽ là “Tự Chế*

Thủ Công” hoặc “Mệnh Lệnh” sai bảo cho người khác thực hiện đi nữa, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Việc trộm lấy tài sản của cải vật chất của người khác, đã làm cho họ phải bị thụ lãnh sâu bi ưu não khổ tâm buồn lòng, cho dù sẽ là “Tự Chế Thủ Công” hoặc “Mệnh Lệnh” sai bảo cho người khác thực hiện đi nữa, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Việc tự trừng phạt bản thân cho phải khổ sở, có việc nhịn cơm hoặc chịu mắc vào lao tù; hoặc hướng dẫn cho người khác tin cậy mình để cho thực hiện việc tự trừng phạt bản thân cho phải khổ sở cũng tương tự như mình, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Tự bản thân có sự bồn chồn lo lắng, buồn phiền khổ tâm, hoặc làm cho người khác phải bị bồn chồn lo lắng, buồn phiền khổ tâm, thì cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả. Tự bản thân với việc sát hại loài Hữu Tình, hoặc sai bảo cho người khác sát hại, thì cũng chẳng gọi là sát hại loài Hữu Tình, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc đục tường, khoét vách trộm đạo, hoặc sai bảo cho người khác đục tường, khoét vách trộm đạo, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc tranh cướp tài sản, hoặc sai bảo cho người khác tranh cướp, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc xâm phạm vào nhà ở của người khác rồi tranh cướp tài sản, hoặc sai bảo cho người khác xâm phạm, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tự bản thân với việc chực chờ rình rập tranh cướp tài sản của người khác theo đạo lộ, hoặc sai bảo người khác chực chờ rình rập tranh cướp tài sản của họ, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Việc tính dục tà hạnh với vợ của người khác, cũng chẳng là Tội Ác. Việc nói vọng ngữ, cũng chẳng có Tội Ác chi cả. Tạo tác các việc bất thiện, như đã vừa đề cập đến tại đây, cho dù sẽ là “Tự Chế Thủ Công” hoặc “Mệnh Lệnh” sai bảo cho người khác thực hiện đi nữa, với những thể loại này cũng chẳng có gọi là Tác Hành Ác chi cả.”

Sự nhận thấy ở phần Vô Hành Kiến đây, là có quan điểm phản bác về Nghiệp Lực, đó chính là chủ tác nhân. Vì thế, việc phản bác về Nghiệp Lực đây, thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả Quả Báo của Nghiệp Lực đã được hoàn thành ở trong xác thân. Do vậy, Ngài Đại Chú Giải Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong phần Chú Giải của bài Kinh Sa Môn Quả nói rằng:

**“Kammaṃ paṭibàhantenàpi vipàko paṭibàhito hoti”**- Dịch nghĩa là: “Ngay khi phản bác về hành động tạo tác Tội – Phúc đã là chủ tác nhân, thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả Quả Báo của hành động tạo tác Tội – Phúc ấy vậy.”

### Trình Bày Sự Thành Chân Xác Tà Kiến Của Cả Tam Kiến

Trong cả Tam Kiến ấy, hiện hữu với ba vị Giáo Trưởng (**Gaṇàcariya**) thuộc Dị Giáo Phái, đó là Giáo Trưởng **Ajita Kesakambali** có quan điểm thuộc thể loại Vô Hữu Kiến; Giáo Trưởng **Makkhali Gosàla** có quan điểm thuộc thể loại Vô Nhân Kiến; và Giáo Trưởng **Puraṇa Kassapa** có quan điểm thuộc thể loại Vô Hành Kiến. Sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) của cả ba vị Giáo Trưởng này gọi là



*Chuẩn Xác Tà Kiến*, là những loại *Tà Kiến* có thực tính nhất định phải trở sanh quả báo ở trong Địa Ngục Địa Giới theo tuần tự từ ở nơi *Tâm Tử (Cuticitta)* mà chẳng có khoảnh khắc xen kẽ, vì lẽ các loại *Tà Kiến* của cả ba vị *Giáo Trưởng* này đã có sự chấp thủ dính mắc rất nhiều. Ngay đến Đức Phật Ngài đã có lập ý, bằng với rất nhiều phương thức, đã *thi dĩ khốc hình (cho thụ lãnh sự khổ đau vô cùng khốc liệt)* đặng cho buông bỏ những loại *Tà Kiến* ấy đi, thế nhưng kết quả lại chẳng thành. Đối với các nhóm môn đồ của cả ba vị *Giáo Trưởng* này, lúc thưở ban đầu thì năng lực của các loại *Tà Kiến* ấy đã khởi sinh hãy còn non yếu, do vậy vẫn chưa hoàn thành thể loại *Chuẩn Xác Tà Kiến*. Thế rồi thời gian tiếp đến, một khi đã có việc thường luôn đọc đi đọc lại với cả việc thẩm sát ở trong nội dung lời giảng dạy của vị *Thầy Giáo Trưởng*, tương tự với người tiến hóa *Nghiệp Xứ (Kammattàna)*, và đã có sự mẫn ý ở trong các lời giảng dạy ấy. Chính ngay trong sát na thẩm sát và có sự mẫn ý ấy, thì *Tâm Đồng Lực Tương Ứng Kiến (Ditthigatasampayutta javana)* khởi sanh cùng với số lượng vô số đếm không kể xiết, cho đến khi những *Tâm* ấy đạt thành *Tà Định (Micchàsamàdhi)* khởi sanh. Trong *Lộ Trình Tâm Đồng Lực Tương Ứng Kiến (Ditthigatasampayuttajavanavithi)* cuối cùng, thì có việc quyết định dứt khoát ở trong các nội dung ấy, rằng đề mục bình khán đã khởi sinh, tương tự với *Lộ Trình Tâm* của vị hành giả đã tiến tu *Minh Sát* đang khi vào đến *Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithi)*, và như thế, chính cái *Tâm Đồng Lực* thứ bảy ở trong *Lộ Trình Tâm* cuối cùng này, đã được gọi là *Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyata micchaditthi)*, tức là loại *Tà Kiến* nhất định có khả năng trở sanh quả báo cho phải đi tục sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới sau khi đã tử vong, vì lẽ ngay chính những loại *Tà Kiến* này, cho dù chí đến Đức Phật đã có lập ý bi mẫn đi nữa, cũng không có thể giải cứu được.

### **Trình Bày Tam Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchaditthi 3) Được Gọi Là Tà Thực Tính Cố Nhiên (Micchattaniyata)**

Sự hiện hành của cả hai, *Tà Kiến (Ditthi)* với *Trí Tuệ (Pañña)* đây, có thực tính hiện hành đối nghịch, và bất hòa hợp với nhau. Ví tựa bóng tối với ánh sáng, hoặc ví tựa hai người đã giận nhau và đã bỏ chạy đi lánh mặt với mỗi người đi một hướng, và như thế mỗi người cứ cách xa dần. Ở trong lãnh vực *Trí Tuệ (Pañña)*, một khi đã khởi sự tiến tu cho đến tỏ ngộ *Tứ Thánh Đế (Ariyasacca)* bởi do đã được tiếp nhận sự hiệp trợ từ ở nơi *Tín (Saddha)*, *Tán (Viriya)*, *Niệm (Sati)*, và *Định (Samàdhi)*, thì chẳng có bất luận một yếu tố nào sẽ đến để phá hại *Trí Tuệ* của người ấy được. Và người ấy ắt hẳn đã có sự sùng tín đặc biệt ở trong *Ân Đức Tam Bảo*, có niềm tin ở trong *Nghiệp Lực* và *Quả Báo* của *Nghiệp Lực*, và tin rằng tử vong rồi sẽ phải tái tục lại nữa. Giả như người ấy vẫn còn *Ái Dục (Tanhà)* có nghĩa là *Trí Tuệ (Pañña)* của người ấy đã đạt đến sự thành *Chánh Thực Tính Cố Nhiên (Sammattaniyama – Niềm An Lạc Cố Nhiên)*, là *Trí Tuệ* có thực tính ở phần

tịnh hảo và nhất định trở sanh quả báo. Và như thế, người ấy mới được gọi là bậc *Thất Lai (Sotàpanna – Dự Lưu, Tu Đà Hườn)*, là bậc đã thoát khỏi và không còn phải tục sinh ở trong Thống Khổ Địa Giới.

Cũng trong cùng một phương thức, đạo lộ *Tà Kiến* ấy một khi đã có sự phát triển bởi do đã được tiếp nhận sự hiệp trợ từ ở nơi *Tà Tư Duy (Micchàsàṅkappa)*, *Tà Tinh Tấn (Micchàvàyàma)*, và *Tà Định (Micchàsamàdhi)*, thì chí đến bậc Chánh Đẳng Giác đã có lập ý muốn giải cứu đi nữa, cũng không thể được, bởi do đã chấp thủ dính mắc ở trong sự thấy sai chấp lầm (*Tà Kiến*) của mình. Lúc bấy giờ, *Kiến Chấp* của người ấy đã đạt đến sự thành *Tà Thực Tính Cố Nhiên (Micchattaniyàma)*, là loại *Tà Kiến* có thực tính ở phần vô tịnh hảo và nhất định trở sanh quả báo. Và như thế, người có *Tà Kiến* loại *Tà Thực Tính Cố Nhiên* ấy, ắt hẳn chẳng có hy vọng nào để sẽ được chứng đắc Đạo Quả, và cho thành tựu Quả vị của bậc Thánh; trái lại sẽ còn phải bị thụ lãnh khổ đau ở trong *Vô Giác Đại Địa Ngục*. Khi đã tử vong lìa khỏi kiếp sống này rồi, thì nhất định còn phải trải qua với thời gian rất lâu dài cho đến một vạn *Trung Kiếp (Antarakappa)*, vì lẽ loại *Tà Kiến* đã đạt đến sự thành *Tà Thực Tính Cố Nhiên* này có tác nghiệp nghiêm trọng hơn cả tác nghiệp của *Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực (Saṅghabhedakakamma)*.

Vì thế, Ngài Đại Chú Giải Sư *Buddhaghosa* mới lập ý trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Atthakathà)* nói rằng: “*Kappavināse mahājane brahmaloke nibbattepi niyatamicchādiṭṭhiko tattha anibbattitvāpiṭṭhi cakkavāle nibbattati, kim pana piṭṭhicakkavālam na jhāyatīti ? Jhāyati, tasmim jhāyamānēpi esa akāse ekasmim okāse paccatiyevāti vadanti ?*”-

Dịch nghĩa là: “*Ngài Chú Giải Sư là bậc tiên thiên thông tuệ cả ở trong Tam Tạng Kinh Điển và Chú Giải, đã nói rằng “Một khi thế giới bị hoại diệt, cho dù tất cả những đại chúng (Mahājana) sẽ được tục sinh ở trong Thế Giới Phạm Thiên đi nữa, còn với người đã có Chuẩn Xác Tà Kiến ấy thì chẳng có cơ hội để sẽ được tục sinh ở trong Thế Giới Phạm Thiên ấy, ắt hẳn phải đi tục sinh ở trong Vô Giác Đại Địa Ngục hiện hữu ở trong Tiên Thiên Bộ Châu (Cakkavāla) cuối cùng, đó chính là Bộ Châu sẽ bị hoại diệt một trăm ngàn Koṭī (một trăm ngàn x mười triệu = một ngàn tỷ Kiếp).”*

Có lời vấn hỏi rằng: “*Tiên Thiên Bộ Châu hoại diệt cuối cùng ấy, chẳng phải là bị Lửa hoại diệt hay sao ?*” Giải đáp rằng: “*Là bị Lửa hoại diệt tương tự như nhau*”. Thế nhưng, khi *Tiên Thiên Bộ Châu* cuối cùng này đã bị Lửa hoại diệt, thì người đã có *Chuẩn Xác Tà Kiến* ấy, vẫn sẽ còn phải thụ lãnh khổ đau ở trong một khoản nào đó ở bên trên bầu khí quyển.

Ngài Chú Giải Sư này đã trình bày đề cho được biết rằng: “*Trong tất cả những tác nghiệp của các Bất Thiện Nghiệp Lực, thì tác nghiệp dính lúu với Chuẩn Xác Tà Kiến là loại tác nghiệp nghiêm trọng cùng tột.*” Đúng như Đức Tôn Ngài đã có lập ý khái thuyết đề ở trong Chánh Tạng Tăng Chi Bộ Kinh nói rằng: “*Paramāni bhikkhave vajjāni*”- Dịch nghĩa là: “*Này tất cả Chư Tỷ Khuru, loại Tà*



*Kiến ở phần Chuẩn Xác Tà Kiến đây, có tác nghiệp cực đại tốt cùng.*” Người đã chấp thủ vào *Chuẩn Xác Tà Kiến* thì có được cơ hội thành tựu Quả vị của bậc Thánh hay không ?

Người đã chấp thủ vào *Chuẩn Xác Tà Kiến* đây, và nếu như chẳng hủy bỏ lìa khỏi sự thấy sai chấp lầm của mình, thì chẳng bao giờ sẽ thành tựu được Quả vị bậc Thánh. Ngay cả khi đã tử vong lìa khỏi cuộc đời này rồi, thì cũng chẳng có hy vọng để sẽ có được tục sinh trở lại làm Người. Thế nhưng, giả như người ấy đã hủy bỏ lìa khỏi sự thấy sai chấp lầm, thế rồi đã quay trở lại tiên tu *Minh Sát* thì ắt hẳn có được hy vọng để sẽ thành tựu Quả vị của bậc Thánh. Và khi đã thân hoại mạng diệt, lìa khỏi cuộc đời này rồi, thì có hy vọng sẽ được tục sinh làm Người hoặc Chư Thiên tùy thuận theo tác hành của mình. Đúng như Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết đề ở trong Chánh Tạng Pàli *Phát Thú (Paṭṭhàna)* nói rằng: **“*Ariyà micchattaniyate pahime kilese paccavekkhanti, pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti, micchattaniyate khandhe aniccato vipassanti*”**- Dịch nghĩa là: *“Tất cả bậc Thánh Nhân đã từng có Chuẩn Xác Tà Kiến này, thường luôn thâm sát vào phiền não- là Chuẩn Xác Tà Kiến - mà mình đã được phóng khí đi rồi, thường luôn thâm thị vào phiền não - là Chuẩn Xác Tà Kiến - mà đã từng sanh ở trong bản tánh của mình, thường luôn thâm sát về Uẩn Chuẩn Xác Tà Kiến theo sự thành Pháp Vô Thường.”*

### **Tà Kiến Là Tác Nhân Đã Làm Cho Cả Thập Ác Hạnh Được Khởi Sanh**

Lẽ thường với người đã có *Tà Kiến* ấy rồi, thường là hạng người Vô Tàm và Vô Quý đối với việc tạo tác ra bao Ác Hạnh. Thế nhưng, có một vài loại Ác Hạnh mà con người sẽ chẳng dám tạo tác, cũng chỉ vì e ngại về quyền lực Pháp Luật của Nhà Nước ngàn ấy thôi. Cho dù có đến thế đi nữa, cũng vẫn chưa khẳng định luôn là như vậy. Giả như có bất luận đạo lộ nào lẩn lút né tránh được thì cũng vẫn dám làm như thường. Đối với những Ác Hạnh giả như chẳng có vi phạm với Pháp Luật, thì cũng coi như sẽ nỗ lực làm cho hết cỡ mà chẳng ngại ngùng sợ hãi chi cả. Với lý do như vậy, việc hành xử của người này mới hiện hành ở trong đạo lộ Ác Hạnh, với phần nhiều là Thân Ác Hạnh cũng có, Ngũ Ác Hạnh cũng có và Ý Ác Hạnh cũng có. Người đã có *Tà Kiến* ấy rồi, giả như sẽ có việc kết hợp với *Thiện Nghiệp Lực*, thì đó sẽ là thường hay dính líu với việc tầm cầu danh thơm tiếng tốt, với việc xã hội, và liên đới với lợi ích cá nhân. Chẳng hạn như giúp đỡ xây dựng đường lộ, kiến tạo trường học, giúp đỡ trong việc làm giảm bớt khổ đau theo phương thức đã sắp bày. Dù sao đi nữa, *Thiện Nghiệp Lực* của nhóm người này chẳng phải thuộc thể loại *Thiện Nghiệp Lực* thanh cao, mà đó chỉ là loại *Thiện Nghiệp Lực* thông thường, vì lẽ chẳng được hiện hành với mãnh lực từ ở nơi *Nghiệp Chủ Trí Lực (Kammassakatañāṇa)*, mà lại hiện hành với mãnh lực của *Ái*

(*Taṇhà*), *Mạn (Màna)*, *Kiến (Ditṭhi)*, vì thế việc sẽ được tục sinh trở lại làm Người của nhóm người này mới coi như đã là thất sách vậy.

### Trình Bày Việc Khởi Sinh Những Ác Hạnh Bởi Do Nương Vào Ý Ác Hạnh (**Manoduccarita**) Làm Tác Nhân

- *Ý Tham Ác (Abhijjhà)*: là tác nhân đầu tiên làm cho *Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Tà Kiến* đã được khởi sinh.
- *Ý Cừu Hận (Byàpàda)*: là tác nhân đầu tiên làm cho *Sát Mạng, Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đã được khởi sinh.
- *Ý Tà Kiến (Micchàditṭhi)*: là tác nhân đầu tiên làm cho cả *Thập Ác Hạnh* đã được khởi sinh.

+ Giải thích ở trong phần Pàli *điều thứ tám*, chỗ nói rằng “*Aññatràpi viññattiyà manasmim̐ yeva bhàhullavuttito manokammaṃ nàma*”.

*Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận, Ý Tà Kiến*, cả ba điều này gọi là *Ý Hành Nghiệp Lực*, vì lẽ một khi đã loại trừ *Thân Biểu Tri (Kàyaviññatti)*, thì đa phần thường sanh khởi ở trong lộ *Ý Môn*. Giải thích rằng, việc làm sanh khởi ở đạo lộ *Tâm Thức* đã được gọi là *Ý Hành Nghiệp Lực*. Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Manasmim̐ pavattam̐ kammaṃ = Manokammaṃ*”- “*Nghiệp Lực sanh khởi ở đạo lộ Tâm Thức, gọi là Ý Hành Nghiệp Lực.*” Đạo lộ *Tâm Thức* mà đã được gọi là *Ý Hành Nghiệp Lực* ấy, hiện hữu với nhiều thể loại, đó là:

1. Ở trong các *Lộ Trình Tâm, Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)* gọi là *Ý Môn*, vì làm tác nhân cho *Lộ Trình Tâm* sanh khởi.
2. Hết tất cả *Tâm* được gọi là *Ý Môn*, vì lẽ những cái *Tâm* sanh trước trước làm tác nhân cho những cái *Tâm* sau sau khởi sinh.
3. *Động Lực Bất Thiện* và *Động Lực Thiện* gọi là *Ý Môn*, vì lẽ *Tâm Động Lực* này làm tác nhân cho thành tựu *Ý Hành Nghiệp Lực*.

Như Ngài Phụ Chú Giải Sư đã trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Mano eva dvàranti = Manodvaram̐*”- “*Chính cái Tâm Động Lực ấy đã làm tác nhân cho việc sanh khởi của Ý Hành Nghiệp Lực, vì thế mới gọi là Ý Môn.*” Còn đối với ở trong *Ý Ác Hạnh* đây, thì *Động Lực căn Tham (Lobhamùlajavana)*, *căn Sân (Dosamùla)* câu sanh với *Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận, và Ý Tà Kiến*, đã được gọi là *Ý Môn*. Còn *Động Lực căn Si (Mohamùlajavana)* ở tại nơi đây, không được gọi là *Ý Môn*, bởi vì không có khả năng làm tác nhân cho cả *Tam Ý Ác Hạnh* khởi sinh lên được.

Chỗ nói rằng “*Đồng Lực căn Tham, căn Sân*” đã được gọi là “*Ý Môn*”, tức là làm tác nhân cho *Ý Ác Hạnh* khởi sinh lên đó, là cũng do ở ngay trong sát na mà *Ý Tham Ác* hoặc *Ý Tà Kiến* khởi sinh, thì *Đồng Lực Tham* này làm duyên giúp đỡ bảo hộ cho *Tham* hình thành được *Ý Tham Ác*, và *Tà Kiến* hình thành được *Ý Tà Kiến*, với mãnh lực của *Câu Sanh Duyên (Sahajàtapaccaya)*, *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*, *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*, *Hiện Hữu Duyên (Atthi paccaya)*, và *Bất Ly Duyên (Avigata paccaya)*. Cũng ở ngay trong sát na *Ý Tham Ác* sanh khởi, thì *Đồng Lực Sân* cũng làm duyên giúp đỡ bảo hộ cho *Sân* hình thành được *Ý Cừu Hận*, với mãnh lực của *Câu Sanh*, *Hỗ Tương*, *Y Chỉ*, *Hiện Hữu* và *Bất Ly Duyên*.

Việc giúp đỡ bảo hộ của *Đồng Lực Bất Thiện* không chỉ ở chỗ gọi là *Ý Môn* đây, mà cũng thường luôn giúp đỡ bảo hộ ngay cả ở trong *Thân Hành Nghiệp Lực* và *Ngũ Hành Nghiệp Lực* đặng cho khởi sinh. Chẳng hạn như ở trong việc thực hiện *Sát Mạng*, thì cũng tương tự, là ngay sát na ấy cũng đã có được tiếp nhận việc bảo hộ của *Đồng Lực Sân* chỗ đặng hình thành *Ý Môn* vậy. Thế nhưng, trong việc làm thành tựu *Sát Mạng* thì nhu thiết sẽ cần phải phối hợp với *Thân Biểu Tri* là chỗ hình thành được *Thân Môn*. Tuy thế, giá mà *Đồng Lực Sân* chỉ có giúp đỡ bảo hộ duy nhất ở phần *Ý Môn* không thôi, thì ắt hẳn không thể nào làm thành tựu việc *Sát Mạng* được. Ở trong phần *Vọng Ngữ* cũng hiện hành tương tự, là tất phải có *Ngũ Biểu Tri* là chỗ hình thành *Ngũ Môn* cùng vào phối hợp, thì mới sẽ làm thành tựu việc *Vọng Ngữ* được. Chỉ có một mình *Đồng Lực Tham* hoặc *Đồng Lực Sân* giúp đỡ bảo hộ duy nhất ở phần *Ý Môn* không thôi, thì ắt hẳn cũng không thể nào làm thành tựu việc *Vọng Ngữ* được. Có nghĩa là *Đồng Lực Bất Thiện* ở phần *Ý Môn* đây, thường là chung (*Sàdhàrana*) cho hết cả *Bất Thiện Nghiệp Lực*, cả ở phần *Thân Hành Nghiệp Lực*, *Ngũ Hành Nghiệp Lực* và *Ý Hành Nghiệp Lực*. Thế nhưng đối với *Thân Biểu Tri* ở phần *Thân Môn*, và *Ngũ Biểu Tri* ở phần *Ngũ Môn* đây, lại không là chung (*Sàdhàrana*) cho hết cả *Nghiệp Lực*, có thể chỉ có liên quan riêng biệt ở một vài loại *Nghiệp Lực* mà thôi, tức là *Thân Hành Nghiệp Lực* và *Ngũ Hành Nghiệp Lực*.

Lẽ thường, việc định danh ở bất luận một sự vật nào cho đặng hiện bày, thì tất phải nương vào điểm đặc biệt của các sự vật ấy, ở trong từng mỗi điểm một, thế rồi mới định danh cho không phải bị lẫn lộn với nhau. Do vậy, với cả ba *Nghiệp Lực* có *Sát Mạng* v.v. đã được định danh là *Thân Hành Nghiệp Lực*, chính là do bởi đặc biệt nương vào *Thân Môn* mà khởi sinh. Và cả bốn *Nghiệp Lực* có *Vọng Ngữ* v.v. đã được định danh là *Ngũ Hành Nghiệp Lực*, chính là do bởi đặc biệt nương vào *Ngũ Môn* mà khởi sinh, như việc đã được định danh rồi vậy.

Còn đối với cả ba *Nghiệp Lực* có *Ý Tham Ác* v.v., với những thể loại này sanh khởi lại không có dính líu với cả hai *Sắc Biểu Tri*, tức là *Thân Môn* và *Ngũ Môn* bất luận ở một thể loại nào, mà có thể chỉ có sanh khởi riêng biệt ở trong *Ý Môn* mà thôi, vì thế Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày nói rằng:

**“*Aññatràpi viññattiyà manasmim yeva bhàhullavuttito*”-** “Một khi đã loại trừ Thân Biểu Tri và Ngũ Biểu Tri này ra rồi, thì đa phần thường sanh khởi ở trong phần Ý Môn.”

Ở trong điều này, khi đã được thẩm sát chỉ ở từ ngữ nói rằng **“*Manasmim yeva bhàhullavuttito*”** này không thôi, cũng có lẽ sẽ là lời giải thích đã hoàn chỉnh lắm rồi, tức là Ý Tham Ác v.v. với những thể loại này thì đa phần sanh khởi ở trong Ý Môn. Thế nhưng nếu phải sử dụng chữ viết để viết ra giấy hoặc phải nói với lời nói rằng “*tài sản của người ấy, giá mà Ta đến đoạt lấy được cho làm thành của Ta thì sẽ tốt biết mấy*” chẳng hạn như vậy thì coi như là Ý Tham Ác đây, đã sanh khởi ở trong lộ Thân Môn và Ngũ Môn rồi, ngặt chỉ là một phần nhỏ thôi. Do vậy, Ý Tham Ác v.v. mà đã được đặt tên gọi là Ý Hành Nghiệp Lực mới không có việc sửa đổi thành một tên gọi nào khác, vì lẽ việc định đặt tên gọi là Ý Hành Nghiệp Lực đây, là việc gọi tên theo phần “*Sung Mãn Túc*” (***Tabbhàhullanaya***), nghĩa là sanh khởi ở trong lộ Ý Môn theo phần nhiều đa số. Thế nhưng, dù sao đi nữa, nếu chỉ phải nói là **“*Manasmim yeva bhàhullavuttito*”** thì quả là không được hoa mỹ lắm, có nghĩa là lời nói ở phần trước và phần sau chẳng giống nhau, vì lẽ ở trong cả Tam Thân Hành Nghiệp Lực đã nói rằng **“*Kàyaviññattisaṅkhàte kàyadvàre bhàhullavuttito*”-** “*Vì đa phần sanh ở trong Thân Môn, tức là Thân Biểu Tri.*” Ở trong Tứ Ngũ Hành Nghiệp Lực cũng đã nói rằng **“*Vacivìññattisaṅkhàte vacidvàre bhàhullavuttito*”-** “*Vì đa phần sanh ở trong Ngũ Môn, tức là Ngũ Biểu Tri*” đã trình bày cho thấy rằng “*những thể loại Thân Hành Nghiệp Lực và Ngũ Hành Nghiệp Lực này, đã có được từ ngữ “Biểu Tri” kết hợp.* Còn ở trong cả Tam Ý Hành Nghiệp Lực thì chỉ phải trình bày cho thấy rằng “*chẳng có dính líu gì đến Sắc Biểu Tri cả*”. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới phải sử dụng từ ngữ nói rằng **“*Aññatra viññattiyà*”-** “*loại trừ Sắc Biểu Tri ấy ra.*”

Tuy nhiên, ở trong cả Tam Ý Hành Nghiệp Lực đây, chẳng phải lúc nào cũng luôn loại trừ Sắc Biểu Tri ấy ra, vì lẽ có đôi khi cũng vẫn phải phối hợp với Sắc Biểu Tri một cách tương tự. Vì thế, để trình bày cho được biết đến sự hiện hành như vậy, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** mới sử dụng từ ngữ nói rằng **“*Api*”** phối hợp ở trong câu **“*Aññatra*”** thành **“*Aññatràpi*”** nghĩa là “*việc sanh ở trong Ý Môn thì, cũng vẫn có việc loại trừ hoặc chẳng có việc loại trừ Sắc Biểu Tri ấy ra, tức là cũng vẫn có việc phối hợp với Sắc Biểu Tri trong việc sanh ở trong Ý Môn vậy.*”

**Trình Bày Tam Ý Hành Nghiệp Lực Cũng Có Đôi Khi Là Phần Phụ Thuộc (**Parivàra**) Của Những Tư Tác Ý, Có Sát Nhân Giả Tư Tác Ý Và Đạo Tặc Tư Tác Ý, v.v.**

Ở ngay trong sát na đang Sát Mạng loài Hữu Tình, Thâu Đạo tài sản của người khác, thì thường luôn có Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận và Ý Tà Kiến phối hợp. Còn đối với Ý Tà Kiến thì bất định. Chẳng hạn như ở ngay trong sát na đang trộm



lấy tài sản của người khác, thì có *Tham* hình thành *Ý Tham Ác* cùng phối hợp. Giả như kẻ ấy có sự nhận thấy rằng việc trộm lấy tài sản này, là chẳng có tội lỗi chi cả, thế là đã có *Tà Kiến* hình thành *Ý Tà Kiến* cùng phối hợp. ở ngay trong sát na ấy, *Thâu Đạo* ắt hẳn đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*; còn *Ý Tham Ác* cùng với *Ý Tà Kiến* thì coi như là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, và có thể chỉ là phần phụ thuộc của *Đạo Tặc Tư Tác Ý* ngàn ấy thôi.

ở ngay trong sát na đang *Sát Mạng* loài Hữu Tình, thì có *Sân* hình thành *Ý Cừu Hận* cùng phối hợp. Giả như kẻ ấy có sự nhận thấy rằng việc sát mạng loài Hữu Tình này, là chẳng có tội lỗi chi cả, thế là đã có *Tà Kiến* hình thành *Ý Tà Kiến* cùng phối hợp. ở ngay trong sát na ấy, *Sát Mạng* ắt hẳn đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*; còn *Ý Cừu Hận* cùng với *Ý Tà Kiến* thì coi như là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, và có thể chỉ là phần phụ thuộc của *Sát Nhân Giả Tư Tác Ý* ngàn ấy thôi. ở ngay trong sát na *Tà Dâm*, *Vọng Ngữ*, v.v. ấy, thì có *Tam Ý Hành Nghiệp Lực* cũng thường luôn vào cùng phối hợp tùy thuận theo thích hợp. Tuy thế, có thể chỉ là phần phụ thuộc của những *Tư Tác Ý Nghiệp Lực* đây, ngàn ấy thôi, và một cách đặc biệt lại là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

### Trình Bày Danh Xung Những Ác Hạnh Chẳng Hội Đủ Chi Pháp

Những hành động đã tạo tác ra các Bất Thiện Nghiệp Lực, giả như đã là *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo* bởi do bất luận một nguyên nhân nào rồi, thì các Bất Thiện Nghiệp Lực ấy cũng cần phải định danh bởi nương theo *Môn* mà đã khởi sinh, và chẳng nhất thiết phải định danh theo phần “*Sung Mãn Túc*” (*Tabbàhullanaya*).

+ Có nghĩa, nếu giả như các Bất Thiện Nghiệp Lực đã hiện bày theo *lộ Thân Môn*, *lộ Ngữ Môn* hoặc *lộ Ý Môn*; nhưng lại *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo* là vì chẳng hội đủ Chi Pháp, thế nhưng những Bất Thiện Nghiệp Lực ấy cũng cần phải có sự hỗ trợ cho được định danh bởi nương theo *Môn* mà đã khởi sinh, và cũng chẳng nhất thiết phải định danh theo phần “*Sung Mãn Túc*” (*Tabbàhullanaya*). Chẳng hạn như việc cắt tay, chặt chân của bất luận một loại Hữu Tình nào đó; hoặc việc thiến hoạn loài Hữu Tình như có bò, chó, v.v. đặng cho triệt sản hoặc cho bất tính giao; hoặc việc đánh đòn dạy bảo đến con trẻ hoặc đến vị Sa Di, v.v. với các hành động tạo tác của những thể loại này, thì cũng chẳng nhất thiết phải định danh với riêng từng tên gọi, mà duy nhất, chỉ phải gọi việc ấy là *Thân Ác Hạnh* (*Duccarita*). Nếu dựa theo phần “*Sung Mãn Túc*” (*Tabbàhullanaya*) thì thường cũng chỉ gọi là *Ngữ Ác Hạnh* (*Vaciduccarita*) ngàn ấy thôi, hoặc cũng còn gọi là *Ý Ác Hạnh* (*Manoduccarita*).

+ Có nghĩa, nếu giả như tự thân thực hiện, thì chỉ gọi là *Thân Ác Hạnh* (*Thân Hành Bất Thiện*). Nếu sai bảo người khác thực hiện, thì chỉ gọi là *Ngữ Ác Hạnh* (*Ngữ Hành Bất Thiện*). Nếu nghĩ suy để sẽ thực hiện, thì chỉ gọi là *Ý Ác Hạnh* (*Ý Hành Bất Thiện*). Hoặc giả trong việc nói lời vọng ngữ, thì cũng chẳng

cần phải định danh với riêng từng tên gọi, mà chỉ phải gọi là *Ngũ Ác Hạnh* ngàn ấy thôi, gọi là *Thân Ác Hạnh* hoặc cũng còn gọi là *Ý Ác Hạnh*.

+ Có nghĩa, nếu giả như sử dụng ngôn ngữ thốt ra lời, thì chỉ gọi là *Ngũ Ác Hạnh*; nếu sử dụng chữ viết để viết ra giấy tờ, thì chỉ gọi là *Thân Ác Hạnh*; nếu nghĩ suy để nói dối, thì chỉ gọi là *Ý Ác Hạnh*. Hoặc giả như trong việc mãn ý dục đắc để có được tài sản của cải của người khác một cách bất hợp pháp ấy, thì cũng chẳng cần phải định danh với riêng từng tên gọi, mà chỉ phải gọi là *Ý Ác Hạnh* ngàn ấy thôi, gọi là *Thân Ác Hạnh* hoặc cũng còn gọi là *Ý Ác Hạnh*.

+ Có nghĩa, nếu giả như chỉ có sự mãn ý dục đắc một cách thân nhiên, và chẳng có nghĩ suy chi để cho sự vật ấy làm thành của riêng mình, thì chỉ gọi là *Ý Ác Hạnh*. Nếu đã có sự mãn ý dục đắc để phải thốt ra lời rằng “*sự vật ấy rất là xinh đẹp*” thì cũng chỉ gọi là *Ngũ Ác Hạnh*. Nếu đã có sự mãn ý dục đắc và rồi đã cầm lấy sự vật ấy lên để ngắm nhìn, thì cũng chỉ gọi là *Thân Ác Hạnh*. Do đó, Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* mới trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Aṭṭhasàlinī* nói rằng: “*Kāyavacīdvāresu hi copanam patvā kammapatham appattampi atthi, manodvāre ca samudācāram patvā kammapatham appattampi atthi, tam gahetvā tam tam dvārapakkhikameva akāṃsu*”- Dịch nghĩa là: “*Bất Thiện Nghiệp Lực đã thâm thấu việc khuấy động ở trong lộ Thân Môn và lộ Ngũ Môn, thế nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo; hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đã thâm thấu việc sanh khởi ở trong Ý Môn, thế nhưng Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo; thế là tất cả những Ngài Chú Giải Sư giữ lấy những loại Bất Thiện Nghiệp Lực mà Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, và cho sát nhập vào ở trong lộ Môn đã nương sanh.*”

### Trình Bày Một Cách Đầy Đủ Về Phương Thức Tính Số Lượng Ác Hạnh

Những Thập Ác Hạnh này, một khi trọn đủ thì có được 30 hoặc 40 điều.

+ Có 30 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi một Ác Hạnh ấy, thì sẽ cần phải phối hợp với cả ba *Tư Tác Ý*, ấy là:

1. *Tư Tiên (Pubbacetanà)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh trước việc tạo tác.
2. *Tư Hiện (Muñcacetanà)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.
3. *Tư Hậu (Aparacetanà)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, từng mỗi điều của Thập Ác Hạnh phối hợp với cả ba *Tư Tác Ý* mới thành 30 Ác Hạnh.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều Ác Hạnh, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:



1. *Tự Chế Thủ Công Ác Hạnh (Sàhatthakaduccarita)*: Tự bản thân thực hiện.
  2. *Mệnh Lệnh Ác Hạnh (Àṇattikaduccarita)*: Sai bảo để cho người khác thực hiện.
  3. *Năng Lực Biểu Thị Ác Hạnh (Vaṇṇabhàsanaduccarita)*: Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.
  4. *Lạc Sự Ác Hạnh (Samanuññāduccarita)*: Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.
- Vì thế, mười điều Ác Hạnh kết hợp với cả bốn phân loại ấy mới thành 40 điều Ác Hạnh.

Trong số lượng 30 hoặc 40 điều như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì cũng có một vài điều *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* và có khả năng dắt dẫn sa đọa vào trong Cõi Thống Khổ; tuy thế cũng có một vài điều thì *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo* và cũng không có khả năng dắt dẫn sa đọa vào trong Cõi Thống Khổ. Chẳng hạn như trong việc *Sát Mạng*, giả như loài Hữu Tình ấy tử vong thì coi như cả ba *Tư Tác Ý* có dính líu với việc *Sát Mạng* này, đã hoàn thành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Nếu giả như loài Hữu Tình ấy vẫn chưa tử vong, thì cũng chẳng sắp thành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Cả ba Ác Hạnh, có *Thâu Đạo*, v.v. cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự như nhau.

Trong 40 điều Ác Hạnh ấy, được tỷ như với 4 hạng Người cùng hợp tác với nhau thực hiện việc *Sát Mạng*. Người thứ nhất là kẻ đề cập đến và trình bày sự lợi ích ở trong việc *Sát Mạng* ấy. Người thứ hai là kẻ sai bảo để cho người khác thực hiện. Người thứ ba chính là kẻ ra tay sát thủ. Và người thứ tư là kẻ chẳng có biểu thị ra theo lộ *Thân Môn* hoặc lộ *Ngữ Môn*, tuy nhiên trong thâm tâm lại nghĩ suy hoan hỷ mãn ý ở trong việc *Sát Mạng* ấy. Nếu giả như loài Hữu Tình tử vong, thì kẻ đã đề cập đến và trình bày sự lợi ích, hoặc kẻ đã sai bảo để cho người khác thực hiện; với cả ba hạng Người này coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, vì đã hội đủ cả năm Chi Pháp. Còn với kẻ chỉ có nghĩ suy hoan hỷ mãn ý ở trong thâm tâm, thì *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, vì đã không hội đủ Chi Pháp, đã thiếu mất đi Chi *Nỗ Lực*. Ở trong bốn phân loại thuộc *Thâu Đạo Ác Hạnh*, v.v. cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự như nhau.

+ Giải thích ở trong phần Pàli *điều thứ chín, thứ mười, thứ mười một*, chỗ nói rằng “*Tesu paṇātipāto pharusavacā byāpādo ca dosamūlena jāyanti*” v.v. cho đến “*Sesāni cattāripi davīhi mūlehi sambhavanti*”.

Những phần Chánh Tạng Pàli này đã trình bày đến Pháp Chúng làm thành tác nhân từ ở nơi Bất Thiện Nghiệp Lực, tức là trong lời dịch ở phần Pàli của điều thứ chín, chỗ nói rằng “*Sát Mạng, Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận, cả ba điều này sinh khởi là do bởi Tâm căn Sân làm tác nhân*” đó là lời dịch đã được kết hợp lại một

cách chung chung. Nếu sẽ được phân tích theo riêng từng mỗi phần, thì sẽ phải dịch là “*Sát Mạng, và Thô Ác Ngữ sinh khởi do bởi nương vào Tâm Sở Sân làm Chủ Căn. Ý Cừu Hận sinh khởi do bởi nương vào Tâm có Tâm Sở Sân.*” Chẳng hạn như vậy, cũng vì Chi Pháp của *Sát Mạng* và *Thô Ác Ngữ* ấy là *Tư Tác Ý* phối hợp với *Tâm Sở Sân*. Như thế, cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực này phối hợp với Căn Sân, tức là Tâm Sở Sân; có nghĩa là cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực mà khởi sinh ở tại đây, là cũng do được đón nhận việc bảo hộ từ ở nơi Tâm Sở Sân đã an trú ở trong nền tảng của *Câu Sanh Duyên (Sahajàtapaccaya)*, *Hỗ Tương Duyên (Añña maññapaccaya)*, *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*. Còn *Tư Tác Ý Sát Mạng* và *Thô Ác Ngữ Tư Tác Ý* là ở Thời Hiện Tại (*Paccuppanna*).

Còn *Ý Cừu Hận* ấy, Chi Pháp ấy là Tâm Sở Sân. Như thế, Tâm Sở Sân mà sẽ phối hợp với *Ý Cừu Hận* thì lại chẳng có; với lý do này, việc sinh khởi của *Ý Cừu Hận* cũng chính là do được đón nhận việc bảo hộ từ ở nơi Tâm căn Sân đã phối hợp với Tâm Sở Sân ấy vậy. Vì thế, Tâm Chủ căn Sân thường hiện hữu ở trong nền tảng của *Câu Sanh Duyên (Sahajàtapaccaya)*, *Hỗ Tương Duyên (Añña maññapaccaya)*, *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*. Tâm Sở Sân đã hình thành *Ý Cừu Hận* là ở Thời Hiện Tại (*Paccuppanna*). Do vậy, một khi trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng “*Dosamùlam - Căn Sân*” thì cần phải trình bày làm hai thể loại như sau:

- “*Doso ca so mùlañcàti = Dosamùlam*”- “*Pháp nào vừa là Sân vừa là Căn, như thế Pháp ấy gọi là Căn Sân*”, tức là Tâm Sở Sân (*Dosa cetasika*). Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của *Sát Mạng* và *Thô Ác Ngữ*.
- “*Doso mùlam yassàti = Dosamùlam*”- “*Với Căn là Sân hiện hữu với Tâm nào, như thế Tâm ấy gọi là Căn Sân*”, tức là Tâm căn Sân. Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của *Ý Cừu Hận*.

+ Trong lời dịch ở phần Pàli với *điều thứ mười*, chỗ nói rằng: “*Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tham Ác, Ý Tà Kiến, cả ba điều này sinh khởi do bởi Tâm căn Tham làm tác nhân*” đó là lời dịch đã được kết hợp lại một cách chung chung. Nếu sẽ được phân tích theo riêng từng mỗi phần, thì sẽ phải dịch là “*Tính Dục Tà Hạnh, và Ý Tà Kiến, cả hai điều này sinh khởi do bởi nương vào Tâm Sở Tham làm Chủ Căn. Ý Tham Ác sinh khởi do bởi nương vào Tâm có Tâm Sở Tham.*” Chẳng hạn như vậy, cũng vì Chi Pháp của *Tính Dục Tà Hạnh* ấy là *Tư Tác Ý* phối hợp với Tâm Sở Tham. Chi Pháp của *Ý Tà Kiến* ấy là *Tà Kiến* phối hợp với Tâm Sở Tham làm Chủ Căn. Như thế, cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực này phối hợp với Căn Tham, tức là Tâm Sở Tham; có nghĩa là cả hai Bất Thiện Nghiệp Lực mà sinh khởi ở tại đây, là cũng do được đón nhận việc bảo hộ từ ở nơi Tâm Sở Tham đã an trú ở trong nền tảng của *Câu Sanh Duyên (Sahajàtapaccaya)*, *Hỗ Tương Duyên (Añnamañña*

*paccaya*), *Y Chí Duyên (Nissayapaccaya)*. Còn *Tư Tác Ý Tính Dục Tà Hạnh* và *Ý Tà Kiến* là ở Thời Hiện Tại (*Paccuppanna*).

Còn *Ý Tham Ác* ấy, *Chi Pháp* ấy là *Tâm Sở Tham*. Như thế, *Tâm Sở Tham* mà sẽ phối hợp với *Ý Tham Ác* thì lại chẳng có; với lý do này, việc sinh khởi của *Ý Tham Ác* cũng chính là do được đón nhận việc bảo hộ từ ở nơi *Tâm căn Tham* đã phối hợp với *Tâm Sở Tham* ấy vậy. Vì thế, *Tâm Chủ căn Tham* thường an trú ở trong nền tảng của *Câu Sanh Duyên (Sahajàtapaccaya)*, *Hỗ Tương Duyên (Añña maññapaccaya)*, *Y Chí Duyên (Nissayapaccaya)*. *Tâm Sở Tham* đã hình thành *Ý Tham Ác* là ở Thời Hiện Tại (*Paccuppanna*). Do vậy, một khi trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng “*Lobhamùlam - Căn Tham*” thì cần phải trình bày làm hai thể loại như sau:

- “*Lobho ca so mùlañcàti = Lobhamùlam*”- “*Pháp nào vừa là Tham vừa là Căn, như thế Pháp ấy gọi là Căn Tham*”, tức là *Tâm Sở Tham (Lobha cetasika)*. Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của *Tính Dục Tà Hạnh* và *Ý Tà Kiến*.
- “*Lobho mùlam yassàti = Lobhamùlam*”- “*Với Căn là Tham hiện hữu với Tâm nào, như thế Tâm ấy gọi là Căn Tham*”, tức là *Tâm căn Tham*. Câu Chú Giải này lập ý ở trong khía cạnh xuất sinh xứ của *Ý Tham Ác*.

+ Việc miêu tả nội dung theo phần Pàli ở các *điều thứ chín, thứ mười*, như đã được đề cập ở tại đây, là việc miêu tả theo bộ *Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (Paramatthadīpanīṭkā)*. Thế nhưng một khi đã thâm thị ở trong từ ngữ nói rằng “*Dosamùlena jàyanti lobhamùlena jàyanti*”- thì sẽ chỉ được dịch là “*thường sinh khởi do nương vào Căn Sân, thường sinh khởi do nương vào Căn Tham cũng được.*” Vì rằng, trước khi *Ý Cừu Hận* sẽ sinh khởi, ắt hẳn phải có *Tư Tiên* khởi sinh lên trước. Ở trong *Tư Tiên (Pubbacetanà)* ấy, đã có *Tâm Sở Sân* cùng phối hợp. Rằng khi theo khía cạnh *Tâm Sở Sân* đã hiện hữu ở trong *Tư Tiên*, thì cũng nói được rằng “*Ý Cừu Hận sinh khởi do nương vào Căn Sân, cũng tương tự với việc sinh khởi của Sát Mạng và Thô Ác Ngữ vậy.*” Ở trong chỗ này, *Sân* hiện hữu ở trong *Tư Tiên* là *Thường Cận Ý Năng Duyên (Pakatùnissayapaccaya)*. *Ý Cừu Hận* được hình thành do bởi *Căn Sân*, đã sinh khởi ở về sau, là *Thường Cận Ý Sở Duyên (Pakatùnissayapaccayuppanna)*. Còn *Năng Duyên* và *Sở Duyên* giữa *Tâm Sở Sân* với *Sát Mạng*, và *Thô Ác Ngữ* ấy, thì cũng nên hiểu biết theo như phần đã có được đề cập đến rồi vậy.

Hoặc trước lúc *Ý Tham Ác* sẽ sinh khởi, thì thường có *Tư Tiên* phối hợp với *Tâm Sở Tham* sinh khởi lên trước. Rằng khi theo khía cạnh *Tâm Sở Tham* hiện hữu ở trong *Tư Tiên*, thì cũng nói được rằng “*Ý Tham Ác sinh khởi do nương vào Căn Tham, cũng tương tự với việc sinh khởi của Tính Dục Tà Hạnh và Ý Tà Kiến.*” Ở trong chỗ này, *Tham* hiện hữu ở trong *Tư Tiên* là *Thường Cận Ý Năng Duyên*. *Ý*

*Tham Ác* được hình thành do bởi Căn Tham, đã sinh khởi ở về sau, là *Thường Cận Y Sở Duyên*. Còn Năng Duyên và Sở Duyên giữa Tâm Sở Tham với *Tính Dục Tà Hạnh* và *Ý Tà Kiến* ấy, thì cũng nên hiểu biết theo như phần đã có được đề cập đến rồi vậy.

+ Việc miêu tả nội dung ý nghĩa về việc *Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhàna)* của *Ý Tham Ác* và *Ý Cừu Hận*, như đã được đề cập ở tại đây, là việc miêu tả theo bộ *Phụ Chú Giải Ngôn Từ (Bhāsāṭṭkā)*. Trong lời dịch ở phần Pàli với *điều thứ mười một*, chỗ nói rằng: “*Tứ Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại; ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ; những thể loại này, đôi khi sinh khởi do nương vào Tham làm xuất sinh xứ, và cũng có đôi khi sinh khởi do nương vào Sân làm xuất sinh xứ; do vậy mới nói được rằng “sinh khởi do nương vào cả hai loại Căn, đó là Tham và Sân.”*”

Tiếp theo đây, sẽ giải thích một cách đầy đủ ở trong việc sinh khởi của *Tứ Bất Thiện Nghiệp Đạo* do nương vào Tham và Sân làm xuất sinh xứ, như sau:

1. Do nương vào *Tham* làm xuất sinh xứ mà *Thâu Đạo* sinh khởi, chẳng như là người trộm lấy tài sản của cải của người khác với sự mãn ý dục đặc đặng làm lợi ích cho riêng mình; hoặc đặng làm lợi ích cho gia quyến, bằng hữu, con cháu, chồng vợ, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng *Thâu Đạo* ấy, do nương vào *Tham* làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.
2. Do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà *Thâu Đạo* sinh khởi, chẳng hạn như người trộm lấy tài sản của cải của người khác mà chẳng có sự mãn ý dục đặc, mà đó chỉ là việc cố ý làm tình làm tội cho người ấy phải đón nhận sự đau khổ; hoặc để cho phát sanh lên việc kình cãi bất hòa lẫn nhau; hoặc để cho việc trả hận rửa thù giữa mình với người ấy đã có sự bất duyệt ý. Như vậy, sẽ nói được rằng *Thâu Đạo* ấy, do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.
3. Do nương vào *Tham* làm xuất sinh xứ mà *Vọng Ngữ* sinh khởi, chẳng hạn như kẻ làm thuê mướn cho việc làm nhân chứng gian dối ở trước tòa, để được thưởng tiền thù lao, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng *Vọng Ngữ* ấy, do nương vào *Tham* làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.
4. Do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà *Vọng Ngữ* sinh khởi, chẳng hạn như kẻ nói ra sự bất chính để đặt điều vu khống, hoặc bịa chuyện bôi nhọ, để cho phía bên kia phải bị đón nhận sự thiệt hại hoặc sự đau khổ, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng *Vọng Ngữ* ấy, do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.
5. Do nương vào *Tham* làm xuất sinh xứ mà *Ly Gián Ngữ* sinh khởi, chẳng hạn như kẻ nói lời độc thúc, xúi xiểm để cho người ta sinh lòng lân ái với mình.



Như vậy, sẽ nói được rằng Ly Giác Ngữ ấy, do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

6. Do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà *Ly Giác Ngữ* sinh khởi, chẳng hạn như kẻ nói lời đốc thúc, xúi xiểm để cho người ta phải chia rẽ lẫn nhau. Như vậy, sẽ nói được rằng Ly Giác Ngữ ấy, do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.
7. Do nương vào *Tham* làm xuất sinh xứ mà *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* sinh khởi, chẳng hạn như người nói ra hoặc viết ra câu chuyện tuồng tích tầm sàm nhằm nhí, chẳng thiết thực lợi ích, khôi hài đùa cợt, để được thưởng tiền thù lao; hoặc người có tính khí nói ra hoặc viết ra những câu chuyện tuồng tích chẳng có thật, để vui chơi, v.v. Như vậy, sẽ nói được rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, do nương vào Tham làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.
8. Do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* sinh khởi, chẳng hạn như người nói ra hoặc viết ra câu chuyện tuồng tích hồng mưu tính sẽ làm cho phía bên kia phải đón nhận sự thiệt hại; với câu chuyện ấy tầm sàm nhằm nhí, vô bổ vô ích. Như vậy, sẽ nói được rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, do nương vào *Sân* làm xuất sinh xứ mà sinh khởi.

Đôi với việc sinh khởi của *Bất Thiện Nghiệp Đạo*, lại chẳng có lấy Si làm xuất sinh xứ đưa lên để trình bày theo phần riêng biệt, là cũng do Si ở đây thuộc *Bất Thiện Biến Hành (Akusalasàdhàraṇa)*, nghĩa là phổ cập hiện hữu ở trong mọi tác hành bất thiện, vì thế bất luận một *Bất Thiện Nghiệp Đạo* nào có sinh khởi đi nữa, thì luôn có Si làm xuất sinh xứ hiện hữu sẵn ở trong bản thể Pháp ấy rồi.

**Rằng Thế Theo Phần Chi Pháp, Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo  
Đã Được Phân Ra Làm Năm Thế Loại, v.v. đó là:**

*Dhammato ceva koṭṭhàsa*  
*Mùlato pañcàkàlehi*

*Àrammaṇa ca vedanà*  
*Veditabbo vinicchayo*

“Nên hiểu biết việc phân tích ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo đã được dựa theo năm thế loại, đó là:

- 1/ Rằng theo Chi Pháp (*Aṅgadhamma*),
- 2/ Rằng theo Bộ Phần (*Koṭṭhàsa*),
- 3/ Rằng theo Cảnh (*Àrammaṇa*),
- 4/ Rằng theo Thọ (*Vedanà*),
- 5/ Rằng theo Căn (*Mùla*).”

Tiếp theo đây, sẽ giải thích rộng rãi trong từng mỗi phần, như sau:

1. **Chi Pháp (Aṅgadhama):** Rằng theo Chi Pháp, tức là Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita) và Tứ Ngũ Ác Hạnh (Vacīduccarita). Kết hợp lại có được bảy thể loại, và Chi Pháp ấy là Tư Tác Ý Tâm Sở (Cetanācetasika). Chi Pháp của Tam Ý Ác Hạnh (Manoduccarita) ấy là Tâm Sở (Cetasika) câu sinh với Tư Tác Ý Tâm Sở.
2. **Bộ Phận (Kotṭhāsa):** Rằng theo Bộ Phận, tức là Tam Thân Ác Hạnh, Tứ Ngũ Ác Hạnh và Một Ý Tà Kiến. Cả tám thể loại này, đều gọi là Nghiệp Đạo (Kammāpatha), và không gọi là Căn Gốc (Mūla). Cả hai thể loại, Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận này, gọi là Nghiệp Đạo và gọi là Căn Gốc.
3. **Cảnh (Ārammaṇa):** Rằng theo Cảnh, tức là Sát Mạng, Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến, cả ba thể loại này sinh khởi bởi do có Pháp Hữu Vi (Saṅkhāra dhamma – Pháp Hành) làm Cảnh. [Một vài Chú Giải Sư đã nói rằng Tính Dục Tà Hạnh này sinh khởi do có Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti) làm Cảnh. Thô Ác Ngũ, Ý Cừu Hận, cả hai thể loại này sinh khởi do có Hữu Tình Chế Định làm Cảnh. Năm Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngũ, Ly Gián Ngũ, Hồ Ngôn Loạn Ngũ và Ý Tham Ác, những thể loại này sinh khởi do có Pháp Hữu Vi và Hữu Tình Chế Định làm Cảnh.]
4. **Thọ (Vedanā):** Rằng theo Thọ, tức là Sát Mạng, Thô Ác Ngũ, Ý Cừu Hận, cả ba thể loại này câu sanh với Khổ Thọ (Dukkavedanā). Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tham Ác, Ý Tà Kiến, cả ba thể loại này câu sanh với Lạc Thọ (Sukhavedanā) cũng có, hoặc với Xả Thọ (Upekkhavedanā) cũng có. Bốn Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là Thâu Đạo, Vọng Ngũ, Ly Gián Ngũ, Hồ Ngôn Loạn Ngũ, những thể loại này câu sanh với Lạc Thọ cũng có, Khổ Thọ cũng có, và Xả Thọ cũng có.
5. **Căn Gốc (Mūla):** Rằng theo Căn Gốc, tức là Sát Mạng, Thô Ác Ngũ, cả hai thể loại này có Sân và Si làm Căn Gốc. Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến, cả hai thể loại này có Tham và Si làm Căn Gốc. Thâu Đạo, Vọng Ngũ, Ly Gián Ngũ, Hồ Ngôn Loạn Ngũ, cả bốn thể loại này, đôi khi có Tham và Si làm Căn Gốc; đôi khi có Sân và Si làm Căn Gốc. Ý Tham Ác và Ý Cừu Hận, cả hai thể loại này chỉ có duy nhất Si làm Căn Gốc. Việc trình bày phân tích theo Căn Gốc như đã vừa đề cập tại đây, là việc trình bày theo Phần Biến Hành (Sādhāraṇanaya) đã được đề cập đến để ở trong bộ Chú Giải Aṭṭhasālini.

Đôi với việc trình bày Căn Gốc của Bất Thiện Nghiệp Đạo, chỗ đã được trình bày để ở trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatṭha Saṅgaha) “*Tesaṃ paṇātipāto pharusavàcā byāpādo ca dosamūlena jāyanti*” v.v. là việc trình bày theo Phần Bất Biến Hành (Asādhāraṇanaya), nghĩa là trình bày chẳng có trộn lẫn nhau.



+ Giải thích ở trong phần Pàli với *điều thứ mười hai*, chỗ nói rằng: **“Cittuppàdavasena panetaṃ akusalam sabbathàpi dvàdasavidhaṃ hoti”**- “*Bất Thiện Nghiệp Lực này, một khi theo mãnh lực từ ở nơi việc sinh khởi của Tâm, cho dù với bất luận trường hợp nào đi nữa, thì cũng thường luôn có 12.*”

Giải thích rằng, trong phần Pàli ở điều này đã có trình bày đến việc sinh khởi của Tâm mà có liên quan với Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo và ở trong việc tạo tác các điều Ác Hạnh của tất cả mọi con người; và trong từng mỗi con người đã có được phân ra làm ba thể loại tạo tác, đó là:

- Đôi khi đã thực hiện theo *lộ Thân Môn*, gọi là *Thân Hành Bất Thiện*, đã làm cho tha nhân và tự bản thân phải bị đón nhận sự đau khổ.
- Đôi khi đã thực hiện theo *lộ Ngữ Môn*, gọi là *Ngữ Hành Bất Thiện*, đã làm cho tha nhân và tự bản thân phải bị đón nhận sự thiệt hại và đau khổ.
- Đôi khi đã thực hiện theo *lộ Ý Môn*, gọi là *Ý Hành Bất Thiện*, đã làm cho tự bản thân phải đón nhận sự thiệt hại và đau khổ.

Và nếu như được phân theo thể loại từ ở nơi các hành động tạo tác ấy, thì có được mười thể loại, đó là: ba thể loại về Thân Hành Bất Thiện, bốn thể loại về Ngữ Hành Bất Thiện và ba thể loại về Ý Hành Bất Thiện. Và nếu tính một cách đầy đủ, thì có đến 30 hoặc 40, như đã có được đề cập đến ở phía trên. Những thể loại này là việc trình bày số lượng Ác Hạnh mà nói theo *Thành Ngữ Dân Gian (Vohàra)* đã hiện hành ở trong thế gian. Tuy nhiên những thể loại Ác Hạnh này, nếu nói theo *Thực Tính Siêu Lý (Sabhàvaparamattha)*, thì Pháp hình thành tác nhân cho các Ác Hạnh ấy được sinh khởi, đó chỉ là 12 cái Tâm ngàn ấy thôi. Có nghĩa là:

- Tám cái Tâm có Tham làm chủ vị, gọi là Tâm căn Tham.
- Hai cái Tâm có Sân làm chủ vị, gọi là Tâm căn Sân.
- Hai cái Tâm có Si làm chủ vị, gọi là Tâm căn Si.

Kết hợp lại thành 12 cái Tâm Bất Thiện cùng phối hợp với 27 Tâm Sở, gọi là *Tâm Khởi Sinh Bất Thiện (Akusalacittuppàda)*, đã làm thành Chi Pháp ở trong những hành động tạo tác Bất Thiện của tất cả loài Hữu Tình, và cho dù bất luận một thể loại Bất Thiện nào đi nữa, cũng sẽ chẳng thoát ra khỏi 12 cái *Tâm Khởi Sinh Bất Thiện* này, như đã vừa miêu tả ở tại đây.

***Kết Thúc Việc Giải Thích Ở Trong Phần Bất Thiện Nghiệp Lực***

-----00000-----

+ Giải thích ở trong phần Pàli với **điều thứ mười ba**, chỗ nói rằng “**Kàma vacarakusalampi v.v. tividham hoti**”.

Từ ngữ “**Api** – Như vậy, còn nữa” ở trong câu nói rằng “**Kàma vacara kusalampi**” đây là **Tập Hợp Bất Phân Từ (Vuttasamuccayanipàta)**, nghĩa là câu tập hợp để sẽ cho được biết là “**Ý nghĩa đã được trình bày và đang được trình bày cũng là một như nhau.**” Việc tập hợp nội dung để sẽ cho được biết qua việc sử dụng từ ngữ “**Api**” ấy, có nghĩa là “**chẳng phải chỉ có duy nhất với ba thể loại Bất Thiện Nghiệp Lực, mà ngay cả cũng vẫn có ba thể loại Dục Giới Thiện tương tự như nhau.**”

### Trình Bày Thập Dục Giới Thiện Nghiệp Lực

+ **Tam Thân Hành Nghiệp Lực**, ấy là:

- **Sát Mạng Kiểm Chế (Pàṇātipātavirati)**: Tự kiểm chế việc sát mạng.
- **Thâu Đạo Kiểm Chế (Adinnādānavirati)**: Tự kiểm chế việc trộm cắp.
- **Tính Dục Tà Hạnh Kiểm Chế (Kāmesumicchācāravirati)**: Tự kiểm chế việc tà dâm.

+ **Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực**, ấy là:

- **Vọng Ngữ Kiểm Chế (Musāvādavirati)**: Tự kiểm chế nói lời giả dối.
- **Ly Gián Ngữ Kiểm Chế (Pisunāvācāvirati)**: Tự kiểm chế nói lời xúi xiểm.
- **Thô Ác Ngữ Kiểm Chế (Pharusavācāvirati)**: Tự kiểm chế nói lời thô tục xấu ác.
- **Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpavirati)**: Tự kiểm chế nói lời tầm sàm, nhằm nhí vô ích.

+ **Tam Ý Hành Nghiệp Lực**, ấy là:

- **Ý Bất Tham Ác (Anabhijjhā)**: Có việc lưu tâm kiểm ý để kiểm chế không cho khởi sinh Ý Tham Ác.
- **Ý Bất Cừu Hận (Abyāpāda)**: Có việc lưu tâm kiểm ý để kiểm chế không cho khởi sinh Ý Cừu Hận.
- **Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi)**: Có sự nhìn thấy chân chánh.

Mười điều **Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kàma vacarakusalakamma)** như đã vừa đề cập đến ở tại đây, gọi là **Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammāpatha)**, hoặc cũng còn được gọi là **Thập Thiện Hạnh (Sucarita)**. Những **Thập Thiện Hạnh** này, khi được tính một cách đầy đủ thì cũng có 30 hoặc 40 điều. Có 30 điều, nghĩa là từng mỗi hành động tạo tác về **Thiện Hạnh** ấy, sẽ phải được phối hợp với cả **Tam Tư Tác Ý (Cetanā)**, ấy là:

1. *Tư Tiên (Pubbacetanà)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh trước việc tạo tác.
2. *Tư Hiện (Muñcacetanà)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.
3. *Tư Hậu (Aparacetanà)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, mười điều *Thiện Hạnh* được phối hợp với cả *Tam Tư Tác Ý*, mới thành 30 điều.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều *Thiện Hạnh*, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. *Tự Chế Thủ Công Thiện Hạnh (Sàhatthakasucarita)*: Tự bản thân thực hiện.
2. *Mệnh Lệnh Thiện Hạnh (Àṇattikasucarita)*: Sai bảo để cho người khác thực hiện.
3. *Năng Lực Biểu Thị Thiện Hạnh (Vaṇṇabhàsanasucarita)*: Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những *Thiện Hạnh* ấy.
4. *Lạc Sự Thiện Hạnh (Samanuñṇāsucarita)*: Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những *Thiện Hạnh* ấy.

### Trình Bày Chi Pháp Của Thập Dục Giới Thiện Nghiệp Lực

- *Tam Thân Hành Nghiệp Lực* hoặc *Tam Thân Thiện Hạnh* có được Chi Pháp là: *Tâm Sở Chánh Nghiệp (Sammakammantacetāsika)* và *Tâm Sở Chánh Mạng (Sammajīvacetasika)*.
- *Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực* hoặc *Tứ Ngữ Thiện Hạnh* có được Chi Pháp là: *Tâm Sở Chánh Ngữ (Sammavācācetasika)* và *Tâm Sở Chánh Mạng*.
- *Tam Ý Hành Nghiệp Lực* hoặc *Tam Ý Thiện Hạnh* có được Chi Pháp là: với *Ý Bất Tham Ác* thì có Chi Pháp là *Tâm Sở Vô Tham*; với *Ý Bất Cừu Hận* thì có Chi Pháp là *Tâm Sở Vô Sân*; với *Chánh Kiến* thì có Chi Pháp là *Tâm Sở Tuệ Quyền*.

### Trình Bày Nguyên Nhân Trong Việc Định Danh Gọi Là Thân Hành Nghiệp Lực Và Ngữ Hành Nghiệp Lực

Cả *Tam Nghiệp Lực* gồm có *Sát Mạng Kiểm Chế*, v.v. với chỗ đã được gọi là *Tam Thân Hành Nghiệp Lực*; và có *Vọng Ngữ Kiểm Chế*, v.v. với chỗ đã được gọi là *Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực*; thì với những thể loại này thường có sự khác biệt với nhau *chỉ về tên gọi* của *Tam Thân Ác Hạnh* và tên gọi của *Tứ Ngữ Ác Hạnh*.

Có nghĩa là *Ác Hạnh (Duccarita)* với chỗ đã được gọi *Thân Hành Nghiệp Lực* cũng do hầu hết là sinh ở *lộ Thân Môn*; *Ác Hạnh* với chỗ đã được gọi *Ngũ Hành Nghiệp Lực* cũng do hầu hết là sinh ở *lộ Ngũ Môn*. Đối với *Thiện Nghiệp Lực*, với chỗ đã được gọi là *Tam Thân Hành Nghiệp Lực* và *Tứ Ngũ Hành Nghiệp Lực*; thì với những thể loại này hầu hết là thường sinh ở *lộ Ý Môn*. Còn với *lộ Thân Môn* và *lộ Ngũ Môn* thì hầu như là không có liên hệ gì nhiều lắm, chẳng qua là chỉ chủ tâm lo nghĩ suy để thoát khổ về *Tam Thân Ác Hạnh*, *Tứ Ngũ Ác Hạnh*, và chỉ có sanh khởi duy nhất từ ở nơi *Tư Tác Ý Tâm Sở* ngăn ấy thôi; nên cũng được gọi là *Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusalakàyakamma)*, *Tứ Ngũ Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusalavacikamma)*. Chính vì lý do này, *Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực* và *Tứ Ngũ Hành Thiện Nghiệp Lực* này mới được gọi là ***Bất Duy Tác Xuất Sinh Xứ (Akiriyasamuṭṭhàna)*** nghĩa là *Thiện Nghiệp Lực* mà sinh khởi ở *lộ Ý Môn* thì chẳng phải nương vào *lộ Thân Môn*, *Ngũ Môn* làm xuất sinh xứ.

Một khi đã là như vậy, thì sẽ có khởi lên lời vấn hỏi rằng “*Như thế, Tam Thân Hành Nghiệp Lực, Tứ Ngũ Hành Nghiệp Lực này, cũng chẳng có việc sanh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri hay sao?*” Điều này đã được giải đáp rằng “*Chẳng phải là như thế, cũng vẫn có việc sanh khởi liên hệ với Thân Biểu Tri, và Ngũ Biểu Tri; thế nhưng sự việc ấy cũng chẳng thường xuyên.*”

- ***Sát Mạng Kiểm Chế (Paṇātipātavirati)***: Người thực hiện việc chế biến thực phẩm và thỉnh thoảng tự bản thân cũng làm việc xả thí. Trong sát na bắt đầu để chế biến thực phẩm, và ngay khi đã cầm con cá lên để sẽ làm; thì phát hiện ra cá kia vẫn còn sinh mạng, và không thể làm được, mới liền đem bỏ xuống nước trở lại. Hoặc như tích truyện của nữ nhân ***Sujàtā***, khi ấy với tiền thân đã là nàng cò trắng đang nguyện thọ trì Ngũ Giới, và ngay trong sát na mổ cá lên để sẽ ăn, thì được nhìn thấy cá kia vẫn còn sinh mạng, nên liền đem cá ấy bỏ xuống nước trở lại. Sự việc này đã được gọi là ***Sát Mạng Kiểm Chế*** sanh khởi liên hệ với *Thân Biểu Tri*.
- ***Thâu Đạo Kiểm Chế (Adinnàḍānavirati)***: Người nô dịch với sự thân cận mật thiết, đã trông thấy kim cương và đá quý của chủ nhân mình đeo đã bị rớt xuống mà không hay biết. Khi bản thân đã nhặt lên thì cũng chẳng lấy, và đã đem trao trả lại cho chủ nhân như lúc ban đầu. Sự việc này đã được gọi là ***Thâu Đạo Kiểm Chế*** sanh khởi liên hệ với *Thân Biểu Tri*.
- ***Tính Dục Tà Hạnh Kiểm Chế (Kāmesumicchàcāravirati)***: Nữ nhân đã đón nhận lễ đính hôn với nam nhân ấy rồi, và khi nam nhân đã có sự quen thân hơn khi trước, thế mà mỗi khi đi đến thăm nom, cũng chẳng có việc cư xử buông thả chiều chuộng với nam nhân ấy; mà chỉ thực hiện việc đón chào một cách thông thường nương theo cô tục của người đã từng rõ biết. Sự việc này đã được gọi là ***Tính Dục Tà Hạnh Kiểm Chế*** sanh khởi liên hệ với *Thân Biểu Tri*.

*Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực* gồm có *Sát Mạng Kiểm Chế*, v.v. sanh khởi liên hệ với *Thân Biểu Tri* như đã vừa đề cập tại đây, và Chi Pháp ấy là *Tâm Sở Chánh Nghiệp* hoặc *Tâm Sở Chánh Mạng* tùy theo thích hợp.

+ *Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực*: Người thường luôn ưa thích nói lời giả dối; hoặc ưa thích nói lời xúi xiểm đố kỵ; hoặc mắng nhiếc người khác với những lời thô tục ác ngữ; hoặc nói những lời lông bông, tâm sàm nhằm nhí. Một khi đã được đón nhận sự giáo dục, rèn luyện và đào tạo ở trong nền tảng của *Pháp Luật (Dhammavinaya)* một cách tinh hảo, thế rồi đã chấm dứt đi nói lời giả dối, v.v. mà bản thân đã từng nói ở trước kia. Sự việc này đã được gọi là *Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực* gồm có *Vọng Ngữ Kiểm Chế* v.v. sanh khởi liên hệ với *Ngữ Biểu Tri*. Chi Pháp ấy là *Tâm Sở Chánh Ngữ* hoặc *Tâm Sở Chánh Mạng*.

Tóm lại, *Thiện Nghiệp Lực* với chỗ đã được gọi là *Tam Thân Hành Thiện Nghiệp Lực*, *Tứ Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực* như đã vừa đề cập đến ở tại đây, chỉ sanh khởi duy nhất ở *lộ Ý Môn* cũng được, mà sanh khởi ở *lộ Thân Môn* và *lộ Ngữ Môn* lại cũng được thôi. Như thế sẽ cần nên quán sát cho bằng được từ ở nơi Chi Pháp. Nói rằng, giả như chỉ có duy nhất một Chi Pháp là *Tâm Sở Tư Tác Ý*, thì *Thân Hành Thiện Nghiệp Lực*, *Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực* ấy sanh khởi ở *lộ Ý Môn*. Nếu giả như Chi Pháp được hình thành là *Chánh Ngữ*, *Chánh Nghiệp*, và *Chánh Mạng* thì *Thân Hành Thiện Nghiệp Lực*, *Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực* ấy sanh khởi ở *lộ Thân Môn* và *lộ Ngữ Môn*. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày đề ở trong bộ *Kinh Hạn Định Danh Sắc (Nàmarūpa paricchadapakarāṇa)* nói rằng:

*Tam tam dvàrikamevāhu  
Viramantassa viññatti*

*Tam tam dvàrikapàpato  
Vinà và saha và puna*

Dịch nghĩa là: “Việc kiểm chế *Bất Thiện Ác Hạnh* sanh ở *lộ Thân Môn* và *lộ Ngữ Môn* đây, sẽ chẳng có liên hệ với *Biểu Tri* hoặc có liên hệ với *Biểu Tri* đi nữa; tất cả *Giáo Thọ Sư* đã nói rằng ở cả hai, là *Thân Hành Thiện Nghiệp Lực* và *Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực* trong việc định danh với tên gọi *Thân Hành Nghiệp Lực*, *Ngữ Hành Nghiệp Lực* và *Ý Hành Nghiệp Lực*, đã có hai “*Phương Thức Hành Xử*” (*Nayopāya* – *Sách Lược*) trong việc tác hành *Thiện Nghiệp Lực* ấy.”

\* *Điều Sách Lược (Nayopāya) thứ nhất*: Trong *Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyavatthu)* gồm có *Xả Thí*, v.v. nếu giả như đã thành tựu với việc hoạt động ở *lộ Thân Môn*, thì những *Phúc Hành Tông* ấy được gọi là *Thân Hành Thiện Nghiệp Lực*. Giả như đã thành tựu với việc hoạt động ở *lộ Ngữ Môn*, thì được gọi là *Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực*. Và nếu giả như chẳng có liên hệ với việc hoạt động bất luận ở thể loại nào, mà chỉ có việc an trú tâm sẽ *Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadhāna)*, *Thọ Trì Giới Luật (Rakkhasīla)*, *Tiến Hóa Tu Tập (Bhāvanā)*,



thì được gọi là *Ý Hành Thiện Nghiệp Lực*. Như thế, theo điều “*sách lược*” thứ nhất, thì Thập Phúc Hành Tông mới có được số lượng 30 điều, đó là:

+ *Thân Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Kàyakammadàna)*, với việc cúng dường xả thí do chính bàn tay của mình;

+ *Ngữ Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Vacikammadàna)*, trong sát na đang hô hào với lời nói cúng dường xả thí, hoặc ở trong việc chuẩn bị sắp bày đã bảo người ta đem tới những vật này vật nọ để cúng dường xả thí;

+ *Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Manokammadàna)*, với việc chủ tâm cúng dường xả thí.

+ *Thân Hành Trì Giới Nghiệp Lực (Kàyakammasìla)*, với việc kiềm chế thân thể;

+ *Ngữ Hành Trì Giới Nghiệp Lực (Vacikammasìla)*, với việc kiềm chế ngôn từ, hoặc ở trong sát na đang thốt ra lời nguyện thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới;

+ *Ý Hành Trì Giới Nghiệp Lực (Manokammasìla)*, với việc kiềm chế tư duy, hoặc với việc trú tâm nương theo các “*điều học giới luật*” (*Sikkhapàda*) nghĩ suy đến việc thọ nguyện kiêng cử.

+ *Thân Hành Tu Tập Nghiệp Lực (Kàyakammabhàvanà)*, với việc tĩnh tọa lắng nghe thuyết giảng, hoặc với việc đi, đứng, ngồi, nằm ở trong sát na thực hành tiến tu *An Chỉ (Samatha)* và *Minh Sát (Vipassanà)*,

+ *Ngữ Hành Tu Tập Nghiệp Lực (Vacikammabhàvanà)*, ở trong sát na đang tụng đọc các kinh điển *Pháp Luật (Dhammavinaya)*, hoặc ở trong sát na tọa thiền dùng miệng lời để trì niệm trong việc tiến tu *An Chỉ* và *Minh Sát*.

+ *Ý Hành Tu Tập Nghiệp Lực (Manokammabhàvanà)*: với việc an trú tâm thức trong chánh niệm và tỉnh giác, thâm sát đối tượng trong việc tiến tu *An Chỉ* và *Minh Sát*.

*Cung Kính Phúc Hành Tông (Apacàyamaya)*, v.v. cho đến *Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông (Diṭṭhujukamma)*, trong từng mỗi điều cũng có ba thể loại tương tự như nhau.

\* *Điều Sách Lược (Nayopàya) thứ hai*: Theo lẽ thông thường ở tất cả mọi người, có người thì có Thân, Lời, Ý thanh tịnh, hoặc bất tịnh hiện hữu ở trong việc tự cản phòng. Nếu giả như chẳng có việc tự cản phòng, thì Thân Lời Ý sẽ chẳng thể nào thanh tịnh được; và như thế ở bất luận thời gian nào, Thân Lời Ý chẳng có thanh tịnh thời lúc bấy giờ Ấc Hạnh sanh khởi. Tự tỉnh giác truy niệm rằng *Thân Thu Thúc (Kàyasaṃvara)*, *Ngữ Thu Thúc (Vacisaṃvara)*, *Ý Thu Thúc (Manosaṃvara)* của mình mà có bị mất đi, thì phải tự cố nỗ lực gầy dựng mới trở



lại, ngũ hầu giữ cho Tâm ở phần Thiện được tiếp tục sanh khởi, cùng với những *Thiện Dục Giới (Kàmàvacarakusala)*, luôn cả những *Thiện Đáo Đại (Mahaggata kusala)*, và những *Thiện Siêu Thế (Lokuttarakusala)*; và cũng để diệt trừ những Bất Thiện Ác Hạnh đã từng sanh khởi lên rồi. Trong khoảng thời gian an trú tâm để thực hiện bất luận một Thiện Nghiệp Lực nào, và lúc bấy giờ, giả như có việc tự cản phòng ở *lộ Thân Môn* một cách đặc thù, thế thì Thiện Nghiệp Lực sanh khởi được gọi là *Thân Hành Thiện Nghiệp Lực* hoặc *Thân Thiện Hạnh*. Và nếu giả như có việc tự cản phòng ở *lộ Ngữ Môn* một cách đặc thù, thế cũng được gọi là *Ngữ Hành Thiện Nghiệp Lực* hoặc *Ngữ Thiện Hạnh*. Còn việc tác hành các Thiện Nghiệp Lực khác, ngoài trừ ra việc tự cản phòng ở *lộ Thân Môn* và *lộ Ngữ Môn* một cách đặc thù, thì những Thiện Nghiệp Lực này sanh khởi ở *lộ Thân Môn* cũng có, ở *lộ Ngữ Môn* cũng có, và cũng có ở *lộ Ý Môn*. Thế nhưng cho dù cái chi đi nữa, việc tác hành những Thiện Nghiệp Lực này chỉ toàn là việc tự cản phòng ở *lộ Ý Môn*, để tẩy uế tâm thức cho được hoàn toàn thanh tịnh. Như thế, việc tác hành những Thiện Nghiệp Lực, gồm có *Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập*, v.v. sanh khởi ở *lộ Thân Môn* đi nữa, hoặc ở *lộ Ngữ Môn* đi nữa, hoặc ở *lộ Ý Môn* đi nữa, mà chẳng có liên hệ với *Thân Thu Thúc, Ngữ Thu Thúc*, thì những Thiện Nghiệp Lực ấy cũng vẫn được gọi là *Ý Hành Thiện Nghiệp Lực* hoặc *Ý Thiện Hạnh* cũng đồng tương tự với nhau.

Việc định danh với tên gọi *Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực*, và *Ý Hành Nghiệp Lực* ở trong việc tác hành Thiện Nghiệp Lực nương theo cả hai điều “sách lược” này, thì ở điều thứ hai quả là điều “sách lược” vô cùng trọng yếu ở trong Phật Giáo, và ăn khớp với kỳ vọng của Đức Phật. Tất cả cũng vì, việc tác hành các Thiện Nghiệp Lực ở trong Phật Giáo đây, sẽ chẳng phải chỉ là *Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập* không thôi; hoặc bất luận *Thiện Dục Giới, Thiện Đáo Đại, Thiện Siêu Thế* nào đi nữa, cũng chỉ có một sở cầu sở nguyện duy nhất là sẽ làm sao cho tâm thức phải được xa lìa dứt khỏi Bất Thiện Nghiệp Lực ngàn ấy mà thôi. Vì thế, điều “sách lược” thứ hai mới sắp làm thành nên tảng vô cùng trọng yếu ở trong Phật Giáo vậy.

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ mười bốn, chỗ nói rằng “Tathà dānasilabhàvanāvasena”.*

Theo phần Pàli ở điều này đã trình bày cho được biết rằng *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực*, rằng theo *Nghiệp Môn (Kammadvāra)* thì có được ba thể loại, mà đã gọi là *Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammaṭṭha)*. Rằng khi theo phân loại của hành động tạo tác thì cũng có ba thể loại, đó là:

1/ Việc phóng khí xả thí của cái vật chất, thì gọi là *Xả Thí Thiện (Dāna kusala)*.

2/ Việc gìn giữ về Thân, về Lời cho nghiêm ngặt, thì gọi là *Trì Giới Thiện (Sīlakusala)*.

3/ Việc tu tập Tâm Thức cho có *Định (Samādhi)*, có *Tuệ (Pañña)*, thì gọi là *Tu Tập Thiện (Bhàvanàkusala)*.

Lại nữa, việc trình bày *Dục Giới Thiện (Kàmvacarakusala)* làm thành tựu *Thiện Nghiệp Đạo* ấy, chỉ là trình bày ở phần *Thập Thiện Hạnh (Sucarita)* gồm có *Sát Mạng Kiểm Chế (Pàṇātipātavirati)* v.v. Việc trình bày chỉ bằng đây thì vẫn chưa có đủ, vì lẽ vẫn còn có các *Dục Giới Thiện* khác nữa, như có việc *Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadhāna)*, *Thọ Trì Giới Luật (Rakkhasīla)*, *Tiến Hóa Tu Tập (Bhàvanā)* cũng làm thành tựu *Thiện Nghiệp Đạo*. Dựa vào lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới có sự lập ý để sẽ cho được biết đến những loại *Thiện* này, do vậy, mới đề cập tiếp theo là “*Tathā dānasīlabhàvanāvasena*”. Vì thế, *Thập Thiện Nghiệp Đạo* hoặc *Thập Thiện Hạnh* mà đã được đề cập đến ở phần trên, cùng với ba điều *Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập* thì mới có được số lượng là 30 điều.

Một trường hợp khác nữa, loại trừ những *Tâm Đổng Lực Thiện Dục Giới (Kàmvacarakusalajavana)* sanh ở lộ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân ( *Pañcadvāra vithi – Lộ Trình Ngũ Môn*) ở trong sát na cận tử (*Marāṇasannavithi – Lộ Trình Cận Tử*), ở trong sát na chiêm bao (*Supīnavithi – Lộ Trình Chiêm Bao*) này ra, thì hết tất cả *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực* ở phần ngoài ra đây, cho dù sẽ hội đủ Chi Pháp, hoặc chẳng hội đủ Chi Pháp đi nữa, tất cả đều làm thành *Nghiệp Đạo (Kammāpatha)* hết cả, để sẽ cho cùng đạt đến *Cõi Thiện Thú (Sugati)* đều nhau cả thảy. Thế nhưng, việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục thì coi như là bất định, vì lẽ *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực* làm thành *Nghiệp Đạo* để cho đạt đến *Cõi Thiện Thú* ấy, sẽ cần phải được đón nhận sự hiệp trợ từ ở nơi *Thiện Nghiệp Lực* trong thời quá khứ, mới sẽ giúp đỡ làm cho có được năng lực trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được. Nếu chẳng là như thế thì cũng chẳng có khả năng để sẽ trở sanh quả báo được. Dù sao đi nữa, những *Pháp Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập* đây, đều làm thành *Đạo Lộ* cho đạt đến *Cõi Thiện Thú* được hết cả. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày tiếp tục nữa, khi nói rằng “*Tathā dānasīlabhàvanāvasena*”- “*Rằng theo phân loại của Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, thì Dục Giới Thiện cũng có được ba thể loại.*”

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ mười lăm, chỗ nói rằng “Cittuppādasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti”.*

Việc thực hiện những công việc với Thân, Lời, Ý một cách tịnh hảo ở mọi trường hợp của dân gian, và đã được các bậc Hiền Triết xác nhận rằng “*đấy là Thiện Sự*”, vì lẽ chẳng có điều chi sai trái với huân từ của bậc Chánh Đăng Giác. Những *Thiện Sự* ấy, đã được tất cả dân gian cư xử tiếp đãi qua lại với nhau liên tục cho đến ở mỗi ngày đây, đều là *Dục Giới Thiện* hết cả thảy. Một khi sẽ miêu tả

những loại thiện sự ấy theo thành ngữ dân gian thì có rất nhiều, vô cùng tận, và không biết cơ man nào để sẽ miêu tả cho hết được. Dù sao đi nữa, những loại thiện sự này, chẳng thể nào hiện hữu ở ngoại vi khỏi của cả hai Pháp Chứng, ấy là Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông, cho dù với bất luận trường hợp nào. Như thế, việc trình bày những thiện sự ở phần Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông đây, là việc nói theo thành ngữ dân gian thuộc bên phía của phần *Kinh Tạng (Suttantānaya)*. Và nếu sẽ phải trình bày trong số lượng 20 điều thiện sự này theo phần *Thực Tính (Sabhāvanaya)*, thì đó chỉ là việc sanh khởi của 8 cái *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusalacittuppāda)* ngần ấy thôi.

Lại nữa, Thiện Sự mà tất cả mọi người đã, đang thực hiện với nhau đây, nếu sẽ nói theo phần *Chân Đế (Sacca)* thì chỉ có hai thành phần, là *Sắc (Rūpa)* với *Danh (Nāma)*, là *Thân (Kāya)* với *Tâm (Citta)* chỉ ngần ấy, và đã hình thành ra con người tạo tác. Sẽ nói rằng xác thân thì có chức năng tạo tác, và Tâm Thức thì có chức năng chỉ đạo; tựa như người công nhân với vị đốc công, hoặc chiếc xe và người lái xe. Vì thế, với người chẳng hiểu biết chỉ ở trong phần *Danh Pháp (Nāmadhamma)* tức là Tâm Thức, và chỉ có sự hiểu biết duy nhất ở trong phần *Sắc Pháp (Rūpadhamma)* ấy là xác thân; thế là một khi tự bản thân tác hành bất thiện, hoặc trông thấy người khác tạo tác việc bất thiện thì sẽ không có khả năng cải hóa cho thành thiện trở lại được; và giả như có thể được, thì chỉ là thực hiện việc cải hóa ấy với hình thức hơi hợt, chỉ chút ít, vặt vãnh và nhỏ nhặt mà thôi. Một khi tự bản thân tác hành thiện, hoặc trông thấy người khác tạo tác thiện sự, thì sẽ không thể nào thực hiện việc ủng hộ, sách lệ để cho thiện sự ấy được tăng trưởng như nhau. Mà giả như sẽ có được, thì chỉ là chút ít, vặt vãnh và nhỏ nhặt, và lại cũng chẳng có khả năng để sẽ ủng hộ, sách lệ cho đạt đến sự cảm kích với cả chân tâm. Sự việc như thế, cũng vì việc cải hóa và việc ủng hộ sách lệ của hạng người này đã thực hiện vô cùng tốt đẹp, tuy nhiên chỉ đơn thuần ở bậc *Sắc Pháp*, có nghĩa đơn thuần chỉ thuộc ngoại vi xác thân.

Về phía hạng người có sự hiểu biết tốt đẹp cả Danh Pháp và Sắc Pháp, giả như sẽ thực hiện việc cải hóa bản thân ở phần bất thiện, và chính tự mình tác hành ở *lộ Thân Môn, Ngữ Môn, Ý Môn*; hoặc ở người khác, thì cũng có khả năng thực hiện việc cải hóa cho được thành tựu viên mãn. Một khi có cơ hội thực hiện việc tự sách lệ, và chính tự mình tác hành thiện sự ở *lộ Thân Môn, Ngữ Môn, Ý Môn*; hoặc ở người khác, thì cũng vẫn có khả năng thực hiện việc sách lệ đạt đến sự cảm kích với cả chân tâm một cách tốt đẹp.

Việc hiện hành như vậy, là cũng chính do sự hệ trọng của Sắc và Danh, tức là chính bản thân của Thân và Tâm đã có sự hệ trọng khác biệt với nhau; nghĩa là Thân có nhiệm vụ làm theo lời chỉ thị của Tâm; và Tâm có nhiệm vụ tư duy nghĩ suy cân trọng sắp bày cho Thân và Lời ở phần Sắc Pháp tác hành theo huấn thị. Với lý do này, Thiện Sự ở phần Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông đã có được hiện bày hiện hữu ở trong quần thể con người, ở mọi tầng lớp, ở mọi ngôn

ngữ đây, là cũng do bởi nguyên nhân hữu quan từ ở nơi 8 cái *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện* ở phần Danh Pháp, và đó chính là Tâm vậy. Giả như sẽ loại trừ 8 cái *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện* này đi rồi, thì việc tác hành thiện sự có Thiện Nghiệp Đạo và Thập Phúc Hành Tông cũng phải bị diệt mất đi khỏi toàn thể nhân loại, và thế rồi chỉ còn lại duy nhất một loại *Ác Hạnh Ác Mạng (Duccaritadùrajiva)* hiện bày hiện hữu ở trong Cõi Nhân Thế này, là cũng do bởi Tâm Khởi Sinh Bất Thiện làm thành người chỉ đạo. Một khi đã là như vậy, thì Cõi Nhân Thế này cũng chẳng khác biệt chi với Cõi Giới Bàng Sanh. Nếu sẽ nói một cách ngắn gọn, vào thời gian nào 8 cái *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện* làm thành người chỉ đạo Thân, Lời, tạo tác hành động, thì vào thời gian ấy tác hành của những con người ấy hiện hữu ở trong Thiện Nghiệp Đạo, Thập Phúc Hành Tông, Thập Phúc Nghiệp Sự. Vào thời gian nào 12 cái *Tâm Khởi Sinh Bất Thiện* làm thành người chỉ đạo, thì vào thời gian ấy tác hành sẽ là Ác Hạnh Ác Mạng. Chính vì lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới có sự lập ý đề sẽ cho được biết đến nguyên nhân hình thành Chi Pháp từ ở nơi việc tác hành Thiện Nghiệp Đạo, Thập Phúc Hành Tông tiếp theo đây với phần Pàli khi nói rằng: **“Cittuppàdavasena panetaṃ aṭṭhavidhaṃ hoti”**- “Dục Giới Thiện Nghiệp Lực đây, rằng khi theo việc sanh khởi của Tâm thì thường luôn có được 8 cái.”

+ Giải thích ở trong phần Pàli **điều thứ mười sáu** – trình bày đến Thập Phúc Hành Tông (***Puññakiriyàvatthu 10*** – Thập Phúc Nghiệp Sự).

Từ ngữ nói rằng **“*Puññakiriyàvatthu*”** là từ ngữ Pàli, đã được dịch là “Thiện Sự cần phải thực hiện, vì tạo thành tác nhân để khởi sinh ra Quả Phúc Thiện.” Khi phân tích từ ngữ ấy ra, thì có được ba từ, đó là ***Puñña*** + ***kiriya*** + ***vatthu***. ***Puñña*** nghĩa là “Thiện Sự ngõ hầu thanh lọc sự sâu bi nhiệt nã”; ***Kiriya*** nghĩa là “nên thực hiện”; ***Vatthu*** nghĩa là “làm thành tác nhân, tác thành chỗ nương sanh của Quả Thiện”. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“*Attano santānaṃ punāti sodhetīti = Puññaṃ*”**- “Hành động tạo tác nào thường thanh lọc bản tánh của mình cho được trong sạch tinh khiết, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc, tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.”

**“*Sappurisehi kàtabbanti = Kariyaṃ*”**- “Hành động tạo tác mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, nên kiến tạo; như thế hành động tạo tác ấy gọi là Hành Vi; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.”

**“*Te te ànisamsà vatsanti tiṭṭhanti etatthāti = Vatthu*”**- “Những quả phước báu thường hiện hữu ở trong hành động tạo tác nào, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Tông Chi; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.”

**“*Kriyaṃ puññaṃ = Puññakriyaṃ*”**- “Thiện sự nào mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, gọi là Phúc Hành.”

**“*Puññakriyañca taṃ vatthucāti = Puññakriyavatthu*”**- “Hành động tạo tác ở phần thiện sự mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, và tác thành quả phước báu,

như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự); tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.”

### Trình Bày Thập Phúc Hành Tông Thể Theo Hai Phần: Phần Kinh Tạng Và Phần Vô Tỷ Pháp Tạng

+ Trình bày theo phần Kinh Tạng, thì Thập Phúc Hành Tông (*Dasa puññakiriyavatthu* – Thập Phúc Nghiệp Sự) có được số lượng 30 điều, đó là:

- Thân Hành Xả Thí Nghiệp Lực (*Kāyakammadāna*),
- Ngữ Hành Xả Thí Nghiệp Lực (*Vacikammadāna*),
- Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực (*Manokammadāna*), v.v.  
như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trình bày theo phần Vô Tỷ Pháp Tạng, thì Thập Phúc Hành Tông có được số lượng 11 hoặc 23, đó là:

- Xả Thí có 1, tức là Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Tham Ác (*Anabhijjhā*).
- Trì Giới có 2, tức là Thân Hành Trì Giới Nghiệp Lực, và Ngữ Hành Trì Giới Nghiệp Lực ở phần Tam Thân Hành Nghiệp Lực, và Tứ Ngữ Hành Nghiệp Lực.
- Tu Tập, Cung Kính, Phụng Hành, từng mỗi điều này có được 1; tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Cừu Hận (*Abyāpāda*), và Chánh Kiến.
- Hồi Hương, Tùy Hỷ Công Đức, từng mỗi điều này có được 1; tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Tham Ác, và Chánh Kiến.
- Thính Pháp có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Chánh Kiến.
- Thuyết Pháp có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Ý Bất Tham Ác, Ý Bất Cừu Hận, và Chánh Kiến.
- Chân Tri Chước Kiến có 1, tức là Ý Hành Nghiệp Lực ở phần Chánh Kiến.

### Trình Bày Câu Chú Giải Trong Thập Điều Phúc Hành Tông Cùng Với Lời Giải Thích Và Phân Loại

#### 1. XẢ THÍ (DÀNA)

+ Xả Thí (*Dāna*), trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Diyati etenāti = Dānaṃ*”- “Tất cả nhân loại nên xả thí cho ra theo Tư Tác Ý này, như thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc cho ra này, gọi là Xả Thí.” Từ ngữ nói rằng Xả Thí



(*Dàna*) theo câu Chú Giải này, ấy là *Tư Tác Ý* làm thành tác nhân để cho việc xả thí cho ra được thành tựu.

Một phần khác nữa, “*Dàtabbanti = Dànaṃ*”- “*Tài sản của cái nào mà tất cả nhân loại nên xả thí cho ra, như thế tài sản của cái ấy gọi là Xả Thí, tức là tài sản của cái khả thí (Dàtabbavatthu – Vật Dụng Khả Thí, hoặc Deyyadhamma – Thí Xả Vật).*”

Cả hai câu Chú Giải này là công cụ chỉ dẫn để cho được biết rằng Xả Thí hiện hữu ở hai thể loại, đó là *Tư Tác Ý Thí (Cetanàdàna)* và *Vật Thí (Vatthudàna)*. Trong cả hai thể loại Xả Thí này, thì *Tư Thí* tính theo thời gian có ba, ấy là:

1/ *Tư Tiên Thí (Pubbacetanàdàna)* là *Tư Tác Ý* khởi sinh lên trước khoảng thời gian vẫn chưa có được xả thí cho ra, được tính kể từ tư duy nghĩ suy rằng sẽ tạo Thiện Phước qua việc xả thí cho ra; hoặc được tính kể từ khi thực hiện việc tìm kiếm vật dụng của cái ở phần *Thí Xả Vật (Deyyadhamma)*.

2/ *Tư Hiện Thí (Muñcacetanàdàna)* là *Tư Tác Ý* khởi sinh lên trong khoảng thời gian đang xả thí cho ra.

3/ *Tư Hậu Thí (Aparacetanàdàna)* là *Tư Tác Ý* khởi sinh lên từ sau khi việc xả thí cho ra đã được hoàn tất xong rồi với sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc xả thí cho ra ấy.

Cả ba *Tư Tác Ý* có *Tư Tiên Thí* v.v. đây, nếu như có được cơ hội để cho có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục (*Paṭisandhikàla*) thì sẽ cho được sanh làm Người, làm Chư Thiên. Như đã có được trình bày để ở trong Chánh Tạng Pàli *Kinh Thí Dụ (Apadàna)* nói rằng:

*Ekapuppham yajitvāna  
Duggatim nabhijānāmi*

*Asitikappakoṭiyo  
Ekapupphassidaṃ phalaṃ*

Dịch nghĩa là: “*Việc cúng dường chỉ với một đóa hoa, đã làm cho Tôi chẳng bao giờ biết đến sự hiện hữu của Cõi Khổ Thú, có Địa Ngục, v.v. là cái chi cả, suốt trọn thời gian đến 80 triệu Tuổi Thọ Kiếp (80 Koṭi Ayukappa), hoặc suốt trọn thời gian 80 triệu kiếp sống (Koṭijāti); và việc này chính là do quả phước báu đã được đón nhận từ ở nơi việc cúng dường chỉ là một đóa hoa.*”

Theo phần Chánh Tạng Pàli này, là chẳng phải sẽ trở sanh quả báo cho được sanh làm Người, làm Chư Thiên thường luôn nối tiếp qua lại với nhau một cách trực thẳng suốt trọn 80 triệu *Tuổi Thọ Kiếp* hoặc 80 triệu kiếp sống, với bất luận trường hợp nào, mà đó chỉ là tác nhân giúp đỡ cho được sanh làm Người, làm Chư Thiên ở trong kiếp sống thứ hai. Ở trong kiếp sống thứ hai này, một khi đã được sanh làm Người, làm Chư Thiên rồi, lại tiếp tục kiến tạo mới nữa với các thiện sự



nối tiếp theo nhau, và các thiện sự mới được kiến tạo đây sẽ giúp đỡ cho tiếp tục được sanh làm Người, làm Chư Thiên ở trong kiếp sống thứ ba. Ở trong kiếp sống thứ ba này, một khi đã được sanh làm Người, làm Chư Thiên rồi, lại tiếp tục kiến tạo mới nữa với các thiện sự nối tiếp theo nhau, và các thiện sự mới được kiến tạo đây sẽ giúp đỡ cho tiếp tục được sanh làm Người, làm Chư Thiên ở trong kiếp sống thứ tư. Và bằng với phương cách này, sẽ tiếp nối mãi với nhau một cách không gián đoạn cho suốt trọn thời gian là 80 triệu kiếp sống. Vì thế, Ngài mới nói rằng quả phước báu từ ở nơi việc cúng dường chỉ với một đóa hoa, mà có khả năng giúp đỡ cho được thoát khỏi Cõi Khổ Thú suốt trọn thời gian rất lâu dài.

Lại nữa, cả ba *Tư Tác Ý Xả Thí* có *Tư Tiên*, v.v. đây, chẳng phải lúc nào cũng hội đủ hết cả ở trong ba Thời. Sẽ nói rằng, có đôi khi có được *Tư Hiện*, nhưng lại chẳng có phần *Tư Tiên* và *Tư Hậu*; có được *Tư Tiên* nhưng lại thiếu đi phần *Tư Hiện* và *Tư Hậu*; có được *Tư Hậu* nhưng lại chẳng có phần *Tư Tiên* và *Tư Hiện*. Đôi khi có được cả hai *Tư Tiên* và *Tư Hiện*, nhưng lại chẳng có phần *Tư Hậu*; có được cả hai *Tư Hiện* và *Tư Hậu*, nhưng lại chẳng có phần *Tư Tiên*; có được cả hai *Tư Tiên* và *Tư Hậu*, nhưng lại chẳng có phần *Tư Hiện*; và cũng có đôi khi cũng chẳng có hết cả ba Thời.

Ở trong cả ba *Tư Tác Ý* này, một khi sẽ phân loại theo việc sinh khởi một cách dễ dàng hoặc là khó khăn, thì *Tư Hiện* sinh được dễ dàng, và *Tư Hậu* lại sinh khó khăn. Như thế, giả như *Tư Tác Ý* sinh khởi không hội đủ cả ba Thời như đã vừa đề cập đến, thì việc xả thí như vậy ắt hẳn chẳng có quả báo sung mãn. Do vậy, cần phải nỗ lực thực hiện việc xả thí cho được phối hợp với hết cả ba *Tư Tác Ý*, và nếu như *Tư Tác Ý* khởi sinh lên được phối hợp với cả ba Thời một cách tốt đẹp, thì việc thực hiện xả thí ở thể loại này ắt hẳn có quả phước báu một cách rộng lớn. Cũng như sẽ nên thâm thị và nên hiểu biết về sự khác biệt với nhau của cả 6 tầng Trời Thiên Giới, và của tất cả dân chúng ở trong thế gian này hiện hữu ở cả quá khứ và hiện tại, rằng sẽ có sự hiện hành khác biệt với nhau ở điểm nào? Trả lời rằng khác biệt với nhau về chủng tộc, về dòng giống cũng có, về địa vị, về tài sản của cải, về đồ chúng cũng có, và hiện hành như vậy cũng đều do bởi từ ở nơi *Xả Thí*, *Trì Giới*, *Tu Tập*, cùng phối hợp với cả ba Thời *Tư Tác Ý*; hoặc chẳng phối hợp với cả ba Thời, hoặc thiếu mất đi một Thời nào đó, hoặc chính tự nó cũng chẳng có làm thành tác nhân. Với lý do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết để ở trong Chánh Tạng Pàli *Lục Chi Phần (Chalāṅguttara)* nói rằng:

*Pubbeva sumano dānā  
Datvā attamano hoti*

*Dadaṃ cittaṃ pasādaye  
Esā puññassa sampadā.*

[Theo *Lục Chi Phần*, quyển số 2, điều 276, có phần Pàli như vậy:

*Pubbeva dānā sūmano  
Datvā attamano hoti*

*Dadaṃ cittaṃ pasādaye  
Esā yaññassa sampadā.*

Dịch nghĩa là: “Xin cho có sự hoan hỷ trước khi sẽ thực hiện, xin duy trì sự tinh tấn ở ngay trong sát na đang thực hiện, và khi đã thực hiện xong rồi thì xin hãy làm cho khởi sinh lên sự hân hoan duyệt ý.” Sự hiện hành với cả ba trạng thái tâm lý như vậy, là việc tạo ra phước báu được thành tựu một cách viên mãn cùng tột, tức là làm cho đắc thành sở cầu sở nguyện của riêng mình.

Và Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày đề ở trong *Thất Chi Phần (Sattaniṭṭa)* của bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Atthakathā)* nói rằng: “**Dānañhimaṇa tisso cetanā paripuṇṇaṃ kàtuṃ sakkontasseva mahapphalaṃ hoti**”- “Việc cho ra mà đã được gọi là Xả Thí đó, phải là Xả Thí được phối hợp với Tư Tác Ý ở cả ba Thời mà người thực hiện có khả năng làm cho khởi sinh lên một cách viên mãn, và việc Xả Thí ấy mới sẽ có quả báo cực đại.”

**Vật Thí (Vatthudāna)** có bốn thể loại, đó là:

1/ **Y Phục Xả Thí (Civaradāna)**: việc cúng dường y áo đến vị Tỷ Khưu, Sa Di, hoặc việc cho y phục vải mặc đến người nghèo khổ.

2/ **Khất Thực Xả Thí (Piṇḍapātadāna)**: việc cúng dường vật thực bỏ bát, hoặc việc cho thực phẩm đến người nghèo khổ.

3/ **Trú Sở Xả Thí (Senāsanadāna)**: việc cúng dường nơi trú ngụ, chẳng hạn như kiến tạo tịnh thất, kiến tạo tu viện, kiến tạo giảng đường, v.v.

4/ **Dược Phẩm Xả Thí (Bhesajjadāna)**: việc cúng dường thuốc chữa bệnh, hoặc cho thuốc đến người bệnh hoạn.

Việc phóng khí xả thí ấy, hiện hữu ở rất nhiều nhóm với nhau, và tiếp theo đây sẽ trình bày đề cho được thấy một cách tóm tắt, như sau:

### Nhóm Hai Pháp Xả Thí (**Dukadāna**)

1. **Tài Vật Xả Thí (Āmisadāna)**: việc hiến tặng cho ra các vật dụng, những vật chất, v.v.

2. **Pháp Bảo Xả Thí (Dhammadāna)**: việc hiến tặng **Pháp Bảo** làm thành **Pháp Thí**; tức là việc trình bày thuyết giảng, việc giảng dạy, và việc soạn tác những kinh điển **Giáo Pháp**, và ấn tống phát hành làm thành **Pháp Thí**.

Trong cả hai thể loại Xả Thí này, thì **Pháp Thí** là thể loại Xả Thí thanh lương thù thắng hơn **Tài Vật Xả Thí**. Như có Chánh Tạng Pāli đã có đề cập đến rằng: “**Sabbadānaṃ dhammānaṃ jināti** - **Pháp Thí** thù thắng hơn mọi thể gian thí”- Dịch nghĩa là: “**Pháp Thí** ắt hẳn thù thắng hơn cả mọi xả thí.”

- **Tài Vật Xả Thí** cho quả báo là có đầy đủ tài sản của cải vật chất.

- **Pháp Bảo Xả Thí** cho quả báo là phát sanh **Trí Tuệ (Paññā)**.

**Một phần khác nữa:**

1. *Tự Chế Xả Thí (Sàhatthikadàna)*: chính tự bản thân thực hiện việc xả thí cho ra.
2. *Vô Bì Ích Xả Thí (Aṇattikadàna)*: sai bảo người khác thực hiện thế cho.
  - *Tự Chế Xả Thí* thanh lương cao quý hơn *Bì Ích Xả Thí*, vì trở sanh quả báo cho thành người có đầy đủ tài sản cùng với đồ chúng tùy tùng.
  - *Vô Bì Ích Xả Thí* một khi trở sanh quả báo thì cho dù quả thật là sẽ có được đầy đủ tài sản, tuy nhiên về đồ chúng tùy tùng thì không hăng là sẽ có.

**Một phần khác nữa:**

1. *Liễu Tri Xả Thí (Sampajànadàna)*: việc tạo ra phước báu được phối hợp với sự hiểu biết, với sự liễu tri ở trong quả báo của hành động tạo tác ấy.
2. *Bất Liễu Tri Xả Thí (Asampajànadàna)*: việc tạo ra phước báu mà chẳng có sự hiểu biết, bất liễu tri ở trong vấn đề Nghiệp Lực và Nghiệp Quả.
  - *Liễu Tri Xả Thí* một khi trở sanh quả báo thì thường làm cho người có được tài sản của cải cùng với Trí Tuệ.
  - *Bất Liễu Tri Xả Thí* trở sanh quả báo làm thành người có tài sản nhưng chẳng có Chánh Niệm và Tuệ Giác.

**Một phần khác nữa:**

1. *Luân Hồi Xả Thí (Vatṭanissitadàna)*: việc tạo ra phước báu với sự mong cầu tài sản của cải; tức là mong cầu cho được giàu có, thành bậc bá hộ đại phú; và mong cầu *Thiên Hữu Sản (Bhavasampatti)*, tức là có sự mong cầu được sanh làm Người, làm thành Chư Thiên, và làm thành Phạm Thiên.
2. *Níp Bàn Xả Thí (Vivattanissitadàna)*: việc tạo ra phước báu chẳng có sự mong cầu ở trong tài sản của cải, và *Thiên Hữu Sản*, chỉ mong cầu một trong các thể loại của *Tuệ Chánh Đẳng Giác (Sammàsambodhi ñàṇa)*, *Tuệ Độc Giác (Paccekañṇa)*, *Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasàvaka bodhiñṇa)*, *Tuệ Đại Thinh Văn Giác (Mahàsàvakabodhiñṇa)*, và *Tuệ Thông Thường Thinh Văn Giác (Pakatisàvakabodhiñṇa)* với ngần ấy.
  - *Luân Hồi Xả Thí* chẳng được gọi là *Xả Thí Ba La Mật*, đó chỉ là *Phổ Thông Thiện Thí (Dànakusalasamañña)*, một khi trở sanh quả báo thì cũng cho có được sự an vui ở Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới chỉ với ngần ấy, và không thể nào sẽ giúp đỡ cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.
  - Còn *Níp Bàn Xả Thí* thì được gọi là *Xả Thí Ba La Mật*, một khi trở sanh quả báo thì được thụ hưởng sự an vui ở trong Cõi Người và Trời, và có khả năng cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.

**Nhóm Ba Pháp Xả Thí (Tikadàna)**

Ở trong nhóm ba Pháp Xả Thí đây, gồm có *Ty Liệt Xả Thí (Hìnadàna)*, *Trung Bình Xả Thí (Majjhimadàna)*, và *Tinh Lương Xả Thí (Paṇṭadàna)* hiện hữu với nhau thể theo ba phân, đó là:

+ **Phần Thứ Nhất:** *Ty Liệt Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc thấp hèn, tức là việc tạo ra phước báu có sự mong cầu về lợi danh, việc tán thán khen ngợi. *Trung Bình Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc trung bình, tức là việc tạo ra phước báu có sự mong cầu về Nhân Sản, Thiên Sản. *Tinh Lương Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc cao thượng, tức là việc tạo ra phước báu theo phương thức của các Bậc Thánh Nhân và Chư Giác Hữu Tình (*Bồ Tát*), đó chính là có sở nguyện vọng về Níp Bàn.

+ **Phần Thứ Hai:** *Ty Liệt Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc thấp hèn, tức là việc tạo ra phước báu có sự mong cầu về Nhân Sản, Thiên Sản. *Trung Bình Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc trung bình, tức là việc tạo ra phước báu có sở nguyện vọng về *Tuệ Thịnh Văn Giác, Tuệ Độc Giác*. *Tinh Lương Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc cao thượng, tức là việc tạo ra phước báu có sở nguyện vọng về *Tuệ Chánh Đẳng Giác*.

+ **Phần Thứ Ba:** *Ty Liệt Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc thấp hèn, tức là việc tạo ra phước báu phối hợp với *Dục (Chanda)*, *Cần (Viriya)*, *Tâm (Citta)*, *Thảm (Pañña)* một cách yếu kém, đề cập đến là việc mãn ý, nỗ lực tinh cần, ý thức và thâm thấu ở trong việc tạo ra phước báu ấy một cách nhỏ nhoi hy thiếu. *Trung Bình Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc trung bình, tức là việc tạo ra phước báu phối hợp với *Dục, Cần, Tâm, Thảm* một cách vừa phải, có chừng mực, đề cập đến là việc mãn ý, nỗ lực tinh cần, ý thức và thâm thấu ở trong việc tạo ra phước báu ấy một cách tốt đẹp theo lẽ thông thường phổ thông. *Tinh Lương Xả Thí* việc tạo ra phước báu của bậc cao thượng, tức là việc tạo ra phước báu phối hợp với *Dục, Cần, Tâm, Thảm* một cách cùng tốt, đề cập đến là việc mãn ý, nỗ lực tinh cần, ý thức và thâm thấu ở trong việc tạo ra phước báu ấy một cách cùng tốt, chân chánh theo phương thức của các bậc Hiền Triết.

### **Một phân khác nữa:**

1. **Nô Lệ Xả Thí (Dàsadàna):** việc tạo ra phước báu với hàng hóa thụ hưởng tiêu dùng xấu tệ hơn vật dụng mà mình đang dùng, mình đang thụ hưởng.
2. **Bằng Hữu Xả Thí (Sahàyadàna):** việc tạo ra phước báu với hàng hóa thụ hưởng tiêu dùng tương đương với vật dụng mà mình đang dùng, mình đang thụ hưởng.
3. **Chủ Nhân Xả Thí (Sàmidàna):** việc tạo ra phước báu với hàng hóa thụ hưởng tiêu dùng tốt hơn vật dụng mà mình đang dùng, mình đang thụ hưởng.

**Một phần khác nữa:**

1. **Thế Trọng Xả Thí (Lokàdhipateyyadàna):** việc tạo ra phước báu đa phần nghĩ tưởng đến người làm trọng đại, tức là tự bản thân chẳng có sự mãn ý để thực hiện, nhưng sợ tha nhân sẽ xem nhẹ khinh thường và chê trách, vì vậy mới thực hiện.
2. **Tự Trọng Xả Thí (Attàdhipateyyadàna):** việc tạo ra phước báu nghĩ tưởng cho chính mình làm trọng đại, tức là tự duy rằng Ta đây cũng là hạng người giàu có, giá như chẳng hiến tặng tài sản để giúp đỡ trong các sự việc này, thì quả là việc đáng hiềm ác, và chẳng phải chút nào, vì vậy mới thực hiện.
3. **Pháp Trọng Xả Thí (Dhammàdhipateyyadàna):** việc tạo ra phước báu tư duy đến Pháp Bảo làm trọng đại, tức là thẩm sát rằng việc phóng khí xả thí này, là Pháp chủng mà các bậc Hiền Triết hoan hỷ ưa thích thực hiện với nhau, và ngay cả Chư Giác Hữu Tình (*Bồ Tát*) một khi vẫn đang hoàn thành viên mãn *Pháp Toàn Thiện (Pàrami – Ba La Mật)* thì trước nhất cũng đã hoàn thành *Xả Thí Ba La Mật* làm thành bước đi ban đầu, cho đến hết cả Chư Thánh Văn Giác của các Bậc Chánh Đẳng Giác cũng hoan hỷ ưa thích ở trong việc kiến tạo Xả Thí này tương tự như nhau. Một khi đã thẩm thị thấy được sự lợi ích như vậy rồi, thì cũng đã thực hiện duyên theo cơ hội và hợp theo thời.

**Ghi chú:** Chỗ nói rằng việc phóng khí xả thí hiện hữu rất nhiều loại nhóm với nhau, tuy nhiên ở tại đây chẳng thể nào trình bày cho tròn đủ hết cả mọi nhóm được, mà chỉ có dẫn đến trình bày vừa đủ một cách tóm lược; tất cả cũng do đã có trình bày để ở trong tài liệu giáo khoa về việc kiến tạo Thiện Thí, do đó chẳng nhất thiết sẽ phải dẫn đến trình bày ở tại đây thêm một lần nữa vậy.

**Trình Bày Năm Thể Loại Hiền Triết Xả Thí Luôn Cả Phần Công Đức**

*Pañcimàni bhikkhave sappurisdànàni, katamàni pañca ?- “Này Chư Tỷ Khuru, có năm loại Xả Thí này xứng bậc Hiền Triết. Thế nào là năm ?”*

*Saddhaya dānaṃ deti, sakkaccaṃ dānaṃ deti, kàlena dānaṃ deti, anuggahitacitto dānaṃ deti, attānañca parañca anupahacca dānaṃ deti – “Xả thí có lòng tin, xả thí có sự kính trọng, xả thí đúng thời, xả thí với Tâm không gượng ép, xả thí không làm thương tổn đến mình và người.”*

1. *Saddhaya kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, abhirūpo ca hoti dassaniyo pāsādiko paramāya vaṇṇapokkharatāya samannāgato – “Này Chư Tỷ Khuru, sau khi xả thí với lòng tin chỗ nào, chỗ nào rồi, thì quả dị thực của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản*



sung mãn, xinh đẹp khả ái, dễ nhìn, có thành tín và thành tựu dung sắc thù thắng như hoa sen.”

2. **Sakkaccaṃ kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, yepissa te puttāti và dārāti và dāsāti và pesāti và kammakarāti và, tepi sussu santi sotam odahanti aññā cittaṃ upaṭṭhapenti** – “Và này Chư Tỳ Khuru, sau khi xả thí có sự kính trọng, chỗ nào, chỗ nào rồi, thì quả dị thực của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn; và những con trai, các bà vợ, những người nô tỳ, các người đưa tin, các người làm công; với những người ấy đều sẵn sàng vâng theo người ấy, họ lóng tai và phục vụ với Tâm hiểu biết.”

3. **Kālena kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, kālāgatā cassa atthā pacurā honti** – “Và này Chư Tỳ Khuru, sau khi xả thí đúng thời, chỗ nào, chỗ nào rồi, thì quả dị thực của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và các vật dụng đến với người ấy đúng thời và sung túc.”

4. **Anuggahitacitto kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, ulāresu ca pañcasu kāmaguṇesu bhogāya cittaṃ namati** – “Và này Chư Tỳ Khuru, sau khi xả thí với Tâm không gương ép, chỗ nào, chỗ nào rồi, thì quả dị thực của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và có Tâm thiên hưởng thụ hưởng đầy đủ cả năm dục ân đức.”

5. **Attānañca parañca anupahacca kho pana bhikkhave dānaṃ datvā yattha yattha tassa dānassa vipāko nibbattati, aḍḍho ca hoti mahaddhano mahābhogo, na cassa kutoci bhogaṇaṃ upaghāto āgacchati aggito và udakato và rājato và corato và appiyato và dāyadato** – “Và này Chư Tỳ Khuru, sau khi xả thí không làm thương tổn đến mình và người, chỗ nào, chỗ nào rồi, thì quả dị thực của sự xả thí ấy sẽ đem lại kết quả, làm cho người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và không có một tai họa nào từ đâu đến, đến với tài sản của người ấy, hoặc từ nơi lửa, từ nơi nước, từ nơi Vua Quan, từ nơi kẻ trộm, từ nơi các người thù địch hoặc từ nơi các người thừa tự.”

**Imāni kho bhikkhave pañca sappurisa dānānīti** – “Này các Chư Tỳ Khuru, có năm loại xả thí này xứng bậc Hiền Triết.” (Trích ở trong Chánh Tạng - Tăng Bộ Kinh thuộc Ngũ Chi Pháp, quyển thứ nhất, điều 152 – Kinh Hiền Triết Xả Thí).

Dịch nghĩa là: “Này Chư Tỳ Khuru, Hiền Triết Xả Thí hiện hữu ở năm điều. Là những điều chi ? Một là việc phóng khí xả thí với lòng sùng tín, với niềm tin ở trong việc tác hành và quả báo của việc tác hành, làm thành Tịnh Tín Xả Thí (**Saddhādāna**). Hai là việc phóng khí xả thí với lòng kính trọng, cả ở trong việc tự thân thực hiện xả thí với cả vật thí đều tịnh khiết hoàn hảo, làm thành Tôn



*Kính Xả Thí (Sakkaccadàna).* Ba là việc phóng khí xả thí cho phải thời, với thời gian thích hợp, làm thành *Hợp Thời Xả Thí (Kàladàna)*. Bốn là việc phóng khí xả thí với việc từ bỏ một cách chân thật, không có gượng ép, không có việc dính mắc lo âu ở trong các vật thí ấy, làm thành *Chu Tế Xả Thí (Anuggahitadàna – Chiếu Liệu Xả Thí)*. Năm là việc phóng khí xả thí không có đụng chạm làm tổn hại tự bản thân và tha nhân, làm thành *Bất Tổn Hại Xả Thí (Anupahaccadàna)*.”

**1/ Tịnh Tín Xả Thí:** Đây Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí với lòng sùng tín, với niềm tin ở trong việc tác hành và quả báo của việc tác hành ấy, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, có thân sắc hình hài xinh đẹp, hạp nhần, đáng thành tín, da dẻ phu sắc của xác thân hồng hào.

**2/ Tôn Kính Xả Thí:** Đây Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí với lòng kính trọng cả ở trong việc tự thân thực hiện xả thí với cả vật thí đều tịnh khiết hoàn hảo, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, vợ chồng và con cái, nô bộc, người giúp việc, người làm công của người ấy, thường tâm phục tín cẩn vâng lời, chẳng có trái ý bất hòa trong mọi sự việc.

**3/ Hợp Thời Xả Thí:** Đây Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí cho phải thời, với thời gian thích hợp ấy, thì quả báo của loại xả thí ấy thường sinh khởi trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, có sự phát triển thịnh vượng kể từ ngày tháng đầu tiên của thời thanh xuân, có quả phúc lợi thích hợp một cách thặng dư thừa thãi.

**4/ Chu Tế Xả Thí (Chiếu Liệu Xả Thí):** Đây Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí với việc từ bỏ một cách chân thật, không có gượng ép, không có việc dính mắc lo âu ở trong các vật thí ấy, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, có Tâm thiên hướng ở trong việc sẽ thụ hưởng cảnh dục ân đức, nơi mình sinh hoạt một cách hạnh phúc thoải mái, chẳng phải chỉ làm thành người chầu chực trông nom tài sản.

**5/ Bất Tổn Hại Xả Thí:** Đây Chư Tỳ Khưu, người phóng khí xả thí không có đụng chạm làm tổn hại tự bản thân và tha nhân, thì quả báo của loại xả thí này thường sinh khởi ở trong mọi kiếp sống nối tiếp, làm thành người giàu sang sung túc, có nhiều tài sản, sung mãn với cảnh dục ân đức một cách rộng lớn, tài sản tiền của bạc vàng của mình hiện hữu đều được thoát khỏi cả năm điều tai họa, có *hỏa tai, thủy tai, tai họa từ vua quan, tai họa từ đạo tặc, và tai họa từ ở nơi con cháu, thân quyến, anh em làm người thừa kế bất hảo.*

Này Chư Tỳ Khuru, việc phóng khí xả thí với năm thể loại này, được gọi là *Hiền Triết Xả Thí (Sappurisdàna)* (việc phóng khí xả thí của các bậc Hiền Triết)

**Ghi chú:** *Hiền Triết Trì Giới (Sappurisasila)* và *Hiền Triết Tu Tập (Sappurisabhàvanà)* cũng có năm thể loại Pháp tương tự như vậy, và chỉ có sự khác biệt với nhau ở phần công đức. Tức là Trì Giới có công đức cho được đón nhận sự an vui về Thân, an vui về Tâm. Tu Tập có công đức làm cho Tâm Thức được kiên định, bất dao động ở Thế Gian Pháp, và có Trí Tuệ tịnh hảo.

### Một Khi Tổng Kết Thì Xả Thí Có Được 4 Thể Loại, đó là:

1. *Tư Tác Ý Xả Thí (Cetanàdàna)*: tức là *Tâm Sở Tư Tác Ý* phối hợp với Đại Thiện, làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.
2. *Vật Dụng Xả Thí (Vatthudàna)*: tức là *Tứ Vật Dụng* làm thành vật xả thí.
3. *Vô Tham Xả Thí (Alobhadàna)*: tức là *Tâm Sở Vô Tham* phối hợp với *Tâm Sở Tư Tác Ý*, làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.
4. *Kiểm Chế Xả Thí (Viratidàna)*: tức là ba *Tâm Sở Ngăn Trừ Phần* có việc cấm chỉ *Bất Thiện Ác Hạnh*, làm thành tác nhân để cho tất cả loài Hữu Tình không phải bận tâm lo ngại ở trong việc sẽ làm phát sinh lên các điều tai họa, làm thành *Vô Úy Thí (Abhayadàna)* cả ở nội phần và ngoại phần.

### Như Có Trình Bày Dẫn Chứng Phần Pàli Về Việc Tổng Kết Cả Bốn Loại Xả Thí, như vậy:

1. *Cetasiko dhammo dānanti ? Àmantà* (trích ở trong câu Kệ Xả Thí, Chánh Tạng Pàli thuộc bộ *Ngữ Tông – Phẩm Thứ Bảy (Sattamavaggakathàvatthu)*: *Tâm Sở Tư Tác Ý* phối hợp với Đại Thiện gọi là Xả Thí phải chăng ? Giải đáp rằng “Đúng vậy.”
2. *Theyyadhammo dānanti ? Àmantà* (trích ở trong câu Kệ Xả Thí, Chánh Tạng Pàli thuộc bộ *Ngữ Tông – Phẩm Thứ Bảy*): Cửa cái vật chất gọi là Xả Thí phải chăng ? Giải đáp rằng “Đúng vậy.”
3. *Taṃ sampayutto alobhopi dānaṃ nāma* (trích ở trong bộ *Chú Giải Tổng Hợp Kinh (Suttasaṅgaha Atthakathà)* và bộ *Phụ Chú Giải Căn Gốc (Mūlaṭṭhā)*: *Tâm Sở Vô Tham* phối hợp với *Tâm Sở* làm thành tác nhân của việc cho ra, cũng được gọi là Xả Thí.
4. *Pāṇātipātā paṭivirato bhikkhave ariyasāvako aparimāṇānaṃ sattānaṃ abhayaṃ deti idaṃ bhikkhave paṭhamaṃ dānaṃ mahādānaṃ* (trích ở trong bài *Kinh Kết Quả (Abhisandanāsutta)* – *Phẩm Xả Thí, Chương thứ tám (Aṭṭhakanipāta)* thuộc Chánh Tạng Pàli Tăng Chi Bộ Kinh): Bậc Thánh Thỉnh Văn Giác đã diệt trừ việc *Sát Mạng*, đã thường cho *Vô Úy Thí*

đến tất cả loài Hữu Tình chẳng thể ước lượng được. Việc cho Vô Úy Thí đến tất cả loài Hữu Tình đây, đã được gọi là “Đại Thí đệ nhất”.

### Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. Của Xả Thí Thiện

1. *Trạng Thái (Lakkhaṇa)*: có việc phóng khí, làm trạng thái. (*Pariccāgalak - khaṇam*)
2. *Phận Sự (Rasa)*: có việc diệt trừ Tham (*Lobha*), làm phận sự. (*Lobha viddhamsanarasam*)
3. *Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna)*: có sự sung túc trong kiếp sống và giải thoát khỏi kiếp sống, làm trạng thái hiện bày. (*Bhavavibhavasam pattipaccuppaṭṭhānam*)
4. *Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānam)*: Tâm Sở Tín có thực tính tịnh tín ở trong sự việc khả tín, làm nhân cần. (*Saddheyapadaṭṭhānam*)

### Trình Bày Pháp Đối Lập (Paṭikkhepadhamma) v.v. Của Xả Thí Thiện

1. *Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma)*: Pháp do bởi Xả Thí Thiện mà phải bị diệt trừ, ấy là Tham (*Lobha*).
2. *Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātatadhamma)*: Pháp đón nhận sự bằng lòng của Xả Thí Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Tham (*Alobha*).
3. *Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma)*: Pháp do bởi Xả Thí Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Xả Thí Thiện làm thành *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhaka satti)*.]

Phần cuối cùng của từ ngữ nói rằng *Xả Thí (Dāna)* đây, xin được rút lời yêu giảng của Ngài Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* đã có đề cập đến và để ở trong bộ *Chú Giải Đại Phẩm Kinh (Suttantamahāvagga Atthakathā, điều 225)* nói rằng:

*Evaṃ nātimahantampi  
Mahāvīpākama hotīti*

*Puññaṃ āyatane kaṭaṃ  
Kattabbaṃ taṃ vibhāvina*

Dịch nghĩa là: “Phước báu đã được thực hiện để ở trong phần Siêu Thoát Tăng Đoàn (*Paramatthasaṅgha*) và Thế Tục Tăng Đoàn (*Sammutisaṅgha*) luôn cả đến với Giới Định Tuệ (*Sīla – Samādhi – Pañña*) hằng nương trú ở trong việc uơm mầm quả phước đây, thì cho dù hạt đã được gieo trồng chỉ nhỏ bé bằng hạt bồ đề, thế nhưng quả báu lại được đón nhận vô cùng to lớn sánh tựa cổ thụ bồ đề vậy. Chính vì lý do này, xin các bậc thiện nam tử và các bậc nữ lưu có tiên thiên

thông tuệ, hãy nên phối hợp với Đức Tin, và an trú Tâm vào trong việc tạo ra phước báu đây, với niềm tin bất thối.”

## 2. TRÌ GIỚI (SILA – GIỚI LUẬT)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Sīlayati kàyavacikkammāni sammā dahatīti = Silaṃ*”- “*Pháp chủng nào thường làm cho Thân Hành Nghiệp Lực và Ngũ Hành Nghiệp Lực được an định tốt đẹp, như thế Pháp chủng ấy gọi là Trì Giới*”. Tức là *Tư Tác Ý Tâm Sở (Cetanācetasika)* tác hành cho việc hoạt động ở lộ Thân Môn và lộ Ngũ Môn trong điều kiện tốt đẹp, để cho Thiện được khởi sinh. *Tư Tác Ý Xả Thí (Dānacetanā)* là *Tư Tác Ý* liên quan với việc phóng khí xả thí. *Tư Tác Ý Trì Giới (Sīlacetanā)* là *Tư Tác Ý* liên quan với việc thọ trì giới luật. Với những thể loại này cũng có sinh khởi đối với Chư vị Thánh Nhân, và hết cả thấy những thể loại *Tư Tác Ý* này hiện hữu ở trong các *Tâm Khởi Sinh Đại Duy Tác (Mahākiriya-cittuppāda)*. Còn đối với *Tư Tác Ý Xả Thí*, *Tư Tác Ý Trì Giới* trình bày để ở trong Thập Phúc Hành Tông đây, là đặc biệt chỉ lập ý đến *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong các *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusalacittuppāda)*. Điều này giải thích rằng từ ngữ *Trì Giới (Sīla)* hình thành *Tư Tác Ý* có sự thúc đẩy dẫn dụ cho *Thân – Ngũ* được an trú ở trong các lễ nghi thanh lịch thiện hảo, và luôn cả cản ngăn không cho các Pháp Bất Thiện liên quan với *Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)*, *Ngũ Ác Hạnh (Vaciduccarita)* có được cơ hội hiện bày. Điều này trình bày cho được biết rằng *Trì Giới* ấy, chỉ có nhiệm vụ giữ gìn ở lộ *Thân Môn – Ngũ Môn* không cho hiện hành ở trong con đường *Ác Hạnh* khởi sinh do được duyên theo từ ở nơi các Pháp Bất Thiện. Còn việc gìn giữ ở lộ *Ý Môn* để ngăn không cho những *Ý Ác Hạnh* được khởi sinh, là nhiệm vụ riêng biệt của phần *Tu Tập (Bhāvanā)*.

Một câu Chú Giải khác nữa “*Sīlayati kusaladhamme upadhāretīti = Silaṃ*” – “*Pháp chủng nào thường gìn giữ bảo hộ Thiện Pháp (Kusaladhamma) có Định (Samādhi), Tuệ (Paññā), và Giải Thoát (Vimutti), v.v. một cách chu tường cẩn trọng, như thế Pháp chủng ấy gọi là Trì Giới.*”

Giải thích rằng *Tư Tác Ý Trì Giới* là việc gìn giữ thọ trì các *điều giới luật (Sikkhāpada)* có *Sát Mạng Kiềm Ché (Pāṇātipātavirati)* v.v. Những thể loại này có khả năng bảo hộ cho Định, Tuệ, và Đạo, Quả được sinh khởi; cũng ví như nền mặt đất là chỗ nương nhờ của tất cả mọi sự vật, của cả Hữu Sinh Mạng và Vô Sinh Mạng. Giả như mất đi nền mặt đất là chỗ nương nhờ, thì tất cả các sự vật Hữu Sinh Mạng và Vô Sinh Mạng ấy, ắt hẳn không thể nào được khởi sinh lên và phát triển lên được. Điều tỷ dụ như thế nào, thì Định, Tuệ, và Đạo Quả, những thể loại này thường nương vào mà sinh khởi, nếu giả như loại trừ việc *Trì Giới Thiện* đi rồi, thì những sự việc này ắt hẳn không thể nào khởi sinh lên được.



Vì thế, Đức Thế Tôn Ngài mới giải thích sự trọng yếu của trì giới trong việc tu tập để thoát khỏi *Luân Hồi Khổ (Vatṭadukkha)* là nơi có sự khốn khổ cả ở ngoài phần và nội phần, và cho đạt đến Níp Bàn, Ngài đã nói rằng:

*Sīle patitṭhāya naro sapañño  
Àtāpi nipako bhikkhu*

*Cittaṃ paññañca bhāvayaṃ  
So imaṃ vijāṭaye jaṭaṃ.*

Dịch với nội dung chính nói rằng: “Người hữu trí được sinh từ ở nơi Nghiệp Lực (Nghiệp Trí – *Kammajapañña*) và đã phối hợp với Tái Tục Tam Nhân này, cùng với kiên định ở trong Trì Giới Thiện làm thành Cận Y (*Upanissaya*) là nền tảng của An Chỉ (*Samatha*) và Minh Sát (*Vipassanā*), thành người cần mẫn có khả năng để thiêu đốt các Bất Thiện Pháp cho bị tàn rụi đi, thành người hữu trí có khả năng để làm cho pháp đối kháng với mình là Si Mê (*Moha*) phải bị khô cạn đi, hoặc thành người hữu trí lấy Trí Tuệ làm công cụ bảo hộ cho mình được thoát khỏi pháp đối kháng là Si Mê, hoặc thành người hữu trí dẫn dắt Cảnh Nghiệp Xứ (*Ārammaṇakammaṭṭhāna*) là Danh và Sắc cho được hiện bày rõ ràng đến với mình, và rồi có khả năng làm cho Định (*Samādhi*) và Tuệ Minh Sát (*Vipassanā ñāṇa*) được phát triển lên cùng tột, đi theo một cách tuần tự.”

Người thâm thị nội phần Vòng Luân Hồi (*Samsāravatṭa*) và đã phối hợp với sáu thể loại Ấn Đức (*Guṇa*) ấy là Giới (*Sīla*), Định (*Samādhi*), Tuệ Tái Tục (*Paṭisandhipañña*), Tuệ Minh Sát (*Vipassanāpañña*), Tuệ Bảo Hộ (*Pārihārika pañña*), và Chánh Tinh Tấn (*Sammappadhāna*), như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thế là người ấy đã có thể tháo gỡ mối dây triền phược đi, đó là Ái Dục (*Taṇhā*) mà đã được sánh như một nhánh gai nhọn của cây tre mọc rậm rì, um tùm, bao bọc phủ trùm lấy cả thân cây ấy vậy.

### Trình Bày Phân Loại Của Giới Luật (*Sīla*)

Có bốn loại *Giới Luật (Sīla)* đó là: 1/ Tỳ Khuru Giới Luật, 2/ Tỳ Khuru Ni Giới Luật, 3/ Sa Di Giới Luật, 4/ Thế Tục (*Cư Sĩ Tại Gia*) Giới Luật.

Trong bốn loại Giới Luật ấy, gồm có:

- 227 điều giới luật đã được trình bày để ở trong *Tỳ Khuru Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Bhikkhupātimokkha)* gọi là *Tỳ Khuru Giới Luật (Bhikkhusīla)*.
- 331 điều giới luật đã được trình bày để ở trong *Tỳ Khuru Ni Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Bhikkhunipātimokkha)* gọi là *Tỳ Khuru Ni Giới Luật (Bhikkhunisīla)*.
- 10 điều giới học, có “*Pāṇātipātā veramaṇi v.v.*- Tránh khai việc Sát Mạng v.v.” cho đến “*Jātarūparajatapatiggahanā veramaṇi – Tránh khai sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kê khác thọ lãnh và cất giữ vàng bạc*” là điều cuối cùng, hoặc 75 điều *Ứng Học Pháp (Sekhiyasikkhāpada)*. Những thể loại

này gọi là *Sa Di Giới Luật (Sàmaṇerasīla – Cần Sách Giới Luật)*, hoặc còn gọi là *Tiểu Sa Môn Giới Luật (Anupasampannasīla)*.

- 5 điều giới luật, tức là Ngũ Giới đây, gọi là *Thế Tục Giới Luật (Gahaṭṭha sīla – Cư Sĩ Tại Gia Giới Luật)*.

Trong bốn loại Giới Luật ấy, thì Tỳ Khuru Giới Luật và Tỳ Khuru Ni Giới Luật cần phải có việc *thọ trì giới nguyện (Samādāna)* một cách đặc biệt, và chẳng cần phải *thọ trì* một cách riêng biệt. Ngay sau khi đã được *Tứ Tác Bạch Tuyên Ngôn Hành Tăng Sự trước Tăng Đoàn (Ñatticatutthakammavàcà)* một cách chân chánh hợp pháp ở bên trong cột mốc của khu vực có hạn định kiết giới, chỗ được gọi là *Kiết Giới Vực Sīmā* (còn gọi là *Thánh Địa Tam Bảo*), thì loại Giới Luật này mới được thành tựu.

Đối với Sa Di Giới Luật ấy, thì cũng tương tự như vậy, cần phải có việc *thọ trì giới nguyện* một cách đặc biệt, và chẳng cần phải *thọ trì* một cách riêng biệt. Ngay sau khi làm *Lễ Xin Y Chỉ (Sarāṇagamana)* với nghi thức ba lần phát nguyện một cách chân chánh hợp pháp ở tại khu vực của người ban cho (*Thầy Tế Độ*) và người thọ nhận (*Tân Sa Di*), thì loại Giới Luật này mới được thành tựu.

Từ ngữ *Thế Tục (Gahaṭṭha)* dịch nghĩa là người cư sĩ tại gia. Như có câu Chú Giải nói rằng “*Gahe tiṭṭhatīti = Gahaṭṭho*”- “*Người nào ở trong nhà, như thế người ấy gọi là người Thế Tục.*”

Đối với Thế Tục Giới Luật ấy, thì cần phải có việc *thọ trì giới nguyện* một cách riêng biệt, nếu chỉ có *Thọ Trì Tam Quy (Tisarāṇagamana)* tron thôi, thì vẫn chưa được gọi là người có Thế Tục Giới Luật, và chỉ được gọi là người đã có *Thọ Tam Quy* ngần ấy thôi.

### **Trình Bày Việc Thành Kê Phạm Giới Luật (Dussīla) Và Bất Tri Sĩ (Alajjī – Bất Thủ Thanh Quy)**

+ *Đối với Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni là kẻ Phạm Giới Luật (Dussīla)*, tức là bất luận vị Tỳ Khuru hoặc vị Tỳ Khuru Ni nào, sau khi đã được *Tứ Tác Bạch Tuyên Ngôn Hành Tăng Sự trước Tăng Đoàn (Ñatticatutthakammavàcà)* một cách đúng pháp ở bên trong cột mốc của khu vực có hạn định kiết giới, chỗ được gọi là *Kiết Giới Vực Sīmā (Thánh Địa Tam Bảo)* thành tựu viên mãn rồi, thì vị Tỳ Khuru hoặc Tỳ Khuru Ni ấy đã được gọi là người đã thọ *Cụ Túc Giới* với 227 hoặc 311 điều giới luật hiện hữu, và chẳng cần phải *thọ trì giới nguyện* một cách riêng biệt lại một lần nữa; suốt trọn thời gian khi vẫn chưa nói ra lời từ bỏ điều giới luật, hoặc vẫn chưa đến việc thành người *Phạm Tội Bất Cộng Trụ (Àpattipàràjika)*, thì lúc bấy giờ sẽ nói được rằng người ấy vẫn còn hiện hữu ở trong Tỳ Khuru Giới Luật hoặc Tỳ Khuru Ni Giới Luật một cách chân chánh hợp pháp. Tuy nhiên, một khi đã nói ra lời từ bỏ điều giới luật, hoặc đã đi đến việc thành kẻ phạm phải *Tội Bất Cộng Trụ* rồi, thế là những loại Tỳ Khuru Giới Luật hoặc Tỳ Khuru Ni Giới Luật ấy



đã chấm dứt. Bởi thế cho nên, vị Tỳ Khuru hoặc Tỳ Khuru Ni ấy, một khi vẫn chưa chuyển đổi giới tính, để thành người thế tục (*cur sī tati gia*), hoặc thành *Sa Di*, *Sa Di Ni*, mà vẫn còn duy trì *lời phát nguyện (Paṭiññāna)* là Tỳ Khuru hoặc Tỳ Khuru Ni, thế thì lúc bấy giờ sẽ nói rằng vị ấy là kẻ *Phạm Giới Luật (Dussīla)*.

Lại nữa, người đã được gọi là Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni ấy, cũng có khi vẫn không thành tựu trong việc *Thọ Cụ Túc Giới (Upasampada)*, là một khi ở trong phương thức *Hành Tăng Sự Cụ Túc Giới (Upasampadakamma)* ấy, đã có phát sinh lên bất luận một trong năm điều *Hư Hoại (Vipatti)* như sau:

1. *Sự Tình Hư Hoại (Vatthuvipatti)*: tức là vị *Cụ Túc Giới Tử (Upasampadā pekkha – Cụ Túc Chí Nguyện Tâm Giả)* ấy, là vị lập ý sẽ xuất gia vẫn chưa tròn đủ 20 tuổi thọ.
2. *Kiết Giới Vực Hư Hoại (Sīmāvipatti)*: tức là *Sīmā Thánh Địa Tam Bảo* (khu vực có hạn định kiết giới để hành Tăng Sự, *Kiết Giới Vực Sīmā*) đã bị hư hoại.
3. *Câu Hội Hư Hoại (Parisavipatti)*: tức là Tăng Đoàn câu hội không tròn đủ số lượng để hành Tăng Sự.
4. *Tuyên Ngôn Hư Hoại (Ñattivipatti)*: tức là việc tụng đọc Tuyên Ngôn không đúng pháp.
5. *Hành Tăng Sự Hư Hoại (Kammavācāvipatti)*: tức là việc tụng đọc Tuyên Ngôn Hành Tăng Sự sai trật.

Nếu nhớ như có việc thiếu sót đi *dù chỉ là một* ở trong năm điều *Hư Hoại (Vipatti)* như đã vừa đề cập đến ở tại đây; thì vị Tỳ Khuru hoặc Tỳ Khuru Ni ấy, cho dù đã được xuất gia cho đến 50 – 60 năm *tuổi đạo* đi nữa, cũng chỉ được gọi là Tỳ Khuru hoặc Tỳ Khuru Ni ngàn ấy thôi, tuy nhiên vẫn không thành tựu việc *Thọ Cụ Túc Giới* một cách chân chánh hợp pháp căn cứ theo Tạng Luật (*Vinayapīṭaka*).

+ *Đối với Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni là kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy)*, tức là bất luận vị Tỳ Khuru hoặc Tỳ Khuru Ni nào đã tác hành với *Tư Tác Ý* xâm phạm các điều giới luật khác, ở phần ngoài ra việc *Phạm Tội Bất Cộng Trụ (Āpattipārājika)*, như có *Tăng Tàn (Saṅghādisesa)*, hoặc *Ứng Đối Trị thanh tịnh (Suddhapācittiya)* v.v. ấy mà vẫn chưa chịu thụ nhận việc *Phạm Tội (Āpatti)* ấy cho đúng pháp dựa theo Tạng Luật. Có nghĩa là, nếu giả như đã *Phạm Tội Tăng Tàn* rồi, thế mà vẫn chưa thực hiện việc thọ *Hành Phạt Tội Tăng Tàn (Vuttḥāna kamma)* tức là có việc ở *Biệt Trú (Parivāsa)* và *Cắm Phòng (Mānatta)*. Giả như đã phạm đến các tội khác, như có *Ứng Đối Trị thanh tịnh* v.v. và vẫn chưa thực hiện việc *Hành Xưng Tội Danh (Desanākamma)* có việc trình bày việc *Phạm Tội (Āpatti)* ấy cho phát lộ đến bạn bè *Pháp Hữu (Sahadhammika)* như vậy rồi, thì sẽ nói rằng vị ấy là kẻ *Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy, là kẻ Vô Tàm,*

không biết hổ thẹn). Trong cả hai hạng Người này, thì hạng người là kẻ Phạm Giới Luật (*Dussila*) có tội nặng hơn, còn hạng người là kẻ *Bất Tri Sĩ* thì có tội nhẹ hơn.

+ *Đối với Sa Di là kẻ Phạm Giới Luật (Dussila) và là kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy)*, sự thật là vị Sa Di ấy, nếu như Người Truyền Cho (*Thầy Tế Độ*) thụ Tam Quy (*Tisaraṇagamana*) và Người Thụ Nhận (vị Sa Di) Tam Quy, đã được nói rằng đúng pháp theo đủ hết cả *Ba Thời (Tatīyavāra)*, và lại dù cho vẫn chưa phải có việc *thọ trì giới nguyện (Samādāna)* mười điều giới luật, có **“Pāṇātipātā veramaṇi, v.v. – Tránh khai việc Sát Mạng, v.v.”** một cách đặc biệt đi nữa, thì cũng coi như vị ấy đã thành tựu vị Sa Di qua việc thụ nhận Tam Quy ấy rồi, và luôn cả Sa Di Giới Luật cũng được thành tựu một cách chân chánh hợp pháp. Kể từ lúc ấy trở đi cho suốt trọn thời gian khi mà vẫn chưa chuyển đổi giới tính; hoặc vẫn chưa phạm vào một trong mười điều ở phần *Hủy Diệt Giới Tính (Liṅgāṇāsana – Tính Biệt)*, và chừng nào cả mười điều giới luật vẫn còn có thể hiện hữu ở trong đời sống của sự thành vị Sa Di ấy; thì như thế, việc trình bày cả mười điều giới luật, có **“Pāṇātipātā veramaṇi, v.v. – Tránh khai việc Sát Mạng, v.v.”** cho đến **“Jātarūparajata paṭiggahanā veramaṇi – Tránh khai sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh và cất giữ vàng bạc”** là chỗ điều giới luật cuối cùng, kể từ sau khi đã thụ Tam Quy với cả ba lần, tiếp nối theo đó là chỉ để cho vị Sa Di hiểu biết mà sẽ nên lưu tâm gìn giữ ở trong các điều giới luật ấy.

Cũng như Đức Thế Tôn đã có lập ý trình bày để ở trong *Kệ Điều Giới Luật (Sikkhāpadakathā)* thuộc *Chánh Tạng Luật Pāli* phần *Đại Phẩm (Mahāvagga vinaya)* nói rằng: **“Anujānāmi bhikkhave sāmaṇeraṇaṃ dasa sikkhāpadāni, tesu ca sāmaṇerehi sikkhitaṃ pāṇātipātā veramaṇiṃ v.v. jātarūparajata paṭiggahanā veramaṇiṃ”** như vậy.

Trong cả mười điều giới luật mà vị Sa Di đã xâm phạm đến phần *Hủy Diệt Giới Tính (Liṅgāṇāsana – Tính Biệt)* ấy, thì có được năm điều, đó là kể từ **“Pāṇātipātā veramaṇi v.v. – Tránh khai việc Sát Mạng, v.v.”** cho đến **“Surā merayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇi – Tránh khai việc uống rượu và các chất say”** là điều cuối cùng. Còn năm điều còn lại, kể từ **“Vikālabhojanā veramaṇi v.v. – Tránh khai việc thọ thực phi thời (ăn sai giờ)”** cho đến **“Jātarūparajata paṭiggahanā veramaṇi – Tránh khai sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh và cất giữ vàng bạc”** là chỗ điều giới luật cuối cùng, là chỉ thụ nhận việc xét xử tội bằng *Hành Phạt (Daṇḍakamma)* ngần ấy thôi. Như thế, vị Sa Di nào đã xâm phạm vào một trong năm điều giới luật có liên quan đến phần *Hủy Diệt Giới Tính (Liṅgāṇāsana – Tính Biệt)* ấy, **thì phải bị hoàn tục khỏi đời sống Giới Hạnh Sa Di**, hoặc nếu không muốn để sẽ phải hoàn tục thì nhất thiết phải thụ nhận truyền Tam Quy mới lại. Nếu nhờ như đã xâm phạm điều giới luật mà có liên quan với việc *Hành Phạt (Daṇḍakamma)*, thì hãy đến xin thụ nhận việc trừng phạt từ ở nơi vị *Thầy Tế Độ (Upajjhāya)* hoặc vị *Thầy Giáo Thọ (Ācāriya)* để cho có được sự trong sạch trở lại đến cho mình.

Bởi vì lẽ ấy, vị Sa Di nào đã có sự sai phạm điều giới luật liên quan đến một trong mười điều ở phần *Hủy Diệt Giới Tính (Liṅganāsana – Tính Biệt)* ấy, mà vẫn chưa chịu *hoàn tục khỏi đời sống Giới Hạnh Sa Di*, hoặc vẫn chưa chịu thụ nhận việc truyền Tam Quy mới lại, thì sẽ nói được rằng vị Sa Di ấy đã là *kẻ Phạm Giới Luật (Dussila)*. Nếu nhờ như vị Sa Di nào đã xâm phạm điều giới luật mà có liên quan với một trong mười điều *Hành Phạt (Daṇḍakamma)* nhưng vẫn chưa chịu xin thụ nhận việc trừng phạt từ ở nơi vị *Thầy Tế Độ (Upajjhāya)* hoặc vị *Thầy Giáo Thọ (Ācāriya)* để cho có được sự trong sạch trở lại đến cho mình, thì sẽ nói được rằng vị Sa Di ấy đã là *kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjī – kẻ Bất Thủ Thanh Quy, là kẻ Vô Tàm, không biết hổ thẹn)*.

### Thập Điều Hủy Diệt Giới Tính (Liṅganāsana), đó là:

1. *Sát Mạng Giả (Pāṇātipātī hoti)*: Sa Di là kẻ sát mạng loài Hữu Tình.
2. *Đạo Tặc Giả (Adinnādāyī hoti)*: Sa Di là kẻ đạo tặc.
3. *Phi Phạm Hạnh Giả (Abrahmacārī hoti)*: Sa Di là kẻ xâm phạm Phi Phạm Hạnh.
4. *Vọng Ngữ Giả (Musāvādī hoti)*: Sa Di là kẻ nói dối.
5. *Ám Tửu Giả (Surāmerayamajjapayī hoti)*: Sa Di là kẻ uống rượu và các chất say.
6. *Ngôn Từ Phỉ Báng Đức Phật (Buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati)*: Sa Di là kẻ nói lời phỉ báng miệt thị Đức Phật.
7. *Ngôn Từ Phỉ Báng Pháp Bảo (Dhammassa avaṇṇaṃ bhāsati)*: Sa Di là kẻ nói lời phỉ báng miệt thị Pháp Bảo.
8. *Ngôn Từ Phỉ Báng Tăng Bảo (Saṅghassa avaṇṇaṃ bhāsati)*: Sa Di là kẻ nói lời phỉ báng miệt thị Thánh Tăng hoặc Tục Tăng.
9. *Tà Kiến Giả (Micchādittīhiko hoti)*: Sa Di là kẻ có sự thấy sai chấp lầm, chẳng hạn như *Thường Kiến (Sassatadittī)*.
10. *Tỳ Khuru Ni Tác Ác Giả (Bhikkhunīdūsako hoti)*: Sa Di là kẻ hãm hại vị Tỳ Khuru Ni.

Nếu giả như vị Sa Di nào đã xâm phạm một trong mười điều *Hủy Diệt Giới Tính* này rồi, thì thường là đứt mất sự thành vị Sa Di, và cần phải hoàn tục đi. Nếu nhờ như không có ý định để sẽ hoàn tục, đối với việc xâm phạm một trong chín điều *Hủy Diệt Giới Tính* này (ngoại trừ *Tà Kiến*) thì cho vị Sa Di ấy thực hiện việc xin thú tội sự phạm tội của mình đến với vị *Thầy Tế Độ* hoặc vị *Thầy Giáo Thọ* cùng với lời *Tự Phát Nguyện (Paṭiññāna)* cho việc lưu tâm cẩn phòng để ngăn không cho tái phạm vào ở trong các điều *Hủy Diệt Giới Tính* ấy lại nữa. Khi đã hoàn tất xong, kế tiếp là việc xin được thụ nhận việc truyền Tam Quy mới trở lại.

Và như thế, mới sẽ thành vị Sa Di bình thường, tức là đã có *Giới Luật (Sìla)* của việc thành tựu vị Sa Di như lúc ban đầu.

Còn điều thứ chín của phần *Hủy Diệt Giới Tính* tức là Tà Kiến ấy, nếu giả như vị Sa Di nào đã có xâm phạm rồi, thì cũng tương tự, là cần phải hoàn tục khỏi đời sống *Giới Hạnh Sa Di*; hoặc nếu không có ý định để sẽ hoàn tục, thì điều trước tiên phải là người từ bỏ sự thấy sai chấp lầm ấy, và trở thành người có Chánh Kiến; thế rồi trình bày sự trong sạch của mình cho phát lộ nguyện làm thành người có Chánh Kiến đến với tất cả Hội Chúng Tăng Đoàn, cùng với lời *Tự Phát Nguyện* nói rằng: “*Trước kia đã có sự thấy sai chấp lầm, kể từ ngày hôm nay xin nguyện từ bỏ sự thấy như thế, và cũng kể từ ngày hôm nay trở đi sẽ cố gắng để không còn là kẻ có Tà Kiến như thế ấy nữa.*” Một khi Hội Chúng Tăng Đoàn đã thụ nhận cho lời thú tội ấy rồi, thì mới xin được thụ nhận việc truyền Tam Quy mới lại. Và thế rồi tiếp nói theo, vị Sa Di ấy mới sẽ phục hồi trở lại thành một vị đã có được đầy đủ Sa Di Giới Luật một cách chân chánh hợp pháp.

### Thập Điều Hành Pháp (**Dañḍakamma**), đó là:

1. *Phi Thời Thực Giả (Vikàlabhojano hoti)*: Sa Di là kẻ thọ thực ở trong thời khắc sai giờ (*Vikàla*).
2. *Ca Nhạc Giả (Naccagìtavàditavisùkadassano hoti)*: Sa Di là kẻ ưa thích việc múa hát, đàn ca và việc thổi kèn với các nhạc cụ.
3. *Trang Sức Giả (Màlàgandhavilepanadhàraṇamaṇḍanavibhùsano hoti)*: Sa Di là kẻ ưa thích việc tô điểm trang sức xác thân với hương phẩm, vật bôi nhuộm, với vật thoa xức.
4. *Thượng Ngọa Giả (Uccàsayanamahàsayano hoti)*: Sa Di là kẻ ưa thích nằm ở trên cao và chỗ nằm to lớn xinh đẹp (*Vicittara*).
5. *Thụ Kim Ngân Giả (Jàtarùparajatapaṭiggahano hoti)*: Sa Di là kẻ ưa thích duyệt ý với việc thụ nhận vàng bạc, hoặc vật dùng để thay thế vàng bạc.
6. *Nỗ Lực Tác Tệ Chư Tỳ Khuru (Bhikkhunaṃ alàbhàya parisakkati)*: Sa Di là kẻ cố gắng ở trong việc làm cho tổn hại lợi lộc (*Làbha*) của vị Tỳ Khuru.
7. *Nỗ Lực Tác Họa Chư Tỳ Khuru (Bhikkhunaṃ avàsàya parisakkati)*: Sa Di là kẻ cố gắng ở trong việc làm cho vị Tỳ Khuru không có chỗ trú ngụ, chỗ nương trú.
8. *Nỗ Lực Tác Hại Chư Tỳ Khuru (Bhikkhunaṃ anattàya parisakkati)*: Sa Di là kẻ cố gắng làm cho vị Tỳ Khuru khởi sinh lên điều tai hại.
9. *Ngôn Luận Phê Bình Chỉ Trích Chư Tỳ Khuru (Bhikkhù akkosati paribhàsati)*: Sa Di là kẻ nói lời mắng nhiếc nguyên rủa và luận tội Chư Tỳ Khuru.
10. *Độc Xúc Bất Hòa Chư Tỳ Khuru (Bhikkhù bhikkhùhi bhedeti)*: Sa Di là kẻ độc thúc xúi xiểm làm cho Chư Tỳ Khuru chia rẽ tình đoàn kết lẫn nhau.



Bất luận vị Sa Di nào một khi đã xâm phạm tác hành điều sai trật thì sẽ phải thụ nhận việc *Hành Phạt* từ ở nơi vị Thầy Tế Độ hoặc vị Thầy Giáo Thọ y theo mười điều Hành Phạt này. Vẫn còn có nhiều thể loại khác nữa, chẳng hạn như 75 điều *Ứng Học Pháp (Sekhiyasikkhapàda)* và 14 điều *Phận Sự phải hành (Khandhakavattara)*. Những thể loại này cũng như nhau, nếu vị Sa Di không chịu tuân thủ, hoặc làm tròn phận sự ở trong điều giới luật và bất luận một trong các điều phận sự phải hành như đã vừa được nói đến, thì sẽ phải thụ nhận tội Hành Phạt. Giá như không chịu thụ nhận như đã vừa nói, thì sẽ nói được rằng là kẻ *Bất Tri Sĩ (Alajjì – kẻ Bất Thủ Thanh Quy, là kẻ Vô Tâm, không biết hổ thẹn)*, tương tự như nhau.

+ *Đối với Cư Sĩ Ngũ Giới là kẻ Phạm Giới Luật (Dussila)*: có việc kiêng tránh việc sát mạng loài Hữu Tình, v.v. cho đến việc kiêng tránh việc uống rượu và các chất say, là điều cuối cùng đây; là Giới Luật phổ biến dành riêng cho người thế tục, bất phân biệt chủng tộc, giai cấp, sắc da, và quốc độ. Như thế, nếu như người nào có việc kiêng tránh, và bất xâm phạm, thì người ấy được gọi là đã được an trú ở trong Thế Tục Giới Luật. Nếu như người nào không có việc kiêng tránh và đã xâm phạm ở trong bất luận một điều nào, hoặc hết cả năm điều, thì người ấy sẽ được gọi là kẻ *Phạm Giới Luật (Dussila)*.

+ *Đối với Cư Sĩ Tại Gia là kẻ Bất Tri Sĩ (Alajjì – kẻ Bất Thủ Thanh Quy)*, là người cư sĩ nào ưa thích nói lời độc xúc xúi xiểm (*Pisunavàcà - Ly Gián Ngữ*), nói lời thô tục xấu ác (*Pharusavàcà - Thô Ác Ngữ*), nói lời tầm sàm, nhằm nhí vô ích (*Samhappalàpa - Hồ Ngôn Loạn Ngữ*) và ưa thích với những thể loại nghĩ suy tham muốn chú mục của cải người khác (*Abhijjhà – Ý Tham Ác*), nghĩ suy oán hận giận dữ người khác (*Byàpàda – Ý Cừu Hận*), và là người chẳng ưa thích thực hành những bốn phận y theo huấn từ của Đức Thế Tôn, mà đã có lập ý trình bày để ở trong bài *Kinh Thi Ca La Việt (Sīṅgàlasutta)* thuộc Chánh Tạng Pàli *Trường Bộ Kinh – Phẩm Pàthikavagga* nói rằng: “*Không thực hành theo bốn phận giữa Cha Mẹ với Con Trẻ, Chồng với Vợ, Thầy Giáo Thọ với Môn Đồ, Chủ Nhân với Tôi Tớ, Bằng Hữu với Bằng Hữu, và giữa Cư Sĩ Tại Gia với Bạc Xuất Gia. Nếu như người cư sĩ ấy, bất hạn định sẽ là người nam hoặc nữ nhân, chủng tộc nào, ngôn ngữ nào, quốc độ nào đi nữa; một khi đã là như vậy rồi, thì sẽ nói được rằng người ấy là kẻ Bất Tri Sĩ. Nếu như người cư sĩ nào chẳng ưa thích nói những lời Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, chẳng ưa thích nghĩ suy về Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận; và có sự hoan hỷ duyệt ý thực hành theo bốn phận giữa Cha Mẹ với Con Trẻ, Chồng với Vợ, v.v. thì người cư sĩ ấy được gọi là bậc Tri Sĩ (Lajjipuggala – bậc Hữu Tâm).*”

**Giải Thích Đặc Biệt Trong Việc Thọ Trì Ngũ Giới (Samàdànapañcasīla)**

Việc nguyện thọ trì Ngũ Giới hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1. Nguyện thọ trì gộp chung cả năm điều giới luật vào với nhau (*Pañcaṅga samannāgataṃ sīlaṃ samādiyāmi*).
2. Nguyện thọ trì riêng biệt từng mỗi điều giới luật.

+ Việc nguyện thọ trì gộp chung Ngũ Điều Giới Luật vào với nhau thì có được như sau; là Tự Phát Nguyện (*Paṭiññaṇa*) với lời nói rằng “*Pañca sikkhā padaṃ samādiyāmi*” hoặc “*Pañcasīlaṃ samādiyāmi*” dịch là “Con xin thọ trì trọn đủ cả năm điều giới luật, có kiêng tránh sát mạng (*Pāṇātipātāvirati*), v.v. cho đến kiêng tránh uống rượu và các chất say (*Surāmerayamajjapamādaṭṭhāna virati*), là cuối cùng.”

Ngay cả ở trong việc nguyện thọ trì Bát Quan Trai Giới (*Uposathasīla*) cũng tương tự như nhau, nếu thọ trì gộp chung cả tám điều giới luật vào với nhau thì cũng nói như sau: “*Uposathasīlaṃ samādiyāmi*” hoặc “*Aṭṭhaṅgasīlaṃ samādiyāmi*”- “Con xin thọ trì Bát Quan Trai Giới có đủ tám điều giới phần”.

+ Việc nguyện thọ trì Ngũ Điều Giới Luật theo riêng biệt từng mỗi điều thì có được như sau, sẽ nói rằng:

- *Pāṇātipātā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi*, v.v.
- *Surāmerayamajjapamādaṭṭhāna veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi*.

Ngay cả việc nguyện thọ trì tám điều giới luật theo riêng biệt từng mỗi điều, thì có được như sau:

- *Pāṇātipātā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi*, v.v.
- *Uccāsayanamahāsayanā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi*.

Việc nguyện thọ trì cả hai thể loại Ngũ Giới, Bát Giới như đã vừa đề cập đến ở tại đây, nếu như người nào nguyện thọ trì gộp chung các điều giới luật vào với nhau, thì nhờ như chỉ xâm phạm duy nhất ở một điều nào trong các điều giới luật ấy làm cho phải bị đứt đi, thì coi như việc tuân thủ Ngũ Giới hoặc Bát Giới của người ấy đã bị đứt chung hết cả với nhau. Thế là cần phải nguyện thọ trì mới trở lại hết tất cả. Còn người nguyện thọ trì theo riêng biệt từng mỗi điều giới luật, nếu như đã xâm phạm vào điều nào thì cũng coi như chỉ riêng điều giới luật ấy bị đứt mà thôi, còn các điều khác thì vẫn tồn tại hiện hữu như thường, và không bị đứt mất. Thế là chỉ cần nguyện thọ trì mới trở lại riêng với điều đã bị đứt ấy thôi.

Lại nữa, việc nguyện thọ trì Ngũ Giới, Bát Giới với người xin thọ trì có hạn định về thời gian ở trong Tâm, thì cũng chỉ xin nguyện thọ trì một lần một thôi. Việc nguyện thọ trì của người này cũng được gọi là đã được an trú suốt trọn thời gian đã hạn định, chẳng hạn như là người xin nguyện thọ trì Ngũ Giới hoặc Bát Giới hạn định ở trong thời gian là ba tháng, hoặc một tháng, nửa tháng, một tuần cũng được, hoặc một ngày một đêm cũng được, ngay cả cuối cùng chỉ là nửa ngày



cũng được. Một khi đã *phát nguyện (Adhiṭṭhàna)* ở trong Tâm rồi, cùng với việc nguyện thọ trì phần Giới Luật ấy, thì việc thọ trì ấy sẽ an trú suốt trọn thời gian đã hạn định, và khi đã đến thời hạn định thì việc nguyện thọ trì ấy cũng được gọi là tự nó chấm dứt vậy.

Ngũ Giới đây, là *Thường Xuyên Giới Luật (Niccasiḷa)* của tất cả hàng cư sĩ tại gia. Như thế dù cho người có nguyện thọ trì hoặc không có nguyện thọ trì, thì cũng phải tuân thủ gìn giữ một cách thường xuyên, để cho tự bản thân mình là người có giới luật. Nếu như sẽ có người viện có nói rằng “*Tôi không có nguyện thọ trì, thì như thế chẳng cần phải tuân thủ, và cũng chẳng có tội.*” Ở trong lời nói như thế ấy, chỉ là biểu lộ cho người khác được biết rằng mình là người không am tường ở trong Ngũ Giới, đã là loại *Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả hàng cư sĩ tại gia; thế nhưng người ấy có được là người thoát khỏi sự làm thành kẻ *Phạm Giới Luật (Dussiḷa)* không? Đối với người đã có việc nguyện thọ trì và rồi cũng đã có tuân thủ *Ngũ Giới* ấy, lại được tăng trưởng nhiều lợi ích khác nữa, sẽ nói được rằng ngoài việc *Ngũ Giới Thiện (Pañcasīlakusala)* ra đây, thì vẫn còn có phát sanh lên thêm việc thọ nguyện điều Thiện khác nữa vậy. Với lý do này, tất cả những hàng Phật Tử đã luôn có hiện bày việc nguyện thọ trì *Hạn Định Ngũ Giới (Pañca Niyamasamādānasīla)* mãi cho đến tận ngày hôm nay.

### Trình Bày Đặc Biệt Trong Bát Quan Trai Giới Và Người Thọ Trì

*Bát Quan Trai Giới (Uposathasīla)* với tám điều giới luật đây, là *Thường Xuyên Giới Luật (Niccasiḷa)* của người *Cận Sự Nam (Upasaka)*, *Cận Sự Nữ (Paṇḍaraṅgapabbajita = Bạch Y Đạo Sĩ Giới Phần)*, và *Nam Đạo Sĩ (Tāpasa)*, *Nữ Đạo Sĩ (Tāpasinī)*. Như thế, những vị *Cận Sự Nam*, *Cận Sự Nữ*, *Nam Đạo Sĩ* này, nhất thiết phải tuân thủ cho được đầy đủ, và trong việc nguyện thọ trì thì chỉ có nguyện duy nhất một lần một thôi, thế là hằng luôn hiện hữu ở trong suốt trọn khoảng thời gian vẫn còn vẫn mặc bạch y. Nếu như như bất luận vị *Cận Sự Nam*, *Cận Sự Nữ*, *Nam Đạo Sĩ* nào, đã không tuân thủ cho được tròn đủ, dù chỉ là việc tuân thủ *Ngũ Giới* hoặc tuân thủ *Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājivaṭṭhamakasīla)*, thì cũng là bất xứng với vị trí *Cận Sự Nam*, *Cận Sự Nữ*, và *Bạch Y Đạo Sĩ*; như thế nên chuyển đổi giới tính cho làm thành vị cư sĩ tại gia đi vậy. Nếu không chuyển đổi giới tính, cho làm thành vị cư sĩ, thì sẽ gọi vị *Cận Sự Nam*, *Cận Sự Nữ*, *Bạch Y Đạo Sĩ* ấy là kẻ *Phạm Giới Luật (Dussiḷa)*. *Bát Quan Trai Giới* này, chẳng phải là loại *Thường Xuyên Giới Luật* đối với hàng cư sĩ tại gia (là *Bất Thường Giới Luật – Aniccasiḷa*, thuộc *Hạn Định Giới Luật (Niyamasīla)*). Vì thế, những hàng cư sĩ tại gia mà sẽ có tuân thủ, ắt hẳn sẽ được phát sanh lên thêm nhiều điều lợi ích đặc thù, hoặc sẽ không tuân thủ thì cũng chẳng có điều tội lỗi nào cả.

### Trình Bày Giới Luật Đặc Biệt Của Những Cư Sĩ Tại Gia

Việc nguyện thọ trì Giới Luật của hàng cư sĩ, ngoài Ngũ Giới và Bát Giới ra rồi, cũng vẫn có các loại Giới Luật khác nữa để sẽ được tuân thủ, chẳng hạn như:

1. *Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājivaṭṭhamakasīla)*: tức là ngăn trừ *Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)*, *Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita)*, và kiêng tránh *Tà Mạng (Micchājivā)*.
2. *Cửu Chi Bồ Tát Trai Giới (Navaṅga Uposathasīla)*: đó chính là *Bát Quan Trai Giới* lại có thêm phần “*Yathā balaṃ mettā sahaḡatena cetasā sabbā vantaṃ lokam pharitvā viharāmi – Với Tâm câu hữu Từ Ái biến mãn hết tất cả loài Hữu Tình và an trú*”- “*Tôi xin truyền rải với Tâm Từ Ái cho đến hết tất cả loài Hữu Tình ở khắp mọi muôn phương.*”
3. *Thập Chi Giới Luật (Dasāṅgasīla)*: đó chính là 10 điều giới luật mà vị Sa Di phải tuân thủ.

### **Trình Bày Tên Gọi Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājivaṭṭhamakasīla) Và Người Tuân Thủ Ngũ Giới Khác Biệt Với Mạng Đệ Bát Giới Luật**

*Mạng Đệ Bát Giới Luật* đây, ở trong bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo*, Ngài đã gọi là *Khởi Phát Phạm Hạnh Giới Luật (Ādibrahmacayikasīla)*, là Giới Luật ở phần tiên khởi của *Đạo Phạm Hạnh (Maggabrahmacariya)*; có nghĩa *Mạng Đệ Bát Giới Luật* là những điều giới luật cần phải được hoàn thành viên mãn trong giai đoạn khởi đầu của việc phát triển Thánh Đạo, cho được hoàn thành Đạo Quả.

Lại nữa, tất cả hàng cư sĩ tại gia cho dù sẽ có nguyện thọ trì *Mạng Đệ Bát Giới Luật* hoặc không có nguyện thọ trì đi nữa; mà nếu như đã có việc xâm phạm bất luận một điều giới luật nào rồi, ắt hẳn cũng có tội tương tự như với việc xâm phạm Ngũ Giới vậy. Trong cả hai thể loại Giới Luật ấy, giả như người nào thường xuyên tuân thủ *Ngũ Giới* thì người ấy sẽ được gọi là bậc *Hiền Triết Thông Thường*. Nếu như thường xuyên tuân thủ *Mạng Đệ Bát Giới Luật* thì người ấy sẽ được gọi là bậc *Hiền Triết Thù Thắng*.

### **Phân Loại Giới Luật Theo Thường Xuyên Giới (Niccāsīla) Và Bất Thường Giới (Aniccāsīla)**

*Thường Xuyên Giới Luật (Niccāsīla)* có nghĩa là Giới Luật nào một khi trí kính lễ đã hoàn thành xong cùng với Giới Luật ấy, mà đặc biệt chẳng phải có việc nguyện thọ trì lại lần nữa, và người ấy cũng cần phải tiên quyết thường luôn tuân thủ Giới Luật ấy một cách kiên định, và lại nếu chẳng tuân thủ thì ắt hẳn sẽ có tội, như thế Giới Luật ấy được gọi là *Thường Xuyên Giới Luật*.

*Bất Thường Xuyên Giới Luật (Aniccasiḷa)* có nghĩa là Giới Luật nào chẳng thọ trì thì chẳng có tội. Nếu nhờ như có sự kỳ vọng, thì trước tiên sẽ phải có việc nguyện thọ trì Giới Luật ấy, như vậy Giới Luật ấy được gọi là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* (còn gọi là *Hạn Định Giới Luật – Niyamasīla*).

*Thường Xuyên Giới Luật* là 227 và 331 điều giới luật, nơi mà Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày đề ở trong *Tỳ Khuru Biệt Biệt Giải Thoát Giới* và *Tỳ Khuru Ni Biệt Biệt Giải Thoát Giới*, ấy là *Thường Xuyên Giới Luật* của *Tỳ Khuru* và *Tỳ Khuru Ni*. *Thập Chi Giới Luật* và 75 điều *Ứng Học Pháp* ấy là *Thường Xuyên Giới Luật* của *Sa Di* và *Sa Di Ni*. *Bát Quan Trai Giới* là *Thường Xuyên Giới Luật* của *Bạch Y Đạo Sĩ* (*Cận Sự Nam*, *Cận Sự Nữ*, *Bạch Y Cư Sĩ*, gọi theo một cách khác nữa là *Nữ Tu*) và của tất cả các vị *Đạo Sĩ*. *Ngũ Giới* là *Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

*Bất Thường Xuyên Giới Luật* là việc tu tập *Điều Tiết Dục (Dhūtaṅga – Đầu Đà, Pháp hành đạo nghiêm ngặt của các nhà sư, gồm có 13 Pháp, như sống độc cư rừng già, sống dưới cội cây, v.v.)*. Trong 13 *Pháp Điều Tiết Dục Đầu Đà* này là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* của *Tỳ Khuru*, *Tỳ Khuru Ni*, *Sa Di*. Việc tu tập bất luận một trong các *Pháp Điều Tiết Dục* và *Thập Chi Giới Luật* là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả các vị *Bạch Y Đạo Sĩ* và các vị *Đạo Sĩ*.

*Bát Quan Trai Giới, Cửu Chi Giới Luật, Thập Chi Giới Luật*, và tu tập *Pháp Đầu Đà Điều Tiết Dục, Nhất Tọa Thụ Thực Đầu Đà (Ekāsānikāṅgadhūtaṅga), Trì Bình Khất Thực Đầu Đà (Pattapiṇḍikāṅgadhūtaṅga)* với những thể loại này là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

### **Phân Loại Giới Luật Theo Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla) Và Ngăn Trừ Giới Luật (Vārittasīla)**

*Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla)* có nghĩa không thực hiện thì không có tội. Nếu như đã có thực hiện thì sẽ có nhiều lợi ích to lớn, đó chính là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* như đã vừa đề cập đến vậy.

*Ngăn Trừ Giới Luật (Vārittasīla)* có nghĩa Giới Luật ấy cần phải thường luôn thực hiện, nếu không có thực hiện thì ắt hẳn có tội, đó chính là *Thường Xuyên Giới Luật*.

### **Phương Thức Nguyện Thọ Trì Luôn Cả Kính Lễ Đức Phật, Thọ Tam Quy (Tisaraṇagamana) Và Điều Giới Luật**

Phương thức nguyện thọ trì Ngũ Giới và Bát Quan Trai Giới ấy, thường là khắp tất cả đã có sự hiểu biết một cách tốt đẹp, do đó, ở tại đây không nhất thiết sẽ đề cập lại thêm một lần nữa. Đối với phương thức nguyện thọ trì *Mạng Đệ Bát*

Giới Luật, Cửu Chi Bồ Tát Trai Giới (*Navāṅguposathasīla*) và Thập Chi Giới Luật, có việc trình bày như sau:

### Mạng Đệ Bát Giới Luật (*Ājivaṭṭhamakasīla*)

1. *Mayaṃ bhante tisaraṇena saha ājivaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yacāmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me bhante dutiyampi v.v. tatiyampi v.v.* (Chỉ có bên phía người xin thụ nhận) – “Kính bạch các Ngài thương xót cho con xin thọ trì Tam Quy và Mạng Đệ Bát Giới Luật ở nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, v.v. Lần thứ ba v.v.

2. *Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa* (3 lần)

“Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác” –

3. *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi v.v. Dutiyampi v.v. Tatiyampi v.v.* -

“Con đem hết lòng thành kính xin Quy Phật v.v. Lần thứ nhì v.v. Lần thứ ba v.v.”

4. 1. *Pāṇātipātā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.

2. *Adinnādānā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3. *Kāmesumicchācārā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm.

4. *Musāvādā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

5. *Pisunavācā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ly gián ngữ.

6. *Pharusavācā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thô ác ngữ.

7. *Samphappalāpā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hồ ngôn loạn ngữ.

8. *Micchājivā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà mạng.

Tóm tắt, “*Tisaraṇena saha ājivaṭṭhamakasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādeṭṭhā*”- “Nên thọ trì Tam Quy và Mạng Đệ Bát Giới Luật cho được trọn đủ và chẳng có để duôi.”

“*Silena sugatiṃ yanti silena bhogasampadā silena nibbatim yanti tasmā sīlaṃ visodhaye*”- “Trì Giới sinh Thiện Thú, Trì Giới sinh mãn túc tài vật, Trì Giới sinh giải thoát Níp Bàn. Vì lẽ ấy, nên thọ trì Giới Luật cho được thanh tịnh.” (Chỉ có bên phía Người truyền cho)

Người  
truyền

đọc  
trước và  
người  
thụ  
nhận

đọc  
theo  
sau  
từng  
mỗi  
phần



## Cửu Chi Bồ Tát Giới Luật (Navaṅguposathasīla)

1. *Mayaṃ bhante tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yàcàmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me bhante dutiyampi v.v. tatiyampi v.v.* (Chỉ có bên phía người xin thụ nhận) – “Kính bạch các Ngài thương xót cho con xin thọ trì Tam Quy và Cửu Chi Bồ Tát Giới Luật ở nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, v.v. Lần thứ ba v.v.

2. *Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa* (3 lần)

“Con xin đánh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác” –

3. *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi v.v. Dutiyampi v.v. Tatiyampi v.v.* -

“Con đem hết lòng thành kính xin Quy Phật v.v. Lần thứ nhì v.v.

Lần thứ ba v.v.”

4. 1. *Pāṇātipatā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.

2. *Adinnādānā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3. *Abrahmacariyā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hành dâm.

4. *Musāvādā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

5. *Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự uống rượu và các chất say.

6. *Vikālabhojanā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sai giờ.

7. *Naccagītavādita v.v. mālāgandhavilepana v.v.* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, v.v việc tô điểm trang sức v.v.

8. *Uccāsayanamahāsayanā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm ở trên cao và chỗ nằm to lớn xinh đẹp (*Vicitrara*).

9. *Yathā balaṃ mettā sahaḡatena cetasā sabbāvantāṃ lokāṃ pharivā viharāmi* (hoặc là) *Mettā sahaḡatena cetasā sabbapaṇa bhūtesu pharivā viharanaṃ samādiyāmi* - Với Tâm câu hữu Từ Ái biến mãn hết tất cả loài Hữu Tình ở khắp mọi muôn phương.

Tóm tắt, “*Tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha*”- “Nên thọ trì Tam Quy và Cửu Chi Bồ Tát Giới Luật cho được trọn đủ và chẳng có dễ duôi.”

“*Silena sugatiṃ yanti sīlena bhogasampadā sīlena nibbatim yanti tasmā sīlaṃ visodhaya*”- “Trì Giới sinh Thiện Thú, Trì Giới sinh mãn túc tài vật, Trì Giới

Người  
truyền  
đọc  
trước  
và  
người  
thụ  
nhận  
đọc  
theo  
từng  
mỗi  
phần

sinh giải thoát Níp Bàn. Vì lẽ ấy, nên thọ trì Giới Luật cho được thanh tịnh.” (Chỉ có bên phía Người truyền cho)

### Thập Chi Giới Luật (**Dasaṅgasa**)

1. *Mayaṃ bhante tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasiḷaṃ dhammaṃ yacāmi anuggahaṃ katvā siḷaṃ detha me bhante dutiyampi v.v. tatiyampi v.v.* (Chỉ có bên phía người xin thụ nhận) – “Kính bạch các Ngài thương xót cho con xin thọ trì Tam Quy và Thập Chi Giới Luật ở nơi Tam Bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Lần thứ nhì, v.v. Lần thứ ba v.v.

2. *Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa* (3 lần)

“Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác” –

3. *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi v.v. Dutiyampi v.v. Tatiyampi v.v.* -

“Con đem hết lòng thành kính xin Quy Phật v.v. Lần thứ nhì v.v. Lần thứ ba v.v.”

4. 1. *Pāṇātipātā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.

2. *Adinnādānā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3. *Abrahmacariyā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hành dâm.

4. *Musāvādā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

5. *Surāmerayamajjapamādatṭhānā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự uống rượu và các chất say.

6. *Vikālabhojanā veramaṇi sikkhāpadaṃ samādiyāmi* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sai giờ.

7. *Naccagītavāditavisūkadassanā v.v.* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, v.v.

8. *Mālāgandhavilepana v.v.* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa việc tô điểm trang sức v.v.

9. *Uccāsayanamahāsayanā v.v.* – Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm ở trên cao v.v.

10. *Jātarūparajatapaṭiggahanā v.v.* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa việc thụ nhận vàng bạc, hoặc vật dùng để thay thế vàng bạc

Tóm tắt, “*Tisaraṇena saha dasaṅgahaṭṭhasiḷaṃ sādhuḷaṃ katvā appamādena sampādeṭṭha*”- “Nên thọ trì Tam Quy và Thập Chi Giới Luật cho được trọn đủ và chẳng có để dư.”

Người  
truyền  
đọc  
trước  
và  
người  
thụ  
nhận  
đọc  
theo  
từng  
mỗi  
phần



**“Silena sugatim yanti silena bhogasampada silena nibbatim yanti tasma silam visodhaya”**- “Trì Giới sinh Thiện Thú, Trì Giới sinh mãn túc tài vật, Trì Giới sinh giải thoát Níp Bàn. Vì lẽ ấy, nên thọ trì Giới Luật cho được thanh tịnh.” (Chỉ có bên phía Người truyền cho)

**Ghi chú:** Người truyền cho Giới Luật nói rằng: **“Yamahaṃ vadāmitaṃ vadetha”** - “Ta đọc lời nào, các người đọc theo lời ấy” sau khi lời thỉnh cầu (Àraddhanā), và các Người thụ nhận cùng nhau nói rằng **“Āma bhante”**- “Dạ xin vâng, bạch Ngài.”

Và Người truyền cho Giới Luật nói rằng: **Tisaraṇagamaṇaṃ paripuṇṇaṃ** - “Pháp thụ Tam Quy đã được tròn đủ” sau khi Người thụ nhận Tam Quy vừa dứt xong, và các Người thụ nhận cùng nhau nói rằng **“Āma bhante”**- “Dạ xin vâng, bạch Ngài.”

Những lời vừa nói ở tại đây, là những lời nói của tất cả các nhà Chú Giải Cổ Điển (Porāṇacāriya) dùng để chỉ giáo với nhau, và tiếp tục duy trì mãi cho đến ngày hôm nay; vì thế chẳng nên để làm thất thoát những điều tốt đẹp này cho phải bị mất mát đi.

### **Trình Bày Nền Tảng Hàng Cư Sĩ Tại Gia Thọ Trì Thập Chi Giới Luật Và Dịch Nghĩa Nội Dung Chính Tuân Tự Theo Từng Mỗi Điều**

- 1. Niccasilavasena pañcasikkhāpadāni, sati và ussāhe dasa, uposathaṅga vasena aṭṭhāti idaṃ gahaṭṭhasilaṃ** - [Ngũ Giới là Thường Xuyên Giới Luật; Thập Giới là khi có thể, Bát Giới đặc biệt trong ngày Bố Tát Trai Giới; điều này là Thế Tục Giới Luật.] - Cả năm điều giới luật (Ngũ Giới) là Thường Xuyên Giới Luật, cả mười điều giới luật là khi có khả năng, hoặc cả tám điều giới luật là khi theo Chi Phần từ ở nơi Bát Quan Trai Giới. Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới được gọi là Thế Tục Giới Luật. (Trích ở trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo, Phần Thứ Nhất, điều 15)
- 2. Dasāti samaṇerehi rakkhitabbasīlamāha** – Trong từ ngữ **“Dasasīla – Thập Giới”**, đề cập đến “đó chính là Thập Giới mà tất cả Chư Sa Di đã tuân thủ thọ trì. (Trích ở trong bộ Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo – **Visuddhi maggamaḥāṭṭhā**)
- 3. Sikkhāti upāsaka upāsikāhi sikkhitabbasikkhā, sà pi pañcasīladasasīla vasena vaṭṭati** - Trong từ ngữ **“Sikkhā – Thực Hiện”**, đó chính là điều giới luật mà tất cả các Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ nên được thực hiện. Điều giới luật mà tất cả các Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ nên được thực hiện ấy, là sẽ thọ trì Ngũ Giới, Thập Giới cũng là duyệt ý. (Trích ở trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ - **Sammohavinodanī Atthakathā**)
- 4. Sīlavantoti upāsakatte patitṭhāya pañcahi pi dasahi pi sīlehi samannāgata** – Người an trú ở trong sự làm thành Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ và hội túc

duyên với Ngũ Giới cũng như Thập Giới đây, mới được gọi là Giới Đức Hiền Giả (*Silavanta*), là người có Giới Hạnh. (Trích ở trong bộ Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh, Phẩm Hữu Kế - *Sagàthavaggasampayutta Atthakathà*)

5. *Gihinopi pañcasīlam dasasīlam paccavekkhantassa* – Người cư sĩ tại gia thăm sát Ngũ Giới hoặc Thập Giới mà mình đã tuân thủ thọ trì. (Trích ở trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ)
6. *Saraṇagamane kiñci niveseti tathāgato, kiñci pañcasu sīlesu, sīle dasavidhe param* - Đức Như Lai lập ý khuyến bảo và dắt dẫn Nam – Nữ Thí Chủ Hộ Độ (*Dàyaka – Dàyikà*), với một vài nhóm cho được an trú ở trong Thọ Trì Tam Quy, một vài nhóm cho được an trú ở trong Ngũ Giới, một vài nhóm cho được an trú ở trong Thập Giới, như vậy. (Trích ở trong bộ Chú Giải Biên Niên Sử Chư Phật - *Buddhavaṃsa*)

### Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. Và Pháp Đối Lập (*Paṭikkhepadhamma*) v.v. Của Trì Giới Thiện

1. *Trạng Thái (Lakkhaṇa)*: có việc làm thành chỗ an trú của tất cả các Pháp Thiện, làm trạng thái. (*Paṭiṭṭhāpanalakkhaṇam*)
2. *Phận Sự (Rasa)*: có việc làm tổn hại của sự làm thành kẻ Phạm Giới Luật (*Dussīla*), làm phận sự. (*Dussasīlayaviddhamsanarasam*)
3. *Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna)*: có sự tịnh khiết về Thân và Tâm, làm trạng thái hiện bày. (*Soceyyapaccuppaṭṭhānam*)
4. *Nhân Cần Thiết (Padaṭṭhānam)*: hiện hữu với Tàm - Quý, làm nhân cần. (*Hiri ottappapadaṭṭhānam*)

### Trình Bày Pháp Đối Lập (*Paṭikkhepadhamma*) v.v. Của Trì Giới Thiện

1. *Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma)*: Pháp do bởi Trì Giới Thiện mà phải bị đoạn tận (*Pahāna*), ấy là Sân (*Dosa*) liên quan với việc gây tổn hại.
2. *Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātaḍḍhamma)*: Pháp đón nhận sự bằng lòng của Trì Giới Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Sân (*Adosa*), là sự bất tổn hại.
3. *Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma)*: Pháp do bởi Trì Giới Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Trì Giới Thiện làm thành *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhaka satti)*.]

Cũng như Ngài Đại Giáo Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh, Phẩm Uẩn* nói rằng: “*Dānasīlupanissayā hi tayo magge ca phalaṇi ca pāpentī, bhāvanupanissayo arahattaṃ pāpetī*”- Dịch nghĩa là: “Đại Thiện ở phân Xả Thí, Trì Giới làm Cận Y DUYÊN cho đạt được ba bậc Đạo

thấp, và ba bậc Quả thấp; còn Đại Thiện ở phần Tu Tập làm Cận Y Duyên thường cho đạt được Đạo Vô Sinh và Quả Vô Sinh.”

### 3. TU TẬP (BHÀVANÀ – TU TIẾN)

Có câu Chú Giải nói rằng “*Kusaladhamme bhàveti uppàdeti vadḍhetī = Bhàvanà*”- “Pháp chủng nào làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên, và làm cho tiến hóa lên; như thế Pháp chủng ấy gọi là Tu Tập.” Tức là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (*Mahàkusalacittuppàda*) liên quan với việc tiến hóa Tu Tập An Chỉ (*Samathabhàvanà*) và Tu Tập Minh Sát (*Vipassanabhàvanà*) ở trong khoảng thời gian vẫn đang còn Chuẩn Bị Tu Tập (*Parikammabhàvanà*) và Cận Hành Tu Tập (*Upacàrabhàvanà*).

Từ ngữ “*Bhàvanà*”, đó chính là “*Dhātu + Paccaya + Vibhatti*” cả ba từ ngữ này kết hợp lại với nhau. *Dhātu* ấy là *Bhù*, *Paccaya* ấy là *Ne + Yu + À*, *Vibhatti* ấy là *Si*. (*Bhù + Ne + Yu + À + Si*) với *Bhù* dịch nghĩa là “kiếp sống”, *Ne* “trừ ra”, *Yu* dịch nghĩa là “vi hành”, *À* “lúc ban đầu”, *Si* “trừ ra”. (*Bhà + Ana + À*) khi kết hợp lại với nhau thành “*Bhàvanà*”.

Trong câu Chú Giải này được chia ra làm hai phần, đó là:

- 1/ “*Kusaladhamme bhàveti uppàdeti*”- “thường làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên.”
- 2/ “*Kusaladhamme bhàveti vadḍheti*”- “thường làm cho Thiện ở phần tinh lương sinh trưởng lên tới cực điểm.”

Cả hai câu Chú Giải ở hai phần này, với phần thứ nhất lập ý đến Tâm Khởi Sinh Thiện sinh khởi lần đầu tiên từ ở nơi việc Thực Hành (*Paṭipatti*); ở phần thứ hai lập ý đến Tâm Khởi Sinh Thiện sinh khởi nối tiếp với nhau trong những lần về sau sau từ ở nơi việc Thực Hành khi vẫn chưa đạt đến Nhập Định (*Appanà*).

Lại nữa, từ ngữ Tu Tập (*Bhàvanà*) ở trong phần Phức Hành Tông ấy, là Ngài đang muốn trình bày đến vấn đề của Đại Thiện. Vì thế, Chi Pháp mới chỉ có duy nhất một thể loại là Đại Thiện (*Mahàkusala*). Còn từ ngữ Tu Tập (*Bhàvanà*) ở trong Chương thứ 9 phần Tổng Hợp Nghiệp Xứ (*Kammaṭṭhànaṅgaha*), ấy là Ngài trình bày đến vấn đề của An Chỉ (*Samatha*) và Minh Sát (*Vipassanà*). Do đó, Chi Pháp mới sẽ là hết tất cả ở phần Thiện Hiệp Thế và Siêu Thế (*Lokiya – Lokuttarakusala*) tùy theo thích hợp. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải mới nói rằng việc rèn luyện và đào tạo, việc tu học Pháp Luật (*Dhammavinaya*), việc giảng dạy, việc tư duy thẩm sát cân nhắc ở trong các điều Pháp Bảo; hoặc ở những thể loại của việc học hỏi, việc giảng dạy theo những kiến thức của con đường thế tục cũng chẳng có chi là tội lỗi. Hết tất cả đều thuộc về Tu Tập (*Bhàvanà*) ở phần Phức Hành Tông cả thầy.

## Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. Và Pháp Đối Lập (Paṭikkhepadhamma) v.v. Của Tu Tập Thiện

1. *Trạng Thái (Lakkhaṇa)*: có việc làm cho Thiện được tăng trưởng tiến hóa lên, làm trạng thái. (*Kusalavaddhāpanalakkhaṇam*)
2. *Phận Sự (Rasa)*: có việc đoạn tận Bất Thiện, làm phận sự. (*Akusalapahāna rasā*)
3. *Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna)*: có việc đạt đến đạo lộ thực hành liên quan với Niệm (*Sati*) của Danh Thân (*Nāmakāya*), Sắc Thân (*Rūpakāya*), làm trạng thái hiện bày. (*Sattācārokkammanapaccuppaṭṭhānam*)
4. *Nhân Cận Thiết (Paḍaṭṭhānam)*: có việc chú tâm ở trong Cảnh với mãnh lực từ ở nơi Tác Nhân Chân Như Thực Tính, làm nhân cận. (*Yoniso manasikārapaḍaṭṭhānam* - Như Lý Tác Ý – Tác Ý Khôn Khéo)

## Trình Bày Pháp Đối Lập (Paṭikkhepadhamma) v.v. Của Tu Tập Thiện

1. *Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma)*: Pháp do bởi Tu Tập Thiện mà phải bị đoạn tận (*Pahāna*), ấy là Si Mê (*Moha*).
2. *Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātaḍḍhamma)*: Pháp đón nhận sự bằng lòng của Tu Tập Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Si (*Amoha*).
3. *Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma)*: Pháp do bởi Tu Tập Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh [là theo Phần Thượng Phẩm (*Ukkatṭhanaya*)]

## 4. CUNG KÍNH (APACĀYANA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Apacāyanti etenāti = Apacāyanam*”- “Tất cả người ta thường thực hiện việc lễ phép kính trọng với Tư Tác Ý Thiện, như thế Tư Tác Ý Thiện làm thành tác nhân cho việc lễ phép kính trọng ấy, gọi là Cung Kính.” Tức là Tư Tác Ý ở trong Tâm Đại Thiện.

*Giải thích rằng*: Khi được hội kiến với Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, Tỳ Khuru, Sa Di, thì thường là giơ tay lên thực hiện việc lễ kính; hoặc quỳ lạy, cúi đầu, bò đi tìm kiếm; hoặc đi đến nghênh tiếp với trạng thái phụ giúp đỡ đần, hoặc tiếp tay đỡ lấy các vật dụng từ ở nơi các Ngài. Thực hiện những hành động ấy bằng cái Tâm trong sạch, chẳng có toan tính dụng ý ở trong bất luận vấn đề nào vì danh, vì lợi. Những việc tôn kính lễ bái này đều là việc *Cung Kính (Apacāyana)* hết cả thấy. Nếu nhỡ như thực hiện những việc này lại có dụng ý để sẽ có được lợi lộc, danh vị; thì việc thực hiện những việc tôn kính

lễ bái ấy, đích thực chẳng phải là việc *Cung Kính* thực sự, mà đó chỉ là việc *Cung Kính* đã được pha trộn với mảnh khõe lừa bịp.

*Cung Kính* có hai thể loại, là *Cung Kính Phổ Thông (Samañña Apacàyana)* và *Cung Kính Đặc Thù (Visesa Apacàyana)*. Ở trong hai thể loại này, việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng đên Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, với sự truy niệm nghĩ suy rằng “*Ta đây có bốn phận để sẽ phải thực hiện việc lễ phép tôn kính đến các bậc này, vì lẽ các Ngài là hàng thân quyến gia tộc, bậc trưởng thượng, và bậc Tôn Sư Giáo Thọ của Ta.*”, làm như vậy, thì được gọi là *Cung Kính Phổ Thông*. Việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng ở trong Tam Bảo với sự truy niệm nghĩ suy đến những *Án Đức* cao quý (*Guṇa*), có *Bậc Ứng Cúng (Arahant)* v.v. với mãnh lực từ ở nơi Tâm Đại Thiện phối hợp với *Đức Tin (Saddhà)* và *Trí Tuệ (Pañña)* bằng cách thốt lên lời nói rằng “*Buddham saranam gacchami*”- “*Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật*” v.v., làm như vậy, thì được gọi là *Cung Kính Đặc Thù*.

Hạng Người xứng đáng phải được lễ phép tôn kính hiện hữu với nhau ở ba thể loại, đó là:

1. *Bậc Án Đức Trưởng Thượng (Guṇavuddhipuggala)*: là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở nơi *Giới Đức (Sīlaguṇa)*, *Định Đức (Samādhiguṇa)*, và *Tuệ Đức (Paññāguṇa)*.
2. *Bậc Niên Linh Trưởng Thượng (Vayavuddhipuggala)*: là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở nơi tuổi thọ.
3. *Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng (Jātivuddhipuggala)*: là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở nơi dòng dõi họ hàng.

Trong cả ba thể loại bậc Trưởng Thượng này, thì việc lễ phép tôn kính đến bậc *Án Đức Trưởng Thượng* và bậc *Niên Linh Trưởng Thượng*, chỉ với hai bậc Trưởng Thượng này, mới sẽ là việc *Cung Kính Thiện* một cách đích thực. Còn việc lễ phép tôn kính đến bậc *Tộc Biểu Trưởng Thượng* ấy, nhưng mà hiện hành với mãnh lực từ ở nơi *Tâm Khởi Sinh Tham (Lobhacittuppāda)*, *Tâm Khởi Sinh Sân (Dosacittuppāda)*, và *Tâm Khởi Sinh Si (Mohacittuppāda)* thì cũng chẳng phải là *Thiện* chút nào cả. Riêng việc hiện hành với mãnh lực từ ở nơi *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahācittuppāda)* cũng chỉ là *Cung Kính Thiện* một cách xuôi thuận theo mà thôi, vì đó chỉ là việc thực hành một cách giả vờ khôn khéo thuận theo tập tục xã hội ở khắp mọi nơi.

Cả ba hạng Trưởng Thượng này, có một vài Ngài đã là bậc hội đủ hết cả ba thể loại, tức là bậc Chánh Đẳng Giác, v.v. Có một vài Ngài chỉ với hai thể loại, ấy là bậc *Án Đức Trưởng Thượng* với bậc *Niên Linh Trưởng Thượng*, tức là các bậc Thánh Tăng, là các bậc Trưởng Thượng xuất thân từ ở dòng tộc thông thường. Hoặc bậc *Án Đức Trưởng Thượng* với dòng tộc cao quý, tức là Ngài *Rāhula* v.v.



Hoặc bậc *Niên Linh Trưởng Thượng* với dòng tộc cao quý, tức là Đức Vua *Suppabuddha*, v.v. Có một vài Ngài cũng là bậc Trưởng Thượng, tuy nhiên duy nhất chỉ ở một thể loại nào đó trong ba thể loại ấy.

Lại nữa, với bậc đã là *Ấn Đức Trưởng Thượng* có *Giới, Định, Tuệ*; nếu được hội kiến với bậc đã là *Niên Linh Trưởng Thượng* và có tuổi thọ cao hơn mình, hoặc bậc *Tộc Biểu Trưởng Thượng* có dòng tộc cao hơn, hoặc chức vị cao hơn; bất luận là ở một thể loại nào, hoặc luôn cả hai thể loại, thì cũng chẳng cần phải thực hiện việc lễ phép tôn kính với việc lễ lạy, mà chỉ xá chào với nhau cũng vừa đủ. Chí đến cho dù người ấy sẽ là Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ đi nữa, nếu như những bậc ấy lại là hạng người Tà Kiến, có Vô Hữu Kiến, v.v. với cả những cử chỉ hành động xấu xa thấp kém ty liệt, cũng càng không nên thực hiện việc lễ phép với việc tôn kính, tốt nhất chỉ là xá chào với nhau mà thôi. Chẳng là như vậy cũng vì bậc đã là *Ấn Đức Trưởng Thượng* ấy, có bản phận sẽ phải lễ kính đối với *Giới – Định – Tuệ* đang hiện hữu ở trong bản tánh của mình làm thành *Ấn Đức Pháp (Gunaḍhamma)* cao quý hơn, tốt đẹp hơn các bậc đó vậy. Vì lý do ấy, mới chẳng sẽ phải thực hiện việc lễ lạy, vì nếu nhờ như các bậc ấy có sự hoan hỷ duyệt ý đối với việc lễ lạy ở thời khắc ấy rồi, cũng sẽ phải phát sinh điều tội lỗi đến với các bậc ấy ở ngay trong cả kiếp sống này và kiếp sống sau, coi như hiện hành theo nền tảng của lễ thường nhiên. Sự việc này đã được hiện bày rõ ràng ở trong tích truyện *Nam Tử Kumàra* được kể rằng “ngay trong sát na mà bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) lập ý hội kiến với Phụ Vương ở chốn ngoại thành, với việc bị dân chúng trực xuất đuổi ra đi ấy, bậc Giác Hữu Tình (Bồ Tát) chẳng có lập ý thực hiện việc lễ lạy nào cả, mà chỉ lập ý thực hiện việc chấp đôi bàn tay tỏ sự cung kính cùng với việc thốt lên lời nói rằng “*Ciram jìvatu*”- “Hãy xin cho Ngài có được sinh mệnh trường tồn lâu dài”, bằng với trạng thái chỉ có bấy nhiêu.”

### Câu Kệ Trình Bày Công Đức Của Việc Cung Kính

*Ye vuddhamapacàyanti                      Narà dhammassa kovidà*  
*Diṭṭhe dhamme ca pàsamsà              Samparàye ca sugatiṃ*  
(Trích ở trong Chánh Tạng Pàli Túc Sanh Truyện thứ nhất)

Dịch nghĩa là: “Người có sự hiểu biết, sự tinh thông ở trong bất luận thể loại Pháp nào rồi, thường luôn thực hiện việc lễ phép tôn kính đến các bậc *Ấn Đức Trưởng Thượng, Niên Linh Trưởng Thượng* ấy, thì khoảng thời gian khi vẫn còn hiện hữu sinh mạng ở trong kiếp sống này được làm thành bậc đáng được tán thán khen ngợi. Một khi sẽ lìa khỏi thế gian này đi rồi, thì thường sẽ đi đến Thiên Thú.”

*Abhivàdanasilissa                      Niccam vuddhàpacàyino*  
*Cattàro dhammà vadḍhanti              Àyu vaṇṇo sukham balam*



(Trích ở trong Chánh Tạng Pàli – Trường Bộ Kinh, Kinh # 32: *Àṭṭhānāṭṭiyasutta*)

Dịch nghĩa là: “Người nào đã hằng thường luôn lễ bái Tam Bảo, Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, và có sự lễ phép tôn kính đối với bậc có Ân Đức Trường Thượng, và Niên Linh Trường Thượng; thì người ấy hằng được tiến hóa với bốn Ân Đức Pháp thù thắng, ấy là: làm người được sống lâu trường thọ, có sắc da phu sắc với sắc thân xinh đẹp, có danh thơm tiếng tốt, có sự an lạc về thân, an lạc về tâm, có sức mạnh về thân và trí tuệ, như vậy.”

## 5. PHỤNG HÀNH (VEYYÀVACCA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Visesena àvaranti ussakkaṃ àpajjantīti = Byàvaṭṭa*”- “*Byàvaṭṭassa kammaṃ = Veyyāvaccam*”- “Những hạng người nào có sự nỗ lực tinh cần một cách đặc biệt, sẽ đề cập đến việc làm thành người có sự quan tâm lo lắng, như thế những hạng người ấy gọi là “Tinh Cần Giả”. Tức là người quản lý, hoặc người thực hiện việc giúp đỡ ở trong tất cả mọi sự việc. Hành động tạo tác của hạng người có sự quan tâm lo lắng một cách đặc biệt ấy, gọi là Phụng Hành. Tức là việc giúp đỡ ở trong những sự việc có liên quan với Pháp Học (*Pariyatti*); Pháp Hành (*Paṭipatti*); việc Phóng Khí Xả Thí (*Pariccāgadāna*); việc ốm đau bệnh hoạn, bất an; việc trùng tu sửa sang; việc làm vệ sinh chùa chiền tu viện, nơi tôn nghiêm, và chốn linh thiêng.

Theo câu Chú Giải này, là việc trình bày thể theo phần *Dĩ Nhân Bản Nguyên (Puggalādhiṭṭhāna)*. Thế nhưng, một khi trình bày thể theo phần *Dĩ Pháp Bản Nguyên (Dhammādhiṭṭhāna)* thì có như vậy: “*Taṃ taṃ kiccakarane byàvaṭṭassa bhāvo = Veyyāvaccam*”- “Pháp nào làm thành tác nhân, để làm cho người có sự quan tâm lo lắng trong mỗi mọi hành động tạo tác các sự việc, gọi là Phụng Hành.” Tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện*, nơi làm cho người có sự nỗ lực tinh cần, quan tâm lo lắng ở trong mỗi mọi hành động tạo tác các sự việc.

Lại nữa, việc giúp đỡ thực hiện các sự việc, chẳng có tác nghiệp với Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, anh em thân bằng quyến thuộc, bạn bè bằng hữu; chẳng hạn như nam tử nữ thư giúp đỡ trông nom tài sản của cải vật chất, luôn cả những mỗi mọi công việc ở trong nhà, để cho các bậc này chẳng phải bận tâm lo lắng, cho dù sẽ là công việc theo đạo lộ Hiệp Thế có thực sự đi nữa, thế nhưng cũng vẫn được liệt kê vào phần *Phụng Hành Thiện* hết cả thấy.

## 6. HÒI HUỐNG CÔNG ĐỨC (PATTIDĀNA – ÂN THÍ)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng “*Pattabbāti = Patti*”- “*Pattiyā dānam = Pattidānam*”- “Pháp chủng nào mà người đã tạo đạt được, như thế Pháp chủng ấy

gọi là Ân Đức; tức là Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập sinh khởi ở trong bản tánh của mình. Việc truyền cho phần Phước Báo mà mình đã có được, gọi là Ân Thí (Hồi Hương Công Đức). Tức là việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo đến Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, anh em thân bằng quyến thuộc, cho đến hết tất cả các loài Hữu Tình ở khắp cả mọi muôn phương.

Theo câu Chú Giải này, là việc trình bày thể theo phần *Dĩ Nhân Bản Nguyên (Puggaladhittàna)*. Thế nhưng, một khi trình bày thể theo phần *Dĩ Pháp Bản Nguyên (Dhammàdhittàna)* thì có như vậy: **“Pattim dadanti etenati = Pattidānaṃ”**- “Tất cả những người phúc hậu, có Tâm Phước thường hồi hướng phần Phước Báo mà mình đã có được cho đến người đã quá vãng, hoặc chia cho những người vẫn đang còn có sinh mệnh với Pháp chúng ấy, như thể Pháp chúng ấy làm thành tác nhân từ ở nơi việc chia cho ấy, gọi là Ân Thí (Hồi Hương Công Đức). Tức là Tư Tác Ý hiện hữu ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện sinh khởi ở trong sát na đang chủ tâm hồi hướng chia cho phần Phước Báo.”

Một khi hồi hướng chia cho phần Phước Báo đến người khác chẳng hạn như vậy, thì phần Phước Báo ấy sẽ có bị sụt giảm bớt hay không? Điều này giải đáp rằng: “*Chẳng có bị sụt giảm chút nào cả, mà chỉ càng làm cho tăng trưởng thêm lên nữa thôi.*” Chẳng là như vậy cũng vì việc chia cho phần Phước Báo ấy khác biệt với việc chia cho tài sản của cải hiện hữu. Việc sẽ nói rằng “*mà chỉ càng làm cho tăng trưởng thêm lên nữa*” điều này cũng ví như việc đã được thắp lên một cây nến, cho dù sẽ đem đến những cây nến khác nữa, và tiếp tục thắp đốt lên hết tất cả với số lượng nến đến hàng trăm hàng ngàn đi nữa, thế là ánh sáng đang hiện hữu cùng với cây nến ban đầu cũng chẳng mất đi một chút nào cả, mà chỉ sẽ được đón nhận thêm với phần ánh sáng mới càng tăng trưởng gia bội lên nữa như thế nào, thì việc hồi hướng phần Phước Báo cho đến người khác cũng thường hỗ trợ giúp cho phần Thiện đã tạo đạt được, càng có thêm nhiều năng lực hơn nữa, và càng tăng tiến lên mỗi khi thực hiện việc hồi hướng chia cho như thế ấy vậy.

## 7. TÙY HỖ CÔNG ĐỨC (PATTĀNUMODANA – TẠ AN)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Pattiyā anumodanaṃ = Pattānumo - danaṃ”**- “*Việc tán thành thuận theo với sự duyệt ý ở phần Phước Báo mà người ta đã hồi hướng chia cho, được gọi là Tùy Hỷ Công Đức (Tạ Ân).*” Tức là việc tùy hỷ công đức đón nhận phần Phước Báo mà người ta đã hồi hướng chia cho.

Từ ngữ nói rằng **“Patti – Ân Đức”** ở trong **“Pattidāna – Ân Thí”** ấy, là Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập mà mình đã có kiến tạo cho được sinh khởi, rồi lại đem hồi hướng chia cho đến người khác. Còn từ ngữ nói rằng **“Patti – Ân Đức”** ở trong **“Pattānumodana – Tạ Ân”** ấy, tức là Phước Thiện mà người ta đã hồi hướng chia cho, đã được đến với mình bởi theo đạo lộ Ngũ Môn và văn thư. Vì thế, mới trình bày một câu Chú Giải khác nữa để nói rằng: **“Pāpiyatīti = Patti”**- “*Thiện Phước ở*

người khác nên hồi hướng chia cho, như thế gọi là Ân Đức”. **“Pattim anumodananti sàdhu - kàram dadanti etenāti = Pattànumodanam”**- “Tất cả người ta thường hay tùy hỷ công đức ở phần Phước Thiện mà người đã hồi hướng chia cho bằng với việc thốt ra lời nói rằng **“Sàdhu – Lành thay”** do bởi Tư Tác Ý ấy, như thế Tư Tác Ý ấy, được gọi là Tùy Hỷ Công Đức. Tức là Tư Tác Ý Đại Thiện liên quan với việc Tùy Hỷ Công Đức.”

Một khi đã thâm thị dựa theo cơ sở câu Chú Giải đã có được trình bày ở tại đây, cũng sẽ nên nhìn thấy để được biết rằng “đó chính là bất luận một trong những cái Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ nào đó” làm việc Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách thành tựu viên mãn. Còn Tư Tác Ý hiện hữu ở trong “bất luận một trong những cái Tâm Đại Thiện Xả Thọ nào đó” làm việc Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách bất thành tựu, là vì Tâm Thức ở ngay trong sát na ấy đã thiếu đi niềm hoan hỷ phỉ lạc (**Pītisomanassa**) đối với phần Phước Thiện mà người ta đã hồi hướng chia cho, chỉ thực hiện với lời thốt ra **“Sàdhu – Lành Thay, hoặc Tốt Thay”**, hoặc chỉ vui theo với lời nói của mình mà thôi. Như thế, việc hoan hỷ tán thành để sẽ thành Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách thành tựu viên mãn, là sẽ cần phải có Tâm Thức phối hợp với niềm hoan hỷ phỉ lạc (**Pītisomanassa**). Nếu được phối hợp thêm phần Tương Ứng Trí Hỷ Thọ (**Nñānasampayutta somanassa**) thì việc Tùy Hỷ Công Đức Thiện này càng thù thắng tinh lương hơn.

### **Việc Hoan Hỷ Tán Thành Phần Phước Báo Mà Không Được Gọi Là Tùy Hỷ Công Đức Thiện Một Cách Xác Thực**

Việc hoan hỷ tán thành (**Anumodanà**) phần Phước Báo mà không được gọi là Tùy Hỷ Công Đức một cách xác thực, ấy là một khi đã được trông thấy người ta đang tạo ra Phước Báo, là việc phóng khí xả thí, trì giới, tiến tu; hoặc đã được trông thấy lời ghi khắc tên của chủ nhân dính ở trong vật dụng mà đang tạo tác cúng dường, thì cũng liền phát sinh với niềm hoan hỷ phỉ lạc (**Pītisomanassa**), bởi do người tạo ra Phước Báo đã không có nói ra lời hoặc hồi hướng chia cho phần Phước Báo với bất luận trường hợp nào. Niềm hoan hỷ phỉ lạc (**Pītisomanassa**) đối với việc làm thiện của người khác ở thể loại này, cho dù sẽ thốt ra lời nói rằng **“Sàdhu – Lành Thay hoặc Tốt Thay”**, đi nữa; hoặc chẳng có thốt ra lời nói nào đi nữa, thì chẳng được gọi là Tùy Hỷ Công Đức một cách xác thực, mà đó chỉ có việc tán thành hoan hỷ mà thôi. Đối với việc tán thành hoan hỷ phần Phước Báo, và như thế, mới được gọi là Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách xác thực, tức là Phước Thiện mà người đã nỗ lực cố gắng kiến tạo lên, rồi dẫn đến nói ra lời hồi hướng chia cho ấy, thế là việc hoan hỷ tán thành (**Anumodanà**) phần Phước Báo mà người ta đã có nói ra lời hồi hướng chia cho như vậy, mới sẽ được gọi là thành Tùy Hỷ Công Đức Thiện một cách xác thực.

*Ân Đức (Patti – Ân Trạch)* (phần Phước Báo mà người ta đã có chia cho) hiện hữu ở hai trường hợp, đó là:

1. *Chuyên Nhất Hồi Hương Ân Đức (Uddissasikapatti)*: phần Phước Báo mà đã được người ta chia cho một cách chuyên nhất.
2. *Bất Nhất Hồi Hương Ân Đức (Anuddissasikapatti)*: phần Phước Báo mà đã được người ta chia cho một cách bất nhất.

Khi chiết tự từ ngữ theo phần Văn Phạm Pàli thì có được như vậy: “*Uddissa + Ika + Patti = Uddissasikapatti, Uddissa = sự chuyên nhất, Ika = có, Patti = Phước Thiện mà người ta chia cho*”. Khi kết hợp cả ba từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là “*Phước Thiện mà người ta chia cho một cách có sự chuyên nhất*” “*Na + Uddissa + Ika + Patti = Anuddissasikapatti, Na = không có, Uddissa = sự chuyên nhất, Ika = có, Patti = Phước Thiện mà người ta chia cho*”. Khi kết hợp cả bốn từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là “*Phước Thiện mà người ta chia cho một cách không có sự chuyên nhất, (một cách bất nhất).*”

Việc hồi hương chia cho phần Phước Báo ở cả hai trường hợp này, với người đã được đón nhận phần Phước Báo thuộc thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hương Ân Đức* một khi đã thốt ra lời nói rằng *Sàdhu – Lành Thay* xong rồi, thì sẽ được đón nhận quả báo trở sanh ngay tức thì. Chẳng hạn như nhóm Ngạ Quỷ đã là thân quyến với Đức Vua *Bimbisàra* từ ở trong kiếp quá khứ. Khi Đức Vua *Bimbisàra* đã lập ý kiến tạo lên ngôi *Trúc Lâm Tự (Veluvànàràma)* và đã cúng dường đến Bạc Chánh Đẳng Giác, thế rồi nhà vua ấy chẳng có lập ý hồi hương phần Phước Báo một cách chuyên nhất cho đến những nhóm Ngạ Quỷ này đây, mà chỉ lập ý hồi hương chia cho một cách bất nhất mà thôi. Vì thế, những nhóm Ngạ Quỷ này mới cùng rủ nhau khóc la thống thiết và cầu xin đến nhà vua đây. Khi trời chỉ vừa rạng sáng, nhà vua đã vội mau đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, đã bày tỏ sự tôn kính qua việc đánh lễ, đã ngồi xuống ở một nơi thích hợp, và đã tác bạch vấn hỏi đến Đức Phật về câu chuyện đã được thấy được biết.

Đức Phật mới phán quyết bảo rằng: “*Âm thanh của nhóm Ngạ Quỷ ấy là thân quyến, đã đến khóc la để cầu xin được phần Phước Báo, vì lẽ Đại Vương chẳng có lập ý hồi hương hết tất cả phần Phước Báo mà mình đã có tạo ra, để cho đến bọn chúng một cách chuyên nhất. Những bọn chúng chú tâm chờ đợi đã rất lâu dài rồi, để sẽ được đón nhận phần Phước Báo từ ở nơi Đại Vương.*” Thế là, Đức Vua *Bimbisàra* mới lập ý sắp bày việc tạo ra Phước Báo mới thêm một lần thứ hai nữa, và khi đã xong rồi thì liền lập ý hồi hương phần Phước Báo ấy cho đến những nhóm Ngạ Quỷ một cách chuyên nhất. Về phía tất cả bọn Ngạ Quỷ, khi đã được đón nhận phần Phước Báo từ ở nơi Đức Vua *Bimbisàra* đã lập ý hồi hương chia cho một cách chuyên nhất, thì cùng rủ nhau đồng thanh thốt ra lời “*Sàdhu*”. Quả Phước Báo tức thời hiện khởi lên qua việc đón nhận vật thực được thụ hưởng,



và đã giảm vui đi sự đói khát mà đã trải qua với thời gian rất lâu dài. Chính ở ngay trong sát na ấy, đã là thành tựu quả báo được đón nhận qua việc hiện bày rõ ràng từ ở nơi việc hồi hướng phần Phước Báo một cách chuyên nhất.

Đối với người đã được đón nhận phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức*, thì chẳng có được đón nhận quả báo hiện bày rõ ràng ở ngay lập tức, và chẳng giống với người đã được đón nhận phần Phước Báo thuộc thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức*. Tuy nhiên cho dù sẽ là như thế nào đi nữa, từng mỗi ân đức từ ở nơi việc *hoan hỷ tán thành (Anumodanà)* phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức* của những nhóm Ngạ Quỷ ấy cũng vẫn chẳng mất mát đi đâu cả. Đến khi được đón nhận ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức* vào bất luận thời gian nào rồi, thì chính ngay ở trong thời gian ấy, việc *hoan hỷ tán thành* phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức*, sẽ đi vào ủng hộ sách tấn việc *hoan hỷ tán thành* phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức* cho có được năng lực càng kiên cố vững vàng tức thì khởi sinh lên ở ngay trong sát na ấy.

Theo chỗ đã vừa đề cập đến ở tại đây, chỉ là lập ý đến những người đã quá vắng và đã đi thọ sinh làm thành một nhóm *Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ (Paradattu jivikapeta)* cùng với *Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipàtika Asurà)* và lại có thêm một nhóm *Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula (Vemànikapeta Asurà)* khác nữa, đó là một nhóm Thiên Chúng bậc thấp ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương. Đối với trong quần thể nhân loại với nhau đây, thì cũng có việc *hoan hỷ tán thành (Anumodanà)* phần Phước Báo ở thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức*, hoặc *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức* cũng tương tự, thế nhưng quả báo sẽ được đón nhận thì chẳng phải là cơm gạo bạc vàng, vật thực trong việc thọ dụng, chỗ ở nương trú, tương tự với hạng Ngạ Quỷ đã được đón nhận như thế; mà quả báo được đón nhận chỉ là việc hân hoan vui thích, rằng là người có Thiện Tâm với tấm lòng bao dung rộng lượng, làm thành chỗ yêu thương mong mỏi ở trong tất cả quần thể nhân loại. Và chính tự nơi mình cũng được đón nhận quả báo, ấy là có Tâm Thức an vui, không sầu bi ưu não; diện mạo xinh tươi, trong sáng, và chẳng có âu sầu u ám.

Phương thức hồi hướng chia cho phần Phước Báo ở thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ân Đức*, thì có được việc hồi hướng như vậy:

**“*Idam me puññaṃ mātāpitūacariyaññātimittasamūhānaṃ demi*”-** “*Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báo liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho được đến Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, thân quyến, bằng hữu, đã quá vắng hoặc đang còn sinh mạng, đều với nhau hết cả thấy.*”

Đối với phương thức hồi hướng chia cho phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ân Đức*, thì có được phương thức hồi hướng như vậy:

**“*Idam me puññaṃ sabbasattānaṃ demi*”-** “*Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báo liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho đến tất cả loài Hữu Tình, đều với nhau hết cả thấy.*”

## 8. THỈNH PHÁP (DHAMMASAVANA)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: “**Dhammaṃ suṇanti etenāti = Dhamma savanaṃ**”- “Tất cả nhân loại thường lắng nghe Phật Pháp với Pháp chủng ấy, như thế Pháp chủng làm thành tác nhân từ ở nơi việc lắng nghe Pháp ấy, gọi là Thỉnh Pháp.” Tức là Tư Tác Ý ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện có Như Lý Tác Ý (*Yonisomanasikàra* – Tác Ý Khôn Khéo) làm chủ vị. Người đi lắng nghe việc trình bày các loại học thuật, mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, và có liên quan với đạo lộ thế tục; với những thể loại này cũng vẫn được liệt vào phần Thỉnh Pháp Thiện như nhau. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Minh Nghĩa (*Vibhàviniṭṭhàcariya*) đã có trình bày nói rằng: “**Niravajjavijjàdisavanacetanàpi ettheva saṅgayhati**”- “Việc chú tâm lắng nghe việc trình bày các loại học thuật, mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, thì cũng được liệt vào ở trong phần Thỉnh Pháp Thiện hết cả thấy.”

Lại nữa, việc Thỉnh Pháp đây, hiện hữu hai trường hợp, ấy là việc Thỉnh Pháp ở nơi người đã được nghe, rồi khởi lên tư duy ở trong nội tâm nghĩ suy rằng: “Khi Ta đã thường luôn được Thỉnh Pháp, thế rồi tất cả người ta sẽ cùng rủ nhau vui mừng phấn khích lên, nhận thấy rằng Ta đây là người có Tâm Thức thiện hảo, có đức tin chân thật.” Việc Thỉnh Pháp ở thể loại này thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiếu. Đối với việc Thỉnh Pháp có việc tư duy ở nội tâm nghĩ rằng: “Việc Thỉnh Pháp ấy là một Thiện Sự, sẽ làm cho Tâm Thức phát sinh lên diệu dàng, có Chánh Niệm Tuệ Giác, liễu tri Tội – Phước, Ân Đức – Tội Lỗi, điều Lợi Ích – điều Bất Lợi; làm cho Tâm Thức hân hoan, vui thích thanh tịnh; có Từ Ái – Bi Mẫn đến bậc thuyết giảng, vị giảng dạy; từ bỏ tập khí thói quen từng tạo tác nghiệp, và điều bất lợi.” Việc Thỉnh Pháp có việc tư duy ở thể loại này, là việc Thỉnh Pháp có quả báo to lớn, có ân đức cực đại; đã được liệt vào ở trong phần Thỉnh Pháp Thiện một cách xác thực. Cũng như Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày đề ở trong bộ Chú Giải *Atthasàlini* (điều 203) nói rằng: “**Eko suṇanto iti maṃ saddhoti jànisantiti suṇāti, taṃ na mahapphalaṃ. Eko evaṃ me mahapphalaṃ bhavissatiti hitapharaṇena muducittena dhammaṃ suṇāti, idaṃ savanamayaṃ puñṇakiriyavatthu nàma**”- “Bất luận một người nào Thỉnh Pháp với tư duy nghĩ rằng “Tất cả người ta thường sẽ hiểu biết về Ta, rằng Ta đây ưa thích việc Thỉnh Pháp, quả là có đức tin chân thật.” Việc Thỉnh Pháp mà có việc tư duy như vậy, thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiếu.”

“Bất luận một người nào Thỉnh Pháp với tư duy nghĩ rằng “Việc Thỉnh Pháp đây, sẽ có quả báo to lớn, có ân đức cực đại đến với Ta, sẽ thành lợi ích một cách rộng lớn đến với Ta. Và Tâm Thức của Ta sẽ được diệu dàng, có lòng Từ Ái bao dung rộng lượng đến với bậc thuyết giảng.” Việc Thỉnh Pháp có việc tư duy cùng với trạng thái của Tâm Thức như vậy, thì việc Thỉnh Pháp ở thể loại này, đã



được gọi là Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sư) ở phần Thính Pháp Thiện một cách xác thực.”

[Tứ Quả Dị Thục Phước Báo từ ở nơi Thính Pháp, ấy là “một khi thọ mạng diệt tắt Ngũ Uẩn ở trong Cõi Nhân Loại, và được đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Giới, sẽ thụ hưởng được bốn điều:

1. Sẽ thuyết giảng Phật Pháp cho Chư Thiên được nghe.
2. Nếu bản thân có quên điều học nào, thì có Chư Thiên sẽ đến trình bày Pháp Cú để cảnh tỉnh và sẽ có được việc truy niệm nhớ lại.
3. Nếu không là như thế, sẽ có một Trưởng Lão từ ở nơi Cõi Nhân Loại đi đến Cõi Thiên Giới và thuyết giảng Pháp Cú, và sẽ có được việc truy niệm nhớ lại ngay tức thời.
4. Nếu không là như thế, sẽ có một vị Thiên Tử đi đến thuyết giảng Pháp Cú, và sẽ có được việc truy niệm nhớ lại, thế rồi sẽ trình bày lại được ngay tức thời.

Một trường hợp khác nữa, có năm quả dị thục Phước Báo từ ở nơi việc Thính Pháp, ấy là:

1. Pháp nào chưa từng được nghe, thì sẽ được nghe.
2. Pháp nào đã từng được nghe, thì sẽ có được sự ghi nhớ.
3. Sẽ vượt qua hết mọi nghi ngờ thắc mắc.
4. Sẽ chặt đứt Tà Kiến cho trở thành Chánh Kiến.
5. Tâm của người được Thính Pháp sẽ thuần tín Ân Đức Tam Bảo, và thực hiện việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tu tập các Thiện Sự.]

## 9. THUYẾT PHÁP (DHAMMADESANÀ)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Dhammaṃ desenti etàyāti = Dhamma desanà*”- “Tất cả nhân loại thường hay thuyết giảng, thường hay giảng dạy với Pháp chúng ấy, như thế Pháp chúng ấy làm thành tác nhân từ ở nơi việc thuyết giảng, việc giảng dạy Phật Pháp ấy, gọi là Thuyết Pháp.” Tức là Tư Tác Ý ở trong Tâm Khởi Sinh Đại Thiện có Như Lý Tác Ý (*Yonisomanasikàra* – Tác Ý Khôn Khéo) làm chủ vị.

Việc giảng dạy, việc thuyết giảng các nghiệp vụ học thuật mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, chẳng hạn như giảng dạy môn địa lý học, môn sử học, môn y học, khoa nông nghiệp; một số môn học ở những thể loại này cũng được liệt vào ở trong phần Thuyết Pháp Thiện như nhau. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Minh Nghĩa (*Vibhàviniṭṭhàcariya*) đã có trình bày nói rằng: “*Niravajjavijjàdi upadissana cetanàpi ettheva saṅgahaṃ gacchati*”- “Tư Tác Ý làm thành tác nhân từ ở nơi

việc hướng dẫn giải thích các học thuật, mà chẳng có điều chi tác hại tội lỗi, thì tương tự cũng được liệt vào ở trong phần *Thuyết Pháp Thiện* này cả thấy.”

Nghiệp vụ học thuật mà chẳng tác hại tội lỗi hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, đó là:

1. *Nghệ Nghiệp Học Thuật (Sippàyanavijjà)*: tức là học thuật cỡi ngựa, học thuật cỡi voi, và lái xe, v.v.
2. *Kỹ Nghệ Học Thuật (Kammàyanavijjà)*: tức là khoa nông nghiệp (*Kasikamma*), khoa thương nghiệp (*Vaññayakamma*), khoa thủ công nghiệp (*Hatthakamma*), v.v.
3. *Nghệ Thuật Học Thuật (Vijjàtthànavijjà)*: tức là thiên văn học, chiêm tinh học, y học, ma thuật học, v.v.

Việc giảng dạy, việc hướng dẫn giải thích ở trong cả ba loại học thuật như đã vừa đề cập đến ở tại đây, tất cả Chư Tỷ Khuru Sa Di không được giảng dạy, có tội, vì chẳng phải là “*Phận Sự Học Pháp (Ganthadhùra)*” và “*Phận Sự Hành Pháp (Vipassanadhùra)*”, đó chỉ là nghiệp vụ học thuật vô tội đối với hàng cư sĩ tại gia mà thôi. Vì thế, đã là vị Tỷ Khuru, Sa Di, thì cần phải lánh xa việc giảng dạy, việc thuyết giảng ở trong những thể loại học thuật này.

### Thuyết Pháp Thiện Có Ân Đức Cực Đại Và Hy Thiểu

*Thuyết Pháp Thiện (Dhammadesanàkusala)* mà có ân đức cực đại, ấy là bậc *Thuyết Pháp* với Tâm thanh tịnh, sẽ nói rằng chẳng có lập ý ở trong *lợi lộc (Làbha)*, *tôn kính trọng đãi (Sakkàra)*, *danh vọng (Yasa)*, *thanh danh (Siloka)* bất luận trường hợp nào; chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Việc *Thuyết Pháp* ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần *Thuyết Pháp Thiện* trung thực và chân chánh, và lại có ân đức cực đại.

Còn *Thuyết Pháp Thiện* mà chỉ có hy thiểu ân đức, ấy là bậc *Thuyết Pháp* mà chẳng có Tâm thanh tịnh, chỉ lo mãi dụng tâm kỳ vọng ở trong câu chuyện *lợi lộc, tôn kính trọng đãi, danh vọng, và thanh danh*, luôn cả với cái Tâm sẽ cho tất cả mọi người được biết rằng mình đây là một *bậc Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)*, Tôn Sư, Giáo Thọ. Việc *Thuyết Pháp* ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần *Thuyết Pháp Thiện* chẳng có trung thực và bất chánh, và lại chỉ có hy thiểu ân đức.

Lại nữa, bậc *Thuyết Pháp* với Tâm Thức chẳng có thanh tịnh đây, nếu nhớ như đang khi thuyết giảng mà có Tâm Thức sinh khởi thanh tịnh chỉ một sát na, sẽ nói rằng chẳng có việc kỳ vọng đến *lợi lộc, tôn kính trọng đãi, danh vọng, và thanh danh*, bất luận trường hợp nào; mà chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Như thế, việc *Thuyết Pháp* ở ngay trong sát

na ấy cũng là *Thuyết Pháp Thiện* một cách trung thực và chân chánh, và cũng có ân đức như nhau. Cũng như Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Atthasàlini* (điều 203) nói rằng: **“Eko evaṃ maṃ dhammakathikoti jānissantīti icchāya ṭhāvā lābhagaruko hutvā deseti, taṃ na mahapphalaṃ.”** - “Bất luận một người nào Thuyết Pháp với cái Tâm chẳng có thanh tịnh, đã đi với tư duy nghĩ rằng “Tất cả người ta thường sẽ hiểu biết về Ta, rằng Ta đây là bậc Thuyết Pháp Giả, luôn cả có việc kỳ vọng ở trong lợi lộc.” Việc Thuyết Pháp ở thể loại này, thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiếu và bất túc.”

**“Eko attano paṇaṃ dhamma apaccāsisaṃāno vimuttāyatanaśisena paresaṃ deseti, idaṃ desanāmayāṃ puññakiriyāvatthu nāma.”**- “Bất luận một người nào Thuyết Pháp đến tất cả mọi người với cả sự hiểu biết, sự tinh thông thuần thực của mình, chẳng có việc kỳ vọng ở trong bất luận lợi lộc nào, và duy nhất chỉ hướng tâm kiên định cho đạt thành Quả vị Vô Sinh; như thế việc Thuyết Pháp ở thể loại này đã được gọi là hoàn thành Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sư) ở phần Thuyết Pháp Thiện một cách xác thực.”

1. Lợi Lộc (**Lābha**): lập ý đến vật dụng mà người ta sắp bày cúng dường.
2. Tôn Kính Trọng Đãi (**Sakkāra**): lập ý đến việc được đón nhận sự tôn kính quý trọng.
3. Danh Vọng (**Yasa**): lập ý đến đồ chúng hoặc môn đồ.
4. Thanh Danh (**Siloka**): lập ý đến danh thơm tiếng tốt, danh tiếng.

## 10. CHÂN TRI CHƯỚC KIẾN (**DIṬṬHUKAMMA**)

Trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Diṭṭhiyā ujukaraṇaṃ = Diṭṭhujukammaṃ”**- “Tác hành tri kiến chân chánh gọi là Chân Tri Chước Kiến.” Tức là *Tuệ Nghiệp Chủ (Kammasakatāñña)* câu hữu *Tư Tác Ý Thiện*. Từ ngữ **“Diṭṭhujukamma”** đây, là danh xưng của *Tuệ Nghiệp Chủ*. Như Ngài Trưởng Lão **Anuruddha** đã có trình bày đề ở trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* của bộ *Phụ Chú Giải Căn Gốc (Mūlaṭṭhā)* nói rằng: **“Kammasakatāññaṃ = Diṭṭhujukammaṃ”**- “*Tuệ Nghiệp Chủ* là Tuệ liễu tri rằng tất cả loài Hữu Tình có quyền lợi ở trong tác hành của chính mình, ở cả hai phía với nhau là Thiện và Bất Thiện hết cả thấy. Còn tài sản của cải bạc vàng, Mẹ Cha, Chồng Vợ, con trai con gái; một cách xác thực với những thể loại này chẳng phải là quyền lợi của những loài Hữu Tình ấy, bởi vì chẳng có gắn liền theo tất cả loài Hữu Tình ở trong kiếp sống khác được; vả lại ở ngay trong kiếp sống này tuy rằng vẫn có quyền lợi nhưng lại bấp bênh vô định, vì vẫn còn có các nạn tai, đến cướp đoạt lấy đi. Sự liễu tri như vậy, được gọi là *Chân Tri Chước Kiến*.”

Tuy nhiên ở trong nhóm *Nghiệp Lục Tứ Phần (Kammacatukka)* đây, đã có trình bày đến các *Tư Tác Ý* ở chỗ làm Nghiệp Chủ, vì thế *Tâm Sở Tư Tác Ý* câu sanh với *Tuệ Nghiệp Chủ* đã được gọi là “*Chân Tri Chước Kiến*”, mà quả thật là *Tuệ Nghiệp Chủ* không thể nào sinh khởi một khi đã loại trừ đi *Tâm Sở Tư Tác Ý* ấy được. Như thế, khi đã đề cập đến *Tuệ Nghiệp Chủ* mà hình thành *Chân Tri Chước Kiến*, thì coi như đã đề cập đến *Tâm Sở Tư Tác Ý* ấy vậy. Sự việc này hiện hành theo *Phần Bất Ly Biệt (Avinàbhavanaya)* nghĩa là khi đã có đề cập đến một sự việc nào rồi, thì thường làm cho kết thành đến một sự việc khác nữa, vì lẽ không thể nào tách biệt chia lìa với nhau được.

Câu Chú Giải của từ ngữ “*Kammasakatāṇa*”: “*Kammaṃ sakaṃ yesanti = Kammasakā*”- “*Tất cả loài Hữu Tình có Nghiệp là quyền sở hữu của chính mình, như thế tất cả loài Hữu tình mới được gọi là Nghiệp Chủ, tức là tất cả loài Hữu Tình.*”- “*Kammasakānaṃ bhavo = Kammasakatā*”- “*Sự hiện hữu của tất cả loài Hữu Tình có Nghiệp là quyền sở hữu của chính mình, gọi là Nghiệp Chủ, tức là sự hiện hữu của loài Hữu Tình gọi là Tuệ Nghiệp Chủ, ấy là Trí Tuệ.*”

Trình bày thêm một câu Chú Giải khác nữa là: “*Attano paccayehi ujum kariyatīti = Ujukammaṃ*”- “*Diṭṭhi eva ujukammaṃ = Diṭṭhujukammaṃ*”- “*Pháp chủng nào hợp duyên của mình tác hành chân chánh, như thế Pháp chủng ấy gọi là Chánh Trực.*”- “*Tri kiến chính là Trí Tuệ làm thành chánh trực tác hành cho chân chánh, gọi là Chân Tri Chước Kiến.*” Từ ngữ “*Diṭṭhi*” ở tại nơi đây lập ý đến “*Trí Tuệ là Pháp chủng liễu tri theo sự chân thật, chân lý, tức là Tuệ Nghiệp Chủ*”. “*Attano paccayehi*” “*Pháp làm thành duyên của mình, có nghĩa là Pháp làm thành duyên của chính ngay Tuệ Nghiệp Chủ vậy.*” Pháp làm thành duyên của Tuệ Nghiệp Chủ đây, hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, ấy là:

1. *Tuệ Văn (Sutamayapañña)*: Tuệ sinh từ ở nơi sự nghiên cứu học hỏi, làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.
2. *Tuệ Tư (Cintāmayapañña)*: Tuệ sinh từ ở nơi sự nghĩ suy, thẩm sát ở trong sự hiện hữu của tất cả loài Hữu Tình; bởi theo những sự việc có bệnh, không có bệnh, sự khôn ngoan, sự đần độn, hạnh phúc, khổ đau, trường thọ, đoản thọ, nghèo khổ, giàu có, v.v. làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.
3. *Tuệ Tu (Bhāvanāmayapañña)*: Tuệ sinh từ ở nơi việc tiến tu Minh Sát làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

Trong câu Chú Giải thứ hai này, *Trí Tuệ (Pañña)* chia ra làm hai thể loại, ấy là: 1/ Trí Tuệ làm thành Nhân, 2/ Trí Tuệ làm thành Quả.

Trí Tuệ làm thành Nhân, ấy chính là cả ba Tuệ ở phía trên vậy. Còn Trí Tuệ làm thành Quả, ấy chính là *Tuệ Nghiệp Chủ*, mới chính vì lý do này, cho dù tất cả nhân loại vẫn chưa từ bỏ *Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)* (sự chấp thủ ở trong

Ngũ Uẩn rằng là Cửa Ta) chẳng có thật, tuy nhiên một khi đã có chánh tri kiến hiện hữu ở trong *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ (Dasavatthukasammàdiṭṭhi)* một cách thấu triệt rõ ràng, như thế gọi là *Tuệ Nghiệp Chủ* đã được hoàn thành, và làm cho *Chân Tri Chước Kiến* khởi sinh.

**Thập Chánh Kiến Tông Chỉ (Dasavatthukasammàdiṭṭhi)**  
**Hiện Hữu Mười Trường Hợp Như Sau:**

1. **Atthi dinnam:** Liễu tri rằng việc tạo ra Phước Báo ấy, thì có được đón nhận quả thiện hữu ích.
2. **Atthi yittham:** Liễu tri rằng những việc cúng dường ở cùng khắp, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.
3. **Atthi hutam:** Liễu tri rằng những việc nghênh tiếp đón chào, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.
4. **Atthi sukata dukkatànāṃ kammānaṃ phalaṃ vipāka:** Liễu tri rằng những việc làm Thiện và làm Bất Thiện đây, thì cũng có việc được đón nhận quả dị thực theo cả hai đạo lộ, trực tiếp và gián tiếp.
5. **Atthi ayam loko:** Liễu tri rằng đời sống này, là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại đây, chỗ gọi với nhau là kiếp sống này ắt hẳn là hiện hữu, vì lẽ có việc tục sinh nối tiếp thêm nữa.
6. **Atthi paro loko:** Liễu tri rằng có đời sau, tức là có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì có việc tục sinh lại nữa.
7. **Atthi mātā:** Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Mẹ, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.
8. **Atthi pitā:** Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Cha, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.
9. **Atthi sattā opapātikā:** Liễu tri rằng có loài Hữu Tình khởi sanh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (*Hóa Sanh*), tức là có loài Hữu Tình Địa Ngục, Nga Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, một cách xác thực.
10. **Atthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imaṅcā lokam paraṅcā lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti:** Liễu tri rằng bất luận những vị Sa Môn, Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời sau, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng có những vị Sa Môn, Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cùng có được chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là ắt hẳn có người tu tập *An Chỉ, Minh Sát, đắc chứng Thiên Định, Thắng Trí, Đạo* và *Quả*; và người thủ đắc giới tính thành bậc xuất gia, trau dồi Pháp Hành tốt đẹp và ưa thích, đều toàn là sự việc được nói đến làm thành Pháp chân thật, và chẳng phải tác hành chỉ là để mưu sinh, với bất luận trường hợp nào.)



**Ghi chú:** *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ* đây, là đối nghịch với *Thập Vô Hữu Kiến*.

*Thập Chánh Kiến Tông Chỉ* với mười điều như đã vừa đề cập đến ở tại đây, được ví như là dùng nước mưa để thử nghiệm một thí kim thạch, xem coi chất vàng ấy là thật hay giả; và dùng nước cường toan (*Acide*) để nhỏ vào bạc, vàng, hợp kim, rằng sẽ xem coi là nguyên chất hoặc không nguyên chất đến đâu như thế nào, thì *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ* là công cụ dùng để trắc nghiệm, thẩm sát, kiểm tra tri kiến của mình là chân chánh, trung thực, hoàn hảo nương theo đây cho được trọn vẹn hết tất cả, hoặc vẫn chưa được như thế ấy. Do vậy, nếu nhờ như tri kiến ấy nhận thấy vẫn chưa được trọn đủ hết cả mười điều, sẽ chỉ là có được hai hoặc ba điều ngần ấy thôi; và như vậy, thì vẫn chưa có thể liệt vào thành phần *Chân Tri Chước Kiến* có tri kiến chân chánh được. Vì lẽ phần đông con người thường hay có loại tri kiến chẳng có căn trọng, khôn khéo, kỹ lưỡng và sâu sắc. Khi đã có chánh tri kiến, đặc biệt chỉ riêng ở ba điều 1, 2 và 3 mà lại là loại tri kiến qua loa hời hợt; kể từ điều 4 trở đi thì lại cũng chẳng có nghĩ tưởng đến việc trông coi, nhìn thấy; và ở trong điều 1, 2 và 3 ấy, cho dù quả thật sẽ là loại chánh tri kiến đi nữa, nhưng loại chánh tri kiến ấy chỉ thấy là các việc tạo ra Phước Báo, các việc cúng dường, những việc mời mọc tiếp đón, với những sự việc này có quả dị thực và là hữu ích, vì sẽ làm cho mình thành người nổi tiếng, có danh giá, làm thành chỗ yêu thương, mến mộ ca ngợi ở trong tầng lớp xã hội. Thực hiện việc liên lạc, lui tới hữu quan với nhau qua việc mưu sinh cho được an lạc thuận tiện, thuộc phần *Kim Thế Thụ Lãn Quả Báo (Dīṭṭhadhammavedaniyaphala – Hiện Báo Nghiệp Lực, Thụ Quả Báo Nhãn Tiền)*, quả báo được đón nhận hiển nhiên thấy rành rành ở ngay trong kiếp sống này. Đối với *Lai Sinh Thụ Lãn Quả Báo (Uppajjavedaniyaphala – Hậu Báo Nghiệp Lực)*, sẽ được ứng đáp quả báo ở trong kiếp vị lai. Với *Hậu Hậu Thụ Lãn Quả Báo (Aparāpariyavedaniyaphala – Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực)*, sẽ được ứng đáp quả báo ở trong kiếp thứ ba trở đi, cho đến chứng đắc Níp Bàn, cũng chẳng hề có tư duy để nghĩ tưởng đến, thế thì làm sao để còn đề cập đến các điều khác được. Khi sẽ nói với nhau cho thật đúng đắn, dựa theo nền tảng của *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ* một cách chân chánh, thì quả thật cũng vẫn không có trung thực, mà chỉ có trúng được một phần mà thôi. Sự việc là như vậy, đích thị là cũng do bởi những hạng người này chẳng có *Tuệ Văn (Sutamayapañña)*, *Tuệ Tư (Cintāmayapañña)*, đã được thành tựu từ ở nơi việc nghiên cứu học hỏi ở trong lãnh vực *Pháp Học (Pariyattidhamma)*, hoặc không có *Tuệ Tu (Bhāvanāmaya pañña)* đã được thành tựu từ ở nơi việc tiến tu lãnh vực *Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)* ở trong *Pháp Hành* một cách chân chánh đó vậy.

Vì thế, tất cả những hàng cư sĩ tại gia hoặc các bậc xuất gia, tự bản thân cho dù sẽ có kiến thức hoặc chẳng có kiến thức ở trong các học thuật theo đạo lộ thế gian đi nữa; và nếu như tri kiến của mình vẫn chưa được chân chánh theo nền tảng của *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ*, thì cần phải nên cố gắng nỗ lực hết mình thực



hiện việc tu tập học hỏi ở trong lãnh vực Chánh Pháp của Pháp Học hoặc Pháp Hành, để ngõ hầu sẽ được sửa đổi, cải thiện, nâng cao tri kiến của mình cho thành tựu viên mãn chân chánh theo nền tảng của *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ* mà đã có được trình bày đến rồi vậy. Người ấy chẳng có hoài công uổng phí ở nơi sản địa được sinh làm Người gặp được Giáo Pháp của Đức Phật, cùng với được xưng danh là *người Phật Tử (Buddhasàsanikajana)* đích thực chân chánh. Điều ấy được coi như đã là quả báo lãi nhuận và chẳng có lỗ vốn chút nào, và làm thành trú xứ an tâm cả với tài trí, cho đến cả sự hiện hành ở trong thế giới bên kia của chính mình.

Lại nữa, người đã có chánh tri kiến với mọi trường hợp theo nền tảng của *Thập Chánh Kiến Tông Chỉ* ấy rồi, thì cũng coi như *Tuệ Nghiệp Chủ* đã có được sinh khởi đến với người ấy vậy. Và như thế, việc phóng khí xả thí, trì giới, tiến hóa tu tập của người ấy ắt hẳn là có quả báo cực đại, thật nhiều ân đức hữu ích, và bất khả tỷ giá; cũng giống như việc uơm hạt giống bò đê và trở sinh lên cỏ thụ bò đê vậy. Tương phản với việc xả thí, trì giới, tu tập của hạng người chẳng có *Tuệ Nghiệp Chủ*, thì thường có quả báo ít ỏi, có ân đức hy thiếu và bất túc; cũng giống như cỏ thụ bò đê mà lại trở sinh ra quả hạt bò đê vậy. Như thế, Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* mới miêu tả Ân Đức của *Tuệ Nghiệp Chủ* để ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ, Xiển Minh Tứ Phần, điều 397 (Catukkaniddesavaṇṇanā Sammohavinodanī Atthakathā)* nói rằng:

**“Imasmiṃ kammaṣakkatañāṇe thatvā bhūṃ dānaṃ datvā sīlaṃ pūretvā uposathaṃ samādiyitvā sukhena sukhaṃ sampattiyā sampattiṃ anubhavitvā nibbānaṃ pattānaṃ gaṇanaparicchedo natthi.”**- “Việc quy định về số lượng người đắc chứng Níp Bàn đã tuần tự tăng lên tiếp nối với nhau, sau khi họ đã thụ hưởng được tài sản hạnh phúc cùng cực, bởi do nương vào sự an trú ở trong *Tuệ Nghiệp Chủ* một cách kiên định, do đã thực hiện rất nhiều lần về Phước Báo, đã kiềm chế cẩn phòng ở trong Ngũ Giới, và ắt hẳn không cho phải bị đứt mắt về việc thọ trì giới, về việc nguyện thọ trì Bát Quan Trai Giới ấy vậy.”

### **Trình Bày Chi Pháp Của Chân Tri Chước Kiến Ở Trong Cả Ba Sát Na Của Tư Tác Ý**

1. *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na *Tư Tiền (Pubbacetanā)*, tức là 8 *Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)*.
2. *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na *Tư Hiện (Muñcacetanā)*, tức là 4 *Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (Mahākusalāññāṇasampayuttacitta)*.
3. *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na *Tư Hậu (Aparacetanā)*, tức là 8 *tâm Đại Thiện*.

**Giải thích rằng:** Người có tri kiến bất chánh, bất trung thực đối với Phật Giáo trong những sự việc, có việc tử; việc sanh; trú xứ địa giới thụ lãnh sự thống

khổ có Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula; trú xứ địa giới thụ hưởng sự an lạc có 6 tầng Thiên Giới. Nhân Loại chết đi rồi đi tục sinh thành loài Hữu Tình Bằng Sanh, hoặc được làm hạng Người khác. Loài Hữu Tình Bằng Sanh chết đi rồi đi tục sinh được làm thành Nhân Loại, hoặc được làm loài Hữu Tình Bằng Sanh khác. Tiếp đến, khi tự bản thân đã ý thức và liễu tri được rằng những tư duy và tri kiến của mình vẫn bất chánh, bất trung thực đối với Phật Giáo; thế là, tự bản thân sẽ cần phải thực hiện việc học hỏi nghiên cứu đến sự hiện hành của Tâm và Thân, để sẽ có được việc huấn tập tri kiến của mình cho được chân chánh đối với Phật Giáo. Sự việc bản thân đã đi đến ý thức và liễu tri được như vậy, đó là *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na thuộc phần *Tư Tiên*.

Khi Tâm Thức đã có tư duy và tri kiến như vậy, thế rồi đã bắt đầu thực hiện việc học hỏi nghiên cứu đến sự hiện hành của các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng, đặc biệt chỉ chuyên ở trong điều Pháp làm thành nền tảng có liên quan với các sự việc này. Việc học hỏi từ từ khởi lên chỉ ở trong Thiện Ý, thế rồi tri kiến và sự nhận thức cũng dần dần tuần tự khởi lên, cho đến khi đã gạt hái được tri kiến và sự nhận thức một cách sáng tỏ rõ ràng trong các sự việc về việc tử, việc sanh, địa ngục, thiên giới, v.v. rằng các sự việc ấy đã là thực hư đến đâu, bất luận trường hợp nào cũng thấu đáo tường tận. Chính loại tri kiến sáng tỏ rõ ràng này, đó là *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na thuộc phần *Tư Hiện*.

Tiếp sau đó, khi đã đón nhận sự hoan hỷ, có chánh kiến với sự học hỏi nghiên cứu một cách thiện hảo, dẫn đến thẩm sát sự hiện hành của bản thân rằng “*Khi trước đây Ta đã có rất nhiều sai trái, nhận định sai trật, và đã tà kiến với mọi trường hợp. Đến bây giờ đây, Ta đã thực hiện cho tri kiến của mình được trở nên chân chánh tốt đẹp, phù hợp với huấn từ ở trong Phật Giáo một cách thiện hảo.*” Chính việc thẩm sát như vậy, đó là *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na thuộc phần *Tư Hậu*. Với lý do này, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** mới trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Atthasàlini*, *Kệ Phúc Hành Tông (Puññakiriyavatthàdikathà)* nói rằng:

1. “***Diṭṭhum ujukaṃ karissamīti cintenatopi tesam yeva aṭṭhānaṃ aññarena cinteti***”- “Người có việc nghĩ suy rằng “*Ta sẽ phải thực hiện tri kiến của Ta cho được đúng đắn chân chánh theo nền tảng Phật Giáo*”. Việc nghĩ suy ở thể loại này, là việc suy nghĩ với bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Thiện. (*Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na thuộc phần *Tư Tiên*).
2. “***Diṭṭhum ujukaṃ karonti pana catunnaṃ nāṇasampayuttānaṃ aññatarena karoti***”- “*Còn người đang thực hiện tri kiến của mình cho được chân chánh đúng đắn với việc trau dồi Pháp Học hoặc Pháp Hành ấy, đích thị chính là việc thực hiện với bất luận với một trong 4 cái Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí ấy vậy.*” (*Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na thuộc phần *Tư Tiên*).

3. **“*Ditṭhiṃ me ujukà katàti paccavekkhanto aṭṭhànaṃ aññatarena paccavekkhati*”**- “Người có việc thẩm sát phản kháng ở trong tri kiến của mình rằng “Ta đã thực hiện tri kiến cho được chân chánh đúng đắn tốt đẹp rồi.” Việc thẩm sát phản kháng của người này, là việc thẩm sát với bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Thiện. (*Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na thuộc phần *Tư Hậu*).

### **Việc Tóm Lược Thập Phúc Hành Tông Ở Trong Phần Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập Cùng Với Lời Giải Thích**

Ở trong mười điều *Thập Phúc Hành Tông* đây; *Hồi Hướng Phước Báo* và *Tùy Hỷ Công Đức*, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần *Xả Thí Thiện*, gọi là *Phần Xả Thí (Dānamaya)*. *Cung Kính* và *Phụng Hành*, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần *Trì Giới Thiện*, gọi là *Phần Trì Giới (Sīlamaya)*. *Thỉnh Pháp*, *Thuyết Pháp* và *Chân Tri Chước Kiến*, với cả ba thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần *Tu Tập Thiện*, gọi là *Phần Tu Tập*. Tóm lại, *Thập Phúc Hành Tông* đã được làm thành với ba trường hợp, được có như vậy.

**Giải thích rằng:** Ở trong tất cả những Pháp Phúc Hành Tông này, thì *Xả Thí Thiện* là Pháp đối lập đối với *Tật Đồ (Issà – Đồ Kỵ)*, là có sự bất duyệt ý ở trong tài sản hoặc ở trong Thiện Ân Đức của tha nhân. Và cũng là Pháp đối lập đối với *Lận Sắc (Macchariya – Bỏn Xén)*, là có sự tăng tiu quý trọng ở trong tài sản của cái hoặc ở trong Thiện Ân Đức của mình. Như thế, nếu người sẽ thực hiện việc *Phóng Khí Xả Thí*, thì điều tiên quyết là sẽ cần phải khắc phục và chiến thắng với *Tật Đồ - Lận Sắc* cho diệt mất đi, thì việc *Phóng Khí Xả Thí* mới sẽ được thành tựu. Chỗ được nói như vậy, vì nhờ như khi nào *Lận Sắc* mà vẫn còn hiện hữu, thì đang khi thực hiện, sẽ phát sinh lên sự bất duyệt ý ở trong tài sản của cái của mình là sẽ phải bị hao hụt tổn phí đi. Và khi đã là như vậy, thì việc *Phóng Khí Xả Thí* cũng không thể nào sẽ được thành tựu. Do vậy, *Xả Thí Thiện* đây, mới thành Pháp đối lập với cả hai Pháp *Tật Đồ* và *Lận Sắc*. Và như thế, một khi việc *Phóng Khí Xả Thí* đã được thành tựu ở ngay trong sát na nào, thì ngay ở trong sát na ấy đã được gọi là việc diệt trừ cả hai Pháp *Tật Đồ* và *Lận Sắc* chỉ vồn vẹn một sát na.

Còn việc sinh khởi của cả hai điều, *Hồi Hướng Phước Báo* và *Tùy Hỷ Công Đức* đây, thì đích thị cũng tương tự với *Xả Thí Thiện* vậy. Sẽ nói rằng nếu người nào vẫn còn có *Tật Đồ*, thì người ấy sẽ phát sinh lên việc bất duyệt ý ở trong sự việc tự ở nơi tha nhân đã được đón nhận Thiện Phước với sự an vui thuận lợi, và chẳng có điều chi vất vả khổ sở. Nếu vẫn còn có *Lận Sắc*, thì sẽ phát sinh lên sự bất duyệt ý ở trong sự việc sẽ hồi hướng chia cho Phước Báo đến với tha nhân. Khi đã là như vậy, thì *Hồi Hướng Phước Báo Thiện* cũng sẽ không thể nào được thành tựu. Và như thế, một khi *Hồi Hướng Phước Báo* đã được thành tựu ở ngay

trong sát na nào, thì ngay ở trong sát na ấy cũng được gọi là đã thực hiện việc diệt trừ cả hai Pháp *Tật Đố* và *Lận Sắc* chỉ vồn vẹn một sát na.

Ở khoảng giữa của sự việc *Tùy Hỷ Công Đức* với *Tật Đố* và *Lận Sắc* ấy, thì cũng tương tự như nhau. Sẽ nói rằng nếu như vẫn còn có Tâm nghĩ tưởng đến *Tật Đố*, ắt hẳn sẽ khởi sinh lên sự bất duyệt ý ở trong việc *Phóng Khí Xả Thí, Trì Giới, Tiến Hóa Tu Tập* của tha nhân; và lại còn nhìn thấy sự hiện hành ấy, chỉ là một việc khoa trương. Khi là như vậy, thì sẽ không có Tâm nghĩ suy thiên hướng đến việc đón nhận phần Phước Báo mà người ta đã hồi hướng chia cho được. Nếu như vẫn còn có *Lận Sắc*, thì chỉ có sự tăng tiu quý trọng ở trong tài sản của cải của mình, và thế là cũng vẫn không thể nào thực hiện việc bắt chước làm theo với người hồi hướng phước báu ấy được. Do đó, mới không sẵn lòng đón nhận việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo mà người ta đã thực hiện ở trong việc *Phóng Khí Xả Thí* đấy. Nếu như việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo ấy, lại có liên quan với *Trì Giới, Tu Tập* mà tự bản thân vẫn chưa dứt bỏ sự khẩn khít mảng vui ở trong các Cảnh, thì việc *Trì Giới, Tiến Hóa Tu Tập* cũng vẫn không thực hiện tương tự với người ta được. Chính vì lý do này, mới không có sự hoan hỷ đối với việc hồi hướng chia cho các phần Phước Báo ấy. Và cũng vì thế, một khi *Tùy Hỷ Công Đức* đã được thành tựu ở ngay trong sát na nào, thì ngay ở trong sát na ấy cũng được gọi là đã thực hiện việc diệt trừ cả hai Pháp *Tật Đố* và *Lận Sắc* chỉ vồn vẹn một sát na. Do vậy, ở cả hai điều, *Hồi Hướng Phước Báo* và *Tùy Hỷ Công Đức* mới chỉ có duy nhất một thực tính là *Xả Thí Thiện* với nhau, và thành Pháp đối lập đối với *Tật Đố - Lận Sắc*. Và cũng chính bởi nguyên nhân này, Ngài Giáo Thọ mới sắp *Tùy Hỷ Công Đức* vào ở trong phần *Xả Thí Thiện*.

Lại nữa, trong việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo ấy, thì người thực hiện việc hồi hướng chia cho thường khi cũng hội đủ với cả ba thể loại *Thiện Sự*, với cả hai thể loại cũng có, và cũng có duy nhất chỉ với một thể loại, tùy thuộc vào việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo mà có liên quan với các *Thiện Sự* ấy. Còn đối với người *hoan hỷ tán thành (Anumodanà)* phần Phước Báo từ ở nơi tha nhân ấy, thì chỉ có một thể loại duy nhất, ấy là *Phần Xả Thí Thiện*, chẳng phải như là người thực hiện việc hồi hướng và sẽ hồi hướng chia cho, mà sẽ hội đủ cả ba, hoặc hai, hoặc là chỉ có một. ***Giải thích rằng:***

1. Người đã phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báo; hoặc đã thọ trì giới luật và tiến hóa tu tập, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báo; với người đã thực hiện việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo ấy, thường hội đủ cả ba thể loại *Thiện Sự*, ấy là *Phần Xả Thí Thiện (Dānamayakusala)*, *Phần Trì Giới Thiện (Sīlamaya kusala)*, *Phần Tu Tập Thiện (Bhāvanāmayakusala)*.
2. Người đã phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, thế rồi hồi hướng chia cho phần Phước Báo; hoặc người đã thọ trì giới luật, thế rồi hồi hướng chia cho phần

Phước Báu ấy, thường hội đủ cả hai thể loại Thiện Sự, ấy là *Phần Xả Thí Thiện*, và *Phần Trì Giới Thiện*.

3. Người đã phóng khí xả thí, tiến hóa tu tập, thế rồi hội hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thường hội đủ cả hai thể loại Thiện Sự, ấy là *Phần Xả Thí Thiện*, và *Phần Trì Giới Thiện*.
4. Người đã phóng khí xả thí, rồi đem hội hướng chia cho phần Phước Báu ấy, thường chỉ được duy nhất một thể loại Thiện Sự, ấy là *Phần Xả Thí Thiện* mà thôi. Sự việc là như vậy, cũng vì việc hội hướng chia cho phần Phước Báu, hoặc việc *hoan hỷ tán thành (Anumodanà)* phần Phước Báu ấy, chỉ được sắp vào một thể loại duy nhất ở trong *Phần Xả Thí Thiện*.

Cả hai Pháp, *Cung Kính (Apacàya)* và *Phụng Hành (Veyyavacca)* đây, là thuộc *Nguyện Trì Giới Luật (Càrittasilà)*, tức là việc cư xử đối đãi lễ độ với nhau một cách tốt đẹp của hàng cư sĩ tại gia và xuất gia, mà người mộ đạo có sự liễu tri một cách thiện hảo ở trong các sự kiện Phật Giáo. Vì thế, Ngài Giáo Thọ mới sắp vào ở trong phần *Trì Giới Thiện*.

Cả ba Pháp, *Thính Pháp*, *Thuyết Pháp* và *Chân Tri Chước Kiến* đây, là thực hiện những Thiện Sự để cho các Thiện Nghiệp Lực được phát triển tiến hóa thêm lên, như là việc tiến tu *An Chỉ (Samatha)* - *Minh Sát (Vipassanà)*. Vì thế, Ngài Giáo Thọ mới sắp vào ở trong phần *Tu Tập Thiện*. Và một trường hợp khác nữa:

### **Việc Liệt kê Thuyết Pháp Và Chân Tri Chước Kiến Theo Phần Phật Ngôn (Buddhabhàsità) Và Chú Giải (Atthakathà)**

Việc thuyết giảng Phật Pháp, việc giảng dạy Giáo Pháp, với những thể loại này, cũng được sắp vào ở trong phần *Xả Thí Thiện*. Như Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết rằng **“Sabbadànam dhammànam jinàti - Pháp Thí thù thắng hơn mọi thế gian thí”**- Dịch nghĩa là: **“Pháp Thí ắt hẳn thù thắng hơn cả mọi xả thí.”** Còn *Chân Tri Chước Kiến* ấy, Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** đã có trình bày ở trong bài *Kinh Phúng Tụng (Saṅgītisutta, # 33, Trường Bộ Kinh)* của bộ *Chú Giải*, thuộc Phẩm ***Pāthikavagga*** nói rằng: **“Dīṭṭhujukammaṃ sabbesaṃ niyama lakkhaṇaṃ”**- **“Chân Tri Chước Kiến đây, là biểu tượng từ ở nơi thành tựu viên mãn của hết tất cả Phúc Hành Tông.”** Có nghĩa, đích thị chính ngay *Chân Tri Chước Kiến* này, đã được sắp vào ở trong hết tất cả của các *Phần Xả Thí Thiện*, *Trì Giới Thiện*, *Tu Tập Thiện*. Ngài Giáo Thọ đã đề cập đến như vậy, cũng vì *Chân Tri Chước Kiến* này, đã được ví như một người ủng hộ về vật chất và tinh thần hậu thuẫn cho người tài công đã từng cầm lái con tàu cho được thường luôn chạy thẳng hướng như thế đấy. Nếu như thiếu mất đi người ủng hộ này rồi, thì con tàu sẽ không thể nào chạy được thẳng hướng vậy. Điều này như thế nào, thì với người thực hiện việc phóng khí xả thí, trì giới, trau dồi tu tập, mà nhờ như không có



*Chân Tri Chước Kiến* này cùng vào phối hợp, thế thì việc trở sanh quả báo của các việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập đây, sẽ không được thành tựu viên mãn; sẽ có việc sai sót, và chẳng có được y theo với việc sở cầu sở nguyện của mình. Sẽ nói rằng một khi đã được sinh làm Người, làm Chư Thiên; thì việc được sinh làm Người, làm Chư Thiên ấy, sẽ bị khiếm khuyết các Căn; hoặc chẳng là như thế, và khi đã hội đủ các Căn, thì sẽ sinh làm thành hạng người *ngu lỗ vô tri, thiếu Trí*, và sẽ thường luôn đón nhận sự thống khổ, điều bất hạnh ở trong các vấn đề về của cải tài sản. Khi đề cập đến phần Chi Pháp, thì Thiện Sự của những hạng người này, ấy là *Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm (Dvihetukakusalaomaka)*.

Đối với Thiện Sự của người có được *Chân Tri Chước Kiến* này cùng vào phối hợp, thì thường trở sinh quả báo cực đại to lớn, và có được y theo việc sở cầu sở nguyện của mình. Sẽ nói rằng một khi đã được sinh làm Người, làm Chư Thiên, thì sẽ sinh được làm Người, làm Chư Thiên thiện hảo, có đủ các Căn xinh đẹp, luôn có Chánh Niệm Tinh Giác, thông minh, sắc sảo tinh khôn; và thường luôn được đón nhận sự an vui về Thân, về Tâm ở trong các vấn đề về tài sản của cải. Khi đề cập đến phần Chi Pháp, thì Thiện Sự của những hạng người này, ấy là *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm (Ukkaṭṭha)* hoặc là ở bậc *Hạ Phẩm*, tức là *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm (Tihetukakusalaomaka)*.

### **Trình Bày Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa), Tức Là Tài Sản Nên Ủy Thác Tích Lũy Ở Trong Uẩn Giới Của Mình Để Chứng Đắc Níp Bàn.**

Tài sản nên được ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình, để sẽ làm thành tư lương đặng chứng đắc Níp Bàn, mà đã được gọi là *Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)* đây, hiện hữu với nhau ở trong 90 Pháp, ấy là 30 *Thiện Hạnh (Sucarita)*, 30 *Phúc Hành Tông (Puññakiriyavatthu – Phúc Nghiệp Sự)*, và 30 *Ba La Mật (Pàramì – Pháp Toàn Thiện)*, gom lại thành 90 Pháp.

Cả hai thể loại Pháp, 30 *Thiện Hạnh* và 30 *Phúc Hành Tông* đây, đã được đề cập đến ở trong phần trên. Còn 30 *Pháp Toàn Thiện (Ba La Mật)*, tức là 10 Pháp Toàn Thiện bậc Hạ (*Hìnapàramì – Ty Liệt*), 10 Pháp Toàn Thiện bậc Trung (*Majjhimapàramì – Trung Bình*), và 10 Pháp Toàn Thiện bậc Thượng (*Paṇitapàramì – Tinh Lương*), gom lại thành 30 Pháp. Ở trong 30 Pháp này, những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với *Dục (Chanda)*, *Cần (Viriya)*, *Tâm (Citta)*, *Thảm (Vimamsa, Pañña)*, đang khi năng lực hãy còn non yếu, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Hạ (*Hìnapàramì – Ty Liệt*). Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với *Dục, Cần, Tâm, Thảm*, đang khi năng lực dừng mãnh vừa đủ, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Trung (*Majjhimapàramì – Trung Bình*). Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với *Dục, Cần, Tâm, Thảm*, đang khi năng lực dừng mãnh cùng tột, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Thượng (*Paṇitapàramì – Tinh Lương*). [Như thế, 30 Pháp Toàn Thiện



này, mới không có lập ý đến 10 *Pháp Toàn Thiện Thông Thường (Sàmañña pàramì)*, 10 *Pháp Toàn Thiện Cao Thượng (Upapàramì)*, 10 *Pháp Toàn Thiện Tối Thượng (Paramatthapàramì)*, với bất luận trường hợp nào.]

Chín mươi *Pháp Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa)* đây, đã được trình bày đề ở trong bộ *Phụ Chú Giải Chương Thứ Nhất - Túc Sanh Truyện – (Ekanipàtajatakaṭikà)* nói rằng: “*Samatimsa samatimsàni sucaritadhamma puññakariyavatthu pàramì yoti ime navutidhammà nibbànatthàya upanidhi bhaṇḍa nàma*”- Dịch nghĩa là: “*Có 90 điều Phẩm Vật mà đã được gọi là Ủy Thác Phẩm Vật (Upanidhibhaṇḍa), tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uân Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn; ấy là Pháp Thiện Hạnh, Pháp Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự), và Pháp Toàn Thiện; với từng mỗi Pháp có được 30, và gom lại thành 90 Pháp.*”

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ mười bảy, chỗ nói rằng “Tam panetaṃ vīsatividhampi v.v. saṅkhaṃ gacchati”.*

Theo phần Pàli ở điều này là trình bày việc tổng hợp *Dục Giới Nghiệp Lực (Kàmaṇvacarakamma)*, ấy là *Tâm Sở Tư Tác Ý (Cetanācetasika)* hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, và 8 Tâm Đại Thiện. Hết cả thấy hai thể loại này được gọi với nhau là *Dục Giới Nghiệp Lực*. Vì thế, rằng khi tổng hợp lại theo phần Chi Pháp (*Aṅgadhama*) thì mới có số lượng là 20 *Dục Giới Nghiệp Lực*. Tuy nhiên, rằng khi tổng hợp lại theo phần Môn (*Dvāra*) thì có được 3 trường hợp, ấy là: 1/ sinh khởi theo Lộ Thân Môn tác hành Thiện và Bất Thiện, 2/ sinh khởi theo Lộ Ngũ Môn tác hành Thiện và Bất Thiện, 3/ sinh khởi theo Lộ Ý Môn tác hành Thiện và Bất Thiện; khi tổng hợp lại thì có được 3 trường hợp ngàn ấy vậy. Rằng khi tổng hợp lại theo phần *Sự Vụ (Kicca)* thì có được 30 Pháp; ấy là: 1/ Bất Thiện Sự Vụ có 10, tức là *Thập Ác Hạnh (Duccarita)*, 2/ Thiện Sự Vụ có 20, tức là *Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammāpatha)*, hoặc *Thập Thiện Hạnh (Sucarita)*, và *Thập Phúc Hành Tông (Thập Phúc Nghiệp Sự)*, khi tổng hợp lại thì có được 20 Pháp.

### ***Kết Thúc Dục Giới Nghiệp Lực***

-----00000-----

## **TRÌNH BÀY NGŨ HỮU SẮC GIỚI THIỆN NGHIỆP LỰC (RUPĀVACARAKUSALAKAMMA)**

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ mười tám, chỗ nói rằng “Rupāvacarakusalāṃ pana manokammameva v.v. jhānaṅgabhedena”.*

*Giải thích rằng:* Việc sinh khởi của *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* đây, là sẽ khác biệt với việc sinh khởi của *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực*. Tức là *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực* đây, là sẽ sinh khởi theo Lộ Thân Môn cũng được, Lộ Ngũ Môn

cũng được, và Lộ Ý Môn cũng được. Vì thế, một khi nói theo phần Nghiệp Lực, thì có được ba thể loại, ấy là *Thân Hành Nghiệp Lực (Kàyakamma)*, *Ngũ Hành Nghiệp Lực (Vàcàkamma)*, và *Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma)*. Còn *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* đây, thì sẽ không thể nào sinh khởi theo Lộ Thân Môn hoặc Lộ Ngũ Môn được, và một cách đặc biệt là, thường chỉ sinh khởi duy nhất theo Lộ Ý Môn ngàn ấy thôi. Vì thế, một khi nói theo phần Nghiệp Lực, thì duy nhất chỉ có *Ý Hành Nghiệp Lực*. Vì lẽ, *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* mà chẳng có liên quan đến phần *Thắng Trí (Abhiññà)*, thì chẳng có nhiệm vụ trong việc tác hành làm cho cả hai *Sắc Biểu Trí (Viññattirùpa)* khởi sinh, tức là chẳng có khởi sinh việc hoạt động về Thân và Lời từ ở nơi *Hữu Sắc Giới Thiện* ở phần chẳng có liên quan đến *Thắng Trí* vậy. Và như thế, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: “*Manokammameva*”- “*Tức là duy nhất chỉ có Ý Hành Nghiệp Lực.*”

Một trường hợp khác nữa, việc sinh khởi của *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực* ấy, thường là được sinh khởi theo rất nhiều đạo lộ. Sẽ đề cập đến là, được sinh khởi từ ở nơi việc phóng khí xả thí cũng có, chỗ được gọi là *Phần Xả Thí (Dànāmaya)*; được sinh khởi từ ở nơi việc thọ trì giới luật cũng có, chỗ được gọi là *Phần Trì Giới (Sīlamaya)*; được sinh khởi từ ở nơi việc tiến hóa tu tập *An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhàna)* và *Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanà kammaṭṭhàna)* cũng có, chỗ được gọi là *Phần Tu Tập (Bhàvanāmaya)*. Còn việc sinh khởi của *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* ấy, thường chỉ sinh khởi theo một đạo lộ duy nhất, ấy là việc tiến hóa tu tập với bất luận một trong 30 *Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhàna)* của *An Chỉ Nghiệp Xứ*, chỗ được gọi là *Phần Tu Tập*.

Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng “*Tañca bhàvanāmayaṃ*”- “*Tức là Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực này, thường được thành tựu viên mãn với Phần Tu Tập.*”

Một trường hợp khác nữa, *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực* đây, cho dù có được thể loại *Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma)* ở *Phần Tu Tập (Bhàvanāmaya)*, nghĩa là sinh khởi thành tựu viên mãn do bởi nương vào việc tiến hóa tu tập theo Lộ Ý Môn đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không có khả năng để đạt đến sự thành tựu viên mãn việc *đắc chứng Thiền Định (Appanàsamādhi)* được, tức là được *Nhập Thiền Định (Jhānasampatti)*; mà thường chỉ được đạt đến phần *Chuẩn Bị Định (Parikammāsamādhi)*, và *Cận Hành Định (Upacārasamādhi)*, đây chỉ là những nấc thang đầu tiên của *Nhập Thiền Định* mà thôi. Còn *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* ấy, thường là đạt đến sự thành tựu viên mãn việc *đắc chứng Thiền Định*. Có nghĩa là việc tiến hóa tu tập *An Chỉ Nghiệp Xứ* của vị hành giả (*Yogi*) ấy, nếu như vẫn chưa chứng đắc được *Thiền Định*, thì *Hữu Sắc Giới Thiện* cũng vẫn chưa được khởi sinh. Và nếu như *Hữu Sắc Giới Thiện* khởi sinh, ngụ ý nói đến, vị hành giả ấy đã *đắc chứng được Thiền Định*, thế là Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng “*Appanāpattam*”- (*Nhập Định*).

Một trường hợp khác nữa, việc sinh khởi của *Dục Giới Thiện* thì có được số lượng là 8 cái Tâm. Ấy là bởi do việc phân loại có liên quan đến phần *Thọ (Vedanàbhedanaya)*, hoặc có liên quan đến phần *Trí Tuệ (Ñāṇabhedanaya)*, hoặc có liên quan đến phần *Dẫn Dụ (Saṅkhàrabhedanaya)* [Như đã có được trình bày rõ ràng ở trong Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, ở Phần Tiểu Học] Còn việc sinh khởi của *Hữu Sắc Giới Thiện*, là theo nền tảng của việc phân loại dựa theo Chi Thiên (*Āṅgajhāna*), mà đã được phân chia ra làm năm thể loại. Và khi tính theo việc phối hợp với Chi Thiên, thì có được như sau:

1. Có được 1 cái Tâm Hữu Sắc Giới Thiện phối hợp với năm Chi Thiên.
2. Có được 1 cái Tâm Hữu Sắc Giới Thiện phối hợp với bốn Chi Thiên.
3. Có được 1 cái Tâm Hữu Sắc Giới Thiện phối hợp với ba Chi Thiên.
4. Có được 1 cái Tâm Hữu Sắc Giới Thiện phối hợp với hai Chi Thiên, là Chi Lạc, và Chi Nhất Thống.
5. Có được 1 cái Tâm Hữu Sắc Giới Thiện phối hợp với hai Chi Thiên, là Chi Xả, và Chi Nhất Thống.

Tổng hợp số lượng *Hữu Sắc Giới Thiện* lại, thì có được 5 cái Tâm, như đã được đề cập ở tại đây, là việc tính theo phần phân loại của Chi Thiên vào phối hợp. Như thế, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: “*Jhānaṅgabhedena pañcavidham hoti*”- “*Tức là theo phân loại của Chi Thiên, thì có được năm thể loại.*”

### **TRÌNH BÀY TỨ VÔ SẮC GIỚI THIỆN NGHIỆP LỰC (ARÙPÀVACARAKUSALAKAMMA)**

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ mười chín, chỗ nói rằng “Tathà arùpàvacarakusalañca manokammaṃ v.v. àrammaṇabhedena catubbidham hoti”.*

**Giải thích rằng:** Việc sinh khởi của *Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* đây, rằng theo Môn thì chỉ sinh khởi theo Lộ Ý Môn. Rằng theo Sự Vụ, thì thường chỉ sinh khởi duy nhất trong sự việc làm cho thành tựu viên mãn với *Phần Tu Tập (Bhàvanàmaya)*. Rằng theo *Phần Định (Samādhi)*, thì cần phải đạt đến *Nhập Định (Appanàsamādhi)*, và cũng tương tự với việc sinh khởi của *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực*. Như thế, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: “*Tathà arùpàvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhàvanàmayam appanàpattam.*”

Còn việc phân loại *Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* đã được chia ra làm bốn ấy, là khác biệt với việc phân loại *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực*. Tức là *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực* ấy, thì nương vào Chi Thiên để làm phương thức cho

việc phân loại. Còn cả bốn Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực đây, thì không thể nào phân loại theo phần Chi Thiện được, vì lẽ hết tất cả cũng có hai Chi Thiện tương tự, ấy là Chi Xả và Chi Nhất Thống. Còn việc phân loại ra làm bốn cái Tâm ấy, là việc hiện hành có liên quan với Cảnh Nghiệp Xứ (*Àrammaṇakammaṭṭhàna*) của những thể loại Tâm này. Sẽ nói rằng: Tâm Thiện sinh khởi với Đề Mục Hoàn Tịnh Ý Tưởng Hư Không Chế Định (*Kasiṇugghàṭimàkàsapaññatti*), cũng làm thành tên gọi của Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ (*Àkàsanañcàyanakusalacitta*). Tâm Thiện sinh khởi bởi do có Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ làm Cảnh, cũng làm thành tên gọi của Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ (*Viññànaññànañcàyatana kusalacitta*). Tâm Thiện sinh khởi bởi do có Chế Định Thực Tính Vô Hữu (*Natthi bhàvapaññatti*) làm Cảnh, cũng làm thành tên gọi của Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ (*Àkiñcaññàyanakusalacitta*). Tâm Thiện sinh khởi bởi do có Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm Cảnh, cũng làm thành tên gọi của Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (*Nevasaññànàsaññàyanakusalacitta*).

Như vậy, với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: “*Àrammaṇabhedena catubbidham hoti.*”

Kết luận lại, từ ngữ nói rằng “*Bhàvanàmayam appanattam*” – (Phần Tu Tập với Phần Đắc Định) đây, là việc trình bày với lập ý để cho biết rằng hết tất cả chín Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực (*Mahaggatakusalakamma*) đây, đã được sinh khởi là cũng do nương vào việc tiến hóa tu tập *An Chi Nghiệp Xứ*, có việc thâm thị Cảnh Hoàn Tịnh (*Àrammaṇakasiṇa*), v.v. Bởi thế cho nên, chỉ có duy nhất Phần Tu Tập, và không có Phần Xả Thí và Phần Trì Giới.

Nếu như có điều vấn hỏi đề cập đến để phản bác rằng, ở trong Chánh Tạng Pàli bộ Kinh Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidàmagga*) đã có trình bày nói rằng “*Những thể loại Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực này cũng được sắp vào Phần Trì Giới Thiện*” như có phần Pàli đã hiện bày như sau: “*Paṭhamajjhànaena nìvaraṇaṇam, dutiyena vitakkavicàraṇam, tatiyena pītiyà, catutthena sukhadukkhaṇam pahàṇam sīlam veramaṇi sīlam cetanà sīlam saṃvaro sīlam avitikkamo sīlam.*” - “*Việc phóng khí Triền Cái với Sơ Thiện, việc phóng khí Tâm Tử với Nhị Thiện, việc phóng khí Hỷ với Tam Thiện, việc phóng khí Lạc Khổ với Tứ Thiện. Việc phóng khí những thể loại này đã được sắp vào phần Phóng Khí Giới Luật (Pahàṇasīla), Tránh Khai Giới Luật (Veramaṇisīla), Tư Tác Ý Giới Luật (Cetanàsīla), Kiểm Thúc Giới Luật (Saṃvarasīla), Bất Vi Phạm Giới Luật (Avitikkamasīla).*”

Giải đáp rằng, ở trong Chánh Tạng Pàli đã có trình bày thì quả là đúng thật, tuy nhiên đó là việc trình bày theo phần Thứ Yếu lòng vòng (*Pariyāyanaya*), và chẳng phải là việc trình bày theo phần Chánh Yếu trọng tâm (*Mukhayanaya*). Vì lẽ, những thể loại Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực này đã được sinh khởi lên đây, chẳng phải là do bởi nương vào việc thọ trì giới luật, mà thường sinh khởi là chỉ có duy nhất nương vào việc tiến hóa tu tập *An Chi Nghiệp Xứ* mà thôi. Đề cập đến điều

này thì cũng ví như sẽ có lời nói rằng: “Đức Phật Ngài đã có lập ý làm cho Tỳ Khuru *Devadatta*, là kẻ mưu toan phản nghịch đối với Đức Phật, phải bị sa đọa vào Cõi Giới Địa Ngục.” Mà chính do hành động tạo tác của Tỳ Khuru *Devadatta*, ấy là người dấn dẫn phải bị sa đọa vào Cõi Giới Địa Ngục vậy. Đối với Đức Phật, Ngài chỉ là một thành phần kết cấu ở trong việc làm cho Tỳ Khuru *Devadatta* tạo ra Bất Thiện Nghiệp Lực dẫn đến kết thành quả báo mà thôi.

Lại nữa, kể từ phần Pàli với điều thứ năm v.v. cho đến điều thứ hai mươi, chỗ nói rằng: “*Tattha akusalam kàyakammaṃ vacikammaṃ manokammañceti kammadvàrasena tividham hoti*” v.v. cho đến “*Tathà arùpàvacarakusalañca manokammaṃ tampi bhàvanàmayam appanàpattam àrammaṇabhedena catubbidham hoti*” đây, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày chỉ để cho được biết việc phân loại của Nghiệp Lực gồm có bốn, có *Bất Thiện Nghiệp Lực* v.v. bấy nhiêu thôi, và vẫn chưa có được trình bày đến phần *Trú Xứ Khai Quả (Pàkaṭṭhàna)*, tức là Cõi Địa Giới làm thành trú xứ cho việc trở sanh quả báo của hết cả những bốn thể loại Nghiệp Lực này.

Kể từ phần Pàli với điều thứ hai mươi mốt, có “*Etthàkusalakamma muddhaccarahitam*” v.v. cho đến phần Pàli với điều thứ hai mươi bảy, có “*Tesam dvàdasa pàkàni*” v.v., thì với những điều này, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày một cách tuần tự đến phần *Trú Xứ Khai Quả (Pàkaṭṭhàna)*, tức là Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ cho việc trở sanh quả báo của hết tất cả những bốn thể loại Nghiệp Lực ấy; và cũng như tiếp theo đây sẽ trình bày một cách giảng rộng với đầy đủ chi tiết như sau:

+ Giải thích ở trong phần Pàli với **điều thứ hai mươi**, chỗ nói rằng “*Etthàkusala kammamuddhaccarahitam*” v.v. cho đến “*Yathàraham vipaccati*”- Phần Pàli ở điều này đã trình bày đến Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ cho việc trở sanh quả báo của Bất Thiện Nghiệp Lực, ấy là 11 Bất Thiện Nghiệp Lực [loại trừ *Tư Tác Ý Câu Hành Trạo Cử (Uddhacca – Phóng Dật)*] thường trở sanh quả báo *Tái Tục (Paṭisandhi)* ở trong hết tất cả *Tứ Thống Khổ Địa Giới*. Có nghĩa là, người phải bị tục sinh ở trong hết tất cả những *Tứ Cõi Thống Khổ* đây, là cũng do nương vào một trong 11 Bất Thiện Nghiệp Lực này làm thành tác nhân; và còn *Tư Tác Ý Trạo Cử* ấy, thì chẳng có nhiệm vụ làm trở sanh quả báo *Tái Tục*. Có nghĩa là, người đã tục sinh ở trong *Tứ Thống Khổ Địa Giới*, thì ắt hẳn chẳng phải bởi do nương vào *Tư Tác Ý Điều Cử* làm thành tác nhân. Đối với ở trong *Thời Chuyển Khởi (Pavattikàla – Thời Bình Nhật)*, tức là thời gian tiếp nối từ ở nơi *Tái Tục* cho đến *Tử Vong* ấy, thì thường là hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực trở sanh quả báo. Sẽ nói rằng, làm cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện, có việc nhìn thấy xấu ác, việc lắng nghe điều bất thiện, v.v. sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới, và 15 Cõi Sắc Giới [loại trừ *Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng (Asaññasattabhùmi)*].



Khi kết thúc theo phần Pàli ở điều này thì có được ý nghĩa là “*Trú Xứ Khai Quả* của những Bất Thiện Nghiệp Lực này, rằng theo Thời Tái Tục, thì thường là Tứ Thống Khô Địa Giới. Rằng theo Thời Chuyển Khởi, thì thường là ở trong 11 Cõi Dục Giới, và 15 Cõi Sắc Giới (ngoại trừ ra *Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới*).

### Trình Bày Nguyên Nhân Ở Trong Việc Tư Tác Ý Câu Hành Trạo Cử Không Có Khả Năng Trở Sanh Quả Báo Ở Trong Thời Tái Tục

Người ta đã có nói rằng, cho dù là một con người có sự gan dạ dũng mãnh, và kiên cường đi nữa, tuy nhiên trong mỗi mọi việc quan trọng mà chỉ do mỗi một mình thực hiện, thì cũng chẳng thể nào thực hiện các công việc ấy cho được thành tựu viên mãn. Cũng giống như một vị tướng quân, cho dù có sức mạnh dũng mãnh và lòng quả cảm kiên cường đi nữa, thế rồi sẽ ra chỉ thị cho đội quân, mà chỉ có duy nhất một người một, để tiến lên chiến đấu với quân thù, thì cũng chẳng có thể nào đánh bại được kẻ địch. Mà thiết yếu cần phải có người tùy tùng đi theo cùng với chính mình để làm thành đội quân, thì mới có khả năng tiêu diệt quân thù được lặn. Cũng tương tự như thế, ngay cả ở trong những công việc khác nữa, thì cho dù ở người có được đầy đủ kiến thức và tài năng đi nữa, thế nhưng chỉ có mỗi một mình tiến hành thực hiện, và chẳng có người nào tháp tùng theo phụ giúp thực hiện những nhiệm vụ của mình, thì cũng chẳng có thể nào sẽ hoàn thành những công việc ấy được. Điều này như thế nào, thì trong tất cả những 52 cái Tâm Sở ấy, *Tâm Sở Tư Tác Ý* đã được gọi là Tâm Sở có năng lực dũng mãnh kiên cường, và thù thắng hơn những cái Tâm Sở khác. Chẳng là như vậy, ở trong bất luận những công việc nào, mà tất cả loài Hữu Tình đã có tạo tác do bởi Thân, hoặc Lời, hoặc Ý đi nữa; thì đích thị chính là cái *Tâm Sở Tư Tác Ý* này thường làm chủ vị sắp bày và đảm trách trong từng mỗi công việc ấy, vì do bởi, vừa thụ lãnh nhiệm vụ ở trong chức vị làm thành “*Nghiệp Lực – Kamma*”, và lại, vừa có bốn phận trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi trong thời vị lai.

Trong việc trở sanh quả báo ở trong cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi đây, thì việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục mới chính là điều trọng yếu. Vì lẽ cần phải thực hiện nhiệm vụ kiến tạo lên kiếp sống, kiến tạo lên đời sống, cho đặng hiện khởi làm thành Hữu Tình Bàn Sanh cũng có, hoặc làm Nhân Loại cũng có, hoặc làm Chư Thiên cũng có, ở trong các Cõi Giới ấy. Chính với lý do này, *Tâm Sở Tư Tác Ý* hình thành *Chủ Nghiệp Lực* đây, mới cần phải có các Tâm Sở khác hiện hữu và có năng lực thù thắng cùng vào giúp đỡ với nhau, mới có khả năng kiến tạo lên kiếp sống, kiến tạo lên đời sống, cho đặng hiện khởi lên, chỗ được gọi là trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục. Nếu chẳng là như thế, thì cũng chẳng có khả năng để sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được, và chỉ có khả năng thực hiện nhiệm vụ ấy ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi. Thế



mà, việc trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi đây, lại chẳng phải là điều trọng yếu. Vì thế, một khi thâm sát đến sự hiện hành của *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong *Tâm Câu Hành Trạo Cử*, rằng sẽ có năng lực vừa đủ để sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được hay không; thì sẽ thấy được rằng *Trạo Cử* đây, mà chẳng có các Tâm Sở Bất Thiện khác với năng lực thù thắng, chẳng hạn bất luận là *Tham, Sân, Kiến, Mạn, Tật, Lận, Nghi*, cùng vào hỗ trợ đi theo nhiệm vụ của mình, và lại có thể chỉ có *Tâm Sở Si Tứ Phần (Mohacatukacetāsika)* là phần *Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Akusalacetāsikāmañña)* phối hợp phổ cập với tất cả Bất Thiện Sự Vụ mà thôi. Như thế, vì với lý do này, mới phán quyết được rằng *Tư Tác Ý Câu Hành Trạo Cử* đây, mới không có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được, và chỉ có thể trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi mà thôi. Vì lẽ ấy, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng **“*Etthākusalakamma muddhacca rahitaṃ v.v. yathārahaṃ vipaccati.*”**

Một trường hợp khác nữa, từ ngữ minh giải về Bất Thiện ở trong bộ *Chú Giải Atthasālini* đã có trình bày nói rằng: **“*Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong *Tâm Tương Ứng Hoài Nghi (Vicikicchāsampayuttacitta)* thì không có phối hợp với *Thắng Giải (Adhimokkha)*, mà lại có được khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục.”** Thế thì, *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong *Tâm Tương Ứng Trạo Cử (Uddhacca sampayuttacitta)* và lại có *Thắng Giải* vào phối hợp, thế mà tại sao lại không có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được vậy ? Làm thế nào để sẽ hiểu biết được điều này đây ? Chính ở trong bộ *Chú Giải Atthasālini* đã có lời giải đáp nói rằng: **“*Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* đây, cho dù bất luận trường hợp nào, chẳng là *Pháp* phải bị đoạn tận bởi do *Tâm Đạo Thất Lai*.”** Trong lời giải đáp này cũng đã giải thích được rằng: **“*Nếu như Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* mà có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được đó, là chỉ sẽ trở sanh quả báo ở trong *Tứ Thống Khổ Địa Giới* mà thôi. Khi đã là như vậy, thế thì bậc đã thành tựu *Quả vị Thất Lai*, ắt hẳn sẽ còn phải tục sinh ở trong *Tứ Thống Khổ Địa Giới*; vì lẽ vẫn chưa đoạn tận được *Tâm Tương Ứng Trạo Cử*. Và lại, nếu đã là như vậy, thì trái với điều *Pāli* đã nói rằng: **“*Catūhāpāyehi ca vippamutto*”**- là **“*Bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai*, ắt hẳn đã thoát miễn khỏi cả *Tứ Thống Khổ Địa Giới* ấy rồi”** ấy mà Phật ngôn này thì không thể nào sai trật được ! Như thế, mới khẳng định rằng *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử*, cho dù có phối hợp với *Thắng Giải* đi nữa, cũng không có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được.**

Vấn đề này vẫn còn có thể khởi lên điều thắc mắc nữa là: *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* đây, cho dù không thuộc vào ở trong nhóm Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do *Đạo Thất Lai* đi nữa; tuy vậy, cũng vẫn là thuộc vào ở trong nhóm Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do *Đạo Vô Sinh*. Vì thế, ở trong việc viện dẫn nói rằng: **“*Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* không có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được”** vì lẽ không thuộc vào ở trong nhóm Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do *Đạo Thất Lai* ấy vậy. Lập luận biện giải

đến đây ắt hẳn đã nhận thấy là bị lòng vòng, vậy sẽ có chứng cứ nào khác nữa để trình bày cho được hiểu biết hay không ? Điều này được giải đáp rằng “Có”. Như đã có hiện hữu ở trong Kinh tạng Pàli *Phát Thú (Paṭṭhàna)* trình bày đến vấn đề *Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkaṇikkammaṇaccaya)*. Trong Duyên này, Đức Phật Ngài đã có lập ý khái thuyết tập hợp hết tất cả các *Tâm Sở Tư Tác Ý* có khả năng trở sanh quả báo, hiện hữu ở trong Duyên này. Tức là khi đã lập ý trình bày phân tích phần *Giải Ngộ (Dassanatika)* bởi theo 24 Duyên, và khi đã lập ý trình bày đến *Dị Thời Nghiệp Duyên* ấy, Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết một cách riêng biệt về Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do *Đạo Thất Lai*, và đã lập ý khái thuyết pha trộn lẫn nhau về Pháp phải bị đoạn tận do bởi tầng Đạo bậc cao và tầng Đạo bậc thấp, và chẳng có lập ý khái thuyết một cách riêng biệt về Pháp phải bị đoạn tận ở tầng Đạo bậc cao không thôi. Như đã hiện bày việc khái thuyết rằng: **“Nānakkaṇikkā dassanena pahātabbā cetanā vipākānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ kamma paṇaccayena paṇaccayo”**- Dịch nghĩa là: “*Tư Tác Ý Bất Thiện bị đoạn tận bởi do Đạo Thất Lai sinh khởi khác biệt sát na, dị biệt với nhau về thời gian ấy, đã làm thành duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tư Danh Uẩn Tái Tục và Sắc Nghiệp Tái Tục bởi do mãnh lực Nghiệp Duyên.*” Trong việc trình bày một cách riêng biệt về Pháp mà bị đoạn tận bởi do *Đạo Thất Lai* ấy, thì *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* không có thuộc vào ở trong chỗ này. Như thế, mới biết được rằng: “*Bậc đã thành tựu Quả vị Thất Lai cũng vẫn còn có Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử, tuy nhiên bậc Quả Thất Lai ấy đã không còn đọa vào Tư Thống Khổ Địa Giới.*” Với lý do này, mới khẳng định được rằng *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* không có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục được, như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

Lại nữa, *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* đây, là Pháp phải bị đoạn tận bởi do *Đạo Vô Sinh*, thế nhưng ở trong đoạn trên đã có nói rằng: “*Đức Phật Ngài đã không có lập ý khái thuyết một cách riêng biệt về Bất Thiện Pháp mà phải bị đoạn tận bởi do tầng Đạo bậc cao ấy,*” như thế sẽ nói “*được hoặc không được*” rằng *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* đây, ngay cả ở trong Thời Chuyển Khởi cũng không có khả năng trở sanh quả báo được ? Giải đáp rằng, nói như vậy là “*không được*”, vì lẽ quả thật là, cho dù đã không có lập ý khái thuyết đề ở trong phần *Dị Thời Nghiệp Duyên* trong bộ *Phát Thú* đi nữa, tuy nhiên đã có trình bày đề ở trong phần *Vô Ngại Giải Phân Tích (Paṭisambhidāvibhaṅga)* thuộc bộ thứ hai của Tạng Vô Tỷ Pháp, đã nói rằng: **“Yasmiṃ samaye akusalaṃ cittaṃ uppannaṃ hoti v.v. upekkhā sahaṅgaṃ uddhaccasampayuttaṃ rūpārammaṇaṃ và v.v. dhammārammaṇaṃ và, yaṃ yaṃ và paṇārabha, tasmīṃ samaye phasso hoti v.v. avikkhepo hoti, ime dhammā akusalā, imesu dhammesu ñāṇaṃ dhammapaṭisambhidā. Tesāṃ vipāke ñāṇaṃ atthapaṭisambhidā.”**

Trong Chánh Tạng Pàli này, riêng ở trong điều đã có nói rằng: **“Tesāṃ vipāke ñāṇaṃ atthapaṭisambhidā”** ấy, dịch là: “*Liễu tri ở trong Quả Dị Thục của Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Trạo Cử, gọi là Nghĩa Lý Vô Ngại Giải.*” Như thế, qua

điều này mới khẳng định được rằng *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* đây, là có khả năng trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

### Quan Điểm Của Ngài Trưởng Lão **Buddhadatta** Ở Trong Vấn Đề Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử Và Lời Quyết Đoán

Ở trong vấn đề này, Ngài Trưởng Lão đã có quan điểm rằng *Tư Tác Ý Tương Ứng Trạo Cử* đây, nếu đã sinh ở trong bản tánh của hàng *Phàm Phu (Puthujjana)* thì ít hẵn có khả năng trở sanh quả báo ở cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, nếu đã sinh ở trong bản tánh của bậc *Hữu Học (Sekkhapuggala)*, thì không có khả năng trở sanh quả báo ở cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Còn tất cả những Ngài *Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải (Anuṭṭhàcàriya)*, và Ngài *Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (Paramatthadīpaniṭṭhàcàriya)*, những Ngài *Giáo Thọ Sư Ngôn Ngữ Học (Bhāsāṭṭhàcariya)* đã phản bác quan điểm của Ngài Trưởng Lão **Buddhadatta** đây, vì có lập luận cũng tương tự như đã vừa trình bày đến rồi vậy. Tức là việc trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục thì chẳng thể nào có được, và đã có được hiện hữu rõ ràng ở trong *Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhiṇīkakkammappaccaya)*. Còn việc trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi thì đã có được hiện bày ở trong *Vô Ngại Giải Phân Tích (Paṭisambhidāvivhaṅga)* rồi. Như thế, việc trở sanh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi mới có được hết tất cả là 12 *Tư Tác Ý Bất Thiện*. Chính vì lý do này, sự việc mà Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày nói rằng **“Pavattiyam pana sabbampi dvādasavidham sattākusalavipākāni vipaccati”**- đã được dịch là **“Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực ấy đã làm cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện trở sanh thành quả báo”** mới được coi như là việc trình bày đúng đắn.

Chỗ nói rằng: **“Sattākusalapākāni sabbatthāpi kāmaloke rūpaloke ca yathāraham vipaccati”**- mà dịch là **“Cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện trở sanh thành quả báo ở trong 11 Cõi Dục Giới và ở trong 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Phạm Thiên Vô Tướng) vừa theo thích hợp.”** Ở tại đây, chỗ nói rằng **“Sabbatthāpi – trong mọi cách”** cần phải hữu quan với từ ngữ **“Kāmaloke – Cõi Dục Giới”**; dịch là **“ngay ở trong tất cả Cõi Dục Giới, tức là 11 Cõi Dục Giới”**, có nghĩa là việc trở sanh quả báo của những Bất Thiện Nghiệp Lực này ở trong Thời Tái Tục, cho dù quả thật là, chỉ sẽ trở sanh quả báo ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới đi nữa; tuy nhiên ở trong Thời Chuyển Khởi thì thường trở sanh quả báo phổ cập cả ở *Thiện Thú (Sugati)* và luôn cả ở *Khổ Thú (Duggati)* trong hết cả 11 Cõi Địa Giới ấy vậy.

Từ ngữ **“Yathāraham”** đã được dịch là **“vừa theo thích hợp”** ấy, có nghĩa là vừa theo thích hợp đối với các Môn và các Cảnh. Giải thích rằng ở trong 11 Cõi Dục Giới ấy, thì có đủ cả Ngũ Môn, và như thế, hết tất cả 7 Quả Dị Thục Bất Thiện thường sinh khởi lên được. Còn ở trong Cõi Sắc Giới, thì chỉ có *Nhãn Môn*

(*Cakkhuvàra*) và *Nhĩ Môn (Sotadvàra)*, còn *Tỷ Môn (Ghànavàra)*, *Thiệt Môn (Jivhadvàra)*, và *Thân Môn (Kàyadvàra)*, cả ba Môn này thì không có; và như thế Bất Thiện Quả Dị Thục, *Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tiếp Thân (Sampañcchana)*, *Thảm Tán (Santirāṇa)* tiếp thân Cảnh Sắc, Cảnh Thinh ở phần Bất Thiện, thì thường được sinh khởi lên. Còn Quả Dị Thục Bất Thiện, *Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức* có Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc ở phần Bất Thiện, thì thường là không có được sinh khởi. Chính vì thế mới sử dụng từ ngữ nói rằng “*Yathàrahaṃ vipaccati*”.

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ hai mươi mốt, chỗ nói rằng “Kàṃavacarakusalampi kàmasugatiyameva” v.v. cho đến “Yathàrahaṃ vipaccati”-*

Phần Pàli ở điều này đã trình bày đến Cõi Giới mà làm thành trú xứ cho việc trở sanh quả báo của Dục Giới Thiện Nghiệp Lực. Giải thích rằng, bởi do có Thập Phúc Hành Tông lập thành trú xứ kiến tạo lên những 8 Pháp Đại Thiện Nghiệp Lực này, thường trở sanh quả báo cho 8 *Tâm Đại Quả (Mahāvīpāka)*, 1 *Tâm Thảm Tán Quả Dị Thục Thiện Xả Thọ (Kusalavīpākaupekkhāsantirāṇacitta)*, *Sắc Nghiệp (Kammajarūpa)* sinh khởi ở trong Thời Tái Tục, và chỉ ở trong *Cõi Dục Giới Thiện Thú (Kàmasugatibhūmi)* ngàn ấy thôi. Ở trong số lượng của những 9 cái Tâm Tái Tục này, thì 8 Tâm Đại Quả là quả báo Tái Tục cho được sinh khởi phổ cập hết cả ở trong *Thất Dục Giới Thiện Thú*. Còn 1 Tâm Thảm Tán Quả Dị Thục Thiện Xả Thọ đây, là quả báo Tái Tục đặc biệt chỉ sinh khởi ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Tứ Đại Thiên Vương mà thôi. Có nghĩa là người đã được thọ sinh làm Người và Chư Thiên ấy, thì thường là sinh khởi với mãnh lực từ ở nơi bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Thiện liên hệ với hết cả thầy Thập Phúc Hành Tông (*Phúc Nghiệp Sư*). Tuy nhiên tất cả những hạng Người và Chư Thiên ấy, thì có một số Người đã phải sinh ra với cảnh trạng bất hoàn hảo, phải bị khiếm khuyết dị tật, câm điếc, điên cuồng, ngu xuẩn, mù lòa, câm điếc, v.v. và có một số Người đã được sinh ra một cách hoàn hảo, không có bị khiếm khuyết dị tật bất luận một trường hợp nào. Và sự hiện hữu của một nhóm Chư Thiên ở tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương ấy, thì cũng có cảnh trạng bất hoàn hảo, là có sự thiếu thốn khốn khổ ở trong các vấn đề sinh kế, vật thực và đời sống, luôn cả hình hài sắc tướng đáng kinh sợ, đáng ghê tởm, y như thể hạng Ngạ Quỷ; và lại có một vài nhóm có lòng dạ tính khí hung tợn xấu ác. Một vài nhóm thì có cảnh trạng hoàn hảo, và có thân sắc hình hài diễm lệ xinh đẹp. Đối với các Chư Thiên ở năm tầng Thiên Giới cao hơn, thì có cảnh trạng hoàn hảo cả về đời sống và cả về thân sắc hình hài. Sự khác biệt với nhau của những hạng Người và Chư Thiên như đã vừa đề cập đến tại đây, chính là do sự khác biệt với nhau từ ở nơi Tâm Tái Tục. Tức là, với hạng Người và Chư Thiên bậc thấp mà có cảnh trạng bất hoàn hảo ấy, là cũng do có *Tâm Thảm Tán Quả Dị Thục Thiện Xả Thọ (Kusalavīpākaupekkhāsantirāṇacitta)* làm thành Tâm Tái Tục, hoặc gọi là *Thiện Thú Tái Tục Vô Nhân (Sugātiāhetukapaṭisandhi)*.

Còn với hạng Người và Chư Thiên có cảnh trạng hoàn hảo, tuy nhiên chỉ khác biệt với nhau ở phần *Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasampatti)*, tức là Ngũ Quyền (*Indriya*) có *Tín Quyền (Saddhindriya)* v.v. là cũng do có bất luận một trong 8 cái Tâm Đại Quả ở phần Tương Ứng Trí, phần Bất Tương Ứng Trí, làm thành Tâm Tái Tục, hoặc còn gọi là *Tái Tục Hữu Nhân (Sahetukapaṭisandhi)*.

Đối với việc thụ lãnh quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi từ ở nơi 8 Đại Thiên Nghiệp Lực ấy, có được hiện hữu ở hai thể loại, ấy là: 1/ *Quả Báo Hữu Nhân (Sahetukaphala)* tức là 8 *Tâm Đại Quả (Mahāvīpākacitta)*, và 2/ *Quả Báo Vô Nhân (Ahetukaphala)* tức là 8 *Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân (Ahetuka kusalavīpāka)*. Trong cả hai thể loại quả báo này, thì 8 Tâm Đại Quả làm thành quả báo được đón nhận chỉ riêng ở trong *Thất Dục Giới Thiên Thú (Kāmasugati bhūmi)* và lại có nhiệm vụ *Hữu Phần Sự Vụ (Bhavaṅgakicca)* và *Na Cảnh Sự Vụ (Tadārammaṅgakicca)*. Còn 8 Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân ấy, làm thành quả báo được đón nhận ở trong 11 Cõi Dục Giới và 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng) vừa theo thích hợp đối với Môn và Cảnh, tức là ở trong Cõi Địa Giới mà có đủ cả các Môn thì cũng có đủ cả các Cảnh. Chính vì thế, Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân cũng thường sinh khởi đủ cả 8 cái Tâm. Nếu như ở trong Cõi Địa Giới hoặc Người mà không có đủ các Môn thì cũng không đón nhận được đủ các Cảnh. Như thế, Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân cũng thường nương theo Môn hiện hữu mà sinh khởi, và làm nhiệm vụ của Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân; tức là có việc được nhìn thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được xúc chạm v.v. ở trong Cảnh tịnh hảo. Điều này trình bày cho được thấy rằng chẳng phải chỉ riêng ở trong các Cõi Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên ấy, thì mới được có việc thấy, việc được nghe, v.v. ở trong Cảnh tịnh hảo, mà chỉ đến ngay cả ở trong loài Hữu Tình sinh ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới cũng vẫn có cơ hội để sẽ được thấy, được nghe, v.v. ở trong Cảnh tịnh hảo. Tất cả sự việc này là cũng tùy thuộc vào từ ở nơi *Hậu Hậu Thiên Nghiệp Lực (Aparāpariyakusalakamma)*, chẳng hạn như nhóm Hữu Tình Bằng Sanh có sự sống an lạc, được nhìn thấy, được lắng nghe, được ăn, v.v. là chỉ ở trong các sự vật tốt đẹp và luôn cả cũng có sắc tướng xinh đẹp; mà những sự vật đây là Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân, và *Sắc Nghiệp (Kammajarūpa)*, *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp (Kammaṭṭhāraṇa)* thuộc phần *Quả Báo Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇa)* ở trong Thời Chuyển Khởi. Đối với Tâm Quả Dị Thục Thiên Vô Nhân và Sắc Nghiệp, Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp thuộc phần *Quả Báo Duyệt Ý* ở trong Thời Chuyển Khởi của nhóm *Người Thiên Thú Dục Giới (Kāmasugatipuggala)* và *Phạm Thiên Sắc Giới (Rūpabrahma)* ấy, thì đã rõ ràng rồi. Với lý do này, Ngài Trưởng Lão *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: “*Tathā pavattiyañca mahā vipākāni, ahetukavīpākāni pana aṭṭhapi sabbatthāpi kāmaloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati.*”



Trong từ ngữ đã nói rằng: **“Tathà pavattiyañca mahàvipàkàni”** đây, nếu sẽ trình bày cho được đầy đủ, thì sẽ phải trình bày là **“Kàmàvacarakusalam pavattiyañca mahàvipàkàni kàmasugatiyameva janeti”** có nghĩa là *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực* này, đã làm cho 8 Tâm Đại Quả sinh khởi làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi, đặc biệt là chỉ ở trong *Thất Dục Giới Thiện Thú* mà thôi. Sự việc này cũng vì từ ngữ **“Tathà”** đây là loại *Bất Phân Từ (Nipàtapada)* dùng để chỉ cho biết được ý nghĩa của từ ngữ nói là **“Kàmasugatiyameva”** và **“Janeti”**, và từ ngữ nói là **“Yathàraham”** ở trong phần Pàli của điều này thì cũng đã có lời giải thích tương tự với từ ngữ **“Yathàraham”** ở trong phần Pàli điều thứ hai mươi một.

+ Giải thích ở trong phần Pàli với **điều thứ hai mươi hai, hai mươi ba, hai mươi bốn**, chỗ nói rằng **“Tatthàpi tihetukamukkaṭṭham kusalam v.v. pavatte ca ahetukavipàkàneva vipaccati”-**

Ở trong phần Pàli của cả ba điều này đã trình bày đến việc phân loại Đại Thiện Nghiệp Lực ra làm nhiều thể loại với nhau, có *Tam Nhân Thuởng Phẩm (Tihetukaukkaṭṭha)* v.v. và luôn cả đã trình bày đến quả báo của những Thiện Nghiệp Lực này theo riêng từng mỗi Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi.

Đại Thiện Nghiệp Lực đã vừa đề cập đến ở tại đây, khi phân loại bởi theo *Nhân (Hetu)* thì có được hai thể loại, ấy là: 1/ *Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala)*, 2/ *Thiện Nhị Nhân (Dvihetukakusala)*.

1/ **Thiện Tam Nhân** ấy, cho dù đang khi thực hiện các Thiện Sự, có *Xả Thí (Dàna)*, *Trì Giới (Sila)*, *Tu Tập (Bhàvanà)* v.v. với Thân, với Lời, hoặc với Ý đi nữa, và Tâm Thiện của người tác hành ấy có được phối hợp với bất luận là *Tuệ Nghiệp Chủ (Kammassakatàñña)* hoặc *Minh Sát Tuệ (Vipassanàñña)*; và thể loại Thiện này cũng được gọi là *Thiện Tam Nhân*, tức là Thiện câu sanh với *Nhân Vô Tham (Alobhahetu)*, *Nhân Vô Sân (Adosahetu)*, *Nhân Vô Si (Amohahetu)*, có Chi Pháp là 4 *Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (Mahàkusalaññasampayuttacitta)*.

Sự hiện hành của Đại Thiện Nghiệp Lực đã phối hợp với *Tuệ Nghiệp Chủ* ấy, là bậc hữu trí liễu tri ở trong vấn đề *Nghiệp Lực* và *Quả Báo* của Nghiệp Lực rằng **“tác hành Thiện ắt hẳn được đón nhận quả báo Thiện, tác hành Bất Thiện ắt hẳn phải bị đón nhận quả báo Bất Thiện”** và tất cả những loài Hữu Tình ở trong thế gian này có Nghiệp Lực làm Trưởng (*chủ vị*), có Nghiệp Lực làm người sắp bày. Và một khi đã tạo tác xong rồi, thì nhất định là phải đón nhận quả báo nhanh hoặc chậm của các việc tạo tác ấy. Cũng ví như Ta lấy cục đá ném xuống ở trong lòng hồ nước, thì sẽ hiện khởi lên rằng, nước ấy sẽ tung tóe, sóng sánh, vung vãi lan tỏa ra thành một mặt phẳng rộng lớn, và khi đến tận ở nơi bờ hồ ấy, thì sẽ quay trở vào đến ngay chỗ mà Ta đã ném cục đá xuống vậy. Và nếu như cục đá ấy là loại nhỏ bé, thì độ tung tóe, vung vãi, rồi sẽ lan tỏa và quay trở lại một cách chậm chậm. Và nếu như cục đá ấy là loại to lớn, và cục đá ấy lại có nhiều trọng lực, thì độ tung tóe, vung vãi, rồi sẽ lan tỏa và quay trở lại một cách mau lẹ. Điều tỷ dụ so



sánh này cho thấy rằng, việc tác hành Thiện hoặc Bất Thiện của tất cả loài Hữu Tình ấy, một khi đã tạo tác xong rồi, thì thường là chẳng mất đi đâu cả, và nhất định là phải đón nhận quả báo tương tự với việc tung tóe, vung vãi, lan tỏa ra, thế rồi quay trở lại đến nơi chỗ cũ, như thế ấy vậy. Đối với việc phải đón nhận quả báo nhanh hoặc chậm, thì cũng tùy thuộc vào nơi *Tư Tác Ý*. Sự cần chuyên nỗ lực của người ấy thực hiện, và *Án Đức Phẩm Vị* hoặc vị trí của người đón nhận hành động tạo tác; hoặc *điều giới luật (Sikkhàpada)*, hoặc *điều Pháp Hành (Paṭipatti)* coi như là trú xứ của hành động tạo tác; và người có sự hiểu biết ngay chính ở trong vấn đề như đã vừa đề cập đến tại đây, thì đã được gọi là *Bậc Hữu Tuệ Nghiệp Chủ*. Và như thế, việc tác hành những Thiện Sự của nhóm người này mới được sắp vào ở trong phần *Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala)*.

Sự hiện hành của Đại Thiện Nghiệp Lực đã phối hợp với *Minh Sát Tuệ* ấy, là bậc hữu trí liễu tri rằng tất cả những sự vật ở trong thế gian này, cho dù là hữu sinh mạng hoặc vô sinh mạng đi nữa, thì cũng chỉ là hiện hữu ở hai thể loại Sắc với Danh, và Danh Sắc này cũng chỉ là vật vô thường, sinh rồi diệt một cách thường luân, và tất cả đều là *Vô Thường (Anicca)*, *Khổ Đau (Dukkha)*, và *Vô Ngã (Anattà)*. Bởi thế, trong việc thực hiện các Thiện Sự ấy, người cúng dường, hoặc bậc *Thụ Thí Xả Nhân (Paṭigàhaka)*, thường cũng chỉ là Sắc với Danh, và có thực tính sinh diệt, là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Các sự vật làm thành vật phẩm cúng dường thì cũng chỉ là Sắc Pháp, và có thực tính sinh diệt, là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Tâm Thiện sinh khởi đến với Ta thì cũng chỉ là Danh Pháp, và có thực tính sinh diệt, là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, tương tự như nhau. Tuy nhiên có điều khác biệt với nhau, ấy là cho dù Tâm Thiện đã sinh khởi lên và sẽ có sự diệt tắt ở trong từng mỗi sát na đi nữa, thế nhưng mãnh lực của các Thiện Sự ấy cũng chẳng có diệt mất đi được, thường là nối tiếp hiện hữu ở trong Uẩn Giới của người đã tác hành, chờ khi có được cơ hội ở trong thời gian nào tức thì trở sanh quả báo cho hiện khởi lên ngay ở trong kiếp sống hiện tại và kiếp sống vị lai. Và ngay ở trong sát na mà Tâm Thiện đang sinh khởi, thì cũng làm cho người ấy có được Tâm thanh tịnh, Tâm an lạc, và chẳng khởi sinh sự sầu khổ. Cũng giống như người đã đồng ý bỏ tiền ra để mua nước tắm. Trong sát na đang tắm nước ấy, thì từng mỗi giọt nước ở trong cái thau tắm, cũng đã chảy xuống thấm vào ở trong lòng đất, và chẳng còn dư sót; cho dù là người tắm ấy cũng đã đồng ý để mà mua nước tắm mỗi ngày. Tất cả sự việc này là cũng do liễu tri được rằng, cho dù quả thật nước để mà tắm ấy sẽ chẳng có dính khát ở trên cơ thể đi nữa, tuy nhiên nước ấy cũng có khả năng làm cho cơ thể được đón nhận sự mát mẻ tươi tỉnh, và luôn cả làm vệ sinh, tắm rửa các vật bẩn thỉu ứ đọng đang dính khát ở trong cơ thể cho được hết sạch đi. Điều này như thế nào, thì mãnh lực của Tâm Thiện đã sinh khởi rồi diệt đi ở trong từng mỗi sát na, cũng như thế ấy. Người đã có được sự liễu tri ở trong vấn đề như vừa đề cập đến ở tại đây, đã được gọi là *Bậc Hữu Minh Sát Tuệ*

và hành động tạo tác các Thiện Sự của nhóm người này cũng được sắp vào ở trong phần *Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala)*.

Việc kiến tạo các Thiện Sự đã phối hợp với *Minh Sát Tuệ* ấy, thì đã được sắp vào loại Thiện thù thắng cùng tột. Như thế, tất cả các hàng Phật Tử, là những người cư sĩ tại gia và các bậc xuất gia, mới cần chuyên nỗ lực để sẽ làm cho việc thực hiện Thiện Sự của mình, cho làm thành Thiện phối hợp với *Minh Sát Tuệ*, hoặc *Tuệ Nghiệp Chủ* một cách thường luôn; và để cho được đón nhận *Quả Báo Cực Đại (Mahapphala)*, *Quả Phước Báo Cực Đại (Mahànisaṅsa)*, cả ở trong kiếp sống hiện tại và luôn cả những kiếp sống tiếp nối theo sau.

2/ *Thiện Nhị Nhân* ấy, là đang khi thực hiện các Thiện Sự, có *Xả Thí (Dāna)*, *Trì Giới (Sīla)*, *Tu Tập (Bhāvanā)* v.v. với Thân, với Lời, hoặc với Ý đi nữa, và Tâm Thiện của người tác hành ấy đã không có phối hợp với *Tuệ Nghiệp Chủ (Kammassakatāṅga)* hoặc *Minh Sát Tuệ (Vipassanāṅga)*, bất luận là trường hợp nào. Thể loại Thiện này đã được gọi là *Thiện Nhị Nhân*, tức là Thiện chỉ cấu sanh với *Nhân Vô Tham (Alobhahetu)*, *Nhân Vô Sân (Adosaḥetu)* mà thôi, thiếu mất đi *Nhân Vô Si (Amohaḥetu)*, và có Chi Pháp là 4 *Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí (Mahākusalañāṇavippayuttacitta)*.

Sự hiện hành của thể loại Đại Thiện này, là những việc làm Thiện ấy chẳng phải chỉ có riêng ở trong hàng Phật Tử, mà ngay cả những người ở trong các tôn giáo khác, hoặc một số người hoang dã kém văn minh, hoặc một vài nhóm Hữu Tình Bàng Sanh cũng có được sinh khởi loại Thiện này. Vì lẽ những việc làm Thiện đấy, chính là Thân Hành Thiện, Ngữ Hành Thiện và Ý Hành Thiện. Tuy nhiên, trong hành động tạo tác Thiện Sự của nhóm người như đã vừa đề cập đây, chẳng có việc thâm sát liên quan với *Tuệ Nghiệp Chủ* hoặc *Minh Sát Tuệ*, bất luận là trường hợp nào. Tác hành chỉ nhắm vào lợi ích trước mắt, hoặc thực hiện theo bản phận, hoặc theo phong tục tập quán, hoặc có người bắt buộc, cưỡng bức phải thực hiện. Y như trẻ con chẳng có sự hiểu biết về Nhân Quả của việc tạo ra Phước Báo, một khi người lớn chỉ bảo cho việc để bát, hoặc chỉ bảo cho việc lễ Phật tụng kinh, hoặc cho việc cúng dường vật dụng đến Chư Tăng, thì cũng thực hiện y theo người lớn đã chỉ bảo mà thôi.

Lại nữa, hành động tạo tác Thiện Sự của hạng người tuân theo Phật Giáo, và người thực hiện Thiện Sự ấy cũng chẳng phải là trẻ con, thể nhưng Tâm Thiện sinh khởi với người ấy lại là *Thiện Nhị Nhân*; tức là chỉ thuộc loại Thiện thông thường và có số lượng ít ỏi. Sự việc là như vậy, cũng vì nhóm người này chẳng có đủ kiến thức ở trong lãnh vực Phật Giáo, đặc biệt nhất là *Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma)* và luôn cả tự bản thân cũng chẳng có quan tâm để cần chuyên nỗ lực cho được liễu tri ở trong nội dung chi tiết của *Tạng Vô Tỷ Pháp* này. Ngay cả trong sát na phóng khí xả thí, hoặc sát na xuất gia Tỷ Khưu, xuất gia Tu Nữ, hoặc sát na tiến tu *An Chi Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)*, hoặc *Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanā kammaṭṭhāna)*, thì hầu hết trạng thái hiện hành của nhóm người này thường chỉ

dính mắc với *Ái Dục (Taṇhà)*, *Ngã Mạn (Màna)*, và *Tà Kiến (Diṭṭhi)*. Cho dù sẽ có dáng vẻ cử chỉ là lịch thiệp ngoan hiền đi nữa, thế nhưng đó chỉ là hiện hành dáng vẻ bề ngoài mà thôi. Rằng khi theo đường lối của Tạng Kinh thì sẽ nói là lịch thiệp ngoan hiền, tuy nhiên nếu nói theo đường lối của Tạng Vô Tỷ Pháp thì không kể là lịch thiệp ngoan hiền. Vì lẽ người ấy có tâm bị vẩn đục do bởi mãnh lực *Ái Dục (Taṇhà)*, *Ngã Mạn (Màna)*, và *Tà Kiến (Diṭṭhi)*. Vì thế, hành động tạo tác Thiện Sự của người này mới sắp vào ở trong phần *Thiện Nhị Nhân (Dvihetuka kusala)*.

### Phân Loại Thiện Tam Nhân Và Thiện Nhị Nhân Theo Thượng Phẩm Và Hạ Phẩm

- Từng mỗi Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân như đã vừa đề cập đến đây, được phân chia ra làm hai thể loại, ấy là:
- Thiện Tam Nhân bậc Thượng Phẩm, ấy là Thiện ở bậc cao thượng.
- Thiện Tam Nhân bậc Hạ Phẩm, ấy là Thiện ở hạng thấp kém.
- Thiện Nhị Nhân bậc Thượng Phẩm, ấy là Thiện ở bậc cao thượng.
- Thiện Nhị Nhân bậc Hạ Phẩm, ấy là Thiện ở hạng thấp kém.

Sự hiện hành của Thiện Tam Nhân và Thiện Nhị Nhân thuộc vào Thượng Phẩm ấy, là trước khi sẽ thực hiện hoặc sau khi đã thực hiện hoàn thành các Thiện Sự, có việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, v.v. thì Tâm Thức của người thực hiện ấy không có Bất Thiện trộn lẫn vào. Có nghĩa là trước khi sẽ thực hiện, thì người ấy có sự quyết tâm và sẵn lòng để sẽ tác hành các việc làm Thiện ấy, một cách kiên định và bất thoái trước khó khăn, hoặc ngán ngẫm trước những gian khổ, mà bản thân đang hoặc sẽ phải hứng lãnh lấy trước mắt. Và như thế, đã được gọi là *Tư Tiền (Pubbacetanà)* của người ấy hiện hành một cách thanh tịnh. Và một khi người ấy đã tác hành viên mãn một cách tốt đẹp các việc làm Thiện ấy, tức thời khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý, và chẳng còn nghĩ tưởng đến sự mệt nhọc và khó khổ, hoặc sự tổn công phí sức, bất luận là trường hợp nào. Chỉ có sự vui sướng ở trong lòng trong các việc làm Thiện mà mình đã được thực hiện thành tựu viên mãn y theo sở nguyện. Và như thế, đã được gọi là *Tư Hậu (Aparacetanà)* của người ấy hiện hành một cách thanh tịnh. Với lý do này, Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện hoặc Tu Tập Thiện khởi sinh đến với người ấy sẽ là *Thiện Tam Nhân* hoặc *Thiện Nhị Nhân*, và đã được sắp thành *Thiện Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhakusala)* tức là Thiện ở bậc cao thượng.

Sự hiện hành của *Thiện Tam Nhân* và *Thiện Nhị Nhân* thuộc vào *Hạ Phẩm* ấy, là trước khi sẽ thực hiện hoặc sau khi đã thực hiện hoàn thành các Thiện Sự, có việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, v.v. thì Tâm Thức của người thực hiện ấy có Bất

Thiện trộn lẫn vào. Có nghĩa là trước khi sẽ thực hiện, thì người ấy không có sự quyết tâm và chẳng có sẵn lòng để sẽ tác hành các việc làm Thiện ấy. Giả như có thực hiện, thì ắt hẳn phải có sự cưỡng bức ép buộc, hoặc cũng có khi nhìn người khác họ thực hiện thì cũng đua tranh với họ, hoặc thực hiện để tầm cầu lợi ích cho riêng mình theo con đường thế gian. Và như thế, đã được gọi là *Tur Tiền (Pubbacetanà)* của người ấy hiện hành một cách bất tịnh. Và một khi người ấy đã tác hành viên mãn một cách tốt đẹp các việc làm Thiện ấy, thì chẳng có *phát sanh niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pitisomanassa)*, mà trái lại chỉ có sự khổ sâu ưu não, bởi do việc nghĩ tưởng đến sự mệt nhọc khó khổ, hoặc nghĩ tưởng đến việc tốn hao bạc tiền đã chi dụng ở trong các việc làm Thiện ấy. Hoặc giả có sự tầm cầu lợi ích ở trong con đường thế gian, mà nhờ như được thành tựu y theo sở nguyện thì cũng có khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý. Còn nhờ như không được thành tựu y theo sở nguyện thì khởi sinh lên sự buồn lòng, và khổ tâm. Những thể loại này đã được gọi là *Tur Hậu (Aparacetanà)* của người ấy hiện hành một cách bất tịnh. Với lý do này, Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện hoặc Tu Tập Thiện khởi sinh đến với người ấy sẽ là *Thiện Tam Nhân* hoặc *Thiện Nhị Nhân*, và đã được sắp thành *Thiện Hạ Phẩm (Omakakusala)* tức là Thiện ở hạng thấp kém.

Trong cả hai thể loại *Tur Tác Ý*, là *Tur Tiền (Pubbacetanà)* và *Tur Hậu (Aparacetanà)* làm thành dụng cụ phán quyết rằng các Thiện Sự ấy, sẽ là *Thiện Thượng Phẩm (Ukkatthakusala)* hoặc là *Thiện Hạ Phẩm (Omakakusala)* ấy, *Tur Hiện* rất là trọng yếu hơn *Tur Tiền*, vì lẽ *Tur Hậu* đó chính là *Tur Tác Ý* sinh khởi sau khi đã tác hành các Thiện Sự ấy được thành tựu viên mãn. Với lý do này, cho dù *Tur Tiền* sẽ là bất tịnh đi nữa, tuy nhiên *Tur Hậu* lại thanh tịnh, cũng được sắp thành *Thiện Thượng Phẩm*; hoặc cho dù *Tur Tiền* thanh tịnh đi nữa, và nhờ như *Tur Hậu* lại bất tịnh, thì Thiện Sự ấy cũng phải sắp thành *Thiện Hạ Phẩm*.

### Phân Loại Thiện Thượng Phẩm Và Thiện Hạ Phẩm Theo Hậu Hậu Tur Tác Ý (Aparàparacetanà)

Từ ngữ nói rằng “*Aparàparacetanà*”- “*Tur Hậu Hậu* là *Tur Tác Ý* sinh khởi sau khi đã tạo tác với thời gian lâu dài.” Có nghĩa là *Tur Tác Ý Thiện* hoặc *Bất Thiện* sinh khởi sau khi *Tur Hậu* đã sinh và đã ra đi rồi, trong khoảng thời gian một ngày, hoặc một tháng v.v. Những thể loại này đã được liệt vào loại *Tur Hậu Hậu* hết tất cả. Và *Tur Hậu Hậu* này, nếu là Thiện, tức là một khi truy niệm đến các việc phóng khí xả thí, trì giới, tiến hóa tu tập của mình đã có tác hành, cho dù đã trải qua với thời gian rất nhiều ngày, hoặc nhiều tháng rồi đi nữa, cũng vẫn *phát sanh niềm hoan hỷ phỉ lạc (Pitisomanassa)*, có niềm tịnh tín kiên định ở trong Thiện Sự của mình, và có Tuệ Tri điều lợi ích ở trong Thiện Sự của mình đang thường luôn khởi sinh. Chính loại *Tur Hậu Hậu* như vậy, là *Thiện Ý* và được sắp vào thể loại *Thiện Thượng Phẩm*. Nếu *Tur Hậu Hậu* là Bất Thiện, tức là một khi

truy niệm đến các việc phóng khí xả thí, trì giới, tiến hóa tu tập của mình đã có tác hành; và đến thời gian nối tiếp, thì khởi sinh sự bất duyệt ý, buồn lòng, ưu não; hoặc khởi sinh sự hân hoan, mừng vui thích dính mắc với *Ái Dục (Tanhà)*; hoặc khởi sinh sự kiêu hãnh ở trong Tâm rằng Ta đã làm được Thiện Sự tốt hơn người khác, thế rồi khởi sinh *Ngã Mạn (Màna)*. Chính loại *Tư Hậu Hậu* như vậy, là Bất Thiện Ý và đã sắp vào thể loại *Bất Thiện Hạ Phẩm*. Và như thế, cả bốn thể loại, *Tam Nhân Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm*, *Nhị Nhân Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm* này, khi phân loại bởi theo *Tư Hậu Hậu (Aparàparacetanà)* thường hiện hữu được 8 thể loại, ấy là:

1. Thiện Tam Nhân Thượng Thượng Phẩm (*Tihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala*),
2. Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm (*Tihetuka ukkaṭṭhomaka kusala*),
3. Thiện Tam Nhân Hạ Thượng Phẩm (*Tihetuka omakukkaṭṭha kusala*),
4. Thiện Tam Nhân Hạ Hạ Phẩm (*Tihetuka omakomaka kusala*),
5. Thiện Nhị Nhân Thượng Thượng Phẩm (*Dvihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala*),
6. Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm (*Dvihetuka ukkaṭṭhomaka kusala*),
7. Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm (*Dvihetuka omakukkaṭṭha kusala*),
8. Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm (*Dvihetuka omakomaka kusala*).

Sự hiện hành của những cả bốn Thiện Tam Nhân và cả bốn Thiện Nhị Nhân đây, có được như vậy:

- Sát na mà *Tư Hiện (Muñcacetanà)* sinh khởi và câu sanh với Tam Nhân, gọi là *Thiện Tam Nhân (Tihetukakusala)*.
- Sát na mà *Tư Hậu (Aparacetanà)* hoặc *Tư Hậu Hậu* sinh khởi và hiện hành một cách thanh tịnh, chẳng có pha trộn với Bất Thiện, gọi là *Thượng Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhukkaṭṭha)*.
- Sát na mà *Tư Hậu* sinh khởi là Thiện, nhưng mà *Tư Hậu Hậu* lại Bất Thiện, gọi là *Thượng Hạ Phẩm (Ukkaṭṭhomaka)*.
- Sát na mà *Tư Hậu* sinh khởi là Bất Thiện, nhưng mà *Tư Hậu Hậu* lại Thiện, gọi là *Hạ Thượng Phẩm (Omakukkaṭṭha)*.
- Sát na mà *Tư Hậu* sinh khởi là Bất Thiện, và *Tư Hậu Hậu* cũng Bất Thiện, gọi là *Hạ Hạ Phẩm (Omakomaka)*.
- Nếu trong sát na mà *Tư Hiện (Muñcacetanà)* sinh khởi và câu sanh với Nhị Nhân, thiếu mất Nhân Vô Si, gọi là *Thiện Nhị Nhân (Dvihetukakusala)*.

Đối với sự hiện hành ở thể loại *Thượng Thượng Phẩm* v.v. thì cũng được hiện hành tương tự cùng một phương thức với nhóm *Thiện Tam Nhân*.

**Trình Bày Việc Trở Sinh Quả Báo Của  
Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm (*Tihetukaukkatṭhakusala*) v.v.**

+ Việc trở sinh quả báo của *Thiện Tam Nhân* ở trong Thời Tái Tục, tức là cho 4 *Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí* (*Mahāvīpākāñāṇasampayuttacitta*) làm thành *Tái Tục Tam Nhân* (*Tihetukapaṭisandhi*). Lập ý đến, là cho được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc cao thượng. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, thì cho được 8 *Tâm Quả Thiện Vô Nhân* và 8 *Tâm Đại Quả*, gom lại thành 16 quả báo. Lập ý đến, là một khi đã được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc cao thượng rồi, thì thường được tiếp thu những Cảnh tịnh hảo, có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v.

+ Việc trở sinh quả báo của cả hai thể loại: *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm* và *Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm* đây, rằng một khi thể theo *Dĩ Pháp Bản Nguyên* (*Dhammādhiṭṭhāna*) thì thường cho trở sinh quả báo cũng tương tự với *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm*, ở cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, rằng một khi thể theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên* (*Puggalādhiṭṭhāna*) thì có một vài sự khác biệt với nhau, tức là quả báo đã được đón nhận từ ở nơi *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm* ắt hẳn cao quý hơn quả báo của *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm*. Còn quả báo đã được đón nhận từ ở nơi *Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm* đây, ắt hẳn thấp kém hơn quả báo của *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm*.

+ Việc trở sinh quả báo của cả hai thể loại: *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm* và *Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm* đây, ở trong Thời Tái Tục cho được 8 *Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí* làm thành *Tái Tục Nhị Nhân*. Lập ý đến, là cho được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc trung. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi đây, thì cho được 8 *Tâm Quả Thiện Vô Nhân* và 4 *Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí*, gom lại thành 12 quả báo. Lập ý đến, một khi đã được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc trung rồi, thì thường có được tiếp thu các Cảnh tịnh hảo loại trung bình, có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v.

+ Việc trở sinh quả báo của cả ba thể loại: *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm*, *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm*, *Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm*, và *Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm* đây, rằng một khi thể theo *Dĩ Pháp Bản Nguyên* (*Dhammādhiṭṭhāna*) thì thường cho trở sinh quả báo cũng tương tự với *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm* và *Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm*, ở cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, rằng một khi thể theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên* (*Puggalādhiṭṭhāna*) thì có một vài sự khác biệt với nhau, tức là quả báo đã được đón nhận từ ở nơi của cả hai: *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm* và *Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm* đây, ắt hẳn có quả báo tốt hơn quả báo đã được đón nhận từ ở nơi *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm* và *Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm*. Còn quả báo đã được đón nhận từ ở nơi của cả hai: *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm*



và *Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm* đây, ắt hẳn thấp kém hơn quả báo đã được đón nhận từ ở nơi *Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm* và *Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm*.

+ Việc trở sanh quả báo của *Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm* ở trong Thời Tái Tục cho được Tâm Quả Thảm Tán Thiện Xả Thọ làm thành *Tái Tục Vô Nhân*. Lập ý đến, là cho được sinh làm Người hoặc Chư Thiên ở bậc thấp. Sẽ nói được là, cho được sinh làm Người bị dị tật, có điên cuồng, đui mù, câm điếc, v.v. hoặc cho làm thành hạng Chư Thiên *Thụ Khổ Nạn Giả Atula (VinipàtikaAsurà)* đã được sắp vào ở trong nhóm Thiên Ma. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi thì chỉ cho được 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân làm thành quả báo mà thôi. Lập ý đến có được tiếp thu các Cảnh tốt thông thường, có việc nhìn thấy, việc được lắng nghe, v.v.

+ Việc trở sanh quả báo của cả hai thể loại: *Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm* và *Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm* đây, rằng một khi thể theo *Dĩ Pháp Bản Nguyên (Dhammàdhiṭṭhàna)* thì thường cho trở sanh quả báo cũng tương tự với *Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm*, ở cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Tuy nhiên, rằng một khi thể theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên (Puggalàdhiṭṭhàna)* thì có một vài sự khác biệt với nhau, tức là quả báo đã được đón nhận từ ở nơi *Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm* đây, ắt hẳn có quả báo tốt hơn quả báo của *Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm*; quả báo đã được đón nhận từ ở nơi *Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm* ắt hẳn thấp kém hơn quả báo của *Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm*.

Lại nữa, tất cả những Thiện Pháp, có *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm* v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, nếu có được câu hành với bất luận một trong *Tứ Trưởng Pháp (Adhipatidhamma)*, có *Dục (Chanda)*, *Cần (Viriya)*, *Tâm (Citta)*, *Thảm (Vimamsa, Pañña)* thì Thiện Pháp ấy cho quả phước báu dũng mãnh đặc thù hơn cả thể loại thông thường. Lập ý đến cho có được danh vị và quyền lực, có đông đủ tài trợ người tùy tùng, có sắc da phu sắc xinh đẹp, có được sức khỏe và trường thọ, có được Niệm và Trí Tuệ viên mãn, vừa theo thích hợp đối với từng thể loại của các Thiện Pháp ấy.

+ Giải thích ở trong phần Pàli với *điều thứ hai mươi lăm, hai mươi sáu*, trình bày đến ý kiến của *Nhất Ban Giáo Sư (Kecì Acàriya)* nói rằng: “*Asaṅkhàram sasaṅkhàra* v.v. cho đến “*Yathàsambhavamuddise*”.

Việc trở sanh quả báo của *Dục Giới Thiện (Kàmàvacarakusala)* có *Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm*, v.v. như đã vừa đề cập rồi đây, thuộc phần *Liên Hợp Kiến (Samànavàda – Nhất Trí Kiến)*, tức là ý kiến thống nhất với nhau của tất cả các bậc Giáo Thọ có sự hiểu biết sâu rộng ở trong thực tính của Ngài Trưởng Lão *Anuruddha*, v.v. Đối với *Nhất Ban Giáo Sư* là ý kiến của một vài Ngài Giáo Thọ, tức là Ngài Trưởng Lão *Mahàdatta* trú ngụ ở tại tịnh thất, ao Không Tước (*Moravàpi*) trong đảo quốc *Lankà*, đã nói rằng chủng loại *Thiện Nghiệp Lực Vô Dẫn (Asaṅkhàrikakusalakamma)* thì không cho sanh khởi Quả Dị Thục Hữu Dẫn (*Sasaṅkhàrika*) làm thành quả báo; và tương tự, *Thiện Nghiệp Lực Hữu Dẫn*

(*Sasaṅkhàrikakusalakamma*) cũng không cho sanh khởi quả báo là Quả Dị Thục Vô Dẫn. Như thế, nếu thể theo *Nhất Ban Giáo Sư*, khi tính số lượng Quả Dị Thục của *Dục Giới Thiện* thì thường có được như sau:

1. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn cho trở sanh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Vô Dẫn.
2. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn cho trở sanh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Hữu Dẫn.
3. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trở sanh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.
4. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Hữu Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trở sanh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.
5. Hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trở sanh quả báo 8 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân.

(Đối với Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ấy, không được tính là Tâm Vô Dẫn hoặc Tâm Hữu Dẫn với bất luận trường hợp nào; vì thế mới làm thành quả báo của khắp mọi Thiện). Khi trình bày theo số lượng Quả Dị Thục của *Dục Giới Thiện*, thể theo cả hai *Liên Hợp Kiến (Samànavàda – Nhất Trí Kiến)* và *Nhất Ban Kiến (Kecivàda)* đây, thì có được như sau:

| Dục Giới Thiện<br>( <i>Kàmàvacarakusala</i> )                                  | Số Lượng Quả Dị Thục<br>Theo Liên Hợp Kiến | Số Lượng Quả Dị Thục<br>Theo Nhất Ban Kiến |
|--|--|--|
| Tam Nhân Thượng Phẩm<br>{ Vô Dẫn: 2 }<br>{ Hữu Dẫn: 2 }                        | 16   | 12   |
| Tam Nhân Hạ Phẩm và<br>Nhị Nhân Thượng Phẩm<br>{ Vô Dẫn: 4 }<br>{ Hữu Dẫn: 4 } | 12   | 10   |
| Nhị Nhân Hạ Phẩm<br>{ Vô Dẫn: 2 }<br>{ Hữu Dẫn: 2 }                            | 8  | 8  |

## Trình Bày Lập Luận Của Nhất Ban Kiến (Kecivàda)

Trong sự việc Quả Dị Thục Vô Dẫn và Hữu Dẫn đây, mà liên hệ với Nghiệp Lực làm thành *Tác Nhân (Hetu)*, và nếu Nghiệp Lực ấy là Vô Dẫn, thì Quả Dị Thục thụ lãnh ở trong các Kiếp sống nối tiếp, cũng hiện hành là Vô Dẫn. Cũng tương tự như vậy, nếu Nghiệp Lực ấy là Hữu Dẫn, thì Quả Dị Thục thụ lãnh ở trong các Kiếp sống nối tiếp, cũng hiện hành là Hữu Dẫn. Cũng ví như Ta soi gương hình bóng hiện lộ ở trong chiếc gương ấy cũng phải giống với diện mạo của Ta. Nếu sắc diện của Ta đang yên lặng thì hình bóng của Ta ở trong chiếc gương ấy cũng hiện lộ yên lặng; nếu sắc diện của Ta có việc hoạt động thì hình bóng của Ta ở trong chiếc gương ấy cũng hoạt động. Chính với lý do này, *Thiện Nghiệp Lực Vô Dẫn* mới không cho trở sanh quả báo thành Hữu Dẫn được, và chỉ phải trở sanh quả báo là Vô Dẫn. Và *Thiện Nghiệp Lực Hữu Dẫn* cũng không cho trở sanh quả báo là Vô Dẫn được, mà chỉ phải trở sanh quả báo thành Hữu Dẫn mà thôi.

## Trình Bày Việc Quyết Đoán Ở Trong Nhất Ban Kiến

Thê theo ý kiến của Ngài Trưởng Lão *Mahàdatta* mà đã được gọi là bậc *Nhất Ban Giáo Sư (Kecì Acàriya)* đây, thì tất cả những bậc Chú Giải Sư như có Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* v.v. đã không đồng thuận với ý kiến này, vì lẽ những Tâm Quả Dị Thục này, rằng một khi theo *Sự Vụ (Kicca – Nhiệm Vụ)* thì đã có được *Tái Tục Sự Vụ, Hữu Phần Sự Vụ, Tử Vong Sự Vụ, Na Cảnh Sự Vụ* và *Kiến Sự Vụ (Dassanakkicca – Sự Thấy)*, v.v. cho đến *Thẩm Tấn Sự Vụ*. Và một khi sát na thực hiện nhiệm vụ ở chỗ *Tái Tục, Hữu Phần, Tử Vong* đây, thì cũng có bất luận một trong các *Nghiệp (Kamma)*, *Nghiệp Tướng (Kammanimitta)* và *Thú Tướng (Gatinimitta)* làm thành Cảnh (*Àrammaṇa*). Nếu những thể loại Cảnh này, sinh khởi bởi theo *Sự Nỗ Lực (Payoga)* của tự bản thân hoặc của bởi tha nhân, thê thì những thể loại *Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử Vong* đây, cũng sẽ phải là loại *Tâm Hữu Dẫn*. Nếu những thể loại đã là *Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng* và *Cảnh Thú Tướng* này đã sinh khởi, mà chẳng phải bởi do nương vào *Sự Nỗ Lực* bất luận là của tự bản thân hoặc của bởi tha nhân, thê thì những thể loại *Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử Vong* đây, cũng sẽ phải là loại *Tâm Vô Dẫn*. Như thế, cho dù quả thật những thể loại *Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử Vong* đây, đã là Quả Dị Thục của *Quá Khứ Nghiệp Lực (Atitakamma)* đi nữa, tuy nhiên sự thành *Vô Dẫn* hoặc *Hữu Dẫn* của những loại Tâm Quả Dị Thục này, thì cũng chẳng có liên quan chi đối với *Quá Khứ Nghiệp Lực* chút nào cả, mà chỉ có liên hệ với *Sự Nỗ Lực* của tự bản thân hoặc của tha nhân mà thôi.

Còn sự thành *Vô Dẫn* hoặc *Hữu Dẫn* của Tâm Quả Dị Thục làm nhiệm vụ *Na Cảnh* đây, thì Ngài Phụ Chú Giải *Căn Góc (Mùlaṭṭhà)* đã có trình bày để ở trong bộ *Quả Dị Thục Từ Giải (Vipàkapadavaṇṇanà)* nói rằng: “*Phần đa số là*

hiện hành liên hệ với cái Tâm Đổng Lực sinh trước”, tức là cái Tâm Đổng Lực sinh khởi ấy đã là Vô Dẫn, thì cái Tâm Na Cảnh cũng sẽ là Vô Dẫn. Nếu cái Tâm Đổng Lực sinh khởi ấy đã là Hữu Dẫn, thì cái Tâm Na Cảnh cũng sẽ là Hữu Dẫn. Như thế, cho dù quả thật những thể loại Tâm Na Cảnh này, đã là Quả Dị Thục của *Quá Khứ Nghiệp Lực* đi nữa, tuy nhiên sự thành *Vô Dẫn* hoặc *Hữu Dẫn* của những loại Tâm Quả Dị Thục này, thì cũng chẳng có liên quan chi đối với *Quá Khứ Nghiệp Lực* chút nào cả, mà phần đa số là chỉ có liên hệ với *Tâm Đổng Lực* sinh trước mà thôi.

Đối với Tâm Nhân Thức v.v. đây, cho dù quả thật sẽ là Quả Dị Thục của *Quá Khứ Nghiệp Lực* đi nữa, tuy nhiên một khi sát na sinh khởi lên ấy, thì thường phải nương vào tác nhân trước mắt làm thành yếu tố trọng yếu; có nghĩa là Tâm Nhân Thức thường sẽ sinh khởi lên được, là cần phải nương vào bốn tác nhân, có *Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasàda)*, *Cảnh Sắc (Rùpàrammaṇa)*, *Ánh Sáng (Àloka)*, và *Tác Ý (Manasikàra)*. Một khi đã hội đủ cả những bốn tác nhân này rồi, thì Tâm Nhân Thức tự sinh khởi lên theo lẽ thường nhiên, và sẽ chẳng có một ai điều khiển để làm cho khởi sinh lên được. Nếu đã không hội đủ cả những bốn tác nhân này rồi, thì cũng không có một ai sẽ đi đến để điều khiển Tâm Nhân Thức ấy sinh khởi lên được. Vì thế, với bất luận là trường hợp nào, mới không thể nào nói được rằng Tâm Nhân Thức v.v. sẽ là Vô Dẫn hoặc Hữu Dẫn. Còn Tâm Tiếp Thân, Tâm Thảm Tấn đây, cũng cần phải nương sinh theo Tâm Nhân Thức v.v. mà hiện hành, là hiện hành thể theo thực tính của *Niêm Luật Tâm (Cittaniyàma)*. Bởi thế, cũng tương tự như nhau, mới không có điều nào để sẽ nói rằng những thể loại Tâm Tiếp Thân, và Tâm Thảm Tấn này, là Vô Dẫn hoặc là Hữu Dẫn. Với lý do này, tất cả những bậc Giáo Thọ Sư có Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* v.v. mới định danh ý kiến của Ngài Trưởng Lão *Mahādatta* rằng là *Nhất Ban Kiến (Kecivàda)*, ấy là ý kiến vẫn chưa có thể đón nhận để làm thành cơ sở lý luận được.

+ *Giải thích ở trong phần Pàli với điều thứ hai mươi bảy, v.v cho đến điều thứ ba mươi lăm, chỗ trình bày đến việc trở sanh quả báo của Ngũ Hữu Sắc Giới Thiệp Nghiệp Lực (Rùpàvacarakusalakamma 5).*

Việc trình bày đến *Trú Xứ Khai Quả (Pàkaṭṭhàna)* của Hữu Sắc Giới Thiệp Nghiệp Lực đây, là để cho được hiểu biết thể theo phần Pàli của bộ *Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)* đã có được trình bày để ở trong phần trên rồi. Còn sự hiện hành từ ở nơi *Hạ Phẩm (Paritta – Yếu Kém)*, *Trung Phẩm (Majjhima – Trung Bình)*, *Thượng Phẩm (Paṇita – Thanh Lương)* của Hữu Sắc Giới Thiệp Nghiệp Lực ấy, thì thường hiện hành với hai thể loại mãnh lực, ấy là: 1/ *Tứ Chi Trưởng Pháp (Aṅga Adhipati)* và 2/ *việc Nhập Thiên Định (Jhānasamāpatti)*.

1/ Sự thành *Hạ Phẩm*, *Trung Phẩm* và *Thượng Phẩm* của Thiên Định có liên quan với *Tứ Chi Trưởng Pháp*, ấy là theo lẽ thường nhiên bậc tiến hóa *An Chí*

*Tu Tập (Samathabhàvanà)* cho đến đắc Thiền Định đầy, thì bất luận một trong Tứ Trường, là *Dục (Chanda)*, *Cần (Viriya)*, *Tâm (Citta)*, *Thảm (Vimamsa, Pañña)* của bậc ấy sẽ phải đạt đến sự thành *Trưởng Pháp*; và một khi sát na Thiền Định sinh khởi lên, thì tất sẽ phải được phối hợp với bất luận một trong Tứ Trường, ở phần chỉ làm thành Trưởng Pháp của những Thiện Pháp đầy. Nếu chỉ hiện hành một cách thông thường, thì Thiền Định sinh khởi lên cũng chỉ là loại *Hạ Phẩm Thiền (Parittajhàna)*, tức là có năng lực yếu kém. Nếu bất luận một trong *Tứ Chi Trưởng Pháp* này, có năng lực trung bình vừa phải, thì Thiền Định sinh khởi lên cũng chỉ là loại *Trung Phẩm Thiền (Majjhimajhàna)*, tức là có năng lực trung bình vừa phải. Và nếu bất luận một trong *Tứ Chi Trưởng Pháp* này, có năng lực kiên cường, thì Thiền Định sinh khởi lên ắt phải là loại *Thanh Lương – Thượng Phẩm Thiền (Pañitajhàna)*, tức là có năng lực cao quý. Bởi thế, một khi bậc *Phúc Lộc Thiền Giả (Jhànalàbhìpuggala)* đã thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới nào rồi, thì thường là tùy thuộc vào thứ bậc Thiền Định cùng với năng lực của các tầng Thiền Định mà mình đã chứng đắc.

2/ Sự thành *Hạ Phẩm, Trung Phẩm* và *Thượng Phẩm* của Thiền Định có liên quan với việc *Nhập Thiền Định*, ấy là sau khi bậc *Phúc Lộc Thiền Giả* đã chứng đắc được Thiền Định, và nếu không có được *Nhập Thiền Định* một cách lâu dài, mà sẽ chỉ là trong một khoảnh khắc; thế là Thiền Định của mình đã chứng đắc ấy, đã được sắp thành thể loại *Hạ Phẩm Thiền*. Nếu *Nhập Thiền Định* có chừng mực vừa phải, thế thì Thiền Định đầy cũng sẽ thành thể loại *Trung Phẩm Thiền*. Nếu *Nhập Thiền Định* thường luôn với thời gian lâu dài, thì Thiền Định ấy đã được sắp vào thể loại *Thanh Lương – Thượng Phẩm Thiền*.

Sự thành *Hạ Phẩm, Trung Phẩm* và *Thượng Phẩm* của Thiền Định thế theo cả hai phần như đã vừa đề cập đến tại đây. Ở phần thứ nhất thì liên quan với *Tứ Chi Trưởng Pháp* dùng làm công cụ để xét đoán trong việc thọ sinh của bậc *Phúc Lộc Thiền Giả* ở trong các Cõi Hữu Sắc Giới. Chẳng hạn như bậc đã được chứng đắc tầng Sơ Thiền loại *Hạ Phẩm* thì thường đi tục sinh ở trong *Cõi Phạm Chúng Thiên Giới (Brahmapàrisajjàbhùmi)*. Nếu đã được chứng đắc tầng Sơ Thiền loại *Trung Phẩm* thì thường đi tục sinh ở trong *Cõi Phạm Phụ Thiên Giới (Brahma purohitàbhùmi)*. Và nếu đã được chứng đắc tầng Sơ Thiền loại *Thượng Phẩm* thì thường đi tục sinh ở trong *Cõi Đại Phạm Thiên Giới (Mahàbrahmàbhùmi)*, như vậy v.v.

Còn phần thứ hai thì liên quan với việc *Nhập Thiền Định* dùng làm nền tảng trong việc tiến tu tầng Thiền Định cao hơn của bậc *Phúc Lộc Thiền Giả* cho được hiện khởi lên. Sẽ nói là một khi bậc *Phúc Lộc Sơ Thiền Giả* lập nguyện tu tiến tiếp nối ở tầng Nhị Thiền, thì sẽ phải *Nhập Sơ Thiền Định* mà mình đã chứng đắc cho được thuần thực tinh thông, thấu đạt đến sự thành năm loại *cum từ (Vali)*, thế là tầng *Nhị Thiền* mới sẽ khởi sinh lên được. Nếu tự bản thân không thấu đạt được *Sơ Thiền* một cách thường luôn, thế thì tầng *Sơ Thiền* ấy được sắp thành loại



Hạ Đẳng, và không có khả năng làm thành nền tảng để cho tầng *Nhị Thiên* được khởi sinh lên. Nếu bậc *Phúc Lộc Sơ Thiên Giả* thường luôn thâm thấu Sơ Thiên, nhưng vẫn chưa thấu đạt đến sự thành năm loại *cum từ (Vali)*, thế là tầng Sơ Thiên ấy được sắp thành loại Trung Đẳng, và cũng tương tự như vậy, là cũng không có khả năng làm thành nền tảng để cho tầng *Nhị Thiên* được khởi sinh lên. Nếu bậc *Phúc Lộc Sơ Thiên Giả* thường luôn thâm thấu tầng Sơ Thiên, thấu đạt được sự làm thành năm loại *cum từ (Vali)* một cách lâu dài, thế là tầng Sơ Thiên ấy đã được sắp thành loại Thượng Đẳng, và có khả năng làm thành nền tảng cho tầng *Nhị Thiên* được khởi sinh lên. Ở trong các tầng Thiên Định tiếp nối theo, thì cũng hiện hành tương tự cùng phương thức như nhau.

Lại nữa, cả hai Tâm Thiện Nhị Thiên và Tâm Thiện Tam Thiên cho được trở sanh quả báo thọ sinh ở trong cả ba *Cõi Nhị Thiên Phạm Thiên Giới (Dutiyañjhana bhūmi)*, và đã có được giải thích ý nghĩa đề ở trong điều Pàli thứ 12, thuộc *Tái Tục Tứ Phần (Paṭisandhicatukka)* nói rằng: **“Tathādutiyañjhana vipākaṃ tatiyañjhana vipākañca dutiyañjhanabhūmiyaṃ.”**

+ Trong phần Pàli với **điều thứ ba mươi sáu** chỗ nói rằng: **“Pañca majjhānaṃ bhāvetvā vepappalesu”**- mà đã được dịch là **“Khi tiến hóa Ngũ Thiên rồi, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới”** đây; điều này có nghĩa là bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* đã được chứng đắc Ngũ Thiên, cho dù sẽ là loại *Hạ Phẩm*, hoặc *Trung Phẩm*, hoặc *Thượng Phẩm* đi nữa; thì thường chỉ đi tục sinh duy nhất ở trong *Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới*, và có số lượng tuổi thọ đều bằng với nhau là 500 Đại Kiếp. Điều này, rằng một khi thế theo *Địa Giới (Bhūmi)* và *Hạn Định Tuổi Thọ (Āyukhaya)*, thì cho dù quả thật là quả báo cả ba bậc của tầng Ngũ Thiên này sẽ tương tự như nhau đi nữa, tuy nhiên quả báo cũng vẫn có sự khác biệt, ấy là một khi thế theo *Ân Đức Phẩm Vị (Guṇasampatti)* và *Thiên Sản Phẩm Vị (Dibbasampatti)* thì bậc đã được chứng đắc Ngũ Thiên loại *Thượng Phẩm*, thì thường có *Ân Đức Phẩm Vị* tức là quyền lực, và *Thiên Sản Phẩm Vị* cao hơn và thanh lương hơn loại *Trung Phẩm* và *Hạ Phẩm*. Bậc đã được chứng đắc Ngũ Thiên loại *Trung Phẩm*, thì thường có *Ân Đức Phẩm Vị* và *Thiên Sản Phẩm Vị* cao hơn và thanh lương hơn loại *Hạ Đẳng*. Và bậc đã được chứng đắc Ngũ Thiên loại *Hạ Phẩm*, thì thường có *Ân Đức Phẩm Vị* và *Thiên Sản Phẩm Vị* hiện hành một cách thông thường.

+ Trong phần Pàli với **điều thứ ba mươi bảy**, chỗ nói rằng: **“Tadeva saññāvirāgaṃ bhāvetvā asaññasattesu”**- mà đã được dịch là **“Chính là khi tiến hóa Ngũ Thiên ấy, bằng cách xa lìa sự dục ý ở trong Tướng (Tướng Ly Ái Tu Tập) tức là Danh Pháp rồi, một khi trở sanh quả báo thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới”** đây; điều này có nghĩa là bậc *Phàm Phu (Puthujana)* ở Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới, sau khi đã được chứng đắc



Tứ Thiên, thế rồi có việc thăm sát nhìn thấy điều tác nghiệt bao khổ đau của Danh Pháp, tức thời có sự ưu sầu khổ não, sự buồn lòng, sự si mê lầm lạc, sự bất an v.v. Những sự việc này phát xuất chính từ ở nơi sự truy niệm và sự liễu tri. Những sự việc truy niệm và liễu tri cũng ví như một vết thương ung nhọt hoặc một căn bệnh trầm trọng; và người đã vượt thoát khỏi bao khổ đau như đã vừa đề cập đến tại đây, thì sẽ nói được là bậc ấy đã đạt đến *Lập Kiến Níp Bàn (Dīṭṭhadhammanibbāna – Kim Thế Níp Bàn, Hiện Tại Níp Bàn)*. Một khi bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* đã có được tri kiến như vậy rồi, mới tư duy và thăm sát đến điều tác nghiệt của những sự việc truy niệm và sự liễu tri này, rằng là “*Saññāgaṇḍo saññārogo – Tưởng ung độc, Tưởng bệnh hoạn*”- “*Những sự việc truy niệm, sự liễu tri này ví như vết thương ung nhọt, ví như căn bệnh trầm trọng*”. Và sau khi đã nhận thức được điều tác nghiệt ấy, thế rồi bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* mới lập nguyện đến *Kiếp Sống (Bhava)* và *Chủng Tộc (Jāti)* đoạn lưu Danh Pháp, và khởi phát thăm thị đề mục *Phong Hoàn Tịnh (Vāyokasīṇa)* để cho khởi sinh Ngũ Thiên.

Việc tu tập để xa lìa Danh Pháp đây, thì cho dù bậc *Phúc Lộc Tứ Thiên Giả* sẽ làm thành tựu với việc thăm thị bất luận đề mục *Hoàn Tịnh (Kasīṇa)* nào đi nữa, tuy nhiên một khi đã có lập nguyện để sẽ có được *Kiếp Sống* và *Chủng Tộc* đoạn lưu Danh Pháp, thì tất yếu phải có được việc thành tựu Ngũ Thiên và phải qua việc thăm thị thường luôn về đề mục *Phong Hoàn Tịnh*. Có một vài Ngài Giáo Thọ Sư đã nói rằng thành tựu Ngũ Thiên qua việc thăm thị đề mục *Hư Không Hoàn Tịnh (Ākāsakasīṇa)* cũng thường làm cho được thành tựu điều lợi ích tương tự như nhau. Khi Ngũ Thiên đã được sinh khởi lên rồi, thì Ngũ Thiên ấy, đã được gọi là câu sinh với *Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññāviraḅabhāvanā)*, và một khi thọ mạng diệt lìa khỏi thế gian này rồi, thì thường đi tục sinh ở trong *Cõi Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Giới (Asaññasattābhūmi)* qua việc tục sinh chỉ vồn vện với Sắc Pháp, tức là chỉ có *Bọn Tổng Hợp Mạng Cứu (Jīvitānavakakalāpa)*. Còn ở trong Thời Chuyển Khởi, chính *Bọn Tổng Hợp Mạng Cứu* ấy, là *Chi Pháp (Aṅga)* bảo hộ kiếp sống, và khi *Bọn Tổng Hợp Mạng Cứu* tử vong thì cũng làm nhiệm vụ tử vong tương tự như nhau. Đối với thân sắc hình tướng của các bậc *Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên* này, thì có được *điều bộ oai nghi (Ariyāpatha)* khác biệt nhau, tùy thuộc vào sát na thọ mạng diệt của bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* ấy, một khi tử vong ở trong oai nghi nào. Nếu ngồi mà tử vong, thì khi đi tục sinh làm thành bậc *Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên* cũng ở trong oai nghi ngồi. Nếu đứng mà tử vong, thì khi đi tục sinh cũng ở trong oai nghi đứng; hoặc nếu nằm mà tử vong, thì khi đi tục sinh cũng ở trong oai nghi nằm, tương tự như vậy.

+ Giải thích ở trong phần Pāli với *điều thứ ba mươi tám*, chỗ nói rằng: “*Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti*”- mà đã được dịch là: “*Chỉ có bậc Bất Lai một khi đã chứng đắc Ngũ Thiên rồi, thì thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.*”

Khi thẩm sát ý nghĩa riêng phần Pàli ở trong điều này, thì cũng làm cho có được sự hiểu biết ở cả hai khía cạnh, ấy là:

1/ Những bậc đã thành tựu Quả vị Bất Lai, và một khi đã thọ mạng diệt lìa khỏi thế gian này rồi, thì đều hết cả thấy, thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Hoặc,

2/ Những bậc đã thành tựu Quả vị Bất Lai đầy, cho dù đã được chứng đắc ở tầng Thiền Định nào đi nữa, và một khi đã mạng vong rồi, thì đều hết cả thấy cũng tương tự như nhau, là thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

Tuy nhiên ở trong chỗ này, sẽ cần phải tuần tự thẩm sát ở trong khía cạnh của việc trình bày đến vấn đề các tầng *Thiền Định (Jhàna)* và *Địa Giới (Bhùmi)* như đã có được trình bày đi theo thứ tự ở trong phần trên, như sau:

- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sanh quả báo của tầng Sơ Thiền, ấy là ba Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới.
- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sanh quả báo của tầng Nhị Thiền và Tam Thiền, ấy là ba Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới.
- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sanh quả báo của tầng Tứ Thiền, ấy là ba Cõi Tam Thiền Phạm Thiên Giới.
- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sanh quả báo của tầng Ngũ Thiền, ấy là bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới.

Tuy nhiên ở trong bảy Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới đã là quả báo của tầng Ngũ Thiền đây, lại có vị trí chẳng đồng đẳng với nhau, và đã được phân chia ra làm ba thể loại. Ấy là:

1/ Với bậc đã được chứng đắc tầng Ngũ Thiền một cách thông thường, thì thường đi tục sinh ở trong *Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalàbhùmi)* và chẳng có phân biệt với hạng loại *Người (Puggala)*, tức là hạng *Phàm Phu Tam Nhân (Tihetukaputhujjhana)* cũng được, là ba bậc *Quả Hữu Học (Phalasekkha puggala)* cũng được.

2/ Với bậc đã chứng được chứng đắc tầng Ngũ Thiền phối hợp với *Tướng Ly Ái Tu Tập (Saññàviràgabhàvanà)*, thì thường đi tục sinh ở trong *Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới (Asaññasattàbhùmi)*, và đặc biệt chỉ phải là hạng *Phàm Phu Tam Nhân*, vì lẽ thường nhiên tất cả các bậc Thánh Nhân thường không tiến hóa tầng Thiền Định phối hợp với *Tướng Ly Ái Tu Tập*.

3/ Còn năm Cõi Tứ Thiền Phạm Thiên Giới còn lại, đó chính là Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì cho dù quả thật sẽ là quả báo của tầng Ngũ Thiền đi nữa, tuy nhiên một khi theo phân biệt hạng loại Người thì thường phát sinh với sự hạn định sẽ chỉ phải là bậc Bất Lai, và ngoài ra hạng bậc ấy rồi, thì không thể nào tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Vì thế, Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: **“Anàgàmino pana suddhàvāsasu uppajjanti”**

và câu văn Pali ở điều này, nếu được trình bày một cách đầy đủ thì sẽ phải trình bày là: **“Anàgàmino pana pañcamajjhànaṃ bhàvetvā suddhāvāsesu uppajjanti”** có nghĩa là: **“Chỉ có bậc Bất Lai, bất luận khi nào đã tiến hóa và đã cho Ngũ Thiên được khởi sinh lên, thì thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.”**

Trong việc phân biệt hạng Người, thì bậc sẽ được đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, thiết yếu sẽ phải có Ân Đức Phẩm Vị. Có nghĩa vừa phải là bậc Bất Lai, lại vừa phải chứng đắc Ngũ Thiên, và vừa phải có đủ cả Ngũ Quyền, với bất luận một Quyền nào ở trong năm thể loại ấy phải kiên cường thù thắng, thì mới sẽ được đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Nếu bậc Bất Lai đã được chứng đắc Ngũ Thiên, nhưng lại có Ngũ Quyền hiện hành một cách thông thường, thì các bậc Bất Lai ấy sẽ chỉ đi tục sinh ở trong **Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalàbhūmi)**, và không thể nào tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, vì ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, thì khẳng định phải hiện hữu với bốn thể loại Ân Đức Phẩm Vị, ấy là:

1. Bậc đã được đi tục sinh bất luận ở một Cõi Giới nào trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy rồi, thì thường sẽ không được đi tục sinh ở trong các Cõi Hữu Sắc Giới khác nữa, hoặc ở trong Cõi Vô Sắc Giới.
2. Thường sẽ không có tái tục trở lại Cõi Giới mà mình đã thọ sinh.
3. Một khi thọ mạng diệt lìa khỏi Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới mà mình đã thọ sinh rồi, thì thường không đi thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn, mà phải đi thọ sinh ở trong Cõi Giới cao hơn.
4. Phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy.

Đối với ở trong **Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akaniṭṭhàbhūmi)** ấy, thì lại có một điều Ân Đức Phẩm Vị đặc thù khác nữa, ấy là bậc Bất Lai đang hiện hữu ở trong Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này, sẽ phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Giới này vậy.

Lại nữa, việc đi thọ sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới của bậc Bất Lai Phúc Lộc Ngũ Thiên Giả có được tiêu chuẩn như sau:

1/ Nếu bậc Bất Lai ấy có được **Tín Quyền (Saddhindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền khác, thế rồi sẽ đi tục sinh ở trong **Cõi Vô Phiền Phạm Thiên Giới (Avihàbhūmi)**.

2/ Nếu bậc Bất Lai ấy có được **Tán Quyền (Viriyindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền khác, thế rồi sẽ đi tục sinh ở trong **Cõi Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới (Atappàbhūmi)**.

3/ Nếu bậc Bất Lai ấy có được **Niệm Quyền (Satindriya)** kiên định thù thắng hơn các Quyền khác, thế rồi sẽ đi tục sinh ở trong **Cõi Thiện Hiện Phạm Thiên Giới (Sudassàbhūmi)**.

4/ Nếu bậc Bất Lai ấy có được *Định Quyền (Samàdhindriya)* kiên định thù thắng hơn các Quyền khác, thế rồi sẽ đi tục sinh ở trong *Cõi Thiện Kiến Phạm Thiên Giới (Sudassibhùmi)*.

5/ Nếu bậc Bất Lai ấy có được *Tuệ Quyền (Paññindriya)* kiên định thù thắng hơn các Quyền khác, thế rồi sẽ đi tục sinh ở trong *Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akanitthàbhùmi)*.

[Xin xem lại Phần Ngũ Tịnh Cư Thiên Giới, trong Tập III – Chương thứ V, Quyền I, Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, trang 200 - 205]

### **Bậc Đã Thành Tựu Quả Vị Bất Lai, Thì Có Phải Là Sẽ Được Thọ Sinh Ở Trong Cõi Phạm Thiên Giới Hay Không ?**

Hết cả thấy các bậc đã được thành tựu viên mãn Quả vị Bất Lai, thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới. Cho dù bậc Bất Lai ấy sẽ là *Minh Sát Thiên Khô (Sukkhavipassaka)* đi nữa, tức là tiên khởi không có tu tập Thiền Định cho được sinh khởi lên; tuy nhiên một khi cận tử lâm chung, thì Thiền Định thường tự sinh khởi lên do bởi nương vào mãnh lực từ ở nơi *Định Tâm (Samàdhi)*. Vì lẽ thường, một khi Thiền Định sẽ sinh khởi lên được, là cần phải nương vào *Định Tâm* làm thành năng lực trọng yếu; và Pháp nghịch của *Định Tâm* ấy, chính là *Tham Dục Triền Cái (Kàmachandanivarana)*. Với lý do này, bậc Bất Lai đã kiên quyết đoạn tận mọi *Dục Ái (Kàmaràga)* và tuyệt diệt kẻ thù của *Định Tâm* là *Tham Dục Triền Cái*. Vì thế, *Định Tâm* của tất cả các bậc Bất Lai mới có được năng lực kiên định thù thắng và có khả năng làm cho Thiền Định tức thời được khởi sinh.

Giả như có lời vấn hỏi rằng: “*Bậc Bất Lai Minh Sát Thiên Khô đã bị sát hại tử vong ngay trong sát na đang ngủ, thế thì bậc Bất Lai ấy có làm cho Thiền Định sinh khởi lên được hay không ?*” Điều này trả lời rằng: “*Thiền Định ấy vẫn được sinh khởi lên, là vì với bậc Bất Lai hằng thường luôn có Định Tâm, và Định Tâm này có rất nhiều năng lực đạt đến bậc Cận Định (Upacàrasamàdhi).*” Một trường hợp khác nữa là, bậc đã đoạn tận mọi *Dục Ái (Kàmaràga)* đây, thì hằng luôn có Tâm nhằm chán đối với Cõi Giới còn dính lúu với các *Cảnh Dục Trần (Kàmaguṇàrammaṇa)*, thường luôn thiên hướng đến Cõi Giới đoạn lưu khởi mọi Cảnh Dục Trần. Bởi do thế, bậc Bất Lai cho dù sẽ phải đột tử đi nữa, tuy nhiên trước khi Tâm Tử sẽ sinh khởi, thì Thiền Định thường luôn khởi sinh trước tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, tuy nhiên sẽ thọ sinh ở trong bậc Phạm Thiên nào thì cũng còn tùy thuộc vào tầng Thiền Định đã sinh khởi. Nếu Thiền Định sinh khởi ấy là tầng Sơ Thiền thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiên Phạm Thiên Giới. Nếu là Nhị Thiền Định hoặc Tam Thiền Định thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Nhị Thiên Phạm Thiên Giới, v.v.

Lại nữa, nhóm Chư Thiên ở các tầng thượng giới, kể từ tầng Đạo Lợi Thiên Giới v.v. trở đi, mà đã hoàn thành viên mãn Quả vị Bất Lai ấy, thì hằng thường

luôn nhằm chán đến trú xứ của mình đang ở, vì đó đã là trú xứ bị đoanh vây bởi Cảnh Dục Trần. Vì thế, một khi đã thâm sát đến *Thọ Mạng (Āyukhaya)* của mình, và nếu như *Thọ Mạng* của mình vẫn còn đang thọ mạng miên trường, thế rồi thực hiện việc *Quyết Định Tử Vong (Adhimuttimaraṇa)*, tức là quyết định rằng: “*Nguyện cho Quả Dị Thục Danh Uẩn (Vipàkanàmakhandha)* và *Sắc Nghiệp (Kammajarūpa)* của Tôi đây xin cho được ngừng sinh khởi tiếp nối thêm nữa.” Và thế rồi, liền nín bật hơi thở tử vong để được tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới làm thành trú xứ tịnh chỉ xa lìa Cảnh Dục Trần. Vào ngay sát na cận tử ấy, thì Thiên Định tức thời sinh khởi đến với bậc *Bát Lai* ấy, và Thiên Định sinh khởi đến với bậc *Bát Lai Thiên Khô* này, đều được gọi là *Đạo Lực Viên Mãn Thiên Định (Maggasiddhijhàna)* hết cả thấy.

### Giải Thích Trong Phần Pàli Điều Thứ Ba Mươi Chín, Chỗ Trình Bày Đến Việc Trở Sinh Quả Báo Của Tứ Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực

Ở trong Tứ Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực đây, thì Không Vô Biên Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trở sinh quả báo cho Không Vô Biên Xứ Quả Dị Thục sanh ở trong Cõi Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

Thức Vô Biên Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trở sinh quả báo cho Thức Vô Biên Xứ Quả Dị Thục sanh ở trong Cõi Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.

Vô Sở Hữu Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trở sinh quả báo cho Vô Sở Hữu Xứ Quả Dị Thục sanh ở trong Cõi Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.

Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiện Nghiệp Lực thường trở sinh quả báo cho Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Quả Dị Thục sanh ở trong Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới.

Những sự việc này là việc giải thích đi theo tuần tự ở trong việc sinh khởi từ ở nơi quả báo của Tứ Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực, như đã có phần Pàli trình bày là “*Yathàkkamaṃ uppajjanti.*”

### Bậc Đã Thọ Sinh Ở Trong Cõi Tứ Thiên Phạm Thiên Giới, Có Phải Là Bởi Do Mãnh Lực Việc Trở Sinh Quả Báo Tái Tục Của Thiện Thắng Trí (Kusalàbhiñṇà) Hay Không ?

Điều này đã được giải thích là “*Không có việc trở sinh quả báo Tái Tục của Thiện Thắng Trí.*” Là vì Thiện Thắng Trí đây, sinh khởi là sau khi đã được chứng đắc Ngũ Thiên Định. Do đó, mới trú định: 1/ ở trong tiềm năng làm thành quả báo của Ngũ Thiên, và 2/ ở trong việc hoàn thành các Thắng Trí khác, có *Thiên Nhân Thắng Trí (Dibbacakkhu Abhiñṇà)*, *Thiên Nhĩ Thắng Trí (Dibbasota Abhiñṇà)*, v.v. Những thể loại này cũng đã làm thành quả báo của Thiện Thắng Trí, đó là một loại quả báo cho việc thành tựu viên mãn hiển nhiên. Chính cả hai Nhân Quả

này, đã trình bày cho được thấy rằng Thiện Thắng Trí đây không có việc trở sanh quả báo Tái Tục.

Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày đến một loại tác nhân ở trong vấn đề này đề ở trong *Chương Phân Biệt Danh Sắc (Nàmarùpaapariccheda)* [thuộc *Ngũ Phân Biệt (Pañcamapariccheda)*, *Phần Nghiệp Phân Tích (Kamma vibhàga)*, điều 41, câu kệ thứ 474] nói rằng:

*Samànàsevane laddhe  
Aladdhà tàdisaṃ hetuṃ*

*Vijjamaṇe mahabbale  
Abhiññà na vipaccati*

“Đáo Đại Thiện đang khi có nhiều năng lực, bởi do đã được đón nhận Trùng Dụng Duyên (*Àsevanapaccaya*), thế rồi mới trở sanh quả báo cho sinh khởi. Thiện Thắng Trí ấy lại không có việc trở sanh quả báo cho được sinh khởi, là vì không có được đón nhận tác nhân như đã vừa đề cập, ấy là Trùng Dụng Duyên.”

Việc trình bày tác nhân của Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đến việc Thiện Thắng Trí không có khả năng trở sanh quả báo Tái Tục, là vì không có đủ khả năng, là bởi do không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên*, thì cũng quả là không xác thực. Bởi vì ở trong việc Thiện Thắng Trí không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên* đây, cũng chẳng phải là tác nhân trọng yếu ở trong lãnh vực của năng lực sẽ trở sanh quả báo Tái Tục. Vì theo lẽ thường ở trong *Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvithi)*, thì Thiện Thắng Trí chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tuy nhiên lại có khả năng làm cho các Thắng Trí khác được thành tựu viên mãn chính ngay ở trong sát na ấy.

Việc sinh khởi của Lộ Trình Thắng Trí có được như vậy, đó là:

1. Tâm Hữu Phần (*Bhavaṅgacitta*)
2. Tâm Hữu Phần Rúng Động (*Bhavaṅgacalanacitta*)
3. Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (*Bhavaṅgupacchedacitta*)
4. Tâm Khai Ý Môn (*Manodvāravajjanacitta*)
5. Chuẩn Bị (*Parikamma*)
6. Cận Hành (*Upacàra*)
7. Thuận Tùng (*Anuloma*)
8. Chuyển Tộc (*Gotrabhù*)
9. Thắng Trí (*Abhiññà*)
10. Tâm Hữu Phần (*Bhavaṅgacitta*) tiếp diễn đi.

mà cũng tương tự với việc sinh khởi của Tâm Thiên Định ở trong *Lộ Trình Sơ Khởi Thiên Định (Àdikammikajhānavithi)*, như sau:



1. Tâm Hữu Phần (*Bhavaṅgacitta*)
2. Tâm Hữu Phần Rúng Động (*Bhavaṅgacalanacitta*)
3. Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (*Bhavaṅgupacchedacitta*)
4. Tâm Khai Ý Môn (*Manodvāravajjanacitta*)
5. Chuẩn Bị (*Parikamma*)
6. Cận Hành (*Upacāra*)
7. Thuận Tùng (*Anuloma*)
8. Chuyển Tộc (*Gotrabhū*)
9. Thiền Định (*Jhāna – Appanā: Nhập Định*)
10. Tâm Hữu Phần (*Bhavaṅgacitta*) tiếp diễn đi.

Ở trong Lộ Trình này, kể từ *Chuẩn Bị* v.v. cho đến *Chuyển Tộc* là *Đổng Lực Dục Giới (Kāmjavana)*. Như thế, Tâm Chuyển Tộc mới không làm thành Trùng Dụng Duyên đôi với Tâm Thiền Định được. Tuy nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có đủ năng lực để sẽ trở sanh quả báo Tái Tục được; cho dù sẽ không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực Trùng Dụng Duyên đi nữa, cũng thường luôn có năng lực kiên định ở trong tiềm năng làm thành *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)*; và như vậy sẽ thấy được rằng bậc Bất Lai thuộc nhóm *Minh Sát Thiền Khô* ấy, một khi đến lúc cận tử thì Thiền Định thường luôn sinh khởi, và Tâm Thiền Định sinh khởi đây, cũng chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tương tự với Lộ Trình Sơ Khởi Thiền Định vậy. Bởi do thế, Tâm Thiền Định này cũng không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi Trùng Dụng Duyên với bất luận trường hợp nào, và quả nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có năng lực trở sanh quả báo làm cho bậc Bất Lai ấy được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới.

### Nữ Giới Đã Được Chứng Đắc Thiền Định, Một Khi Tử Vong Thì Sẽ Đi Thọ Sinh Trong Nhóm Phạm Thiên Nào ?

Sự sinh hoạt ở trong thế giới Phạm Thiên, tính kể từ Sơ Thiền Phạm Thiên Giới trở đi cho đến Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì trong từng mỗi Phạm Thiên Giới ấy hiện hữu ba nhóm Phạm Thiên, tức là một nhóm Phạm Chúng Thiên, một nhóm Phạm Phụ Thiên, một nhóm Đại Phạm Thiên. Ở trong ba nhóm Phạm Thiên này, thì cả hai nhóm Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên đây, là bực tòng của Đại Phạm Thiên. Hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiền Định, cho dù sẽ là hạng Phạm Phu hoặc bậc Thánh đi nữa, một khi đã đi thọ sinh ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào rồi, thì sẽ không thể nào làm thành vị Đại Phạm Thiên được, mà chỉ có được là ở bậc Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên mà thôi. Cũng tương tự với hàng nữ giới một khi đã được đi thọ sinh thành Chư Thiên, thì sẽ không thể nào làm thành bậc Thiên Chủ Quản được, chẳng hạn như

thành Ngài Thiên Chủ *Indra* (Đế Thích) hoặc thành Ngài Thiên Chủ *Yàmàra* được. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mò (Sammohovinodani)* và bộ *Chú Giải Tương Ung Bộ Kinh (Samyutta Atthakathà)* nói rằng: **“Itthiyopi pana ariyà ca anariyà api aṭṭha samàpattilàbhiniyo brahmapàrisajjesuyeva nibbattanti”** [*Nội Dung Vô Tỷ Pháp Minh Nghĩa Phụ Chú Giải (Abhidhammattha vibhàvinīṭikà)* điều 186 có câu Pàli như vậy: **“Itthimiyopi pana ariyà và anariyà và aṭṭhasamàpattilàbhiniyo...**] Dịch nghĩa là: **“Tất cả những hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát Định đây, dù sẽ là Thánh Nhân hoặc Phạm Phu đi nữa, thì thường chỉ được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên thuộc hàng đồ chúng bậc tòng của vị Đại Phạm Thiên mà thôi.”**

**“Yaṃ itthi sakkattaṃ kareyya mārattaṃ kareyya brahmamattaṃ kareyya, nettaṃ thānaṃ vijjati, brahmamattanti mahābrahmattaṃ adhippettaṃ”-** **“Hàng nữ giới nào, dù cho có được nương vào bất luận một tác nhân nào đi nữa, cũng không thể nào đi thọ sinh làm thành Ngài Thiên Vương Sakka (Đế Thích) hoặc Ngài Thiên Vương Yàmàra, hoặc thành Ngài Đại Phạm Thiên được; với tác nhân ấy thì thường không thể có được.”** Chỗ nói rằng **“thành vị Phạm Thiên ấy”** lập ý đến Ngài Đại Phạm Thiên ấy vậy.

Từ ngữ nói rằng **“Brahmapàrisajjesu”** ở trong câu Pàli điều thứ nhất đây, thì bậc Phạm Phu Thiên cũng được sắp vào trong chỗ này, vì cũng tương tự như nhau, là bậc Phạm Phu Thiên đây cũng là đồ chúng bậc tòng của vị Đại Phạm Thiên. Với cả Đức Phật Ngài cũng đã từng lập ý gọi bậc Phạm Phu Thiên này là *Phạm Chúng Thiên (Brahmaparisà)*, là cũng có ý nghĩa đến bậc Phạm Phu Thiên này vậy.

Ở trong phần Pàli dẫn lộ thì Ngài đã trình bày một cách rõ ràng rằng: **“Itthi mahābrahmà siyà, nettaṃ thānaṃ vijjati”-** **“Nương vào bất luận một tác nhân nào, hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiên Định thì đi thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên, với tác ý ấy ắt hẳn là không có vậy.”** Trong câu Pàli này thì có sự rõ ràng là hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiên Định thì không được thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên chỉ ngần ấy thôi. Điều này trình bày cho được thấy rằng thường chỉ đi thọ sinh thành bậc Phạm Thiên ở trong hai nhóm còn lại.

Lại nữa, ở trong sự việc hàng nữ giới không được đi thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên đây; là cũng do bởi cả bốn tác nhân, ấy là Tứ Trường Pháp câu sinh với hàng nữ giới ấy thường không có năng lực dũng mãnh kiên cường tương tự với Tứ Trường Pháp mà sinh khởi với hàng nam nhân. Với lý do này, Thiên Định sinh khởi với hàng nữ giới ấy, cho dù sẽ là loại Thiên Định nào đi nữa, thì thường chỉ có được là bậc *Hạ Phẩm Thiên Định (Parittajhàna)* hoặc bậc *Trung Phẩm Thiên Định (Majjhimajhàna)* ngần ấy thôi, và không thể nào đạt đến bậc *Thượng Phẩm Thiên Định* được. Và lại một trường hợp khác nữa, là *Nữ Giới* đã được sắp thành loại giới tính thấp hơn là *Nam Giới*. Vì thế, dù ở Cõi Giới nào đi nữa, và không thể nào thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên được vậy.

**Trình Bày Việc Thọ Sinh Của Bậc Phúc Lộc Thiên Giả Hiện Hành  
Theo Mãnh Lực Của Tham Ái (Nikantitaṇhà) Và Nguyên Vọng (Cetopañidhi)**

Trong phần Pàli đã được trình bày ở đoạn trên có nói rằng: **“Paṭhamaj jhānaṃ parittaṃ bhāvetvā brahmapārisajjesu uppajjati”**- v.v. mà đã được dịch là: *“Một khi đã tiến hóa loại Sơ Thiên Hạ Phẩm, thì quả báo thường thọ sinh ở trong Cõi Phạm Chúng Thiên.”* v.v. đây; việc trình bày như vậy là việc trình bày lập ý đến sự hiện hành theo lẽ thường nhiên của các Thiên Định ấy. Tuy nhiên nếu bậc Phúc Lộc Thiên Giả đã có Tham Ái (Nikantitaṇhà) hoặc Nguyên Vọng (Cetopañidhi), thì việc đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới cũng không thể nào xác định được, nó còn tùy thuộc vào Tham Ái hoặc Nguyên Vọng của mình. Từ ngữ nói rằng **“Nikantitaṇhà”** lập ý đến *“Có sự dính mắc ở trong Cõi Giới mà mình đã có từng tục sinh đến, đã trải qua nhiều kiếp sống.”* Từ ngữ nói rằng **“Cetopañidhi”** lập ý đến *“Có lập tâm ước nguyện ở trong các Cõi Giới ấy, đã hiện hành với mãnh lực của Dục (Chanda),”* Chẳng hạn như bậc Phúc Lộc Thiên Giả, một khi đã là hạng Phạm Phu, và lúc cận tử lâm chung lại khởi sinh lên Tham Ái (Nikantitaṇhà) ở trong bất luận một Cõi Thiên Giới nào đó, thế rồi Thiên Định mà đã được chứng đắc bị tổn hại đi. Vì thế, khi đã tử vong, thì chỉ đi tục sinh ở trong các Cõi Thiên Giới ấy, và không có được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt bậc Thất Lai hoặc bậc Nhất Lai, và một khi đã được chứng đắc Thiên Định rồi, thì thường không có Tham Ái hoặc Nguyên Vọng dính mắc với các Cõi Thiên Dục Giới (Kāmasugatibhūmi) ấy. Là vì Thiên Định (Jhānasamādhī) của bậc Thánh Nhân này kiên cố vững chắc hơn Thiên Định của hạng Phạm Phu. Vì thế, Thiên Định mới không bị tổn hại, và các bậc này một khi đã tử vong, thì mới được đi thọ sinh ở bất luận một trong các Cõi Phạm Thiên Giới nào đó, tùy thuộc theo Thiên Định của mình, ngoại trừ ra Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Và lại, khi đã được thọ sinh thành bậc Phạm Thiên ấy, thì cho dù vẫn chưa được thành đạt bậc Bất Lai đi nữa, cũng vẫn không tái tục trở lại ở trong các Cõi Thiên Dục Giới đấy nữa. Với lý do này, cả hai nhóm Thánh Phạm Thiên (Brahmāriya) đây, cũng còn được gọi là bậc Bất Lai Thiên Giả (Jhānānāgāmi).

Hạng Phạm Phu, hoặc bậc Thất Lai, hoặc bậc Nhất Lai khi đã là Nhân Loại với Chư Thiên, và đã được chứng đắc Bất hoặc Cửu Thiên Định đấy, nếu có Nguyên Vọng (Cetopañidhi) ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế rồi khi đã tử vong thì cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới mà mình đã có ước nguyện.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt bậc Bất Lai, và đã được chứng đắc Bất hoặc Cửu Thiên Định; và lại nếu có Nguyên Vọng ở trong bất luận một Cõi

Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới, thế thì cũng tương tự như vậy, là khi đã tử vong rồi cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện. Tức là bậc Bất Lai ấy, nếu đã có ước nguyện đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiên Phạm Thiên Giới, hoặc Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế là cũng thường được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện vậy. Và như thế, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết rằng **“Ijjhati bhikkhave silavato cetopanidhi visuddhattà”**- *“Này tất cả Chư Tỳ Khuru, sự ước nguyện của bậc có Giới Đức thường là thành tựu, là vì làm thành sự lợi ích cho người có Tâm thanh tịnh.”*

Đối với các bậc Thánh Phạm Thiên, đó đã là bậc Thất Lai, và bậc Nhất Lai đây, thì chẳng bảo rằng chỉ sẽ đi tục sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, mà ngay cả ở trong các Cõi Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, cũng thường không có đi thọ sinh.

Bậc Bất Lai mà đã thọ sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì thường không có đi tục sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, và cũng không tái tục trở lại ở trong Cõi Giới mà mình đã từng có thọ sinh. Vì thế, khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường cũng tuần tự thọ sinh thăng tiến lên các tầng bậc trên. Và nếu đã được thành đạt Quả vị Vô Sinh ở trong tầng bậc nào, thì thường cũng viên tịch Níp Bàn ở ngay trong tầng bậc ấy. Đối với bậc Bất Lai đang thọ sinh ở trong Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, thì thường không có việc chuyển đi đến các Cõi Giới khác được nữa, và luôn cả cũng không có việc tái tục trở lại Cõi Giới ấy, mà quả quyết là phải viên tịch Níp Bàn chính ở ngay trong Cõi Giới ấy vậy.

Bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai và bậc Bất Lai mà đã thọ sinh ở trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới đây, một khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường không tục sinh chuyển đi Cõi Giới khác, mà phải tái tục trở lại ở trong Cõi Giới ấy cho đến khi sẽ được thành đạt Quả vị Vô Sinh. Và như thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ *Nội Dung Vô Tỷ Pháp Minh Nghĩa Phụ Chú Giải*, điều 187 nói rằng:

**1. Vehapphale akaniṭṭhe  
Na punāññattha jāyanti  
2. Na puna tattha jāyanti  
Brahmalokagatā heṭṭhā**

**Bhavagge ca patitṭhitā  
Sabbe ariyapuggalā.  
Sabbepi suddhavāsikā  
Ariyā noppajjareti.**

Dịch nội dung chính ấy là:

1/ Tất cả các bậc Thánh Nhân thọ sinh ở trong các *Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi)*, *Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akaniṭṭhā bhūmi)* và Cõi Giới cùng tột, tức là Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới, thì thường không còn đi thọ sinh ở trong Cõi Giới nào khác nữa.

2/ Hết cả thấy các bậc Tịnh Cư Phạm Thiên cũng thường không tái tục trở lại ở trong Cõi Giới mà mình đã từng thọ sinh. Bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong hết cả thấy các Cõi Phạm Thiên Giới, thì thường không có tục sinh ở trong Cõi Giới bậc thấp hơn.

### **Giải Thích Trong Kệ Tóm Tắt (Nigamanagàthà) Có “Ittham mahaggataṃ puññaṃ v.v.”**

Câu kệ này là câu kết thúc ở trong việc trình bày đến *Trú Xứ Khai Quả (Pàkaṭṭhàna)*, là Cõi Giới làm thành trú xứ cho trở sanh quả báo của cả Tứ Nghiệp Lực, gồm có Bất Thiện Nghiệp Lực, Dục Giới Thiện Nghiệp Lực, Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực, Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực. Và chỗ đã được nói rằng: **“Yathàbhùmivavatthitaṃ, janeti sadisaṃ pàkaṃ”**- mà đã được dịch là: *“thường trở sanh quả báo cũng tương ứng với Thiện Sự của mình, tùy theo Cõi Địa Giới đã quy định”* đây, có nghĩa là:

- Sơ Thiên Thiện thường cho Sơ Thiên Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Sơ Thiên Phạm Thiên Giới.
- Nhị Thiên Thiện thường cho Nhị Thiên Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Nhị Thiên Phạm Thiên Giới.
- Tam Thiên Thiện thường cho Tam Thiên Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Nhị Thiên Phạm Thiên Giới.
- Tứ Thiên Thiện thường cho Tứ Thiên Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Tam Thiên Phạm Thiên Giới.
- Ngũ Thiên Thiện thường cho Ngũ Thiên Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Tứ Thiên Phạm Thiên Giới.
- Không Vô Biên Xứ Thiện thường cho Không Vô Biên Xứ Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.
- Thức Vô Biên Xứ Thiện thường cho Thức Vô Biên Xứ Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới.
- Vô Sở Hữu Xứ Thiện thường cho Vô Sở Hữu Xứ Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới.
- Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiện thường cho Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Quả Dị Thục sinh khởi ở trong Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới.

như đã được trình bày đến rồi vậy. Với lý do này, câu kệ đây cũng thành câu kệ đề cập đến phần kết luận của việc giải thích ở trong *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pàkaṭṭhànacatukka)*.



## Giải Thích Đặc Biệt Trong Việc Trở Sinh Quả Báo Của Nhị Thiên Thiện Và Tam Thiên Thiện

Khi đã thăm sát đến Cõi Giới làm thành trú xứ cho trở sinh quả báo của Nhị Thiên Thiện với Tam Thiên Thiện, thì đó chỉ là một Cõi Giới mà thôi. Như thế, khi được nói theo nền tảng, thì bậc đã được chứng đắc Nhị Thiên loại Thượng Phẩm, và khi đã tử vong thì được đi thọ sinh ở trong Cõi *Biến Quang Phạm Thiên Giới (Ābhassarabhūmi – Quang Âm Phạm Thiên Giới)*. Bậc đã được chứng đắc Tam Thiên loại Hạ Phẩm, và khi đã tử vong thì chỉ được đi thọ sinh ở trong Cõi *Thiếu Quang Phạm Thiên Giới (Parittābhābhūmi)*. Như vậy quả thật đáng thắc mắc, là tại sao bậc đã được chứng đắc Tam Thiên là tầng Thiên Định cao hơn Nhị Thiên, mà lại đón nhận quả báo thấp hơn Nhị Thiên, vì sao lại có sự việc như vậy ? Điều này đã được giải thích là do bởi Năng Lực và Ân Đức Phẩm Vị của Nhị Thiên Thiện với Tam Thiên Thiện, cả hai điều này có sự tương đồng với nhau, và khác biệt với nhau; là việc sinh khởi với việc diệt mất Chi Thiên. Đề cập là Thiên Định sinh khởi lần thứ hai mà đã được gọi là tầng Nhị Thiên, và có việc diệt mất Chi *Tâm (Vitakka)*. Thiên Định sinh khởi lần thứ ba mà đã được gọi là tầng Tam Thiên, và có việc diệt mất Chi *Tứ (Vicāra)*. Sự khác biệt với nhau như đã vừa đề cập ở tại đây, do đã được hiện hành bởi có liên quan với hạng Người chỉ ngăn ấy thôi, chẳng phải khác biệt với nhau là do bởi Năng Lực hoặc Ân Đức Phẩm Vị. Có nghĩa là bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* ấy, nếu đã là bậc *Độn Căn (Mandapuggala)* thì việc sinh khởi của Thiên Định và việc diệt mất Chi Thiên cũng được chia ra làm hai thể loại Thiên Định, như đã được đề cập đến rồi vậy. Nếu bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* ấy đã là bậc *Lợi Căn (Tikkhapuggala)* thì việc sinh khởi của Thiên Định và việc diệt mất Chi Thiên ấy, cũng chẳng có việc chia ra làm thành hai thời, tức là Thiên Định sinh khởi thành lần thứ hai, và gọi là Nhị Thiên đây, có việc diệt mất một lượt cả hai Chi *Tâm, Tứ*. Thiên Định sinh khởi lần thứ ba, có chức năng diệt mất Chi *Hỷ (Pīti)*, và gọi là Tam Thiên. Thiên Định sinh khởi lần thứ tư, có chức năng diệt mất Chi *Lạc (Sukha)*, và gọi là Tứ Thiên. Coi như là chấm dứt và đã được gọi là *Hữu Sắc Giới Thiên Định Tứ Phần*. Với lý do này, Năng Lực và Ân Đức Phẩm Vị của Nhị Thiên và Tam Thiên mới không có sự khác biệt với nhau. Tuy nhiên, nếu bậc *Phúc Lộc Thiên Giả* đã cùng là bậc *Độn Căn* với nhau, với một người đã được chứng đắc Nhị Thiên loại Thượng Phẩm, và một người kia thì đã được chứng đắc Tam Thiên loại Thượng Phẩm, thế rồi cũng đã được cùng đi thọ sinh với nhau ở trong Cõi *Biến Quang Phạm Thiên Giới*. Như thế, tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết ý nghĩa nội dung chính như đã vừa đề cập ở tại đây.

***Kết thúc việc trình bày Nghiệp Lực Tứ Phần ở trong Chương thứ năm***

-----00000-----





kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý), Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương, Annapolis – Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập III – Chương Thứ Năm / Quyền II), và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thầy.

Ngưỡng mong **ÁN ĐỨC PHÁP BẢO** luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanà, Anumodanà, Anumodanà).

Với tấm lòng Từ Ái,  
Mettàparamatthapàramì  
Sàdhu, Sàdhu, Sàdhu

Hết lòng cần kính,  
Bhikkhu PASÀDO

-----00000-----

*Bố Thí, Pháp Thí vô song  
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.  
Bậc Trí biết cách cúng dường  
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives...  
Before giving, the mind of the giver is happy.  
While giving, the mind of the giver is peaceful.  
After giving, the mind of the giver is uplifted.  
A 6.37*

\*\*\*\*\*

*Gió Từ quét sạch rừng phiền não,  
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.*

-----00000-----

